

TRẦN THỌ

(BÙI TÙNG CHI chú giải)

TẬP II

**TAM
QUỐC
CHI**

THỰC THƯ

Biên dịch: **Bùi Thông**

Hiệu đính: **Phạm Thành Long**

vh NHÀ QUÁT BẢN VĂN HỌC

GIỚI THIỆU

Tam quốc chí là một sử liệu chính thức và có căn cứ về thời đại Tam Quốc của Trung Quốc từ năm 189 đến năm 280, do Trần Thọ biên soạn vào thế kỉ thứ 3. Tác phẩm này hình thành từ các mẫu chuyện nhỏ kể về các nước Ngụy, Thục và Ngô của thời đại này, đồng thời là nền tảng cho cuốn tiểu thuyết lịch sử rất phổ biến là Tam quốc diễn nghĩa được viết vào thế kỉ 14.

Trần Thọ từng làm quan cho nhà Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong đến Lạc Dương làm quan cho nhà Tây Tấn. Trần Thọ đã dựa vào các sử liệu cơ bản như Ngụy thư của Vương Thâm, Ngụy lược của Ngự Hoạn, Ngô thư của Vi Chiêu... để viết Tam quốc chí, thuật lại lịch sử Trung Quốc từ khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời Đông Hán đến khi Tây Tấn thống nhất Trung Quốc, tức từ năm Trung Bình thứ nhất đời Hán Linh Đế (184) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tấn Vũ Đế (280). Tam quốc chí được chia làm 4 phần gồm 66 quyển: Ngụy quốc chí 30 quyển, Thục quốc chí 15 quyển, Ngô quốc chí 20 quyển, ngoài ra còn có 1 quyển Tự lục (lời tựa) nhưng đến nay đã bị thất truyền. Lúc đầu ba tác phẩm Ngụy chí, Thục chí và Ngô chí tồn tại riêng rẽ, đến năm Hàm Bình thứ 6 thời Bắc Tống (1003) hợp nhất đổi tên thành Tam quốc chí.

Trần Thọ là quan nhà Tấn, do đó phải lấy triều đại đã nhường ngôi cho Tấn là Tào Ngụy làm chính thống.

Ngụy chí xếp các Hoàng đế nhà Ngụy vào bản kỷ, Tào Tháo tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nhưng cũng được xếp vào bản kỷ. Có 4 quyển bản kỷ là Vũ Đế kỷ (Tào Tháo), Văn Đế kỷ (Tào Phi), Minh Đế kỷ (Tào Duệ) và Tam Thiếu Đế kỷ (Tào Phương, Tào Mao và Tào Hoán). Các văn thư nói về việc các vua Ngụy xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đều không chép (ngoại trừ chiếu nhường ngôi của Hán Hiến Đế - Hán

Hiển Đế thiện nhượng sách văn, các văn thư khác chỉ do Bùi Tùng Chi chú thích).

Thực chí xếp Lưu Bị vào liệt truyện tức Tiên chủ truyện (mặc dù Lưu Bị xưng đế), không gọi trực tiếp tên húy, khi chết dùng chữ băng ngang địa vị với chữ tồ. Các văn thư nói về việc Lưu Bị xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đều chép đầy đủ (có thể do tình lưu luyến với cố quốc). Hoàng đế thứ hai nhà Thục Hán là Lưu Thiện được xếp vào Hậu chủ truyện.

Ngô chí trong nguyên bản gọi thẳng tên húy các vua Đông Ngô như Tôn Quyền truyện, Tôn Lượng Tôn Hưu Tôn Hạo truyện; cách gọi hiện nay Ngô chủ truyện, Tam tự chủ truyện là do người đời sau sửa lại. Trong phần Ngô chủ truyện có chép Nam giao tức Hoàng đế vị nói về việc Tôn Quyền tuyên bố xưng đế, còn văn thư dâng đàn tế cáo trời đất thì không chép, chỉ có trong phần chú thích của Bùi Tùng Chi.

Đồng thời để tôn trọng sự thống trị của nhà Tấn, Tam quốc chí không viết liệt truyện về các nhân vật Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (do được Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm truy đặt thụy hiệu). Ngoài ra, tác giả cũng lược bỏ nguyên nhân Tào Tháo xử tử nhân vật Khổng Dung.

Vào thời Đông Hán, sử học tiếp nhận ảnh hưởng từ trào lưu đơn giản hóa của kinh học nên xuất hiện trào lưu giản lược hóa các tài liệu lịch sử. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện Tam quốc chí của Trần Thọ với nội dung giản lược về thời đại Tam quốc. Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện, Tống Văn Đế thời Nam-Bắc triều thấy nội dung của Tam quốc chí quá sơ lược nên đã ra lệnh cho Bùi Tùng Chi chú thích. Bùi Tùng Chi đã tập hợp các sử liệu để bổ sung các phần mà Tam quốc chí không chép hoặc chép thiếu bằng 6 phương pháp:

1. Dẫn lời bàn luận của nhiều tác gia khác nhau để phân định phải trái.
2. Tham khảo ý kiến của nhiều tác gia khác nhau để xét chân giả, thực hư.
3. Sự việc trong các truyện đều kể rõ mọi đầu đuôi, uẩn khúc.
4. Bổ sung các sự việc còn thiếu cho các truyện.
5. Kể rõ cuộc đời của các nhân vật trong các truyện.

6. Phụ thêm các nhân vật còn thiếu cho các truyện.

Theo thống kê của một số học giả, thì số tư liệu mà Bùi Tùng Chi dùng để chú giải Tam quốc chí là khoảng 240 loại, gấp 3 lần so với nguyên bản Tam quốc chí. Mã Niệm Tổ trong tác phẩm Thủy kinh chú đăng bát chủng cổ tịch dẫn dụng thư mục vị biên cho rằng số tư liệu mà Bùi Tùng Chi sử dụng là 203 loại. Hiện nay, theo thống kê bản hiệu đính Tam quốc chí tại Trung Hoa thư cục đã phát hiện phần chính văn của Trần Thọ có 366657 chữ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi có 320799 chữ. Tống Văn Đế đương thời gọi công việc chú thích của Bùi Tùng Chi là “bất hủ”. Các sử gia đời sau như Tư Mã Quang (thời Bắc Tống) khi biên soạn Tư trị thông giám đã tổng hợp các truyện ký trong Tam quốc chí của Trần Thọ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi để miêu tả trận chiến Xích Bích.

Bản Tam quốc chí do Bùi Tùng Chi chú thích là bản thông dụng nhất hiện nay, còn gọi là **Trần chí, Bùi chú** .

Không thể phủ nhận được rằng, những sự kiện lịch sử thời Tam Quốc cùng với các nhân vật của nó trở nên sống động, lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu đậm ở khu vực châu Á một phần là nhờ ở bộ tiểu thuyết Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Tuy nhiên cũng phải công nhận là thời đại Tam Quốc với những biến cố long trời lở đất giống như một cái bản lề, xoay chuyển xã hội Trung Quốc từ thịnh trị của đời Hán sang hỗn loạn của những Bát vương chi loạn, Ngũ Hồ loạn Hoa, Thập Lục quốc. Rất nhiều nguyên nhân của cả thịnh trị lẫn loạn lạc này để lại dấu vết trong thời đại Tam Quốc và được ghi lại trong Tam Quốc chí chú. Như vậy có thể nói Tam Quốc chí chú là một sử liệu hiếm hoi có cả sức cuốn hút lẫn giá trị khảo cứu cao.

QUYỂN 1 - LƯU NHỊ MỤC TRUYỆN

Lưu Yên, Lưu Chương

LƯU CHƯƠNG TRUYỆN

Chương, tự Quý Ngọc, được nối ngôi vị của Yên, mà Trương Lỗ có chút kiêu căng phóng túng, không chịu thuận theo Chương, Chương giết mẹ cùng với em trai Lỗ, vì thế mới thành thù địch. Chương lại sai bọn Bàn Hi đánh Lỗ, mấy lần bị Lỗ đánh tan. Bộ khúc của Lỗ đa phần ở tại Ba Tây, cho nên Chương lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, cầm binh ngăn Lỗ.

Anh hùng ký chép: Bàn Hi cùng với Chương là chỗ quen biết cũ, lại cứu thoát các con của Chương lúc hiểm nguy, cho nên Chương chịu hậu ân của Hi, lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, Hi được thế chuyên quyền.

Sau này Hi và Chương đang giao hảo lại có hiềm khích, Triệu Vĩ dẫn binh trong cõi, lòng người chia lìa, đều bởi Chương thiếu sáng suốt lại nghe lời người ngoài mà ra vậy.

Anh hùng ký chép: Hồi trước, có mấy vạn nhà ở Nam Dương-Tam Phụ chạy vào Ích châu, Chương thu lấy làm binh sĩ, gọi là binh Đông Châu. Chương cá tính hoà hoãn nhu nhược, không có uy lược, người Đông Châu dần làm hại dân bản địa, Chương chẳng thể nào cấm đoán nổi, chính lệnh có nhiều khiếm khuyết, người ở Ích châu đều oán. Triệu Vĩ có phẩm hạnh rất được lòng người, Chương uỷ thác cho gánh vác việc vỗ yên dân. Vĩ nhân việc dân chúng oán thán mới mưu phản, lại đem nhiều của cải đút lót cho Kinh Châu xin hoà, âm thầm cấu kết với các họ lớn ở trong châu, để cùng khởi binh, quay lại đánh Chương. Người ở Thục Quận, Quảng Hán, Kiện Vi đều hưởng ứng Vĩ. Chương vội chạy về Thành Đô giữ thành trì, người Đông Châu lo sợ, hết thầy đồng lòng hợp sức giúp đỡ Chương, đều hết sức tử chiến, đánh tan quân làm phản, lại tiến đánh Vĩ ở Giang Châu. Tướng của Vĩ là Bàn Nhạc, Lý Dị làm phản giết quân của Vĩ, chém chết Vĩ.

Hán Hiến Đế xuân thu chép: Hán triều nghe tin ở Ích châu có loạn, phái Ngũ quan Trung lang tướng Ngưu Đản đến làm Ích châu Thứ sử; cho vời Chương về làm công khanh, Chương không tới.

Chương nghe tin Tào Công đánh Kinh Châu, có ý muốn yên việc ở Hán Trung, mới sai người ở Hà Nội là Âm Phổ đưa lễ vật đến chỗ Tào Công. Tào Công ban thêm cho Chương chức Chấn uy tướng quân, anh Chương là Mạo làm Bình khấu tướng quân. Mạo có bệnh cuồng vật cố.

Thần Tùng Chi xét: Ngụy Đài hỏi nghĩa “vật cố”, Cao Đường Long đáp rằng: “Nghe người trước dạy: vật, là không có bệnh gì; cố là có bệnh vậy, nói không có bệnh gì lại là có bệnh vậy.”

Chương lại phái quan Biệt giá Tòng sự Thục quận là Trương Túc đưa đám binh sĩ già cả hơn ba trăm người mang các thứ cống vật đến chỗ Tào Công, Tào Công phong Túc làm Thái thú Quảng Hán. Chương lại sai Biệt giá Trương Tùng đến chỗ Tào Công, bấy giờ Tào Công đã định Kinh Châu, Tiên chủ chạy trốn, Tào Công chẳng để mắt đến Tùng, Tùng vì thế oán hận. Lúc quân của Tào Công gặp bất lợi ở Xích Bích, lại gặp ôn dịch chết rất nhiều. Tùng quay về, trách móc huỷ báng Tào Công, khuyên Chương nên cự tuyệt,

Hán Thư xuân thu chép: Trương Tùng yết kiến Tào Công, Tào Công tự khoe khoang tài chinh phạt, chẳng để mắt đến Tùng. Tùng trở về, bèn khuyên Chương nên cự tuyệt.

Tập Tạc Xi⁽¹⁾ nói: Xưa Tề Hoàn một lần khoe khoang công lao mà chín nước làm phản, Tào Tháo bỗng chốc kêu căng ngạo mạn mà thiên hạ chia ba, đều là mấy chục năm chuyên cần mà chót quên trong chốc lát vênh vang với kẻ dưới, há chẳng đáng tiếc ru! Thế nên bậc quân tử phải lao khổ khiêm cung đến xế trưa, toan lo vì kẻ dưới, công cao lại càng phải giữ lấy sự nhún nhường, ở thế được tôn kính phải giữ nghĩa với kẻ thấp hèn. Cái tình gần với vật, cho nên dầu quý hiển mà người ta coi trọng chẳng hề chán ghét; đức thiện hoà với quần sinh, nên công nghiệp lớn lao mà thiên hạ càng hơn hởi vui mừng. Người như thế, có thể được ở ngôi phú quý, giữ được công nghiệp, lúc đương thời được hiển hách vẻ vang, phúc truyền đến trăm đời, sao lại kêu căng vậy thay! Thế nên bậc quân tử biết Tào Tháo chẳng thể kiêm gồm thiên hạ được vậy.

Tùng nhân đó thuyết Chương rằng: “Lưu Dự Châu, sứ quân là người có tấm lòng, có thể kết giao.” Chương liền ưng theo, phái Pháp Chính đến giao kết với Tiên chủ, lại lệnh cho Chính cùng với Đạt đem mấy ngàn binh đến đón rước Tiên chủ, Chính quay lại Kinh châu. Sau Tùng lại thuyết Chương rằng: “Nay chư tướng trong Châu là bọn Bàn Hi-Lý Dị đều cậy công lên mặt kiêu căng, muốn có ý khác, không hợp tác với Dự Châu, nếu địch đánh ở ngoài, dân phá ở trong, ấy là cái đạo thất bại vậy”. Chương lại nghe theo, sai Pháp Chính đi mời Tiên chủ. Chủ bộ của Chương là Hoàng Quyền bày tỏ lẽ lợi hại, Tông sự ở Quảng Hán là Vương Luỹ tự treo ngược mình ở cổng thành môn để can ngăn, Chương nhất định không nghe, mệnh cho mọi người cung đón Tiên chủ, Tiên chủ vào tới biên cảnh thấy như ở nhà mình.

Tiên chủ đến phía bắc Giang Châu, từ Điểm Giang theo đường thủy tới Phù Thành, còn cách Thành đô hơn ba trăm sáu mươi dặm, bấy giờ là năm Kiến An thứ mười sáu. Chương dẫn quân bộ kỵ hơn ba vạn người, gióng xe buông trống, tinh kỳ sáng choang như ban ngày, kéo tới hội họp; Tiên chủ dẫn hết tướng sĩ ở đó đến gặp gỡ, cùng nhau yến ẩm mừng vui hơn trăm ngày. Chương chu cấp của cải cho Tiên chủ, phái đi đánh dẹp Trương Lỗ, rồi mới chia tay.

Ngô thư chép: Chương lấy hai mươi vạn斛 gạo, một nghìn quân kỵ, xe cộ một nghìn chiếc, gấm lụa các loại, cùng tư trang đem đến cho Lưu Bị.

Năm sau, Tiên chủ đến Hà Manh, rồi quay binh về hướng Nam, các nơi đều quy phục. Năm thứ mười chín, tiến vây Thành Đô mấy chục ngày, trong thành còn ba vạn tinh binh, lương thực vải vóc chi dùng đủ một năm, quan dân đều muốn tử chiến. Chương nói: “Cha con ta ở Ích châu hơn hai mươi năm, không có ân đức gì với bách tính. Ba năm nay bách tính chinh chiến triền miên, xương thịt phơi đầy đồng, ấy là vì Chương vậy, sao ta có thể an lòng đây!” Bèn mở cửa thành ra hàng, quần thần chẳng ai không sa nước mắt. Tiên chủ dời Chương đến Công An ở Nam Quận, được đem theo tất cả tài vật cùng ấn thụ Chấn uy tướng quân. Tôn Quyền giết Quan Vũ, chiếm Kinh Châu, lấy Chương làm Ích châu mục, cho đóng ở Tỉ Quy.

Chương chết, đầu lĩnh vùng Nam Trung là Ung Khải làm phản chiếm giữ quận Ích châu, nương cậy vào nước Ngô. Quyền lại lấy con của Chương là Xiển làm Ích châu Thứ sử, là thủ lĩnh vùng biên cảnh xứ Giao-Ích. Thừa tướng Gia Cát Lượng bình phương Nam, Xiển lại quay về Ngô, làm Ngự sử Trung thừa.

Ngô thư chép: Xiển có một tên là Vĩ, là người rất khiêm cung, khinh tài trọng nghĩa, có lòng nhân được người đời ca ngợi, sau bị bệnh chết tại nhà.

Khi trước, vợ của Tuần, con trưởng của Chương, là con gái của Bàn Hi. Tiên chủ bình định Thục, Hi làm Tư mã Tả tướng quân, bấy giờ Chương nghe theo Hi để Tuần ở lại Ích châu, Tiên chủ lấy Tuần làm Phụng xa Trung lang tướng. Thế là sau này hai con của Chương, người ở Ngô, kẻ ở Thục.

Bình rằng: Xưa kia Ngụy Báo nghe lời của Hứa Phụ mà cưới Bạc Cơ về làm vợ,

Hán Ngụy Xuân Thu của Khổng Diễn chép: Hứa Phụ, là người ở huyện Ôn quận Hà Nội, Hán Cao Tổ phong là Minh thư Đình hầu.

Thần Tùng Chi cho rằng ngày nay người ở phương đông gọi mẹ là Phụ, vì thế Diễn nói rằng Hứa Phụ là người phụ nữ, nói như thế có vẻ phù hợp, nhưng vào thời Hán Cao Tổ đều phong tước là Liệt hầu⁽²⁾, chưa có những tước Hương, Đình⁽³⁾, nên ngờ rằng việc phong hiệu này chẳng đúng.

Lưu Hâm nhìn thấy hoa văn của sấm đồ mà thay tên đổi tuổi, cuối cùng thân chẳng thoát họa, mà phúc phận thì tập trung vào hai vị quân vương⁽⁴⁾. Thế mới hay thần minh chẳng thể giả dối cầu xin, thiên mệnh chẳng thể mong cầu bậy bạ được, sự ứng nghiệm là tất nhiên vậy⁽⁵⁾. Mà Lưu Yên nghe lời Đổng Phù quyết chiếm lấy đất Ích châu, nghe theo lời tướng số mà cầu hôn với Ngô thị, vội vàng chế tạo xe cộ và y phục, mưu đồ trộm cắp thần khí⁽⁶⁾, thật là mê muội quá lắm vậy. Cái tài của Chương chẳng phải cái tài của người hùng, mà chiếm giữ đất đai thời loạn, khác gì đeo của báu mời quân cường khấu, ấy là lẽ tự nhiên, bị người khác đoạt lấy, chẳng có gì là bất hạnh vậy.

Trương Phan⁽⁷⁾ chép: Lưu Chương ngu dốt nhu nhược mà biết giữ lấy lời hay, thì chỉ như lữ Tống Tương Công, Từ Yển Vương mà thôi, chưa phải là người chủ vô đạo vậy. Trương Tùng-Pháp Chính, tuy có nghĩa quân thân mà bất chính, nhưng xét về danh phận của quan chức, thì tiến chẳng bày rõ hình thế sự việc, như Hàn Tung-Lưu Quang (Lưu Tiên) khuyên Lưu Biểu, lui chẳng dứt khoát bỏ đi⁽⁸⁾, như Trần Bình-Hàn Tín⁽⁹⁾ rời bỏ Hạng Vũ, mà hai mối lừng lơ, ấy là toan tính bất trung, tội chỉ dưới Chương mà thôi.

LƯU YÊN TRUYỆN

Lưu Yên tự Quân Lang, người huyện Cánh Lăng⁽¹⁰⁾ quận Giang Hạ, là hậu duệ Lỗ Cung vương nhà Hán, năm Nguyên Hoà trung đời Chương Đế dời đến đất phong ở Cánh Lăng, nên mới có một chi thứ ở đấy. Yên khi còn trẻ ra làm quan ở châu quận, bởi là người trong tông thất nên được bái làm Trung lang, sau được giao việc tang lễ cúng tế mới bỏ chức quan.

Thần Tùg Chi xét: Lo việc cúng tế, là quan Tư đồ Chúc Diềm vậy.

Yên ẩn cư ở núi Dương Thành, tích lũy học vấn dạy dỗ môn đồ, được cử là Hiền lương phương chính⁽¹¹⁾, rồi được vời vào phủ Tư đồ, trải qua các chức Lạc Dương lệnh, Ký châu Thứ sử, Nam dương Thái thú, Tông chánh, Thái thường⁽¹²⁾. Yên thấy chính trị thời Linh Đế suy kém thiếu sót, vương thất có lăm việc, bèn đưa lời kiến nghị: “Bọn Thứ sử, Thái thú hồi lộ để làm quan, bóc lột làm hại trăm họ, khiến phản loạn triền miên. Nên tuyển chọn những trọng thần có thanh danh cho làm chức Mục, để trấn an Hoa Hạ.”

Yên ở trong triều cầu lấy chức Mục ở Giao Chỉ, muốn lánh thời loạn lạc. Việc bàn định còn chưa xong, quan Thị trung ở Quảng Hán là Đồng Phù bảo riêng với Yên rằng: “Kinh sư sắp loạn, Ích châu sẽ tách riêng ra, nơi ấy có khí thiên tử vậy.” Yên nghe Phù nói, mới đổi ý muốn tới Ích châu. Gặp lúc Ích châu Thứ sử là Khước Kiệm làm rối loạn việc thuế khoá, dân tình đồn đại bóng gió xa xôi,

Kiệm, là tổ phụ của Khước Chính vậy.

ở Tinh châu Thứ sử Trương Nhất bị giết, ở Lương châu Thứ sử Cảnh Bỉ bị giết, mưu kế của Yên được thi hành. Yên ra ngoài làm Giám quân sứ giả, lĩnh Ích châu Thứ sử, được phong là Thành Dương hầu, Yên liền bắt Kiệm trị tội; Phù lại xin được tới Thục quận ở phía tây làm Chúc quốc Đô úy, cùng với Thái thường lệnh Ba Tây là Triệu Vỹ đã từ quan, cùng đi theo Yên.

Sách Tục Hán thư chép: Lúc ấy lấy Lưu Ngu ở U châu, Lưu Yên ở Ích châu, Lưu Biểu ở Kinh châu, Giả Tông ở Ký châu. Bọn Ngu đều nổi danh

là kẻ sỹ khắp hải nội, hoặc lại tuyển các bậc công khanh, Thượng thư làm chức Mục, đều có phẩm trật lớn lao. Theo phép cũ: Truyền cho được đi xe vào hầu, được dùng màn trướng sắc đỏ.

Thần Tông Chi xét: Sau khi Linh Đế chết, nghĩa quân nổi dậy, Tôn Kiên giết Thứ sử Kinh châu là Vương Duệ, rồi sau này Lưu Biểu mới làm Kinh châu mục, chẳng phải là cùng thời với Yên vậy.

Hán Linh Đế kỷ chép: Đế gọi Yên vào hầu, bảo rõ phương lược, lại ban thưởng thêm cho, rồi sắc mệnh cho Yên làm Ích châu Thứ sử. Vì các Thứ sử lúc trước là Lưu Tuyền, Khước Kiệm đều tham tàn phóng túng, vợ vét bừa phứa, trăm họ mất nhờ, tiếng ta thán đầy đồng nội, Yên đến nơi được bắt giữ theo luật mà xử, rồi vỗ yên muôn dân ở đấy, lại nghiêm cấm tiết lộ các việc, khiến những ung nhọt ấy vỡ lở ra, lan rộng khắp cả nước. Yên cứ theo mệnh hành sự, khiến việc đi lại và tin tức bất thông, lại ngăn giữ địa giới với Kinh châu ở phía Đông.

Sách Ích bộ kỳ cựu truyện của Trần Thọ chép: Đông Phù tự Mậu An. Khi còn trẻ theo học ở kinh sư, thông hiểu mấy loại kinh sách, chơi với Âu Dương Thượng Thư, lại thờ kẻ sỹ ở đất Sính là Dương Hậu, nghiên ngẫm lễ huyền diệu của sách ký. Khi tới kinh sư, đến thăm nhà Thái học, lúc trở về nhà dạy học, đệ tử từ nơi xa cũng theo đến. Năm Vĩnh Khang nguyên niên, vào ngày có nhật thực, có chiếu chỉ cho các kẻ sỹ làm Hiền lương Phương chính, sách mệnh hỏi chuyện được mất. Bọn Triệu Khiêm ở Tả Phùng Dực tiến cử Phù, Phù cáo ốm không tới, ở mãi Trường An dâng thư về, rồi xưng có bệnh nặng được về nhà. Tế phủ⁽¹³⁾ trước sau cho đòi đến mười lần, công xa⁽¹⁴⁾ ba lần đến đón, lần nữa tiến cử làm Hiền lương Phương chính, Bác sỹ, Hữu đạo đều không chịu tới, danh tiếng lại càng nổi. Đại tướng quân Hà Tiến dâng biểu tiến cử Phù rằng: “Phù có cái đức của Du-Hạ, tiếp nối phong cách của họ Khổng, tinh thông cái thuật trị quốc của Tiêu-Đổng⁽¹⁵⁾. Đương lúc Tinh-Lương nhiễu loạn, người Nhung ở phía Tây nổi lên làm phản, nên sắc mệnh cho công xa đặc cách đến triệu, ban cho lễ đón tiếp khác thường, để cầu lấy mưu kế lạ”. Vì thế Linh Đế cho triệu Phù, lập tức bái làm Thị trung. Phù ở triều đình được khen là bậc Nho tông, khi

gặp gỡ rất lấy làm kính trọng. Phù xin ra làm Chức quốc Đô úy ở Thục quận. Phù đi được một năm thì Linh Đế băng hà, thiên hạ đại loạn. Về sau Phù từ quan, năm tám mươi hai tuổi chết tại gia. Ban đầu ngôn từ nghị luận của Phù rất khác thường, có một không hai ở Ích quận. Bởi thế có biệt hiệu là ‘Chí chí’, những lời ấy người đời chẳng ai bác bỏ được, học vấn ấy chẳng ai theo kịp được. Sau này Thừa tướng Gia Cát Lượng hỏi Tần Mật về sở trường của Phù, Mật nói: “Đồng Phù có cái hay là khen cả những điều nhỏ bé, có cái dở là chê những thứ mỏng mỏng.”

Bấy giờ bọn nghịch tặc trong Châu là Mã Tương-Triệu Chi ở huyện Miên Trúc tự xưng là giặc Khăn vàng, tụ họp những dân khốn khổ vì lao dịch, trong một hai ngày dụ được mấy ngàn người, trước tiên giết chết huyện lệnh Miên Trúc là Lý Thăng, đám lại dân đều hòa theo, tụ họp đến hơn một vạn người, tiện đà tiến đánh Lạc huyện, tấn công quận Ích châu giết chết Kiệm, lại đến tận Thục Quận-Kiện Vi, trong khoảng một tuần⁽¹⁶⁾ phá tan ba quận. Tương tự xưng là Thiên tử, quân có đến mấy vạn. Viên Tòng sự ở trong châu là Giả Long (Tổ) đốc xuất mấy trăm binh lính ngăn chặn ở phía đông Kiện Vi, thu gom đám đám lại dân, được hơn ngàn người, đánh lại bọn Tương, có mấy ngày giặc bỏ chạy, trong châu được yên bình. Long bèn chọn đám lại tốt đến nghênh đón Yên. Yên dời sở quan đến Miên Trúc, phủ dụ thu nạp những kẻ phản loạn còn ly tán, thi hành việc khoan dung, ngầm ngầm có âm mưu khác.

Người mẹ của Trương Lỗ mới học được cái đạo của quỷ, lại có chút dung nhan, vẫn thường qua lại nhà Yên, nên Yên cho Lỗ làm Đốc nghĩa Tư mã, đóng ở Hán Trung, cắt đứt sạn đạo, giết hại sứ giả của nhà Hán. Yên dâng thư về triều nói rằng Mễ tặc⁽¹⁷⁾ cắt đứt sạn đạo, việc đi lại không thông, lại mượn cớ này khác để giết đám cường hào ở trong châu là bọn Vương Hàm-Lý Quyền hơn chục mạng người, nhằm lập uy tạo phép. Vì thế nên Thái thú Kiện Vi là Nhiệm Kỳ cùng với Giả Long quay lại đánh Chương, Yên tập kích giết chết Kỳ và Long.

Ích châu kỳ cựu tạp ký chép: Lý Quyền tự Bá Dự, làm trưởng huyện Lâm Cung⁽¹⁸⁾. Con là Phúc. Chuyện này thấy chép ở biểu văn Phụ thần tán

của người Kiện Vi là Dương Hi⁽¹⁹⁾.

Anh hùng ký chép: Lưu Yên khởi binh, không cùng với thiên hạ đánh dẹp Đông Trác, mà giữ lấy Ích châu tự thủ. Thái thú Kiện Vi là Nhiệm Kỳ tự xưng là tướng quân, cùng với viên Tòng sự là Trần Siêu cất binh đánh Yên, Yên đánh phá được. Đông Trác phái quan Tư đồ là Triệu Khiêm dẫn binh tới Ích châu, thuyết Hiệu úy Giả Long, sai dẫn binh quay lại đánh Yên, Yên tới Thanh Khương cùng giao chiến, ra sức đánh phá giết được. Kỳ-Long đều là người Thục quận.

Yên có ý thu vén dần dần, cho chế tạo rất nhiều xe kiệu khí cụ của thiên tử⁽²⁰⁾. Kinh châu mục Lưu Biểu dâng biểu về triều ngờ rằng Yên có vẻ định tự lập ở Tây Hà đúng như lời bàn của thánh nhân. Bấy giờ con của Yên là Phạm làm Tả Trung lang tướng, Đản làm Trì thư Ngự sử, Chương làm Phụng xa Đô úy, đều đi theo Hiến Đế ở Trường An, chỉ có người con của nàng hầu tên là Mạo làm Biệt bộ Tư mã đi theo Yên. Hiến Đế sai Chương về thuyết phục Yên, Yên giữ Chương lại không cho đi nữa.

Anh hùng ký chép: Cha của Phạm là Yên làm Ích châu mục, Đông Trác cho đòi, không chịu tới. Trác liền bắt ba anh em Phạm, lấy gông cùm xích lại giải về My Ổ, giam hết vào trong ngục tối.

Diễn lược chép: Lúc ấy Chương làm Phụng xa Đô úy, ở tại kinh sư. Yên thác rằng có bệnh triệu Chương về, Chương tự dâng biểu xin về thăm hỏi Yên, Yên bèn giữ Chương lại không cho về kinh nữa.

Khi ấy Chinh Tây tướng quân Mã Đằng làm phản đóng binh ở Mi huyện, Yên phái Phạm cùng với Đằng kết mưu, dẫn binh tập kích Trường An. Mưu của Phạm bị tiết lộ, Phạm vội chạy về Hoè Lý, Đằng bại trận, phải lui về Lương Châu, Phạm bị giết tức thì, Trác lại bắt Đản đem hành hình.

Anh hùng ký chép: Phạm từ Trường An trốn đến doanh trại của Mã Đằng, lại tới chỗ Yên xin binh. Yên phái Hiệu úy Tôn Triệu dẫn binh đến trợ giúp, bị đánh bại ở Trường An.

Viên Nghị Lang ở Hà Nam là Bàn Hi cùng với Yên kết thông gia, bèn xin với Yên cho các cháu vào Thục. Đúng lúc Yên bị lửa trời thiêu rụi cả thành trì, xe cộ khí cụ hư hỏng hết cả, cháy lan đến cả nhà dân. Yên bèn dời

đến đóng ở Thành Đô, bởi quá đau đớn vì các con, lại cảm khái vì bị vạ lửa, năm Hưng Bình nguyên niên, phát ung nhọt ở lưng mà chết. Trường quan trong châu là Triệu Vĩ thấy Lưu Chương là người nhân đức ôn hoà, bèn tôn Chương lên làm Ích châu Thứ sử, lại gửi chiếu thư xin cho Chương làm Giám quân sứ giả, lĩnh chức Ích châu mục, lấy Vĩ là Chinh đông Trung lang tướng, lĩnh binh đánh Lưu Biểu.

Anh hùng ký chép: Yên chết, con là Chương lên thay làm Thứ sử. Gặp lúc Trường An⁽²¹⁾ phong cho người ở Dĩnh Xuyên là Hồ Mạo làm Thứ sử⁽²²⁾, vào ở Hán Trung. Quan Biệt giá ở Kinh châu là Lưu Hạp, cùng phản tướng của Chương là bọn Thẩm Di, Lâu Phát, Cam Ninh, tập kích Chương nhưng không thắng được, liền bỏ chạy vào Kinh châu. Chương phái Triệu Vĩ tấn công Kinh châu, đóng quân ở Cù⁽²³⁾. Cũng vì kẻ ở trên ngu xuẩn, người dưới mới phản phúc vậy

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tác giả cuốn sách Tương Dương kỳ cựu ký, còn gọi là Tương dương ký.
- (2) Tước Liệt hầu hầu này là tước hầu không gắn với tên đất như các tước Đình hầu, Hương hầu, Huyện hầu.
- (3) Tức những tước Hương hầu, Đình hầu. Đây là những tước có gắn với địa danh.
- (4) Tức hai vị chúa của Ngụy Báo và Lưu Hâm vậy.
- (5) Kết cục cuộc đời của Ngụy Báo và Lưu Hâm phải xảy ra như thế.
- (6) Ý nói Lưu Yên nhòm ngó ngôi vị đế vương.
- (7) Tác giả cuốn sách Hán kỷ.
- (8) Ý chê rằng Trương Tùng Pháp Chính lúc ở bên Chương thì chẳng bày rõ thế sự, sau lại chẳng đường hoàng bỏ Chương mà đi như Trần Bình, Hàn Tín bỏ Hạng Vũ theo về Lưu Bang, lại trá ngụy làm tay trong cho Lưu Bị mà phản phúc với Chương.
- (9) Những tướng tài của Hán Cao Tổ, trước đều là bộ hạ cũ của Hạng Vũ.
- (10) Nay thuộc Thiên Môn, Hà Bắc.
- (11) Người hiền tài đứng dẫn.
- (12) Tông chính là chức quan cai quản gia quy của hoàng tộc, Thái thường là chức quan quản việc tế tự, thiên văn và giáo dục.
- (13) Người đứng đầu phủ.
- (14) Người đánh xe của quan phủ.
- (15) Tức Tử Du, Tử Hạ, Tiêu Diên Thọ, Đổng Trọng Thư, đều là những nhân vật Nho đạo nổi tiếng đời Tần Hán.
- (16) Một tuần của Trung Quốc xưa tính bằng 10 ngày.
- (17) Tức giặc gao, còn gọi là Ngũ đầu mã. Nguyên đây là một tổ chức tôn giáo do Trương Lăng sáng lập vào thời Hán mạt. Ai muốn vào tổ chức này

đều phải nộp năm đấu gạo làm lệ phí.

(18) Lâm Cung là địa danh một xứ thuộc Tây Nam tỉnh Tứ Xuyên bây giờ, thuộc đất Thục ngày ấy.

(19) Phụ thần tán là biểu văn ca tụng công đức của các danh thần Thục Hán do Dương Hí người ở Kiện Vĩ soạn ra vào năm Diên Hi thứ tư nhà Thục.

(20) Ý đồ cát cứ xưng vương.

(21) Hán Hiến Đế lúc ấy ở Trường An với Đông Trác.

(22) Tức là Thứ sử Ích châu.

(23) Bản gốc khuyết mất một chữ, nên không rõ địa danh này tên gọi là gì?

QUYỂN 2 – LƯU TIÊN CHỦ

LƯU TIÊN CHỦ TRUYỆN

Tiên Chủ họ Lưu, huý Bị, tự là Huyền Đức, người ở Trác huyện thuộc Trác quận, vốn là dòng dõi Trung sơn Tĩnh vương Thảng là con của Hán Cảnh Đế. Con Thảng là Trinh, năm Nguyên Thú⁽¹⁾ thứ sáu được phong làm Lục thành Đình hầu ở Trác huyện. Một lần dâng rượu tế, bởi vàng sắc xấu nên bị mất tước hầu⁽²⁾.

Điền lược chép: Lưu Bị vốn là dòng dõi Lâm Ấp hầu.

Tổ phụ⁽³⁾ của Tiên Chủ là Hùng, cha là Hoảng nối đời làm quan ở châu quận. Hùng được cử làm Hiếu liêm, làm quan đến chức Lệnh ở huyện Phạm thuộc Đông Quận.

Tiên Chủ mồ côi từ nhỏ, cùng với mẹ đan giầy dệt chiếu đem bán làm kế sinh nhai.

Ở góc đông nam vườn nhà Tiên Chủ có cây dâu cao hơn năm trượng, xa trông thấy tán sum xuê như cái xe nhỏ, ai đi ngang đều cho là cái cây ấy quái lạ phi phàm, ngờ rằng nhà này sẽ sinh ra bậc quý nhân.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Lí Định, người Trác Quận, nói: “Nhà ấy tất sẽ sinh bậc quý nhân.”

Thời Tiên Chủ còn nhỏ, cùng chơi đùa với lũ trẻ dưới gốc cây, nói: “Ta ắt hẳn có ngày phải ngồi lên chiếc xe có lọng thế này”. Người chú nghiêm mặt bảo rằng: “Mày chớ có nói xằng, kéo cả họ nhà ta bị diệt đó”. Năm mười lăm tuổi, được mẹ gửi đi học, cùng với người đồng tông là Lưu Đức Nhiên, và Công Tôn Toàn người Liêu Tây đều thờ cố Thái thú Cừ Giang người cùng quận là Lưu Thục. Cha của Đức Nhiên là Nguyên Khởi thường chu cấp cho Tiên Chủ, cũng như bọn Đức Nhiên. Vợ của Nguyên Khởi hỏi: “Mỗi nhà mỗi cảnh, sao ta có thể mãi chu cấp cho nó!” Khởi đáp: “Đứa trẻ ấy có cùng họ với ta, thật là người phi thường vậy”.

Mà Toàn với Tiên Chủ là bạn rất thân thiết. Toàn nhiều tuổi hơn, nên Tiên Chủ coi như anh trai. Tiên Chủ rất không thích đọc sách, chỉ khoái chó ngựa, hát xướng, quần áo đẹp. Tiên Chủ người cao bảy thước năm tấc, tay

dài quá gối, mắt nhìn được thấy tai. Lại ít nói, mừng giận không lộ ra mặt. Thích giao kết với kẻ hào kiệt, được nhiều người trẻ tuổi vây quanh.

Bọn đại thương nhân người Trung sơn là Trương Thế Bình-Tô Song gom được ngàn nén vàng, đi buôn ngựa ở khắp vùng Trác quận, thấy Tiên Chủ khác thường, bèn giúp cho Tiên Chủ rất nhiều kim ngân tài vật. Nhờ thế Tiên Chủ tập hợp một số quân lính.

Cuối đời Linh đế, quân Khăn vàng nổi dậy, các châu quận đều cất nghĩa binh. Tiên Chủ dẫn bộ thuộc hạ theo quan Hiệu úy Trâu Tĩnh đánh dẹp giặc Khăn vàng có công, được thăng làm Úy⁽⁴⁾ ở huyện An Hi.

Diễn lược chép: Người ở Bình nguyên là Lưu Tử Bình biết Lưu Bị là người mạnh bạo lại có uy, bấy giờ Trương Thuần làm loạn, Thanh Châu bị giáng chiếu chỉ phái quan Tòng sự đưa binh đánh dẹp Thuần, khi đi qua Bình Nguyên, Tử Bình tiến cử Bị với quan Tòng sự, Tòng sự bèn cho đi theo, gặp quân giặc ở nơi cánh đồng, Bị trúng thương suýt chết, sau giặc bỏ đi, nhờ có người dùng xe chở đi, mới được thoát. Sau vì có công đánh giặc, được làm Úy ở huyện An Hi nước Trung sơn.

Viên quan Đốc bưu nhân việc công đến huyện, Tiên Chủ xin vào yết kiến, không được, liền xông thẳng vào trói cổ viên Đốc Bưu lại, đánh cho hai trăm trượng, lại cởi dây thao đở⁽⁵⁾ buộc vào trước cổ ngựa rồi bỏ quan trốn đi.

Diễn lược chép: Sau này triều đình có chiếu thư xuống các châu quận, rằng những người có quân công được làm trưởng lại, đều bị sa thải. Bị ngờ rằng mình ở trong đám ấy. Viên Đốc Bưu đến huyện, đương nhiên sẽ phái người gọi Bị tới, Bị cũng biết việc ấy. Lại nghe tin viên Đốc Bưu nghỉ ở quán dịch, Bị liền đến xin ra mắt viên Đốc Bưu, Đốc Bưu xưng có bệnh không cho Bị tiếp kiến, Bị nổi giận, liền quay về sở quan, dẫn bọn lại tốt đi thẳng đến quán dịch, xông vào tận cửa, nói: “Ta được quan phủ mật sai đến bắt Đốc Bưu.” Rồi tới bên giường trói viên Đốc Bưu lại, lôi ra khỏi quán dịch, cởi dây thao đở ra để trói cổ viên Đốc Bưu, cột vào gốc cây, đánh cho hơn trăm trượng, dọa giết. Đốc Bưu phải van xin, Bị bèn phóng thích đuổi đi.

Không lâu sau đó, Đại tướng quân Hà Tiến phái Đô úy Quán Khâu Nghị đến Đan Dương mộ binh, Tiên Chủ cũng đi cùng, đến Hạ Bi⁽⁶⁾ gặp giặc, Bị gắng sức chiến đấu có công, được phong làm Hạ Mật thừa⁽⁷⁾. Rồi lại bỏ chức quan. Sau được làm chức Úy ở huyện Cao Đường.

Anh hùng ký chép: Năm cuối đời Linh đế, Bị từng ở kinh đô, sau cùng với Tào Công quay về nước Bái, chiêu mộ tập hợp quân chúng. Khi Linh Đế băng hà, thiên hạ đại loạn, Bị cũng khởi binh theo đánh Đông Trác.

Tiên Chủ bị giặc phá ở đó, vội chạy đến chỗ Trung lang tướng Công Tôn Toản. Toản dâng biểu xin cho làm Biệt bộ Tư mã, sai Tiên Chủ giúp Thứ sử Thanh Châu là Điền Khải chống cự Ký Châu mục Viên Thiệu. Tiên Chủ mấy lần lập chiến công, được tạm giữ chức Bình Nguyên lệnh, sau lĩnh chức Bình Nguyên tướng. Người ở trong quận là Lưu Bình bị Tiên Chủ khinh rẻ, lấy làm hổ thẹn với người dưới, mới thuê thích khách giết Tiên Chủ. Thích khách không nỡ ra tay, lại nói cho Tiên Chủ biết rồi bỏ đi. Tiên Chủ được lòng người đến như thế.

Ngụy thư chép: Lưu Bình cấu kết với thích khách để giết Bị, Bị chẳng hay biết lại đãi thích khách rất hậu, thích khách vì thế kể rõ mọi sự với Bị rồi bỏ đi. Thời ấy dân chúng gặp năm mất mùa đói kém, tụ tập nhau đi cướp bóc. Bị bên ngoài phòng ngừa giặc cướp, bên trong rộng rãi giúp đỡ tiền của, từ binh sĩ tới thủ hạ, đều cho ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm, chẳng phân biệt gì cả. Bởi thế người theo về rất đông.

Viên Thiệu vây đánh Công Tôn Toản, Tiên Chủ cùng với Điền Khải đóng quân ở phía đông đất Tề. Tào Công đánh Từ Châu, Từ Châu mục Đào Khiêm sai sứ đến cáo cấp với Điền Khải, Khải và Tiên Chủ đều tới cứu Khiêm. Bấy giờ Tiên Chủ có hơn ngàn quân cùng đám quân kỵ tập nạp người Ô Hoàn ở U Châu, lại thu nhặt được mấy ngàn dân đói kém đi kiếm ăn. Khi đến nơi, Khiêm lấy bốn ngàn quân ở Đan Dương cấp thêm cho Tiên Chủ. Tiên Chủ liền bỏ Khải theo về với Khiêm. Khiêm dâng biểu lên tiến cử Tiên Chủ làm Thứ sử Dự Châu, đóng ở Tiểu Bái.

Khiêm ốm nặng, bảo với quan Biệt giá là My Trúc rằng: “Phi Lưu Bị chẳng thể giữ yên được Châu này vậy.” Khiêm chết, Trúc dẫn người trong

Châu đi nghênh đón Tiên Chủ, Tiên Chủ không dám nhận. người ở Hạ Bi là Trần Đăng bảo Tiên Chủ rằng: “Nay lãng tẩm Hán thất đồ nát, trong ngoài nghiêng ngửa, gậy dựng công lao làm nên sự nghiệp, là ở hôm nay. Từ Châu giàu có, hộ khẩu trăm vạn, mong rằng sứ quân khuất thân tới cai quản việc trong châu”. Tiên Chủ đáp: “Viên Công Lộ⁽⁸⁾ gần đây ở Thọ Xuân, nhà ông ấy bốn đời có năm người giữ tước công⁽⁹⁾, trong ngoài đều quy phục, ông ấy có thể giúp được châu này.” Đăng nói: “Công Lộ là vị chúa kiêu căng, chẳng thể làm chủ để dẹp loạn được. Nay sứ quân gộp cả chục vạn quân mã bộ, trên có thể giúp chúa cứu dân, làm nên cơ nghiệp của Ngũ bá⁽¹⁰⁾, dưới có thể cắt đất giữ biên cảnh, công lao ghi vào tre lụa. Nếu như sứ quân chẳng nghe theo, Đăng này cũng không dám nghe lời sứ quân vậy”. Bắc Hải tướng là Khổng Dung bảo Tiên Chủ rằng: “Công Lộ há lo cho nước mà quên nhà ru? Năm xương khô trong mả, sao đáng để ý. Việc hôm nay, trăm họ đều thuận theo, nếu chẳng chịu nhận, lúc hối cũng chẳng kịp nữa.” Tiên Chủ bèn nắm việc ở Từ Châu.

Hiển Đế xuân thu chép: Bọn Trần Đăng sai sứ giả đến báo với Viên Thiệu rằng: “Trời giáng tai ương, hoạ đến bi châu, tướng cầm quyền trong châu mới chết, chúng tôi sợ rằng kẻ gian thần một mai thừa cơ nhòm ngó, để cho mình chủ phải lo lắng từng ngày, vội cùng nhau tôn cố Bình Nguyên tướng Lưu Bị phủ quân lên làm tông chủ, khiến cho bách tính biết chỗ mà quy thuận. Giờ đang là lúc giặc cướp tung hoành, chẳng kịp bẩm báo rõ ràng, nay kính cần sai người dưới tới bẩm báo với ngài Chấp sự⁽¹¹⁾”. Thiệu đáp rằng: “Lưu Huyền Đức là bậc tín nghĩa cao cả, nay Từ Châu tôn người ấy lên làm chủ, thật xứng với lòng mong mỏi của mọi người”.

Viên Thuật lại đến vây đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ dàn quân chống cự ở Hu Di-Hoài Âm. Tào Công dâng biểu cử Tiên Chủ làm Trấn đông Tướng quân, phong làm Nghi thành Đình hầu, năm ấy là năm Kiến An thứ nhất. Tiên Chủ cùng với Thuật cầm giữ nhau hơn một tháng trời, Lã Bố thừa hư tập kích Hạ Bi. Tướng giữ Hạ Bi là Tào Báo làm phản, mở cửa thành nghênh đón Lã Bố. Bố bắt được vợ con của Tiên Chủ, Tiên Chủ kéo quân tới Hải Tây.

Anh hùng ký chép: Bị lưu Trương Phi ở lại giữ Hạ Bi, còn mình cầm binh giao chiến với Viên Thuật ở Thạch Đình xứ Hoài Âm, chưa phân thắng phụ. Tướng cũ của Đào Khiêm ở Hạ Bi là Tào Báo, Trương Phi muốn giết đi. Báo giữ chặt quân doanh tự thủ, rồi sai người tới vờ Lã Bố. Bố tiến lấy Hạ Bi, Trương Phi thua trận bỏ chạy. Bị nghe tin ấy, dẫn binh trở về, đi gần đến Hạ Bi, thì quân nhà đã tan tác. Bị bèn thu nhặt những binh sĩ tản mát kéo về đông lấy Quảng Lăng, cùng với Viên Thuật giao chiến, lại bị thua.

Dương Phụng-Hàn Tiêm cướp bóc ở khoảng giữa Từ-Dương⁽¹²⁾, Tiên Chủ đón đánh, chém được cả. Tiên Chủ xin hòa với Lã Bố, Bố trả lại vợ con cho Tiên Chủ. Tiên Chủ bèn sai Quan Vũ giữ Hạ Bi.

Tiên Chủ trở về Tiểu Bái, lại tập hợp được hơn vạn binh lính. Lã Bố lo sợ, thân dẫn quân đến đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ thua trận chạy tới hàng Tào Công.

Anh hùng ký chép: Quân của Bị ở Quảng Lăng, đói khổ khốn quẫn, quan lại lớn nhỏ hết sạch lương ăn, bị cái đói bức bách đến cùng cực, muốn kéo về Tiểu Bái, bèn sai người đến xin hàng Lã Bố. Bố lệnh cho Bị quay về Từ Châu, hợp sức đánh Thuật. Lại gọi Thứ sử Xa Mã Đồng đến, sai đem vợ con Bị cùng bộ khúc và gia thuộc tới trả ở bờ sông Tứ, rồi bảo rõ cho Bị biết.

Ngụy thư chép: Chư tướng bảo với Bố rằng: “Bị đã mấy lần phản phúc khó dung, nên sớm liệu đi”. Bố không nghe, lại nói riêng cho Bị biết. Bị trong lòng bất an bèn tìm cơ thoát thân, sai người đến thuyết Bố, xin đóng quân ở Tiểu Bái, Bố liền phái Bị tới đó.

Tào Công đả ngộ Tiên Chủ rất tử tế, cho làm Dự Châu mục. Rồi phái tới Tiểu Bái thu nhặt sĩ tốt tản mát, cấp lương cho quân lính, lại giúp thêm binh lính sai đánh Bố ở phía Đông. Lã Bố phái Cao Thuận đến đánh Tiên Chủ, Tào Công sai Hạ Hầu Đôn đến cứu, không cứu nổi, bị Thuận đánh tan ở đó, lại bắt được vợ con Lưu Bị đưa đến chỗ Bố. Tào Công thân xuất quân đông chinh, giúp Tiên Chủ vây Bố ở Hạ Bi, bắt sống được Bố.

Anh hùng ký chép: Năm Kiến An thứ ba, mùa xuân, Bồ sai người mang vàng bạc đến Hà Nội mua ngựa, nhưng bị lính của Bị cướp đi. Vì thế Bồ mới sai bọn Trung lang tướng Cao Thuận-Bắc địa Thái thú Trương Liêu vây đánh Bị. Tháng chín, phá được Bái thành, Bị đơn thân trốn chạy, bỏ cả vợ con. Tháng mười, Tào Công thân đến đánh Lã Bố, Bị tướng ngộ Tào Công ở địa giới nước Lương, rồi theo Công cùng đông chinh.

Tiên Chủ lấy lại được vợ con, rồi theo Tào công về đất Hứa. Công dâng biểu tiến cử Tiên Chủ làm Tả tướng quân, lễ nghĩa càng trọng hơn, ra ngoài thì cùng xe, ngồi thì cùng chiếu. Viên Thuật muốn vượt Kinh Châu về bắc tới chỗ Viên Thiệu, Tào Công phái Tiên Chủ đốc xuất Chu Linh-Lộ Chiêu đón đánh Thuật. Chưa đến nơi, Thuật đã bị bệnh chết.

Lúc Tiên Chủ chưa đi, cậu của Hiến Đế là Xa kỵ tướng quân Đông Thừa, *Thần Tụng Chi xét: Đông Thừa, là cháu Đông Thái hậu mẹ của Hán Linh Đế, Hiến Đế gọi là Trương Nhân⁽¹³⁾. Từ xưa không có danh tự Trương Nhân, nên gọi là cậu vậy.*

nhận cái đai áo của Đế bên trong có mặt chiếu, chịu gánh vác việc tru diệt Tào Công. Tiên Chủ còn chưa khởi hành. Lúc ấy Tào Công thung dung bảo Tiên Chủ rằng: “Ngày nay anh hùng trong thiên hạ, chỉ có sứ quân và Tháo này vậy. Lữ Bản Sơ⁽¹⁴⁾ chẳng đáng kể đến.” Tiên Chủ đang ăn, đánh rơi cả thìa đĩa.

Hoa Dương quốc chí chép rằng: Ngay lúc bấy giờ có tiếng sấm nổ vang, Bị nhân đó bảo Tháo rằng: “Thánh nhân đã nói ‘sét gầm gió thét hẳn phải biến sắc’, tin rằng là vậy. Một tiếng sấm ra uy, mà có thể đến thế!”

Tiên Chủ cùng với bọn Trường thủy Hiệu úy Chung Tập-Tướng quân Ngô Tử Lan-Vương Tử Phục cùng bàn mưu. Mới hội họp, còn chưa thi hành. Việc bị phát giác, bọn Thừa đều bị tru diệt.

Hiến Đế khởi cư trú chép: Mưu kế của bọn Thừa cùng với Bị còn chưa thi hành, thì Bị được ra ngoài. Thừa bảo Phục rằng: “Quách Đa có mấy trăm quân binh, chịu thua Lý Thôi⁽¹⁵⁾ có mấy vạn người, chỉ có túc hạ với ta thôi chẳng như thế! Xưa dưới cửa nhà Lã Bất Vi, Tử Sở⁽¹⁶⁾ được đối xử rất hậu, nay ta và túc hạ cũng vậy.” Phục nói: “Tôi sợ hãi chẳng dám nhận,

vả lại binh của ta ít quá.” Thừa nói: “Cử sự xong, thu được hết binh của Tào Công, xem thế chẳng đủ ru?” Phục nói: “Nay ở kinh sư há có ai tin chúng ta?” Thừa nói: “Trường thuỷ Hiệu úy Chung Tập, Nghị lang Ngô Thạc có lòng cùng mưu việc với ta.” Bèn cùng sắp đặt kế sách.

Tiên Chủ giữ Hạ Bì, Bọn Linh trở về, Tiên Chủ bèn giết Thứ sử Từ Châu Xa Trụ, để Quan Vũ trấn thủ Hạ Bì, còn mình thân về Tiểu Bái.

Ngô lục của Hồ Xung chép: Tào Công mấy lần phái người thân cận ngầm dò xét chư tướng và tân khách đến ăn uống, muốn nhân việc đó hại Bì. Bấy giờ Bì đóng cửa, cùng người nhà trồng rau cải, Tào Công sai người chọc lỗ cửa dòm ngó. Đã quyết bỏ đi, Bì báo với Trương Phi-Quan Vũ rằng: “Sao ta phải giả vờ trồng rau vậy? Hẳn là vì Tào Công đã có ý ngờ ta, ta chẳng thể ở lại được.” Trong đêm ấy xé hàng rào ở phía sau, cùng với bọn Phi lên ngựa bỏ đi, những y phục được ban cho, đều gói ghém để lại cả, rồi đến Tiểu Bái thu nhặt tập hợp binh lính.

Thần Tùng Chi xét: Ngụy Vũ Đế sai Tiên Chủ thống lĩnh chư tướng đón đánh Viên Thuật, Bọn Quách Gia đều can gián, việc ấy là hiển nhiên, chẳng phải nhân việc trồng rau mà trốn tránh bỏ đi. Lời Xung nói ra như thế, sao lại trái lẽ đến quái quỷ như vậy được!

Xương Bá ở Đông Hải làm phản, nhiều quận huyện vì Tiên Chủ phản lại Tào Công, đông tới mấy vạn người, Bì sai Tôn Càn hứa với Viên Thiệu cùng liên hoà, Tào Công sai Lưu Đại-Vương Trung đánh Bì, không thắng nổi. Năm thứ năm, Tào Công đông chinh đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ thua trận. Tào Công thu thập được hết binh lính, lại bắt được vợ con Tiên Chủ, bắt giữ được cả Quan Vũ đem về.

Ngụy thư chép: Bấy giờ, Công đương có việc gấp ở Quan Độ, bèn chia binh để chư tướng đóng ở Quan Độ, tự mình dẫn tinh binh đi đánh Bì. Bì lúc trước cho rằng Công cùng với đại địch đối trận, chẳng sang đông được, mà sau quân kỵ tới, nói Tào Công thân đến. Bì kinh hoảng, nhưng còn chưa tin. Bèn thân dẫn mấy chục quân kỵ ra xem quân lính của Công, nhìn thấy cờ chỉ huy, vội bỏ cả quân sĩ mà chạy.

Tiên Chủ chạy đến Thanh Châu. Thứ sử Thanh Châu là Viên Đàm, trước đây được Tiên Chủ tiến cử làm Mậu tài, dẫn quân bộ kỵ đến nghênh đón Tiên Chủ. Tiên Chủ theo Đàm đến Bình Nguyên, Đàm vội sai sứ đến bạch với Thiệu. Thiệu phái tướng sĩ các lộ quân đến đón, lại thân ra khỏi Nghiệp Thành hai mươi dặm, cùng với Tiên Chủ tương kiến.

Ngụy thư chép: Bị về với Thiệu, cha con Thiệu dốc lòng cung kính trọng vọng.

Lưu lại đó hơn một tháng, số ít sĩ tốt thất lạc quanh đó lại kéo tới. Tào Công cùng với Viên Thiệu kình chống nhau ở Quan Độ, bọn Lưu Tích là giặc Khăn vàng ở Nhữ Nam phản Tào Công hưởng ứng Thiệu. Thiệu sai Tiên Chủ dẫn binh cùng với bọn Tích cướp bóc ở đất Hứa. Quan Vũ trốn đi tìm Tiên Chủ. Tào Công sai Tào Nhân dẫn binh đánh Tiên Chủ, Tiên chủ lại về bên quân Thiệu, lại ngầm có ý rời bỏ Thiệu, bèn thuyết Thiệu liên kết với Kinh Châu mục Lưu Biểu ở phía Nam. Thiệu sai Tiên Chủ dẫn số binh lúc trước đến Nhữ Nam, hội họp cùng với bọn giặc là Cung Đô, binh chúng đông đến mấy ngàn người. Tào Công sai Thái Dương đánh Bị, Thái Dương bị Tiên Chủ giết chết ở đó.

Tào Công phá xong Viên Thiệu, từ phía Nam tấn công Tiên Chủ. Tiên Chủ sai Mi Trúc-Tôn Càn tới báo tin với Lưu Biểu, Biểu thân ra ngoài thành đón tiếp, lấy lễ thượng tôn đối đãi Tiên Chủ, giúp thêm binh lính, sai đóng quân ở Tân Dã. Hào kiệt ở Kinh Châu theo về với Tiên Chủ ngày một đông, Biểu có lòng nghi kỵ, ngầm kiềm chế Tiên Chủ.

Sách Cửu Châu xuân thu chép: Bị ở Kinh Châu mấy năm, có lần ngồi dự tiệc ở chỗ Biểu, lúc đứng lên đi ra nhà xí, thấy thịt bấp vế mập ra, thì bùi ngùi chảy nước mắt. Khi về chỗ ngồi, Biểu lấy làm lạ hỏi Bị, Bị đáp: “Tôi thân thường chẳng rời yên ngựa, thịt ở bấp vế đều tiêu đi. Nay chẳng ngồi trên ngựa nữa, bấp vế lại mập ra. Ngày tháng trôi qua, già lão đến nơi rồi, mà chẳng làm nên công trạng gì, bởi thế nên thương cảm vậy.”

Thế Ngữ chép: Bị đóng ở Phàn Thành, Lưu Biểu muốn hành lễ, sợ những người ở bên mình, chẳng ai tin dùng được. Bèn mời Bị đến hội yến, Khoái Việt-Sái Mạo muốn nhân lúc hội họp bắt giữ Bị, Bị phát giác được

việc ấy, giả vờ ra nhà xí, rồi ngấm trốn đi. Con ngựa của Bị có tên là Địch Lư, Bị cưỡi ngựa Địch Lư đi trốn, bị rơi xuống khe Đàn Khê ở phía tây thành Tương Dương, ngựa chìm xuống không thoát lên bờ được. Bị nóng nảy mà rằng: “Địch Lư: Hôm nay nguy khốn lắm rồi, hãy cố sức lên!” Địch Lư bèn hết sức nhảy vọt lên cao ba trượng, vượt được qua khe, bơi sang bờ bên kia, quân đuổi theo đến bờ khe, lấy ý của Biểu tạ Bị, rằng: “Sao vội bỏ đi vậy!”

Tôn Thịnh chép: Chẳng thế như lời ấy được. Bấy giờ Bị là khách ở nhờ, cái thế khách chủ khác nhau, nếu có biến như thế, há được vô sự cho đến trọn đời Biểu mà chẳng có lúc mắc tội hay sao? Thế đều là lời nói xằng của người đời, chẳng phải là sự thật vậy.

Biểu sai Bị chống cự bọn Hạ Hầu Đôn-Vu Cấm ở Bác Vọng. Được ít lâu, Tiên Chủ đặt phục binh, một sớm tự đốt bỏ quân doanh vờ trốn chạy, bọn Đôn đuổi theo, bị phục binh của Bị đánh tan ở đấy.

Năm thứ mười hai, Tào Công bắc chinh Ô Hoàn, Tiên Chủ khuyên Biểu tập kích Hứa Xương, Biểu không dùng kế ấy.

Hán Tấn xuân thu chép: Tào Công từ Liễu Thành trở về, Biểu bảo Bị rằng: “Tô chẳng theo lời ngài, nên bỏ lỡ mất cơ hội lớn ấy.” Bị đáp: “Nay thiên hạ chia lìa, việc binh đao diễn ra hàng ngày, cơ hội sẽ lại tới, há đã hết được hay sao? Nếu sau này biết ứng phó, tất việc ấy chưa đủ để tiếc hận vậy.”

Tào Công nam chinh Biểu, gặp lúc Biểu chết, con là Tông lên thay, sai sứ đến xin hàng.

Anh hùng ký chép: Biểu ốm, Bị lên lĩnh chức Thứ sử Kinh Châu.

Ngụy thư chép: Biểu ốm nặng, phó thác việc nước cho Bị, nhìn Bị nói rằng: “Con ta bất tài, mà chư tướng mỗi người một ý, sau khi ta chết, Khanh hãy thay ta nắm lấy Kinh Châu.” Bị thưa: “Các cháu đều là bậc hiền tài, chủ công cứ yên lòng dưỡng bệnh.” Có người khuyên Bị nên theo lời Biểu, Bị nói: “Người ấy hậu đãi ta, nay theo lời ấy, người ta hẳn cho tôi là kẻ bạc bẽo, tôi chẳng nhẫn tâm được vậy.”

Thần Tùng Chi cho rằng vợ chồng Biểu vốn yêu Tông, bỏ con đích lập con thứ, ý định đã có từ lâu, không duyên cớ gì lúc lâm chung lại trao Kinh Châu cho Bị, lời như thế cũng là chẳng đúng.

Tiên Chủ đóng ở Phàn Thành, không hay biết binh Tào Công tới, lúc nghe tin quân đã đến Uyển Thành, bèn dẫn binh sĩ ở đấy bỏ đi. Qua Tương Dương, Gia Cát Lượng khuyên Tiên Chủ đánh Tông, Kinh Châu có thể lấy được. Tiên Chủ nói: “Ta chẳng nhẫn tâm làm vậy.”

Sách Hán Ngụy xuân thu của Khổng Diễn chép: Lưu Tông xin hàng, không dám báo tin cho Bị. Bị cũng không biết, mãi sau mới phát giác ra, sai người đến căn vặn Tông. Tông sai Tống Trung đến chỗ Bị tuyên chi. Bấy giờ Tào Công ở Uyển Thành, Bị giật mình kinh hoảng, bảo Trung rằng: “Mấy người bọn khanh làm việc như thế, chẳng sớm nói ra, nay hoạ đến nơi mới báo ta, chẳng quá lắm ư!” Rồi rút đao trở vào Trung bảo: “Nay ta chém đầu khanh, chẳng đủ để tan mối hận, cũng lấy làm hổ thẹn là bậc đại trượng phu mà đến lúc sắp chia ly lại giết bọn khanh!” Bèn sai đuổi Trung đi, rồi gọi bộ khúc đến họp bàn. Có người khuyên Bị đoạt lấy binh tướng của Tông cùng quan lại ở Kinh Châu rồi theo lối tắt đi về Nam đến Giang Lăng, Bị đáp rằng: “Lưu Kinh Châu lúc sắp mất phó thác con cô cho ta, nếu bội tín tự lên làm chúa, ta quyết chẳng làm, lúc chết đi sao dám đối mặt với Lưu Kinh Châu đây!”

Rồi gióng ngựa đến gọi Tông, Tông sợ không dám ra. Tả hữu của Tông cùng với rất nhiều người ở Kinh Châu theo đi với Tiên Chủ.

Diễn lược chép: Bị đi qua vào tạ nơi mộ của Biểu, rồi rửa nước mắt mà đi.

Đi gần đến Tương Dương, dân chúng kéo theo hơn chục vạn người, xe chở đồ nặng mấy ngàn chiếc, mỗi ngày đi được hơn chục dặm đường, Tiên Chủ liền biệt phái Quan Vũ lĩnh mấy trăm thuyền bè, hẹn gặp nhau ở Giang Lăng. Có người bảo Tiên Chủ rằng: “Nên gấp rút tới giữ Giang Lăng, nay dẫu ta có nhiều người ủng hộ, nhưng binh sĩ mặc giáp ít ỏi, nếu binh của Tào Công đến, sao cự nổi đây?” Tiên Chủ đáp: “Kẻ chúa tể làm nên đại sự hẳn phải lấy dân làm gốc, nay mọi người đi theo, sao ta nỡ bỏ đi được!”

Tập Tạc Xi chép: Tiên Chủ tuy diên đảo gian nan mà tín nghĩa càng sáng tỏ, tình thế bức bách hành sự hung hiểm mà lời nói chẳng lỗi đạo. Nhớ ân nghĩa của Cảnh Thăng, cái tình cảm động ba quân; mến yêu nghĩa khí của kẻ sĩ, mà cam lòng cùng chịu thất bại. Xét cái nguyên nhân thu được lòng người, há chỉ vì đồng cam cộng khổ với quân dân, võ về người già yếu mà thôi đâu! Sau này làm nên đại nghiệp, chẳng phải là lý đương nhiên sao!

Tào Công thấy Giang Lăng là nơi lăm quân lương, sợ Tiên Chủ chiếm được, bèn cho bỏ các xe chở đồ nặng, đem quân nhẹ đến Tương Dương. Nghe tin Tiên Chủ đã đi qua, Tào Công dẫn năm nghìn quân khinh kỵ gấp rút đuổi theo, một ngày một đêm đi được hơn ba trăm dặm, đuổi kịp ở Đương Dương Trường Bản. Tiên Chủ bỏ cả vợ con, cùng với bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi-Triệu Vân và mấy chục quân kỵ bỏ trốn, Tào Công bắt được vô số quân lính và các xe chở đồ. Tiên Chủ vội chạy rẽ sang Hán Tân, vừa hay gặp được chiến thuyền của Quan Vũ, qua được sông Miện, hội với con trưởng của Biểu là Kỳ làm Thái thú Giang Hạ năm hơn vạn quân lính, rồi cùng nhau đến Hạ Khẩu. Tiên chủ phái Gia Cát Lượng thân đến giao kết với Tôn Quyền.

Giang Biểu truyện chép: Tôn Quyền phái Lỗ Túc đến viếng tang Lưu Biểu, lại yêu cầu kết giao với Bị. Túc chưa đến nơi mà Tào Công đã qua bến Hán Tân. Túc cố tiến về phía trước, gặp được với Bị ở Đương Dương. Nhân đó truyền đạt ý chỉ của Quyền, rồi bàn luận chuyện thiên hạ, tình ý hết sức ân cần. Lại hỏi Bị rằng: “Nay Dự Châu muốn tới nơi nào?” Bị đáp: “Ta cùng với Thái thú Thương Ngô là Ngô Thần (Ngô Cự) là chỗ quen biết cũ, muốn qua đó nương nhờ.” Túc nói: “Tôn Thảo Lỗ⁽¹⁷⁾ là người thông minh nhân ái, yêu kính hiền tài giữ lễ với kẻ sĩ, những bậc anh hào ở Giang Biểu⁽¹⁸⁾ đều quy phục cả, đã năm giữ sáu quận, binh mạnh lương nhiều, đủ để lập đại sự. Nay như mưu tính của tướng quân, chẳng bằng sai kẻ tâm phúc đi sứ giao kết với phương đông, kết tình hoà hảo, cùng giúp đời dựng nghiệp, còn nói rằng muốn đến nương nhờ Ngô Thần (Ngô Cự), thì Thần chỉ là kẻ tầm thường, lại ở tí tặn quận xa xôi, làm tướng cho người ta ở đất

ấy, há đủ để ký thác hay sao?” Bị mừng lắm, lúc tiến đến huyện Ngạc, lập tức phái Gia Cát Lượng đi theo Túc đến chỗ Tôn Quyền, thề ước kết làm đồng minh.

Quyền phái bọn Chu Du-Trình Phổ cầm ba vạn quân thủy, cùng với Tiên Chủ hợp sức.

Giang Biểu truyện chép: Bị theo kế của Lỗ Túc, tiến đến giữ Phàn Khâu ở huyện Ngạc. Gia Cát Lượng đến đất Ngô chưa về, Bị nghe tin quân của Tào Công tiến xuống, rất sợ hãi, hàng ngày phái quân tuần tiễu trên sông dò ngóng tin tức quân của Quyền. Quân lính trông thấy thuyền của Du, vội đến bám với Bị, Bị nói: “Sao biết rằng đây chẳng phải là quân Thanh Từ⁽¹⁹⁾?” Quân lính thưa rằng: “Nhìn thuyền mà biết được vậy.” Bị sai người đến úy lạo Du. Du nói: “Tướng quân đã tin tôi, chẳng thể uỷ thác cho người khác đến được, hoặc giả có thể chịu bỏ cái uy mà tới, tôi thành thực mong được gặp gỡ.” Bị bảo Quan Vũ-Trương Phi rằng: “Bên kia muốn ta thân tới đó, nay ta liên kết với Đông Ngô mà chẳng chịu qua đó, không phải với tình đồng minh vậy.” Bèn cưỡi một chiếc thuyền lớn đến diện kiến Du, hỏi rằng: “Nay ngài chống cự Tào Công, có kế sách gì hay chẳng. Quân sĩ chiến đấu có được bao nhiêu?” Du nói: “Ba vạn người.” Bị nói: “Tiếc là hơi ít.” Du nói: “Thế là đủ dùng, Dự Châu hãy chờ xem Du phá Tào Công.” Bị muốn gọi Lỗ Túc đến để cùng bàn bạc, Du nói: “Tôi vâng mệnh phá giặc chẳng dám nói bừa, nhờ được bằng muốn gặp Tử Kính, nên để khi khác. Túc cùng với Khổng Minh đều ở phía sau, chừng đôi ba ngày nữa sẽ tới đây.” Bị dẫu rất thẹn với Du, mà trong lòng không tin rằng Du có thể phá được quân bắc, nên sai sắp đặt các việc về sau, đem hai nghìn quân chia đều cho Vũ-Phi, không bằng lòng trao cả cho Du, để tính bề tiến thủ.

Tôn Thỉnh chép: Lưu Bị là kẻ hùng tài, đất đai mất cả hẳn phải dẫn đo, đã cáo cấp với Ngô, chạy đến cầu giúp đỡ, không duyên cớ gì đã mong ngóng nơi bãi Trường Giang mà lại toan tính chuyện về sau. Lời Giang biểu truyện nói, đương thời chỉ là những lời duy mỹ của người Ngô đấy thôi.

Liên quân cùng với Tào Công đánh nhau ở Xích Bích, đại phá quân ấy, đốt hết thuyền chiến. Tiên Chủ cùng với quân Ngô thủy lục cùng tiến, đuổi đến tận Nam Quận, bấy giờ lại có bệnh dịch, quân bắc chết rất nhiều, Tào Công dẫn quân trở về.

Giang biểu truyện chép: Chu Du làm Thái thú Nam Quận, chia đất ở Nam Ngạn cho Bị. Bị lập quân doanh ở Du Giang Khẩu, đổi tên thành Công An. Quan lại tướng sĩ của Lưu Biểu từng theo quân bắc, đa phần làm phản về hàng Bị. Bị thấy Du cấp cho mình quá ít đất đai, chẳng đủ để an dân, về sau mới tòng quyền mượn mấy quận Kinh Châu.

Tiên Chủ dâng biểu xin cho Kỳ làm Thứ sử Kinh Châu, lại nam chinh bốn quận. Thái thú Vũ Lăng là Kim Toàn, Thái thú Trường Sa là Hàn Huyền, Thái thú Quế Dương là Triệu Phạm, Thái thú Linh Lăng là Lưu Độ đều quy hàng.

Tam Phụ quyết lục chú chép: Kim Toàn tự Nguyên Ky, người ở Kinh Triệu, đã từng làm Hoàng môn Thị Lang, Thái thú Hán Dương, được bái làm Nghị Lang, thăng chức Trung lang tướng, lĩnh chức Thái thú Vũ Lăng, vì bị Lưu Bị đánh cướp ở đây, chết. Con là Y, việc này thấy chép ở Ngụy Vũ bản kỷ.

Người ở Lư Giang là Lôi Tự dẫn bộ khúc mấy vạn nhân khẩu đến hàng. Kỳ bị bệnh chết, những người dưới suy tôn Tiên Chủ lên làm Kinh Châu mục, dinh sở đóng ở Công An. Quyền có chút úy kỵ về việc ấy, mới tiến dâng em gái mình cho Bị để giữ tình hoà hiếu. Tiên Chủ đến kinh sư⁽²⁰⁾ diện kiến Quyền, hai bên thắt chặt ân tình.

Sơn Dương công tái ký chép: Bị lúc trở về, bảo với tả hữu rằng: “Tôn Xa kỳ lưng dài chân ngắn, người ấy khó để kẻ dưới thuyết phục, ta chẳng thể gặp lại được.” Bèn bỏ chạy suốt ngày đêm.

Thần Tùng Chi xét: Ngụy thư chép lại những lời Lưu Bị nói với Tôn Quyền, cùng với Thục chí thuật truyện Gia Cát Lượng nói với Tôn Quyền giống nhau. Lưu Bị khi trước chưa phá được quân Ngụy, còn chưa cùng với Tôn Quyền tương kiến, chẳng đúng như lời nói ấy. Cho nên biết Thục chí nói đúng.

Quyền sai sứ đến bàn rằng muốn được chung sức cùng vào lấy đất Thục, có người cho rằng nên nghe ngóng tin tức ở huyện Hứa, Ngô rút cục chẳng thể vượt Kinh Châu để lấy Thục được, xứ Thục có thể tự bảo vệ. Quan chủ bộ ở Kinh Châu là Ân Quan tiến lên nói rằng: “Nếu bị Ngô tiến đánh, tiến chưa thể thắng được Thục, lui bị quân Ngô thừa cơ lấn, mọi việc sẽ hỏng mất. Nay chỉ nên tán thành việc đánh Thục, nhưng nói rằng các quận ta mới lấy được, chưa thể vọng động, Ngô hẳn không dám vượt qua ta một mình vào lấy Thục. Cái kế tiến lui như thế, có thể giữ được lợi ích của cả Ngô và Thục.” Tiên Chủ theo lời ấy, Quyền quả nhiên bỏ kế hoạch ấy. Tiên chủ thăng Ân Quan lên làm Biệt giá Tòng sự.

Hiển Đế xuân thu chép: Tôn Quyền muốn cùng với Bị chung sức lấy Thục, sai sứ đến bảo Bị rằng: “Mễ tặc⁽²¹⁾ Trương Lỗ chiếm cứ đất Ba-Hán xưng vương, là tai mắt của Tào Tháo, mưu toan dòm dò Ích Châu. Lưu Chương không có uy vũ, chẳng thể tự giữ. Nếu Tháo lấy được Thục, ắt Kinh châu sẽ nguy ngập vậy. Nay ta muốn đánh Chương trước, rồi tiến lên dẹp Trương Lỗ, đầu đuôi nối liền với nhau, nhất thống Ngô-Sở, dầu có mười Tào Tháo, cũng không cần phải lo lắng vậy.” Bị muốn tự mình lấy Thục, cự tuyệt không nghe theo, nói rằng: “Ích Châu nhân dân giàu mạnh, đất đai hiểm trở, Lưu Chương dầu yếu nhược, cũng đủ giữ mình. Trương Lỗ là kẻ xảo trá, chưa hẳn đã tận tâm với Tháo. Nay vội vã đưa quân vào Thục-Hán, chuyển quân lương ngàn dặm, mà muốn thu được toàn công, lấy được chẳng gặp điều bất lợi, chắc Ngô Khởi cũng chẳng thể vạch nối quy mô, Tôn Vũ cũng chẳng thể khéo léo mà làm được. Tào Tháo dầu trong bụng không có chúa nữa, nhưng lại có danh nghĩa vâng mệnh bậc quân vương, đừng nên bàn rằng Tháo bị thất lợi ở Xích Bích, mà bảo rằng lực đã khuất, không còn có chí xa xôi nữa. Nay thiên hạ chia ba Tháo đã có hai phần, vẫn muốn cho ngựa uống nước Thương Hải, xem binh ở Ngô Hội, sao chịu bằng lòng ngồi đợi lên lão ư? Nay đã là đồng minh lại vợ cố công phạt lẫn nhau, giúp không cho Tào Tháo, khiến địch được thể nhòm ngó, chẳng phải là cái kế lâu dài vậy.” Quyền không chịu, sai Tôn Du đốc xuất thủy quân đóng ở Hạ Khẩu. Bị không chờ quân ấy đến, bảo Du rằng:

“Người muốn lấy Thục, ta sẽ cắt tóc đi vào ở trong núi, chẳng chịu thất tín với thiên hạ vậy.” Rồi sai Quan Vũ đóng binh ở Giang Lăng, Trương Phi đóng quân ở Tỷ Quy, Gia Cát Lượng giữ Nam Quận, Bị thân ở Sàn Lăng. Quyền biết ý của Bị, nên cho triệu Du trở về.

Năm thứ mười sáu, Ích Châu mục Lưu Chương ở nơi xa nghe tin Tào Công sai tướng là bọn Chung Do nhằm hướng Hán Trung đánh dẹp Trương Lỗ, trong lòng lấy làm kinh sợ. Quan Biệt giá Tòng sự Thục Quận là Trương Tùng thuyết Chương rằng: “Tào Công binh khoẻ vô địch trong thiên hạ, nếu nhân việc Trương Lỗ mà đánh lấy đất Thục, ai có thể ngăn được đây?” Chương nói: “Việc này ta đã nghĩ lâu rồi mà vẫn chưa có kế sách gì.” Tùng nói: “Lưu Dự Châu, sứ quân là người trong tông thất lại có mối thâm thù với Tào Công, khéo việc dùng binh, nếu sai đi đánh dẹp Lỗ, Lỗ tất bị đánh tan. Lỗ đã bị phá, thì Ích Châu sẽ mạnh lên, Tào Công đâu có đến, cũng chẳng thể làm gì.” Chương ưng theo, sai Pháp Chính dẫn bốn ngàn người đi nghênh đón Tiên Chủ, đem số của cải làm quà trước sau kể đến ức vạn. Chính nhân đó bày tỏ kế sách rằng Ích Châu có thể lấy được.

Ngô thư chép: Bị trước đó gặp Trương Tùng, sau gặp Pháp Chính, đều có hậu ý thu nhận lấy, hết sức hoan hỉ ân cần. Nhân đó hỏi xem Thục trung rộng hẹp thế nào, binh khí trong khù phổ và nhân mã đông ít ra sao, cùng những nơi trọng yếu đường đất xa gần, bọn Tùng đều nói rành mạch cả, lại vẽ hết địa đồ sông núi ở xứ đó, bởi thế Bị biết được tường tận tình hình ở Ích Châu.

Tiên Chủ lưu Gia Cát Lượng và bọn Quan Vũ giữ Kinh Châu, dẫn mấy vạn bộ tốt vào Ích Châu. Đến Phù thành, Chương thân tới nghênh đón, hai bên gặp nhau rất lấy làm hoan hỉ. Trương Tùng lệnh cho Pháp Chính thưa với Tiên Chủ, cùng với mưu thần Bàn Thống đưa lời khuyên Bị rằng, tiện dịp gặp gỡ nên tập kích Chương. Tiên Chủ nói: “Đấy là việc lớn, chẳng nên vội vàng.” Chương cử Tiên Chủ làm Hành Đại tư mã⁽²²⁾, lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy; Tiên Chủ cũng tiến cử Chương làm Hành Trấn tây Đại tướng quân, lĩnh chức Ích Châu mục. Chương cấp thêm binh cho Tiên Chủ, sai đánh Chương Lỗ, lại mệnh cho làm Đốc quân ở Bạch Thủy. Tiên Chủ hợp

quân được hơn ba vạn người, xe cộ áo giáp khí giới của cải rất nhiều. Năm ấy, Chương trở về Thành Đô. Tiên Chủ lên Bắc đến Hà Manh, chưa đánh Trương Lỗ ngay, lo vun trồng ân đức, để thu lấy nhân tâm.

Năm sau, Tào Công đi đánh Tôn Quyền, Quyền gọi Tiên Chủ đến cứu. Tiên Chủ sai sứ báo với Lưu Chương rằng: “Tào Công đánh Ngô, sợ Ngô nguy cấp. Họ Tôn với Cô vốn là quan hệ môi rãng, lại nữa Nhạc Tiến ở Thanh Nê cùng với Quan Vũ đối trận, nay chẳng đi cứu Vũ, Tiến hẳn thắng trận, lại chuyển sang xâm phạm địa giới Ích Châu, mối lo ấy lớn hơn so với Lỗ. Lỗ chỉ là đám giặc tự giữ mình, chẳng đủ để lo lắng.” Bèn theo đó xin Chương cấp cho một vạn binh cùng của cải, muốn đi về phía đông. Chương chỉ hứa cấp cho bốn ngàn binh, những thứ khác đều giảm đi phân nửa.

Ngụy thư chép: Bị nhân thế nổi giận nói với chúng rằng: “Ta vì Ích Châu mà đi xa đánh cường địch, quân lính nhọc mệt, chẳng được yên ổn thư nhàn; Nay tích trữ kho tàng tài vật mà thưởng công bunn xin, lại mong bậc đại phu cùng quân sĩ bỏ sức chiến đấu, có thể được chẳng!”

Trương Tùng gửi thư cho Tiên Chủ và Pháp Chính rằng: “Nay đại sự sắp làm nên, sao lại bỏ đi như thế?” Anh của Tùng là Túc làm Thái thú Quảng Hán, sợ hoạ đến mình, bèn bầm bạch với Chương tố giác mưu ấy. Vì thế Chương bắt chém Tùng, hiềm khích mới nổ ra.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép: Trương Túc dáng dấp trang nghiêm, dung mạo cao lớn. Tùng là người thấp bé, phóng túng chẳng giữ tiết tháo, nhưng kiến thức rất tinh tế quả quyết, có tài cán. Lưu Chương sai đến chỗ Tào Công, Tào Công không đón tiếp đủ lễ; Chủ bộ của Công là Dương Tu rất trọng tài năng của Tùng, bạch với Công cho vời Tùng, Công không nghe. Tu lấy cuốn binh thư Tào Công soạn ra cho Tùng xem, Tùng trong khoảng bữa ăn xem qua một lượt rồi gấp lại đọc rành rọt cả. Tu cho việc ấy là kỳ lạ.

Chương mệnh cho chư tướng đóng cửa biên ải cấm được để cho Tiên chủ đi qua cửa quan. Tiên Chủ nổi giận, cho triệu đốc quân ở Bạch Thủy là Dương Hoài đến, trách mắng là đã vô lễ, đem chém đi. Rồi sai Hoàng Trung-Trác Ứng ngầm dẫn binh quay về đánh Chương. Tiên Chủ đến thắng Quan Trung⁽²³⁾, giữ vợ con chư tướng và sĩ tốt làm con tin, rồi dẫn binh

cùng với bọn Trung-Ứng tiến đến Phù thành, định chiếm lấy thành ấy. Chương sai bọn Lưu Kỳ⁽²⁴⁾-Lãnh Bào-Trương Nhiệm-Đặng Hiền đến chống cự Tiên chủ ở Phù Thành, đều bị đánh tan, phải lui về giữ Miên Trúc.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép: Trương Nhiệm, người Thục Quận, gia thế nghèo khó. Thuở nhỏ can đảm dũng lược, có khí tiết, làm quan Tòng sự ở trong Châu.

Chương lại sai Lý Nghiêm làm Đô đốc ba quân ở Miên Trúc, Nghiêm dẫn mọi người đến hàng Tiên Chủ. Quân của Tiên Chủ càng mạnh hơn, bèn chia chư tướng đi bình định các huyện quanh đó, bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi-Triệu Vân dẫn binh ngược sông bình định Bạch Đế-Giang Châu-Giang Dương, chỉ có Quan Vũ ở lại trấn thủ Kinh Châu. Tiên Chủ tiến quân vây Lạc Thành; bấy giờ con của Chương là Tuần giữ thành, Bị vây đánh gần một năm trời.

Năm thứ mười chín mùa hạ, Lạc Thành bị phá, Tiên Chủ tiến binh vây Thành Đô mấy chục ngày, Chương ra hàng.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép: Lưu Chương sai Trương Nhiệm-Lưu Kỳ dẫn tinh binh hăng hái chống cự Tiên Chủ ở Phù Thành, bị Tiên Chủ đánh tan, phải lui về cùng với con của Chương là Tuần cố thủ ở Lạc Thành. Nhiệm ém binh tiến ra Nhạn Kiều, đánh nhau lại bị thua. Nhiệm bị bắt. Tiên Chủ nghe nói Nhiệm là người trung dũng, cho quân dụ hàng, Nhiệm cứng cỏi nói lớn rằng: “Lão thần trọn đời chẳng phụng sự hai chủ vậy.” Đành phải cho giết đi. Tiên Chủ cảm thán thương tiếc mãi.

Phó tử chép: Khi trước, Lưu Bị tập kích Thục, Thừa tướng Duyệt là Triệu Tiến nói: “Người như Lưu Bị nên việc được sao? dùng binh thì vụng về, mỗi lần chiến đấu thường thất bại, bôn ba chạy vạy chẳng được yên, sao đánh được người ta? Thục dẫu nhỏ bé nơi biên bìa, song tứ bề đầy rẫy hiểm trở, một mình giữ đất, vội vã khó mà lấy được.” Trưng sĩ là Phó Cán nói: “Lưu Bị có độ lượng rộng rãi với người, có thể khiến người ta dốc sức đến chết. Gia Cát Lượng hiểu biết lẽ quyền biến, chính là người có mưu kế, mà làm tướng vãn; Trương Phi-Quan Vũ dũng mãnh mà có nghĩa, đều là vạ

người khó địch, mà làm tướng võ: Ba người ấy, đều là bạch nhân kiệt vậy. Với thao lược của Bị, được ba người ấy giúp đỡ, sao chẳng xong việc?”

Diễn lược chép: Triệu Tiễn, tự Thúc Mậu, là người quận Kinh Triệu huyện Trường Lăng. Bản tính hiếu học, thích nói chuyện thi thư, hay thương xót người khác, chẳng mấy khi bàn luận điều cơ mật. Công phủ cho đòi vào làm Thương thư Bộ Lang. Đồng Trác muốn lấy để bổ sung vào nội ác của mình, Tiễn không nghe. Trác giận, dọa giết Triệu Tiễn, ý chừng khiến Tiễn sợ hãi, mà Tiễn vẫn cứ tự nhiên. Lúc gặp Trác, Tiễn vẫn đưa lời chính đáng, bày tỏ rõ điều phải trái, Trác tuy hung ác ngang ngược, cũng phải khuất mà cảm tạ rồi thăng Tiễn làm Bình Lăng lệnh. Cho nên lúc Vương Doãn bị hại, chẳng ai dám đến gần, Tiễn bỏ chức quan đi thu nhật thi thể. Tam Phụ loạn lạc, Tiễn ở trọ tại Kinh Châu, Lưu Biểu đãi làm tân khách. Tào Công bình định Kinh Châu, cầm tay Tiễn nói rằng: “Sao ta gặp nhau muộn vậy!” Rồi cho vời đến làm Duyệt. Về sau làm Ngũ quan tướng Tư mã, làm Trưởng sử cho tướng quốc Chung Do, mất lúc hơn sáu mươi tuổi.

Thực trung vốn giàu có thịnh vượng yên vui, Tiên Chủ bày tiệc rượu cực lớn thết đãi sĩ tốt, lấy kim ngân ở trong thành nước Thục ban thưởng cho tướng sĩ, cùng với nhiều lương thực vải vóc. Tiên Chủ lại lĩnh chức Ích Châu mục, Gia Cát Lượng làm bày tôi tay chân, Pháp Chính làm mưu sĩ, Quan Vũ-Trương Phi-Mã Siêu làm nanh vuốt, Hứa Tĩnh-My Trúc-Giản Ung làm Tân hữu⁽²⁵⁾. Đến bọn Đồng Hoà-Hoàng Quyền-Lý Nghiêm là bày tôi cũ của Chương đều được thu dụng cả, bọn Ngô Nhất⁽²⁶⁾-Phí Quan là thông gia với Chương, Bành Dạng là người bị Chương ruồng bỏ đuổi đi, Lưu Ba trước đây bị Tiên Chủ căm ghét, đều được dùng tin dùng ở vị trí xứng đáng, tận dụng hết được tài năng. Những kẻ sĩ có chí, chẳng ai không tranh đua cố gắng.

Năm thứ hai mươi, Tôn Quyền nhân vì Tiên Chủ lấy được Ích Châu, sai sứ đến bảo rằng muốn lấy lại Kinh Châu. Tiên Chủ nói: “Đợi khi ta lấy được Lương Châu, đương nhiên sẽ trả lại Kinh Châu cho.” Quyền giận, bèn sai Lã Mông tập kích đoạt lấy ba quận Trường Sa-Linh Lăng-Quế Dương.

Tiên Chủ dẫn năm vạn binh cuốn đất đến Công An, lệnh cho Quan Vũ thâm nhập Ích Dương. Năm ấy, Tào Công bình định Hán Trung, Trương Lỗ trốn chạy vào Ba Tây, Tiên chủ hay tin, cùng với Quyền liên hoà, phân chia Kinh Châu, các quận Giang Hạ-Trường Sa-Quế Dương thuộc phía đông, Nam Quận, Linh Lăng, Vũ Lăng thuộc phương Tây⁽²⁷⁾, rồi dẫn quân về Giang Châu. Phái Hoàng Quyền dẫn binh đến nghênh đón Trương Lỗ, song Trương Lỗ đã hàng Tào Công. Tào Công sai Hạ Hầu Uyên-Trương Cáp đóng quân ở Hán Trung, mấy lần xâm phạm vào địa giới đất Ba. Tiên Chủ lệnh cho Trương Phi tiến binh đến Đãng Cừ, cùng với bọn Cáp giao chiến ở Ngôã Khẩu, đánh tan được bọn Cáp, rồi thu binh về Nam Trịnh. Tiên Chủ cũng trở về Thành Đô.

Năm thứ hai mươi ba, Tiên Chủ đốc xuất chư tướng tiến binh đến Hán Trung. Chia quân sai bọn Ngô Lan-Lôi Đồng thâm nhập Vũ Đô, đều bị quân Tào Công đánh giết tan tành ở đó. Tiên Chủ đóng ở cửa ải Dương Bình, cùng với bọn Uyên-Cáp cầm giữ nhau.

Năm thứ hai mươi bốn mùa xuân, Tiên Chủ từ phía nam Dương Bình qua sông Miện, men núi tiến lên, dựa vào địa thế Định Quân sơn lập quân doanh. Uyên dẫn binh đến tranh giành địa thế. Tiên Chủ lệnh cho Hoàng Trung thừa thế ở trên cao thúc trống đánh xuống, đại phá quân Uyên, chém Uyên cùng tạt quyền Thứ sử Ích Châu của Tào Công là Triệu Ngung. Tào Công từ Trường An cất đại binh nam chinh. Tiên Chủ ở nơi xa nghe được nói rằng: “Tào Công dẫu có lại, chẳng thể làm được gì, ta tất có được Hán Xuyên vậy.” Lúc Tào Công đến, Tiên Chủ thu đại binh giữ đất hiểm, thủy chung không chịu giao phong, hơn tháng không đánh chác gì, quân sĩ bỏ trốn ngày một nhiều. Mùa hạ, Tào Công dẫn quân quay về, Tiên Chủ lấy được Hán Trung. Lại phái bọn Lưu Phong-Mạnh Đạt-Lý Bình⁽²⁸⁾ vây đánh Thân Đàm ở Thượng Dung.

Mùa thu, quần thần tôn Tiên Chủ lên làm Hán Trung Vương, dâng biểu lên Hán Hiến Đế rằng: “Bọn thần là Bình Tây tướng quân Đô Đình hầu Mã Siêu, Tả tướng quân Trường sử Trấn quân tướng quân Hứa Tĩnh, Doanh tư

mã Bàng Hi, Nghị tào Tòng sự Trung lang quân nghị Trung lang tướng Xạ Viên,

Tam quyết phụ lục chú chép: Viên tự Văn Hùng, người quận Phù Phong. Họ ấy vốn gốc họ Tạ, cùng với các họ Tạ ở đất Bắc là đồng tộc⁽²⁹⁾. Thủy tổ là Tạ Phục làm tướng quân đi đánh dẹp nơi xa, Thiên tử thấy Tạ Phục chẳng phải là danh tự hay, đổi ra là Xạ, nên con cháu mang họ ấy. Anh Viên là Kiên, tự Văn Cố, thưở nhỏ có danh tiếng tốt, công phủ vờ vào làm Hoàng môn Thị lang, Hiến Đế còn nhỏ, Tam Phụ có nạn đói, Kiên bỏ quan, cùng với em là Viên đi về Nam vào Thục nương nhờ Lưu Chương, Chương lấy Kiên làm Trưởng sử. Lưu Bị lên thay Chương, lấy Kiên làm Thái thú Quảng Hán-Thục Quận. Viên thưở nhỏ cũng có danh, Thái úy Hoàng Phủ Tung yêu tài gả con gái cho, Thừa tướng Gia Cát Lượng lấy Viên làm Tế tửu, rồi thăng làm Tòng sự, đang làm quan thì chết.

Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng, Đãng Khẩu tướng quân Hán Thọ Đình hầu Quan Vũ, Chinh Lỗ tướng quân Tân Đình hầu Trương Phi, Chinh Tây tướng quân Hoàng Trung, Trấn Viễn tướng quân Lại Cung, Dương Vũ tướng quân Pháp Chính, Hưng Nghiệp tướng quân Lý Nghiêm tất cả một trăm hai mươi người dâng lời rằng :

“Xưa Đường Nghiêu là bậc chí thánh mà tứ hung ở trong triều, Chu Thành là hiền tài nhân đức mà tứ quốc làm khó, Cao Hậu xưng chế mà họ Lã trộm mệnh, Hiếu Chiêu nhỏ dại mà Thượng Quan mưu toan thoán nghịch, đều là cậy thế ân sủng, mượn lý lẽ để nắm quyền quân quốc, cùng hung cực loạn, xã tắc nguy nan. Chẳng phải Đại Thuấn, Chu Công, Chu Hư, Bác Lục, ắt chẳng thể lưu đày kẻ có tội giam cầm kẻ nghịch tặc, yên định an nguy.

Nghĩ đến thánh đức to lớn của Bệ hạ, nắm quyền cai trị muôn bang, nhưng gặp lúc vận hạn khốn khó gian nan. Đông Trác cầm đầu làm loạn, khuấy động kinh sư, Tào Tháo nổi theo gây vạ, trộm giữ mệnh trời; hoàng hậu thái tử, phải uống rượu độc mà chết, thiên hạ nhiễu loạn, muôn dân bị tàn hại. Bệ hạ phải chịu nỗi phong trần lo buồn khốn khổ đã lâu, ăn mình ở ngôi hư hão. Chúng thần vô chủ, vương mệnh bị lấn áp, ngôi đế vương bị

đề nén, thần khí bị cướp đoạt. Tả tướng quân Nghi thành Đình hầu lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy ba châu Dự-Kinh-Ích là Bị, đã nhận phẩm trật của triều đình, nghĩ mình phải ra sức, dẫu có chết vì quốc nạn. Bởi thế nên khi thấy được thời cơ, nổi giận bùng phát, mới cùng với Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa mưu toan tru diệt Tháo, để an định quốc gia, đưa vua về cựu đô. Gặp lúc Thừa lo việc không kín, khiến Tháo mặc ý được dịp làm điều đại ác, tàn hại trong ngoài. Bọn thần vẫn thường sợ vương thất lớn thì có cái hoạ Diêm Nhạc⁽³⁰⁾, nhỏ thì có cái biến An Định⁽³¹⁾.

Triệu Cao sai Diêm Nhạc giết Nhị Thế. Vương Mãng phế Nhụ Tử làm Định An Công.

Thần đêm ngày lo ngay ngáy, run sợ chẳng dám nghỉ ngơi.

Việc xưa ở Ngu thư, chín đời theo thứ tự, xét đến hai đời nhà Chu, phong tước chia đất cho người cùng họ, Kinh Thi nêu rõ việc ấy là nghĩa, truyền mãi đến muôn đời. Hán triều mới hưng thịnh, cắt chia cương thổ, tôn con em làm vương, bởi thế về sau diệt được cái hoạ mấy người họ Lã, mà dựng nên nghiệp lớn họ Lưu.

Chúng thần thấy rằng Bị có lòng vì vương thất, là con cháu công hầu, tấm lòng gửi ở quốc gia, luôn nghĩ đến việc dẹp loạn. Mới đây phá được Tào Tháo ở Hán Trung, kẻ anh hùng khắp hải nội ngóng gió mà nường cậy, thế mà tước hiệu chẳng rõ ràng, ngôi cửu tích chưa được thêm, chẳng phải là việc hay để giữ yên xã tắc, là gương sáng cho vạn đời vậy.

Chúng thần kính vâng mệnh ở bên ngoài, lễ chế vương mệnh bị đứt đoạn. Xưa kia Thái thú Hà Tây là Lương Thống đang lúc nhà Hán hưng vượng, ở trong cõi, địa vị quyền thế nào có hơn ai, chẳng thể làm tướng soái, mà được chọn làm nguyên súy thay cho Đậu Dung, rút cục lập lên công lao, dẹp tan được Ngỗi Hiêu. Nay xã tắc gặp nguy nan, Lũng-Thục khốn khó. Tháo ở ngoài nuốt thiên hạ, bên trong hại đồng liêu, triều đình có mối nguy tường vách, mà kẻ lẩn áp chưa thể ngăn chặn, khiến cho y phải run sợ. Chúng thần nương theo điển cũ, phong Bị làm Hán Trung Vương, bái làm Đại tư mã, đốc trách hết lục quân, tập hợp đồng minh, quét sạch kẻ hung nghịch. Lấy Hán Trung-Ba-Thục-Quảng Hán-Kiến Vi lập quốc, tạm

chiếu theo phép cũ như chư hầu thời Hán sơ. Đã là phép quyền nghi, ví như có lợi cho xã tắc, chuyên quyền có thể được vậy. Rồi sau này công thành nghiệp dựng, chúng thần xin chịu tội, dầu chết không hề hối hận.”

Rồi cho lập đàn tràng ở Miện Dương, bày đủ các đồ nghi trượng, quần thần đến đông đủ, đọc tấu chương xong, dâng mũ áo lên cho Tiên chủ.

Tiên chủ dâng biểu lên Hán Hiến đế rằng: “Thần nghĩ rằng mình chẳng có tài cán, tự đảm đương gánh vác ngôi thượng tướng, tổng đốc ba quân, phụng mệnh ở bên ngoài, chẳng quét sạch được nạn giặc, ra sức khuông phò vương thất, khiến cho thánh giáo của bệ hạ bị lấn áp đã lâu, trong sáu cõi, bế tắc chưa thông, thần trong lòng lo lắng trăm trọc không yên, tựa như có bệnh ở trong đầu.

Ngày trước bởi Đông Trác gây nên loạn lạc, thế nên sau này, bè lũ hung nghịch tung hoành, tàn hại trong ngoài. Nhờ vào thánh đức uy linh của Bệ hạ, nhân thần cùng hưởng ứng, hoặc kẻ trung nghĩa phấn chấn đánh dẹp, hoặc trời cao giáng phạt, kẻ bạo nghịch đều bị giết, dần dần bị tiêu diệt cả. Chỉ còn một Tào Tháo, đã lâu chưa trừ được, dần dà chiếm đoạt quốc quyền, mặc lòng phóng túng gây loạn.

Thần trước đây cùng với Xa kỵ tướng quân Đông Thừa vạch mưu kế đánh dẹp Tháo, liệu việc chẳng kín, Thừa bị hãm hại, thần trốn tránh không nơi cư trú, có lòng trung nghĩa mà chẳng nên công. Khiến cho Tháo được thể hung hăng cực nghịch, tru戮 giết hại cả chủ hộ, mà hoàng tử phải uống rượu độc. Thần dầu tụ họp nghĩa binh, đã cố hết sức mình, song thế còn yếu kém, năm tháng trôi qua việc cũng chưa thành. Vẫn sợ tâm sức mai một, phụ lại quốc ân, khi thức lúc ngủ mãi thở than, sớm khuya kính sợ mà gắng gỏi.

Nay bọn liêu thuộc của thần cho rằng việc xưa chép ở Ngũ thư chín đời theo thứ tự, mọi người gắng gỏi hết lòng, Ngũ đế thêm bớt, đạo ấy chẳng thể phế bỏ.

Trịnh Huyền chú rằng: Thứ, là mọi người; lệ, là làm nên; tự là thứ tự vậy. Chín dòng theo thứ tự là họ hàng thân thích, mà những kẻ thần tử hết lòng giúp đỡ vậy.

Xét hai đời nhà Chu, chia đất cho những người họ Cơ, thế nên được cậy nhờ Tấn-Trịnh giúp cho hưởng phúc. Cao Tổ nổi lên, tôn ngôi vương cho con em, mở ra chín nước, về sau giết được những người họ Lã, để yên định họ Lưu. Nay Tháo ghét người cương trực trung trinh, bè lũ rất đông, che giấu ác tâm, mưu soán đoạt đã rõ ràng. Tông thất đã suy vi, dòng dõi Đế không ngôi, muốn châm chước phép cổ, tạm mượn quyền nghi, tôn thần lên làm Đại tư mã Hán Trung vương.

Thần suy đi tính lại hai ba lần, đã chịu hậu ân của quốc gia, tự gánh vác việc ở một phương, hết sức mà việc chưa thành, ơn ấy đã là quá, chẳng nên nhọc chiếm ngôi cao để bị người đời mỉa mai mang tội lớn. Nhưng quần thần bức bách, lấy nghĩa ép thần. Thần gạt bỏ đi lại nghĩ rằng quân giặc cướp chẳng hết hung hăng, nạn nước chưa qua, tông miếu lâm nguy, xã tắc ngửa nghiêng, nên thần lo lắng nghĩ mình phải gánh vác lấy ngôi đầu. Thuận ứng theo lẽ quyền nghi thông biến, để yên định thánh triều, dầu xông vào nơi nước lửa, chẳng thể chối từ, mạnh dạn mà lo lắng cái đạo đáng làm, để phòng sau này không hối tiếc. Thế nên thuận theo lời bàn của quần thần, bái nhận ấn ti, để tôn cái uy của quốc gia.

Ngẩng lên nghĩ tới tước hiệu, ngôi cao ân hậu, cúi xuống nghĩ rằng phải báo đáp đến cùng, mối lo sâu xa thì trách nhiệm nặng nề, nỗi sợ hãi chất chồng, như dẫn thân vào lũng thẳm. Nguyên hết sức hết lòng, để tướng lệ sáu quân, đốc suất nghĩa binh, ứng trời thuận thời, đánh dẹp kẻ hung nghịch, để yên xã tắc, mong báo ơn muôn một, kính cẩn thảo tấu chương sai dịch thừa dâng lên chúa thượng, xin trao trả chúa thượng chức Tả tướng quân cùng ấn thụ Nghi thành Đình hầu.”

Liên đó về đóng dinh sở ở Thành Đô. Lại đề bạt Ngụy Diên làm Đô đốc, trấn thủ Hán Trung.

Điển lược chép: Bị liên cho xây dựng quán dịch, chòi canh, từ Thành Đô đến Bạch Thủy quan, hơn bốn trăm chỗ.

Bấy giờ Quan Vũ đánh tướng của Tào Công là Tào Nhân, bắt được Vu Cấm ở Phàn Thành. Ít lâu sau Tôn Quyền tập kích giết chết Vũ, chiếm lấy Kinh Châu.

Năm thứ hai mươi lăm, Ngụy Văn Đế xưng tôn hào, cải niên hiệu là Hoàng Sơ. Có người đưa tin Hán Đế bị hại, Tiên Chủ bèn mặc áo trắng cử tang, truy thụy hiệu là Hiếu Mẫn Hoàng Đế. Sau đó quần thần nói rằng gần đây có điềm lành, nhật nguyệt nối theo nhau, cho nên các quan Nghị lang Dương Tuyên hầu Lưu Báo, Thanh Y hầu Hưởng Cử, Thiên tướng quân Trương Duệ-Hoàng Quyền, Đại tư mã Chúc Ân Thuần, Ích châu Biệt giá Tròng sự Triệu Tộ, Trị trung Tòng sự Dương Hồng, Tòng sự Tế tửu Hà Tông, Nghị tào Tòng sự Đỗ Quỳnh, Khuyến học Tòng sự Trương Sảng-Doãn Mặc-Tiểu Chu cùng dâng lời rằng:

“Thần nghe rằng Hà Đồ-Lạc Thư, Ngũ kinh Sấm-Vĩ⁽³²⁾, đều do Khổng Tử xét soi sáng tỏ, đã chứng nghiệm từ lâu. Căn trọng tra xét Lạc Thư Chân Diệu Độ có ghi: ‘Đời vua chuộng màu đỏ thứ ba, đức vận xương thịnh⁽³³⁾, sau chín đời đến người tên Bị, hợp với ngôi Đế.’ Lạc Thư Bảo Hào Mệnh có ghi: ‘Trời cai quản đạo đế vương cho người tên Bị xưng làm hoàng đế, lấy chính thống thu lấy đế vị, trăm việc đều nên chẳng thể thất bại.’ Lạc Thư Lục Kỳ Vận có ghi: ‘Cửu hầu thất kiệt tranh nhau, dân chúng róc xương làm củi đun, đầu người dẫm đạp trên đường lộ, ai khiến vị chúa tên Huyền⁽³⁴⁾ sang.’ Hiếu Kinh Câu Mệnh Quyết Lục có ghi: ‘Đế vương ba người hưng khởi, chín đời đến Bị’. Cha thần là Quần lúc chưa mất, nói rằng phía tây nam mấy lần có hoàng khí, bốc cao vài trượng, xuất hiện đã lâu năm, lại thường gió tốt mây lành từ sao Thiên Tuyền⁽³⁵⁾ hạ xuống quần quýt, ấy là điềm lành phi thường. Lại nữa, giữa năm Kiến An thứ hai mươi hai, mấy lần có đám mây như tinh kỳ, bay từ tây sang đông, lơ lửng giữa trời, Đồ-Thư nói rằng ‘Ắt có thiên tử xuất hiện ở phương ấy’. Lại thêm năm ấy sao Thái Bạch-Huỳnh Hoạch-Trấn tinh, thường đi theo Tuế tinh⁽³⁶⁾. Gần đây nhà Hán mới hưng khởi, ngũ tinh cùng tuế tinh hội hợp; tuế tinh chủ nghĩa, ngôi nhà Hán ở phía tây, chính là phương vị chủ nghĩa, cho nên phép chế của nhà Hán là lấy Tuế tinh để chiêm nghiệm bậc nhân chủ. Đương khi thánh chủ nối dậy ở châu ấy, có ý trung hưng. Bấy giờ Đế⁽³⁷⁾ còn ở Hứa Đô, cho nên quần thần không dám tiết lộ. Mới đây Huỳnh Hoạch lại xâm phạm Tuế tinh, ở khu vực Vị-Mão-Tất⁽³⁸⁾; Sao Mão sao Tất là lưới trời,

kinh sách nói rằng ‘Để tinh lu mờ⁽³⁹⁾, bọn tà nghịch tiêu vong.’ Huý của thánh thượng đã sớm thấy⁽⁴⁰⁾, suy xét thời kỳ ứng nghiệm, phù hợp mấy điềm, chẳng phải chỉ có một mà thôi. Thần nghe bậc thánh vương hành sự trước ý trời mà trời chẳng lìa bỏ, hành sự thuận ý trời thì được thiên thời, cho nên ứng thời vận mà sinh, để tương hợp với thần linh. Mong đại vương ứng lòng trời thuận lòng người, mau chóng dựng nghiệp đế vương, để yên định quốc gia.”

Bọn Thái phó Hứa Tĩnh, An Hán tướng quân Mi Trúc, quân sư tướng quân Gia Cát Lượng, Thái thường Lại Cung, Quang lộc huân Hoàng Quyền, Thiếu phủ Vương Mưu dâng lời rằng:

“Tào Phi thí chúa soán ngôi, chôn vùi ngôi Hán thất, cướp lấy thần khí, bức hiếp kẻ trung lương, tàn ác vô đạo. Quý thần căm giận, đều nghĩ đến họ Lưu. Nay ở trên không có thiên tử, hải nội bàng hoàng, không có chỗ ngóng trông. Quần hạ trước sau dâng số hơn tám trăm người, đều nói rõ có điềm lành, và những lời đồn sấm làm chứng cứ rõ ràng. Gần đây có rồng vàng hiện ra ở Xích Thủy núi Vũ Dương, suốt chín ngày mới tan. Hiếu kinh⁽⁴¹⁾ dẫn lời của Thần Tiết⁽⁴²⁾ rằng ‘Ấn đức đến cùng cực ắt có rồng vàng hiện ra’, rồng, là hình tượng của vua vậy. Hào thứ chín mươi lăm trong quẻ Càn ở sách Chu Dịch⁽⁴³⁾ nói ‘rồng bay ở trên trời’, mà đại vương đang như rồng bay lên, xứng nhận lấy ngôi đế vậy.

Mới đây Quan Vũ vây Phàn Thành-Tương Dương, con trai của Trương Gia-Vương Hưu ở Tương Dương dâng biểu ngọc tì, ngọc tì ấy ẩn dưới sông Hán, nằm ở nơi đáy sâu, ánh sáng rực rỡ chói chang, thần khí sáng rọi đến tận trời. Nhà Hán ta, trước kia Cao Tổ nổi dậy yên định thiên hạ mà xưng quốc hiệu, giờ đại vương noi theo phép xưa của Tiên đế, cũng dấy lên ở Hán Trung. Nay ngọc tì của Thiên tử trước đây lại sáng tỏ, mà ngọc tì ấy hiện ra ở Tương Dương, cuối dòng Hán thủy, minh đại vương nhận ngọc tì ấy ở hạ lưu, ấy là ngôi vị Thiên tử được trao cho đại vương, điềm lành ứng với thiên mệnh, chẳng phải sức người làm được vậy.

Xưa kia nhà Chu có điềm Ô Ngư⁽⁴⁴⁾, mọi người nói rằng đó là việc tốt lành. Chúa thượng vâng mệnh hai tổ⁽⁴⁵⁾, Đồ-Thư báo trước, đã chứng

nghiệm rồi vậy. Nay trời cao báo điềm lành, quần nho anh tuấn, đều dẫn sách Hà Đồ-Lạc Thư, cùng lời sấm ký của Khổng Tử, hết thảy đều đủ cả. Chúng thần quỳ xuống kính cẩn suy ngẫm rằng Đại vương là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương Hiếu Cảnh Hoàng Đế, dòng chính dòng phụ trăm đời⁽⁴⁶⁾, thiên địa giáng phúc, đại vương tư thái thần thánh kì vĩ, uy vũ như thiên thần, nhân đức chông chất trùm đời, ưu ái dân chúng tôn kính kẻ sĩ, vì thế bốn phương dốc lòng theo về. Chúng thần khảo sát linh đồ, suy nghĩ sấm vĩ, trăm triệu của thần minh, huý danh sáng tỏ. Vậy nên đại vương sớm lên ngôi đế, để tế lễ nhị tổ, nối nghiệp tổ tiên, thì thiên hạ may mắn. Chúng thần kính cẩn giao cho Bác sĩ Hứa Từ, Nghị lang Mạnh Quang, kiến lập lễ nghi, chọn giờ lành, để chúa thượng xưng tôn hiệu.”

Tiên Chủ bèn lên ngôi đế ở núi Vũ Đâm phía nam Thành Đô.

Thục bản kỷ chép: Ở Vũ Đô có kẻ trượng phu hoá làm người con gái, nhan sắc rất đẹp, như giống tinh ở trong núi vậy. Thục vương lấy làm vợ, vì không quen thủy thổ, bị ốm chết muốn được đưa về nước, Thục vương giữ lại, chẳng kể gì đến việc người ấy đã chết. Sau Thục vương cho binh lính đào huyệt ở đất Đâm thuộc Vũ Đô, rồi an táng ở ngay trong Thành Đô, đắp mộ rộng mấy mẫu đất, cao mười trượng, gọi là Vũ Đâm. Thần Tùng Chi xét, Vũ Đâm, là tên núi, ở tây bắc Thành Đô, quê Càn phương vị ở phía tây bắc, cho nên mới đến đó lên ngôi đế.

Lại làm bài văn tế rằng: “Duy năm Kiến An thứ hai mươi sáu tháng tư ngày Bính Ngọ, Hoàng đế là Bị tiến dụng ngôi huyền mẫu, cáo rõ với Hoàng thiên Thượng đế hậu thổ thần kỳ: Nhà Hán có thiên hạ, số vận dài đến vô cùng. Xưa kia Vương Mãng soán đạo, Quang Vũ hoàng đế nối giân lô đình tru diệt đi, xã tắc lại còn. Nay Tào Tháo cậy quyền binh làm chuyện tàn nhẫn, tru lục cả chủ hậu, đây trời ngập đất, tội trạng đã rõ ràng. Con Tháo là Phi, lại làm chuyện hung nghịch, cướp giữ ngôi thần khí. Quần thần tướng sĩ cho rằng xã tắc đã đổ nát, nên Bị phải kể vào, tiếp nối cơ nghiệp của hai tổ, tuân kính mệnh trời đánh kẻ có tội.

Bị nghĩ mình vô đức, sợ làm nhục đến ngôi Đế. Hỏi đến thứ dân, cùng các trưởng quan Man Di ngoài cõi, mọi người đều nói rằng ‘thiên mệnh

chẳng thể bỏ ngôi không, cơ nghiệp của tổ tiên chớ nên để suy đồi, bốn bề chẳng thể không có chủ'. Cả thiên hạ trông ngóng, chỉ còn có một mình Bị. Bị sợ mệnh sáng của trời, lại sợ ngôi Hán sẽ bị chôn vùi xuống đất, cần trọng chọn ngày lành, cùng trăm quan dâng đàn, nhận tử thụ Hoàng đế. Cho sửa sang đồ lễ, cáo tế với thiên thần, mong thần linh hưởng lộc giúp cho nhà Hán, bốn bề được vĩnh viễn yên vui!”

Ngụy thư chép: Bị nghe tin Tào Công chết, sai phó quan là Hàn Nhiễm dâng diếu thư, lại gửi đồ lễ phúng viếng. Văn Đế ghét cái việc nhân lễ tang cầu thân, mệnh cho Thứ sử Kinh Châu chém Nhiễm, tuyệt đường sứ mệnh.

Điển lược chép: Bị phái tham mưu duyện Hàn Nhiễm mang diếu thư, lại dâng gấm vóc. Nhiễm xưng có bệnh, ở lại Thượng Dung. Từ Thượng Dung dâng thư lên, gặp lúc thọ chung⁽⁴⁷⁾, có chiếu thư hồi đáp cho Nhiễm được vào châu. Bị được thư hồi đáp, bèn xưng chế.

Năm Chương Vũ nguyên niên mùa hạ tháng tư, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Lấy Gia Cát Lượng làm Thừa tướng, Hứa Tĩnh làm Tư đồ. Đặt ra trăm quan, xây dựng tông miếu, hợp tế ở miếu Cao Hoàng đế.

Thần Tùng Chi cho rằng Tiên Chủ dẫu rằng xuất thân từ dòng dõi Hiếu Cảnh, nhưng bao nhiêu đời đã quá xa, chiêu mục khó rõ ràng⁽⁴⁸⁾, đã nổi ngôi Hán, chẳng biết vì sao Đế lấy ông tổ mới để lập tông miếu. Mà lúc bấy giờ có hiền tài phụ giúp, các bậc nho sinh ở trong cung, chế độ tông miếu, hẳn có chương pháp, mà lại ghi chép thiếu sót qua loa, thật đáng giận thay.

Tháng năm, lập Ngô thị làm Hoàng hậu, con là Thiện làm Hoàng Thái tử. Tháng sáu, lập con là Vĩnh làm Lỗ vương, Lý là Lương vương. Xa kỵ tướng quân Trương Phi bị tả hữu hại. Khi trước, Tiên Chủ hận Tôn Quyền tập kích Quan Vũ, sắp đông chinh, đến mùa thu tháng bảy, bèn thống suất ba quân phạt Ngô. Tôn Quyền gửi thư xin hoà, Tiên Chủ nổi giận ùng ùng không nghe, Ngô tướng là bọn Lục Nghị⁽⁴⁹⁾-Lý Dị-Lưu A đóng quân ở Vu huyện-Tỷ Quy; tướng quân Ngô Ban-Phùng Tập ở Vu huyện tấn công đánh tan bọn Dị, rồi dừng quân ở Tỷ Quy, các tộc Man Di ở Ngũ Khê quận Vũ Lăng sai sứ đến cầu binh.

Năm thứ hai mùa xuân rằm tháng giêng, quân của Tiên chủ về lại Tỷ Quy, thủy quân của các tướng Ngô Ban-Trần Thức đóng ở Di Lăng, giáp với bờ tây xứ Giang Đông. Tháng hai, Tiên Chủ từ Tỷ Quy dẫn chư tướng tiến quân, men theo núi Tiệt Lĩnh, ở Di Đạo xứ Hào Đình đóng doanh trại, men núi Giáp thông sang Vũ Lăng, phái Thị Trung là Mã Lương yên ủi vợ Man Di ở Ngũ Khê, các tù trưởng đều hưởng ứng. Trấn bắc Tướng quân Hoàng Quyền làm Đô đốc các quân ở Giang Bắc, cùng với quân Ngô cự nhau ở Di Lăng đạo. Mùa hạ tháng sáu, có luồng khí màu vàng hiện ra ở Tỷ Quy trong vòng mấy chục dặm, rộng đến mấy chục trượng. Hơn chục ngày sau, Lục Nghị đại phá quân Tiên Chủ ở Hào Đình, tướng quân Phùng Tập-Trương Nam đều bị chết. Tiên Chủ từ Hào Đình chạy về Tỷ Quy, thu hợp binh sĩ li tán, rồi bỏ thuyền, theo đường bộ chạy về Ngự Phúc, đổi huyện Ngự Phúc thành Vĩnh An. Ngô sai tướng quân Lý Dị-Lưu A ngầm bám theo quân của Tiên Chủ, đóng binh ở Nam Sơn. Mùa thu tháng tám, thu binh trở về. Tư đồ Hứa Tĩnh chết. Mùa đông tháng mười, chiếu cho Thừa tướng Lượng lập quân doanh suốt từ nam lên Bắc tới Thành Đô. Tôn Quyền hay tin Tiên Chủ đóng ở Bạch Đế, rất sợ, sai sứ đến xin hoà. Tiên Chủ đồng ý, sai Thái trung đại phu Tông Vĩ đến đáp mệnh. Mùa đông tháng mười hai, Hán gia Thái thú Hoàng Nguyên nghe tin Tiên Chủ ốm không đến thăm, cất binh chống lại.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Thừa tướng Lượng từ Thành Đô đến Vĩnh An. Tháng ba, Hoàng Nguyên tiến binh đánh huyện Lâm Cung. Triều đình phái tướng quân Trần Hốt đánh dẹp Nguyên, quân Nguyên bị thua, thuận theo sông xuống hạ lưu, bị thân binh bắt trói lại, đem về Thành Đô, bị chém. Tiên Chủ ốm nặng, phó thác con côi cho Thừa tướng Lượng, Thượng thư lệnh Lý Nghiêm làm phó. Tháng tư mùa hạ ngày Quý Ty, Tiên Chủ băng ở Vĩnh An cung, bấy giờ sáu mươi ba tuổi.

Gia Cát Lượng tập chép lại di chiếu của Tiên Chủ sắc mệnh cho Hậu Chủ rằng: “Trẫm lúc mới ốm chỉ mắc bệnh lị mà thôi, sau chuyển sang tạp bệnh, sợ rằng chẳng qua khỏi. Người ta năm mươi tuổi chẳng nói là yếu, ta đã hơn sáu mươi tuổi, sao phải ân hận nữa, chẳng đau xót gì cho mình, chỉ

nghĩ đến anh em khanh. Quan Bộc xạ tới đây, nói rằng Thừa tướng khen khanh sáng suốt hiểu biết, tiến bộ rất mau, vượt quá ước vọng của y, nếu thực được như thế, ta sao còn phải lo lắng nữa! Gắng lên, gắng lên! Chớ vì điều ác nhỏ mà làm, chớ vì điều thiện nhỏ mà không làm. Chỉ có hiền chỉ có đức, mới có thể thu phục được người. Cha các người đức bạc, chớ nên bắt chước. Người nên đọc sách Hán thư-Lễ ký, những lúc nhàn nhã nên xem các sách của Chư tử cùng với Lục Thao-Thương quân thư⁽⁵⁰⁾, cũng giúp tăng thêm ý chí và trí tuệ. Nghe nói Thừa tướng chỉnh lý các sách Thân-Hàn-Quản tử-Lục Thao⁽⁵¹⁾ đều thông suốt hết cả, chưa đưa ra ngoài, e rằng lỗi đạo, người nên phải tự thân đến cầu học lấy.”

Lúc lâm chung, Tiên Chủ cho gọi Lỗ vương đến dặn nhỏ rằng: “Sau khi ta mất, anh em chúng mày phải coi Thừa tướng như cha, lệnh cho người làm công sự giúp cho Thừa tướng mà thôi.”

Lượng dâng biểu lên Hậu Chủ rằng: “Thần quỳ xuống kính cẩn nghĩ rằng Đại hành Hoàng đế có lòng nhân hơn người gây dựng đức chính, phúc đến cõi vô cùng, trời xanh chẳng xót thương, bệnh tật cứ ngấm dần, hôm nay ngày mười bốn tháng hai đã chợt vội đi xa, thần thiếp kêu gào, như cha mẹ mất. Nghĩ đến di chiếu, là việc lớn tổ tông, trên dưới phải động lòng; trăm qua cử ai, trừ phục hết ba ngày, đến khi an táng lại theo như lễ; Thái thú các quận quốc, những bậc quan tướng, Đô úy, Trưởng huyện lệnh, ba ngày mới được bỏ áo tang. Thần là Lượng thân chịu sắc giới, kính sợ thần linh, chẳng dám phạm lỗi lầm. Thần xin tuyên rõ để người dưới phụng mệnh thi hành.”

Tháng năm, đem áo quan từ Vĩnh An cung về Thành Đô, đặt thụy là Chiêu Liệt Hoàng Đế. Mùa thu, tháng tám, an táng ở Huệ lăng.

Cát Hồng thần tiên truyện chép: Vị tiên nhân Lý Ý, là người Thục. Người đời kể lại, rằng người ấy sống vào thời Hán Văn Đế⁽⁵²⁾. Tiên chủ muốn phạt Ngô, sai người nghênh đón Ý. Ý đến nơi, Tiên chủ lấy lễ đón tiếp rất cung kính, hỏi việc lành dữ. Ý không đáp mà xin giấy bút, vẽ ra binh mã khí tượng vào mấy chục tờ giấy, xong rồi lấy tay nhất nhất xé nát hết đi, lại vẽ ra một người to lớn, đào đất chôn cất người chết, xong bỏ đi

thắng. Tiên chủ rất không vui. Từ khi xuất quân đánh Ngô, đại bại trở về, lấy làm hổ thẹn phần hận rồi phát bệnh chết, mọi người mới hiểu được ý tứ của Ý. Vẽ một người to lớn chôn cất người chết, tức là ý nói rằng Tiên Chủ chết vậy.

Bình rằng: Tiên Chủ là người cương nghị khoan hoà nhân hậu, hiểu lòng người kính kẻ sĩ, có phong độ của Hán Cao Tổ, có khí chất của bậc anh hùng. Đến lúc trao việc nước thác con cô cho Gia Cát Lượng, mà lòng không ngờ vực, tin rằng vua tôi đều chí công, là điều chưa từng thấy xưa nay vậy. Cơ mưu quyền biến tài cán thao lược, chẳng theo kịp Ngụy Vũ⁽⁵³⁾, bởi thế cơ nghiệp gây dựng được cũng hạn hẹp. Nhưng vấp ngã mà chẳng sờn lòng, sau cùng chẳng chịu ở dưới người, có lẽ là suy đoán rằng sự độ lượng của kẻ kia⁽⁵⁴⁾ ắt hẳn chẳng dung được mình, nên chẳng những tranh cái lợi, mà còn tránh hoạ cho mình vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Niên hiệu đời Hán Vũ đế.
- (2) Đời Hán Vũ đế, khi tế tự tông miếu thì những người trong tông thất ở trước hầu phải rót rượu dâng vàng làm lễ.
- (3) Tức là ông nội.
- (4) Úy là chức quan quản việc quân sự, khác với chức Lệnh là chuyên lo việc dân sự.
- (5) Tức là dây thắt lưng trong y phục của tầng lớp quan chức thời ấy.
- (6) Sách Tam Quốc diễn nghĩa dịch địa danh này là Hạ Phi.
- (7) Đây là chức huyện thừa, tức giúp việc cho quan huyện.
- (8) Tức Viên Thuật.
- (9) Tức là những chức quan Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đây là ba ngôi vị đứng đầu triều chính. Gia đình nhà Viên Thiệu bốn đời có năm người giữ ngôi Tam công.
- (10) Đó là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Tống Tương Công và Tần Mục Công.
- (11) Lối xưng hô của người dưới với người có danh vị ở trên, cũng như ta gọi lãnh đạo của mình là sếp vậy.
- (12) Từ Châu và Dương Châu.
- (13) Tức là người già cả.
- (14) Chỉ Viên Thiệu.
- (15) Quách Đa tức là Quách Á Đa là tên tự của Quách Dĩ. Lý Thôi và Quách Dĩ đều là bộ tướng của Đông Trác, từng bức hiếp Hiến Đế ở Trường An ngày trước.
- (16) Chi tiết này rất thú vị đáng để ý. Xưa kia Vương Tử Sở là con của Hiếu Văn Vương nước Tần làm con tin ở nước Triệu, Lã Bất Vi dùng tiền mua chuộc người nước Triệu đưa Tử Sở về Tần, sau xếp đặt để Tử Sở lên làm vua nước Tần. Tại sao Đông Thừa lại nói chuyện như vậy với Vương Tử Phục? Liệu có phải Thừa nói đến việc lật đổ Tháo đế sau này làm vua

Hán thay Hiến Đế? Vậy thì Vương Tử Phục này là một vị hoàng tử, con của Linh Đế? Hoàn Đế? là những vị vua Hán ngay trước thời Hiến Đế đó chăng?

(17) Tức Tôn Quyền, Quyền lúc đó giữ chức Thảo Lỗ tướng quân.

(18) Trỏ vùng đất ở quanh Trường Giang.

(19) Tức là quân Thanh Châu, Từ Châu. Ý nói đến quân của Tào Tháo vậy.

(20) Đây là kinh sư nước Ngô.

(21) Giặc gao.

(22) Coi việc của Đại tư mã, tức là tạm nắm quyền chỉ huy quân đội.

(23) Bạch Thủy vốn thuộc vùng Quan Trung, ý ở đây nói rõ ra là sau khi Bị giết Đô đốc Bạch Thủy thì đến đó thu hàng quân sĩ cùng vợ con họ ở nơi ấy.

(24) Truyện Tam Quốc diễn nghĩa dịch tên nhân vật này là Lưu Hội.

(25) Không rõ phải dịch thế nào, từ điển chú thích rằng ‘Tân hữu’ tức là ‘vừa là khách vừa là bạn’.

(26) Nguyên người này tên thật là Ngô Ý, song Trần Thọ viết sử vào đời Tấn phải tránh tên húy của Tư Mã Ý nên viết chệch tên thành Ngô Nhất.

(27) Đông thuộc Ngô, Tây thuộc Thục.

(28) Tức Lý Nghiêm, lúc này Nghiêm đổi tên thành Bình.

(29) Cùng một họ.

(30) Nhị Thế tức Hồ Hợi, chuyện này xảy ra sau khi Tần Thủy Hoàng tạ thế mấy năm.

(31) Nhụ Tử tức Nhụ Tử Anh, chuyện này xảy ra vào cuối thời Tây Hán.

(32) Hà đồ, Lạc thư, Sấm vĩ là những sách cổ chuyên về thiên văn bói toán và lời sấm.

(33) Nguyên văn ‘Xích tam nhật đức xương’. Xưa Hán Cao Tổ Lưu Bang chém rắn trắng khởi nghĩa lập nên nhà Hán, gọi là Xích Đế (đời thứ nhất). Đến khi Quang Vũ Đế Lưu Tú diệt Vương

Mãng trung hưng nhà Hán (đời thứ hai). Nay đến Lưu Bị là đời thứ ba vậy.

(34) Huyền Đức.

(35) Sao Bắc đẩu, đây là ngôi sao luôn đứng yên ở phía Bắc bầu trời, người ta thường lấy nó để định phương hướng.

(36) Chỗ này nhắc đến một loạt các ngôi sao trong Nhị thập bát tú, hai mươi tám ngôi sao này chia ra bốn phương, mỗi phương gồm bảy ngôi, có ý nghĩa rất quan trọng đối với thiên văn cổ xưa của Trung Hoa, đặc biệt với các bậc đế vương, theo quan niệm thiên tử chịu mệnh trời.

(37) Chỗ này nhắc đến việc Bị đang ở đất Hứa với Tào Tháo, có mưu toan với Đổng Thừa việc diệt Tháo, Đế ở đây là nhắc đến Hiến Đế vậy.

(38) Là ba ngôi sao trong Nhị thập bát tú, các sao này nằm ở trung khu của các thiên thể.

(39) Nguyên văn câu này là ‘đế tinh xử chi, chúng tà tiêu vong’, chữ xử có nghĩa là ở ẩn, tức là không thấy nữa, ở đây theo nghĩa dịch là lu mờ. Nguyên lai sao Huỳnh Hoạch tức Hoả tinh, đây không phải một ngôi sao, chỉ là một hành tinh như trái đất của chúng ta, vì nó ở gần trái đất nên nó rất sáng, sáng nhất trên bầu trời đêm, chỉ kém mỗi mặt trăng và sao Kim (tức sao Thái Bạch), nó chạy trên đường hoàng đạo, vậy nên khi nó đi vào địa phận lưới trời (tức vị trí Mão, Tất) sẽ làm các sao khác bên cạnh lu mờ vì độ sáng của nó. Người xưa coi Huỳnh Hoạch là ngôi sao chủ việc hung nghịch cần dỡ vậy. Người Hy Lạp gọi nó là Ares, vị thần chiến tranh.

(40) Thấy ở các sách Ngũ kinh, Sấm Vĩ, Lạc Thư, Hà Đồ kể trên.

(41) Hiếu Kinh là bộ sách chép lời của Khổng Tử nói với Tăng Tử về đạo hiếu.

(42) Ông Tiết là thủy tổ của nhà Thương, khi trước là bày tôi hiền tài của vua Thuấn.

(43) Chu Dịch là sách bói toán, nghe nói do Chu Công Đán soạn ra, sau này Khổng Tử soạn lại, chính là bộ Kinh Dịch nổi tiếng hiện nay.

(44) Ô Ngư là con cá đen, không rõ đây là điển tích gì.

(45) Nhị tổ ở đây tức là Hán Cao Tổ Lưu Bang dựng nghiệp Tây Hán và Hán Quang Vũ Lưu Tú dựng nghiệp Đông Hán.

(46) Nguyên văn là ‘bốn chi bách thế’, bốn là ngành trường, chi là ngành thứ, dịch thoát ý.

(47) Thọ chung là nói Tháo mới chết.

(48) Theo thứ tự lễ nghi tông miếu thời cổ thì một đời là hàng chiêu, hai đời là hàng mục, bên tả là hàng chiêu, bên hữu là hàng mục.

(49) Tức Lục Tốn.

(50) Hán Thư là bộ sử do Ban Cố đời Hán soạn ra, Lễ ký là bộ sách cổ nói về lễ nghĩa do Khổng Tử chỉnh lý, Lục Thao là sách binh thư do Khương Tử Nha soạn ra, Thương quân thư là sách dạy về quyền thuật của Thương Ưởng người nhà Tần soạn.

(51) Chỉ các cuốn sách của Thân Bất Hại, Hàn Phi Tử, Quản Trọng, Khương Tử Nha soạn ra, đều là những sách nói về cái thuật trị quốc và binh pháp.

(52) Hán Văn Đế là vua nhà Tây Hán, lên nối ngôi Hán Vũ Đế, thời ấy cách thời của Lưu Bị chừng ba trăm năm.

(53) Tức Tào Tháo.

(54) Kẻ kia tức là Tào Tháo vậy.

QUYỂN 3 - HẬU CHỦ

HẬU CHỦ TRUYỆN

Hậu Chủ huý Thiện, tự Công Tự, con trai Tiên Chủ. Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tiên Chủ lên làm Hán Trung vương, lập (Hậu Chủ) làm vương Thái Tử. Đến khi xưng tôn hiệu ⁽¹⁾ có sắc ⁽²⁾ phong rằng: ”Duy ngay Tân Tị tháng năm năm Chương Vũ thứ nhất. Hoàng Đế thuận nói: Thái Tử Thiện, trăm gặp lúc vận mệnh nhà Hán lâm nguy, bọn phản thần tặc tử tiếm đoạt. Xã tắc không người làm chủ, định ra khuôn phép cho mọi người, tụ họp chính đạo. Thuận theo mệnh trời, trăm nối ngôi báu. Nay lấy Thiện làm Hoàng Thái Tử, kế thừa tông miếu, cung kính xã tắc. Lệnh cho người phụng mệnh cầm cờ tiết là Thừa tướng Lượng khoan hãy trao ấn tín (Thái Tử cho Thiện). Cung kính lắng nghe các bậc sự phụ (xem Thiện) mọi việc có đều đạt được ”hành nhất vật nhi tam thiện”⁽³⁾ hay chưa. Có thể không cần gượng ép (mà trao chức) vậy!”

Lễ ký phần bàn về sự học nói: Người ”hành nhất vật nhi tam thiện” duy chỉ có bậc Thế Tử mà thôi. Trịnh Huyền⁽⁴⁾ sau này nói: chữ ”vật” giống như ”sự” vậy.

Tháng tư mùa hạ năm Chương Vũ thứ ba, Tiên Chủ hoẵng ở Vĩnh An cung.

Tháng năm (cùng năm), Hậu Chủ lên nối ngôi ở Thành Đô, lúc đó mười bảy tuổi. Tôn Hoàng Hậu làm Hoàng Thái Hậu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

Ngụy lược chép: Trước Bị ở Tiểu Bái, không ngờ quân Tào Công (đánh) tới, kinh hoảng bỏ cả gia quyến, sau chạy vào Kinh Châu. Thiện lúc đó mới vài tuổi, thay đổi tên họ bỏ trốn, theo người ta chạy sang phía tây vào địa phận Hán Trung rồi bị họ đem bán. Đến năm Kiến An thứ mười sáu, Quan Trung loạn lạc, một người Phù Phong lưu tán chạy nạn vào Hán Trung mua được Thiện. (Người ấy) hỏi ra, biết Thiện là con nhà tử tế bèn nuôi như con, còn giúp (Thiện) lấy vợ, sinh được một con. Lúc trước Thiện với Bị lạc nhau, còn biết được cha mình tự là Huyền Đức. (Bị) có người thân cận mang họ Giản. Khi Bị chiếm Ích Châu liền dùng Giản làm tướng quân.

Giản được Bị sai đến Hán Trung, nghỉ tại phòng trọ dành cho sứ tiết trong đô thành. Thiện bèn đến bãi phỏng Giản. Giản tra vấn thẩm định, thấy mọi sự việc bằng chứng đều tương hợp, mừng rỡ nói lại chuyện với Trương Lỗ. Lỗ bèn sai tầy trần tắm gội (cho Thiện) rồi đưa vào Ích Châu. Bị lập (Thiện) làm Thái Tử, lúc đầu lấy Gia Cát Lượng làm Thái Tử Thái Phó. (Sau) đến khi Thiện lên ngôi, dùng Lượng làm Thừa tướng, uỷ thác mọi việc. Lại nói với Lượng: "Chính là họ Cát đã cứu Quả nhân". Lượng cũng vì Thiện chưa thông thuộc chính sự bèn tổng quản công việc trong ngoài.

Thần Tùng Chi bàn rằng: Nhị Chủ Phi Tử truyện chép 'Hậu Chủ sinh ở Kinh Châu'. Hậu Chủ truyện chép 'khi lên nối ngôi mười bảy tuổi'. Như vậy (Hậu Chủ) sinh vào năm Kiến An thứ mười hai. Năm (Kiến An) thứ mười ba thua ở Trường Bản, Bị chạy bỏ cả vợ con. Triệu Vân truyện chép 'Vân tự mình ôm con nhỏ chạy thoát' chính là Hậu Chủ vậy. Như thế Bị cùng Thiện chưa từng thất lạc. Lại có Gia Cát Lượng sau khi Thiện lên ngôi một năm lĩnh chức Ích Châu Mục, trong năm đó bút đàm với Chủ Bộ Đỗ Vi viết 'Triều Đình⁽⁵⁾ nay mười tám tuổi', cùng vợ truyện về Thiện là phù hợp, thứ tự không có gì sai lạc. Cho nên, Ngụy lược nói Bị bại ở Tiểu Bái, Thiện lúc ấy tuổi vừa mới sinh, đến khi chạy vào Kinh Châu, có thể biết cha tự là Huyền Đức, đại khái khoảng năm sáu tuổi. Bị bại ở Tiểu Bái vào năm Kiến An thứ năm, tính đến khi Thiện lên ngôi, trước sau là hai mươi tư năm. Thiên tương ứng phải quá hai mươi tuổi. Lấy sự việc so sánh với nhau lý lẽ là không đúng. Như vậy tất thuyết ở Ngụy lược là xằng bậy vậy mà đến hai trăm năm sau vẫn còn được đem ra đàm luận, thật là lạ vậy. Lại xét các sách vở ghi lại cùng Gia Cát Lượng tập cũng không thấy nói Lượng từng làm Thái Tử Thái Phó.

Mùa hạ năm Kiến Hưng nguyên niên, Tang Ca Thái Thú Chu Bao chiếm quận làm phản.

Ngụy Thị Xuân Thu chép: Ban đầu, Ích Châu Tòng Sự Thường Phòng đi xếp đặt công việc, nghe tin Bao có lòng khác, bèn bắt Chủ Bộ (của Bao) tra khảo xét hỏi rồi giết đi. Bao phần nộ tấn công giết chết Phòng, vu (cho Phòng) tội mưu phản. Gia Cát Lượng giết các con Phòng, lại đầy bốn người

em Phòng đi Việt Tuyền, muốn làm yên lòng (Bao). Bao vẫn không chừa mà sửa đổi, dấy quân trong quân làm phản hưởng ứng Ung Khải.

Thần Tùng Chi bàn rằng: Phòng là bị Bao vu hãm, người chấp chính nên gạn lọc xét đoán, sao lại có chuyện vì an định mà tùy tiện giết người vô tội để làm đẹp lòng kẻ gian tặc được, chỗ này chắc không đúng vậy.

Từ trước, quận Ích Châu có họ lớn của Ung Khải làm phản, bắt Thái Thú Trương Duệ giải sang Ngô, chiếm quận không theo mệnh lệnh. Di vương ở Việt Tuyền là Cao Định cũng dấy loạn. Năm ấy (Hậu Chủ) cưới Hoàng Hậu Trương thị. Lại sai Thượng Thư lang Đặng Chi sang sứ kết thân với Ngô. Ngô vương sai sứ đáp lễ giảng hoà với Thục. Cùng năm (hai bên) qua lại hoà hảo.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ hai, chuyên cần cấy trồng tọt lương thực, đóng cửa an dân.

Tháng ba, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ ba, Thừa tướng Lượng đi đánh bốn quận phía nam. Bốn quận đều bình định được. Đổi tên quận Ích Châu thành quận Kiến Ninh. Chia (một phần) quận Kiến Ninh và (một phần) quận Vĩnh Xương lập ra quận Vân Nam. Lại chia (một phần) quận Kiến Ninh và (một phần) quận Tang Ca lập ra quân Hưng Cổ. Tháng mười hai (năm đó) Lượng quay về Thành Đô.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ tư. Đô Hộ Lý Nghiêm từ Vĩnh An trở về đóng ở Giang Châu, xây một thành lớn.

Nay là thành cũ của Ba Quận.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ năm, Thừa tướng Lượng dẫn quân ra đóng đồn ở Hán Trung, lập doanh trại trên sông Miện, phía bắc đường lớn Dương Bình.

Gia Cát Lượng tập chép: Tháng ba Thiệu hạ chiếu rằng: "Trẫm nghe đạo của đất trời, phúc ở lòng nhân mà hoạ do buông thả. Gom góp điều nhân là hưng thịnh, tích góp điều ác là huỷ diệt, đây là chuyện cổ kim thường thấy vậy. Như Thang, Vũ sửa đức mà thành vua; Kiệt, Trụ bạo tàn mà bị diệt. Xưa kia gặp lúc phúc khí nhà Hán suy vi, lưới trời bỏ sót kẻ gian ác hung tàn. Đông Trác gây ra tai hoạ làm hư hoại chấn động kinh đô. Tào Tháo là

duyên do của tội ác, lén giữ quyền lực chí cao, tàn hại khắp cả nước, trong lòng không biết đến quân vương. Đứa trẻ mồ côi đứng một mình, lại dám đảo lộn ngôi thứ, cướp đoạt thần khí, thay họ đổi việc, làm nên sự tích xấu xa một thời. Vào lúc bấy giờ, đất trời tăm tối, thiên hạ vô chủ, chính là lúc vận khí của vua ta trải qua cơn suy biến. Chiêu Liệt Hoàng Đế⁽⁶⁾ riêng mình tỏ rõ đức sáng, quang minh xiển dương văn vũ, ứng với vận khí đất trời, ra tay dẹp loạn, mưu tính chuyện khắp bốn phương, thân người đều phò trợ, trăm họ cùng chung lo. Muôn dân hớn hở tôn phù. Kính vâng theo diêm triệu tốt lành, lập nên tôn hiệu, kế thừa thứ tự trời ban, sửa chữa hình thể khó khăn, hưng thịnh thời buổi suy bại, khôi phục lại sự nghiệp của tổ tông, gánh vác giềng mối lớn lao, không để tán thất rụng rơi xuống đất. Nhưng nhiều vùng còn chưa an định, (Tiên Đế) đã vội sớm xa lìa nhân thế. Trẫm còn thơ dại, nối theo năm giữ cơ đồ, chưa quen huấn thị dạy dỗ, nhưng lấy ràng buộc của tổ tông làm trọng. Sáu cõi chưa vun đắp được, xã tắc chưa dựng xây xong, là điều (trẫm) luôn ưu tư mãi, mong được nâng đỡ cứu vớt làm rạng rỡ sự nghiệp trước kia. Chưa làm nên việc, trẫm rất lấy làm sợ hãi. Do đó thức khuya dậy sớm, không dám nghỉ ngơi, luôn theo một đường cần kiệm mong làm lợi cho việc nước. Khích lệ người có thân phận chuyên tâm vào việc trồng cấy để mau giàu mạnh sức dân, giao cho bậc hiền năng ngay thẳng đảm đương chức vị để có thể nghe lời can gián đàn hạch. Đoạn tuyệt hàng ý riêng tư mà nuôi tướng sĩ. Những mong vung kiếm bôn tẩu đường xa, trở đánh kẻ loạn tặc, hồng kỳ chưa vội phất, thì Phi sớm lìa đời, thật là củi ta chưa đốt mà đã tự cháy. Nhưng loài tàn ác có thừa như nhuốc vẫn nghênh ngang phóng túng ở vùng Hà, Lạc⁽⁷⁾, ngăn trở chẳng để việc binh được nghỉ ngơi. Gia Cát thừa tướng cương nghị trung trinh, dốc lòng vì nước, (vì thế) Tiên đế trao việc thiên hạ, phò trợ quả nhân. Nay ban cho mao việt, cùng với phó thác trọng quyền, thống lĩnh bộ kỵ hai mươi vạn binh, nắm giữ nguyên hung, thay trời tru phạt, trừ hoạn dẹp loạn, chiếm lại kinh đô, chính là dịp này. Ngày xưa, Hạng Tịch⁽⁸⁾ binh tướng hùng mạnh, chiếm đất nuốt châu, công nghiệp lớn lao, cuối cùng binh bại Cai Hạ, chết tại thành đông. Tông tộc giết nhau, bêu xấu ngàn

năm. Nguyên do là vì không theo đạo nghĩa, lấn hiếp người trên, ngược đãi kẻ dưới vậy. Ngày nay kẻ giặc bức vua, trời người đều oán. Nay được lệnh rồi, việc quân nên chóng, nhờ hồng phúc tổ tông tương trợ, đánh đâu thắng đó. Ngô vương Tôn Quyền đồng lòng thương xót dân chúng tao loạn, giấu quân cùng mưu, lập thế ỷ giốc phía sau. Quốc quân các tộc vùng Lương châu ra lệnh cho chư hầu người Hồ nước Nhục Chi, Khang Cư đóng góp tiền của, hơn hai mươi người nước Khang Trục nhận chức Tiết Độ, đại quân bắc tiến, thống xuất binh mã, giương giáo đi đầu. Thiên mệnh đã đầy, nhân sự lại đủ, binh hùng thế mạnh, ắt phải vô địch. Phàm đao quân vương đạo, đã xuất chinh ắt chiến thắng, tôn phù chính nghĩa, ai dám đương cự. Xưa, sự biến Minh Điều⁽⁹⁾, quân binh vũ khí không lấm máu, trận chiến Mục Dã⁽¹⁰⁾, người Thương trở giáo quy hàng. Nay cờ soái đi đầu, nơi nào đã qua, thật không muốn cùng binh độc vũ. Người dân nào biết bỏ tà quy chánh, mang giỏ cơm bầu nước nghênh đón vương sư, chiếu theo phép nước, mỗi người phong thưởng, lớn nhỏ khác nhau. Người trong tông thất nhà Ngụy, bất kể trực hệ bàng chi, cân nhắc lợi hại, biết lẽ thuận nghịch, đến quy thuận ta, đều được phong tước. Ngày xưa, Phụ Quả⁽¹¹⁾ đổi họ từ họ Trí, chỉ mong tông tộc khỏi tuyệt diệt; Vi Tử⁽¹²⁾ bỏ nhà Ân, Hạng Bá⁽¹³⁾ hàng nhà Hán, đều được vinh dự phong vương hầu. Đó là những gương sáng đời trước. Còn bọn mê lầm không tỉnh, trợ giúp giặc loạn, không phục vương mệnh, giết cả vợ con, không hề khoan xá. Tuyên cáo ân uy, nguyên soái ra uy, chấn cứu nạn dân. Còn như chiếu thư luật lệnh, thừa tướng phát hịch khắp nơi. Làm rõ ý trẫm.”

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ sáu, Lượng ra đánh Kỳ Sơn, không thắng được. Mùa đông (năm ấy) lại ra Tán Quan, vây Trần Thương, hết lương phải rút lui. Ngụy tướng Vương Song mang quân đuổi theo Lượng. Lượng giao chiến (với Song) đánh bại, chém chết Song rồi trở về Hán Trung.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ bảy, Lượng sai Trần Thức tấn công Vũ Đô, Âm Bình cuối cùng thắng trận, an định được hai quận. Mùa đông (năm ấy), Lượng dời đại bản doanh ở nam sơn đến vùng bình nguyên, lại xây

Hán - Nhạc hai thành. Cùng năm Tôn Quyền xưng đế, kết giao với Thục thề ước cùng chia thiên hạ.

Mùa thu năm (Kiến Hưng) thứ tám. Ngụy sai Tư Mã Ý từ Tây Thành, Trương Cáp từ Tí Ngọ, Tào Chân từ Tà Cốc theo đường núi rất khoa trương tiến lại, muốn đánh Hán Trung. Thừa tướng Lượng phòng bị bằng cách bèn thành và làm kế thanh dã ở các dốc núi. Trời mưa lớn cắt đứt đường xá, bọn Chân đều quay về. Cùng năm, Ngụy Diên đánh bại Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Quách Hoài ở Dương Khê. Chuyển phong Lỗ Vương (Lưu) Vĩnh làm Cam Lăng Vương; Lương Vương (Lưu) Lý làm An Bình Vương đều vì Lỗ Lương nằm tại biên giới với Ngô.

Tháng hai mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ chín, Lương lại ra quân vây Kỳ Sơn, lần đầu tiên dùng trâu gỗ vận tải. Ngụy tướng Tư Mã Ý, Trương Cáp ra cứu Kỳ Sơn. Tháng sáu, mùa hạ (năm ấy), Lương lương hết phải chuyển quân, Cáp đuổi theo đến chỗ núi hoang, giao chiến với Lương, bị trúng tên chết. Tháng tám, mùa thu (cùng năm), phế đô hộ Lý Bình đưa ra quận Tử Đồng.

Hán Tấn xuân thu chép: mùa đông tháng mười, từ Giang Dương đến Giang Châu có chim từ bờ nam vượt sông bay sang bờ bắc mà không đến nơi rơi xuống nước chết có đến hàng nghìn.

Năm (Kiến Hưng) thứ mười, Lương cho quân sĩ nghỉ ngơi, khích lệ việc trồng cấy ở vùng đất cát, chế tác hoàn tất trâu gỗ ngựa máy, luyện binh giăng võ.

Năm (Kiến Hưng) thứ mười một, Lương ra lệnh cho các đơn vị chuyển lương, tập kết ở cửa Tà Cốc, sắp xếp các kho lẫm (chứa lương) ở đó. Cùng năm, Nam Di Lưu Trụ làm phản. Tướng quân Mã Trung đánh bại (Lưu Trụ) bình định vùng ấy.

Tháng hai, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Lương từ Tà Cốc xuất chinh, lần đầu tiên dùng ngựa máy vận chuyển. Tháng tám mùa thu (năm ấy) Lương chết ở Vị Tân. Chinh Tây Đại tướng quân Ngụy Diên cùng Trưởng Sử phủ Thừa tướng Trương Nghi bất hoà đem quân đánh lẫn nhau. Diên thất bại bỏ chạy. Chém đầu Diên, Nghi thông suất ba quân quay

về Thành Đô. Đại xá thiên hạ. Lấy Tả tướng quân Ngô Nhất⁽¹⁴⁾ làm Xa Kỳ tướng quân, ban cho giả tiết đốc lĩnh Hán Trung. Lấy Trưởng Sử lưu thủ phủ Thừa tướng Tưởng Uyển làm Thượng Thư Lệnh nắm giữ toàn bộ quốc sự.

Tháng giêng, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ mười ba, phế Trung Quân sư Dương Nghi, đày đến quận Tử Đông. Tháng tư mùa hạ (năm ấy) , thăng Tưởng Uyển làm Đại tướng quân.

Tháng tư năm (Kiến Hưng) thứ mười bốn, Hậu Chủ đến Tiễn,

Thần Tông Chi xét: Tiễn là tên huyện, thuộc Thục Quận.

Trèo lên dốc núi quan sát, ngắm nước sông Vãn chảy qua, sau mười ngày quay về Thành Đô. Dời quốc quân người Đê là Phù Kiện cùng hơn bốn trăm hộ người Đê từ Vũ Đô về Quảng Đô.

Tháng sáu mùa hạ năm(Kiến Hưng) thứ mười lăm, Hoàng Hậu Trương thị hoăng.

Tháng giêng mùa xuân năm Diên Hi thứ nhất, lập Hoàng Hậu Trương thị. Đại xá, đổi niên hiệu. Lập con là Tuyên làm Thái tử, Dao làm An Định Vương. Mùa đông tháng mười một (năm ấy), Đại tướng quân Tưởng Uyển ra đóng quân ở Hán Trung.

Tháng ba mùa xuân năm (Diên Hi) thứ hai, đề cử Tưởng Uyển làm Đại Tư mã.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ ba, sai Việt Tuyền Thái Thú Trương Nghi bình định quận Việt Tuyền

Tháng mười, mùa đông năm (Diên Hi) thứ tư, Thượng Thư lệnh Phí Y đến Hán Trung, cùng Tưởng Uyển thương lượng bàn luận kế sách mưu lược, cuối năm quay về.

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ năm, Giám quân Khương Duy đi giám sát các đạo quân bên ngoài từ Hán Trung về đóng đồn ở Phù huyện.

Tháng mười mùa đông năm (Diên Hi) thứ sáu, Đại Tư mã Tưởng Uyển từ Hán Trung quay về đóng quân ở Phù (huyện). Tháng mười một (năm ấy) đại xá. Lấy Thượng Thư lệnh Phí Y làm Đại tướng quân.

Tháng nhuận năm (Diên Hi) thứ bảy, Ngụy Đại tướng quân Tào Sảng, Hạ Hầu Huyền tiến vào Hán Trung. Trấn Bắc Đại tướng quân Vương Bình cự địch ở quanh Hưng Thế (Sơn). Đại tướng quân Phí Y thống lĩnh chư quân ra cứu viện. Quân Ngụy rút lui. Tháng tư mùa hạ (năm ấy), An Bình Vương (Lưu) Lý chết. Tháng chín mùa thu, Y trở về Thành Đô.

Tháng tám mùa thu năm (Diên Hi) thứ tám, Hoàng Thái Hậu hoẵng. Tháng mười hai (năm ấy) Đại tướng quân Phí Y đến Hán Trung, tiến hành phòng vệ.

Tháng sáu, mùa hạ năm (Diên Hi) thứ chín, Phí Y trở về Thành Đô. Mùa thu, đại xá. Tháng mười một mùa đông, Đại Tư mã Tưởng Uyển chết.

Ngụy lược chép: Uyển chết, Thiện bèn tự năm giữ quốc sự.

Năm (Diên Hi) thứ mười, các Hồ Vương vùng Lương Châu là Bạch Hồ Văn, Trị Vô Đái dẫn bộ thuộc đến hàng. Vệ tướng quân Khương Duy đón tiếp phủ dụ, đưa về trú tại Phồn guyện. Năm ấy người Di Bình Khang ở Vấn Sơn làm phản, Duy đến đánh, phá được giặc, bình định vùng ấy.

Tháng năm mùa hạ năm (Diên Hi) thứ mười một, Đại tướng quân Phí Y ra đóng đồn ở Hán Trung. Mùa thu (cùng năm) dân thuộc quốc Phù Lăng làm loạn, Xa Kỳ tướng quân Đặng Chi đến thảo phạt, đều phá được giặc, bình định được hết cả.

Tháng giêng năm (Diên Hi) thứ mười hai, Ngụy giết bọn Đại tướng quân Tào Sảng. Hữu tướng quân (nước Ngụy) Hạ Hầu Bá đến hàng. Tháng tư mùa hạ (cùng năm), đại xá. Mùa thu (năm ấy), Vệ tướng quân Khương Duy xuất quân đánh Ung Châu, không thắng được bèn quay về. Tướng quân Cú An, Lý Thiệu hàng Ngụy.

Năm (Diên Hi) thứ mười ba, Khương Duy lại dẫn quân ra Tây Bình, không thu được kết quả lại quay về.

Năm (Diên Hi) thứ mười bốn, mùa hạ, Đại tướng quân Phí Y trở về Thành Đô. Mùa đông (cùng năm) lại đi lên phía bắc, lưu lại ở Hán Thọ. Đại xá.

Năm (Diên Hi) thứ mười lăm, Ngô Vương Tôn Quyền hoẵng. (Hậu Chủ) Lập con là Tông làm Tây Hà Vương.

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười sáu, Đại tướng quân Phí Y bị hàng tướng Quách Tuần giết hại ở Hán Thọ. Tháng tư mùa hạ (năm ấy), Vệ tướng quân Khương Duy lại xuất quân ra Nam An, không thắng được phải trở về.

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười bảy, Khương Duy trở về Thành Đô. Đại xá. Tháng sáu mùa hạ (năm ấy), duy lại dẫn quân ra Lũng Tây. Mùa đông, dời dân ba huyện Địch Đạo, (Hà Gian) (Hà Quan), Lâm Thao vào sống ở Miên Trúc và Phồn huyện.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười tám, Khương Duy về Thành Đô. Mùa Hạ (năm ấy) lại dẫn quân ra Địch Đạo, cùng Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Vương Kinh giao chiến ở Thao Tây, đại thắng. Kinh chạy về giữ thành Địch Đạo, Duy lui lại đóng ở Chung Đề.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười chín, đề cử Khương Duy lên địa vị Đại tướng quân, cai quản binh mã. Duy cùng Trấn Tây tướng quân Hồ Tế ước hẹn hội quân ở Thương Nhai. Tế thất hẹn không đến. Tháng tám mùa thu (năm ấy), Duy bị Ngụy Đại tướng quân Đặng Ngải đánh bại ở Thương Nhai. Duy rút quân trở lại Thành Đô. Cùng năm, lập con là Toàn làm Tân Bình Vương. Đại xá.

Năm (Diên Hi) thứ hai mươi, nghe tin Ngụy Đại tướng quân Gia Cát Đản ở Thọ Xuân làm phản, Khương Duy lại dẫn quân ra Lạc Cốc, đánh đến Mang Thủy. Năm ấy đại xá.

Đổi niên hiệu thành Cảnh Diệu nguyên niên. Khương Duy quay về Thành Đô. Sử quan nói Cảnh tinh hiển hiện, vì vậy đại xá, đổi niên hiệu. Hoạn quan Hoàng Hạo bắt đầu nắm hết quyền chính. Ngô Đại tướng quân Tôn Lâm phế chúa là (Tôn) Lượng, lập Lang Nha Vương Tôn Hưu (làm vua)

Năm (Cảnh Diệu) thứ hai, tháng sáu mùa hạ, lập con là Kham làm Bắc Địa Vương, Tuân làm Tân Hưng Vương, Kiên làm Thượng Đảng Vương.

Tháng chín mùa thu năm (Cảnh Diệu) thứ ba, truy thuyệccố tướng quân Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Bàn Thống, Hoàng Trung.

Tháng ba mùa xuân năm (Cảnh Diệu) thứ tư, truy thụy cố tướng quân Triệu Vân.

Tháng giêng mùa xuân năm (Cảnh Diệu) thứ năm, Tây Hà Vương Tông chết. Cùng năm, Khương Duy lại dẫn quân ra Hầu Hoà, bị Đặng Ngải đánh bại, quay về đóng ở Đạp Trung.

Mùa hạ năm (Cảnh Diệu) thứ sáu, Ngụy cất đại quân, lệnh cho Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, Trấn Tây tướng quân Chung Hội, Ung Châu Thứ Sử Gia Cát Tự mấy đường cùng tấn công. Vì thế (Hậu Chủ) sai Tả Hữu Xa Kỵ tướng quân Trương Dực, Liêu Hoá; Phụ Quốc tướng quân Đồng Quyết ra chống địch. Đại xá, đổi niên hiệu thành Viêm Hưng. Mùa đông năm ấy, Đặng Ngải đánh bại Vệ tướng quân Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. (Hậu Chủ) dùng kế sách của Quang Lộc Đại phu Tiểu Chu, ra hàng Ngải, dâng thư rằng: "Giới hạn phân chia Giang - Hán, nhìn rõ mới thấu thâm sâu. Đất Thục đẳng bậc ở ngoài rìa, nhỏ bé riêng một góc, lỗ mãng trái với mệnh trời, một thời dần dần đã trôi qua, cùng với kinh kỳ cách xa hàng vạn dặm. Thường nghĩ đến những năm Hoàng Sơ⁽¹⁵⁾ Văn Hoàng Đế⁽¹⁶⁾ chọn lấy Hồ Nha tướng quân là tiên phụ mà ban lệnh, tuyên bố mật chiếu, trình bày ân điển, (cho) thiết lập đất đai môn hộ, tỏ rõ đại nghĩa. Chỉ vì đức bạc tài hèn, tham việc tư riêng bỏ sót sự nghiệp, cúi xuống ngẩng lên làm hại phép nước, chưa thuận theo được kỷ cương. Thiên oai chấn động khắp nơi, thần người đều vì thuận với số mệnh mà theo về, việc khiếp hãi vương sư thần vũ chỉ là thứ yếu. Mạo muội cũng chẳng dám vắng mặt, xin quy phụ mà nghe theo mạng lệnh! Nay lập tức răn bảo các tướng quăng thương cởi giáp; quan lại gắng sức gìn giữ kho tàng, một thứ cũng không huỷ hoại. Áo vải bình dân lương thực có dư cho phép nghỉ ruộng để đợi ân trạch sau này mà bảo toàn tính mạng cho trăm họ. Cúi mong Đại Ngụy ban bố ân đức, thiết trí giáo hoá. Như bậc tể phụ Y, Chu⁽¹⁷⁾ bao dung người thua cuộc, chứa chấp kẻ khốn cùng. Kính sai bọn bọn liêu thuộc ở tư gia là Thị Trung Trương Thiệu, Quang Lộc Đại phu Tiểu Chu, Phụ Mã Đô Úy Đặng Lương mang ấn tín đến dâng lên, thỉnh cầu mệnh lệnh, trình báo lòng thành, dâng nộp điều trung. Sống chết ban cho, chỉ tùy phán xét. Xe áo

quan đang ở sát bên, không dám rườm lời mà phân bua cặn kẽ.” Hôm đó, Bắc Địa Vương Kham đau đớn vì mất nước mà chết. Trước giết vợ con, sau tự ải chết.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Hậu Chủ thuận theo kế sách của Tiểu Chu. Bắc Địa Vương Kham giận nói: ”Nếu như lý đũa lực tàn, hoạ hoạn khó tránh, dù cho cha con vua tôi dựa lưng vào tường thành mà đánh một trận, chết cùng xã tắc, cũng có thể gặp mặt Tiên Đế vậy.” Hậu Chủ không chấp thuận, rút cuộc sai đưa ấn tín đi (dâng nộp). Hôm ấy, Kham khóc trong Chiêu Liệt miếu, rồi trước giết vợ con sau tự sát chết. Tả hữu không ai không rơi lệ khóc.

Thiệu, Lương cùng Ngải gặp nhau ở Lạc huyện. Ngải nhận được thư (hàng) rất mừng, lập tức viết thư hồi đáp,

Vương Ân Thục Ký chép: Thư hồi báo của Ngải nói: ”Phép tắc vương giả để lạc phương hướng, quần hùng trời dậy, long hổ chiến tranh, cuối cùng thuộc về chân chủ, đó đại khái là cái đạo đi về của thiên mệnh vậy. Từ xưa thánh đế rồi đến Hán Ngụy, nhận mệnh trời làm vua tuyet chẳng có ai không ở tại Trung thổ. Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư⁽¹⁸⁾ đều là khuôn phép của thánh nhân, hưng thịnh nghiệp lớn mà không có nguồn gốc từ đó, chưa có ai là không đảo điên nghiêng đổ. Ngồi Hiêu⁽¹⁹⁾ nương tựa vào đất Lũng mà bị bại vong, Công Tôn Thuật⁽²⁰⁾ chiếm cứ đất Thục mà bị tiêu diệt là vết xe đổ làm gương từ đời trước vậy. Thánh Thượng anh minh, tế thần lương đồng, sánh vai cùng nhau hưng khởi nhà vàng, lập nên huân lao to lớn một thời. (Tôi) Vâng mệnh lai chinh, vẫn nghĩ đến âm hưởng tốt lành nghe được, quả nhiên chỉ phiến sứ giả lại qua, thông báo phúc tin, đây chẳng phải việc của người, há là trời mở cửa hay sao! Xưa Vi Tử theo Chu, đích xác làm thượng khách. Bậc quân tử biết ứng phó, bảo tồn đạo nghĩa trong biến động, tới với lời lẽ ôn hoà khiêm cung, lấy lễ mà vác quan tài, đều là điển cố theo mệnh trời mà người sáng suốt đời trước đã làm. Nay bảo toàn quốc gia là thượng sách, huỷ hoại quốc gia là tầm thường. Tự mình không thấu hiểu thông suốt lý sự này, sao có thể tỏ rõ đạo nghĩa của bậc vương giả được!” Thiệt lại sai Thái Thường Trương Tuấn, Ích Châu Biệt Giá Nhữ

Siêu nhận lấy phù tiết. Sai Thái Phó Trương Hiến đem mệnh lệnh ra răn bảo Khương Duy. Lại sai Thượng Thư lang Lý Hồ đem hộ khẩu số dân đến nộp. Tổng cộng hai mươi tám vạn hộ, nam nữ chín mươi tư vạn người, giáp binh tướng sĩ mười vạn hai nghìn, quan chức bốn vạn người. Gạo hơn bốn mươi vạn斛; vàng bạc các loại hai nghìn cân; gấm, lụa hoa, lụa màu, lụa sống các loại hơn mười vạn thếp và nhiều thứ khác.

sai Thiệu Lương về trước. Ngải đến cửa bắc thành, Hậu Chủ khiêng quan tài, tự trói đến cửa quân môn. Ngải đốt quan tài, cởi trói (cho Hậu Chủ) mời vào gặp mặt.

Tấn Chư Công Tán chép: Lưu Thiện cưỡi xe la đến yết kiến Ngải không kể đến lễ số của kẻ vong quốc.

(Ngải) Nhân đó thuận theo quy chế phong Hậu Chủ làm Phiêu Kỵ tướng quân. Những người tiết tháo xung quanh, gặp phải lời răn bảo của Hậu Chủ, về sau phải chịu khuất phục. Ngải an trí Hậu Chủ trong cung cũ, tự mình qua lại thăm hỏi, chỗ nương nhờ chưa có gì khe khắt. Tháng giêng năm sau, Ngải bị bắt. Chung Hội từ Phù đến Thành Đô gây loạn. Chẳng được bao lâu Hội chết, trong Thục quân binh cướp bóc giết tróc, người chết ngổn ngang mất vài ngày mới an ổn lại.

Cả nhà Hậu Chủ bị chuyển sang đông, không lâu đến được Lạc Dương.

Sách mệnh viết rằng: "Duy tháng ba năm Đinh Hợi, niên hiệu Cảnh Nguyên thứ năm. Hoàng Đế ngự ra bên ngoài chính điện. Sai quan Thái Thường gia mệnh Lưu Thiện làm An Lạc huyện công. Trong lúc nhà trò hát xướng, lên nghe lệnh trăm! Ôi! Nổi tiếp trời cao, nâng đỡ vạn vật, lấy điều hết thảy cùng trông ngóng làm trọng yếu, an định thiên hạ, theo thời thế ôn hoà làm nên hưng vượng. Tự mình dưỡng dục chúng sinh ấy là cái đạo của bậc quân vương. Mà thuận theo ý trời ấy là cái nghĩa làm mẹ của muôn dân. Trên dưới quan lại thuận hoà, vạn vật nhờ thế rồi mới tốt tươi, bách tính được hưởng thụ thái bình. Nếu như Hán thị mất người nối vào tông thống, sáu cõi sẽ đều nhiễu như chấn động. Bản Thái Tổ⁽²¹⁾ thuận theo vận mệnh, hưng khởi nghiệp rồng, cứu giúp rộng rãi khắp tám phương, là bởi dùng lễ hoà theo đạo trời, thuận lòng lê dân, có tâm an ủi vỗ về lớn nhỏ.

Đương thời cha người nhân khi quần kiệt mạnh mẽ tương tranh nhiều lần chẳng chịu an định. Lợi dụng trời đất xa xôi cách trở, chiếm giữ thành trì xứ Thục, nên khiến một góc phía tây biên giới thành ra khu biệt, cương vực bên ngoài ách tắc cách ngăn. Từ đó, chinh chiến không ngừng, bách tính lê dân không được bảo an tính mạng, đến nay đã được gần năm kỷ⁽²²⁾. Di chí tổ tông để lại trăm luân hằng nhớ, tâm tư mãi để vào việc vỗ về phủ dụ, tập hợp cả bốn bề, thống lĩnh quốc thổ cùng đi một đường, cho nên tu sửa lục quân, tỏ rõ oai phong ở vùng Lương Ích. Công⁽²³⁾ đức độ cao vời, nghiêm nhặt kiên trì đạo chính, chẳng sợ uỷ khuất đem thân làm tin, lấy tình thương dân toàn quốc làm trọng, nén lòng sửa đổi lo toan, biến báo cập thời, hành vi lời nói đều theo thứ tự, đáng được nhận phúc lộc vô cùng dành cho kẻ tả hữu, há có thể xa rời hay sao! Trăm rất đẹp lòng, vua tôi chung hưởng an bình rạng rỡ dài lâu, để tham cứu lời răn dạy của tiền nhân, đáp đền công lao cho người khai quốc. Noi theo tích cũ, này con bò đen, kia gói cỏ trắng, mãi mãi là phụ thần nước Ngụy, luôn luôn tôn kính vậy. Công nếu quả cung kính mà phục tùng lệnh trăm, có thể mở rộng đức tâm, cuối cùng rồi sẽ vẻ vang hiển hách.”

Thực ấp vạn hộ, lựa được ban vạn thếp, nô tì một trăm người, ngoài ra các vật đều xứng đáng. Con cháu có ba người làm Đô Úy, được phong Hầu hơn năm mươi người. Bọn Thượng Thư Lệnh Phàn Kiến, Thị Trung Trương Thiệu, Quang Lộc Đại phu Tiểu Chu, Bí Thư Lệnh Khích Chánh, Điện Trung Đốc Trương Thông thảy đều được phong làm Liệt Hầu.

Hán Tấn Xuân Thu chép: “Tư Mã Văn Vương⁽²⁵⁾ cùng Thiện dự yến, trong tiệc cử hành nhạc điệu có nguồn gốc từ đất Thục. Người xung quanh đều động lòng cảm thương chua xót, nhưng Thiện vẫn cười nói như thường. Vương nói với Gia Sung rằng: “Người vô tình có thể đến thế này sao! Ví phỏng dù Gia Cát Lượng còn tại thế, cũng không thể giúp đỡ dài lâu chu chu toàn cho nổi, huống chi là Khương Duy?” Gia Sung đáp: “Nếu không phải vậy, Điện hạ vì cớ gì mà gồm thâu được.” Ngày khác, Vương hỏi Thiện rằng: “Có nhớ đất Thục lắm không?” Thiện đáp: “Chỗ này vui lắm, không nhớ gì Thục cả.” Khích Chánh nghe được, xin gặp Thiện nói:

”Nếu Vương lại hỏi đến, nên khóc mà đáp rằng: ‘Phần mộ tổ tiên nằm ở đất Lũng Thục xa xôi, bởi vậy trong lòng thương nhớ miền tây, không ngày nào không không hoài niệm’, nhân đó mà nhắm mắt.”. Đến khi Vương hỏi lại, (Thiện) đáp như trên. Vương nói: ”sao chỉ giống như lời Khích Chánh vậy!” Thiện kinh hãi nói: ”Quả đúng như lời ngài.” Tả Hữu đều bật cười.

Công hoảng ⁽²⁴⁾ năm Thái Thủy⁽²⁵⁾ thứ bảy ở Lạc Dương.

Thục ký chép: Thủy là Tư Công Tử Tuân Tự.

Bình rằng: Hậu Chủ lúc uỷ nhiệm cho trung thân hiền tướng thì là bậc quân vương biết theo lý lẽ, đến khi bị mê hoặc bởi hoạn quan, người hầu thì thành ra hôn quân ám chúa. Sách nói rằng ”tơ sống không bền chắc, được cái dễ bị nhuộm” quả nhiên là vậy! Lẽ nói, quốc quân kế tục thể chế, vượt san năm mới thì thay niên hiệu, nhưng ngay năm Chương Vũ thứ ba liền chuyển sang gọi là Kiến Hưng. Tham cứu ý nghĩa từ cổ đại, thấy (việc này) trái với đạo lý. Lại thêm quốc gia không thiết lập cơ quan chuyên về sử sách, sự kiện không có người biên chép, do đó việc làm phần lớn bị bỏ sót, tai họa kỳ sự cũng chẳng được ghi lại. Gia Cát Lượng tuy thông đạt ở mặt sách lược pháp lệnh, song cũng là loại tầm thường, vì vậy trải qua nhiều năm mà chưa chu toàn được việc này. Nhưng coi sóc sửa sang công việc mười hai năm niên hiệu không xô dịch, việc quân luôn phát động mà không tùy tiện ban bố đại xá, cũng không phải là trác tuyệt hay sao. Từ khi Lượng chết về sau, quy chế dần suy sụp, hơn kém rõ rệt vậy.

Hoa Dương Quốc Chí chép: Thời Lượng làm Thừa tướng, có lời bàn rằng tiếc không có công đại xá. Lượng đáp: ”Trị nước cần đức lớn chứ không dùng ơn nhỏ. Xưa Khuông Hành⁽²⁷⁾, Ngô Hán⁽²⁸⁾ không đồng ý thi hành đại xá. Tiên Đế cũng từng có lời sai ta chu toàn nhà của cho Trần Nguyên Phương, Trịnh Khang Thành⁽²⁹⁾, mỗi lần gặp gỡ thì bầm bạch báo lại. Cái đạo lý trị loạn tất phải là như vậy mà không cần bàn chuyện đại xá. Cứ như Lưu Cảnh Thăng⁽³⁰⁾ hay cha con Quý Ngọc⁽³¹⁾ mỗi năm lại đại xá mà có giúp ích gì cho việc trị nước.”

Thần Tùng Chi thấy rằng: ”Không tùy tiện ban bố đại xá” quả thật có thể tán dương. Còn như ”niên hiệu không xô dịch” thì vẫn chưa đạt đến.

Xét niên hiệu như Kiến Vũ⁽³²⁾, Kiến An⁽³³⁾ đều rất lâu không thay đổi mà chưa nghe sử sách xưa kia đàm luận ngợi khen gì. ”Coi sóc sửa sang công việc mười hai năm” không thể coi là trác tuyệt. Tách biệt (giai đoạn trước và sau khi Lượng chết) vốn là có ý khác, mà lập luận chẳng đến nơi. Sau khi Lượng chết là những năm niên hiệu Diên Hi có đến hơn hai mươi năm sung mãn, (cho nên) nói đến ”quy chế dần dần suy sụp” lại là chẳng đúng.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Lên làm Hoàng Đế.
- (2) Chiếu vua ban dùng riêng cho việc phong chức ban tước.
- (3) Làm một việc đạt được ba điều thiện
- (4) Đại nho đời Hán.
- (5) Đỗ Vi tự nhận mình điếc nên giao thiệp bằng cách viết ra giấy, xem thêm Đỗ Vi truyện, Thục thư quyển 12.
- (6) Chiêu Liệt là miếu hiệu của Lưu Bị.
- (7) Hoàng Hà, Lạc Thủy
- (8) Hạng Tịch là tên thật của Hạng Vũ.
- (9) Thành Thang nhà Ân Thương đánh bại vua cuối cùng nhà Hạ là Kiệt ở Minh Điều nhưng không giết mà chỉ bắt kẻ thua trận đi đày ở Nam Sào.
- (10) Văn Vương đánh Trụ Vương nhà Ân Thương để lập nên nhà Chu, trận chiến quyết định diễn ra ở Mục Dã. Quân nhà Thương đông hơn nhưng không muốn chiến đấu vì hôn quân nên phần lớn buông giáo đầu hàng.
- (11) Phụ Quả vốn là Trí Quả của Trí thị - cường thần nước Tấn thời Xuân Thu Chiến Quốc. Trí Tử giao quyền điều hành Trí thị cho Trí Bá, Trí Quả không bằng lòng bèn đổi sang họ Phụ, tuyệt giao với Trí thị nhờ đó tránh được họa diệt tộc khi Trí thị bị Triệu thị, Ngụy thị, Hàn thị liên kết lật đổ.
- (12) Vi Tử (Khải) là em cùng mẹ của Trụ Vương, đầu hàng nhà Chu, lúc đầu giữ địa vị khách khanh, sau khi Chu Công Đán dẹp tan cuộc nổi dậy của Vũ Canh - con trai Trụ Vương ở đất Ân, nhà Chu phong tước Công (lớn nhất trong các chư hầu) ở đất Ấy để giữ hương hỏa nhà Ân Thương. Là người sáng lập nước Tống thời Xuân Thu Chiến Quốc.
- (13) Hạng Bá là người tiết lộ âm mưu thích sát Lưu Bang tại Hồng Môn yến của Hạng Vũ cho Trương Lương về sau hàng Hán, được phong hầu.
- (14) Ngô Ý.
- (15) Tào Phi lên làm vua niên hiệu là Hoàng Sơ.

- (16) *Ngụy Văn Đế Tào Phi.*
- (17) *Y Doãn nhà Thương và Chu Công Đán nhà Chu cả hai đều nổi danh hiền thân phụ chính.*
- (18) *Theo truyền thuyết xưa của Trung Quốc, trên sông Hoàng Hà đã từng xuất hiện con long mã trên mình có đồ (Đường vẽ ngoằn ngoèo) gọi là Hà đồ và trên sông Lạc Thủy xuất hiện con thần qui, trên lưng có thư gọi là Lạc thư. Được coi là nguồn gốc của văn hóa Trung Quốc.*
- (19) *Thủ lĩnh cát cứ khu vực Lũng Hữu đầu thời Đông Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.*
- (20) *Thủ lĩnh cát cứ đất Thục đầu thời Đông Hán, từng xưng đế, bị Hán Quang Vũ đánh bại.*
- (21) *Chỉ Tào Tháo, Tào Phi xưng đế truy thụy cho cha là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.*
- (22) *Mỗi kỷ là 12 năm.*
- (23) *Lúc này Lưu Thiện được phong An Lạc huyện công nên Công ở đây là chỉ Lưu Thiện.*
- (24) *Ở đây Trần Thọ dùng chữ "hoảng" như bậc quân vương thay cho chữ "tử" hoặc "tốt".*
- (25) *Tư mã Chiêu.*
- (26) *Thái Thủy là niên hiệu của Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thủy thứ bảy là năm 271.*
- (27) *Đại nho đời Hán.*
- (28) *Khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ.*
- (29) *Không rõ là ai.*
- (30) *Lưu Biểu tự là Cảnh Thăng.*
- (31) *Lưu Chương tự là Quý Ngọc.*
- (32) *Kiến Vũ là niên hiệu của Hán Quang Vũ, kéo dài 32 năm từ 25 đến 56.*

(33) Kiến An là niên hiệu của Hán Hiến Đế, kéo dài 25 năm từ 196 đến 220.

QUYỂN 4 - NHỊ CHỦ PHI TỬ TRUYỆN

*Cam Hoàng hậu, Mục Hoàng hậu, Kính Ai Hoàng hậu, Trương Hoàng
hậu, Lưu Vĩnh, Lưu Lý, Lưu Tuyền*

NHỊ CHỦ PHI TỬ TRUYỆN

Cam Hoàng Hậu vợ Tiên Chủ là người đất Bái. Tiên Chủ tới Dự Châu, đóng quân ở Tiểu Bái, tùy tiện thu nạp. (Từ khi) Tiên Chủ mất vợ chính, (Hậu) thường cai quản công việc trong nội phủ. (Hậu) theo Tiên Chủ tới Kinh Châu rồi sinh Hậu Chủ. Gặp lúc quân Tào Công (đánh) đến, đuổi kịp Tiên Chủ ở Đương Đương Trường Bản, trong lúc khốn quẫn, (Hậu) bị bỏ lại sau cùng với Hậu Chủ. Nhờ có Triệu Vân bảo vệ mới thoát khỏi nguy nan. Sau (Hậu) mất, táng ở Nam Quận. Năm Chương Vũ thứ hai, được truy thụy là Hoàng Tư Phu Nhân, chuyển về an táng trong đất Thục, nhưng (linh cữu Hậu) chưa đưa về đến nơi thì Tiên Chủ đã qua đời. Thừa tướng Lương dâng lời rằng: "Hoàng Tư Phu Nhân sự tích hành vi đều rõ lòng nhân, một đời hiền thực cung thuận. Đại Hành Hoàng Đế ⁽¹⁾ xưa còn tại thượng nhận làm phi tần, lại sinh ra Thánh thượng, nhưng số mệnh chẳng được lâu dài. Khi Đại Hành Hoàng Đế còn sống, lưu luyện nghĩa tình, thương phần mộ Hoàng Tư Phu Nhân để mãi ở chốn xa vời, riêng sai sứ giả đặc biệt đi đón đem về. Gặp ngay lúc Đại Hành Hoàng Đế băng. Nay linh cữu Hoàng Tư Phu Nhân đã về tới, mà tử cung ⁽²⁾ còn ở trên đường, lăng tẩm sắp hoàn thành, an táng nhập thổ đã có kỳ hạn. Thần thường cùng bọn Thái Thượng Lại Cung bàn luận rằng: 'Lễ Ký chép: 'Dựng nên tình thương mến với mẹ cha mình trước thì dạy được dân tính hiếu thảo, dựng nên lòng tôn kính với bậc tôn trưởng của mình trước thì dạy được dân biết thuận tòng.' Đừng quên cha mẹ, thân ta do họ sinh ra. Theo khuôn mẫu của sách Xuân Thu thì mẹ vì con mà được quý hiển. Xưa Cao Hoàng Đế truy tôn Thái Thượng Chiêu Linh Phu Nhân làm Chiêu Linh Hoàng Hậu; Hiếu Hoà Hoàng Đế cải táng cho mẹ ngài là Lương Quý Nhân, tôn hiệu là Cung Hoài Hoàng Hậu; Hiếu Mẫn Hoàng Đế cũng cải táng cho mẹ ngài là Vương Phu Nhân, tôn hiệu là Linh Hoài Hoàng Hậu. Nay Hoàng Tư Phu Nhân nên có tôn hiệu, để an ủi tâm tư chốn hàn tuyền. (Thần) thường cùng bọn Cung xét chuẩn mực việc đặt thụy thấy nên đặt hiệu là Chiêu Liệt Hoàng Hậu. Kinh Thi chép: 'Cốc theo phép nên khác nhà, chết theo phép nên cùng huyết',

Lễ Ký chép: Thời thượng cổ không có hợp táng, từ trung cổ về sau tùy theo thời thế và địa phương mới có.

cho nên Chiêu Liệt Hoàng Hậu nên cùng hợp táng với Đại Hành Hoàng Đế. Thần khẩn cầu Thái Úy trình với tông miếu, tuyên cáo với thiên hạ, sửa soạn nghi lễ riêng để dâng lên”. (Hậu Chủ) phê đáp chuẩn thuận cho.

Tiên chủ Mục Hoàng Hậu người ở Trần Lưu, anh là Ngô Nhất⁽³⁾. Mồ côi từ thưở nhỏ. Cha Nhất cùng Lưu Yên là chỗ thâm giao, vì thế toàn gia theo Yên vào đất Thục. Yên có chí khác⁽⁴⁾, mà lại nghe người giỏi tướng thuật nói Hậu có tướng đại quý, bèn khiến con trưởng là Mạo lúc ấy vẫn đi theo nạp Hậu làm vợ. Mạo chết⁽⁵⁾, Hậu sống một mình. Tiên Chủ chẳng bao lâu sau an định được Ích Châu, mà Tôn Phu Nhân thì lại quay về Ngô.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Tiên Chủ đi vào Ích Châu, Ngô sai người đón Tôn Phu Nhân, Phu Nhân muốn cùng Thái Tử⁽⁶⁾ về Ngô. Gia Cát Lượng sai Triệu Vân dẫn quân chặn sông giữ Thái Tử lại mới ngăn cản được.

Thuộc hạ khuyên Tiên Chủ đón cưới Hậu. Tiên Chủ do dự vì Mạo là người cùng họ. Pháp Chính tiến lên nói rằng: ”luận đến chuyện thân sơ, sao so được với Tấn Văn và Tử Ngữ⁽⁷⁾”. Vì thế (Tiên Chủ) nạp Hậu làm Phu Nhân.

Tập Tạc Xi bàn rằng: Chuyên hôn nhân của con người là đầu mối của nhân luân, gốc rễ của vương hoá. Vì thế dẫu là thất phu cũng không thể không theo lễ hưởng hồ là bậc nhân quân. Tấn Văn bỏ lễ tông quyền vốn là để cứu vãn sự nghiệp. Trước Tử Phạm nói: ‘Có việc cầu người, tất phải thuận theo người’. (Tấn Văn Công và Tử Ngữ) cùng nhau tranh đoạt quốc gia chứ không phải chỉ là người vợ mà thôi. Thật chẳng phải vô cơ mà làm chuyện trái lễ vậy. Nay Tiên Chủ không có quyền hành sự việc chi bức bách mà lại dẫn cái thất thố của tiền nhân làm ví dụ, thật không phải là cách mở đường cho bậc quân vương đi vào cái đạo của Nghiêu, Thuấn vậy. Tiên Chủ thuận theo, còn sai hơn.

Năm Kiến An thứ hai mươi tư, (Tiên Chủ) lập (Hậu) làm Hán Trung Vương Hậu. Tháng năm mùa hạ năm Chương Vũ nguyên niên, phong rằng: ” Trẫm vâng mệnh trời, lên ngôi chí tôn, cai trị vạn quốc. Nay lấy Hậu làm

Hoang Hậu. Sai Thừa tướng Lượng làm sứ giả đến trao ấn thụ (cho Hậu), kế thừa tông miếu, làm mẫu nghi thiên hạ. Hậu cung kính mà nhận lấy!” Tháng năm năm Kiến Hưng nguyên niên, Hậu chủ nối ngôi, tôn Hậu làm Hoàng Thái Hậu, hiệu là Trường Lạc Cung. Nhất quan đến Xa Kỵ tướng quân, tước phong đến Huyện hầu. Năm Diên Hi thứ tám, Hậu hoẵng, được hợp táng (với Chiêu Liệt Đế Lưu Bị) ở Huệ Lăng.

Tôn Thịnh viết trong Thục thế phổ rằng: Một người đẹp cung thuận, đắm chìm trong dòng họ người nam trong ba mươi năm, cũng không có gì là uỷ khuất cho người nam cả.

Hậu Chủ Kính Ai Hoàng Hậu, là con gái quan Xa Kỵ tướng quân Trương Phi. Năm Chương Vũ nguyên niên, được lấy làm Thái Tử Phi. Năm Kiến Hưng nguyên niên lập làm Hoàng Hậu. Năm (Kiến Hưng) thứ mười lăm hoẵng, táng ở Nam lăng.

Hậu Chủ Trương Hoàng Hậu⁽⁸⁾, em gái Kính Ai Hoàng Hậu lúc trước. Năm Kiến Hưng thứ mười lăm, nhập cung làm Quý Nhân. Năm Diên Hi thứ nhất, phong rằng: ”Trẫm đảm đương kế tục nghiệp lớn, làm quân vương trị vì thiên hạ, thờ phụng giao miếu xã tắc. Nay lấy Quý Nhân làm Hoàng Hậu, lệnh cho người đảm nhiệm công việc của Thừa tướng là Tả tướng quân Hưởng Lăng làm sứ giả cầm cờ tiết đến trao ấn thụ. Khuyến khích tu sửa việc trong cung, hết lòng kính cẩn nghiêm trang mà thờ phụng. Hoàng Hậu cung kính mà nhận lấy!” Năm Hàm Hi nguyên niên, theo Hậu Chủ sang định cư ở Lạc Dương.

Hán Tấn Xuân Thu viết: Ngụy đem cung nhân nước Thục ban thưởng cho chúng tướng chưa có vợ, Lý Chiêu Nghi nói: ”Ta không thể đôi ba lần chịu nhục”, bèn tự sát.

Lưu Vĩnh tự Công Thọ, con trai Tiên Chủ, em của Hậu Chủ. Tháng sau năm Chương Vũ nguyên niên, (Tiên Chủ) sai Tư Đồ (Hứa) Tĩnh lập làm Lỗ Vương, phong rằng: ”Tiểu tử Vĩnh, nhận chăm sóc lấy đất đen. Trẫm vâng thứ tự trời ban, kế tục thống lĩnh đại nghiệp, noi theo chuẩn mực từ xưa, lập nên (cho con) quốc gia này, ở vùng đất phía đông, ơn huệ ban cho đầy đủ, đời đời phụ thuộc. Ô hô. Tuân lời trẫm dạy! Chỉ một nước lỗ này, mỗi lần

biến đổi đều theo đường thích hợp, phong hoá được bảo tồn. Dân tình yêu đạo đức, nhân thế vẫn ngợi khen. Làm vương xứ ấy phải vững lòng theo lễ nghi, phủ dụ lấy học sĩ cùng lê dân, cùng hưởng cùng nên. Hãy cẩn thận mà gánh vác!” Năm Kiến Hưng thứ tám, (Hậu Chủ) cải phong (Vĩnh) làm Cam Lăng Vương. Buổi đầu, Vĩnh ghét Hoạn quan Hoàng Hạo, không lâu sau Hạo được tin nhiệm giao cho xử lý công việc, bèn vu cáo hãm hại Vĩnh. Hậu Chủ dần dần xa lánh Vĩnh, đến mức hàng chục năm (Vĩnh) không được vào triều kiến. Năm Hàm Hi nguyên niên, Vĩnh chuyển sang sống ở Lạc Dương, được bái làm Phụng Xa Đô Úy, tước phong Hương Hầu.

Lưu Lý tự Phụng Hiếu, cũng là con trai Tiên Chủ, em của Hậu Chủ, song không cùng mẹ với Vĩnh. Tháng sáu năm Chương Vũ nguyên niên, (Tiên Chủ) sai Tư Đồ (Hứa) Tĩnh lập (Lý) làm Lương Vương, phong rằng: ”Tiểu tử Lý, trầm kế thừa thứ tự Hán triều, thuận với thiên mệnh, noi theo quy tắc thứ tự dài lâu, ban cho người vùng đất ở phía đông, làm thuộc quốc của Hán đình. Chỉ một đất Lương này, đất đai cương vực đều là đồng ruộng, dân quen giáo hoá, lấy đường hoà nhĩ mà theo phép tắc. Đến nơi tất thấy đều có tâm tình bao dung bảo vệ cho lê thứ. Đấy vĩnh viễn là đất phong của người. Hãy kính cẩn làm vương xứ ấy!” Năm Kiến Hưng thứ tám, (Hậu Chủ) cải phong (Lý) làm An Bình Vương. Năm Diên Hi thứ bảy chết. Con là Ai Vương Dận thừa kế, đến năm (Diên Hi) thứ mười chín thì chết. Con (của Dận) là Thương Vương Thừa nối tự, đến năm (Diên Hi) thứ hai mươi chết. Năm Cảnh Diệu thứ tư (Hậu Chủ) hạ chiếu rằng: ”An Bình Vương do Tiên Đế sắc phong, ba đời đều yếu mệnh, việc kế thừa của quốc gia rơi rụng cạn kiệt. Trẫm lấy làm cảm thương đau đớn, nay lấy Vũ Ân Hầu Tập tiếp nhận vương vị.” Tập là con của Lý, năm Hàm Hi nguyên niên chuyển sang sống ở Lạc Dương, được bái Phụng Xa Đô Úy, tước phong Hương Hầu.

Hậu Chủ Thái Tử Tuyền, tự là Văn Thành. Mẹ là Vương Quý Nhân, vốn là người hầu của Kính Ai Trương Hoàng Hậu. Tháng giêng năm Diên Hi nguyên niên sắc phong rằng: ”Xét từ xưa, các bậc đế vương thuận theo thể chế lập người kế tục, làm phó phù trợ quốc thống chính là đạo thường cổ

kim. Nay lấy Tuyền làm Hoàng Thái Tử, lam rục rở về vang oai nghi của tổ tông. Lệnh cho người đảm nhiệm công việc của Thừa tướng là Tả tướng quân Hưởng Lãng mang cờ tiết ra trao ấn tín. Nên gắng gỏi rèn luyện bản tính lương thiện trời ban, cung kính đạo nghĩa, học hỏi tin theo kinh điển lễ nghi, làm thêm nhiều điều thiện, tự giúp mình hoàn thiện phẩm hạnh, có thể không chuyên tâm tu chính mà tự gắng sức vậy!” Lúc ấy (Tuyền) mười lăm tuổi. Mùa đông năm Cảnh Diệu thứ sáu, Thục mất. Tháng giêng năm Hàm Hi nguyên niên, Chung Hội gây loạn ở Thành Đô, Tuyền bị loạn quân làm hại.

Tôn Thịnh viết Thục thế phổ rằng: Các em của Tuyền là Dao, Tông, Toàn, Kham, Tuân, Cừ sáu người. Thục bại, Kham Tự sát, những người còn lại đều chấp thuận thay đổi chỗ ở. Gặp cơn đại loạn thời Vĩnh Gia⁽⁹⁾, con cháu đều chết cả. Riêng cháu Vĩnh là Huyền chạy vào Thục, giữ một mạch nam đình kế thừa An Lạc công nhà Ngụy sau (Lưu) Thiện. Vào năm Vĩnh Hoà thứ ba, thảo phát Lý Thế, (Tôn) Thịnh tham dự việc quân, có gặp Huyền ở Thành Đô.

Bình rằng: Dịch nói: Có vợ chồng rồi mới có cha con, đây là đầu mối nhân luân của con người, ân tình hội hợp thật sâu dày, tuyệt không có gì hơn được. Đó là việc quan yếu phải ghi chép để nghiên ngẫm xét tìm hình trạng một quốc gia.

[CHÚ THÍCH]

(1) Vua chết chưa truy thụy và tôn miếu hiệu gọi chung là Đại Hành Hoàng Đế, trong trường hợp này là Lưu Bị.

(2) Quan tài của vua gọi là tử cung

(3) Ngô Ý, Trần Thọ viết Tam Quốc Chí vào thời Tấn vì kỵ húy của Tư Mã Ý nên viết thành Ngô Nhất.

(4) Ý nói Yên muốn tự lập làm vua.

(5) Mạo bị Đông Trác giết, xem thêm Lưu Yên truyện, Thục thư quyển 1

(6) Ở đây chỉ Lưu Thiện, có điều lạ là vào thời điểm đó Lưu Bị thậm chí chưa lên ngôi Hán Trung Vương mà Thiện đã được gọi là Thái Tử.

(7) Tấn Văn chỉ Tấn Văn công còn Tử Ngữ là Tấn Hoài công con của Di Ngô Tấn Huệ công, cháu ruột Tấn Văn công. Tấn Văn công lưu lạc mấy chục năm ở nước ngoài, chớp cơ hội Tử Ngữ Tấn Hoài công mất lòng người, mượn thế lực nước Tần về nước làm vua, phải chấp nhận cưới con gái Tần Mục công vốn là vợ Tử Ngữ làm vợ.

(8) Bà này chết sau khi Thục mất nước nên không được đặt miếu hiệu, chỉ gọi là Trương Hoàng Hậu.

(9) Vĩnh Gia là niên hiệu của Tấn Huệ đế, trong những năm Vĩnh Gia các vương công nhà Tấn tranh chấp đánh lẫn nhau tạo ra một giai đoạn loạn lạc gọi là Vĩnh Gia chi loạn hay loạn Bát Vương.

QUYỂN 5 - GIA CÁT LƯỢNG TRUYỆN

Gia Cát Lượng.

GIA CÁT LƯỢNG TRUYỆN

諸葛亮



Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, người quận Lang Nha huyện Dương Đô, là hậu duệ của quan Tư lệ Hiệu úy là Gia Cát Phong nhà Hán. Cha là Khuê, tự Quân Công, thời Hán mạt làm Quận thừa ở Thái Sơn. Lượng mồ côi sớm, theo chú là Huyền tạm làm thái thú Dự Chương cho Viên Thuật. Huyền dẫn Lượng cùng em Lượng là Quân đến nhậm chức. Gặp lúc Hán triều cử Chu Hạo đến thay Huyền. Huyền vốn cùng Kinh Châu mục Lưu Biểu là chỗ quen biết cũ, nên qua đó nương nhờ.

Hiển đế Xuân Thu chép: Lúc trước, Dự Chương thái thú là Chu Thuật bị bệnh chết, Lưu Biểu đưa Gia Cát Huyền lên làm Dự Chương thái thú, cai trị ở Nam Xương. Nhà Hán nghe tin Chu Thuật chết, phái Chu Hạo đến thay Huyền. Hạo theo Dương Châu thái thú là Lưu Do mượn binh đánh Huyền, Huyền lui về đóng ở Tây thành, Hạo lấy được Nam Xương. Năm Kiến An thứ hai tháng giêng, dân ở Tây thành làm phản, giết Huyền, mang đầu đến chỗ Lưu Do. Những lời ở sách ấy, cùng với bốn truyện⁽¹⁾ bất đồng.

Huyền mất, Lượng tự mình cày ruộng, thường ca Lương phụ ngâm⁽²⁾.

Hán Tấn xuân thu viết: Nhà Lượng ở huyện Đặng thuộc Nam Dương, cách thành Tương Dương 20 dặm về phía Tây, xứ ấy gọi là Long Trung.

Lượng cao tám thước, thường tự ví mình với Quán Trọng-Nhạc Nghị, người bấy giờ chẳng mấy ai cho là vậy. Duy chỉ có Thôi Châu Bình ở Bắc Lăng và Từ Thứ tự Nguyên Trực ở Dĩnh Xuyên có giao hiếu với Lượng, lại tin là vậy.

Xét gia phả họ Thôi: Châu Bình, là con của Thái úy Thôi Liệt, em của Thôi Quân.

Ngụy lược chép: Lượng ở Kinh Châu, năm Kiến An sơ, cùng với Thạch Quảng Nguyên và Từ Nguyên Trực ở Dĩnh Xuyên, Mạnh Công Uy ở Nhữ Nam đều là bạn học. Ba người kia đều chuyên cần học tập đến lễ tinh thực, riêng Lượng chỉ xem xét đại lược mà thôi. Mỗi lúc sớm tối thông dung, thường ôm gối cười dài, mà bảo ba người kia rằng: “Ba người mai sau làm quan, xem tài cán chắc sẽ làm đến Thứ sử hoặc Quận thú vậy.” Ba người hỏi chí của Lượng, Lượng chỉ cười không đáp. Sau Mạnh Công Uy nhớ quê

muốn quay về Bắc, Lượng nói: “Trung Quốc nhiều đại sỹ phu, ngao du hà tất phải nhớ cố hương!”.

Thần Tùng Chi cho rằng những lời ấy của Ngụy lược, nói Gia Cát Lượng vì Công Uy mà toan tính có thể đúng, nếu bảo đó là lời riêng của Lượng về mình, có thể nói chưa biểu đạt tâm ý của Lượng vậy. Lão tử nói rằng biết người là trí, tự biết mình là minh, phàm là những người tài đức, bèn lòng sẽ có tất cả vậy. Cứ như hiểu biết của Gia Cát Lượng, há chẳng tự xét rõ phận mình ư? Cao giọng ngâm nga đợi thời cơ đến, ý nguyện biểu hiện giữa ngôn từ, chí khí chất chồng, đã định rõ từ lúc ban đầu. Nếu để Lượng dạo bước Trung Hoa, như rồng bay lên, há đông đảo kẻ sỹ Trung nguyên có thể nhấn chìm Lượng được sao! Quy phục Ngụy thị, thi triển tài năng, tin rằng chẳng phải Trần Trường Văn, Tư mã Trọng Đạt⁽³⁾ có thể bay liệng được, huống chi là kẻ khác ư! Không lo sự cầu thả ắt nghiệp chẳng nên, đạo sao có thể thi hành, dầu có chí nuốt cả vũ trụ nhưng kết cục vẫn chẳng thể ngoảnh mặt về Bắc được, bởi Lượng biết đại quyền đã chuyển, Hán thất nghiêng đổ, nên mới phụ giúp cho người hào kiệt trong tông thất, lấy việc hưng vi để nối cái ngôi đã tuyệt là trách nhiệm về mình. Há đâu chỉ vì cái lợi nhỏ mọn nơi biên ải thôi ư! Có khác gì Tương Như⁽⁴⁾ đã nói rằng “Côn bằng bay lượn ở nơi xa thăm, mà kẻ bẫy chim còn chăm chú vào bờ lau sậy” hay sao.

Công Uy lập danh ở Ngụy, cũng là bậc quý hiển.

Thời Tiên chủ đóng ở Tân Dã, Từ Thứ ra mắt Tiên chủ, được Tiên chủ rất kính trọng, Thứ muốn giúp Tiên chủ mới bảo: “Gia Cát Khổng Minh là bậc trí giả, được gọi là “con rồng năm”, tướng quân há chẳng mong được gặp ư?” Tương dương ký chép: Lưu Bị bàn chuyện thế sự với Tư Mã Đức Tháo⁽⁵⁾, Đức Tháo nói: “Đám nho sinh tục sỹ, há biết được thời thế ư? Biết thời vụ mới là tuần kiệt. Tất chỉ có một trong hai người Phục Long, Phượng Sồ”. Bị hỏi là ai? Đáp: “Là Gia Cát Khổng Minh và Bàn Sỹ Nguyên đó”. Tiên chủ nói: “Tiên sinh hãy đưa y đến gặp ta.” Thứ nói: “Người này chỉ có thể tới gặp, chứ chẳng thể vờ, tướng quân nên khuất giá tới đó”.

Bởi thế Tiên Chủ đến chỗ Lượng, tất cả ba lần, được gặp, cho đuổi hết người đi rồi nói: “Hán thất nghiêng ngửa suy đồi, gian thần tiếm quyền,

chúa thượng chịu nổi phong trần. Cô chẳng tự lượng đức lượng lực, muốn đem tín nghĩa tỏ rõ cùng thiên hạ, nhưng trí thuật kém cỏi, để giặc thoả sức tung hoành, cho đến tận hôm nay. Hiềm vì ý riêng vẫn còn chưa dứt, tiên sinh hãy mách bảo cho kế sách lâu dài được chăng?”. Lượng đáp rằng : “Từ thời Đông Trác tới đây, hào kiệt cùng nổi dậy, vượt châu chiếm quận nhiều không kể xiết. Tào Tháo so với Viên Thiệu, danh tiếng nhỏ chẳng bằng, binh lực chênh lệch, nhưng Tháo lại thắng được Thiệu, lấy yếu thắng mạnh, chẳng phải chỉ có thiên thời, mà còn bởi mưu người nữa. Nay Tháo cầm quân trăm vạn, bức hiếp thiên tử sai khiến chư hầu, bởi thế chẳng thể cùng tranh phong được. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, đã trải ba đời, nước hiểm dân thuận, dùng được người hiền tài, như thế chỉ có thể làm ngoại viện chứ chẳng thể thôn tính. Kinh Châu phía Bắc có sông Hán, sông Miện, phía Nam có mối lợi Nam Hải, phía Đông liền với Ngô Hội, phía Tây thông với đất Ba, đất Thục, đó là đất dụng võ, không phải chúa giỏi tất chẳng giữ được, ấy là trời dành cho tướng quân đó, tướng quân có ý gì chăng?

Ích Châu hiểm trở đầy dãy, đất đai ngàn dặm phì nhiêu, là kho của trời cho, Cao Tổ nhờ nơi đó mà thành đế nghiệp. Lưu Chương hôn ám nhu nhược, Trương Lỗ đe dọa ở phía Bắc, dân đông nước giàu mà chẳng biết trông coi, kẻ sỹ tài trí chỉ mong gặp đấng minh quân. Tướng quân là dòng dõi tông thất, tín nghĩa sáng rõ bốn bể, đứng đầu những kẻ anh hùng, mong người hiền như khát nước, nếu gộp được cả Kinh-Ích, giữ vững nơi hiểm trở, Tây hoà với các tộc Nhung, Nam phủ dụ Di Việt, ngoài giao hảo với Tôn Quyền, trong sửa sang chính trị; Khi thiên hạ có biến, mệnh cho một viên thượng tướng đưa quân Kinh Châu nhằm hướng Uyển-Lạc, tướng quân đích thân đốc xuất đại binh Ích Châu tiến ra Tần Xuyên, trăm họ ai dám không đem giỏ cơm bầu nước nghênh đón tướng quân? Được như vậy, ắt nghiệp bá có thể thành, Hán thất có thể hưng được vậy.”

Tiên Chủ khen “Hay!” Từ đó đối với Lượng tình nghĩa ngày càng thăm thiết. Quan Vũ-Trương Phi rất không hài lòng. Tiên Chủ giải thích rằng: “Cô được Khổng Minh, như cá gặp nước vậy. Các em chớ nên nhiều lời”. Vũ-Phi phải chịu.

Ngụy lược chép: Lưu Bị đóng quân ở Phàn Thành. Ngày ấy Tào công đã định xong Hà Bắc, Lượng biết Kinh Châu là nơi thụ địch, mà Lưu Biểu vốn tính trì trệ, không hiểu việc quân. Lượng bèn đi về Bắc ra mắt Bị, do Bị với Lượng chưa từng quen biết, lại thấy Lượng ít tuổi, mới tỏ ý tiếp đãi như đối với học trò. Sau buổi họp, khách khứa đã về hết, chỉ còn lại mình Lượng, Bị vẫn không hỏi han gì cả. Tính Bị thích kết lông mao, gặp lúc có người mới dâng cho Bị một cái đuôi trâu, Bị tự tay ngồi tết. Lượng bèn tiến đến nói: “Minh tướng quân nuôi chí cao xa, mà chỉ ngồi tết đám lông trâu thôi ư!”. Bị biết Lượng tất chẳng phải người tầm thường, liền quăng cái đuôi trâu đi, bảo: “Sao lại nói vậy? Là ta đang muốn quên đi sự lo lắng buồn phiền đấy thôi!” Lượng nhân đó nói tiếp: “Tướng quân nghĩ Lưu trấn Nam⁽⁶⁾ có bằng được Tào công chăng?” Bị đáp: “Không bằng”, Lượng lại hỏi: “Tướng quân tự xét mình thì thế nào?”. Bị đáp: “Cũng chẳng bằng.” Lượng bảo: “Mọi thứ đều chẳng bằng, mà binh sĩ của tướng quân bất quá chỉ mấy ngàn người, lấy quân ấy để đợi địch, có kế cũng chẳng làm gì được!” Bị nói: “Ta đang lo lắng việc ấy, bây giờ nên làm thế nào?”. Lượng nói: “Nay Kinh Châu dân số chẳng phải ít, nhưng số biên trong sổ tịch quá ít ỏi, cứ theo sổ tịch trưng binh, tất nhân tâm không phục; nên nói riêng với Trấn Nam, lệnh cho hết thảy dân di cư trong vùng, đều phải tới chứng thực, nhân đó có thể tuyển thêm người”. Bị theo kế đó, nên được đông quân cường mạnh. Bởi thế Bị biết Lượng thao lược hơn người, bèn lấy lễ thượng khách tiếp đãi. Sách Cửu châu xuân thu cũng chép như vậy.

Thần là Tùng Chi xét biểu văn của Lượng viết rằng: “Tiên đế không xem thần là kẻ hèn mọn, đem lòng chiếu cố, ba lần đến nơi lều cỏ của thần, cùng bàn việc thế sự”, tất chẳng phải Lượng đến tìm Bị trước, rõ là vậy. Dẫu rằng trong văn hay có những câu khác nhau, nảy sinh sự so sánh, nhưng trái ngược đến như thế, cũng là quái lạ vậy.

Con trưởng của Lưu Biểu tên Kỳ, rất kính trọng Lượng. Biểu lại nghe lời vợ thứ, yêu con nhỏ là Tông, nhạt tình với Kỳ. Kỳ thường hỏi Lượng kế giữ mình, Lượng bèn từ chối, không chịu can dự vào việc ấy. Kỳ bèn đưa Lượng đến chơi hậu viên, cùng lên lầu cao, yển ẩm ở trên đó, sai người cất thang, rồi bảo Lượng rằng: “Nơi này trên không tới trời, dưới không đến đất, lời ra

khỏi miệng ngài, đến thẳng tai tôi, ngài có thể nói được chưa?” Lượng đáp rằng: “Công tử chẳng thấy Thân Sinh ở trong thì nguy, Trùng Nhĩ⁽⁷⁾ ra ngoài thì yên hay sao?” Kỳ tình ngộ, ngầm tính kế trốn ra ngoài. Gặp dịp Hoàng Tổ mới chết, Kỳ được ra ngoài, làm Thái thú Giang Hạ. Không lâu sau Biểu chết, Tông nghe tin Tào công tới đánh, sai sứ đến xin hàng. Tiên Chủ ở Phàn thành hay được tin ấy, đem binh xuống phía nam, Lượng và Từ Thứ cùng đi theo, Tào Công truy đuổi đánh phá, bắt được mẹ của Thứ. Thứ từ biệt Tiên Chủ, trở vào ngực mình nói: “Tôi vốn muốn giúp tướng quân mưu đồ nghiệp vương bá, cho trọn tắc lòng. Nay vì mẹ già thất tán, tắc lòng đã loạn, chẳng giúp được việc gì, xin đành từ biệt.” Rồi đến chỗ Tào công.

Ngụy lược chép: Trước Thứ có tên là Đan Phúc, vốn là con cháu họ Đan, thừa nhỏ muốn theo nghề kiếm kích. Năm Trung Bình mạt, từng vì người khác báo thù, rồi trát bùn lên mặt, cắt tóc trốn đi, bị nha lại bắt được, hỏi tên họ, ngậm miệng không nói. Nha lại bèn trói lại đem rong trên xe, đánh trống ngoài chợ⁽⁸⁾, chẳng ai dám nói ra, sau nhờ bạn bè đánh tháo, thoát được. Vì thế cảm kích, bỏ nghề đao kiếm, mặc khăn thưa áo mỏng, chuyển sang học hành. Lúc mới tới trường, các học sinh ở đó nghe rằng Phúc khi trước làm bậy, chẳng ai chơi cùng. Phúc bèn chịu khó dậy sớm, thường một mình quét sân, đoán trước động tĩnh, nghe luyện kinh sách, để tinh thực nghĩa lý. Lại cùng với người đồng quận là Thạch Thao kết tình thân ái. Năm Sơ Bình trung, Trung Châu dậy binh, bèn cùng với Thao xuôi nam đến đất Kinh Châu, tới nơi, lại đặc biệt giao kết với Gia Cát Lượng. Gặp lúc Kinh Châu phụ thuộc bên ngoài⁽⁹⁾, Khổng Minh theo về với Lưu Bị, Phúc và Thao cùng về Bắc. Đến năm Hoàng Sơ trung, Thao làm quan đến chức Quận thú, Điển nông Hiệu úy, Phúc làm đến Hữu Trung lang tướng, Ngự sử trung thừa. Tới năm Đại Hoà trung, Gia Cát Lượng ra Lũng Hữu nghe tin Nguyên Trực-Quảng Nguyên quan chức chỉ như thế, cảm thán nói: “Nước Ngụy nhiều kẻ sĩ vậy! hai người ấy cũng chẳng được dùng ư?” Sau đó vài năm Thứ bị bệnh mất, bia mộ đặt tại Bành Thành, nay vẫn còn ở đó.

Tiên Chủ đến Hạ Khẩu, Lượng nói: “Nay việc cấp bách, xin được phụng mệnh đến cầu cứu Tôn tướng quân”. Bấy giờ Quyền đang hội quân ở Sài Tang, ngóng xem việc thành bại, Lượng thuyết Quyền rằng: “Thiên hạ đại

loạn, tướng quân khởi binh nắm giữ Giang Đông, Lưu Dự Châu⁽¹⁰⁾ thu quân ở Hán Nam⁽¹¹⁾, cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã trừ được đại nạn⁽¹²⁾, các xứ đã yên, mới đây lại phá được Kinh Châu, uy chấn bốn bể. Kẻ anh hùng không chồn dưng võ, cho nên Dự Châu phải lẩn trốn là vậy. Xin tướng quân hãy lượng sức mình mà định liệu: Nếu có thể lấy quân sĩ Ngô-Việt kháng cự được Trung Quốc, chi bằng sớm đoạn tuyệt ngay; nếu không thể đương, sao chẳng thu binh cởi giáp, ngoảnh mặt về Bắc mà thờ Tào! Nay tướng quân ngoài mặt tỏ ý phục tùng, trong lòng lại toan tính do dự, việc khẩn cấp mà không quyết, hoạ sẽ đến ngay đó!” Quyền hỏi: “Ví quả như lời ngài, sao Lưu Dự Châu không thờ Tào đi?” Lượng nói: “Điền Hoàn, chỉ là một tráng sỹ nước Tề, còn giữ nghĩa không chịu nhục, huống chi Lưu Dự Châu vốn là dòng vương thất, anh tài cái thế, hết thầy kẻ sỹ đều ngưỡng mộ, nếu nước chẳng về biển, khiến việc chẳng xong, ấy là bởi trời vậy, sao có thể quy phục ở yên dưới họ Tào!”. Quyền bưng bưng nói: “Ta chẳng thể dâng cả đất Ngô, với mười vạn quân binh, chịu phép của người. Kế ta đã quyết! Phi Lưu Dự Châu chẳng ai đương nổi Tào Tháo, song Dự Châu mới đây thua trận, chẳng hay có thể chống nổi nạn này?” Lượng nói: “Dự Châu tuy thua ở Trường Bản, nhưng quân sỹ đã tụ về cùng một vạn thủy quân tinh giáp của Quan Vũ, Lưu Kỳ ở Giang Hạ cũng còn không dưới vạn binh. Tào Tháo đông quân, từ xa tới đã mỏi mệt, lúc truy kích Dự Châu, quân khinh kỵ một ngày đêm đi hơn ba trăm dặm, ấy chính là ‘nỏ mạnh đã bắn xa hết sức, sức chẳng thể xuyên thủng tấm lụa mỏng’ vậy. Cho nên binh pháp kỵ việc ấy, nói rằng ‘Kể cả Thượng tướng quân cũng ngã nhào vậy.’ Và lại người phương Bắc vốn không quen thủy chiến; dân chúng Kinh Châu theo Tháo, chỉ vì việc binh bức bách, mà nhân tâm bất phục. Tin chắc rằng nếu tướng quân sai mãnh tướng thống lĩnh mấy vạn binh, cùng Lưu Dự Châu đồng tâm hiệp lực, tất phá được quân của Tháo vậy. Quân Tháo bị phá, ắt hẳn quay về Bắc, như vậy thế Kinh-Ngô sẽ cường, chân đỉnh hình thành. Cơ hội thành bại, là ở hôm nay vậy.” Quyền rất hài lòng, lập tức phái Chu Du-Trình Phổ-Lỗ Túc năm ba vạn thủy quân, theo Lượng đến gặp Tiên chủ, cùng hợp sức cự Tào công.

Viên tử chép: Trương Tử Bối⁽¹³⁾tiên cử Lượng với Tôn Quyền, Lượng quyết không lưu lại. Có người hỏi nguyên do, bèn rằng: “Tôn tướng quân có thể là vị chúa tốt, nhưng xem độ lượng người ấy, có thể yêu mến Lượng mà chẳng dùng hết tài của Lượng được, thế nên ta chẳng lưu lại”. Thần là Tùng Chi xem kỹ lời lập luận của Viên Hiếu Ni⁽¹⁴⁾, rất kính trọng con người Gia Cát Lượng, nhưng lời nói đến thế lại khác xa sự thật. Xem Lượng với Bị quân thần tương ngộ, có thể nói là đời này hiếm thấy, chung thủy chẳng lìa, ai có thể xen vào? Quyết không có việc giữa đường lìa bỏ tình tri ngộ, mang lòng đổi chủ, ví bằng Quyền dùng được Lượng, việc đổi thay lại dễ dàng đến thế? Cứ như cách hành xử của Gia Cát tiên sinh, sao như thế được! Quan Vũ bị Tào công bắt được, đãi ngộ rất hậu, có thể nói là dùng hết tài của Vũ, song Vũ vì nghĩa chẳng bỏ gốc, như thế Khổng Minh chẳng bằng được Vân Trường ư!

Tào công thua trận Xích Bích, dẫn quân chạy về Nghiệp quận. Tiên chủ lấy được các quận phía Nam sông, thăng Lượng làm quân sư Trung lang tướng, cai quản ba quận, Linh Lăng, Trường Sa, Quế Dương, điều hoà thuế khoá, bổ sung quân lương.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép rằng: Bấy giờ Lượng ở Lâm Trường⁽¹⁵⁾.

Năm Kiến An thứ mười sáu, Ích Châu mục Lưu Chương, sai Pháp Chính nghênh đón Tiên chủ, nhờ đánh Trương Lỗ. Lượng cùng Quan Vũ trấn thủ Kinh Châu. Tiên chủ từ Hà Manh quay về đánh Chương, Lượng cùng bọn Trương Phi-Triệu Vân thống suất binh sỹ ngược sông, chia nhau đánh lấy các quận huyện, cùng Tiên Chủ hợp sức vây đánh Thành Đô. Thành Đô bình định, Lượng lĩnh chức quân sư tướng quân, tạm coi việc ở phủ Tả tướng quân⁽¹⁶⁾. Tiên Chủ đánh dẹp bên ngoài, Lượng thường trấn giữ Thành Đô, quân lương đầy đủ. Năm thứ hai mươi sáu⁽¹⁷⁾, quần thần khuyên Tiên Chủ xưng đế, Tiên Chủ không nghe, Lượng thuyết rằng: “Xưa Ngô Hán-Cảnh Yểm lúc đầu khuyên Thế Tổ lên ngôi đế, Thế Tổ từ chối, trước sau bốn lần, Cảnh Thuần⁽¹⁸⁾mới dẫn lời rằng: ‘Anh hùng trong thiên hạ đều ngưỡng vọng mong ngóng. Nếu chẳng theo lời bàn luận, sĩ đại phu sẽ đều đi tìm chủ khác, chẳng ai theo chúa công nữa’. Thế Tổ rất cảm kích vì lời của Thuần, liền

ưng thuận. Nay họ Tào soán ngôi nhà Hán, thiên hạ vô chủ, đại vương là dòng dõi họ Lưu, kế thừa cơ nghiệp, nay lên ngôi hoàng đế, là việc rất nên làm. Các sĩ đại phu theo đại vương đã lâu, đắng cay trải đủ, nay cũng mong muốn được chút công danh như lời Thuần nói vậy.” Bởi thế Tiên chủ lên ngôi hoàng đế, sách mệnh cho Lượng làm thừa tướng rằng: “Trẫm trong nhà bất hạnh, phụng mệnh kế thừa đại nghiệp, lòng đau đầu sợ hãi, đâu dám hưởng yên vui, thường lo lắng cho trẫm họ, vẫn sợ tài đức mình chẳng đủ. Than ôi! Thừa tướng của trẫm là Lượng hiểu rõ bụng trẫm, không lười biếng giúp trẫm sửa bớt lỗi lầm, lấy nghiệp lớn làm trọng, nay tuyên chiếu bố cáo cùng thiên hạ! mong người hãy gắng sức.” Rồi lấy Lượng làm thừa Tướng kiêm Lục Thượng thư sự, ban cho Giả tiết. Sau này Trương Phi mất, Lượng lĩnh thêm chức Tư lệ hiệu úy.

Thực ký chép: Thời Tấn sơ, Phù Phong vương là Tuấn trấn thủ Quan Trung, tư mã Cao Bình Lưu Bảo, trưởng sử Huỳnh Dương là Hoàn Thấp cùng các sĩ đại phu luận bàn về Gia Cát Lượng, lúc đó kẻ bàn phần nhiều chê Lượng, gửi thân không đúng chỗ, làm Thục dân khốn khổ, thế yếu mưu lớn, chẳng biết lượng sức mình. Quách Xung ở Kim Thành cho rằng Lượng quyền trí, mưu lược hơn Quán-Án, mà công nghiệp chẳng thành, kẻ bàn luận còn lấy làm ngờ, Xung liền dẫn ra năm việc của Lượng mà người đời chưa từng nghe, bọn Bảo cũng chẳng thể làm nổi. Phù Phong vương cho rằng lời của Xung là đúng.

Thần Tùng Chi cho rằng đây là những lời khen kỳ lạ về Lượng, tuy nghe chân thành, nhưng cái thuyết ấy của Xung, thật rất đáng ngờ, xin cẩn trọng theo từng việc để vạch rõ những điều sai trái:

Việc thứ nhất nói rằng: Lượng dùng hình pháp khắc nghiệt, bóc lột trăm họ, từ kẻ quân tử đến tiểu nhân đều oán thán, Pháp Chính can rằng: “Khi xưa Cao Tổ vào quan ải, giản ước luật pháp chỉ có ba điều, dân Tần chịu ơn đức ấy, nay ngài mượn vũ lực, chiếm cứ Ích châu, mới lập nước, ân huệ chưa rủ xuống; Vả lại theo cái nghĩa chủ khách, nên giảm nhẹ đi, hãy khoan hoãn hình phạt nới lỏng các điều cấm, để đáp ứng kỳ vọng của người dân vậy”. Lượng đáp rằng: “Ngài chỉ biết một mà chẳng biết hai. Nhà Tần vô đạo, hình pháp hà khắc nên dân ai oán, kẻ thất phu gầm thét thị oai, thiên hạ

bằng hoại. Cao Tổ nhân việc ấy, mới có thể nói lòng để cứu vớt người ta. Nay Lưu Chương hôn ám nhu nhược, từ thời Lưu Yên đến nay mỗi đời lại thi ân thêm, lấy văn tự hình pháp ràng buộc người ta, cùng đắp đổi hỗ trợ cho nhau, mà đức chính chẳng được nêu, hình phạt không nghiêm túc. Nhân sỹ đất Thục được riêng quyền phóng túng, đạo quân thần dần bại hoại; Yêu thì ban cho ngôi vị, ngôi vị cao thì sinh ra khinh nhờn, thuận thì ban ân, ân tốt đỉnh thì sinh ngạo mạn. Sở dĩ tệ hại đến thế, thật bởi từ đó vậy. Nay ta nêu cao hình pháp, có phép tắc rồi mới biết ân, hạn chế tước lộc, ban cho tước mới thấy vinh; vinh ân gồm đủ, trên dưới có trật tự, làm được như thế, mới là phân minh rõ ràng”

Luận rằng: Xét Pháp Chính ở thời Lưu chủ còn sống, bấy giờ Pháp Chính đưa lời can, tất Lưu chủ còn vậy. Gia Cát là bầy tôi chân tay, nhưng mọi việc đều phải qua chủ, Lưu chủ còn đó, Lượng lại chưa đốc xuất việc ở Ích châu, muốn thưởng phạt có phép tắc, chẳng thể theo ý riêng của mình. Xung lại kể Lượng đáp như vậy, ấy là chuyên quyền tự quyết, có phải là cách hành xử nên có của kẻ bầy tôi. Như Lượng vốn là người khiêm nhường, ngờ rằng chẳng phải vậy. Lại nói rằng Lượng dùng hình pháp khắc nghiệt, bóc lột trăm họ, quả chưa nghe thấy khéo dùng luật lại khen là bóc lột.

Việc thứ hai là: Tào công phái thích khách đến gặp Lưu Bị, mới được đón tiếp, thoát luận về cái thế phạt Ngụy, rất hợp ý Bị. Sau hòng tiếp cận, thích khách còn chưa tiện dịp, thì Lượng đã vào, khách nước Ngụy thần sắc hoảng hốt. Lượng nhân đó coi xét y, đoán rằng đó chẳng phải người thường. Bỗng chốc, khách đi ra nhà xí, bị Bảo Lượng rằng: “Sắp được bậc kỳ sỹ, đủ để giúp ích cho tiên sinh”. Lượng hỏi ở đâu, Bị đáp: “Là vừa đứng lên vậy.” Lượng chậm rãi than rằng: “Quan khách sắc mặt động mà thần hải, ánh mắt thấp mà né tránh, gian tướng lộ ra ngoài, tà tâm ẩn bên trong, ắt là thích khách của họ Tào vậy.” Đoạn đuổi theo, thấy đã vượt tường chạy mất.

Luận rằng: Phàm là thích khách, đều là kẻ như hổ dữ rập rình, chết mà không hối. Lưu chúa có gương nhìn người, lại bị mê hoặc bởi thích khách, ắt hẳn khách ấy là bậc kỳ sỹ một thời; lại bảo Gia Cát rằng “đủ giúp ích cho tiên sinh”, tất cũng chẳng kém Gia Cát mấy nổi. Phàm những bầy tôi như Gia Cát, hiếm có kẻ làm thích khách cho người ta, đương thời người bá chủ

tiếc kẻ tài ba, tất không đẩy họ vào chỗ chết. Vả lại người này không chết, sau sẽ hiển đạt cho Ngụy, rốt cục là ai đây? Sao im hơi bật tiếng là vậy!

Năm Chương Vũ thứ ba mùa xuân, Tiên Chủ lâm trọng bệnh ở Vĩnh An, triệu Lượng từ Thành Đô tới, phó thác hậu sự, bảo Lượng rằng: “Tài của người gấp mười lần Tào Phi, tất yên được nước, làm nên đại sự. Nếu có thể giúp được con trẫm, hãy giúp. Ví như nó bất tài, quân sư hãy tự mình làm chủ”. Lượng ứa nước mắt khóc nói: “Thần nguyện dốc hết tâm lực phụ chính, một lòng trung trinh, tới chết mới thôi”. Tiên Chủ lại viết chiếu gửi Hậu Chủ, rằng: “Mọi việc phải theo lời thừa tướng mà làm, coi như cha vậy”.

Tôn Thịnh nói: Kẻ trượng đạo phù nghĩa, làm ra thể chế để người khác tin phục, rồi mới có thể giúp chủ nên công, sau cùng mới yên định được đại nghiệp. Ngạn ngữ nói rằng kẻ đánh cờ đã cất tay mà còn do dự bất định thì chẳng thể thắng được đối thủ, phương chi phải cân nhắc cái tài của bậc quân vương mà dè dặt đến hai ba lần, sao có thể diệt hết kẻ địch hùng mạnh lân bang để thu gồm bốn bể? Bị di mệnh cho Lượng, việc ấy rắc rối làm sao! Đời sau có người bảo rằng Bị muốn nhấn mạnh sự thành thực ủy thác, lại muốn thống nhất lòng dân Thục. Bậc quân tử nói rằng: Không đúng vậy; Ví như phó thác cho bậc hiền nhân trung thần, hẳn không nên dạy bảo rõ ràng như thế, bằng như không phải người như vậy, chẳng nên khơi dậy mưu đồ soán nghịch làm chi. Thế nên việc cố mệnh đời xưa, hẳn lưu lại lời răn; lời nói đối trá quỷ quyệt, chẳng phải là lời thác cô vậy. May mắn gặp phải Lưu Thiện tầm tối nhu nhược, không có tính hiểm độc nghi ngờ, mà Gia Cát lại uy vũ thao lược, đủ để khống chế mầm mống tranh chấp, bởi thế khiến những kẻ không cùng lòng chẳng thể nào trỗi dậy được. Nếu không, sợ rằng đã phát sinh nghi kỵ hiểm khích chẳng được thoả ý mình. Nói rằng đấy là quyền thuật, chẳng phải sai lầm ư!

Kiến Hưng năm đầu, phong Lượng làm Vũ Hương Hầu, được mở phủ sự, không lâu sau, lại lĩnh thêm chức Ích Châu mục. Việc chính sự chẳng kể lớn nhỏ, đều do Lượng quyết. Các quận xứ Nam Trung, cùng nổi lên làm loạn. Lượng nhân trong nước đang có đại tang, không tiện xuất binh, lại sai sứ sang Ngô, kết tình hòa hiếu, cùng làm nước đồng minh.

Gia Cát Lượng tập chép: Năm ấy, Ngụy tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lăng, Thượng thư lệnh Trần Quần, Thái sử lệnh Hứa Chi, Yết giả Phó xạ Gia Cát Chương đều gửi thư riêng cho Lượng, bày đặt mệnh trời việc người, muốn Lượng dâng cả nước xưng thần. Lượng không đáp thư, lại viết một bức chính luận rằng: “Khi xưa Hạng Vũ khởi lên mà chẳng có đức, dẫu lấy được Hoa Hạ, giữ thanh thế như hoàng đế, rốt cục vẫn phải thân bại danh liệt⁽¹⁹⁾, ấy là lời răn cho hậu thế. Nước Ngụy chẳng xem đó là tấm gương, lại theo vết chân ấy; thoát thân đã là may, lấy làm điều răn cho con cháu. Các vị đều là những bậc nguyên lão, vâng mệnh Ngụy chúa mà tiến thư, khác chi Sùng-Tùng xưng tụng công lao của Mãng⁽²⁰⁾, cũng là bức bách cầu may cầu tránh họa thôi. Xưa Thế Tổ⁽²¹⁾ chấn hưng cơ nghiệp cũ, có mấy nghìn binh lính gắng sức giăng co, bẻ gãy hơn bốn mươi vạn cường binh của Mãng ở gần Cồn Dương, mới hay thảo phạt kẻ tà đạo cứ đâu quân ít hay nhiều. Kìa như Mạnh Đức⁽²²⁾, vẫn lấy sự lừa lọc quỷ quyết hơn thế lực, đem vài chục vạn quân đến cứu Trương Cáp ở Dương Bình, thế cùng ngồi lo lắng hối tiếc, cầu mong thoát nạn, làm nhục khí thế của ba quân, đành cam bẽ chịu mất đất Hán Trung, trong bụng biết rõ thần khí⁽²³⁾ chẳng thể làm xằng mà có được, nên quay về chưa lâu, đã trúng độc mà chết. Tử Hoàn⁽²⁴⁾ dâm dật, làm việc cướp ngôi. Các ngài lại buông tuồng dùng những lời quỷ biện hoa mỹ của Tô-Trương⁽²⁵⁾, vâng mệnh bề trên mà dâng lên Hoan Đâu⁽²⁶⁾ những lời lẽ khí thế ngút trời, muốn huỷ hoại ngôi Đường đế, ngâm nga biện giải chuyện Vũ-Tắc⁽²⁷⁾, cũng chỉ là chôn vùi văn thơ làm buồn lòng kẻ hàn mặc⁽²⁸⁾ mà thôi. Kẻ đại nhân quân tử tất chẳng bao giờ làm thế. Thiên Quân giới lại viết: “Vạn quân liều chết, xưng hùng thiên hạ”. Xưa Hiên Viên sửa sang mấy vạn binh sỹ, mà không chế bốn phương, yên việc trong cõi, huống chi ta dùng mấy chục vạn quân, nương theo chính đạo soi xét kẻ có tội, cứ theo lẽ ấy mà suy thì có thể cầu mà được vậy!

Năm thứ ba mùa xuân, Lượng xuất quân nam chinh, Đến mùa thu bình định được hết cả. Quân nhu đầy đủ, nước mạnh dân giàu, bèn cho sửa sang khí giới thao luyện binh sỹ, chờ thời khởi sự.

Hậu chủ ban cho Lượng phủ việt bằng vàng một bộ, lọng cán cong một chiếc, trước sau còn có mũ lông chim, trống, sáo mỗi thứ một bộ, quân hồ bốn sáu chục người. Việc chép ở Lượng tập.

Hán Tấn xuân thu chép: Lượng đến Nam Trung, thắng trận ở đó. Nghe tin Mạnh Hoạch, được người Di-Hán ở đó phục tùng, mới yết bảng cho người bắt sống đưa tới. Bắt được rồi, sai người dẫn Hoạch đi xem các nơi bày doanh trại, hỏi rằng: “Quân của ta thế nào?”, Hoạch thưa rằng: “Trước không rõ hư thực, nên bại. Nay được coi xét rõ doanh trại, cũng chỉ đến thế, thắng cũng chẳng khó gì”. Lượng cười, thả ra cho đấu lại, bảy lần bắt bảy lần thả, mà Lượng vẫn sai thả Hoạch. Hoạch không bỏ đi nữa, nói: “Công, uy danh của ông như trời vậy, người Nam không phản lại nữa!”, rồi đến Điền Trì. Nam Trung bình định, đều dùng lại những thủ lĩnh ở đây. Có người can Lượng, Lượng nói: “Ví như để người ở lại, ắt phải lưu quân, lưu quân lại chẳng có lương ăn, đó là một điều không nên; xứ Di mới bị tàn phá, cha anh mất con em, lưu quan mà không lưu binh, tất thành hoạ hoạn, đó là hai điều không nên; người Di mới lụy mà phế bỏ hết đi là sai lầm, tự gây ra hiểu lầm lẫn nhau, nếu lưu người ở lại, chẳng tin được nhau, là ba điều không nên; nay ta chẳng lưu binh, không phải chuyển lương, như thế kỷ cương tạm ổn định, Hán-Di cùng yên ổn vậy.”

Năm thứ năm, cất đại quân ra bắc đóng ở Hán Trung, trước khi đi, dâng biểu tâu lên Hậu Chủ rằng:

“Tiên đế sáng nghiệp chưa lâu nửa đường đã băng hà, nay thiên hạ chia ba, Ích châu mỗi một, quả là sự nguy cấp tồn vong đã ở ngay trước mắt. Thế nên kẻ bầy tôi châu chực chẳng dám lười nhác ở bên trong, kẻ sĩ có chí trung thành vong thân ngoài cõi, là vì nhớ đến cái ơn tri ngộ của Tiên đế, muốn đáp đền cùng Bệ hạ vậy. Bệ hạ nên rộng rãi thánh minh, để sáng đức tốt của Tiên đế, thúc đẩy chí khí của kẻ sĩ, chẳng nên làm bừa mà tự coi rẻ mình, dẫn dụ điều thất nghĩa, lấp con đường trung thực của kẻ can gián. Trong cung phủ đều là một thể, tưởng thiện phạt ác, chẳng nên phân biệt. Nếu như có điều sai phạm hoặc trung thiện, nên giao cho sở ty luận rõ mà thưởng phạt, để làm sáng tỏ đạo lý công bằng sáng suốt của Bệ hạ, không nên riêng tư nghiêng lệch, khiến cho khuôn phép trong ngoài sai khác.

Bọn Thị trung, Thị lang như Quách Du Chi-Phí Y-Đông Doãn đều là những lương thần, biết toan tính mà trung thuận, ấy là tiên đế đã lựa chọn và để lại cho bộ hạ. Ngu ý cho rằng việc ở trong cung, chẳng kể lớn nhỏ, đều phải bàn kỹ với họ, sau mới thi hành, như thế có thể bồi bổ thiếu sót, có ích rộng rãi. Tướng quân Hưởng Sùng tính hạnh thuần thực, hiểu rõ việc quân, được thử dùng ngày trước, Tiên đế khen là có tài cán, thế nên mọi người bàn luận và tiến cử làm Đô đốc. Ngu ý cho rằng việc ở trong doanh trại, ắt phải bàn bạc kỹ với ông ấy, ắt có thể khiến hàng ngũ hoà thuận, định rõ hơn kém.

Thân với hiền thần, xa lánh tiểu nhân, ấy là lẽ nhà Tiên Hán đã hưng; thân với tiểu nhân, xa lánh hiền thần, ấy là lẽ nhà Hậu Hán đã nghiêng đổ vậy. Thời Tiên đế còn sống, mỗi lần cùng với thần đàm luận về việc ấy, không lần nào không than thở đau xót oán giận cho Hoàn-Linh⁽²⁹⁾. Các Thị trung, Thượng thư, Trưởng sử, Tham quân đều là những bề tôi trung trinh đến chết, xin Bộ hạ thân thiết và tin dùng họ, được thế tất nhà Hán hưng vượng, điều đó có thể tính ngày mà đợi được vậy.

Thần vốn là kẻ áo vải, đem thân cày ruộng ở Nam Dương, mong toàn tính mệnh ở đời loạn, chẳng cần nổi tiếng với chư hầu. Tiên đế không coi thần là kẻ hèn mọn, đem lòng chiếu cố, ba lần tìm đến kiếm thần nơi lều cỏ, hỏi thần về việc đương thời, bởi thế thần rất cảm kích, nguyện theo Tiên đế ruổi rong. Sau gặp lúc nghiêng ngả, nhận việc giữa lúc quân thua tướng bại, phụng mệnh lúc gian nguy, tính đến nay đã trải hai mươi một năm.

Thần Tùng Chi xét rằng: Lưu Bị thua chạy vào năm Kiến An thứ mười ba, sai Lượng đi sứ sang Ngô. Đến năm Kiến Hưng thứ năm Lượng dâng biểu Bắc phạt, tính rõ chỉ có hai mươi năm. Như vậy Bị cùng Lượng tương ngộ, trước lúc bại quân một năm vậy.

Tiên đế biết thần cẩn thận, trước lúc lâm chung đã phó thác đại sự cho thần. Từ lúc phụng mệnh đến nay, sớm khuya lo lắng, sợ phụ lại sự uỷ thác, làm tổn hại đến đức sáng suốt của tiên đế, nên tháng năm vượt Lô giang, vào sâu nơi đất không cây. Hán thư địa lý chí chép: Dòng Lô giang bắt đầu ở quận Tang ca huyện Câu Đinh. Nay phương Nam đã định, binh giáp đầy đủ, đương lúc cần khích lệ ba quân, bắc định Trung nguyên, dốc hết tài mọn,

diệt trừ kẻ gian hung, trừng hưng Hán thất, trở lại cố đô. Như thế thần mới báo đáp được Tiên đế, mà trung thành với chức phận mà bệ hạ đã giao phó.

Còn như việc châm chước lợi hại, bày tỏ lời trung, đã có Du Chi-Y-Doãn đảm nhiệm vậy. Những mong bệ hạ uỷ thác để thần được đánh kẻ nghịch tặc phục hưng nhà Hán; nếu chẳng thành công, xin bắt tội thần, để báo cáo cùng vong linh Tiên đế. Còn như chẳng tiến dẫn được lời trung khiến cho đức không được hưng thịnh tất phải trách lỗi của Du Chi-Y-Doãn; Bệ hạ nên tự mình toan tính, hỏi han đạo phải, xét nạp lời ngay, tuân theo di chiếu của Tiên đế. Thần thụ ân mà cảm kích khôn cùng, nay đương ở nơi xa, dâng biểu mà khóc, chẳng thể nói hết lời”.

Liền đó, Lượng đem quân ra đóng ở Miện Dương.

Việc thứ ba Quách Xung nói rằng: Lượng đóng ở Dương Bình, sai Ngụy Diên dẫn binh Đông hạ, Lượng chỉ lưu một vạn quân giữ thành. Tấn Tuyên Đế⁽³⁰⁾ thống xuất hai mươi vạn binh chống Lượng, mà quân Diên bị lạc đường, Tuyên Đế theo lối tắt mà đến, còn cách Lượng chừng sáu mươi dặm, quân do thám báo với Tuyên Đế rằng Lượng ở trong thành binh đơn lực bạc. Lượng cũng biết Tuyên Đế sắp đến, tình thế bức bách, muốn chạy tới chỗ quân của Diên, nhưng khoảng cách quá xa, địch theo vết mà truy đuổi, tất không chạy kịp, tướng sỹ đều thất sắc, chẳng biết làm sao. Lượng tỏ ý thần nhiên, lệnh cho trong quân đều ngả cờ im trống, không được ra khỏi lều trại, lại sai mở toang bốn cửa thành, quét đất dọn rửa. Tuyên Đế thường nói Lượng là người cẩn trọng, mà giờ thấy thế bên kia yếu nhược, nghi có phục binh, bèn dẫn quân về phía bắc Thú Sơn. Hôm sau vào giờ ăn cơm, Lượng cười lớn bảo với các vị Tham tá thủ hạ rằng: “Tư Mã Ý tất bảo là ta khiếp nhược, chắc rằng có phục binh, ắt men theo núi mà chạy”. Quân do thám về báo lại, quả như lời Lượng nói. Tuyên Đế sau biết việc đó, rất lấy làm tiếc hận.

Luận rằng: Xét thấy Dương Bình ở Hán Trung. Khi Lượng mới đóng quân ở Dương Bình, Tuyên Đế còn làm đô đốc ở Kinh Châu, trấn giữ Uyển Thành, đến khi Tào Chân chết đi mới nắm quyền ở Quan Trung chống giữ với Lượng. Ngụy từng sai Tuyên Đế từ Uyển Thành đến Tây Thành phạt

Thục, gặp mưa dầm, chẳng nên công. Trước sau là thế, chẳng thế nào đến Dương Bình giao chiến được. Nếu quả như lời Xung nói, Tuyên Đế có hai vạn quân, lại biết Lượng binh ít lực yếu, dẫu nghi có quân mai phục, đúng ra phải bày đặt bố phòng cẩn trọng, sao lại bỏ chạy ngay? Lại xét Ngụy Diên truyện rằng: “Diên thường theo Lượng ra quân, muốn xin riêng một vạn tinh binh, cùng với Lượng theo đường khác hội quân ở Đồng Quan, Lượng kiềm chế không cho; Diên vẫn thường nói Lượng nhút nhát, than thở rằng tài của mình chẳng được dùng hết”. Lượng còn chẳng cho Diên riêng một vạn quân, sao được như lời Xung nói, là đang nắm giữ trọng binh ở phía trước, mà tự thủ lại khinh xuất vậy? Vả lại Xung nói với Phù Phong vương như thế, rõ ràng Tuyên Đế quá kém cỏi, nói chuyện với con lại chê bai cha, lý chẳng thể dung, bảo rằng: “Phù Phong vương cho rằng lời của Xung là đúng”, thế nên biết sách ấy dẫn toàn chuyện hảo vậy.

Năm thứ sáu mùa xuân, Lượng tung tin theo lối Tà Cốc ra lấy Mi thành, sai Triệu Vân-Đặng Chi làm nghi binh, chiếm giữ Cơ Cốc. Đại tướng quân Tào Chân nhà Ngụy cất quân chống cự. Lượng thân cầm quân ra đóng ở Kỳ Sơn, quân hung chinh tề, thưởng phạt đầy đủ mà hiệu lệnh nghiêm minh. Ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định phản Ngụy hưởng ứng Lượng. Quan Trung rung động.

Ngụy lược chép: Lúc trước, quốc gia cho là Thục trung chỉ có một mình Lưu Bị. Bị đã chết, mấy năm chẳng có động tĩnh gì, bởi thế cũng không tính chuyện phòng bị; Chợt nghe tin Lượng xuất binh, trong triều ngoài dã đều kinh hãi, ở Lũng Hữu-Kỳ Sơn lại càng đáng ngại, ba quận ấy cùng hưởng ứng Lượng.

Ngụy Minh Đế⁽³¹⁾ sang Tây trấn thủ Trường An, mệnh cho Trương Cáp chống cự Lượng. Lượng cử Mã Tắc đốc suất ba quân ở trước trận cùng với Cáp đại chiến ở Nhai Đình. Tốc trái phép của Lượng, hành động thất thổ, bị Trương Cáp đánh tan. Lượng dời hơn một ngàn hộ dân từ Tây Thành vào Hán Trung.

Việc thứ tư Quách Xung nói rằng: Lượng ra Kỳ Sơn, hai quận Lũng Tây-Nam An hưởng ứng ra hàng, Lượng lại vây Thiên Thủy, phá Ký Thành, bắt

được Khương Duy, đuổi mấy ngàn trai gái vào đất Thục. Mọi người đều đến mừng Lượng, Lượng cau mặt không vui tỏ vẻ thương xót, tạ rằng: “Khấp trong thiên hạ, chẳng ai không phải dân Hán, uy lực của quốc gia còn chưa đầy lên được, khiến cho bách tính phải khốn đốn trong miệng sài lang. Mỗi người chết đi, đều là tội của Lượng, lấy việc ấy là mừng, ta không thẹn sao được”. Bởi thế người Thục đều biết Lượng nuôi chí diệt Ngụy, chẳng phải chỉ là nói thác ra thế thôi vậy.

Luận rằng: “Lượng nuôi chí diệt Ngụy từ lâu, chẳng phải lúc ấy mọi người mới biết, vả lại bấy giờ ra quân chẳng thành, bị tổn thất phải quay về, ba quận theo hàng chẳng thể lấy được. Còn Khương Duy, chỉ là một kẻ thất phu ở Thiên Thủy, bắt được là tổn hại cho nước Ngụy sao? Được một nghìn nhà ở xứ Tây thành, chẳng bù nổi mất mát ở Nhai Đình, coi đó là công lao, mà người Thục đều đến chúc mừng ư?

Lượng đem giết Tắc rồi phanh thây để tạ tội với ba quân. Rồi viết sớ tâu lên Hậu Chủ rằng: “Thần vốn tài hèn, trộm giữ ngôi cao, thân cầm mao việt thống soái ba quân, mà chẳng thể nêu cao minh pháp, lâm việc sợ hãi, đến nỗi có việc trái mệnh lầm lỗi ở Nhai Đình, ở phía Cơ Cốc cũng không sao phòng thủ được, những lỗi ấy đều là bởi thần xét việc không đến nơi. Thần đã không sáng suốt nhìn người, làm việc u minh, nghĩa Xuân Thu trách tại thống soái, chức phận của thần phải đảm đương lỗi ấy. Xin tự biếm quan ba bậc, để phạt lỗi lầm”. Hậu chủ theo đó giáng Lượng làm Hữu tướng quân, coi việc thừa tướng, vẫn nắm quyền thống soái như trước.

Hán Tấn Xuân thu chép: Có kẻ khuyên Lượng tăng cường binh lực để đánh Ngụy, Lượng nói: “Đại quân của ta ở Kỳ Sơn-Cơ cốc đều nhiều hơn địch, thế mà chẳng thể phá giặc lại bị quân giặc đánh tan, thế tất chẳng phải bởi binh lực yếu kém, mà bởi tại người cầm đầu vậy. Nay ta muốn giảm binh xét tướng, sáng phép tỏ lỗi, tính đến cái đạo biến thông mai sau; nếu chẳng làm được như thế, dầu nhiều binh cũng chẳng ích gì! Từ nay về sau, những người trung tín lo lắng vì quốc gia, nên chuyên cần sửa lỗi cho ta, tất việc có thể nên, giặc sẽ bị tiêu diệt, cái công có thể nhón chân mà đợi vậy.” Rồi xét kỹ từng việc nhỏ, nêu rõ những điểm mạnh, chỉ ra những lỗi lầm, cáo rõ với thiên hạ, rồi luyện quân giảng võ, mưu toan việc về sau, lại kén

chọn binh sĩ để rèn luyện, để dân chúng quên đi thất bại đã qua. Lượng nghe tin Quyền phá Tào Hưu, quân Ngụy phải kéo về phía đông, Quan Trung suy yếu, tháng mười một năm ấy, dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

“Tiên đế lo Hán-tặc không thể chung ngôi, vương nghiệp chẳng thể yên một nửa, nên uỷ thác cho thần thảo phạt giặc giã. Bởi Tiên đế sáng suốt, lượng được tài mọn của thần, nên biết rằng thần thảo phạt là lấy yếu đánh mạnh; nhưng nếu không đánh giặc nghiệp vương sẽ mất; chỉ ngôi mà đợi mất, ai sẽ chịu đánh giặc? Đó là cái cơ để Tiên đế uỷ thác lại cho thần mà không nghi ngại. Từ ngày thần lĩnh mệnh, ăn không ngon, ngủ không yên, chỉ nghĩ đến việc Bắc chinh, nên trước dẫn quân xuống phương Nam, tháng năm vượt Lô giang, vào sâu nơi đất không cây, nhiều ngày đói khát. Thần chẳng phải không tiếc thân mình, bởi vương nghiệp chẳng được toàn vẹn ở Thục đô, nên phải xông pha vào chốn nguy nam để khỏi phụ lòng Tiên đế, mà kẻ nghị luận bảo rằng chẳng phải kế hay. Nay kẻ địch đang mỏi mệt ở phía tây, lại lo lắng ở phía Đông, binh pháp dạy rằng phải thừa lúc địch đang mệt nhọc mà đánh tới. Thần cẩn trọng xin tấu trình mọi nhẽ:

Cao Đế⁽³²⁾ sáng tựa nhật nguyệt, mưu thần uyên bác, thế mà phải vượt mọi hiểm nguy chịu thương, bị nguy rồi sau mới được an. Nay bệ hạ chưa thể sánh bằng Cao Đế, mưu thần chẳng được như Lương-Bình⁽³³⁾ mà lại muốn lấy kế lâu dài để thủ thắng, ngôi yên để an định thiên hạ, đó là điều thứ nhất thần không hiểu nổi.

Lưu Do-Vương Lãng⁽³⁴⁾ chiếm cứ châu quận, lập kế sách vỗ yên, dẫn dụ lời thánh nhân, mọi người còn mang lòng ngờ vực, khó nói ra lời, năm này không ra đánh, năm sau chẳng cất quân, khiến cho Tôn Sách ngày càng mạnh mẽ, thâm tóm cả xứ Giang Đông, đó là điều thứ hai thần không hiểu nổi.

Tào Tháo mưu kế kỳ tuyệt hơn người, dùng binh phảng phất như Tôn-Ngô⁽³⁵⁾, thế mà vẫn bị khốn ở Nam Dương, gặp hiểm ở Ô Sào, nguy nan ở Kỳ Liên, bị bức ở Lê Dương, mấy lần thua trận ở Bắc Sơn, suýt chết ở Đồng Quan, sau mới tạm yên định được một thời, hưởng chi thần tài mọn, lại

muốn không trải nguy nan mà yên định được, đó là điều thứ ba thần không hiểu nổi.

Tào Tháo năm lần đánh Xương Bá mà không xong, bốn lần vượt Sào Hồ mà không thành, tin dùng Lý Phục mà Lý Phục mưu mô, uỷ thác cho Hạ Hầu mà Hạ Hầu bại trận, Tiên đế thường khen Tào Tháo là người tài giỏi, còn có chỗ kém ấy, huống hồ thần là kẻ kém cỏi, lẽ nào lại nắm chắc phần thắng? Đó là điều thứ tư mà thần không hiểu nổi.

Từ lúc thần đến Hán Trung, trong khoảng một năm, đã mất Triệu Vân⁽³⁶⁾, Dương Quần, Mã Ngọc, Diễm Chi, Đinh Lập, Bạch Thọ, Lưu Cáp, Đặng Đồng, cùng hơn bảy chục tướng giữ đồn, là những mãnh tướng ít thấy. Những Tán kỵ, Vũ kỵ người Tung-Tâu-Thanh Khương cũng mất hơn một nghìn người, những người ấy đều là tinh hoa thu thập trong vài chục năm, từ bốn phương, chẳng phải từ một châu mà có được, thế mà chỉ vài năm, đã mất đến hai phần ba, biết lấy gì để đánh giặc? Đó là điều thứ năm thần không hiểu nổi.

Nay dân nghèo quân mỏi, việc lại chẳng thể dừng, việc chẳng thể dừng, tất phải chạy ngược chạy xuôi tổn tâm hao trí, mà nay chẳng sớm liệu, muốn lấy một châu để mưu toan đánh giặc lâu dài, đó là điều thứ sáu thần không hiểu nổi.

Việc khó bàn định, chính là việc ấy vậy. Xưa kia Tiên Đế thua quân ở Sở, lúc bấy giờ, Tào Tháo vỗ tay, bảo là thiên hạ đã định. Sau này Tiên đế liên minh với Ngô-Việt ở phía đông, giữ Ba-Thục ở phía tây, cất quân bắc chinh, Hạ Hầu mất đầu, ấy là Tháo thất kế mà nghiệp Hán sắp thành vậy. Về sau Đông Ngô phản bội minh ước, Quan Vũ bị diệt, rồi sai lầm vấp ngã ở Tỷ Quy, Tào Phi xưng đế. Phàm những việc như thế, khó mà biết đến được. Thần cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi, đến như việc thành bại được mất, chẳng phải thần sáng suốt hay đủ tài năng mà biết trước được”.

Liên đó có chiến dịch Tán Quan. Biểu này không có trong Gia Cát Lượng tập, mà thấy được ở sách Mặc ký của Trương Nghiễm⁽³⁷⁾.

Mùa đông, Lượng lại ra Tán Quan, vây Trần Thương, Tào Chân chống cự, Lượng hết lương phải quay về. Ngụy tướng Vương Song dẫn kỵ binh

truy đuổi Lượng, Lượng giao chiến, phá được, chém chết Song. Năm thứ bảy, Lượng sai Trần Thúc tiến công Vũ Đô-Âm Bình. Thứ sử Ung Châu nhà Ngụy là Quách Hoài dẫn quân muốn tập kích Thúc, Lượng tự mình dẫn quân ra Kiến Uy, Hoài phải lui binh, Lượng lấy được hai quận ấy. Hậu chủ viết chiếu gửi Lượng, rằng: “Chiến dịch Nhai Đình, lỗi bởi Mã Tắc, khanh lại lấy làm lỗi của mình, tự xin biếm chức, bởi tôn trọng ý kiến của khanh, trăm miễn cưỡng thuận theo. Song năm trước khanh đã làm rạng danh quân ta, chém chết Vương Song mang tai trái về dâng; năm nay viễn chinh, Quách Hoài phải trốn chạy, hàng phục được các bộ tộc Đê-Khương, thu về hai quận, uy trấn kẻ hung nghịch, công trạng đã rõ rệt. Nay thiên hạ đang nhiễu loạn, kẻ địch đầu sỏ chưa bị tiêu diệt, khanh vâng mệnh gánh vác việc lớn, là rường cột quan trọng của quốc gia, mà ở địa vị uỷ khuất đã lâu, chẳng phải là điều hay để biểu dương kẻ sỹ. Nay phục chức Thừa tướng cho khanh, xin chớ chối từ”.

Hán Tấn xuân thu chép: Năm ấy, Tôn Quyền xưng tôn hào⁽³⁸⁾, cùng quần thần suy tôn nhị đế⁽³⁹⁾ bá cáo thiên hạ. Mọi người bàn luận cho rằng việc giao hiếu là vô ích, mà danh bất thuận, nên sáng rõ chính nghĩa⁽⁴⁰⁾, cắt đứt minh ước. Lượng nói: “Quyền có tâm ý tiềm nghịch đã lâu, quốc gia sở dĩ bỏ qua ý đồ gây hấn ấy, cầu lấy thế ý giốc cứu giúp nhau. Nay nếu công nhiên tuyệt giao với họ, ắt thù hận của họ với ta rất sâu sắc, đương nhiên chúng ta phải dời quân sang đông, cùng với họ đấu lực, thôn tính đất đai của họ, rồi mới tính đến chuyện Trung nguyên. Hiềm vì bên ấy hiền tài đông đúc, đồng lòng nhất ý, chưa thể một sớm dẹp yên. Dừng binh giăng co, ngồi mà đợi già, khiến kẻ địch ở phương bắc được lợi, chẳng phải là thượng sách. Xưa Hiếu Văn phải nhún nhường với Hung Nô⁽⁴¹⁾, Tiên đế cùng với Ngô kết minh, đều là ứng với cái lẽ quyền mưu biến thông vậy, cần phải nghĩ tới lợi ích sâu xa, chớ nên làm việc lỗ mãng gây chia rẽ. Nay bàn định đều cho rằng Quyền được lợi ở thế ba chân鼎力, chẳng ngang sức với người, ước vọng đã được mãn nguyện, mà chẳng có ý muốn lên bờ nữa, xét điều ấy, tưởng rằng đúng mà lại sai. Sao vậy? Bởi vì Quyền trí lực chẳng đủ, nên chỉ giới hạn ở Trường Giang tự thủ; Quyền chẳng đủ sức vượt Trường Giang, cũng như giặc Ngụy chẳng thể vượt qua Hán Thủy, đều chẳng phải lực có thừa mà

thấy lợi chẳng làm. Nếu nay ta mang đại quân thảo phạt, trên thì cùng với họ phân chia đất đai⁽⁴²⁾ mưu tính về sau, dưới thì thu lấy dân mở rộng bờ cõi, bày ra uy vũ bên trong, họ chẳng ngồi yên vậy. Ví bằng họ án binh bất động giữ tình hoà hảo, khi ta Bắc phạt, chẳng phải lo nghĩ về phía Đông, mà địch quân ở Hà Nam chẳng dám về hết phía Tây, cái lợi ấy, cũng đã là to lớn lắm rồi. Cái tội tiếm xưng của Quyền, chưa nên làm rõ vậy”. Rồi sai Vệ úy Trần Chấn đến chúc mừng Quyền lên ngôi đế.

Năm thứ chín, Lượng lại ra Kỳ sơn, lấy trâu gỗ vận chuyển lương thảo.

Hán Tấn xuân thu chép: Lượng vây Kỳ Sơn, cho vờ vua rợ Tiên Ti là Kha Bì Năng, Bì Năng đến phía bắc Thạch Thành hưởng ứng Lượng. Bởi Đại tư mã Tào Chân nhà Ngụy đang ốm, Tư mã Tuyên Vương từ Kinh Châu về triều, Ngụy Minh nói: “Phương Tây có việc trọng đại, phi tướng quân không còn ai để phó thác nữa”. Rồi sai Tuyên Vương đi về Tây đến Trường An, đôn đốc bọn Trương Cáp, Phí Diệu, Đới Lăng, Quách Hoài. Tuyên Vương sai Diệu-Lăng giữ bốn nghìn tinh binh phòng thủ Thượng Nhai, còn lại đều sang tây cứu Kỳ Sơn. Cáp muốn chia binh đóng ở Ung-My, Tuyên Vương nói: “Ta đồn rằng để độc lập đảm đương việc nơi tiền tuyến, chỉ còn mỗi tướng quân vậy; nếu tướng quân chẳng gánh vác mà phân binh làm tiền hậu, lại giống như nước Sở chia quân làm ba cánh rồi bị Kinh Bối đánh bại ngày trước⁽⁴³⁾.” Rồi tiến binh. Lượng chia vây đánh, lại thân chinh đón đánh Tuyên Vương ở Thượng Nhai. Quách Hoài-Phí Diệu tập kích Lượng, bị Lượng đánh tan, nhân đó gặt hết lúa mạch ở ngoài đồng, gặt Tuyên Vương ở phía đông Thượng Nhai, Tuyên Vương thu binh cậy hiểm mà giữ, hai bên không giao chiến, Lượng đành dẫn quân quay về. Tuyên Vương bám theo Lượng đến Lỗ Thành. Trương Cáp nói: “Bên kia từ xa đến đánh ta, muốn đánh không được, ấy là ta không đánh mà có lợi, muốn dụng kế lâu dài để kiềm chế họ. Vả lại Kỳ Sơn biết rằng đại quân ở gần đây, cũng yên tâm cố thủ, ta có thể dùng viện đóng binh giữ vững thế này, nên chia một đội kỳ binh, bất ngờ vòng phía sau đánh tập hậu, chứ chẳng nên tiến quân mà không dám quyết đấu, ngồi yên một chỗ khiến người dân mất cả hy vọng. Nay Lượng ít quân thiếu lương, cũng phải rút vậy.” Tuyên Vương không nghe, vẫn bám theo Lượng. Đã vậy, lại lên núi lập doanh trại, nhất định

không giao chiến. Giá Hủ-Nguy Bình mấy lần xin đánh, nhân đó nói: “Công sợ Thục như cọp, làm trò cười cho thiên hạ sao!” Tuyên vương lấy làm tức giận. Chư tướng đều xin đánh. Tháng năm ngày Tân Tị, mới sai Trương Cáp tấn công Hà Bình khi ấy đang canh giữ vòng vây phía Nam, còn tự mình ở trung quân đối đầu với Lượng. Lượng sai Ngụy Diên-Cao Tường-Ngô Ban đến đánh, thắng lớn một trận, thu được ba ngàn thủ cấp cùng áo dầy, giáp đen năm ngàn bộ, cung cứng ba ngàn chiếc, Tuyên Vương quay về giữ vững doanh trại.

Sau Lượng hết lương phải lui quân, cùng Ngụy tướng Trương Cáp giao chiến, bắn chết Cáp.

Việc thứ năm Quách Xung kể rằng: Ngụy Minh Đế thân chinh chống Thục, đóng ở Tràng An, sai Tuyên Vương đốc suất Trương Cáp cùng chư quân ở các xứ Ung-Lương hơn ba mươi vạn, ba quân ngầm tiến, nhằm hướng Kiếm Các. Lượng bấy giờ ở Kỳ Sơn, cờ quạt nghiêm chỉnh khí giới sắc bén, giữ vững những nơi hiểm yếu, cứ mười binh được thay hai, tại đó đang có tám vạn binh⁽⁴⁴⁾. Bấy giờ quân Ngụy dàn trận, đúng lúc đối binh, các Tham tá đều cho rằng thế giặc cường thịnh, không có binh lực chẳng thể đối địch, nên quyền biến đình binh lại thêm một tháng, để giữ thanh thế. Lượng nói: “Ta là thống soái cầm quân, lấy đại tìn làm gốc, nay lại thất tìn, đó là việc người xưa lấy làm tiếc; quân lính được về đã thu xếp hành trang chờ đợi, vợ con ở nhà vườn cỏ hạc trông ngóng từng ngày, dầu gặp chinh chiến gian nguy, tìn nghĩa chẳng thể bỏ”. Rồi cứ truyền lệnh cho quân lính được đi. Bởi thế kẻ được đi đều cảm động, xin ở lại đánh một trận, kẻ ở lại phẫn chấn, dầu chết cũng cam lòng. Chúng đều nói rằng: “Ân của Gia Cát công, chết cũng chẳng thể báo đáp được.” Đến ngày lâm trận, chẳng ai không rút đao tranh nhau xông lên, một địch nổi mười, giết Trương Cáp, đánh lui Tuyên Vương, đại thắng một trận, ấy chỉ bởi giữ vững chữ tìn mà nên công vậy.

Luận rằng: Thần Tùng Chi xét: Lần trước Lượng ra Kỳ Sơn, Ngụy Minh Đế đích thân dẫn quân đến Tràng An, năm ấy chẳng trở lại nữa. Và lại đại quân của Lượng đang ở Quan-Lũng, người Ngụy sao có thể vượt qua quân của Lượng để thẳng hướng Kiếm Các mà tới? Lượng ở chiến trường, vốn

không tính ở lâu dài, sao lại cho quân Thục về nghỉ ngơi, đều là nói những lời trái với lẽ thường vậy. Tôn Thịnh-Tập Tạc Xi đã tìm kiếm những điểm dị đồng, không bỏ sót điều gì, mà đều không ghi chép lời Xung nói, biết lời ấy đa phần là ngang trái vậy.

Năm thứ mười hai, Lượng đem hết ba quân theo lối Tà Cốc tiến ra, lấy ngựa máy để vận chuyển, chiếm núi Võ Công trên Ngũ Trượng nguyên, cùng với Tư mã Tuyên vương đối trận ở bờ nam sông Vị. Lượng thường lo lắng việc lương thảo chẳng chuyển kịp, khiến chí của mình chẳng tỏ, bởi thế chia binh lập đồn điền, muốn làm kế ở lâu dài. Quân lính làm ruộng lẫn với dân nơi bãi sông Vị, mà trăm họ an cư, quân lính không có chút riêng tư.

Hán Tấn xuân thu chép: Lượng từ lúc đến, mấy lần dụ chiến. Tuyên Vương cũng dâng biểu về triều cố xin được đánh. Ngụy sai Vệ úy Tân Bì cầm cờ tiết đến không cho đánh. Khương Duy nói với Lượng rằng: “Tân Tá Trị mang cờ tiết đến, quân giặc tất không ra đánh vậy.” Lượng nói: “Bên ấy vốn không muốn đánh, sở dĩ cố xin được đánh, cốt để yên bụng quân đầy thôi. Tướng ở trong quân, mệnh vua có chỗ không theo, ví như có thể thắng ta, há phải đi xa nghìn dặm để xin đánh sao!”

Ngụy thị Xuân thu chép: Sứ của Lượng đến, Vương chỉ hỏi chuyện ăn ngủ và những việc làm hàng ngày, chẳng hỏi han gì đến việc binh. Sứ thưa rằng: “Gia Cát công thức khuya dậy sớm, án phạt từ hai mươi gậy trở lên, đều tự mình xét hỏi; mà mỗi bữa ăn chẳng được mấy thương⁽⁴⁵⁾“. Tuyên Vương nói: “Lượng sắp chết rồi vậy!”

Cầm giữ nhau hơn trăm ngày. Tháng tám năm ấy, Lượng ốm nặng, mất ở trong quân, lúc ấy được năm mươi tư tuổi.

Ngụy thư chép: Lượng thế cùng hết lương, lo buồn tức giận đến thổ huyết, một đêm đốt nhang trong doanh rồi xua binh trốn chạy, vào tới cốc, đã phát bệnh mà chết.

Hán Tấn Xuân thu chép: “Lượng chết ở Quách thị ỗ”.

Tấn Dương thu⁽⁴⁶⁾ chép: “Có ngôi sao màu đỏ có sừng nhọn, từ phía đông bắc bay về tây nam, rơi xuống doanh trại của Lượng, ba lần rơi xuống rồi lại bay lên, loé sáng rồi vụt tắt⁽⁴⁷⁾. Lát sau Lượng chết”.

Thần Tùng Chi cho rằng Lượng mất ở bãi sông Vị, người Ngụy lần theo dấu vết lén đuổi theo, cái hình thế được thua, chưa thể lường được, mà bảo rằng Lượng bị thổ huyết, chỉ là nhân việc Lượng chết mà tự khoa trương vậy. Người như Khổng Minh là bậc mưu lược, há vì Trọng Đạt mà thổ huyết hay sao? Sau này Lưu Côn thua quân, có tấu lên Tấn Nguyên đế⁽⁴⁸⁾ rằng: “Lượng thua quân thổ huyết”, ấy là bởi tin theo những ghi chép hư hão mà nói vậy. Còn nói rằng vào cốc rồi chết, là bởi người Thục vào đến cốc mới phát tang vậy.

Đến khi quân Thục đã bỏ đi, Tuyên Vương đến xem xét quân doanh lũy ở đó, nói: “Thật là kỳ tài thiên hạ vậy!”

Hán Tăn Xuân thu chép: Bọn Dương Nghi chinh đốn quân sĩ rút về, bách tính cấp báo Tuyên Vương, Tuyên Vương đuổi theo, Khương Duy vâng lệnh Nghi quay cờ gió trống, nhằm hướng Tuyên Vương đón đánh, Tuyên Vương bèn lui binh, không dám bức bách. Bọn Nghi lại nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, về đến cốc mới cho phát tang. Nhân chuyện Tuyên Vương sợ phải lui binh, trăm họ vì chuyện ấy có câu ngạn ngữ rằng: “Tử Gia Cát năng tấu sinh Trọng Đạt⁽⁴⁹⁾”. Có người mách chuyện ấy với Tuyên Vương, Tuyên Vương bảo: “Ta chỉ có thể liệu được việc sống, chẳng liệu được việc chết vậy!”

Lượng di mệnh được táng tại Định Quân Sơn thuộc Hán Trung, mộ phần tựa vào núi, mà chỉ đủ chứa quan tài, liệm bằng quần áo bình thường, không chôn theo tài vật. Chiếu viết rằng: “Chỉ ngài văn võ kiêm toàn, sáng suốt thành thực, chịu mệnh thác cô, đem thân phò trẫm, hưng dòng đã tuyệt, chí mưu dẹp loạn; sửa việc binh cơ, chinh chiến liền năm, thần vũ hiển hách, uy trấn tám phương, lập công lớn vào thời cuối Hán, công lao sánh tựa Y-Chu⁽⁵⁰⁾. Sao chẳng xót thương, việc lớn chưa thành, gặp bệnh mà thác! Lòng trẫm đốn đau, tim gan tan nát. Trọng người đức lớn công đầu, tên hiệu khắc sâu, danh còn sáng mãi về sau, tiếng thơm bất hủ. Nay sai sứ là Tả trung lang tướng Đỗ Quỳnh cầm cờ tiết, truy tặng ngài ấn thụ Thừa tướng Võ Hương Hầu, thụy hiệu Trung Vũ Hầu. Hồn thiêng có linh, xin về thượng hưởng. Than ôi thương thay! Than ôi thương thay!”

Lúc trước, Lượng tự viết biểu tâu lên Hậu chủ rằng: “Nhà thần ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, ruộng xấu mười lăm khoảnh, cái ăn mặc của con cái xem ra đầy đủ. Đến như thần gánh vác việc ở bên ngoài, cũng chẳng có gì khác người, cái ăn cái mặc đều trông vào cửa quan, chẳng chút tư hào cho riêng mình, ấy là để lâu dài thước tắc vậy. Đến ngày thần mất, trong nhà chẳng để thừa gấm vóc, bên ngoài không có điền sản dư dôi, chính là để khỏi phụ lại lòng tin tưởng của Bệ hạ vậy”. Sau này Lượng chết, quả đúng như lời đã nói.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Là Gia Cát Lượng truyện do Trần Thọ viết.
- (2) Lương Phụ Ngâm nguyên là khúc ca cổ của nước Tề thời Chiến Quốc, kể về sự tích tế tướng nước Tề là Án Anh, dùng hai quả đào giết ba dũng sĩ. Án Anh thấy ba người kiêu ngạo, sợ rằng nếu họ hợp sức sẽ nguy hại tới quốc gia, mới bày kế để ba dũng sĩ tranh nhau hai quả đào, cuối cùng cả ba người vì sĩ diện mà tự sát cả.
- (3) Tục Trần Quân và Tư Mã Ý.
- (4) Tư Mã Tương Như, một danh thần nhà Hán.
- (5) Tục Tư Mã Huy còn gọi là Thủy Kính tiên sinh.
- (6) Tục Lưu Biểu.
- (7) Thân Sinh, Trùng Nhĩ là hai con cùng cha khác mẹ của vua Tấn là Hiến Công. Ái thiếp của vua Tấn là Ly Cơ, có con trai là Hề Tề, vì muốn con mình được kế vị mới dèm pha với vua Tấn nhằm giết Thân Sinh và Trùng Nhĩ. Thân Sinh ở lại triều đình bị mắc mưu phải tự sát, Trùng Nhĩ trốn ở bên ngoài nên thoát nạn, sau này lên làm vua Tấn.
- (8) Xưa khi bắt được phạm nhân thường để dong trên xe tù, đi khắp đường chợ, gõ trống để dân tình đến xem và nhận mặt hung thủ.
- (9) Sái Mạo là anh vợ Biểu nắm quyền to, Biểu yêu Tông (con thứ do Sái thị đẻ ra), ghét Kỳ (con vợ cả), Biểu đang ngả về phe họ Sái.
- (10) Lưu Bị từng nhận chức Dự châu mục nên được gọi là Lưu Dự châu.
- (11) Vùng Hán Nam tức là khúc vực phía Nam sông Hán, tức đất Kinh châu.
- (12) Ở đây ý nói rằng Tháo đã phá được Thiệu.
- (13) Tục Trương Chiêu.
- (14) Hiếu Ni tức là Viên Tử vậ.
- (15) Lâm Trưng nay thuộc tỉnh Hồ Nam, nằm giữa 3 quận kể trên, rất thuận tiện giao thông, có thể điều hành hậu cần rất hợp lý cho cả vùng.
- (16) Tả tướng quân là chức của Lưu Bị do Hán Hiến đế phong cho. Lượng tạm coi việc ở phủ sự của Lưu Bị, khi ấy Bị thường đi chinh chiến ở bên

ngoài.

(17) Ý là năm Kiến An thứ hai mươi sáu. Trên thực tế, năm Kiến An thứ hai mươi lăm, tháng 10, Hán Hiến Đế bị Tào Phi truất ngôi, tháng 4 năm sau Bị xưng đế kế tục nhà Hán.

(18) Ngô Hán, Cảnh Yểm và Cảnh Thuần đều là bầy tôi của Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú. Thế Tổ tức là Quang Vũ Đế, đã đánh dẹp Vương Mãng, theo lời khuyên của quần thần lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Đông Hán.

(19) Nguyên văn: Phải nằm trong chảo nước nóng, không hiểu vì sao lại có câu này. Theo Sử ký của Tư Mã Tử Trường, Hạng Vũ bản kỷ thì Hạng Vũ tự tử bên bờ sông.

(20) Trần Sùng, Trương Tung là người thời nhà Tân xưng tụng Vương Mãng giúp Mãng cướp ngôi nhà Tây Hán.

(21) Tức Hán Quang Vũ đế.

(22) Mạnh Đức tức Tào Tháo.

(23) Thần khí ở đây trở vào ngôi Hoàng đế vậy.

(24) Tức Tào Phi.

(25) Tô Tân và Trương Nghi, những biện sỹ nổi danh đời Chiến quốc.

(26) Hoan Đâu là một trong tam đại thủ lĩnh của Miêu Tộc, vì bất phục Thuấn nên gây loạn, sau bị Thuấn dẹp được.

(27) Hai trong năm người bề tôi của vua Thuấn khi xưa rất được ca ngợi, đó là: Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.

(28) Hàn mặc là bút mực, ý chỉ những người theo nghiệp văn chương.

(29) Tức Hoàn Đế, Linh Đế nhà Đông Hán.

(30) Tư Mã Ý.

(31) Tức Tào Tuấn.

(32) Tức Hán Cao Tổ, người lập ra vương triều Tây Hán.

(33) Trương Lương, Trần Bình đều là những mưu thần nổi danh giúp Hán Cao tổ hưng vương nghiệp.

(34) Lưu Do là thứ sử Dương Châu, Vương Lãng là thái thú Cối Kê thuộc Giang Đông. Hai người này đều bị Tôn Sách đánh tan cả.

(35) Tôn Vũ, Ngô Khởi là những nhà quân sự tài giỏi đời Chiến quốc.

(36) Có một chi tiết đáng ngờ là Triệu Vân, một mãnh tướng hàng đầu của Thục Hán, ông mất sau khi Lượng ra quân phạt Ngụy lần thứ hai, mà bài biểu này lại có trước đó? Vì sao Gia Cát Lượng có nhầm lẫn vô lý như thế? Đây là một chi tiết mà học giả đời sau suy luận rằng trước tác này không phải do Gia Cát Lượng viết ra.

(37) Trương Nghiễm tác giả sách Mặc Ký là người xứ Đông Ngô.

(38) Xưng đế.

(39) Tức là truy tôn Tôn Kiên, Tôn Sách.

(40) Nhà Thục Hán nổi hươg hoả nhà Hán, tự coi mình là chính thống. Ý các quan lại Thục Hán cho rằng Ngô xưng đế tức là tiếm xưng vậy.

(41) Nhà Hán thời Hiếu Văn Đế bị quân Hung Nô vào cướp phá, Hiếu Văn Đế phải cầu hoà với Hung Nô, gả công chúa cho vua Hung Nô.

(42) Tô ý đem quân Bắc phạt và cùng phân chia giang sơn của Tào Ngụy.

(43) Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ, Kinh Bô làm phản, đem quân đánh nước Sở. Tướng Sở muốn chia làm ba đạo quân, hòng cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói: “Bô rất thạo việc dùng binh. Nay ta tách quân làm ba cánh, nếu một cánh quân bị bại tất hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao cứu được nhau?”. Tướng Sở không nghe, quả nhiên khi Bô đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ chạy cả.

(44) Tạm luận theo ý của sách Hán Tấn Xuân Thu như sau, Lượng xuất mười vạn quân bắc phạt, muốn cho quân sĩ được nghỉ ngơi, vậy nên mười vạn binh thì cho hai vạn binh được nghỉ ở tuyến sau, như vậy ở tiền tuyến luôn có tám vạn binh.

(45) Thương tức là một lưng bát vậy.

(46) Sách của Tôn Thịnh, người nước Ngô.

(47) Nguyên văn: Vãng đại hoàn tiểu tức là lúc lớn lúc nhỏ, dịch thoát ý.

(48) Tấn Nguyên Đế là Tư Mã Duệ vua nhà Đông Tấn. Tư Mã Viêm lập nhà Tấn được mấy chục năm thì xảy loạn bát vương, Tấn Nguyên Đế sau chỉ làm chủ được vùng Giang Nam. Lưu Côn là bày tôi của Tấn Nguyên Đế.

(49) Tức là “Gia Cát chết còn đuổi được Trọng Đạt sống”.

(50) Y Doãn, Chu Công là những hiền thần nổi tiếng đời nhà Thương, Chu.

QUYỂN 6 - QUAN TRƯỞNG MÃ HOÀNG TRIỆU TRUYỆN

Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung, Triệu Vân.

HOÀNG TRUNG TRUYỆN

Hoàng Trung tự Hán Thăng, người Nam Dương. Kinh Châu mục Lưu Biểu lấy làm Trung lang tướng, để Trung cùng người cháu là Bàn trấn giữ Du huyện, Trường Sa. Tào Công chiếm được Kinh Châu, cho Trung kiêm chức Tỳ tướng, vẫn theo trách nhiệm cũ, lệ thuộc Trường Sa thái thú Hàn Huyền. Tiên Chủ định các quận phía nam⁽¹⁾, Trung quy phục, theo Tiên chủ vào Thục. Tại ải Hà Manh nhận lệnh, kéo quân quay về tấn công Lưu Chương, Trung thường đi đầu xung trận, dũng cảm, cương nghị trùm ba quân. Ích Châu bình định, Trung được phong làm Thảo Lão tướng quân. Năm Kiến An thứ 24, (Trung) từ Định Quân Sơn ở Hán Trung tấn công Hạ Hầu Uyên. Quân Uyên rất tinh nhuệ, Trung xua quân tiên phong, chỉ tiến không lùi, khuyến khích sĩ tốt, trống chiêng vang trời, quân reo động cốc, nhất chiến trăm Uyên, quân Uyên đại bại. Được thăng làm Chinh tây tướng quân. Cùng năm đó, Tiên chủ làm Hán Trung Vương, muốn dùng Trung làm hậu tướng quân. Gia Cát Lượng thuyết Tiên chủ rằng: “Danh tiếng của Trung, không thể so với Quan, Mã⁽²⁾. Mà nay lại được liệt ngang hàng. Mã, Trương⁽³⁾ ở gần, chứng kiến công lao của Trung, còn có thể khuyên bảo được; Quan⁽⁴⁾ chỉ nghe từ xa, sợ tất chẳng bằng lòng, e rằng không thể khuyên bảo được”. Tiên chủ nói: “ta tự có cách phân giải”. Rồi phong Trung ngang hàng những người ấy, tước quan nội hầu. Năm sau Trung mất, được truy tặng thụy hiệu là Cương Hầu. Con là Tự chết sớm, không có người nối dõi.

QUAN VŨ TRUYỆN

Quan Vũ tự Vân Trường, trước có tự là Trường Sinh, người ở huyện Giải Lương quận Hà Đông. Sau (có tội) bỏ xứ lưu lạc đến Trác Quận. Tiên chủ tập hợp mọi người trong vùng (5), Vũ với Phi cũng theo hầu. Tiên chủ làm Bình Nguyên tướng, lấy Vũ-Phi làm Biệt bộ tư mã, chia nhau thống lĩnh bộ khúc (6). Tiên chủ cùng với hai người ngủ cùng giường, tình thân thiết như huynh đệ. Khi có việc công, hai người đứng hầu trọn ngày, mọi thứ đều do Tiên chủ chu toàn, chẳng tị hiềm gian khổ.

Thục ký viết: Tào công cùng với Lưu Bị vây Lã Bố ở Hạ Bi (Phì), Bố sai Tân Nghi Lộc đến cầu cứu, Quan Vũ bày tỏ với Tào công, xin được lấy người ấy làm vợ, Công ưng cho. Bố bị phá, Vũ lại tỏ ý với Công. Công ngỡ rằng người ấy hãn có nhan sắc, mới sai đón trước về xem, thăm tính giữ lại không cho đi, Vũ trong lòng bất an. Việc ấy sách Ngụy thị Xuân Thu cũng không nói khác

Tiên chủ đánh úp Từ châu của Thứ sử Xa Trụ, sai Vũ giữ thành Hạ Bi, coi việc Thái thú,

Ngụy thư chép: lấy Vũ đốc xuất việc ở Từ châu,
Bị thân đến Bái huyện.

Năm Kiến An thứ năm, Tào công Đông chinh, Tiên chủ thua chạy sang với Viên Thiệu, Tào công bắt được Vũ đem về, bái làm Thiên tướng quân, ban cho lễ cực hậu. Thiệu sai Đại tướng quân (7) Nhan Lương đánh Đông quận Thái thú Lưu Diên ở Bạch Mã thành, Tào công sai Trương Liêu cùng với Vũ làm tiên phong đánh lại. Vũ trông xa thấy Lương ở dưới lọng chỉ huy, liền ra roi quất ngựa xông tới đâm chết Lương giữa vạn quân, chém lấy thủ cấp rồi quay về, chư tướng của Thiệu chẳng ai dám làm gì, Bạch Mã được giải vây. Tào công liền phong cho Vũ làm Hán Thọ đình hầu. Lúc trước, Tào công thấy Vũ là người hùng tráng, muốn tỏ ý lưu lại lâu dài, mới bảo Trương Liêu rằng: “Khanh hãy lấy cái tình của ta đến ướm hỏi y xem.” Liêu liền lấy ý ấy ra hỏi Vũ, Vũ thờ dài nói: “Ta biết Tào công đãi ta rất hậu, nhưng ta đã chịu hậu ân của Lưu tướng quân, thề cùng sống chết,

chẳng thể bội ước. Ta thà chết chứ chẳng ở lại được, ý ta muốn lập công để báo ơn Tào công rồi sẽ ra đi”. Liâu đem lời của Vũ về báo lại với Tào công, Tào công cảm nghĩa ấy.

Phó Tử viết: Liâu muốn bãm với Thái tổ, lại sợ Thái tổ giết Vũ, không bãm, lại sợ trái đạo quân thần, bèn than thở rằng: “Tào công, là chúa ta; Vũ, là anh em của ta.” Đành phải báo lại. Thái tổ nói: “Thờ chúa không quên gốc, thật là nghĩa sĩ thiên hạ vậy. Khi nào thì người ấy sẽ đi?” Liâu đáp: “Vũ chịu ơn sâu của chúa công, nhất định lập công báo đáp rồi mới ra đi.”

Tới khi Vũ giết Nhan Lương, Tào công biết Vũ tất bỏ đi, bèn tặng thưởng thêm rất hậu. Vũ liền gói ghém hết những đồ thưởng để lại, viết thư cáo từ, rồi đi đến chỗ Tiên chủ ở bên quân Viên. Tả hữu muốn đuổi theo, Tào công nói: “Người ấy bỏ đi vì chủ, chớ nên đuổi theo.”

Thần là Tùng Chi cho rằng Tào công biết Vũ chẳng ở lại mà khen ngợi chí khí ấy, khi Vũ bỏ đi mà chẳng sai người đuổi theo ấy là nghĩa, lại tự cho rằng mình chưa đủ sự rộng lượng của bậc bá vương, ai có thể làm được như vậy? ấy thật sự là Tào công đã xử sự cao đẹp vậy.

Vũ theo Tiên chủ tới chỗ Lưu Biểu. Biểu chết, Tào công bình định Kinh châu, Tiên chủ từ Tương Phàn vượt sông chạy về phương Nam, sai Vũ lĩnh thủy quân đốc xuất mấy trăm thuyền chiến hẹn gặp nhau ở Giang Lăng. Tào công đuổi kịp (Bị) ở Dương Dương Tràng Bản, Tiên chủ chạy rẽ sang bến Hán Tân, vừa hay gặp chiến thuyền của Vũ ở đó, mới cùng nhau đến Hạ Khẩu.

Thục ký chép: Lúc trước, Lưu Bị ở đất Hứa cùng với Tào công đi săn. Trong khi săn bắn, mọi người tản mát, Vũ khuyên Bị giết Công, Bị không nghe. Khi ở Hạ khẩu, lúc phiêu dạt trên sông, Vũ giận nói: “Ngày trước lúc đi săn, ví như theo lời Vũ này, thì ngày nay có đâu khổn cùng như thế.” Bị nói: “Ấy bởi bấy giờ cũng vì việc quốc gia mà tiếc (Tháo) đấy thôi; thuận đạo trời mà phụ chính, ấy là muốn yên ổn nên chẳng gây việc thị phi (8) vậy.”

Thần là Tùng Chi thấy sau này Bị với Đông Thừa cùng kết mưu (9), chỉ khi việc bị tiết lộ chẳng nên việc, mới nói rằng vì việc quốc gia mà tiếc Tào

công, nói như thế sao được! Vũ quả thực khuyên Bị như thế mà Bị chẳng bằng lòng, bởi bên cạnh Tào công có kẻ tâm phúc thân thích, quân sỹ đông đảo, việc đề phòng dẫu chẳng nghiêm ngặt, nhưng việc cũng chẳng dễ làm vậy; Tào dù có bị giết, nhưng bản thân cũng khó thoát chết, tính ra thì có chi thế, sao nói là đau tiếc vậy! Việc đã qua rồi, mới nói thác ra để tỏ vẻ chính đáng vậy.

Tôn Quyền phát binh giúp Tiên chủ cự Tào công, Tào công dẫn binh lui về. Tiên chủ thu được các quận Giang Nam, bèn phong thưởng cho những người có công, lấy Vũ làm Tương dương Thái thú, Đãng khẩu tướng quân, đóng giữ Giang Bắc. Tiên chủ sang Tây bình định Ích châu, trao cho Vũ đốc trách mọi việc ở Kinh châu. Vũ nghe tin Mã Siêu theo hàng, chẳng phải người cũ ⁽¹⁰⁾, lại nắm tước vị cao. Vũ gửi thư cho Gia Cát Lượng, hỏi Siêu là nhân tài thế nào mà được đứng vào hạng ấy. Lượng đã hiểu Vũ từ trước, bèn phúc đáp thư rằng: “Mạnh Khởi kiêm tài văn võ, hùng liệt hơn người, là hào kiệt một đời, ví như Kinh-Bành ⁽¹¹⁾, xứng đáng tranh tài cao thấp với Dực Đức, chẳng thể so sánh được với ông Râu dài tuyệt luân siêu quần ⁽¹²⁾ vậy”. Vũ vốn có bộ râu dài rất đẹp, nên khi thấy Lượng khen vậy rất lấy làm thích thú. Vũ xem thư xong vô cùng đặc ý ⁽¹³⁾, lại đưa thư cho các tân khách cùng xem.

Vũ từng bị trúng tên, bắn xuyên cánh tay trái, sau vết thương tuy đã khỏi, mà mỗi lúc mưa dầm trở gió, xương cốt vẫn thường đau nhức, thầy thuốc chẩn đoán rằng: “Mũi tên có thuốc độc, chất độc ấy thấm vào xương cốt, giờ phải khoét thịt ở cánh tay bị thương, nạo xương trừ bỏ chất độc, rồi sau mới điều trị được gốc bệnh.” Vũ liền duỗi tay sai thầy thuốc chữa trị. Lúc ấy Vũ đang cùng chư tướng uống rượu nói chuyện, huyết trên cánh tay chảy đầm đìa như rót, cơ hồ đầy cả chậu, mà Vũ vẫn cắt thịt nướng uống rượu, cười nói như không.

Năm thứ hai mươi bốn (Kiến An), Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, phong Vũ làm Tiền tướng quân, ban cho tiết việt. Năm ấy, Vũ xuất binh đánh Tào Nhân ở Phàn thành. Tào công sai Vu Cấm đến giúp Nhân. Đến mùa thu, có mưa lớn, nước sông Hán ngập mênh mông, bầy cánh quân do

Cấm đốc suất đều bị chìm trong nước. Vu Cấm hàng Vũ, Vũ lại chém chết được tướng quân Bàn Đức. Các xứ Lương, Giáp, Lục (14) đều có ý ngầm ngầm hưởng ứng Vũ, kết lập bè đảng, Vũ oai chấn cả Hoa Hạ. Tào công tính chuyện dời về Hứa Đô để tránh mũi nhọn của địch, song Tư mã Tuyên vương và Tưởng Tế cho rằng Quan Vũ nếu đắc chí, Tôn Quyền ắt hẳn chẳng chịu yên. Nên sai người khéo léo khuyên nhủ Quyền đánh tập hậu, hứa hẹn rằng sẽ cắt hẳn Giang Nam phong cho Quyền, như thế tự nhiên Phàn thành sẽ được giải vây. Tào công nghe theo. Nguyên khi trước, Quyền sai sứ đến tác thành (15) cho con trai của mình và con gái Vũ, Vũ chửi mắng nhục mạ sứ giả, không đồng ý hôn sự, Quyền rất tức giận.

Diễn lược viết: Vũ vây Phàn thành, Quyền sai sứ đến xin xuất binh giúp đỡ, song Quyền chẳng vội vã tiến binh, chỉ phái quan chủ bạ đến báo cho Vũ biết. Vũ giận vì đợi lâu, lại bởi lúc ấy mới bắt được bọn Vu Cấm, bèn mắng rằng: “Tặc tử sao dám vậy, ví như lấy xong Phàn thành, ta chẳng thể diệt hẳn ư!” Quyền nghe nói vậy, biết Vũ coi rẻ mình, mới vội viết thư tạ lỗi với Vũ, hứa sẽ xuất binh.

Thần Tùng Chi cho rằng Kinh-Ngô dẫu ngoài mặt hoà nhau, mà bên trong có ý nghi ngờ phòng bị lẫn nhau, việc Quyền đánh lên Vũ, tất giấu kín chẳng hở ra. Lại xét Lã Mông truyện rằng: “Giấu tinh binh trong khoang kín, sai mặc áo trắng cầm mái chèo, giả dạng làm khách buôn”, nói ra như thế, thì Vũ chẳng cầu sự giúp đỡ của Quyền, Quyền ắt hẳn chẳng nói với Vũ là bấy giờ sẽ xuất binh. Nếu hứa rằng bấy giờ xuất binh viện trợ, hà có gì phải giấu kín hình tích như vậy?

Lại nói Nam Quận Thái thú My Phương ở Giang Lăng, tướng quân Phó Sỹ Nhân đóng binh ở Công An, vốn có hiềm khích với Vũ bị coi rẻ. Vũ xuất quân, Phương-Nhân cung cấp quân tư trang, chẳng đầy đủ kịp thời. Vũ nói rằng “khi trở về sẽ trừng trị”, Phương-Nhân trong lòng lo sợ không yên. Bởi thế khi Quyền ngầm dụ hàng Phương-Nhân, Phương-Nhân sai người nghênh đón Quyền. Tào công bèn sai Từ Hoảng đến cứu Tào Nhân,

Thực ký viết: Vũ cùng Hoảng khi xưa rất quý trọng nhau (16), lúc ấy trông xa nói chuyện, chỉ nhắc đến những việc thường ngày, không bàn bạc

gì đến việc quân. Chốc lát, Hoảng quay đầu ngựa truyền lệnh: “Ai lấy được thủ cấp Vân Trường, sẽ thưởng 1.000 cân vàng”. Vũ lo sợ cuống cuồng, hỏi Hoảng rằng: “Đại huynh, sao lại nói như vậy?” Hoảng đáp: “Ấy chỉ bởi việc nước mà thôi.”

Vũ không đánh được, phải dẫn quân lui về. Quyền chiếm được Giang Lăng, bắt sống hết được vợ con tướng sỹ, quân của Vũ tàn sát hết cả. Quyền sai tướng đón đường đánh lén Vũ, chém chết Vũ cùng con của Vũ là Bình ở Lâm Thụ.

Thực ký chép: Quyền sai tướng sỹ đánh lén Vũ, bắt được Vũ cùng con là Bình. Quyền muốn chiêu hàng Vũ dùng để đối địch với Lưu-Tào, tả hữu nói rằng: “Hồ dữ chẳng thể nuôi, sau tất bị nó hại. Tào công chẳng trừ bỏ người ấy, đã rước hoạ lớn, phải bàn đến việc dời đô. Nay há nên để cho sống!” Quyền bèn sai đem chém. Ngô Lịch viết: Quy

Thần Tùng Chi xét Ngô thư rằng: Tôn Quyền sai tướng là Phan Chương đón bắt được Vũ lúc trốn chạy, Vũ bị chém chết, vả lại Lâm Thụ cách Giang Lăng hai ba trăm dặm, sao lại dung tha chẳng giết Vũ ngay lúc ấy, còn bàn đến chuyện sống chết vậy? Lại nói rằng: “Quyền muốn chiêu hàng Vũ để đối địch với Lưu-Tào”, thế là chẳng đúng, như vậy tuyệt trí chỉ là lời cửa miệng hay sao (17).

Ngô Lịch viết: Quyền đem đầu của Vũ đến chỗ Tào công, Tào công lấy lễ chử hầu mà an táng cho Vũ”.

Sau này Vũ được truy tặng thụy hiệu là Tráng mâu hầu.

Thực ký viết: Vũ ban đầu xuất quân vây Phàn thành, mộng thấy có đàn lợn cắn vào chân, mới nói nhỏ với Bình rằng: “Ta nay tuổi đã cao, như thế ắt nay đi chẳng thể trở về!” Giang Biểu truyện viết: Vũ thích xem Tả truyện, thường đọc ngâm nga những chỗ mưu lược đầy vẻ thích thú.

Con nối dõi của Vũ là Hưng. Hưng tên tự là An Quốc, lúc còn ít tuổi được làm lệnh ở huyện Vãn, được Thừa tướng Gia Cát Lượng quý trọng khác thường. Sau làm quan Thị trung, Trung giám quân. Được mấy năm thì chết. Con Hưng là Thống nối tự, lấy công chúa (con Hậu chúa), làm quan

đến Hồ bôn Trung lang tướng. Khi chết, không có con nối dõi, mới lấy con thứ của Hưng là Di kế tục tước .

Thục ký viết: Con Bàn Đức là Hội, theo Chung-Đặng phạt Thục, Thục bị diệt, đã cho giết sạch gia tộc Quan Vũ.

TRƯỜNG PHI TRUYỆN

Trường Phi tự Dực Đức, là người ở Trác quận, lúc còn trẻ cùng với Quan Vũ theo Lưu Bị khởi sự. Vũ lớn hơn Phi mấy tuổi, Phi nhận làm anh. Tiên chủ theo Tào công phá Lã Bố, lúc xét công lao, Tào công phong Phi làm Trung lang tướng. Tiên chủ bỏ Tào công sang nương nhờ Viên Thiệu, Lưu Biểu. Lúc Biểu chết, Tào công vào được Kinh châu, Tiên chủ thua chạy xuống Giang Nam. Tào công đuổi theo, một ngày một đêm, đuổi kịp ở Dương Dương Tràng Bản. Tiên chủ hay tin binh của Tào công đuổi đến, liền bỏ cả vợ con mà chạy, sai Phi cầm 20 kỵ binh chống cự ở phía sau. Phi chặt cầu giữ bên kia sông, trợn mắt cầm ngang ngọn mâu quát rằng: “Ta là Trường Dực Đức đây, ai dám cùng ta tử chiến!” Quân địch không ai dám tiến đến gần, vì thế Tiên chủ được thoát. Khi Tiên chủ đã yên định được Giang Nam, lấy Phi làm Nghi Đô thái thú, Chinh Lỗ tướng quân, phong làm Tân đình hầu, sau lại chuyển đến ở Nam Quận.

Tiên chủ vào Ích châu, rồi vây đánh Lưu Chương, Phi cùng với Gia Cát Lượng ngược sông tiến lên, chia nhau đánh lấy các quận huyện. Tới Giang Châu, đánh được tướng của Chương là Thái thú Ba quận Nghiêm Nhan, bắt sống Nhan. Phi bảo Nhan rằng: “Đại quân đã đến, sao không hàng ngay mà dám chống cự?” Nhan đáp rằng: “Bọn người vô cớ, xâm đoạt châu quận của ta, Ích châu ta chỉ có tướng quân rơi đầu, không có tướng quân xin hàng.” Phi nổi giận, lệnh cho tả hữu lôi đi chém đầu, Nhan thần sắc không đổi, nói rằng: “Chém thì cứ việc chém, cứ sao phải nổi giận?” Phi vội vàng sai cởi trói, dẫn vào đãi như tân khách. (Hoa Dương quốc chí viết: Lúc trước, khi Tiên chủ vào Thục, đến Ba quận, Nhan vỗ bụng than thở: “Thế gọi là ngồi một mình trong chốn thâm sơn, gọi hổ đến giúp mình vậy!”) Phi nhờ thế tiến được nhanh, cùng với Tiên chủ hội quân ở Thành đô. Ích châu đã bình, Tiên chủ ban tặng cho Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Trường Phi cùng với Quan Vũ 500 cân vàng, 1.000 cân bạc, 5 vạn quan tiền, gấm lụa 1.000 tấm, cùng nhiều vật phẩm khác, Phi được lĩnh chức Ba Tây thái thú.

Tào công phá Trương Lỗ, để Hạ Hầu Uyên-Trương Cáp trấn giữ Hán Xuyên. Cáp đốc xuất ba quân hạ Ba Tây, liền di dời dân ở đó vào đất Hán Trung, tiến binh đến Đãng cừ-Mông đầu-Đãng thạch, cùng với Phi cầm giữ nhau hơn 50 ngày. Phi dẫn hơn vạn quân tinh nhuệ theo đường nhỏ đón đánh quân của Cáp, đường núi nhỏ hẹp, đầu đuôi không thể cứu ứng được nhau, Phi phá được Cáp, Cáp liền bỏ ngựa trèo lên núi, cùng hơn chục quân tướng theo đường hẻm trốn về, rồi dẫn quân chạy tuốt đến Nam Trịnh, đất Ba yên định được. Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, bái Phi làm Hữu tướng quân, ban cho giả tiết.

Năm Chương Vũ nguyên niên, đổi Phi làm Xa kỵ tướng quân, lĩnh Tư mã Thái úy, lại phong thêm tước Tây Hương hầu, chiếu rằng: “Trẫm vâng theo mệnh trời, kế thống đại nghiệp, trừ hung dẹp loạn, đức lớn chưa rọi khắp bốn phương. Nay quân giặc hung đồ, muôn dân bị tàn hại, kẻ sỹ hướng về nhà Hán, vườn cỏ hạc ngóng trông. Trẫm lấy làm đau xót, chẳng thể ngồi yên, ăn chẳng thấy ngon, chinh đốn quân binh bá cáo cùng thiên hạ, thay trời đánh kẻ nghịch tặc. Nay cất nhắc người trung liệt, tài theo kịp Triệu-Hỗ, danh vang khắp xa gần, mệnh lệnh đã rõ rệt, ban cho được tước lộc cao, kiêm quản nơi kinh sư. Năm giữ quyền uy, lấy nhu thuận để gây dựng đại đức, đánh dẹp kẻ phản loạn, thoả lòng mong mỏi của trẫm. Kinh Thi chẳng đã nói rằng, ‘Không có loạn chẳng phải gấp gáp, vua được yên vị ở trên cao. Lúc có biến phải khéo việc binh nhưng, dùng ân điển được ban mà tạo phúc.’ Vậy nên chẳng thể không hết sức!”.

Xưa, Phi hùng tráng uy mãnh, chẳng kém gì Quan Vũ, mưu thần nước Ngụy là Trình Dục khen Vũ và Phi là vạn người khó địch. Vũ khéo đối xử với sỹ tốt mà kiêu ngạo với đại sỹ phu, Phi yêu kính người quân tử mà không thương xót kẻ tiểu nhân. Tiên chủ thường khuyên bảo Phi rằng: “Khanh dùng hình phạt quá mức, lại hay đánh đập người dưới, xử phạt xong mà vẫn giữ bên mình, ấy là chuốc lấy tai vạ vậy.” Phi vẫn không chịu sửa đổi. Tiên chủ phạt Ngô, lúc ấy Phi thống lĩnh hơn vạn quân lính, từ Lãng Trung kéo về Giang châu. Khi mới khởi quân, bộ hạ dưới trướng là Trương Đạt - Phạm Cương giết Phi, cắt lấy thủ cấp, xuôi theo sông lớn

chạy sang xin hàng với Tôn Quyền. Tướng lĩnh ở doanh trại của Phi dâng biểu báo tin đến Tiên chủ, Tiên chủ hay tin có biểu từ doanh trại của Phi báo về, than: “Ôi! Phi hỏng mất rồi.” Liền đó truy tặng Phi thụy hiệu là Hoàn hầu. Con trưởng của Phi là Bào, chết sớm. Con thứ là Thiệu nối dõi, làm quan đến chức Thị trung Thượng thư Phó xạ. Con Bào là Tuân làm đến chức Thượng thư, theo Gia Cát Chiêm ra Miên Trúc, đánh nhau với Đặng Ngải, bị chết.

MÃ SIÊU TRUYỆN

Mã Siêu tự Mạnh Khởi, người ở quận Phù Phong huyện Mậu Lăng. Cha là Đẳng, cuối đời Linh Đế cùng với Biên Chương, Hàn Toại khởi sự ở các châu quận phía Tây. Năm Sơ Bình thứ ba, Toại - Đẳng lĩnh binh đến Tràng An. Nhà Hán lấy Toại làm Trấn Tây tướng quân sai đóng binh ở Kim Thành, Đẳng được làm Chinh Tây tướng quân, sai đóng binh ở My huyện. Sau Đẳng đánh úp Trường An, bị thua trận phải trốn chạy, lui binh về giữ Lương Châu. Tư mã Thái úy Chung Do trấn Quan Trung gửi thư cho Đẳng-Toại, nói rõ việc lợi hại. Đẳng sai Siêu theo Do đánh dẹp Quách Viên - Cao Cán ở Bình Dương, Siêu cùng với Bàng Đức chém chết Quách Viên cắt lấy thủ cấp. Sau Đẳng với Hàn Toại có mối bất hoà, mới xin về kinh sư. Đẳng được bổ làm Vệ úy, lại lấy Siêu làm Thiên tướng quân (18), phong tước Đô Đình hầu, nắm giữ những binh lính cũ của Đẳng.

Diễn lược viết: Đẳng tự Thọ Thành, vốn là hậu duệ của danh tướng Mã Viện (19) ngày trước. Vào thời vua Hoàn Đế, cha Đẳng là Túc tự Tử Thạc, từng làm Thiên Thủy Lan kiên úy. Sau bị mất chức quan, mới lưu lạc ở Lũng Tây, sống cùng với vợ Khương ở đó. Gia cảnh bần hàn chẳng có vợ con gì cả, nhân thế mới lấy con gái vợ Khương, sinh ra Đẳng. Đẳng thừa nhỏ nghèo hèn chẳng có chút sản nghiệp nào, thường theo Chương vào núi lấy củi, mang đến bán ở chốn thị thành, lấy đó làm kế sinh nhai. Đẳng thân cao hơn tám thước, thân thể vạm vỡ, mặt mũi kỳ dị khác thường, song tính nết hiền hậu, được mọi người kính nể.

Cuối đời Linh Đế, Lương châu thứ sử Cảnh Bi dùng kẻ gian hoạt làm lại, dân trong vùng (20) cùng các bộ tộc người Đê-Khương đứng lên làm phản. Châu quận bèn chiêu mộ những người mạnh khoẻ xung vào quân ngũ, đánh dẹp, Đẳng ra ứng mộ. Ở các châu quận, có đặt ra chức Tòng sự, để cai quản binh lính. Bởi có công đánh dẹp, Đẳng được thăng làm Quân Tư mã (21), sau luận công lao lại thêm chức Thiên tướng quân, rồi thăng lên đến Chinh Tây tướng quân, sai đóng binh ở miền Hữu-Lũng. Giữa năm Sơ Bình, được phong làm Chinh Đông tướng quân. Lúc bấy giờ, các châu quận phía Tây

thiếu lương, Đổng dưng biểu nói rằng binh lương rất thiếu thốn, muốn lấy lương thảo ở Trì dương, và chuyển đến đóng binh ở phía trước thành Trường Bình. Tướng quân Vương Thừa sợ Đổng hại mình, bèn tấn công doanh lũy của Đổng. Khi ấy Đổng ở ngay trong dinh không có phòng bị, nên thua trận bỏ chạy, về phía Tây. Rồi họp quân ở xứ Tam Phụ (22) làm loạn, không phục tùng phương Đông nữa, lại cùng với Trấn Tây tướng quân Hàn Toại câu kết với nhau kết tình huynh đệ, ban đầu rất thân thiết, sau này mới chuyển sang ngấm ngầm thù ghét nhau, đổi thành thù địch. Đổng đánh Toại, Toại bỏ chạy, lại họp quân lính thuộc hạ quay lại đánh Đổng, giết vợ con Đổng, liên quân không thể hoà giải được.

Kiến An năm đầu, kỷ cương quốc gia được nói lỏng, triều đình bèn sai Tư đãi Giáo úy Chung Do, Lương châu mục Vi Đoan đến hoà giải hai bên. Trưng tập Đổng về đóng binh ở Hoè Lý, đổi làm Tiền tướng quân, ban cho giả tiết, phong tước Hoè Lý hầu. Đổng phía Bắc liên hệ với rợ Hồ, phía Đông kết với quân Bạch ky, đãi kẻ sỹ tiến người hiền, cứu giúp dân chúng, đất Tam Phụ được yên ổn nên rất lấy làm kính trọng Đổng. Năm Kiến An thứ mười (23) (năm), Đổng được vời về kinh làm Vệ úy (24), Đổng nghĩ mình tuổi đã cao, mới vào triều làm Túc vệ (25).

Khi trước, Tào công làm Thừa tướng, cho vời con trưởng của Đổng là Siêu đến, Siêu không chịu. Sau này Siêu được làm Tư đãi Giáo úy đốc xuất việc quân, đánh dẹp Quách Viên, Siêu có tài bắn tên, khi đánh trận thường đeo túi ở chân, phá được địch, chém lấy thủ cấp của Quách Viên. Vua xuống chiếu phong cho Siêu làm Từ châu thứ sử, sau lại bãi làm Giám nghị đại phu. Đến khi Đổng về kinh, nhân việc ấy mới xuống chiếu ban cho Siêu làm Thiên tướng quân, sai năm quân sỹ trong doanh của Đổng. Lại phong cho em trai Siêu là Hưu làm Phụng xa Đô úy, em trai Hưu là Thiết làm Kỵ Đô úy, dời cả gia thuộc khỏi xứ ấy đến ở huyện Nghiệp, chỉ còn mình Siêu ở lại mà thôi.

Siêu đã nắm được đại binh, bèn cùng với Hàn Toại họp quân, lại gặp được bọn Dương Thu, Lý Kham, Thành Nghi mới cùng câu kết với nhau, tiến quân đến Đồng Quan. Tào công cùng với Toại - Siêu một mình ngồi

trên mình ngựa nói chuyện, Siêu cậy quân đông, ngấm ngấm định bắt Tào công trước trận, Hứa Chử đứng cạnh Tào công nổi giận quắc mắt nhìn, Siêu chẳng dám vọng động. Tào Công dùng mưu của Giả Hủ, ly gián Siêu-Toại, khiến tướng lĩnh bên ấy nghi ngờ lẫn nhau, quân ấy đại bại.

Sơn dương công tái ký viết: Ban đầu, Tào công đóng quân ở Bồ Bản, muốn sang phía Tây, Siêu bảo Hàn Toại rằng: “Ta nên giữ Bắc sông Vị cự địch, bắt quá chỉ chừng mười ngày, vùng Hà Đông hết lương, bên kia tất bỏ chạy.” Toại nói: “Mặc kệ địch qua sông, ta tràn ra chặn đánh giữa chừng, chẳng hay hơn ư?”. Bởi thế kế của Siêu chẳng được thi hành. Tào công nghe việc ấy nói: “Thằng ranh họ Mã chẳng chết, ta chết không có đất mà chôn.”

Siêu chạy trốn đến chỗ người Nhung, Tào công đuổi đến tận An Định, hội quân bàn việc phương Bắc, rồi dẫn quân về phía Đông. Dương Phụ nói với Tào công rằng: “Siêu có cái dũng của Lã Bố, rất được lòng người Khương, Hồ. Khi đại quân quay về, ắt không có đủ lực lượng giữ vững xứ này, các quận Lũng thượng sẽ chẳng còn của quốc gia nữa.” Quả nhiên Siêu đốc xuất người Nhung tấn công các quận huyện ở Lũng thượng, các quận huyện Lũng thượng hưởng hứng theo, giết chết Lương châu thứ sử Vi Khang, chiếm cứ Ký thành, thu hết binh sỹ ở đấy. Siêu tự xưng là Chinh Tây tướng quân, lĩnh chức Tinh Châu mục, đốc xuất việc quân ở Lương châu. Khang chết rồi, đám đề lại là Dương Phụ, Khương Tự, Lương Khoan, Triệu Cù cùng bàn mưu đánh Siêu. Phụ-Tự cất binh ở Lỗ Thành, Siêu ra đánh, không hạ được; Khoan-Cù đóng cửa Ký Thành, Siêu không vào thành được. Tiến thoái lưỡng nan, đành phải chạy vào Hán Trung nương nhờ Trương Lỗ (26). Lỗ chẳng biết xét việc, không dùng Siêu, cho ở ngoài, Siêu nghe tin Tiên chủ đang vây Lưu Chương ở Thành Đô mới gửi thư xin hàng.

Diễn lược viết: Năm Kiến An thứ mười sáu, Siêu cùng với các tướng ở Quan Trung là bọn Hầu Tuyền, Trình Ngân, Lý Kham, Trương Hoàn, Dương Thu, Hàn Toại, gồm 10 lộ quân, cùng làm phản, quân lính đông đến 10 vạn người, chiếm giữ vùng Hà-Đông (27), đóng trại lũy giăng thành

hàng. Năm ấy, Tào công Tây chinh, cùng với lữ Siêu đánh nhau ở vùng Hà-Vị (28), bọn Siêu thua trận bỏ chạy. Siêu tới An Định, Toại chạy về Lương Châu. Triều đình xuống chiếu bắt giết hết gia tộc Siêu. Siêu lại thua lớn ở Lũng Thượng. Sau phải chạy vào Hán Trung, Trương Lỗ lấy làm Đô giảng Tế tửu, muốn gả con gái cho, có kẻ can Lỗ rằng: “Người như thế chẳng nên yêu mến thân gần, sao có thể cầu thân được?” Lỗ bèn bỏ ý ấy.

Mới đầu, lúc Siêu chưa làm phản, vợ lẽ là Đệ Chung ở lại Tam Phụ, đến khi Siêu thua trận, Chung chạy vào Hán Trung trước. Một sớm, Chung chết ở chỗ Siêu, Siêu đấm ngực đến thổ huyết than rằng: “Cầm lòng sao được (29), một sớm cùng nhau, nay hai ta cách biệt rồi sao?” Siêu mấy lần đến gặp Lỗ xin binh, muốn về Bắc lấy lại Lương châu, Lỗ cho đi, không được việc. Khi ấy tướng của Lỗ là Dương Bách muốn hại Siêu, Siêu bèn chạy vào với rợ Đê ở Vũ Đô, rồi bỏ sang đất Thục. Bấy giờ là năm Kiến An thứ mười chín.

Tiên chủ sai người nghênh đón Siêu, Siêu tiến binh thẳng đến Thành Đô. Dân chúng ở Thành đô hoang mang sợ hãi, Chương lập tức ra hàng,

Điển lược viết: Bị nghe tin Siêu đến, cười rằng: “Ta tất lấy được Ích châu vậy.” Bèn sai người bảo Siêu không vội tiến binh, lại ngầm lấy binh của mình giao cho Siêu. Siêu đến nơi, hạ lệnh đóng quân ở phía Bắc Thành Đô, Siêu đến chưa đầy một tuần (30) mà lòng người ở Thành Đô tan lở cả.

Tiên chủ lấy Siêu làm Bình Tây tướng quân, Đốc Lâm Tự, nhận tước Đô đình hầu (31).

Sơn dương công tái ký chép: Siêu nhân thấy Bị hậu đãi mình, khi nói chuyện với Bị, thường gọi tên tự của Bị, Quan Vũ nổi giận, đòi giết. Bị nói: “Người ta cùng quần mới theo về với ta, các khanh phần nộ vì việc người ấy gọi tên tự của ta mà đòi giết đi, sao yên được lòng người thiên hạ vậy!” Trương Phi nói: “Như thế, cần phải làm cho hấn giữ lễ mới được.” Hôm sau mọi người gặp mặt, Bị gọi Siêu vào, Vũ-Phi đều chống gậy cầm đao kính cẩn đứng hầu, Siêu tìm chỗ để ngồi, chẳng để ý gì đến Phi-Vũ, chợt thấy hai người nghiêm trang đứng đó, Siêu thất kinh, nhân vì thế chẳng dám gọi tên tự của Bị lần nào nữa. Hôm sau than rằng: “Ta nay mới biết

mình kém cõi vậy. Gọi hẳn tên tự của chủ nhân ra, khiến cho Quan Vũ-Trương Phi cứ một mực đòi giết.” Từ đấy về sau rất lấy làm tôn kính Bị. Thần Tùng Chi xét rằng, bởi Siêu thế cùng mới theo về với Bị, chịu nhận tước vị, sao dám ngạo mạn mà gọi thẳng tên tự của Bị ra? Và lại khi Bị vào Thục, lưu Quan Vũ trấn thủ kinh châu, Vũ chưa từng tới đất Ích châu. Việc Vũ nghe tin Mã Siêu quy hàng, đã gửi thư hỏi Gia Cát Lượng rằng: “Siêu là nhân tài thế nào mà được đứng vào hạng ấy”, chẳng đúng như việc chép ở chỗ này. Sao Vũ lại cùng với Phi cung kính đứng hầu được? Phàm là người hành sự, đều là người khá cả, biết việc không thể làm, tất chẳng dám làm vậy. Siêu nếu quả có gọi tên tự của Bị, cũng nên phải sửa lại ngay. Đến mức khiến cho Vũ đòi giết Siêu, Siêu vẫn chẳng hay biết gì, chỉ thấy hai người đứng hầu ở đó, sao vì thế mà biết vì việc mình gọi tên tự của Bị, mà khiến cho Quan-Trương cứ một mực đòi giết? Nói không theo lẽ thường, thật khiến người ta tức giận. Bọn Viên (32), Nhạc Tư (33) chép đầy rẫy những điều xằng bậy hão huyền, đại loại như vậy, ngờ rằng chẳng thể lấy để bàn luận vậy.

Tiên chủ xưng Hán Trung vương, phong cho Siêu làm Tả tướng quân, ban cho giả tiết. Năm Chương Vũ nguyên niên, đổi thẳng làm Phiêu kỵ tướng quân, lĩnh chức Lương châu mục, lại phong thêm tước Uy Hương hầu, chiếu rằng: “Trẫm chẳng có đức, trộm kế ngôi chí tôn, phụng thừa tông miếu. Cha con Tào Tháo, tội lỗi chất chồng, gây tai vạ ngập đầu, trẫm lấy làm xót xa đau đớn. Người trong nước đều oán giận, theo về chính nghĩa, đánh kẻ nghịch tặc, nay các tộc Đê-Khương đã quy thuận, người Huân (34) mến mộ chính nghĩa. Tướng quân tín nghĩa lan toả đất Bắc, uy vũ sáng rõ tận Tinh châu, nay uỷ thác cho tướng quân trách nhiệm lớn lao, chống giữ địch ở Dương Bình, kiêm quản việc đốc trách trong vạn dặm, sao cho dân được yên vui, khiến cho đức lớn của vương triều lan đến nơi xa, hãy nhớ giữ vững biên cương, việc thưởng phạt phải thận trọng, vững tin vào nghiệp Hán, để ứng phó với cả thiên hạ”. Hai năm sau Siêu chết, khi ấy mới có 40 tuổi. Lúc chết, dâng sớ lên bệ trên rằng: “Trong cửa nhà thần có 200 nhân khẩu, đã bị Mạnh Đức giết sạch, chỉ còn người em là Đại,

gánh vác việc nối dòng huyết thống ăn lộc nối đời, xin ký thác nơi Bệ hạ, dẫu nói cũng chẳng thể hết lời”. Truy tặng thụy hiệu cho Siêu là Uy hầu, con là Thừa nối dõi. Đại làm quan đến chức Bình Bắc tướng quân, lĩnh tước Trần Thương hầu. Con gái Siêu lấy An Bình vương Lý.

Diễn lược viết: Lúc Siêu mới chạy vào Thục, vợ lẽ của Siêu là Đồng cùng với con là Thu, lưu lại nhờ vả Trương Lỗ. Lỗ bại binh, Tào công bắt được vợ con Siêu, mới lấy Đồng ban cho Diêm Phổ, giao Thu cho Lỗ, Lỗ tự tay giết đi.

TRIỆU VÂN TRUYỆN

Triệu Vân tự Tử Long, người ở quận Thường Sơn huyện Chân Định. Trước theo hầu Công Tôn Toàn, Toàn sai Tiên chủ giúp Điền Khải chống Viên Thiệu, Vân liền đi theo, đốc xuất quân kỵ cho Tiên chủ.

Vân Biệt truyện (35) viết rằng: “Vân mình cao tám thước, tư nhan (36) hùng vĩ, dân trong quận nổi dậy, Vân vì nghĩa mộ binh theo về với Công Tôn Toàn. Bấy giờ Viên Thiệu xưng là Ký Châu mục, Toàn rất lo lắng người trong châu ấy sẽ theo về với Thiệu, vừa hay lúc Vân đến trợ giúp, Toàn mới cao hứng bảo Vân rằng: “Nghe tin người ở quý châu đều tới với họ Viên, sao một mình ngươi về với ta, chẳng là bỏ lối mê mà phản tỉnh đây ư?” Vân đáp rằng: “Thiên hạ loạn lạc, chưa biết ai thế nào, dân chúng chao đảo thống khổ vì chiến loạn, người ở bị châu nghị luận, mong theo về bậc chính nhân, chẳng phải vì xa rời Viên công mà thân gần với tướng quân vậy.” Rồi cùng với Toàn đi đánh dẹp. Thời ấy Tiên chủ cũng nương nhờ Toàn, vẫn thường gặp Vân, Vân rất muốn gửi thân kết tình theo Bị. Sau Vân nhân vì có tang anh trai, bèn từ giã Toàn tạm thời về quê, Tiên chủ biết Vân không trở lại, nắm chặt tay không nỡ rời xa, Vân từ tạ rằng: “Sau này chẳng thể quên ơn đức vậy.” Tiên chủ tới chỗ Viên Thiệu, Vân biết nên đến Nghiệp quận. Tiên chủ với Vân ngủ cùng giường, bí mật sai Vân chiêu mộ được mấy trăm người, đều xưng là bộ hạ của Lưu Tả tướng quân, Thiệu không hề hay biết. Rồi Vân theo Tiên chủ đến Kinh châu.

Lúc Tiên chủ bị Tào công truy đuổi ở Đương Dương Trường Bản, bỏ cả vợ con chạy trốn về phía Nam, Vân tự thân bồng ấu chủ, tức hậu chủ, bảo hộ Cam phu nhân, là mẹ hậu chủ, đều thoát được về Nam. Vân được thăng làm Nha môn tướng quân. Tiên chủ vào Thục, Vân ở lại Kinh châu.

Vân Biệt truyện viết: “Lúc trước, Tiên chủ thua trận, có người nói Vân đã bỏ về Bắc, Tiên chủ trở tay vào người ấy nói rằng: “Tử Long chẳng khi nào bỏ ta mà trốn đi vậy.” Chốc lát, Vân đã đến nơi. Khi bình định Giang Nam, lấy Vân làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Quế Dương thái thú, thay Triệu Phạm. Phạm có người chị dâu góa chồng là Phàn thị, là bậc quốc sắc,

Phạm muốn đem gả cho Vân. Vân từ chối rằng: “Ta với người vốn cùng họ, anh người cũng là anh ta”. Rồi cố từ tạ không nhận. Bấy giờ có người khuyên Vân thu nhận người ấy, Vân nói: “Phạm bị bức mà theo hàng, tâm địa chưa biết thế nào; đàn bà con gái trong thiên hạ đâu có thiếu gì.” Nhất định không chịu. Sau này Phạm quả nhiên bỏ trốn, Vân chỉ lặng lẽ cười thầm. Trước đây, Vân cùng Hạ Hầu Đôn đánh nhau ở gò Bác Vọng, bắt sống được Hạ Hầu Lan. Lan với Vân vốn là người cùng làng, lúc nhỏ có quen biết nhau, Vân bạch (37) với Tiên chủ tha chết cho, lại tiến cử Lan quản việc pháp luật, lấy làm Quân chính (38). Vân chẳng bao giờ nhờ vả người thân gần, mưu tính thận trọng tùy từng việc như thế. Tiên chủ vào Ích châu, Vân lĩnh chức Tư mã đốc trách việc giữ quân doanh. Thời ấy Tiên chủ Tôn phu nhân là em gái Quyền vốn kiêu căng, có nhiều binh tướng Ngô là thủ hạ, thao túng ngang ngược chẳng có phép tắc. Tiên chủ thấy Vân nghiêm nghị cẩn trọng, tác phong đường hoàng, mới giao cho đặc trách chưởng quản nội sự. Quyền nghe tin Bị Tây chinh, liền sai mang thuyền tới đón em gái về, phu nhân lại muốn mang Hậu chủ về Ngô, Vân cùng với Trương Phi giăng binh chẹn sông, mang được Hậu chủ về.

Tiên chủ từ Hà Manh quay về đánh Lưu Chương, triệu gọi Gia Cát Lượng. Lượng đốc Vân cùng với Trương Phi ngược sông tiến về phía Tây, bình định các quận huyện. Đến Giang châu, chia quân sai Vân tiến ngược sông Giang, cùng với Lượng hẹn gặp nhau ở Thành đô. Thành đô đã định được, Tiên chủ lấy Vân làm Dực quân tướng quân.

Vân biệt truyện viết: Ích châu đã định, bấy giờ có người bàn nên lấy nhà cửa ở Thành đô cùng những đất đai vườn tược quanh đó ban cho chư tướng. Vân bác đi nói rằng: “Xưa kia Hoắc Khứ Bệnh (39) từng nói rằng Hung Nô chưa bị diệt, sao nghĩ đến việc nhà, nay quốc tặc chẳng phải chỉ như Hung Nô, chưa thể cầu an được vậy. Nên để lúc thiên hạ yên định, mọi người đều trở về quê, cày cấy nơi ruộng cũ, việc ấy mới nên làm. Nay dân chúng Ích châu, mới mắc nạn binh đao, nhà cửa ruộng vườn rất nên trả về cho họ, để dân được an cư lạc nghiệp, sau này mới có binh lương quân dịch, như thế dân sẽ hoan hỉ vui mừng vậy.” Tiên chủ liền nghe theo.

Hạ Hầu Uyên bại trận, Tào công tranh chiếm đất Hán Trung, vận lương ở dưới chân núi Bắc Sơn, mấy ngàn vạn斛 (40), Hoàng Trung cho rằng có thể cướp được, Vân dẫn binh theo sau Trung đi lấy lương. Quá hẹn mà Trung chưa về, Vân dẫn mấy chục quân khinh kỵ phá vây, đón được Trung. Tào công ở Dương Bình xuất đại quân vây hãm, Vân đi tiên phong đánh lại, kịch chiến trong vòng vây, quân địch rất đông, thế mạnh, Vân xông pha trước trận, vừa đánh vừa lui. Quân Tào thua trận, lại họp nhau đuổi, Vân phá tan quân địch, xông thẳng vào vòng vây. Khi ấy tướng quân Trương Trứ bị thương, Vân lại cứu được rồi đỡ lên ngựa ruổi chạy về doanh. Tào công dẫn quân truy bức đến tận nơi, lúc ấy tướng giữ trại Miện Dương (41) là Trương Dực muốn đóng cửa doanh chống cự địch, Vân vào trong dinh, sai mở toang cổng trại, hạ cờ im trống. Tào công nghi Vân có phục binh, dẫn quân quay về (42). Vân mới sai thúc trống vang trời, lệnh cho quân cung nỏ bắn loạn xạ vào sau lưng quân Tào, quân Tào kinh hãi, dẫm lên nhau mà chạy, rơi xuống sông Hán Thủy chết rất nhiều. Hôm sau Tiên chủ tự mình đến doanh quân của Vân xem xét chiến địa, khen rằng: “Tử Long quả thật một thân toàn là đảm (43) vậy.” Rồi cho tấu nhạc uống rượu đến tận đêm khuya, từ đấy trong quân gọi Vân là Hồ oai tướng quân.

Tôn Quyền đánh úp Kinh châu, Tiên chủ giận lắm, muốn sang đánh Quyền. Vân can rằng: “Quốc tặc chính là Tào Tháo, không phải Tôn Quyền, ví bằng đã diệt được Ngụy, tất Ngô phải phục tùng. Tháo tuy đã chết, con là Phi làm chuyện soán đoạt, nhân tâm bất phục, nếu ta sớm đồ được Quan Trung, chiếm giữ thượng lưu hai sông Hà-Vị để thảo phạt kẻ hung nghịch, các nghĩa sỹ ở Quan Đông tất gói lương dắt ngựa nghênh đón vua tôi chúng ta. Nếu quên việc đánh Ngụy, mà đánh Ngô trước; việc binh đã xảy ra, chẳng thể nào dứt ngay được.” Tiên chủ không nghe, dẫn quân đông chinh, lưu Vân ở lại đốc trách Giang châu. Tiên chủ thua trận ở Tỷ Quy, Vân tiến binh đến Vĩnh An, Quân Ngô bèn lui về.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, lấy Vân làm trung hộ quân, chức Chinh Nam tướng quân, tước Đô đình hầu, sau đổi làm Trấn Đông tướng quân. Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Gia Cát Lượng ra Hán Trung. Năm sau,

Lượng xuất quân, phô trương thanh thế ở đường Tà Cốc, Tào Chân phái đại quân chống giữ. Lượng sai Triệu Vân và Đặng Chi cự địch, còn Lượng thân tấn công Kỳ Sơn. Vân-Chi binh yếu địch mạnh, gặp thất lợi ở Cơ Cốc, mới làm nghi binh cố thủ, chẳng chịu thua trận. Sau phải lui binh, biếm chức xuống Trấn quân tướng quân.

Vân biệt truyện viết: Lượng nói: “Việc rút quân ở Nhai Đình, binh tướng ta chẳng ai không bị thiệt hại, việc lui quân ở Cơ Cốc, binh tướng ở đây chẳng mấy tổn thất, sao vậy?” Chi thưa rằng: “Vân tự thân đi đoạn hậu, quân tư trang vật dụng, đều không bỏ sót, binh tướng được vô sự nên không tổn thất gì.” Vân lấy được nhiều quân tư trang và vải lụa thừa, Lượng sai đem những vật ấy ban cho tướng sỹ của Vân, Vân nói rằng: “Việc quân đã bất lợi, sao có thể nhận phần thưởng được? Xin đưa hết những vật phẩm ấy vào phủ khố (44) ở Xích nạm, đợi đến tháng 10 sang Đông giá rét mà ban thưởng” Lượng rất lấy làm phải và nghe theo.

Năm 70 tuổi Vân chết, truy thụy hiệu là Thuận Bình hầu.

Khi trước, thời Tiên chủ còn sống, chỉ có mình Pháp Chính được ban thụy hiệu; sang thời Hậu chủ, Gia Cát Lượng công đức cái thế, Tưởng Uyển-Phí Vỹ gánh vác việc lớn quốc gia, mới được đặt thụy; sau nữa đến Trần Chi (45) mới cho sủng đãi, việc tướng lệ đã khác hẳn, Hạ Hầu Bá ở nơi xa theo hàng với Thục, chết cũng được ban thụy; khi Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung cùng với Vân được truy thụy hiệu, bấy giờ bàn xét lấy đó làm vinh dự.

Vân biệt truyện chép Hậu chủ viết chiếu rằng: “Xưa kia Vân theo Tiên đế, trải nhiều khó nhọc. Khi trẻ còn nhỏ dại, bước đường gian nan, nhờ cậy lòng trung, vượt được nổi hiểm nguy. Ban cho thụy hiệu để tỏ rõ công trạng lớn lao, người ngoài chớ bàn bạc mà dị nghị.” Đại tướng quân Khương Duy bàn rằng, Vân trước theo Tiên đế, trải nhiều lao khó, sửa sang thiên hạ, tuân thủ phép tắc, công trạng đáng ghi vào sách vở. Trận chiến Đương Dương, nghĩa như vàng đá, tận trung với chúa, vua tướng nhớ ban thưởng, lễ nghĩa đủ đầy, đến kẻ bầy tôi đã quên cả thân mình. Chết vẫn biết rằng, thân danh chẳng nát; sống cảm ân đức, danh chẳng phai mờ. Kính cần

theo khuôn phép mà xét thuy, nhu thuận hiền hậu ấy là Thuận, làm việc thuận ngôi thứ, khắc chế được tai hoạ, ấy là Bình, ứng theo phép đặt cho thuy là Thuận Bình hầu.

Con của Vân là Thống nổi tự, làm quan đến Hồ bôn Trung lang tướng, Đốc hành lĩnh quân. Con thứ là Nghiễm (Quảng), làm Nha môn tướng, theo Khương Duy ra Đạp Trung, chết khi lâm trận.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Gồm 4 quận Võ Lăng, Linh Lăng, Quế Dương và Trường Sa.
- (2) Chỉ Quan Vũ, Mã Siêu.
- (3) Mã Siêu, Trương Phi.
- (4) Quan Vũ.
- (5) Đánh giặc khăn vàng.
- (6) Tướng tá binh sĩ dưới trướng.
- (7) Đại tướng quân ở đây chỉ ý rằng Nhan Lương là đại tướng cầm quân của Viên Thiệu chứ không phải mang hàm Đại tướng quân của nhà Hán.
- (8) Nguyên văn là ‘phúc tà’, phúc là tốt lành, tà là cong queo - dịch thoát.
- (9) Bị với Thừa ký vào ‘chiếu đai áo’ của Hán Hiến đế ước thề giết Tào Tháo.
- (10) Siêu mới theo hàng được thăng quan tước ngang hàng với Quan Vũ, Vũ giận cho rằng Siêu chưa có công lao gì, sao được đứng ngang hàng với Vũ nên gửi thư hỏi Gia Cát Lượng.
- (11) Kinh Bồ, Bành Việt là những dũng tướng của Hán Cao Tổ.
- (12) Tài giỏi kỳ tuyệt hơn đời.
- (13) Nguyên văn ‘đại duyệt’ tức là rất hài lòng, thái độ của Vũ rất ngạo mạn nên dịch rõ nghĩa là rất đặc ý.
- (14) Không rõ những địa danh nào, có lẽ là mấy vùng đất ở gần Hứa huyện của Tào Tháo.
- (15) Cầu hôn, kết thông gia.
- (16) Nhắc lại chuyện ngày Vũ còn ở với Tào Tháo. Hoảng, Liêu và Vũ đều có nghĩa khí nên rất quý trọng nhau.
- (17) Ý rằng người ta vẫn khen Quan Vũ là bậc tuyệt trí siêu quần, Vũ chẳng thể nào hàng Ngô được. Bùi Tùng nói vậy có hàm ý là việc nói rằng Quyền muốn chiêu hàng Vũ là không có thật, tức là Thục ký nói sai việc ấy.
- (18) Chữ Thiên này là ‘một bên’, không phải Thiên là trời.

(19) Mã Viện tức Phục Ba tướng quân, là danh tướng nhà Đông Hán, từng sang đánh nước Việt ta thừa Bà Trưng, Bà Triệu.

(20) Nguyên văn: dân vương quốc, tức là người trong nước, ý chỉ vào vùng biên ải nên dịch là người trong vùng.

(21) Một chức quan nhỏ.

(22) Địa danh này có lẽ ở đâu đó thuộc vùng Lũng Tây.

(23) Không hiểu Trần Thọ viết thêm chữ (năm) sau chữ ‘thập’ là nghĩa gì? Chiếu theo các sự kiện xảy ra ở các thiên truyện về những nhân vật khác có liên quan thì việc này xảy ra vào năm Kiến An thứ 10. Có lẽ Trần Thọ nghi ngờ việc này nên ý là có thể việc Đăng vào kinh là năm Kiến An thứ 5 chăng? Như vậy thì có vẻ không đúng.

(24) Vệ úy là một chức quan lớn trong triều, dự vào hàng Cửu khanh.

(25) Tuổi cao, chinh chiến vất vả, nên về triều làm chức quan hộ vệ cho Vua.

(26) Siêu lấy các quận Lũng Thượng, Dương Phụ-Lương Tự ở Lỗ Thành cất quân đánh Siêu, Lương Khoan-Triệu Cù giữ Ký thành, Siêu xuất binh ra khỏi Ký Thành đánh đuổi, khi quay về bị Khoan-Cù đóng cửa không cho vào, phải chạy sang Hán Trung.

(27) Vị Thủy, Đồng Quan.

(28) Vị Thủy, Đồng Quan.

(29) Nguyên văn: ‘hạp môn bách khẩu’, tức là ‘đóng cửa trăm miệng’, dịch ý.

(30) Một tuần thời xưa ở Trung Quốc tính bằng 10 ngày.

(31) Trước đây triều đình nhà Hán đã phong cho Siêu tước này. Lúc ấy tước của Mã Siêu cao nhất, hơn cả Phi, Vũ, chỉ kém mỗi Lưu Bị mà thôi.

(32) Một chữ tên người không dịch được, không biết họ Viên ấy tên là gì. ND tìm đọc một số điển tích trên các trang web tiếng Hán thì thấy có đoạn bổ chú là Trần Thọ cho rằng Viên-Nhạc Tư làm sách ghi chép những điều nhằm nhí, có rất nhiều chuyện xằng bậy, hình tượng ấy chỉ việc nói mà không suy nghĩ thấu đáo, chép việc dẫu nhiều nhưng chẳng hiểu biết gì.

(33) Một bộ tộc rợ ở phương Bắc Trung Quốc.

(34) Theo phép ‘chủ - khách’ thì khi Trần Thọ viết Tam Quốc chí đã lấy nước Ngụy là chủ để lập kỷ cương đế vương, mà Ngụy-Ngô là khách. Rõ nét nhất là việc bộ sử này có phần ‘đế kỷ’ dành cho các vua nhà Ngụy, còn các đế nhà Thục thì chỉ ‘Thục chủ, Ngô chủ’ mà thôi, đều là liệt truyện, không có bản kỷ. Câu viết này cũng thể hiện phần nào việc ấy. Rõ ràng là câu nói của Siêu, mà Siêu hận Tháo đến thấu xương, nhưng vẫn gọi Tháo rất kính trọng là Mạnh Đức quả là lạ. Có lẽ Siêu đã viết là ‘đã bị giặc Tháo giết sạch’ chứ không phải viết rõ tên tự của Tháo là Mạnh Đức như thế.

(35) Tác giả cuốn Biệt truyện là Trương Thức, phần viết về Triệu Vân gọi là Vân Biệt truyện.

(36) Có lẽ diện mạo Vân có nét con gái nên sách viết là tư nhan, thường khi tả dáng người sắc mặt đàn ông phải viết là dung mạo.

(37) Bạch nghĩa là lời kẻ dưới thưa với người trên, cũng có nghĩa như chữ ‘bẩm’ vậy.

(38) Một chức quan coi xét việc hình luật.

(39) Hoắc Khứ Bệnh là danh tướng nhà Hán thời Hán Vũ đế từng đánh dẹp quân Hung Nô.

(40) Nguyên văn là ‘nang’ có nghĩa là túi, bị, bọng. Tạm dịch là ‘hộc’.

(41) Vân đi cứu Trung, phó tướng Trương Dực giữ trại.

(42) Trại tựa lưng xuống sông, chính là đất chết vậy. Tháo nghi ngờ rằng Vân bày binh theo lối Hàn Tín trước kia nên sợ có phục binh mà lui về.

(43) Chữ ‘đảm’ có nghĩa là Quả mật, ý nói Vân lớn mật, dũng cảm.

(44) Kho tàng của doanh trại.

(45) Khi Trần Chi coi việc Thượng thư thì nước Thục đã sắp bị diệt.

QUYỂN 7 - BÀNG THỐNG PHÁP CHÍNH TRUYỆN

Bàng Thống, Pháp Chính

BÀNG THỐNG TRUYỆN

Bàng Thống, tự Sĩ Nguyên, người ở Tương Dương. Thuở nhỏ chất phác ngu độn, kiến thức thiếu sót. Tư Mã Huy ⁽¹⁾ ở Dĩnh Xuyên là người thanh nhã, có mắt nhìn người, năm Thống vừa trưởng thành tới gặp Huy, Huy hái lá dâu trên cây, Thống ngồi dưới gốc cây, hai người nói chuyện từ sáng tới đêm. Huy rất kì lạ, gọi Thống là kẻ sĩ hàng đầu của các châu phía nam bấy giờ, bởi thế danh tiếng Thống dần vang xa.

Tương Dương kí chép: Gia Cát Khổng Minh là Ngọa Long, Bàng Sĩ Nguyên là Phượng Sồ, Tư Mã Đức Tháo là Thủy Kính, đều là lời của Bàng Đức Công cả. Đức Công là người ở Tương Dương. Khổng Minh thường hay tới nhà, một mình lạy ở dưới giường, Đức Công ban đầu chẳng chỉ bảo gì. Đức Tháo từng tới chỗ Đức Công, gặp lúc Đức Công qua sông Miện, lên tế mộ tổ tiên, Đức Tháo bèn vào thẳng nhà, gọi vợ con Đức Công, bảo nhanh chóng chuẩn bị cơm nước, “Từ Nguyên Trực hướng vào nhà nói có khách lại để cùng Bàng Công đàm luận”. Vợ con Đức Công đều ra lạy chào, quỳ khắp cả nhà, rồi vội vã chạy đi bày tiệc. Chốc lát, Đức Công về, vào thẳng nhà gặp gỡ, chẳng biết sao lại có khách. Đức Tháo nhỏ hơn Đức Công mười tuổi, tôn Đức Công làm anh, gọi là Bàng Công, bởi thế người đời bèn bảo Bàng Công chính là tên của Đức Công, chẳng phải như vậy. Con Đức Công là Sơn Dân, cũng có danh tiếng, lấy chị gái nhỏ của Gia Cát Khổng Minh, làm Hoàng môn lại bộ thị lang của Ngụy, mất sớm. Con Dân là Hoán, tự Thế Văn, những năm giữa niên hiệu Thái Khang nhà Tấn làm thái thú Tang Ca. Thống là cháu gọi Đức Công bằng chú (bác), tuổi nhỏ kiến thức thiếu sót, chỉ có Đức Công coi trọng Thống, năm Thống mười tám tuổi, sai đến gặp Đức Tháo. Đức Tháo cùng trò chuyện, lát sau than rằng: Đức Công thật biết nhìn người, người ấy quá giỏi vậy.

Sau quận cho Thống làm Công tào. Tính Thống yêu thích đạo lý làm người, siêng năng phụng dưỡng người cao tuổi. Nói chuyện thường hay bày tỏ quá mức, nhiều điều vượt cả chức phận, người đương thời lấy làm lạ hỏi Thống, Thống đáp: Hiện nay thiên hạ đại loạn, chính đạo suy đồi, thiện

nhân thì ít mà ác nhân thì nhiều. Ý tôi muốn chấn hưng phong tục, nâng cao đạo nghiệp, đàm luận mà không hay tức thanh danh chưa đủ ngưỡng vọng, chưa đủ ngưỡng vọng thì điều thiện sẽ ít vậy. Nay tôi nêu lên mười điều chắc rơi rụng mất năm, cũng còn được một nửa, có thể truyền bá sự giáo hóa, khiến kẻ có chí được khích lệ, cũng không nên hay sao? Tướng Ngô là Chu Du giúp Tiên chủ lấy Kinh Châu, nhưng lại làm thái thú Nam Quận. Du chết, Thống đưa tang về Ngô, người Ngô đa phần đều nghe danh Thống. Đến lúc quay về phía tây, mọi người tụ họp ở Xương Môn, Lục Tích, Cố Thiệu, Toàn Tông đều tới. Thống nói: Lục tiên sinh ví như con ngựa chạy chậm mà có sức chân nhanh, Cố tiên sinh ví như con trâu hèn mà có thể kéo nặng đi xa vậy.

Trương Bột ngô lục chép: Có người hỏi Thống rằng: Cứ như tôi thấy, Lục tiên sinh có vẻ giỏi hơn ông? Thống nói: Ngựa chạy chậm tuy tinh, nhưng cái tài ấy chỉ đủ cho một mình vậy. Trâu hèn ngày đi ba trăm dặm, nhưng cũng chỉ đủ mang một mình mà thôi. Thiệu tới chỗ Thống ngủ lại một đêm, trò chuyện, nhân đó hỏi: Ngài có tiếng là biết nhìn người, xin hỏi tôi với ngài ai hơn? Thống đáp: đào tạo thế tục, kén chọn nhân tài, tôi không bằng ngài; bàn luận kế sách để vương, nắm hết cái thiết yếu nhất của chính trị, tôi hơn hẳn ngài. Thiệu phục những lời ấy mà thân thiết với Thống.

Thống bảo Toàn Tông rằng: Ngài là người mẫu mực, yêu danh, có thể ví với Phàn Tử Chiêu ở Nhữ Nam,

Tướng Tế vạn cơ luận nói Hứa Tử Tương khen chê không công bằng, để nâng Phàn Tử Chiêu mà dìm Hứa Văn Hưu. Lưu Diệp nói: Tử Chiêu thành đạt từ việc buôn bán, tuổi đã sáu mươi, lui có thể giữ được cái tỉnh, tiến có thể không cầu thả. Tế đáp: Tử Chiêu từ trẻ tới già giữ trọn tiết tháo, nhưng quan sát lời ăn tiếng nói, phong thái đàm luận, thì chẳng sánh bằng Văn Hưu vậy.

tuy trí lực không nhiều, song cũng là kẻ có danh một thời vậy. Tích, Thiệu bảo Thống rằng: Nếu thiên hạ thái bình, xin cùng ngài liệu đoán kẻ sĩ bốn biển. Hai người cùng Thống kết bạn thâm giao rồi quay về.

Tiên chủ năm Kinh Châu, Thống làm tòng sự, giữ chức huyện lệnh Lôi Dương, nhưng chẳng ngó ngàng tới huyện, bị miễn chức. Tướng Ngô là Lỗ Túc để lại thư cho Tiên chủ nói rằng: Cái tài của Bàn Sĩ Nguyên chẳng phải chỉ trong vòng trăm dặm, nên cho làm Trị trung biệt giá, mới phát huy hết sức chân của con ngựa Kí (2) vậy. Gia Cát Lượng cũng nói với Tiên chủ về Thống, Tiên chủ bèn gặp, cùng đàm luận tâm đắc, vô cùng coi trọng Thống, lấy làm Trị trung tòng sự.

Giang biểu truyện chép: Tiên chủ cùng Thống ung dung ăn tiệc, trò chuyện, hỏi Thống rằng: Khanh làm Công tào chỗ Chu Công Cẩn, Cô (3) tới Ngô, nghe thấy người ấy bí mật tâu trình, khuyên Trọng Mưu (4) lưu ta lại đó, có việc ấy không? Theo chủ nên vì chủ, khanh đừng giấu ta. Thống đáp: Có việc ấy. Bị than rằng: Cô đương lúc nguy cấp, phải tới cầu cạnh, không được không đi, sợ chẳng thoát được khỏi tay Chu Du! Kẻ mưu trí trong thiên hạ, cách nhìn giống nhau vậy ư. Lúc đó Khổng Minh can Cô đừng đi, vốn chỉ có ý như vậy, Khổng Minh hẳn cũng lo nghĩ việc ấy. Cô dùng Trọng Mưu để phòng phương bắc, Trọng Mưu lại nhờ Cô làm viện trợ, việc ấy quyết định chẳng có chút nghi ngờ. Ấy thật là đi vào chỗ nguy hiểm, chẳng phải kế vạn toàn vậy.

Tiên chủ thân thiết tiếp đãi Thống chẳng khác gì Gia Cát Lượng, cho cùng Lượng làm Quân sư trung lang tướng.

Cửu Châu xuân thu chép: Thống thuyết Bị rằng: Kinh Châu hoang tàn, nhân tài điêu tán, đông có Tôn Ngô, bắc có họ Tào, cái kế tạo thành chân vạc, khó mà như ý được. Nay Ích Châu nước giàu dân mạnh, hộ khẩu trăm vạn, binh mã bốn bộ, đều đầy đủ cả, kinh tế chẳng cần tới bên ngoài, nên quyền biển mượn lấy mà định đại sự. Bị nói: Nay ta với Tào Tháo như nước với lửa, Tháo cấp bách, ta khoan thai; Tháo tàn bạo, ta nhân từ; Tháo xảo quyệt, ta trung hậu; cái gì cũng ngược với Tháo cả, việc mới thành được vậy. Nay được cái nhỏ mà mất đi tín nghĩa với thiên hạ, ta không làm đâu. Thống nói: Bây giờ là lúc quyền biển, yên định thiên hạ chẳng phải chỉ có một lối vậy. Sát nhập những nước nhỏ yếu, chính là việc của ngũ bá ngày xưa. Nghịch chiếm mà thuận trị, báo đáp ấy là nghĩa, sau này mọi

việc đã định, phong cho (Lưu Chương) một nước lớn, sao lại phụ tín được? Nay không lấy Ích Châu, cuối cùng kẻ khác được lợi mà thôi. Bị nghe theo.

Lượng ở lại trấn giữ Kinh Châu, Thống theo Tiên chủ vào Thục.

Ích châu mục Lưu Chương cùng Tiên chủ gặp mặt ở Phù huyện, Thống dâng kế rằng: Nay kẻ ấy đến hội họp, ta tiện thể bắt lấy, thời tướng quân chẳng mất một binh một tốt, ngồi một chỗ mà định Ích Châu vậy. Tiên chủ nói: Mới vào nước người ta, ân, tín đều chưa đủ, cách ấy không được. Chương về Thành Đô rồi, Tiên chủ gánh vác việc bắc chinh Hán Trung giúp Chương, Thống lại thuyết rằng: Ngâm tuyển tinh binh, bất kể ngày đêm, tập kích thẳng vào Thành Đô; Chương vốn bất vũ, lại là chỗ quen biết không phòng bị, đại quân chợt tới, tất chỉ một trận là định được, ấy là thượng sách. Dương Hoài, Cao Bái, hai danh tướng của Chương cậy binh cường thủ nơi cửa khẩu hiểm yếu, nghe nói đã mấy lần dâng biểu can gián Chương, xin đuổi tướng quân về Kinh Châu. Nay tướng quân tới đó, sai người báo trước cho họ biết, nói Kinh Châu có việc gấp, muốn quay về cứu viện, lại cho binh lính đều sắp xếp hành trang, bên ngoài làm ra vẻ quay về; hai người ấy đã nghe tiếng anh hùng của tướng quân, lại mừng rỡ vì tướng quân bỏ đi, tất sẽ cười khinh kị lại đón, tướng quân nhân đó bắt lấy, rồi mạnh dạn xuất binh, nhắm hướng Thành Đô, đó là trung sách. Quay về Bạch Đế, rồi dẫn binh về Kinh Châu, thông thả tính kế quay lại lấy Ích Châu, đó là hạ sách. Nếu do dự chẳng đi, tất sẽ nguy to, không thể đợi thế được. Tiên chủ chọn theo trung sách, chém ngay được Hoài, Bái, hướng về Thành Đô, đi tới đâu đánh được tới đó. Tiên chủ mở hội ở Phù huyện, bày tửu yến ăn mừng, bảo Thống rằng: Hội hôm nay, có thể nói là vui vậy. Thống nói: Đánh nước người ta mà lấy đó làm vui, thật không đáng là quân của bậc nhân giả. Tiên chủ say rượu, nổi giận mà rằng: Vũ Vương phạt Trụ, trước ca sau múa, cũng không phải là bậc nhân giả ư? Khanh nói chẳng hợp lẽ, nên đứng lên mà bước ngay đi! Bởi thế Thống dẫn đo từ chức. Tiên chủ hối hận, thỉnh Thống trở lại. Thống phục chức cũ, cũng chẳng nghĩ tới việc tạ lỗi trước, cứ ăn uống tự nhiên. Tiên chủ bảo rằng: Bàn luận bữa trước, là

ai thất thố vậy? Thống đáp: Vua tôi cùng thất thố cả. Tiên chủ cười âm lên, lại vui vẻ như trước.

Tập Tạc Xi (5) nói: Kẻ bá vương tất lấy nhân, nghĩa làm gốc, cậy tín, thuận làm chủ, một điều không đủ, thì đạo sẽ không hòa. Nay Lưu Bị đánh úp, đoạt lấy đất của Chương, tuy quyền biến để nên nghiệp lớn, song phụ tín lia tình, đức, nghĩa đều sai, tuy công có lớn, song cái mất cũng nhiều, chẳng khác gì chặt tay để giữ lấy thân thể, sao vui được đây? Bàn Thống sợ lời nói ấy lan ra ngoài, biết chắc rằng quân chủ sẽ thấu hiểu, cho nên công khai chỉnh sửa lỗi lầm (của Bị) mà chẳng quan tâm đến đạo lý khiêm cung. Lời trách mắng tuy quá kịch liệt nhưng đã biểu lộ tác phong cương trực, khẩu phong lạnh lẽo. Quân chủ lầm lỗi nhưng biết cải sửa là nhờ bày tôi biết can gián vậy. Dung nạp ý kiến chính đáng mà không chấp vào ý kiến cá nhân là thuận theo lý vậy. Có bày tôi giỏi thì vương quyền hưng thịnh; theo lý thì mọi chính sách đều được thi hành. Một lời mà thu đủ ba điều lợi; (lời) khuyên ngăn mà sáng soi ngàn đời. Có thể nói đã đạt được đại thể (của đạo trị quốc) Nếu chỉ chăm chăm cái thua thiệt nhỏ thì đánh mất lợi ích quốc gia. Nếu bo bo giữ ý kiến sai lầm mà phớt bỏ rường mối dài lâu, (quân vương) như vậy mà mong hoàn thành đại nghiệp, chưa từng có vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng mưu tập kích Lưu Chương, tuy là kế của Thống, nhưng trái với nghĩa để nên công, vốn là cái đạo đối trá, lòng Thống đã áy náy, tất cái vui vẻ tự tắt, bởi thế nghe Bị nói là vui, bất giác buột miệng mà đáp lại vậy. Bị thỏa thuê yến tiệc chẳng đúng lúc, việc ấy giống như cười trên nỗi đau kẻ khác, tự so mình với Vũ Vương mà chẳng hề xấu hổ, ấy là Bị không đúng chứ Thống chẳng sai, Thống nói: “Vua tôi cùng thất thố cả”, chỉ là lời che đậy, cùng chia sẻ cái lỗi vậy. Lời bàn của họ Tập, tuy đại ý không sai, nhưng những lời suy diễn như thế, cũng có chút phóng túng vậy.

Quân vây Lạc huyện, Thống suất binh công thành, bị trúng tên lạc mà chết, năm ấy Thống ba mươi sáu tuổi. Tiên chủ thương tiếc Thống, nhắc tới là rơi nước mắt. Phong cho phụ thân của Thống làm Nghị lang, sau thăng

làm Giám nghị đại phu, do Gia Cát Lượng đích thân bổ nhiệm. Thống được truy tặng tước quan nội hầu, tên thụy là Tĩnh hầu. Con Thống là Hoành, tự Cự Sư, tính cương trực giản dị, dám khen dám chê, vì ngạo mạn coi thường Thượng thư lệnh Trần Chi, bị Chi đê nén, khi chết cũng chỉ làm tới Thái thú Phù Lăng. Em Thống là Lâm, làm Trị trung tòng sự ở Kinh Châu, theo Trấn bắc tướng quân Hoàng Quyền chinh Ngô, thua trận, theo Quyền hàng Ngụy, Ngụy phong làm Liệt hầu, quan tới Thái thú Cự Lộc.

Tương Dương ký chép: Vợ của Lâm là em gái Tập Trinh ⁽⁶⁾, người cùng quận. Sự tích của Trinh được chép trong Phụ thần tán của Dương Hí. Tào Công đánh phá Kinh Châu, vợ Lâm cùng Lâm chia cách, trông coi nuôi dưỡng đứa con gái nhỏ mới hơn mười tuổi, sau Lâm theo Hoàng Quyền hàng Ngụy, mới được đoàn tụ. Ngụy Văn Đế ⁽⁷⁾ nghe vợ Lâm hiền, ban cho màn chiếu y phục, để nghĩa tiết được vẻ vang.

PHÁP CHÍNH TRUYỆN

Pháp Chính tự Hiếu Trực, người quận Phù Phong, Mi huyện. Tổ phụ là Chân, nổi tiếng thanh khiết.

Tam phụ quyết lược chú chép: Chân tự Cao Khanh, thuở nhỏ đã hiểu rõ Ngũ Kinh, lại rành việc đoán lành dữ, không học lâu ở một thầy nào, nổi tiếng là tài cao. Thường quần khăn xếp gặp quan trấn thủ Phù Phong, quan trấn thủ nói: Ai Công (8) tuy bất tài, nhưng kẻ thần tử Trọng Ni (9), Liễu Hạ Huệ (10) cũng chẳng bỏ quê cha đất mẹ mà đi, ý tôi muốn ngài khuất thân làm Công tào được không? Chân nói: Minh phủ (11) tiếp đãi hữu lễ, cho nên Chân đã bốn lần bái yết, nhưng bằng muốn Chân làm quan lại, Chân sẽ ở phía bắc Bắc Sơn, phía nam Nam Sơn vậy (12). Sau quan trấn thủ Phù Phong không dám lấy Chân làm lại. Trước, khi Chân chưa đầy hai mươi tuổi, phụ thân ở Nam Quận, Chân đi bộ tới ngóng, phụ thân bèn giữ lại ăn mừng một tết, cho xem các quan tụ hội lúc sáng sớm. Hội có mấy trăm người, Chân chọc cái lỗ trên cửa sổ dòm ngó rồi thì thầm với phụ thân. Hết hội, mới hỏi Chân: Ai là người hiền? Chân đáp: Tào duyện Hồ Quảng có độ lượng của bậc công khanh. Sau quả nhiên Quảng có làm tới ngôi tam công cửu khanh, người đời bởi thế phục tài nhìn người của Chân. Trước sau mấy lần Chân được vời làm quan, nhưng đều không tới, nhóm bạn Quách Chính đều khen ngợi, gọi Chân là Huyền Đức tiên sinh. Chân mất vào năm Trung Bình ngũ niên, được tám mươi chín tuổi. Phụ thân Pháp Chính là Diễn, tự Quý Mưu, làm Tư đồ duyện, Đình úy tả giám.

Kiến An sơ, thiên hạ mất mùa, Chính cùng với người đồng quận là Mạnh Đạt cùng vào Thục nương nhờ Lưu Chương, mãi về sau mới được làm Tân Đô lệnh, rồi được gọi về tạm làm Quân nghị hiệu úy. Chính đã không được dùng, lại bị lũ khách ở nhờ châu áp chê bai là thiếu đức hạnh, nên bất đắc chí. Ích Châu biệt giá Trương Tùng chơi thân với Chính, nghĩ Chương chẳng có tương lai, thường than thở riêng với nhau. Tùng ở Kinh Châu thấy Tào Công về (bắc), khuyên Chương đoạn tuyệt với Tào Công mà liên kết với Tiên chủ. Chương nói: Ai có thể làm sứ giả? Tùng bèn tiến cử Chính,

Chính từ tạ không được đành đi. Chính quay về, cùng Tùng kể Tiên chủ anh hùng thao lược, hai người bí mật mưu tính kế hoạch hiệp lực, muốn cùng phụng sự (Tiên chủ), mà chưa có dịp. Sau Chương nghe tin Tào Công muốn sai tướng đánh Trương Lỗ, trong lòng sợ hãi, nhân đó Tùng bèn thuyết Chương nên nghênh đón Tiên chủ, khiến đi đánh Lỗ, Chương lại sai Chính đi. Chính truyền ý chỉ xong, ngầm hiến kế cho Tiên chủ rằng: Tướng quân là người anh tài, nên thừa cơ Lưu mục (13) nhu nhược (mà lấy Ích Châu); Trương Tùng, cánh tay đắc lực của châu Ích, sẽ làm nội ứng bên trong; sau đó nhờ cái giàu có của Ích Châu, cạy cái hiểm trở trời cho, nên nghiệp lớn như trở bàn tay vậy. Tiên chủ tán đồng, theo sông về tây, hội hợp với Chương ở Phù huyện. (Tiên chủ) bắc tiến trấn ải Hà Manh, rồi hoàn nam tấn công Chương.

Trịnh Độ khuyên Chương rằng:

Hoa dương quốc chí chép: Độ là người Quảng Hán, làm tòng sự ở châu.

Tả tướng quân (14) dẫn một đám quân cô độc tập kích ta, binh chẳng tới vạn người, tướng sĩ chưa phục, lại chỉ trông vào thóc lúa ngoài đồng, chứ không có lương thực. Chi bằng rời hết dân ở Ba Tây, Tử Đồng về tây Phù Thủy, còn bao nhiêu kho lương đồng lúa đốt hết một lượt, giữ thành cao hào sâu, lấy tĩnh mà cự địch. Bên kia tới khiêu chiến, ta chẳng ra, địch chẳng trông cậy vào đâu được, chẳng quá trăm ngày tất phải rút chạy. Họ chạy, ta bèn đuổi đánh, tất bắt được (Bị) thôi. Tiên chủ nghe được kế ấy, lo lắng không yên, bèn hỏi Chính. Chính nói: (Chương) không dùng đâu, chẳng nên lo vậy (15). Quả nhiên như lời Chính nói, Chương bảo với quần thần rằng: Ta chỉ nghe cự địch để an dân, chứ chưa nghe phiến dân để tránh địch vậy. Rồi bãi quan của Độ, không dùng kế ấy.

Đến lúc quân vây Lạc thành, Chính thư cho Chương trước, viết rằng: Chính vốn buông thả vô thuật, mà nay minh hảo giữa hai nước đã tổn hại, sợ quần thần không rõ đầu đuôi, tất đều quy tội cho tôi, khiến tôi hổ thẹn tới chết, còn làm nhục tới ngài, bởi vậy đành bỏ thân ở ngoài, chứ không dám trái lệnh. Lại sợ ngài nghe thấy những lời dơ bẩn, chẳng dám kính thư vấn an, lòng hoài niệm cái tình tiếp đãi khi xưa, mà chỉ dám trông xa nhớ

nhưng không dứt. Trước sau duy có Chính dám biểu lộ tim gan, từ thuở ban đầu tới tận bây giờ, thật chẳng dám giấu giếm ý riêng, hay có lòng không hết sức, chỉ hiềm Chính ngu tối kế mông, tấm lòng thành chẳng đủ cảm động ngài, mới đến nông nổi như bây giờ vậy. Nay quốc gia lâm nguy, tai vạ ập đến, tuy Chính đã vứt thân buông thả bên ngoài, chịu những lời oán ghét, nhưng vẫn tham lam hết lòng lo nghĩ, lấy đó để biểu lộ sự trung thành. Bốn ý của tướng quân Chính hiểu rõ, thật không muốn đánh mất cái ý viện trợ của Tả tướng quân, sở dĩ cuối cùng tới nỗi này, cũng bởi tả hữu bên ngài vốn chẳng thông suốt cái đạo hành sự của kẻ anh hùng, có thể nói đã trái lời thề ước, lại thêm lấy tình cảm để kết giao, nhật nguyệt cùng lặn (16), xu nịnh mong cầu lọt tai vừa mắt, a dua ý chỉ, mà chẳng màng tới kế sách trị quốc sâu xa vậy. Nay biến cố phát sinh, chẳng biết cân nhắc cái thế cường nhược, lại cho là Tả tướng quân binh ít viên chinh, không có lương thực, hòng lấy nhiều đánh ít, lôi thôi kéo dài. Nhưng (Tả tướng quân) theo cửa quan tới đây, đi đến đâu đánh được đến đó, binh của tướng quân trấn ở hành cung, chỉ trong một ngày đã tự suy bại. Dưới Lạc thành binh tuy tới vạn, nhưng chết cả trong trận chiến, tướng đã bại quân, còn muốn tranh thắng trận chiến trong chốc lát, xét thế, lực binh tướng hai bên, thật chẳng tương đương vậy. Bên tướng quân muốn dùng kế tiêu thổ lâu dài, nhưng bên này doanh trại thủ giữ bền chắc, lương thực chất đống, mà tướng quân đất đai mỗi ngày một mất, bách tính mỗi ngày một khổ, đối phương đã nhiều, mà bên tướng quân cung ứng lại rỗng tuếch. Cứ như ngu ý, tất bên tướng quân kiệt lương trước, chẳng kéo dài lâu hơn được vậy. Cứ thủ chẳng chiến, còn chẳng kham nổi, nay Trương Dực Đức mang quân mấy vạn, đã lấy Ba Đông, vào tới ranh giới Kiên Vi, lại chia binh lấy Tư Trung, Đức Dương, ba đường tiến tới, tướng quân lấy gì để ngăn được? Trước người ta bày mưu cho tướng quân, tất bảo bên này quân cô độc đi đánh nơi xa, đã chẳng có lương, lại cung vận không kịp, quân đã ít lại chẳng có bổ sung vậy. Nay lộ Kinh Châu đã thông, quân đã gặp mấy chục lần, lại thêm Tôn Xa kị (17) sai em cùng Lí Dị, Cam Ninh làm hậu viện. Nhược bằng muốn tranh cái thế chủ khách, cậy đất nhà để giành chiến thắng, thì nay bên họ đã

chiếm được Ba Đông, Quảng Hán, Kiền Vi, hơn nửa đã định, một quận Ba Tây, cũng chẳng còn là của tướng quân nữa. Tính ra Ích Châu chỉ dựa vào đất Thục, thì nay Thục cũng tổn hại, ba phần mất hai, dân chúng mỗi một, nghĩ rằng mười hộ có tới tám hộ làm loạn vậy. Nếu như địch cách xa thì bách tính chẳng kham nổi việc nô dịch, địch ở gần thì đất đai chủ chẳng phải chỉ trong chốc lát sao. Các huyện Quảng Hán, là một ví dụ rõ ràng vậy. Lại như Ngự Phục với cửa khẩu thật là “phúc họa chi môn” của Ích Châu, mà nay hai cửa này tất thủng, thành kiên cố mấy cũng mất, quân lính tan vỡ, binh, tướng đều hết, mà địch theo mấy lộ cùng tiến, đã vào tới nơi yếu địa, chỉ ngồi mà thủ Thành Đô, Lạc Thành, cái thế tồn vong, thật rõ ràng vậy. Chính chỉ bàn đại lược, còn như chi tiết, thật khó mà nói hết bằng lời. Như Chính vốn ngu dốt, còn biết việc ấy (18) chẳng thể làm được, huống chi những mưu sĩ thông minh sáng suốt bên cạnh tướng quân, há chẳng thấy được số mệnh như thế ư? Những kẻ ấy chỉ là phường sáng tối tranh giành sung hạnh, cầu chốn dung thân để xu nịnh bề trên, mà chẳng biết lo tính mưu xa, chẳng tận tâm hiến dâng lương kế vậy. Ví như tình thế cấp thiết, các tướng liền mạnh ai nấy tìm đường sống, cầu xin được qua cửa ngõ, trần trở trần trọc, ngày trước so với bây giờ xét ra khác xa, họ thật khó vì tướng quân mà tận tâm tới chết. Nhà tướng quân đành tự gánh vác nỗi ưu tư mà thôi. Chính tuy chịu những lời phỉ báng bất trung, nhưng tự vẫn tâm chẳng phụ thánh đức, lòng hoài niệm cái nghĩa chúa tôi mà đau đớn thấm thiết. Tả tướng quân từ trước tới nay, tấm lòng cũ chẳng hề thay đổi, thật chẳng có ý bạc bẽo. Ngu ý cho rằng có thể tính chuyện quyền biến, chính là để bảo toàn gia đình tướng quân đó.

Năm Kiến An thứ mười chín, (Tiên chủ) tiến binh vây Thành Đô, thái thú Thục Quận của Chương là Hứa Tính định trèo tường ra hàng, việc bị phát giác, không thành. Chương bởi nguy vong gần kề nên không giết Tĩnh. Lúc Chương đầu hàng, Tiên chủ vì việc ấy mà bạc đãi, không dùng Tĩnh. Chính khuyên rằng: Thiên hạ có những kẻ hữu danh vô thực, Hứa Tĩnh chính là như vậy. Nhưng nay chúa công mới tạo dựng đại nghiệp, chẳng thể giải thích rõ ràng cho từng người trong thiên hạ, cái hư danh của Tĩnh đã

lan rộng bốn bề, nếu như thiếu lễ, thiên hạ tất cho chúa công là khinh rẻ người hiền. Chẳng bằng càng nên kính trọng, làm mê hoặc xa gần, như ngày xưa Yên Vương đãi Quách Ngỗi (19) vậy. Do vậy Tiên chủ bèn hậu đãi Tĩnh.

Tôn Thỉnh nói: Hạ mình cầu hiền, tôn trọng cái đức, là đạo lý quan trọng của quốc gia; phong tặng phần mộ, đi qua cửa (của bậc tiên hiền) là cách các bậc tiên vương lập ra khuôn thước (cho thiên hạ biết mình tôn trọng người hiền). Do đó ắt phải thể nghiệm và thực hành đạo lý nhìn xa trông rộng, nghĩa cao ngút trời, mai sau có thể nhìn xa khắp bốn bề, chấn phục lê dân. Nếu chẳng phải người như thế, thì đại đạo chẳng được thực thi vậy. Hứa Tĩnh, ở nhà thì huynh đệ bất hòa, xuất sĩ thì quan không xứng chức, xét về tín nghĩa thì thời thế vừa đôi gan ruột cũng đôi, luận về kiến thức thì là đầu mối họa hoạn. Thì làm sao có thể khiến người hiền tài căn cứ vào kẻ sĩ được trọng dụng mà đầu phục được? Nếu như chỉ chuộng cái danh hảo huyền mà khinh thường vinh nhục cá nhân, thì những kẻ sĩ chính trực trọng nghĩa dựa vào cái gì để phục đây? Chính chỉ chuyên dùng thuật mê hoặc, đánh mất phong thái của người cao quý, lại ví Hứa Tĩnh như Quách Ngỗi, thật bất bình thường vậy. Thần Tùng Chi cho rằng Quách Ngỗi chẳng phải người hiền, chỉ bởi kế quyền biến mà được hưởng ân sủng, huống hồ Văn Hưu danh tiếng vang xa, thiên hạ đều bảo là người tài năng khác thường, tuy cuối đời có làm lỗi, song việc ấy chẳng dễ hiểu rõ được, nếu không dùng lễ mà đãi, làm sao giải thích những nghi hoặc xa gần? Pháp Chính lấy Tĩnh so với Ngỗi, vị tất đã không đúng, mà Thỉnh lại lấy việc các bậc tiên vương phong mộ, qua cửa (bậc tiên hiền) để bắt bẻ, thật là quá lắm! Thế thì Yên Vương cũng sai, sao chỉ có mình Lưu ông (20) được? Xét việc bất hòa trong nhà, sai ở Tử Tương, cứ theo lời Tưởng Tế thì chẳng phải lỗi của Văn Hưu vậy. Còn việc Tôn Thỉnh mĩa mai Tĩnh làm quan không xứng chức, ắt chỉ việc Tĩnh làm quan với Đông Trác, Trác lúc vừa chấp chính, hết lòng đề bạt nhân tài, người được Trác tuyển chọn, nhiều không kể xiết. Nhưng Hứa Tĩnh bước vào hoạn lộ, trước khi Đông Trác chuyên quyền. Sau thăng làm Trung Thừa, không thể nói (nhờ Trác)

mà vượt cấp. Lấy việc này mà bêu riếu thì danh sĩ như Tuân Sảng, Trần Kỳ đều bị đời ghét bỏ hay sao?

(Tiên chủ) lấy Chính làm Thái thú Thục Quận, Dương Vũ tướng quân, bên ngoài thống lĩnh cả kinh kỳ, bên trong làm tham mưu trưởng. Một bữa cơm ân đức hay một cái trừng mắt oán giận, Chính cũng chẳng bỏ sót, lại chuyên quyền bắt giết, phá hoại mấy người cho thỏa lòng riêng. Có người nói với Gia Cát Lượng rằng: Pháp Chính ở Thục Quận tung hoành quá mức, tướng quân nên bãm với chúa công, hạn chế bớt quyền hành của ông ta đi. Lượng đáp: “Chúa công khi ở Công An, phía bắc úy kị Tào công cường mạnh, phía đông lo lắng Tôn Quyền bức bách, ở gần lại sợ Tôn phu nhân ⁽²¹⁾ sinh biến ngay sát nách. Tình thế lúc ấy, thật là tiến thoái lưỡng nan, may nhờ Pháp Hiếu Trực giúp cho, chúa công mới cất cánh bay liệng tự do được, chẳng sợ ai kiềm chế mình nữa. Nay ta lòng nào cấm đoán Pháp Chính, khiến ông ấy chẳng thỏa được ý riêng sao?”. Nguyên trước Tôn Quyền gả em gái cho Tiên chủ, Tôn phu nhân vốn là người tài giỏi, nhanh nhẹn cương mãnh, có phong thái của các anh, thị tì hơn trăm người đều quen cầm đao đứng hầu, Tiên chủ mỗi lần vào đều thấy lạnh cả người. Lượng lại biết Tiên chủ rất quý trọng tin tưởng Chính, nên mới nói như thế.

Tôn Thỉnh nói: Thường phạt tùy tiện, là cái đạo mất nhà hại nước; bắt thả theo yêu ghét, là nguồn gốc của việc phá khuôn phép, loạn đạo lý. Chẳng phải (Chính) cậy mình là công thần mà phóng túng cùng cực, cậy ân huệ mà lợi dụng quyền lực sao? Xưa Điền Hiệt ⁽²²⁾ tuy cần cù, cũng chẳng thoát được hình phạt vì trái lệnh; Dương Can ⁽²³⁾ tuy thân thiết, cũng bởi làm loạn mà suýt bị phanh thây, vương pháp xưa chẳng nề tình thân vậy. Cứ như lời Gia Cát, chẳng lẽ bỏ qua việc phạt Chính hay sao?

Năm Kiến An thứ hai mươi hai, Chính thuyết Tiên chủ rằng: Tào Tháo chỉ một trận mà hàng phục Trương Lỗ, bình định Hán Trung, lại chẳng nhân đà ấy mà lấy Ba, Thục, chỉ lưu Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp trấn thủ, rồi quay về bắc, chẳng phải bất trí mà do lực không đủ vậy, hiển nhiên trong nước có điều lo nghĩ bức bách. Nay Uyên, Cáp thao lược chẳng bằng chủ soái (Tào Tháo), ta khởi binh thảo phạt tất được. Sau khi thành công, ta

tích cực trồng trọt, tích trữ lương thực, chờ đợi sơ hở của địch, hay nhất là có thể đánh đổ quân giặc, tôn trợ vương thất, thứ đến có thể chiếm dần hai châu Ung, Lương, mở rộng bờ cõi, hoặc ít ra cũng có thể cố thủ nơi hiểm yếu, tính kế lâu dài. Đó là cơ hội trời cao ban cho chúng ta, không thể đánh mất được. Tiên chủ nghe kế ấy, suất chư tướng tiến binh lấy Hán Trung, Chính cũng đi theo. Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tiên chủ từ ải Dương Bình qua sông Miện Thủy ở phía nam, men theo mặt trước núi, lập trại ở Định Quân sơn. Hạ Hầu Uyên đưa quân tới tranh địa thế. Chính nói: Có thể đánh. Tiên chủ ra lệnh cho Hoàng Trung từ trên cao gõ trống reo hò đánh xuống, đại phá quân của Uyên, Uyên cùng các tướng đều phải nộp đầu. Tào công dẫn binh tây chinh, nghe kế sách (24) của Chính, bèn rằng: Ta vẫn biết Huyền Đức chẳng đủ sức, kế ấy tất có người chỉ cho vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng Thục với Hán Trung, như môi với răng vậy. Sao Lưu chủ lại không biết tới điều đó được? Sách lược chưa kịp triển khai, thì Chính đã nói trước mà thôi. Và lại biết nghe, dùng mưu hay để thành công nghiệp, bá vương chi chủ có ai không như thế? Ngụy Vũ (25) cũng cho việc có người chỉ dạy là kém ư! Những lời thừa thãi đầy sự sỉ nhục oán giận ấy, chưa chắc đã là lời của Ngụy Vũ vậy.

Tiên chủ lên ngôi Hán Trung Vương, lấy Chính làm Thượng thư lệnh, Hộ quân tướng quân. Năm sau Chính mất, lúc ấy bốn mươi lăm tuổi. Tiên chủ thương tiếc Chính, rơi lệ nhiều ngày. Chính được đặt thụy là Dực Hậu. Con Chính được ban tước quan nội hầu, làm quan tới Phụng xa đô úy, Thái thú Hán Dương. Gia Cát Lượng với Chính tuy không cùng sở thích, nhưng đều lấy việc công làm trọng. Lượng thường ngạc nhiên với trí thuật của Chính. Tiên chủ vừa xưng đế xong, lập tức tính việc đông chinh Tôn Quyền để rửa nhục cho Quan Vũ, quần thần can gián rất nhiều, nhưng Tiên chủ chẳng nghe ai. Năm Chương Vũ nhị niên, đại quân bại trận, lui về Bạch Đế. Lượng than rằng: Nếu còn Pháp Hiếu Trực, hẳn có thể ngăn cản chúa thượng không đi sang đông; hoặc có sang đông, tất cũng không nguy hiểm vậy. Tiên chủ giao chiến với Tào công, ở thế không lợi, nên lui binh, mà Tiên chủ tức giận vô cùng không chịu lùi về, chẳng ai dám can. Tên bay

như mưa, Chính bèn tới chặn trước Tiên chủ, Tiên chủ rằng: Hiếu Trực đừng lên. Chính nói: Minh công còn tự mình đứng trước mũi tên hòn đá, hưởng chi là tiểu nhân. Tiên chủ bèn nói: Hiếu Trực, ta với ngươi cùng đi. Rồi lui về.

Bình rằng: Bàng Thống là người chính trực hòa nhã, học nhiều, suy nghĩ sâu xa, là tuấn kiệt đất Kinh, Sở đương thời. Pháp Chính thấu rõ thành bại, có mưu kế lạ, nhưng không được khen về phẩm hạnh. So với các đại thần nước Ngụy, Thống với Tuân Úc gần như một cặp, Chính và Trình, Quách (26) cũng tương đương vậy?

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tư Mã Huy tự là Đức Tháo.
- (2) Ngựa Kí là con ngựa hay, ngày đi được nghìn dặm. Ý ở đây là nên cho Thống làm Trị trung biệt giá, mới xứng với tài năng của Thống.
- (3) Lưu Bị tự xưng mình là Cô.
- (4) Trọng Mưu là tên tự của Tôn Quyền.
- (5) Tập Tạc Xi là tác giả của Hán Tấn xuân thu. Những lời trên Bùi Tùng Chi trích từ Hán Tấn xuân thu.
- (6) Tập Trinh là người nổi tiếng ở đất Kinh Châu. Họ Tập là một trong những họ lớn, có ảnh hưởng ở đất đó. Khi Lưu Bị lấy được Kinh Châu, Tập Trinh cũng hỗ trợ việc ổn định chính quyền rất nhiều.
- (7) Tào Phi.
- (8) Lỗ Ai Công, vua nước Lỗ thời Chiến quốc, cùng thời với vua Phù Sai nước Ngô và Câu Tiễn nước Việt.
- (9) Trọng Ni là tên tự của Khổng Khâu, thường gọi là Khổng Tử, ông tổ của đạo nho, tác giả (hoặc người chỉnh lý) nhiều bộ kinh sách quý của Trung Quốc như Kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch và Kinh Xuân Thu. Khổng Tử sinh tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ. Khổng Tử từng làm tể tướng nước Lỗ, giúp Lỗ trở nên cường thịnh, nhưng bị ly gián, dèm pha nên ra đi. Sau đó ông vẫn quay về Lỗ và mất ở đó.
- (10) Liễu Hạ Huệ tên thật là Triển Hoạch, người đất Liễu Hạ, nước Lỗ thời Chiến quốc, trong lịch sử nổi tiếng là một chính nhân quân tử. Ông làm quan ba lần bị truất mà không bỏ nước. Tuy nhiên ông không sống ở thời Lỗ Ai Công mà sống vào thời Lỗ Hi Công trước đó hơn một trăm năm. Không rõ vì sao quan trấn thủ Phù Phong lại đưa cả Liễu Hạ Huệ vào câu nói về Lỗ Ai Công.
- (11) Phủ ở đây chỉ quan phủ quận Phù Phong, mình là cách xưng hô tôn kính. Ví dụ như Minh công, Minh phủ.

(12) Không rõ ý Pháp Chân là gì. Có lẽ Chân muốn nói: Chân phiêu du bất định, không muốn làm

quan.

(13) Chỉ Lưu Chương. Do Chương làm chức Ích Châu mục nên gọi là Lưu mục.

(14) Chỉ Lưu Bị. Chức của Bị lúc này là Tả tướng quân nhà Hán.

(15) Ý Pháp Chính nói bày tôi của Lưu Chương toàn những kẻ giao du với nhau bằng tình cảm, xu nịnh bề trên, mặt trời (Lưu Chương) xuống thì mặt trăng (bầy tôi) cũng xuống theo, thế là trái với lẽ thường.

(16) Chỉ Tôn Quyền. Theo Ngô chủ truyện, Tam Quốc Chí, thì vào thời điểm này Tôn Quyền giữ chức Xa kị tướng quân, do Lưu Bị biểu tấu lên triều đình.

(17) Việc chống cự quân của Lưu Bị.

(18) Yên Vương thời chiến quốc muốn cầu người hiền, hỏi kế Quách Ngỗi. Ngỗi nói: Đại vương nên trọng dụng ngay tôi đây. Ngỗi tôi vốn bất tài còn được ngài trọng dụng, kẻ hiền khác thấy vậy tất lại với đại vương.

(19) Chỉ Lưu Bị. Lưu ông là cách gọi lịch sự.

(20) Tử Tương là tên tự của Hứa Thiệu, anh Hứa Tĩnh.

(21) Tôn phu nhân là vợ Lưu Bị, em gái Tôn Quyền, có sách nói tên là Tôn Thượng Hương.

(22) Điền Hiệt là tướng của Tấn Văn Công, ghen tị với Hỉ Phụ Cơ là người có ơn với Tấn Văn Công nên đốt nhà Hỉ Phụ Cơ. Việc bại lộ, bị xử chết.

(23) Dương Can là em Tấn Điệu Công. Làm trái quân pháp, suýt bị nguyên soái nước Tấn là Ngụy Giáng giết.

(24) Ở đây chỉ ý kiến của Pháp Chính về tầm quan trọng của Hán Trung.

(25) Chỉ Tào Tháo. Ngụy Văn Đế Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, đặt thụy cho cha là Ngụy Vũ Đế.

(26) Trình Dục, Quách Gia.

QUYỂN 8 - HỨA MY TÔN GIẢN Y TẦN TRUYỆN

Hứa Tĩnh, My Chúc, Tôn Càn, Giản Ung, Y Tịch, Tần Bất

GIẢN UNG TRUYỆN

Giản Ung tự Hiến Hoà, người quận Trác, kết bạn với Tiên Chủ từ thưở nhỏ, tùy tùng (Tiên Chủ) đi khắp nơi. Tiên Chủ đến Kinh Châu, Ung cùng Mi Trúc, Tôn Càn cùng là Tòng Sự Trung Lang, thường làm thuyết khách, vâng mệnh qua lại (các nơi) như sứ giả. Tiên Chủ vào Ích Châu, Lưu Chương gặp Ung, rất mến mộ. Sau Tiên Chủ vây Thành Đô, sai Ung đến thuyết phục Chương. Chương thuận cùng Ung ngồi chung một xe ra thành nghe lệnh. Tiên Chủ bái Ung làm Chiêu Đức tướng quân⁽¹⁾. (Ung) ưa đùa bỡn rong chơi, thích chỉ trích châm biếm, tính cách cứng cỏi khinh mạn chẳng chịu đê nén, ở chỗ ngồi của Tiên Chủ mà vẫn còn xoạc chân ngồi dựa nghiêng vào, chẳng biết cung kính uy nghi, cứ buông lung ý mình. (Ung) sai thuộc hạ của Gia Cát Lượng) kê một chiếc giường nhỏ, nằm gối đầu cao mà bàn việc, không gì khuất phục nổi. Vào lúc hạn hán có lệnh cấm nấu rượu, ở nhà người kia tìm được đồ nấu rượu, mọi người bàn bạc muốn ra lệnh xử phạt (người ấy) cùng tội với những người nấu rượu. Ung cùng Tiên Chủ ra ngoài du ngoạn, gặp một đôi nam nữ trên đường, bèn nói với Tiên Chủ rằng: "Người kia muốn hành dâm, sao không bắt mà trói lại?" Tiên Chủ hỏi: "Sao Khanh biết vậy?" Ung đáp: "Bọn họ có dâm cụ, với người muốn nấu rượu là cùng tình huống." Tiên Chủ cười lớn, liền tha cho người muốn nấu rượu kia. Tính Ung khô hài, đại loại là như vậy.

Ngờ rằng: Ung vốn họ Cảnh. Người U Châu nói chữ Cảnh ra thành chữ Giản nên thuận theo mà thay đổi.

Y TỊCH TRUYỆN

Y Tịch tự Cơ Bá, người Sơn Dương. Từ nhỏ nương nhờ người đồng hương Trần Nam tướng quân Lưu Biểu⁽²⁾. Khi Tiên Chủ ở Kinh Châu. Tịch thường qua lại cậy nhờ. Biểu chết, (Tịch) theo Tiên Chủ vượt sông chạy về phía nam, rồi theo Tiên Chủ vào Thục. Sau khi an định Ích Châu, Tiên Chủ lấy Tịch làm Tả tướng quân Tòng Sự Trung Lang, trọng đãi gần như bọn Tôn Càn, Giản Ung. Lại sai (Tịch) sang sứ Đông Ngô, Tôn Quyền nghe danh (Tịch) có tài biện luận, muốn lấy lời lẽ đối đáp mà bắt bẻ. Tịch vừa vào bái lạy, Quyền nói: "Hầu hạ hôn quân có mệt mỗi chăng?" Tịch đáp ngay rằng: "Lạy một lạy rồi đứng dậy chưa đủ để nói là vất vả gì." Tài tình tế mẫn tiếp của Tịch đại khái là như vậy, Quyền rất lấy làm lạ. Sau (Tiên Chủ) thăng (Tịch) làm Chiêu Văn tướng quân, (Tịch) với bọn Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Lưu Ba, Lý Nghiêm cùng viết nên pháp luật nước Thục. Pháp luật nước Thục được đặt ra là nhờ năm người đó.

MY TRÚC TRUYỆN

Mi Trúc tự Tử Trọng, người đất Cù vùng Đông Hải. Tổ tiên nhiều đời giàu có, nô bộc tân khách hàng vạn người, tiền của tài sản cực lớn.

Sưu Thần Ký⁽³⁾ chép: Có lần Trúc đi Lạc Dương về, còn cách nhà chừng mười dặm, bên đường thấy một người đàn bà xin Trúc cho đi nhờ. Đi được mấy dặm, người đàn bà ấy cảm ơn mà đi, bảo Trúc rằng: "Ta được trời sai xuống, đến đốt nhà My Trúc ở Đông Hải, cảm ơn ngài thấy mà trở giúp cho nên báo để ông biết." Trúc nhân đó xin riêng (cho mình). Người đàn bà nói: "Không thể không đốt được. Như thế này, ngài có thể nhanh chóng trở về, tôi đi chậm lại, trong ngày lửa sẽ cháy." Trúc bèn về nhà, gấp rút chuyển tài sản ra ngoài, quả nhiên trong ngày lửa cháy lớn.

Sau Từ Châu Mục Đào Khiêm mời (Trúc) làm Biệt Giá Tòng Sự. Khiêm chết, Trúc theo di mệnh của Khiêm đến đón Tiên Chủ ở Tiểu Bái. Năm Kiến An thứ nhất, Lữ Bố thừa lúc Tiên Chủ ra chống Viên Thuật, tập kích Hạ Bì, cướp cả vợ con Tiên Chủ. Tiên Chủ chuyển quân về đóng ở Hải Tây thuộc Quảng Lăng. Ở đó Trúc dâng em gái cho Tiên Chủ thu làm vợ, (ngoài ra còn) nô tỳ gia khách hai nghìn người, (lại đem) vàng bạc tiền của ra giúp việc chi dùng trong quân. Giữa lúc khốn khổ thiếu thốn, (Tiên Chủ) nhờ vào đó lại chấn hưng (được sự nghiệp). Sau Tào Công dâng biểu (tiến cử) Trúc nhận chức Doanh Quận Thái Thú.

Tào Công tập tái công biểu chép: Quận Thái Sơn phạm vi rộng lớn xa xôi, dân phần lớn khinh mạn hung hãn, hiện tại nên quyền biến, có thể tách năm huyện tạo thành Doanh Quận, lại kén chọn tuyển lựa người thanh liêm làm Thái Thú. Thiên Tướng quân Mi Trúc hành vi cao khiết, trung liệt khẳng khái, văn võ rõ ràng hiển hách, xin lấy Trúc làm Doanh Quận Thái Thú, chiêu dụ vỗ về dân tình quan lại.

Em Trúc là Phương, làm Bành Thành tướng, cùng bỏ quan, theo Tiên Chủ đi khắp nơi. Tiên Chủ sắp tới Kinh Châu, sai Trúc đưa tin tức qua lại với Lưu Biểu, lấy Trúc làm Tả Tướng quân Tòng Sự Trung Lang⁽⁴⁾. Ích Châu được bình định, Bái (Trúc) làm An Hán Tướng quân⁽⁵⁾, ngôi thứ ở

trên Quân Sư Tướng quân. Trúc là người ung dung thành khẩn thanh cao, song không có sở trường của kẻ phụ tá rường cột. Vì thế (Tiên Chủ) lấy lễ thượng khách mà khoản đãi, chưa từng giao cho quyền bính, nhưng ban thưởng ân sủng thì không ai bì kịp.

Phương làm Thái Thú Nam Quận, cộng sự với Quan Vũ, nhưng ngầm có hai lòng, làm phản nghênh đón Tôn Quyền. Do đó Vũ thất bại nghiêng ngả. Trúc tự trối xin chịu tội. Tiên Chủ truyền dạy an ủi rằng anh em không phải chịu tội lẫn cho nhau, vẫn trọng đãi như lúc ban đầu. Trúc uất giận hổ thẹn sinh bệnh, hơn một năm sau thì chết. Con (Trúc) là Uy, quan tới Hồ Bôn Trung Lang tướng. Con Uy là Chiếu làm Hồ Kỵ Giám. Từ Trúc tới Uy đều giỏi nghề cung ngựa, quen bắn tên dong xe.

TÔN CÀN TRUYỆN

Tôn Càn tự Công Hữu, người Bắc Hải. Tiên Chủ nhận chức (Mục) ở Từ Châu, lấy (Càn) làm Tòng Sự,

Trịnh Huyền truyện nói: Huyền tiến cử Càn với châu. Càn được lệnh mời là do Huyền đề xuất.

Sau (Càn) tùy tùng (Tiên Chủ) đi khắp nơi. Tiên Chủ bỏ Tào Công, sai Càn chủ động liên kết với Viên Thiệu. Khi sắp đến Kinh Châu, Càn lại theo Mi Trúc cùng đi sứ (đến chỗ) Lưu Biểu. Mỗi lần (đi ngoại giao) đều hoàn thành nhiệm vụ. Sau Lưu Biểu cùng Viên Thượng⁽⁶⁾ trao đổi thư từ, đàm luận chuyện anh em (Thượng) tranh chấp với nhau có viết: "Thượng cùng Lưu Tả tướng quân⁽⁷⁾, Tôn Công Hựu nhắc đến việc này, lần nào cũng đau đớn tận tâm can, rất lấy làm buồn thương." Như vậy (Càn) rất được xem trọng. Tiên Chủ bình định Ích Châu, thăng (Càn) từ Tòng Sự Trung Lang lên làm Bình Trung tướng quân⁽⁸⁾, cùng Giản Ung được hậu đãi gần bằng Mi Trúc. Chẳng được bao lâu thì mất.

TÀN MẬT TRUYỆN

Tàn Mật tự Tử Sắc, người Miên Trúc quận Quảng Hán. Từ nhỏ đã có tài học, châu quận cho lệnh đòi thường cáo bệnh không tới. Dâng thư cho châu Mục Lưu Biểu, tiến cử nho sĩ Nhậm Định Tổ⁽⁹⁾ rằng: ”Xưa Bách Lý⁽¹⁰⁾, Kiến Thúc⁽¹¹⁾ lấy kinh nghiệm tuổi già mà hoạch định sách lược. Cam La⁽¹²⁾, Tử Kỳ⁽¹³⁾ là tiểu đồng chưa đội mũ mà lập được công lao, cho nên Thư tán tụng người cao tuổi mà Dịch khen ngợi Nhan Uyên⁽¹⁴⁾. Cố nhiên đã rõ rằng chọn lựa kẻ sĩ năng lực là cần nhất, không phân già trẻ mới sáng suốt vậy. Từ đó đến nay, việc xem xét đề cử trong nước đại khái coi trong anh tài mà bỏ xót người cao tuổi, nhiều cách bình luận không giống nhau, phản bác và đồng tình mỗi bên một nửa. Ấy là thuận theo hình thế tốt lành an ổn, không phải sự vụ cấp bách của thời loạn thế. Kẻ muốn cứu giúp nguy nan vỡ an loạn lạc, (tự) sửa mình mà định (lòng) người, có lẽ là bậc siêu quần trác việt, với đương thời đoạn tuyệt mọi thú vui, làm lân bang chấn động kinh hãi, bốn phương hoảng sợ rung động, trên thuận thiên ý, dưới hợp lòng người. Trời người cùng yên ổn, chẳng hổ thẹn trong lòng, dù gặp loạn lạc hiểm nguy, há có điều gì lo sợ! Xưa Sở Diệp Công⁽¹⁵⁾ thích rỗng, rỗng thần giáng hạ. Cái yêu thích chưa chính đính còn thấu đến trời, hưởng chi lòng thành thật? Nay ẩn sĩ Nhậm An giữ đạo nhân nghĩa, nổi danh khắp bốn phương, theo đúng như lệnh xem xét tuyển chọn thì một châu được vui lòng. Xưa Thang đề cử Y Doãn⁽¹⁶⁾ không phải là người nào xa xôi cả, Hà Vũ⁽¹⁷⁾ tiến cử Nhị Cung⁽¹⁸⁾ danh tự sóng đôi trên tre lưa. Cố tham cái tài giỏi của đám tầm thường mà lơ là với chỗ chót vót cao vạn nhận, thích trang điểm bề ngoài mà quên sự an vui của thiên hạ (là) cách xa lòng chân thành cẩn thận từ cổ vậy. Đục đá tìm ngọc, mổ trai lấy châu là Tuỳ hay Hoà⁽¹⁹⁾ đã rõ ràng như ban ngày vậy, há còn hồ nghi gì nữa! Lòng thành nghĩ rằng giữa trưa thì không cần cầm đuốc, mặt trời đã thừa chiếu sáng rồi. Nho nhỏ một chút ý riêng ngu đại mê mãi tỏ bày để (ngài) hiểu rõ.”

Ích Bộ kỳ cựu truyện chép⁽²⁰⁾: An, người Quảng Hán, lúc nhỏ tham gia mời đón Dương Hậu⁽²¹⁾ nghiên cứu đến tận cùng các thư tịch, bản vẽ. Từng đến chơi kinh đô⁽²²⁾ sau về nhà dạy học, nổi danh ngang với Đồng Phù⁽²³⁾ về chuyện học hành. Quận vờ làm Công Tào⁽²⁴⁾, châu mời làm Trị Trung Biệt Giá⁽²⁵⁾ song không giữ chân được bao lâu. Được đề cử làm Hiếu Liêm, Mậu Tài; Thái Úy lại vờ làm Bác Sĩ⁽²⁶⁾ cho xe đến đón nhưng đều thác bệnh không ra. Châu Mục Lưu Yên dâng biểu tiến cử An (là người) nghiên ngẫm lâu thông tiêu chuẩn đạo lý, khí tiết nghiêm trang siêu việt, tài năng cao thâm khó dò, là báu vật của quốc gia, nên dùng làm phụ tá rường cột để hoá giải tai hoạ phi thường, đáng dùng lễ huyền huân mà đón rước. Nhưng đường lớn bị ngăn trở nên không có lệnh tìm đòi. Thọ bảy mươi chín tuổi, mất vào năm Kiến An thứ bảy. Học trò mền mộ kính ngưỡng, lập bia ghi nhớ. Sau Thừa tướng Lượng có hỏi Tần Mật về sở trường của An, Mật đáp: "Nhớ tài của người, quên lỗi của người."

Thời Lưu Chương, người cùng quận với Mật là Vương Thường làm Trị Trung Tòng Sự gửi thư cho Mật nói: "Nghèo hèn khốn khổ thời nào cũng có thể trọn đời. (Nhưng) Biện Hoà khoe ngọc là để chiếu sáng cho thiên hạ. Nên tới một lần, cùng quan châu gặp gỡ." Mật viết thư đáp rằng: "Xưa Nghiêu ưu đãi Hứa Do, không gì không phát dương, mà (Do) rửa cả hai tai. Sở mời Trang Chu, không gì không rộng rãi, mà (Chu) giữ sào chẳng tới. Dịch ghi: 'bền chắc biết bao, không gì thay đổi nổi' nào ai có khoe gì? Và chẳng quốc quân là người đức hạnh, con cháu đều là trợ thủ tài năng, không lấy được chỗ (hay) đó để dựng lên kế sách Tiêu, Trương⁽²⁷⁾ của bây giờ thì còn tài trí nào mà chưa đủ dùng. Kẻ hèn này được ở trên bờ ruộng dơ lưng mà phơi nắng, ngâm câu giỏ cơm bầu nước họ Nhan⁽²⁸⁾, ngâm nga thú cửa cỏ lều tranh của Nguyên Hiến⁽²⁹⁾, thường bay lượn nơi rừng chăm, cùng ủ ê, trầm mê kết bạn, nghe tiếng huyền viên hú than van, coi tiếng hạc kêu trên chơi vơi. Lấy an phận làm vui, lấy vô lo làm phúc, coi danh như hão huyền trống rỗng, giữ mình như con rùa không thông tỏ sự đời chỉ mong hiểu lấy chính mình, coi bản thân là quý. Xa cách là thứ khiến kẻ hèn này thoả chí đó, sao lại buồn rầu khốn khổ được!" Sau Thường lập đền thờ

Nghiêm Quân Bình⁽³⁰⁾, Lý Hoảng⁽³¹⁾. Mật gửi thư rằng: ”Đau ốm lại lui, vừa mới biết tức hạ lập đền thờ cho Nghiêm, Lý có thể nói là kẻ siêng năng vậy. Xem xét văn chương của họ Nghiêm đáng cho là đứng đầu trong thiên hạ. (Như) Do, Di⁽³²⁾ ẩn tránh sự vụ, đình ninh chốn núi cao, khiến người xưng tụng chẳng thờ than. Còn như Lý Trọng Nguyên không gặp lời lẽ đúng phép, tiếng tăm tốt đẹp ắt đắm chìm, e rằng cũng không có văn văn như hổ báo, có thể nói là người nương rông dựa phượng vậy. Hay như Dương Tử Vân⁽³³⁾ bèn lòng biên soạn học thuật, có chỗ giúp ích cho đời, bùn đất không vấy bẩn, trải qua tham cứu thánh sư, ngày nay trong cả nước (vẫn) đàm luận ngâm vịnh lời lẽ (của ông) ấy. Vùng ta có những người này, đã đủ rạng rỡ với bốn phương kỳ lạ là cháu con đời sau đối với họ lại không lập đền thờ. Thục vốn không có sẵn học sĩ, Văn Ông⁽³⁴⁾ sai Tương Như⁽³⁵⁾ sang đông nhận Thất kinh⁽³⁶⁾ về truyền lại cho quan lại và thứ dân, nhờ đó sự học ở Thục mới sánh được với Tề, Lỗ. Vì vậy Địa Lý chí⁽³⁷⁾ chép: ‘Văn Ông đề ra giáo hoá, Tương Như là bậc tôn sư’. Từ đời Hán, (Thục) có được kẻ sĩ trở nên hưng hưng vượng, học trò của Trọng Thu⁽³⁸⁾ không thông suốt việc tế lễ phong thiện, Tương Như chế ra lễ ấy. Người ta có thể định ra lễ nhạc qua đó thay đổi phong tục. Không thứ gì hữu ích với sự ngăn nắp của thế gian hơn lễ! Bởi vậy có được ràng buộc điều cung thuận cho vương thất là nhờ ở Khổng Tử hơn là nghiệp bá của Tề Hoàn⁽³⁹⁾, nhờ ở cái hiền của Công Dương⁽⁴⁰⁾ hơn cái nhượng của Thúc Thuật⁽⁴¹⁾. Kẻ hèn này cũng thích giáo hóa của Trường Khanh, (thấy rằng) nên lập đền thờ, mau ước định mà định liệu.”

Lúc trước Lý Quyền theo Mật khen ngợi Chiến Quốc sách⁽⁴²⁾. Mật nói: ”Chiến Quốc tung hoành thì có tác dụng gì?” Quyền nói: ”Trọng Ni, Nghiêm Bình tụ tập các loại thư tịch, làm thành Kinh Xuân Thu, Sách Chỉ Quy. Biển vì hội tụ các sông mà hoá ra vĩ đại, người quân tử vì kiến thức sâu rộng mà thành cao cả.” Mật đáp rằng: ”Thư tịch không phải sử ký đời Chu, Trọng Ni không ngó đến; Đạo mà trái với lẽ hư vô của tự nhiên, Nghiêm Bình chẳng xiển dương. Biển vì hưởng được sự ứ đọng mỗi năm một bát ngát xanh trong. Bậc quân tử kiến thức quảng bác thì điều phi lễ

không nhìn. Nay Chiến Quốc Sách (chỉ có) phương kế phản phúc của Nghi, Tần⁽⁴³⁾ giết người để mình sống, bỏ người để mình còn, đổ ky tầm thường. Trước đây Khổng Tử phát giận lên soạn ra Kinh Xuân Thu, quan trọng nhất là để giữ lễ phải, lại soạn Hiếu Kinh, quảng bá trình bày những việc làm đạo đức. Ngăn chặn dần dần, đề phòng sự việc (xấu) phát sinh, dự đoán trước cách đề nén, nhờ đó các ngành họ cổ cắt đứt hoạ hoạn ở lúc chưa thành hình, há không tin tưởng được chăng. Thành Thang là bậc thánh minh, nhìn thấy con cá ngoài đồng hoang mà biết việc săn bắt có được mất. Định Công là người hiền đức, thấy nữ nhạc mà quên công việc triều chính,

Thần Tùng Chi xét: Thư tịch chép truyện Lỗ Định công không có chỗ nào có thể gọi là hiền đức. Mật nói (Định Công) hiền, (thần) sở học nông cạn chưa lấy làm thông suốt.

hoặc là (những chuyện) giống như vậy, nhờ đó có thể tuyên dương những điều tốt đẹp. Đạo gia pháp⁽⁴⁴⁾ viết rằng: Không thấy sự ham muốn, khiến cho lòng không loạn! Ấy là cố lấy chính đĩnh xét soi trời đất, lấy ngay thẳng làm rạng rỡ nhật nguyệt. Thẳng như tên bắn mới là hành vi của người quân tử. Khuôn mẫu ghi lại tai hoạ chủ yếu phát sinh từ lời lẽ vô ngoài, hà huống cái quý quyết ở bên trong của Chiến quốc sách vậy thay!”

Có người nghi hoặc bảo Mật rằng: ”Túc hạ muốn tự sánh mình với Sào, Hứa, Tứ Hạo⁽⁴⁵⁾, vì có gì mà cứ phô bày văn chương ra đầu ngọn bút vậy?” Mật đáp rằng: ”Kẻ hèn này văn chương không thể nói hết lời, lời không thể tỏ hết ý, làm gì có văn chương mà phô bày! Xưa Khổng Tử ba lần yết kiến Ai công, lời nói ghi thành bảy quyển, sự việc đại khái không ai có thể cười cợt được,

Sách Thất Lược của Lưu Hưởng viết: Khổng Tử ba lần yết kiến Ai công, ba lần làm lễ triều kiến, ghi lại trong bảy thiên sách ngày nay dựa vào đó để cử hành các đại lễ quan trọng.

Thần Tùng Chi bàn: Trong các bộ Kinh có tám thiên sách chép việc Khổng Tử ba lần lên triều, một thiên là mục lục, còn lại gọi là bảy quyển.

Tiếp Dư⁽⁴⁶⁾ vừa đi vừa hát, bàn luận chuyện nhà mà làm sáng tỏ chính sự; Ngư Phụ⁽⁴⁷⁾ tả làn sóng trong xanh mà soi rõ văn chương người hiền

đức. Hai người này cũng có mong cầu gì với thế thời đâu. Con hổ đẻ ra đã có vằn lông. Con phượng sinh ra cũng có sẵn năm màu. (Con hổ) há lấy được năm màu (của con phượng) mà che đậy được tai họa hay sao? Đó là thiên tính tự nhiên thôi. Dấu ấn Lạc, Hà⁽⁴⁸⁾ nhờ vằn mà hiện lên, Lục Kinh do vằn mà phát xuất, người quân tử bởi vằn đức mà được ngợi khen, sao phải hao tổn (trí lực) mà chọn lọc trang điểm! Kẻ hèn này vốn dốt nát nhưng cũng lấy làm xấu hổ với lầm lẫn của Cách Tử Thành, có lẽ nào lại đi tôn sùng chính mình!”

Thần Tùng Chi bàn: Nay Luận Ngữ dựng lên truyện Cách Tử Thành⁽⁴⁹⁾ nói: ”Quân tử bản tính mộc mạc sao phải lấy vằn tự mà ràng buộc!” Bề cong lời của Tử Cống⁽⁵⁰⁾ nên cho là lầm lẫn vậy.

Tiên Chủ an định Ích Châu, Quảng Hán Thái Thú Hạ Hầu Toàn mời Mật làm Sư Hữu Tế Tửu⁽⁵¹⁾, đốc xuất Ngũ quan Duyệt, gọi là Trọng Phụ. Mật cáo bệnh nằm ở công quán. Toàn cùng Công Tào⁽⁵²⁾ Cổ Phác, Chủ Bộ⁽⁵³⁾ Vương Phổ (sai) nấu nướng chuẩn bị đồ ăn, ở gần nơi Mật nằm mà bày tiệc đàm luận, Mật vẫn nằm như cũ. Toàn hỏi Phác rằng: ”Cho đến chuyện dưỡng sinh quý châu cũng đầy đủ, thật lạ so với các châu khác, không rõ có nhân sĩ như các châu khác không?” Phác đáp rằng: ”Từ trước thời Hán đến nay, nói về những người có tước vị hoặc giả (Ích Châu) không được bằng các châu khác, còn nói về những người soạn văn viết sách làm khuôn mẫu phép tắc cho đời thì (Ích Châu) không kém. Nghiêm Quân Bình xem Hoàng, Lão soạn ra Chỉ Quy. Dương Hùng⁽⁵⁴⁾ xem Dịch soạn ra Thái Huyền, xem Luận Ngữ sáng tác Pháp Ngôn. Tư Mã Tương Như vì Vũ Đế chế ra nghi thức Phong Thiện. Đến bây giờ thiên hạ đều nghe danh vậy.” Toàn nói: ”Trọng Phụ thì như thế nào?” Mật lấy cái hốt đánh vào mặt nói: ”Mong Minh Phủ chớ lấy chữ Trọng Phụ ra mà giả trá với lão nhà quê tầm thường này. Xin Minh Phủ để lão dân trình bày sử sách căn bản. Thục có núi Vãn Phụ, sông từ lòng núi chảy ra, là chỗ hưng thịnh nghiệp đế vương, nơi thần linh dựng phúc lành, cho nên có thể tươi tắn vạn dặm ruộng đồng.

Hà Đồ quát địa tượng chép: Mân Sơn nằm ở phía đông (đất Thục), là nơi đế vương hưng vượng, thần linh tạo phúc, trên có giếng trời.

Tả Tư Thục Đô Phủ⁽⁵⁵⁾ chép: Phía xa là núi thần Mẫn Sơn, trên có giếng trời là nơi linh khí đất trời xoay chuyển tụ hội, phúc lớn thần minh dấy mãi lên.

Hoài, Tế Tứ Độc⁽⁵⁶⁾, đứng đầu các sông. Đó là một vậ. Núi đá nơi vua Vũ sinh ra nay là quận Vãn Sơn,

Đế vương thế kỷ chép: Cỗn thu thị nữ ở đất Hữu Sấn tên là Chí, khen rằng biết sửa lỗi mình. Đi lên núi, thấy sao Mão rơi, cảm tưởng như đang trong mộng, lại nuốt thần châu, đoán rằng hoài bão trong lòng sẽ đổ nát thất bại nhưng sinh ra Vũ ở núi đá.

Tiểu Chu Thục bản kỷ chép: Vũ người huyện Quang Nhu quận Vãn Sơn, sinh ra ở núi đá, đất ấy người đời sau moi móc thành ra bằng phẳng, Thế Đế Kỷ viết như vậy.

Đời Nghiêu xưa gặp cơn hồng thủy, Cỗn không thể lo liệu trị lý được, Vũ bèn khơi sông tháo nước dẫn đổ về đông ra tận biển khơi, vì dân mà trừ hại, đối với đời sống của bách tính đến nay không có ai công đức lớn hơn được. Đó là hai vậ. Thượng Đế sắp đặt khuôn phép đàn hạch trị tội, khuôn phép đàn hạch trị tội ấy là địa phận Ích Châu. Tam Hoàng⁽⁵⁷⁾ nhân lúc ngẫu nhiên cưỡi xe ra khỏi cốc khẩu, (cốc khẩu ấy) nay là Tà Cốc.

Thục Ký chép: Tam Hoàng nhân lúc ngẫu nhiên cưỡi xe ra khỏi cốc khẩu, chưa rõ vì đâu Mật lại biết đó là Tà Cốc.

Như vậy há phải châu tầm thường này là nơi bờ ruộng. Minh phủ lấy ý cao nhã thử luận xem có theo kịp với các châu khác chăng?” Khi ấy Toàn ngàn ngần chẳng biết đáp lại thế nào.

Ích Châu lấy Mật làm Tòng Sự Tế Tửu. Tiên Chủ vừa xưng tôn hiệu lại sang đông đánh Ngô, Mật trình bày rằng thiên thời không có lợi, bị buộc tội giam vào ngục tối sau được khoan hồng thả ra. Năm Kiến Hưng thứ hai, Thừa tướng Lượng nhận chức Ích Châu Mục, chọn đón Mật làm Biệt Giá, lại bái (Mật) làm Trường Thủy Hiệu Úy. Ngô Sai Trương Ôn sang Sứ thăm hỏi, (lúc Ôn về) trăm quan cùng đến tiễn chân, mọi người đều đã đến cả mà Mật vẫn chưa lại, Lượng lệnh cho người đi thúc giục. Ôn nói: ”Người ấy là ai vậy?” Lượng nói: ”Là Học sĩ đất Ích Châu.” Đến khi (Mật) tới, Ôn hỏi

rằng: "Ngài có học chẳng?" Mật nói: " Đồng tử cao năm xích còn có học huống chi tiểu nhân!" Ôn lại hỏi rằng: "Trời có đầu không?" Mật nói: "Có chứ." Ôn hỏi: "Ở phương nào?" Mật nói: "Ở phương tây. (Kinh) Thi nói: 'Lại ngoảng về tây'. Từ đó suy ra, đầu ở phương tây." Ôn nói: "Trời có tai không?" Mật đáp: "Trời tên cao mà nghe được dưới thấp. (Kinh) Thi nói: 'Hạc kêu ở chín tầng cao, tiếng thấu đến trời.' Nếu không có tai, sao lại nghe được?" Ôn nói: "Trời có chân chẳng?" Mật nói: "Có. (Kinh) Thi nói: 'Trời bước khó khăn, giống như trẻ thơ.' Nếu không có chân sao lại bước được?" Ôn hỏi: "Trời có họ không?" Mật đáp: "Có." Ôn hỏi: "Họ gì?" Mật đáp: "Họ Lưu." Ôn hỏi: "Sao biết thế?" Mật đáp: "Thiên tử họ Lưu cho nên biết vậy." Ôn nói: "Mặt trời xuất hiện ở phương đông đúng chẳng?" Mật đáp: "Tuy xuất hiện ở phương đông mà ẩn náu ở phương tây." (Mật) trả lời câu hỏi như tiếng vọng, theo thanh âm mà phát xuất, vì vậy Ôn rất kính phục. Lý luận văn chương của Mật đại loại đều như vậy. (Mật) được thăng làm Đại Tư Nông⁽⁵⁸⁾, năm (Kiến Hưng) thứ tư chết. Khi trước Mật xem sách Đế Hệ thấy chép Ngũ Đế⁽⁵⁹⁾ đều là người cùng một tộc, Mật phân tích vốn dĩ chẳng phải là như vậy. Lại giải thích chuyện Hoàng Đế, bá vương nuôi rồng rất rành rẽ mạch lạc. Tiêu Duẩn Nam⁽⁶⁰⁾ lúc nhỏ mấy lần đến bái phỏng hỏi han, (muốn) ghi chép lại lời (Mật) bàn về Kinh Xuân Thu nhưng không được đồng ý, văn chương (của Mật) phần lớn vì thế mà không biên chép lại.

Bình rằng: Hứa Tĩnh vốn có tiếng tốt, đã vì trung hậu mà được tán dương, lại bởi chuyện người mà bị nghi ngờ. Tưởng Tế coi như "đại giác lang miếu khí"

Vạn Cơ Luận luận Hứa Tử Tương⁽⁶¹⁾ viết: Hứa Văn Hưu đại giác lang miếu khí mà Tử Tương chê bai. Nếu quả thật không biết tôn trọng như vậy thì thật là không sáng suốt. (Tĩnh) là người chân thành tốt bụng biết việc, đại đế là lương thiện.

Mi Trúc, Tôn Càn, Giản Ung, Y Tịch đều chứa chất phong độ ung dung, thấy được lẽ nghĩa trên đời. Tần Mật lúc đầu ưa chuộng lẽ cao quý tránh

đời mà không phải thật thà như kẻ ngu hèn, sau cách đối đáp đặc biệt còn để lại, văn chương hào tráng mỹ lệ, có thể gọi là bậc tài danh một thời vậy.

HỨA TỈNH TRUYỆN

Hứa Tỉnh tự Văn Hưu, người Bình Dương quận Nhữ Nam, từ nhỏ đã cùng nổi danh với người em họ tên là Thiệu. Cả hai đều được khen ngợi ở chỗ có tài luận cái hay dở của người nhưng tình riêng chẳng hoà thuận được với nhau. Thiệu làm Công Tào ở quận, ruộng rẫy bài xích Tỉnh không kể đến tuổi tác thứ tự. Tỉnh phải làm nghề chăn ngựa⁽⁶²⁾ nuôi thân. Đến khi Lưu Dực ở Dĩnh Xuyên làm Thái Thú Nhữ Nam mới cử Tỉnh làm Kế Lại⁽⁶³⁾, xét cho làm Hiếu Liêm, rồi được bổ nhiệm làm Thượng Thư Lang lo đề bạt tuyển chọn. Linh Đế băng, Đồng Trách nắm chính sự, lấy Chu Bí ở Hán Dương làm Lại Bộ Thượng Thư, cùng với Tỉnh trừ hoạch lựa chọn đường tiến thoái cho kẻ sĩ trong thiên hạ, gạt bỏ những kẻ xấu xa gian ác, vinh danh đề bạt ẩn sĩ hiền năng. Tiến cử bọn Tuân Sảng, Hàn Dung, Trần Kỳ ở Dĩnh Xuyên dùng và các chức Công, Khanh, Quận Thú. Lại bãi Thượng Thư Hàn Phúc làm Ký Châu Mục, bãi Thị Trung Lưu Đại làm Duyệt Châu Thứ Sử, bãi Trương Tư ở Dĩnh Xuyên làm Nam Dương Thái Thú, bãi Khổng Trụ ở Trần Lưu làm Dự Châu Thứ Sử, bãi Trương Mạc ở Đông Quận làm Trần Lưu Thái Thú. Đến lúc đổi Tỉnh làm Ba Quận Thái Thú, Tỉnh không theo nên sung vào chức Ngự Sử Trung Thừa⁽⁶⁴⁾. Bọn Phúc đến nhiệm sở, mỗi người đều cất quân đánh về Kinh Đô muốn tiêu diệt Trác. Trác giận, bảo Bí rằng: "Các vị nói nay là lúc đề bạt tuyển dụng kẻ sĩ tài ba. Trác nay nghe theo lời các vị, chẳng muốn làm trái lòng người trong thiên hạ. Nhưng những người các vị dùng, ngay trong ngày nhậm chức đã quay lại định giết ta. Trác này há có thể dùng những kẻ phụ mình sao!" Quát đuổi Bí ra chém ở bên ngoài. Anh họ Tỉnh là Trần Tương Sướng lại hợp mưu với (Khổng) Trụ. Tỉnh sợ bị giết, bèn bỏ chạy đến chỗ Trụ.

Thục Ký chép: Ngày sau Tỉnh tự thổ lộ rằng: "Giặc cướp xin tha mạng, tình cũng có chỗ bất nhẫn. Làm quan giữ chức tước để rước tai hoạ, dầu chết cũng không nên nghĩa. Trộm nghĩ đến cổ nhân dùng lễ thường để gánh vác nguy nan cho nên mới quyền biến mà cứu lấy đạo."

Trụ chết, (Tĩnh) nương tựa vào Dương Châu Thứ Sử Trần Y. (Sau khi) Y chết, Ngô Quận Đô Úy là Hứa Cống, Cối Kê Thái Thú là Vương Lãng đều vốn là bạn cũ của Tĩnh nên Tĩnh đên chỗ họ giữ thân. Tĩnh lại thu nhận cứu giúp họ hàng làng xóm, gánh vác việc an ủi cấp dưỡng, tỏ ra là người nhân hậu.

Tôn Sách vượt sông đông tiến, mọi người đều chạy xuống Giao Châu tránh nạn. Tĩnh tự ngồi giữ ở bến sông, trước tiên nâng đỡ những người nương tựa cùng theo, thân sơ hết thảy lên đã lên đường rồi mới đi. Dương thời ai trông thấy cũng thở than khen ngợi. Khi đến Giao Chỉ, Giao Chỉ Thái Thú Sĩ Nhiếp đối đãi càng thêm nồng hậu kính trọng. Viên Huy người nước Trần (lúc ấy) gửi thân ở Giao Châu, gửi thư cho Thượng Thư Lệnh Tuân Úc rằng: "Hứa Văn Hưu là kẻ sĩ tài năng kỳ vĩ, mưu kế thao lược đủ để trừ liệu sự nghiệp. Từ khi trôi dạt lưu lạc đến nay thường kết giao với nhân sĩ các nơi, mỗi khi có hoạn nạn nguy cấp thường trước lo cho người saumới nghĩ đến thân, cùng trăm họ trong ngoài chung chịu đói rét. Phép tắc (của Tĩnh) lúc nào cũng giống nhau, là nhân hậu khoan dung thành khẩn thương xót, tất cả công việc đều đạt hiệu quả rõ ràng, không thể kể lại chi tiết riêng một hai chuyện được." Trương Tường người Cự Lộc Vạn Cơ Luận chép: Tường tự Nguyên Phượng.nhận lệnh vua đi sứ Giao Châu, nhân đó chiêu mộ Tĩnh, muốn cùng Tĩnh thề thốt hẹn ước nhưng Tĩnh khước từ không đồng ý. Tĩnh lại viết thư gửi Tào Công rằng:

" Ngày nay đường lối binh hung đắc thế, họa hại nguy nan vì vậy nảy ra, (tôi đây) yếu hèn khiếp nhược mà trộm sống, tự ẩn tránh nơi đất man mọi, thoáng chốc đã được mười năm, bỏ lễ tiết để tránh tai họa. Xưa ở Cối Kê, được thư gửi tới, lời lẽ ý tứ khẩn khoản gần gũi, hẹn cũ nào có dám quên. Ngặt nỗi Viên Thuật trái lệnh làm hại thân thuộc, khích động nghịch tặc, làm đường lối bốn phương đều bị ngăn trở. Vì vậy dù tắc lòng treo lơ lửng ở cảnh tượng nơi miền bắc, muốn lên đường mà chẳng có cơ duyên. Quan Chánh Lễ vừa đi, binh của Thuật đã đến. Cối Kê nguy ngập ngã nghiêng, Cảnh Hưng mất nơi nương tựa, tam giang ngũ hồ⁽⁶⁵⁾ đều là đất địch. Ở vào cảnh gian nan khốn quẫn không có cách gì biện bác cho được,

liền cùng Viên Bá, Đặng Tử Hiếu các người bơi ra ngoài bể, đi xuống phía nam đến tận Giao Châu. Vượt qua các nước Đông Âu, Mân, Việt, trải đến vạn dặm đường, không còn nhìn thấy đất Trung Quốc, trôi dạt giữa sóng gió, lương thảo cạn kiệt, chịu đói nhiều phen, chết mất quá nửa. Đến khi qua được Nam Hải, gặp gỡ được người có đức hiếu thảo lĩnh chức quận thú ở đó, mới biết tức hạ nổi lòng trung nghĩa, sắp đặt chinh đốn binh nhung, đi sang phía tây tiếp đón thánh giá, kiểm soát Trung Nhạc⁽⁶⁶⁾. Nhận được tin ấy mới ngừng thăm hỏi, nửa buồn nửa vui, liền cùng Viên Bái và Từ Nguyên Hiền lại khẩn cấp sửa soạn hành trang, định đi lên phía bắc trở lại Kinh Châu. Đúng lúc ấy, dân Di Việt ở các huyện thuộc Thương Ngô cùng nhau nổi dậy, châu sở nguy ngập nghiêng ngả, đường xá ngăn cách đứt đoạn, Nguyên Hiền bị hại, người già kẻ yếu đều chết. Tĩnh tìm dọc theo bờ bãi bên sông đến hơn năm nghìn dặm, lại thêm mắc bệnh nặng, cả bá mẫu⁽⁶⁷⁾ cũng qua đời. Lúc gặp lại được những người cùng đi thì vợ con đột nhiên đã bị chiếm mất. Lại cố nâng đỡ săn sóc lẫn nhau, tiến đến trị sở quận ấy. Tính ra những người bị quân binh giết hại cùng mắc bệnh mà chết mười phần chỉ còn lại một hai. Sinh ra làm người trong thời gian khổ thật cay đắng khôn cùng, há có thể kể hết cho được.

Thần Tùng Chi từng nghe Khổng Tử nói: "Hiền nhân tránh đời, thứ nhân chạy loạn". Cái quan trọng là tri thức nhận ra điều an việc nguy, trốn lánh thì đạt được điều gì. Hứa Tĩnh làm khách trọ ở Cối Kê, là nhân sĩ giữa dân gian. Tôn Sách dù đến, với Tĩnh nào có chuyện gì? Mà bèn trôi nổi vạn dặm xa ngoài biển, đi tới xứ sở của bệnh tật, đến nỗi khiến cho bậc tôn trưởng, người yếu đuối lâm cảnh lâm than, chịu đựng trăm điều sâu khổ, có thể nói tự mình gây nên vậy. Mưu thần mà như thế ấy khó gọi là tài trí. Nếu như suy nghĩ kỹ càng, lo liệu thuận theo thời thế yên ổn, ngay ngăn thôi thúc Ngô Việt, cùng Trương Chiêu Trương Hoàn kết bạn, bảo hộ trăm họ thì có tốt hơn không?

Sợ rằng cuối cùng điên đảo ngã nghiêng, vĩnh viễn thành kẻ nô lệ, mệt mỏi âu sầu bị thương u ám quên cả ăn ngủ. Mong nương tựa vào sứ đoàn dâng cống về triều, tự trừ hoạch đường lối đi về, dầu chết cũng quay lại nơi

cung khuyết. Nhưng đi sang Kinh Châu thủy bnộ đều không có lối, giao thông bằng dịch trạm của sứ đoàn bị ngăn chặn. Muốn đi lên Ích Châu lại mắc tuần phòng nghiêm ngặt. Quan chức cũ, nha lại xưa, một người cũng không qua được. Trước đã có mệnh lệnh của Giao Chỉ Thái Thú Sĩ Uy Ngạn hết lòng gửi gắm phân tách với anh em ở Ích Châu. Tỉnh lại cũng tự gửi thư cực nhọc van cầu. Song hồi đáp chỉ là im lặng, chưa thấy kết quả. (Vì thế) dù ngưỡng vọng quang cảnh tốt lành mà đành kiễng chân nghển cổ chứ không phải vì giả dối mà cố che đậy đến cùng đâu?

Biết rằng Thánh Chúa anh minh, giao cho túc hạ trách nhiệm vẻ vang toàn quyền đi đánh dẹp. Phạm những kẻ làm trái tiết nghĩa phần lớn đã bị thảo phạt tru diệt. Ước gì được một lòng hết sức tranh đua, cùng quay về làm kẻ thuận tòng. Lại có Trương Tử Vân xưa ở kinh sư, có chí khuông phò vương thất, nay dù ở chốn xa xôi, không được tham dự vào công việc triều ta nhưng cũng là căn bản của quốc gia, ngoại viện của túc hạ đó.

Tử Vân tên là Tân, người Nam Dương, làm Giao Châu Thứ Sử, được nhắc đến ở Ngô Chí⁽⁶⁸⁾

Hán Thư Hoắc Quang truyện chép: "Quang rời kinh sư học theo các quan Vũ Lâm, lúc lên đường xướng to Cảnh Tất." Còn chữ Hồ Bôn chưa rõ từ đâu xuất hiện.

Gia sử Kinh Sở yên ổn êm đềm, hoàng ân sâu đến phương nam, túc hạ bỗng có tin tức mạng lệnh hướng đến Tử Vân, ân cần tỏ lộ thái độ phó thác bảo hộ thì người được lệnh nên theo đường Kinh Châu xuất phát. Bằng không lại phải chịu qua lại giới thiệu với anh em ở Ích Châu, thu nhận sứ giả lẫn của nhau. Nếu như trời đợi cho một vài năm, người hoãn được hạn kỳ gây họa, (để tôi) được về chết ở quê nhà, xóa đi cái lỗi lầm chốn chạy thì dầu phải nát thân chôn cửu tuyền cũng chẳng có gì ân hận nữa! Còn như thời thế đổi thay trắc chỡ, sự việc có chỗ nhanh chậm khác nhau, số mạng con người khó đoán trước, chết đi vẫn chưa hoàn thành tâm nguyện thì đành ôm mối nợ lỗi lầm chôn theo xuống đất biên thủy vậy.

Xưa Doanh Khâu⁽⁶⁹⁾ giúp rập nhà Chu, cầm phủ việt nắm đại quân, rộng đường phù trợ giống Hán, hùng dũng mạnh mẽ phòng bị lối đường. Ngày

nay túc hạ cứu nguy đỡ nghiêng, là cột đá của nước nhà, đã giữ trách nhiệm của Sư Vọng⁽⁷⁰⁾ lại nắm quyền thế của Hoắc Quang⁽⁷¹⁾. Ngũ hầu cử bá⁽⁷²⁾ túc hạ đều cai quản trong tay. Từ cổ đến nay, kẻ thần tử địa vị chí cao chỉ có túc hạ. Người tước vị cao thì lo lắng nhiều, bổng lộc lắm thì trách nhiệm nặng. Túc hạ chiếm chức vị có ngôi thứ cao, giữ địa vị gánh trách nhiệm có trách nhiệm lớn, mỗi lời nói ra lập tức thành lễ thưởng phạt, mỗi ý niệm trong lòng lập tức thành chuyện họa phúc. Làm việc đúng đường thì xã tắc yên ổn. Làm việc sai trái thì bốn phương tan tác. An nguy quốc gia đặt hết trên người túc hạ; Sinh mạng của bách tính treo ở người chấp chính. Từ Hoa tới Di, ai cũng chăm chăm ngưỡng vọng. Túc hạ nhận công việc ấy, há có thể không xem kỹ trong thư tịch, hiểu rõ duyên do của hưng phế, then chốt của vinh nhục, bài trừ xoá bỏ lầm lỗi cũ, khoan dung hoà hợp với bá quan, thẩm định ngũ tài⁽⁷³⁾, vì công việc lựa tỉnh cách? Ví thử được người trúng cách, dầu là kẻ thù cũng đề cử; Ví thử được người không hợp, dù thân cũng không trao chức. Vì an ninh xã tắc, vì cứu vớt lê dân, lập công tạo nghiệp, nối tiếp tiếng đàn điệt sáo, ghi tạc huân lao vào vàng đá, mong ngài gắng sức thêm! Vì quốc gia tự bảo trọng. Vì lê dân tự thương thân.”

Tường hận Tĩnh không chấp thuận, lục tìm trước tác thư từ Tĩnh gửi khi trước vứt tất cả xuống nước.

Sau Lưu Chương sai sứ đón rước Tĩnh, Tĩnh bèn vào Thục. Chương dùng Tĩnh làm Ba Quận, rồi Quảng Hán Thái Thú. Tống Trọng Tử người Nam Dương đang ở Kinh Châu gửi thư cho Thái Thú Thục Quận là Cương Thương rằng: ”Văn Hưu ài giỏi lạ lùng, có bản lĩnh gánh vác thời thế, túc hạ nên dùng làm người hướng dẫn.”

Ích Châu Kỳ Cựu Truyện chép: Thương tự Văn Biểu, người Quảng Hán, nổi danh học thức tài ba, tiếng tăm rực rỡ trong châu, được Lưu Chương mời làm Trị Trung Tòng Sự. Lúc bấy giờ đường lớn bị ngăn cách đứt đoạn, những người giữ chức Mục làm bá ở các châu cũng giống như chư hầu thời Thất Quốc⁽⁷⁴⁾. Riêng Chương yếu hèn lười biếng lại đa nghi không dùng được đại thần ngay thẳng trung thực. Thương dâng lời can Chương. Chương có phần động lòng hiểu ra. Tước, Hàn Toại và Mã Đằng khởi loạn ở Quan

Trung mấy lần cùng cha Chương là Yên trao đổi tin tức qua lại. Đến con Đẳng là Siêu lại cùng Chương gửi thư cho nhau, có ý muốn liên hợp với Thục. Thương bảo Chương rằng: "Siêu dũng mãnh mà bất nhân, thấy lợi không kể đến tình nghĩa, không thể kết làm môi răng được. Lão Tử nói: 'Thế mạnh của quốc gia, không thể đem cho người.' Nay Ích Châu này, dân nhiều tướng giỏi, sản vật đầy đủ, lại xa cách những kẻ hiểm ác có lòng khuynh đảo phản phúc. Bọn Siêu vì thế mà nhòm ngó phía tây. Gia sử lời kéo thân gần bọn chúng, thì cũng như nuôi hổ, chẳng khác nào tự gieo mầm hoạ." Chương theo lời Thương, cự tuyệt Siêu. Kinh Châu Mục Lưu Biểu và danh nho Tống Trung thấy đều nghe danh Thương, gửi thư bày tỏ tình cảm ân cần. Hứa Tĩnh được xưng tụng giỏi xem người, đến Thục, gặp Thương mà còn khen rằng: "Gia sử Thương sinh ở Hoa Hạ thì dù Vương Cảnh Hưng⁽⁷⁵⁾ cũng không hơn được." Chương dùng Thương làm Thái Thú Thục Quận. Ở Thành Đô có Cầm Kiên làm việc chí hiếu, Thương đến dựng bia trên mộ lại truy tặng chức Hiếu Liêm. Lại cùng Nghiêm Quân Bình, Lý Hoảng dựng đền lập minh⁽⁷⁶⁾ tuyên dương các bậc tiên hiền. Ngoài ra tu sửa việc học, khuyến khích nghề nông, làm lợi cho bách tính. Giữ chức mười năm, chết ở công môn. Hứa Tĩnh kế nhiệm.

Năm Kiến An thứ mười sáu, Tĩnh được chuyển làm Thái Thú Thục Quận.

Sơn Dương Công Tái Ký chép: Năm Kiến An thứ mười bảy, Hán lập Hoàng Tử Hi làm Tế Âm Vương, Ý làm Sơn Dương Vương, Đôn làm Đông Hải Vương. Tĩnh nghe tin nói: "Sắp muốn thu lại tất cả thả ra, sắp muốn lấy về tất cả trao cho. Ấy là Mạnh Đức vậy!"

Năm Kiến An thứ mười bảy, Tiên Chủ thu được đất Thục, dùng Tĩnh làm Tả Tướng Quân Trưởng sử. Lúc Tiên Chủ làm Hán Trung Vương, lấy Tĩnh làm Thái Phó. Đến khi xưng tôn hiệu, phong Tĩnh rằng: "Trẫm được suy tôn kế thừa nghiệp lớn, cai trị vạn quốc, sớm tối bàng hoàng, sợ chẳng thể yên, chưa gần gũi với trăm họ, chưa khiêm nhượng với quần thần. Lập người làm Tư Đồ, kính bày ra Ngũ Giáo⁽⁷⁷⁾, xem xét việc khoan thứ, vì vua mà gắng sức. Người giữ đức chớ lười biếng, cho xứng với ý của trẫm."

Tĩnh dù tuổi đã quá bảy mươi vẫn yêu quý các nhân sĩ, thường khuyên bảo thu nhân hậu tiến, cùng nhau đàm luận không biết mệt. Thừa Tướng Lượng đều bái phục. Năm Chương Vũ thứ hai Tĩnh chết. Con là Khâm, chết trước Tĩnh. Con Khâm là Du, trong những năm Cảnh Diệu làm Thượng Thư. Trước kia anh Tĩnh phụng sự cho Trần Kỳ ở Dĩnh Xuyên, cùng với bọn Viên Hoán ở Trần Quận, Hoa Hâm ở Bình Nguyên, Vương Lãng ở Đông Hải rất thân thiết. Hâm, Lang và con của Kỳ là Quân vào thời Ngụy sơ đều làm phụ chính đại thần, thảy đều gửi thư cho Tĩnh, tỏ bày tình cũ, ân nghĩa thành khẩn, văn thư đa phần không được ghi chép lại.

Ngụy Lượng chép: Vương Lãng viết thư cho Văn Hưu rằng: "Văn Hưu túc hạ. Nghe tin vẫn được bình an. Thật mừng thật mừng. Có nhớ chẳng thấm thoát chia tay đã hơn ba mươi năm chưa có duyên gặp gỡ! Thi nhân so một ngày xa cách với năm với tháng, huống chi dằng dặc trải qua đã bao năm. Từ khi cùng anh ly biệt, tính chi xiết những chìm rồi lại nổi, tính chi xiết nổi dứt rồi lại nổi. Nhưng nay đến sau cùng sống ở Thăng Bình trong Kinh Đô⁽⁷⁸⁾ nương tựa dưới cánh rồng bay Thánh Chúa. Bạn hữu cùng bối phận dần vắng bóng, may còn được lên lão cùng anh liệt vào hàng tuổi cao còn sót lại, chỉ ngặt nổi phải chịu cách xa nhau tính đến hàng nghìn dặm lại thêm khác biệt khó đổi thay. Giờ nghe thấy tin tức âm hao, tình hoài niệm gửi gắm vào nhung nhớ, chăm chăm gửi đến chốn xa xăm, thật với thời thế lạ kỳ này cũng không phải chuyện gì kỳ lạ lắm. Trước đây theo quân tới Kinh Châu, gặp Đặng Tử Hiếu và Hoàn Nguyên Tương bước đầu nghe thấu tình hình túc hạ. Biết rằng Túc Hạ hiện đã giữ chức đứng đầu một quận ở Ích Châu, khuôn phép đức độ vốn có tuy tuổi đã cao mà không hề rơi rụng. Thời ấy, phụng sự Vũ Hoàng Đế⁽⁷⁹⁾ với Giang Lăng Lưu Cảnh Thăng trên sảnh đường bàn đại sự, cùng túc hạ đàm luận thâu đêm, thiết tha thành khẩn, thật chẳng nở rời. Từ khi Thái Tử còn ở Đông Cung cho đến sau khi tức vị, mỗi lúc cùng các bậc hiền tài thảo luận về những người tài tuấn còn tại thế, đâu phải người người ai cũng dễ dàng thành kẻ anh tài mà giới sĩ phu lại khó lòng chọn được tay tuấn kiệt, do đó lo ngại không muốn lấy chất hủ bại của Nguyên Nhượng mà cảm động đến sự quan tâm của Phu tử;

Mỗi khi nhắc đến túc hạ, cho là người mưu trí hàng đầu, từ đó thường lưu tâm, lại còn hơn so với thời trước. Thư nói: ‘Người chỉ tìm bạn cũ’; Dịch viết: ‘Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu’. Lưu Tường Quân⁽⁸⁰⁾ với Đại Ngụy đôi bên cùng đứng, tính lại cũng là hai nghĩa ấy. Những gặp gỡ trong quá khứ, muốn đồng nhất mà ra khác biệt thật không phải là ý định của Vũ Hoàng Đế. Sai lầm lầm lỡ đã qua đi, thuận lợi bỗng hoá thành không cũng chẳng phải mong muốn của túc hạ. (Hoàng Thượng) hiểu rõ ý nghĩa Thư và Dịch, biết rằng kết giao quý ở chỗ phân lý song vẫn giữ được tình hữu hảo. Vì vậy (tôi) sai những người mới đến hàng đưa tới đất Ngô dâng biểu ngựa hay, lông điếu, áo ấm cũng chẳng bị hiềm nghi. Đường xá mới khai thông, vội tỏ bày tình cũ để cốt thể hiện lời thăm hỏi. Nhớ nhung tích tụ sau lâu dài xa cách không phải bút mực tầm thường có thể viết ra cho hết được, cũng là mong túc hạ có cùng ý niệm. Nay, trai gái túc hạ sinh ra được mấy người? Tuổi tác đã được bao nhiêu? Tôi đây liên tiếp mất một trai một gái, giờ chỉ còn có hai trai. Đứa lớn tên là Túc, được hai mươi chín tuổi, sinh ở Cối Kê. Đứa nhỏ mới hơn một tuổi. Viết thư mà buồn lòng đau xót, nhưng nhớ triền miên.”

Lại viết: ”Từng nghe: ‘Thụ chung ư Văn Tổ’⁽⁸¹⁾ là lời ở Thượng Thư. Lại nghe: ‘Lịch số tại cung, dẫn chấp kỳ trung’⁽⁸²⁾ là lời ở Luận Ngữ. Đấy há phải là câu chuyện hạng già lão tự nghĩ được ra. Ngay bây giờ là lúc chúng ta gặp dịp Thánh Chúa nhận mệnh trời, tự hiểu rõ ba lần thoát thác khiêm nhượng rành rành, xem xét thấu mọi điềm triệu tốt lành cùng hội tụ, thấy đại lễ nghiêm cẩn đoan trang, ngắm khói xanh từ đuốc tế bốc lên rực rỡ. Đến bây giờ bỗng có tự có vận hội của thời Đường Ngu⁽⁸³⁾, ấy là số mạng ở cung Tử Vi trên Thiên Đình. Lại thương cảm chẳng được dắt tay anh, cùng thế thời được liệt danh là có hai người được nghe câu ‘Khâm Thủ’ của Đường triều. Anh tuy ở đất xa xôi ngoài biên ải, nghĩ cũng mút mắt ngóng trông về, nghiêng tai xa lắng nghe, dài cổ như hạc đứng. Xưa Trần Công ở Nhữ Nam mới được thăng quan, không cư xử theo thói thường, nhường chức Thượng Khanh cho Lý Nguyên Lễ. Nhìn việc từ nhượng ấy, ta nên tự lui mà tránh chỗ cho anh. Ví thử được tránh anh mà

trộm nhường tên rồi sau ấn thụ dây thao gửi gắm lại, ngao du đàm luận vùng Bình Bột. Cùng kể lể với anh nỗi gian lao cực khổ trên đường trốn lánh thời gian qua. Say chén rượu, vui bữa tiệc, cao giọng luận bàn, lớn tiếng bật cười, đủ để quên nỗi lo tuổi già. Giữ chặt ngọn bút bày tỏ tâm tình thuần theo nỗi mừng vui.”

Lại viết: ”Mùa hè trước có gửi thư mà chưa đến (tay anh) được. Nay lại có thư mà hết lòng thăm hỏi y như trước. Hoàng Đế rất đổi tiếc thương Lưu Tướng Quân sớm qua đời, lại lo lắng con cô của người không biết đường thay đổi, mà cũng đau tiếc cho nhân sĩ bày tôi như Túc hạ, Khổng Minh phải chịu đắm chìm ở vùng Khương Di dị chủng, vĩnh viễn bất hoà đoạn tuyệt với Hoa Hạ, không có duyên được đón vào châu ở Trung Quốc mà chiêm ngưỡng đất cũ quê xưa đã trông ngóng ước mong. Cho nên lại dùng tình yêu thương từ ái để uỷ lạo nhân tâm. Trinh trọng ban minh chiếu mà hiển lộ ân tình, nói rõ lời răn dạy, bày tỏ nỗi đợi chờ. Đặc biệt sai (tôi) gửi thư đến bọn túc hạ. Túc hạ vốn thông minh chắc đo lường được sự ân cần trong thánh ý, nhận ra được núi Thái bể sâu vẫn luôn còn đó, hiểu ra được trăm sông nên trút nước về đâu. Xưa Y Doãn bỏ Hạ theo Ân, Trần Bình bội Sở đầu Hán, đều vì đức sáng soi tỏ người chấp chánh, huân lao ghi tạc bậc công thần. Nếu túc hạ có thể giúp đỡ đưa con cô, an định lòng người đang do dự, bỏ nguy hiệu trái lẽ thường, theo về phụng thờ nhận mệnh từ Đại Ngụy thì nơi chủ khách tên tuổi sẽ hiển đạt phi thường, cả trên dưới cùng được cậy nhờ sáng soi vĩnh viễn. Công lao sự nghiệp sánh kề nhau, thanh danh thành tựu đều ghi khắc. Xét công tích cống hiến đủ để vượt qua Y, Lữ. Vừa vâng theo chiếu chỉ vừa khôi phục tình xưa, tình bạn cũ thương nhờ chẳng hề ngưng. Nếu không bàn bạc nhưng việc túc hạ có thể làm, những điều túc hạ có thể thấy, thì không thể ban bố rõ chiếu chỉ mệnh lệnh, thể hiện ân huệ rức rờ lớn lao, sắp đặt trước mong mỏi trong mộng tưởng ngày xưa. Giả sử trời mở lòng người, anh có ý rời nước Thục, thì quả thật bây giờ tôi đã mong ngày nắm tay nhau. Còn giả sử, đường đi trắc trở chửa bình yên, không theo như điều anh định liệu, thì nên theo tin tức dò hỏi có đáng sợ hay không để xét kỹ đường lối rời đi. Trước sau hai thư, mỗi khi

viết đến chỗ này, ít khi không động đến nỗi tha thiết trong lòng. Túc hạ chu du khắp giang hồ, đã tới Nam Hải, quan sát trải nghiệm tập tục người Di, có thể nói là đi khắp nơi vậy. Nhưng đoán chắc lòng túc hạ vẫn đọng lại nỗi nhớ về Hoa Hạ vô cùng sâu sắc vậy. Vì mình mà chọn chỗ an cư vẫn có gốc rễ là Trung Thổ. Vì chủ mà lựa điều yên ổn, há có thể không nhớ về Kinh Sư mà cứ do dự mãi ở nơi hoang ải? Mong anh xét rõ lời ngu dại của tôi rồi sớm ngày báo lại.”

[CHÚ THÍCH]

(1) *Chiêu Đức tướng quân*: Quan hàm ngũ phẩm, (Ở Thục bao gồm: phụ hán, an hán, đãng khẩu, thảo nghịch, thảo khẩu, thảo lỗ, chiêu đức, chiêu văn, bình trung, kiến nghĩa, phụng nghĩa, trung tiết, kiến tín, quân sư, chấp thận, phủ nhung, tuy vũ, dực quân, hưng nghiệp, phó quân, dực vũ, phụ quân, tuy quân, nha môn.)

(2) *Lưu Biếu* quê ở Sơn Dương, trước khi được giao chức Mục ở Kinh Châu là Trấn Nam tướng quân.

(3) *Sưu Thần Ký*: Do Giản Giới đời Tấn soạn, chép những việc thần kỳ quái dị trong dân gian.

(4) *Tòng Sự Trung Lang*: Chức danh, vào thời Hán Ngụy tương đương tham mưu. Lưu Bị lúc ấy mang quan hàm Tả Tướng quân, Tả Tướng quân Tòng Sự Trung Lang diễn nôm là tham mưu của quan Tả Tướng.

(5) *An Hán Tướng quân*: Chức danh, hàm ngũ phẩm, cùng hàm nhưng về trật đứng cao hơn *Quân Sư Tướng quân* là chức danh của Gia Cát Lượng.

(6) *Viên Thượng*: Con Viên Thiệu, sau khi Viên Thiệu chết các con là Đàm và Thượng đánh lẫn nhau.

(7) *Lưu Tả Tướng quân*: Lưu Bị.

(8) *Bình Trung tướng quân*: Quan hàm ngũ phẩm, về trật đứng ngay dưới *Chiêu Văn* của Y Tịch.

(9) *Nhậm Định Tổ*: Nhậm An tự Định Tổ, đại nho thời Tây Hán thầy học của Đỗ Vi, Đỗ Quỳnh. Xem thêm *Đỗ Vi, Đỗ Quỳnh truyện - Thục thư quyển 12*.

(10) *Bách Lý*: Ngũ Cỗ Đại Phu *Bách Lý Hề*. Tuổi trẻ có tài mà không được dùng lưu lạc khắp nơi, được Tần Mục công dùng năm bộ da dê chuộc về dùng làm Đại Phu lúc bảy mươi tuổi.

(11) *Kiến Thúc*: Anh kết nghĩa của *Bách Lý Hề*. Sau khi *Bách Lý Hề* làm Đại Phu tiến cử *Kiến húc* cho Tần Mục công.

(12) Cam La: Cam La năm mười hai tuổi xin vua Tần cho sang sứ nước Triệu, bằng ba tactic lược thuyết phục vua Triệu giao năm thành vùng Hà Gian cho Tần.

(13) Tử Kỳ: Duẫn Tử Kỳ, mười tuổi hiến kế an định thành Đông A nước Tề. Được Tề Tuyên vương phong làm thành chủ, thống lĩnh quân dân Đông A đánh bại quân Ngụy.

(14) Nhan Uyên: Nhan Hồi tự Tử Uyên cũng gọi là Nhan Uyên người nước Lỗ thời Xuân Thu đệ tử đặc ý và nhỏ tuổi nhất của Khổng Tử.

(15) Sở Diệp Công: Chưa biết ai.

(16) Vua Thành Thang đề cử Y Doãn làm Tế tướng phò trợ mình lập ra nhà Thương lúc ông này đang đi cày ở đất Hữu Sấn.

(17) Hà Vũ: Danh thần Tây Hán.

(18) Nhị Cung: Cung Hoà, Cung Thắng hai anh em nổi danh tài ba cao khiết thời Hán Ai Đế được Cát Hồng đời Tân ca ngợi rằng: "Tư hung dữ sao, do đồng thì; Vương Mãng dữ Nhị Cung cộng thế, nhi bất năng hiệu dã."

(19) Tuỳ, Hoà: Đoạn trên nhắc đến việc đục đá tìm ngọc nên Hoà chắc thợ đá Biện Hoà nước Sở nhìn ra khối ngọc trong tảng đá còn Tuỳ thì chưa rõ là ai.

(20) Ích Bộ kỳ cựu truyện: Do Trần Thọ tác giả Tam Quốc Chí soạn, chép sự tích các nhân vật nổi tiếng ở Ích Châu.

(21) Dương Hậu: Dương Hậu tự Trọng Hoàn, người Quảng Hán đại nho đời Hán, giỏi đoán Đồ Sấm.

(22) Kinh đô: Chỉ Lạc Dương.

(23) Đông Phù: Danh nho cuối thời Đông Hán, xem thêm Lưu Yên truyện - Thục thư quyển 01.

(24) Công Tào: Chức danh, được đặt ra từ thời Tây Hán, là thư lại chính của người đứng đầu Quận, Huyện.

(25) Trị Trung Biệt Giá: Cấp phó quan trọng nhất trong Châu.

(26) *Bác Sĩ: Chức danh, chủ yếu chưởng quản thư tịch, thường cũng làm cố vấn cấp cao.*

(27) *Tiêu, Trương: Tiêu Hà, Trương Lương hai mưu thần hàng đầu của Hán Cao Tổ.*

(28) *Họ Nhan: Nhan Hồi (cũng là Nhan Uyên) lấy từ một câu trong Luận Ngữ: "Hiền thay, anh Hồi! một giỏ cơm, một bầu nước, ở ngõ hẻm, người khác u sầu không chịu nổi cảnh khốn khổ đó, anh Hồi thì vẫn không đổi niềm vui."*

(29) *Nguyên Hiến: Học trò Khổng Tử, tính cách đạm bạc, trọn đời vui cảnh thanh bần.*

(30) *Nghiêm Quân Bình: Tây Hán học giả, người Thành Đô, giỏi bói toán.*

(31) *Lý Hoǎng: Chưa rõ là ai.*

(32) *Do, Di: Hứa Do, Bá Di đã chú bên Tiêu Chú truyện.*

(33) *Dương Tử Vân: Dương Hùng tự Tử Vân đã chú bên Tiêu Chu truyện.*

(34) *Văn Ông: Văn Đảng tự Trọng Ông (156tcn - 101tcn) người Lư Giang, làm Thục Quận Thái Thú dưới triều Hán Cảnh Đế, cử học trò về Trường An học học hỏi, chấn hưng học phong đất Thục.*

(35) *Trương Như: Tư Mã Tương Như(179TCN - 117TCN) nổi tiếng với khúc Phụng Cầu Hoàng và truyện tình cùng nàng Trác Văn Quân, tự là Trường Khanh, người Thành đô rời quê hương đi Trường An trong thời Hán Cảnh Đế khi trở về mang theo kiến thức thu lượm được, có ảnh hưởng lớn đến văn hoá đất Thục thời kỳ đó. Tuy nhiên em không tìm thấy tài liệu nào nói ông ta ra đi theo sự sắp đặt của Văn Ông.*

(36) *Thất Kinh: Các sách chỉ nói đến Ngũ Kinh không rõi Thất Kinh ở đây là những thư tịch gì.*

(37) *Địa lý chí: Tức phần Địa lý chí trong Hán Thư của Ban Cố.*

(38) *Trọng Thư: Đông Trọng Thư danh nho đời Hán.*

(39) *Tề Hoàn: Hoàn Công nước Tề thống lĩnh chư hầu, tôn phù thiên tử nhà Chu một trong các vị bá chủ thời Chiến quốc.*

(40) Công Dương: Công Dương Cao người nước Tề, tác giả cuốn sách diễn giải nghĩa lý Kinh Xuân Thu mà ngày nay người ta vẫn quen gọi là Xuân Thu Công Dương truyện.

(41) Thúc Thuật: Anh trai của Thúc Thuật là Di Phụ Nhan bị kết tội chết, Thúc Thuật được chỉ định kế vị nhưng không nhận, chỉ quản lý quốc sự, sau khi Di Phụ Nhan được giải oan, Thúc Thuật lại nhường quyền cho con của anh.

(42) Chiến Quốc Sách: Do Lưu Hưởng đời Đông Hán soạn.

(43) Nghi, Tần: Trương Nghi, Tô Tần hai thuyết khách lớn thời Chiến quốc.

(44) Đạo Gia Pháp: Chưa rõ nói đến thư tịch nào.

(45) Sào, Hứa, Tứ Hạo: Sào Phủ, Hứa Do hai người hiền thời vua Thuấn và Thương Sơn Tứ Hạo bốn người hiền sống vào thời Tần mạt Hán sơ không muốn làm quan ở ẩn trong núi Thương Sơn.

(46) Tiếp Dư: Lục Thông tự Tiếp Dư người nước Sở thời Chiến quốc thường giả điên cuồng ca hát để nói chuyện đạo lý thường được nhắc đến với danh xưng Sở Cuồng Tiếp Dư.

(47) Ngư Phụ: Tên một thiên trong Sở từ của Khuất Nguyên, kể chuyện một ông lão đánh cá thấy Khuất Nguyên tiêu tụy khổ khổ thì khuyên nên tụy theo dòng đời chìm nổi mà sông nhưng bị Khuất Nguyên cự tuyệt. Thể hiện ý chí thanh cao của Khuất Nguyên.

(48) Lạc, Hà: Chỉ Lạc thư, Hà đồ.

(49) Cách Tử Thành: Em chưa rõ là ai.

(50) Tử Cống: Học trò Khổng Tử.

(51) Sư Hữu Tế Tửu: Chức danh, là người có địa vị tối cao trong đám thư lại hoặc tham mưu trong phủ trưởng quan ở địa phương.

(52) Công Tào: Thư lại chủ yếu trong quận hoặc huyện.

(53) Chủ Bộ: Người chưởng quản văn thư tá lại trong quận.

(54) Dương Hùng: Danh nho thời Hán, nhảy lầu tự tử (nhưng không chết) để tỏ ý bất hợp tác với Vương Mãng.

(55) Hà Đồ quát địa tượng: Chưa rõ là thư tịch nào do ai viết.

(56) Tả Tư Thục Đô Phú: Bài Thục đô Phú của Tả Tư thời Tây Tấn.

(57) Hoài, Tể Tứ Độc: Vương chế trong Lễ Ký chép Hoàng Đế (Trung Hoa) cổ đại tể núi cao sông lớn là Ngũ Nhạc và Tứ Độc. Trong đó Tứ Độc gồm: Đông Độc - Đại Hoài, Nam Độc - Đại Giang, Tây Độc - Đại Hà, Bắc Độc - Đại Tể là bốn con sông lớn chảy ra biển. Vào thời Đông Hán, Hoàng Hà chuyển dòng ở vùng Vũ Trác, Tu Vũ chảy vào chảy vào sông Tể Thủy nên ngày nay Tể Thủy là đoạn hạ lưu của Hoàng Hà còn Hoài Hà thì đoạn hạ lưu bị tắc ngẽn nên chảy vào Trường Giang. Hoài Hà, Tể Thủy đều xuất phát từ địa phận Hà Nam.

(58) Đại Tư Nông: Chức danh, được đặt từ đời Tần, lúc đầu quản lý kinh tế tài chính quốc gia sau là người cai quan quốc khố hoặc khuyến khích nông nghiệp.

(59) Tam Hoàng: Ba vị tổ đầu tiên của các tộc người Hán, tuy theo từng thư tịch mà danh tự ba vị này biến đổi khác nhau.

(60) Ngũ Đế: Năm vị minh quân đầu tiên của người Hán.

Tiêu Duẫn Nam: Tiêu Chu, xem thêm Tiêu Chu truyện - Thục thư quyển 12

(61) Vạn Cơ Luận là bài biểu Tướng Tể dâng cho Tào Phi, Hứa Tử Tương là Hứa Thiệu anh họ Hứa Tĩnh người đã xem tướng cho Tào Tháo lúc còn hàn vi.

(62) Nguyên văn: 马磨

(63) Kế Lại: Quan chức cấp quận, phụ trách bộ tịch và kế hoạch.

(64) Ngự Sử Trung Thừa: Là một chức danh được đặt ra từ thời Tần. Trong đời Hán quản lý thư tịch sách vở, kiểm soát văn chương biểu tấu của công khanh.

(65) Tam Giang: Trường Giang, Ngô Tùng, Tiền Đường; Ngũ Hồ: Động Đình hồ, Phiên Dương hồ, Thái hồ, Sào hồ, Hồng Trạch hồ.

(66) Trung Nhạc: Trung Sơn, ngầm chỉ khu vực Hà Nam, Lạc Dương.

(67) Bá mẫu ở đây có lẽ chỉ mẹ của Từ Nguyên Hiền.

- (68) Ngô Chí: Ở đây là phần Ngô thư của Tam Quốc Chí.
- (69) Doanh Khâu: Là đất phong cho con cháu Khương Thái Công từng giúp Chu Vũ Vương diệt Trụ.
- (70) Sư Vọng: Nguyên văn: 師望
- (71) Hoắc Quang: Phụ chính đại thần thời
- (72) Ngũ Hầu: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam năm tước hiệu dùng để phong cho chư hầu; Cửu Bá: Trưởng quan tại chín châu lớn của Trung Hoa cổ.
- (73) Ngũ Tài: Sách Lục Đạo, thiên Long Thao, phần Luận Tướng cho ngũ tài là Dũng, Trí, Nhân, Tín, Trung.
- (74) Thất Quốc: Tần, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên bảy nước thời Chiến Quốc.
- (75) Vương Cảnh Hưng: Vương Lăng danh thần Tào Ngụy làm đến Tam Công.
- (76) Minh: Một lại văn bài ghi lại công đức hoặc răn bảo chép vào bia, chuông, bình phong hay quạt.
- (77) Ngũ Giáo: Phụ nghĩa, Mẫu tử, Huynh hữu, Đệ cung, Tử hiếu.
- (78) Nguyên văn: 居升平之京师
- (79) Vũ Hoàng Đế: Chỉ Tào Tháo
- (80) Lưu Tương Quân: Chỉ Lưu Bị.
- (81) Thụ chung ư Văn Tổ: 受終於文祖: Nhận hết từ Văn Tổ. Văn Tổ là tổ của vua Nghiêu. Nghiêu nhường hiền, nhường ngôi cho Thuấn. Thuấn được nhận cơ nghiệp truyền lại từ Văn Tổ.
- (82) Lịch số tại cung, dẫn chấp kỳ trung: 历数在躬,允执其中: Liệt kê công việc bên mình, chấp thuận cho người nắm giữ. Nghiêu nhường ngôi, liệt kê hết công việc trong ngoài, giao cho Thuấn nắm. Thư này viết vào lúc Tào Phi mới soán ngôi nhà Hán. Vương Lăng làm quan tới Tam Công ở Ngụy, viết thư cho Hứa Tĩnh không chỉ đơn thuần là tình cảm bè bạn riêng tư mà còn muốn trình bày lập trường chính trị của phe mình và tỏ ý chiêu hồi.

(83) Đường: Triều đại của vua Nghiêu, họ là Đào Đường; Ngu: Triều đại của vua Thuấn.

QUYỂN 9 - ĐỒNG LƯU MÃ TRẦN ĐỒNG LÃ TRUYỆN

Đồng Hòa, Lưu Ba, Mã Lương, Trần Chấn, Đồng Doãn, Lã Nghệ

ĐỒNG DOÃN TRUYỆN

Đồng Doãn tự Hưu Chiêu, con trai quan Chương Quân Trung Lang tướng Đồng Hoà. Tiên Chủ lập Thái tử, Doãn được tuyển làm Xá nhân, theo hầu dắt ngựa. Hậu Chủ kế vị, phong (Doãn) làm Hoàng Môn Thị lang. Thừa tướng Lượng huy quân bắc chinh, đóng ở Hán Trung, lo Hậu Chủ phú quý liền năm, khó phân vàng đá, lại thấy Doãn lòng dạ kiên cường công minh liêm chính, muốn uỷ thác sự vụ trong cung. Dâng sớ tâu rằng: “ Bọn Thị Trung Quách Du Chi, Phí Y, Thị Lang Đồng Doãn, đều do Tiên Đế tuyển chọn để bạt để lại cho Bệ hạ, đến lúc suy xét nguyên tắc lợi hại, dâng hết lời trung chính là nhiệm vụ của họ. Ví như trong cung có việc, bất kể lớn nhỏ, tất thấy cùng thương nghị ắt có thể sửa chữa, bổ khuyết lỗ lầm thu được lợi ích. Còn như không có lời lẽ bày tỏ được đức sáng, thì phải trách phạt bọn Doãn, để làm rõ sự lười biếng của họ.” Lượng lại mời Y làm Tham Quân, Doãn lên làm Thị Trung lĩnh Hồ Bôn Trung lang tướng, chỉ huy Túc vệ thân binh.

Du Chi tính tình cao khiết hiền hoà, là người chu đáo.

Sở Quốc tiên hiền truyện viết: Du Chi người Nam Dương, tài danh nổi tiếng đương thời.

Nhận trách nhiệm dâng lời can gián, Doãn chuyên tâm làm việc. Lấy ngăn ngừa đề phòng mà giải quyết sự vụ, dốc lòng hết sức khuông phò nêu cao đạo lý. Hậu Chủ thường muốn tuyển thêm mỹ nữ sung vào hậu cung, Doãn dẫn sự tích các vị cổ đại thiên tử hậu phi không quá mười hai người, nay cung tần đã đủ, không nên tăng thêm, cuối cùng cố giữ không nghe theo. Hậu Chủ càng thêm tôn trọng nể vì. Thượng Thư Lệnh Tướng Uyển lĩnh Ích Châu Thứ Sử, dâng sớ nhường cho Y và Doãn, lại có biểu rằng: “ Doãn phục vụ trong cung đã nhiều năm, phò tá vương thất, nên ban danh vị đất đai để tán dương công lao khó nhọc.” Doãn cố từ không nhận. Hậu Chủ trưởng thành dần, tuổi cao quý hoạn quan Hoàng Hạo. Hạo có tài xu nịnh, thuận theo ý vua, muốn tham dự triều chính. Doãn thường trước nghiêm

mặt khuyển chủ, sau trách mắng cật vấn Hạo. Hạo sợ Doãn, không dám làm trái. Doãn còn tại thế, chức vị của Hạo chỉ là Hoàng Môn thừa.

Doãn từng hẹn hò ngao du yến ẩm cùng bọn Thượng Thư Lệnh Phí Y, Trung Điển quân Hồ Tể, cùng nghiêm cẩn phụng giá hành sự, nhưng Lang Trung Tương Dương Đồng Khôi đến nhà sửa đạo chính cho Doãn. Khôi tuổi trẻ chức thấp, đề nghị Doãn huỷ bỏ cuộc vui, quay ngựa trở về, Doãn không đồng ý nói: “Ta sở dĩ ra ngoài chỉ là muốn cùng bạn tốt dạo chơi đàm luận, nay ngài cố ý bẻ cong lý lẽ, thổi phồng sự việc, bỏ cuộc đàm luận này, dự buổi yến tiệc kia, chẳng có ý nghĩa gì cả.” Bèn ra lệnh cởi xe, cùng bọn Y bỏ cuộc không đi nữa. (Doãn) giữ đạo chính với kẻ dưới thường là như thế vậy.

Tương Dương ký chép: Đồng Khôi tự Hưu Tư, người Tương Dương. Vào Thục, làm Tuyên Tín Trung Lang theo Phí Y sang sứ nước Ngô. Tôn Quyền từng say rượu hỏi Y rằng: “Dương Nghi, Ngụy Diên đều là loại trẻ trâu nhỏ mọn, tuy tùy nơi tùy lúc làm được điều nọ điều kia hữu ích, song khi giao cho trọng nhiệm, tất không thể xem thường, nếu một mai không còn Gia Cát Lượng, tất họ sẽ gây họa làm loạn vậy. Các ông bối rối, sao không biết đề phòng nỗi lo này, đã để lại mưu lược quyết sách cho cháu con chưa?” Y ngạc nhiên ngoái lại nhìn, không thể đáp ngay được. Khôi nhìn Y nói: “Ngắn gọn có thể đáp rằng, lâu dài không hoà hợp cùng nhau được tất sinh ra những thù hận riêng tư, nhưng chưa có dấu vết biểu hiện gì cũng khó dựng tường mà chế ngự ý niệm của người ta. Nay đang lúc đánh dẹp cường địch, công lao do năng lực mà có, sự nghiệp nhờ tài trí mà thành, nếu thôi không dùng những người ấy để phòng hậu hoạn thì cũng như dùng sách lược đục thuyền bẻ chèo mà phòng sóng to gió ngược, không phải là kế lâu dài vậy.” Quyền vừa ý cười lớn. Gia Cát Lượng nghe chuyện, cho là lời hiểu biết. (Khôi) trở về chức cũ được ba ngày, vờ vào Thừa tướng phủ dặn dò, thăng làm Ba Tây Thái Thú.

Thần Tòng Chi xét: Hán Tấn xuân thu cũng chép câu này, song không nói là lời của Đồng Khôi, ngôn từ cũng hơi khác biệt. Vậy xem ra hai sách chép hai chuyện bất đồng. Bốn truyện viết: “Khôi tuổi nhỏ chức thấp”,

nếu như từng vào Thừa tướng phủ nghe dặn bảo, ra làm Ba Quận Thái Thú, tất chức vị không phải như đã chép. Có thể thấy sách này có lời đáng ngờ chưa thể thâm định rõ ràng được vậy.

Năm Diên Hi thứ sáu, thăng thêm chức Phụ Quốc tướng quân. Năm (Diên Hi) thứ bảy làm Thị Trung thủ Thượng Thư Lệnh làm phó cho Đại Tướng quân Phí Y. Năm (Diên Hi) thứ chín, chết.

Hoa Dương quốc chí chép: Đương thời người Thục gọi Gia Cát Lượng, Tưởng Uyên, Phí Y cùng Doãn bốn tướng là Tứ Anh đệ nhất hào kiệt.

Trần Chi kế nhiệm Doãn làm Thị Trung, cùng Hoàng Hạo trong ngoài hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, Hạo bắt đầu được tham dự vào chính sự. Sau khi Chi chết, Hạo từ Hoàng Môn lệnh lên làm đến Trung Thường thị, Phụng Xa Đô Úy, nắm giữ quyền bính, thao động triều cương cho đến khi mất nước. Người Thục không ai không tưởng nhớ Doãn. Đến khi Đặng Ngải đến Thục, nghe tiếng Hạo gian ác, bèn bắt giữ, muốn đem giết, nhưng Hạo hối lộ nhiều cho bộ hạ của Ngải, được tha.

Chi tự Phụng Tông, người Nhữ Nam, cháu ngoại của anh trai Hứa Tĩnh. Thờ nhỏ mồ côi, lớn lên trong nhà Tĩnh. Tuổi trẻ đã nổi tiếng, dần dần được tuyển vào chức Tào Lang, diện mạo thần thái rất uy võ nghiêm trang. Nhiều tài năng, giỏi toán thuật, Phí Y rất lấy làm lạ, cố đưa lên kế tục Doãn làm nội thị. Lữ Nghị chết, Chi lại lên làm Thị Trung thủ Thượng Thư Lệnh, thêm Trấn Quân tướng quân, Đại tướng quân Khương Duy tuy ngôi vị ở trên Chi, song luôn thống lĩnh tướng sĩ bên ngoài, hiếm khi đích thân vào châu tham dự chính sự. Chi trên phụng mệnh vua, dưới thân hoạn thị, quan hệ mật thiết, tình cảm sâu xa, quyền lớn hơn Duy. Năm Cảnh Diệu nguyên niên chết, Hậu Chủ đau tiếc, khóc thương rơi lệ, bèn hạ chiếu rằng: “ Chi giữ chức một kỷ, ôn hoà giữ phép, cung kính hữu lễ, thuận nghĩa ích dân, công nghiệp huy hoàng rạng rỡ. Mạng chẳng dài lâu, trẫm lấy làm thương tiếc. Người sống để tiếng tốt, tất chết thêm mỹ thụy, thụy là Trung Hầu.”. Ban cho con là Xán tước Nội Hầu, đề bạt con thứ là Dự vào chức Hoàng Môn thị lang.

Từ khi Chi được sủng ái, Hậu Chủ nhớ lại rất giận Doãn ngày xưa, địa vị (của Doãn) từ đó bị xem thường, cũng bởi Chi là người xu nịnh, cùng Hạo ở bên trong cấu kết dần dần thêm bớt xúc siểm chuyện cũ mà ly gián. Cháu Doãn là Hoàn, thăng làm Ba Tây Thái Thú.

Thần Tùng Chi lấy con Trần Quần là Thái, con Lục Tồn là Kháng, đời trước truyền lại đời sau, con nối theo cha tính cách tái hiện không khác biệt, cùng Vương Túc, Đỗ Thứ, Trương Thừa, Cố Thiệu một dòng, tuyệt chẳng khác nhau, duy chỉ có Doãn một mình sai trái, kiến giải chưa được rõ ràng, so với đương thời Doãn có tiếng tăm địa vị tốt đẹp cao sang, sự tích lại càng sai lạc. Cùng với Hạ Hầu Huyền, áo cũ đều có sừng thú sắc đỏ trang hoàng, cũng là người xa xỉ, Ngụy thư đề danh tự trong quyển Chư Hạ Hầu Tào truyện, vậy mà đến lúc chết không mặc thêm chút đồ hoa lệ; Hay Trần Vũ với biểu cùng tậ Thiên Tướng Quân, đều là những việc đã qua không xét rõ được vậy.

ĐỒNG HÒA TRUYỆN

Đồng Hoà tự Ấu Tế, người Nam Quận, tổ tiên gốc làm nghề chài lưới ở Ba Quận. Thời Hán mạt, Hoà dẫn người trong họ đi sang phía tây (vào đất Thục). Ích Châu Mục Lưu Chương lấy làm huyện trưởng ở Ngưu Bì, rồi huyện trưởng Giang Nguyên, sau làm Thành Đô Lệnh.

Khi ấy đất Thục giàu có mà nhiễm thói xa xỉ, những nhà quyền quý ăn uống tốn kém, phục sức hoa lệ, ma chay cưới hỏi linh đình đến khuynh gia bại sản. Hoà dẫn dắt lối sống giản dị, tự mặc áo thô ăn cơm rau, ngăn chặn hoang phí bừa bãi, tạo ra nền nếp, làm phong tục nơi ấy biến chuyển tốt lên, người kính mà theo. Nhưng bọn cường hào trong vùng sợ pháp chế nghiêm minh của Hoà, thuyết phục Chương đổi làm Đô úy thuộc quận Ba Đông. Quan viên, dân nghèo, phụ lão cầu khẩn lưu Hoà lại kể đến hàng nghìn. Chương nghe dân xin suốt hai năm, lại chuyển Hoà về làm Ích Châu Thái thú, thực hiện sự giản kiệm tốt đẹp như trước. Hoà làm việc với người Man chân thành nhường nhịn, dân phương nam yêu mà tin theo.

Tiên Chủ vỗ yên đất Thục, lấy Hoà làm Chương quân Trung Lang tướng, cùng Quân sư Tướng quân Gia-cát Lượng cộng sự tạm lo việc ở phủ Tả Tướng quân, Đại Tư mã, phân biệt lợi hại, quan hệ thân mật. Hoà ăn lộc quan hơn hai chục năm, ngoài thì tự chăn nuôi, trong thì tự dệt vải, đến lúc chết gia sản chẳng có gì đáng giá.

Lượng sau làm Thừa tướng, dạy thuộc hạ rằng: ” Kẻ đảm đương việc nước phải biết tập hợp những ý kiến thẳng thắn, xuất phát từ trí tuệ của số đông. Nếu vì những hiềm khích nhỏ mà xa lánh mọi người sẽ khó được biết các cách nhìn khác biệt, không tránh khỏi thiệt hại. Có quan điểm bất đồng để đánh giá sự việc, mới chặn được điều xấu thu được điều tốt. Phải nổi người ta rất khó hết lòng, chỉ riêng Từ Nguyên Trực ngày ấy giao thiệp chẳng nghi ngờ, lại thêm Đồng Ấu Tế tham chính bảy năm, mỗi khi xảy việc chưa nghĩ đến tận cùng, dù có mười cách nhìn khác nhau cũng không ngại mà nói hết. Mong người người đều chuyên tâm như Nguyên Trực, ân cần như Ấu Tế, tận trung báo quốc, giúp ta tránh khỏi sai lầm”.

Lại nói: ” Ta lúc xưa quen biết với Châu Bình, thường được học hỏi lễ mất còn, rồi khi qua lại với Nguyên Trực, hay được mở mang thêm kiến thức; trước có Tham mưu Áú Tế, mỗi lời đều cẩn thận, tận lý, Sau có Tòng sự Vĩ Độ, can ngăn góp ý rất thẳng thắn. Tuy ta thiên bẩm tối tăm, không thể hoàn toàn hiểu hết ý họ, song ta với bốn vị tiên sinh ấy thủy chung vẫn là bạn tốt, tuyệt đối chẳng vì lời lẽ chân thành của họ mà chẳng vừa lòng”.

Lượng hoài niệm Hoà thể hiện ra đến thế vậy.

Vĩ Độ họ Hồ tên là Tế, nghĩa khí hơn người. Khi Lượng làm chủ bộ, trung thành hết sức giúp việc, rất được khen ngợi. Lượng chết, làm Trung Diễn quân, thống lĩnh binh mã, phong tước Thành Dương Đình hầu, sau đổi làm Trung Giám quân Tiên tướng quân, được ban giả tiết lĩnh chức Duyệt Châu Thứ sử. Em Tế là Bác làm Thượng thư, Trường Thủy hiệu úy.

LỮ NGHỆ TRUYỆN

Lữ Nghệ tự Quý Dương, người Nam Dương. Cha (Nghệ) là Thường, trước đưa tướng cũ Lưu Yên vào Thục, gặp lúc đường lớn bị ngăn trở nên không quay về được. Nghệ mồ côi từ thưở nhỏ, thích đọc sách gầy đàn. Tiên Chủ bình định Ích Châu, đặt ra chức Diêm phủ Giáo Úy, coi sóc nguồn lợi từ muối và sắt. Dưới Giáo Úy Vương Liên mời Nghệ cùng bọn Nam Dương Đỗ Kỳ, Nam Hương Lưu Cán cùng làm Điển Tào Đô Úy. Nghệ được thăng làm Tân Đô, rồi Miên Trúc Lệnh, bởi có lòng thương xót cứu giúp người nghèo khổ nên được bách tính khen ngợi tán dương, trở thành người đứng đầu các thành trong vùng. Và được thăng lên làm Ba Tây Thái Thú. Thừa tướng Gia Cát Lượng xuất quân nhiều năm, phân phối sai phái các quận (mộ binh), đa phần (các quận) không giúp được (Lượng việc này). Nghệ lựa chọn tổ chức được năm nghìn người cho Lượng. Lại an ủi vỗ về, cai quản kiểm soát họ khiến cho không có một người nào đào ngũ. (Nghệ) Được dời đến làm Hán Trung Thái Thú, kiêm chức Đốc Nông, sắp đặt cung cấp quân lương. Lượng chết, Nghệ chuyển đến làm Quảng Hán, rồi Thục Quận Thái Thú. Thục Quân là thành lớn, nhân khẩu rất nhiều mà sau khi Lượng chết binh đội lười biếng, trốn bước gian nan trì trệ giả dối gian xảo bất nhất. Nghệ đến nhậm chức, vừa cấm đoán ngăn ngừa, vừa hướng dẫn khuyến khích, chỉ trong vài năm những người trốn tránh tự ra đăng ký có đến hàng vạn. Sau (Nghệ) về làm Thượng Thư, lại kế tục Đồng Doãn làm Thượng Thư Lệnh, việc của dân không để chừa lại, tân khách chẳng giữ trong nhà. Nghệ trải qua chức vụ trong ngoài, tự mình cần kiệm, khiêm tốn thanh tịnh chẳng nhiều lời lo liệu việc nước đơn giản tiện lợi không gây phiền nhiễu đáng kể vào hàng trong sạch tài năng; Nhưng giữ luật cứng nhắc thích dung điển chương như kẻ thư lại tầm thường lại cố nắm đại quyền nên thanh danh giảm sút ở các quận huyện. Năm Diên Hi thứ mười bốn chết. Con là Thần, trong những năm Cảnh Diệu làm Thành Đô Lệnh. Em Thần là Nhã, rất có tài năng. Nhã thanh bạch nghiêm trang có văn tài, sáng tác ra mười lăm thiên Khuôn phép luận.

Đỗ Kì từng làm Quận Thú, Giám Quân, Đại Tướng quân, Tư Mã. Lưu Cán quan chức đến Ba Tây Thái Thú đều là người thân thiết với Nghệ, đương thời cũng là những người nổi tiếng nhưng cần kiệm giữ khuôn phép không bằng được Nghệ.

Ba lí bình rằng: Đồng Hoà hành vi mộc mạc cao khiết. Lưu Ba khí tiết thanh bạch cao thượng. Mã Lương trung trinh thành thật đáng gọi là kẻ sĩ. Trần Chấn trung thành kính cẩn , tuổi cao càng đặc dụng. Đồng Doãn giúp chủ, đạo nghĩa hiển lộ ra nét mặt. Thảy đều là lương thần đất Thục. Lữ Nghệ cai quản các quận để tiếng thơm, song coi sóc triều chính gặp phải lời chê trách, cũng coi như thất bại, xếp vào hạng thấp hơn.

LƯU BA TRUYỆN

Lưu Ba tự Tử Sơ, người ở nam Linh Lăng. Nổi tiếng từ thưở nhỏ,

Linh Lăng tiên hiền truyện viết: Tổ phụ của Ba là Diệu, từng làm Thái Thú Thương Ngô. Cha Ba là Tường, nguyên là Giang Hạ Thái Thú, Đãng Khấu tướng quân. Khi Tôn Kiên cử binh đánh Đông Trác, Nam Dương Thái Thú Trương Tư không chịu cấp quân lương nên (bị Kiên) giết chết. Tường cũng đồng lòng (với Kiên), Nam Dương nhân sĩ vì vậy oán hận Tường, cử binh đến đánh, trong lúc giao tranh (Tường) bại trận, chết. Lưu Biểu vốn cũng không có quan hệ tốt với Tường nên giam lỏng Ba, muốn giết, song lại cân nhắc, sai người thân tín cũ của Tường giả mật báo với Ba rằng: "Lưu Mục⁽¹⁾ muốn hại tôi, có thể cho tôi cùng chạy trốn chẳng." Ba lần như thế, Ba đều không đáp ứng. Biểu được thuật lại việc này, bèn bỏ ý định giết Ba. Năm mười tám tuổi, (Ba) làm Tào Sử Chủ ký chủ bộ ở quận⁽²⁾. Lưu Tiên Chủ muốn sai Chu Bất Nghi⁽³⁾ theo Ba học tập. Ba đáp rằng: "(Tôi) trước lãng du đất Kinh Bắc, nay lặn lội chốn quan trường, hỏi đến sự học, chẳng có đủ phép tắc của bậc danh gia, trong đã không có thủ thuật trầm ổn của Dương Chu⁽⁴⁾, ngoài lại thiếu phong độ giúp đời của Mặc Dịch⁽⁵⁾, giống như sao Cơ ở trời nam, hão huyền vô dụng. (Ngài) viết thư muốn (tôi dạy) cháu ngài từ chỗ có vẻ đẹp của loài loan loài phượng thành ra biết múa điệu vũ của chim yến chim sẻ, sao có thể gọi là chỉ rõ đạo sáng (cho cháu ngài) được. (Tôi) tự thẹn rằng (học vấn) có mà như không, tưởng đầy đủ hoá ra trống rỗng, sao dám tuân lời."

Kinh Châu Mục Lưu Biểu liên tục gọi mời, tiến cử làm Mậu Tài, (Ba) đều không tới. Biểu chết. Tào Công đánh Kinh Châu. Tiên Chủ chạy xuống Giang Nam, kẻ sĩ vùng Kinh Sở đều chạy theo về phía đó, riêng Ba đi lên phía bắc bái phỏng Tào Công. Tào Công lấy làm Duyệt, sai đi chiêu nạp Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương.

Linh Lăng tiên hiền truyện viết: Khi Tào Công bại ở Ô Lâm, trở về phía bắc, muốn dùng Hoàn Giai. Lữ Giai không giống với Ba. Ba nói với Tào

Công rằng: “Không thể để Lưu Bị chiếm lấy Kinh Châu được.” (Tào Công đáp: ”Bị nếu có tham vọng ấy, Cô đã có sẵn kế sách bộ binh.”

Khi Tiên Chủ thu được ba quận, Ba không thể trở về (với Tào Tháo) nữa, rút cuộc tránh đến Giao Chỉ.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Ba đến Linh Lăng, nhiệm vụ không thành, muốn qua Giao Châu mượn đường trở về kinh sư. Khi Gia Cát Lượng ở Lâm Chung, Ba gửi thư cho Lượng nói: ”Nhân khi khốn đốn, trải lúc nguy nan đến cai quản những người dân biết hướng về đạo nghĩa, tự mình giúp đỡ chúng sinh, nương theo ý trời, thuận với vạn vật, chẳng phải ta tự mình có khả năng mưu toan mà khuyến khích được⁽⁶⁾. Còn nếu bàn đến cùng xét đến hết thì lời uỷ thác lúc lâm chung như biển rộng không thể quay lại coi sóc Kinh Châu nữa.” Lượng đáp lại rằng: ”Lưu Công hùng tài cái thế, thu phục đất Kinh Châu, chẳng ai không cảm đức mà quy phục, trời người cùng theo về là việc có thể thấy vậy, túc hạ còn muốn gì nữa?” Ba nói: ”Thụ mệnh mà làm, việc không thành thì trả lại, đó mới là đúng lý, lời của túc hạ sao không ngay thẳng vậy!” Tiên Chủ rất cảm hận.

Ba theo đường Giao Chỉ đến Thục.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Ba tới Giao Chỉ, đổi thành họ Trương. Cùng Thái Thú Giao Chỉ Sĩ Khê⁽⁷⁾ thương thảo kế sách không hợp, bèn theo đường Tang Ca trở về. Bị giam giữ ở quận sở quận Ích Châu, Thái Thú (Ích Châu) muốn giết Ba. Người Chủ Bộ can rằng: ‘ ‘ Đây là kẻ phi thường, không thể giết được. ‘ ‘ Viên Chủ Bộ lại xin tự giải Ba lên trụ sở châu, yết kiến Ích Châu Mục Lưu Chương. Cha Chương là Yên khi xưa do cha Ba là Tường tiến cử làm Hiếu Liêm, (Chương) gặp lại Ba vô cùng xúc động, mỗi khi có việc lớn đều đến hỏi han thương lượng. Thần Tùng Chi bàn rằng: Lưu Yên vào thời Hán Linh đế làm Kinh Tông chánh Thái Thường, rồi ra nhận chức Ích Châu mục. Tường thì khi Tôn Kiên quật khởi ở Trường Sa mới bắt đầu làm Giang Hạ Thái Thú, không thể tiến cử Yên làm Hiếu Liêm. Nay xét rõ vậy.

Ít lâu sau Tiên Chủ bình định Ích Châu. Ba có lời tạ tội trái lệnh lúc trước, Tiên Chủ không trách.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Chương sai Pháp Chính đón Lưu Bị, Ba can rằng: "Bị là người mạnh mẽ, vào (Thục) tất gây hoạ hoạn, không thể dung nạp được." (Bị) vào Thục, Ba lại can rằng: "Nếu dùng Bị để đánh Trương Lỗ, ấy là thả hổ về rừng núi vậy." Chương không nghe, Ba đóng cửa cáo bệnh. Bị đánh Thành Đô, ra lệnh trong quân rằng: "Ai làm hại Lưu Ba, sẽ tru di đến ba họ." Thu phục được Ba, (Bị) rất mừng.

(Lưu Ba) được Gia Cát Khổng Minh tán dương cân nhắc tiến cử, Tiên Chủ dùng làm Tả Tướng quân Tây Tào duệ.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Trương Phi từng đến chỗ Ba ở, song Ba không cùng bàn luận (với Phi), Phi lấy làm tức giận. Gia Cát Lượng nói với Ba rằng: "Trương Phi tuy đúng là võ tướng nhưng rất kính trọng quý mến túc hạ. Nay Chúa công muốn hội tụ văn võ để xây đại nghiệp, túc hạ tuy tính tình cao khiết, trung trực giỏi giang nhưng sao thiếu thành ý hạ cố cùng hoà hợp vậy." Ba đáp rằng: "Đại trượng phu ở trên đời, hướng đến anh hùng bốn bể mà quan hệ, còn như với mấy gã nhà binh thì có chuyện gì mà nói." Bị nghe chuyện, giận nói: "Cô muốn yên định thiên hạ, nhưng Tử Sở cứ một mình gây rối. Lẽ nào muốn quay về phía bắc, nếu chí hướng như vậy đâu có phải muốn giúp Cô xây thành đại nghiệp." Bị lại nói: "Tử Sở tài trí hơn người, như ta, có thể dùng được, ngoài ta ra khó ai dùng nổi." Lượng cũng nói: "Ngồi trong màn trướng trù liệu kế sách, tôi còn kém Tử Sở xa lắm! Còn như so đo ở chỗ cầm dùi trống ra trước trăm quân, khiến bách tính vui vẻ mà liều chết thì cũng còn phải nghe xem mọi người nghị luận thế nào." Lúc đầu đánh Lưu Chương, Bị hẹn với quân sĩ rằng: "Nếu xong việc, vạn vật trong kho đụn, Cô không can thiệp đến." Khi chiếm được Thành Đô, quân sĩ đều bỏ vũ khí chạy đến các kho tàng mà đua nhau lấy tài vật. Quân dụng chi dùng không đủ, Bị rất lo buồn. Ba nói: "Để thôi, nếu đúc ngay tiền trị giá một trăm, điều hoà giá trị mọi vật, dùng thư lại làm quan kiểm soát." Bị nghe theo, chỉ khoảng vài tháng, kho tàng lại đầy đủ sung túc..

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tiên Chủ xưng Hán Trung vương, Ba làm Thượng Thư, sau kế tục Pháp Chính làm Thượng Thư Lệnh. Giữ hành

vi khiêm hoà liêm khiết, không lo đến sản nghiệp cá nhân, lại tự nghĩ việc quy phục của mình không trong sáng, sợ mắc hiềm nghi nên cung kính trầm mặc , từ chối quan hệ riêng tư, không phải việc công thì không lên tiếng.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Thời bấy giờ ở Trung Nguyên lòng người chưa định, nghe Bị ở Thục, bốn phương dài cổ ngóng chờ. Mà Bị cũng có ý muốn mau chóng lên ngôi, Ba cho rằng (vội vàng) như vậy chưa yên được thiên hạ, hãy tạm hoãn lại. Cùng Chủ bộ Ung Mậu can Bị, Bị mượn cơ khác giết Mậu, những người ở xa vì thế không quy phục nữa..

Tiên Chủ xưng tôn hào, bố cáo trời đất thần minh, đại khái các loại văn cáo sách mệnh đều do Ba chấp bút. Năm Chương Vũ thứ hai chết. Sau khi Ba chết, quan Thượng Thư phó xạ nước Ngụy là Trần Quần có viết thư gửi Thừa Tướng Gia Cát Lượng hỏi thăm tin tức của Ba, gọi Ba là Lưu quân Tử Sơ, vô cùng kính trọng.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Phụ Ngô tướng quân Trương Chiêu nói với Tôn Quyền về tính khí hẹp hòi làm nên tai hoạ của Ba, cho rằng chẳng đáng phải cự tuyệt Trương Phi quá thế. Quyền nói: “ Nếu Tử Sơ theo đời chìm nổi, rộng rãi làm đẹp lòng Huyền Đức, sao đủ để xưng là cao sĩ ?”

MÃ LƯƠNG TRUYỆN

Mã Lương tự Quý Thường, người đất Nghi Thành thuộc Tương Dương. Nhà Lương có năm anh em đều là bậc anh tài, riêng Lương lông mày có sắc trắng, người trong vùng thường nói: “Họ Mã năm người, mày trắng tài nhất.” Tiên Chủ thu được đất Kinh Châu, vời Lương làm Tòng sự. Lúc Tiên Chủ vào Thục, rồi Gia Cát Lượng sau cũng theo vào, Lương ở lại Kinh Châu gửi thư cho Lượng nói: “Nghe Lạc Thành đã đổ, đúng là vận hạnh trời ban. Tôn huynh gánh vác kỳ vọng giúp đời, sắp xếp sự nghiệp quang quốc hẳn thấy điều này.

Thần Tùng Chi nghĩ Lương cùng Lượng kết nghĩa anh em, hoặc thành bạn bè thân thiết; Lượng tuổi cao hơn, Lương quen gọi Lượng là ‘tôn huynh’.

Nam nhi thời loạn thế nhờ vào suy nghĩ sâu xa, xét đoán rõ ràng sau trước, dầu chẳng tài ba, vẫn mong tương hợp cùng thời thế. Thuận theo phong độ từ hoà nhã đạm, ý chí cao cả lớn lao, cần cù gieo đức với đất trời, khiến cho ngay nay lại được nghe rõ phép tắc, thế sự lại được phục hồi chính đạo, như âm điệu cao diệu của khúc nhạc nước Tề, lời lẽ chánh trực của nước Trịnh, nước Vệ. Giống như tâm tư của ống sáo cây đàn mong bàn tay thư thái của Bá Nha⁽⁸⁾ sai sử, dầu chẳng có Chung Kỳ⁽⁹⁾ mà không bị bỏ quên!” Tiên Chủ dùng Lương làm Tả Tướng quân duyện.

Sau (Tiên Chủ) sai (Lương) sang sứ nước Ngô. Lương nói với Lượng rằng: “Nay phụng quốc mệnh, bàn việc hoà hảo hai nước, mừng thay cho Lương được làm trung gian với Tôn Tướng quân.” Lượng nói: “Xin ngài tự viết điệp văn.” Lương liền viết rằng: “Vua chúng tôi sai văn thần Mã Lương ở vào hàng hậu bối, còn chưa có công danh qua thăm nỗi tình hữu ái. Thỉnh các vị nhân sĩ hào kiệt, quan chức anh tài hai xứ Kinh Sở tận sức giúp cho để người thường làm nổi việc hay, đảm đương công chuyện tốt đẹp đến tận cùng. Lòng thành mong được xét xoi mà chấp thuận, cung kính mà nghe lệnh.” (Tôn) Quyền rất kính trọng.

Khi Tiên Chủ xưng tôn hào, lấy Lương làm Thị Trung. Lúc sang đông đánh Ngô, sai Lương đến Vũ Lăng chiêu nạp người Man ở Ngũ Khê, thủ lĩnh người Man đều nhận ấn tín, nghe theo mệnh lệnh. Tiên Chủ bại ở Di Lăng, Lương cũng bị hại. Tiên chủ dùng con Lương là Bình làm Kị Đô úy.

Em Lương là Tắc, tự Áú Thường, vốn làm Tòng Sự ở Kinh Châu theo Tiên Chủ vào Thục, được phong Miên Trúc, rồi Thành Đô lệnh, sau làm Việt Tuyên Thái Thú. Tài chí hơn người, giỏi bàn kế sách, Thừa Tướng Gia Cát Lượng trọng đãi khác thường. Tiên Chủ khi sắp mất bảo Lượng rằng: “Mã Tắc nói lời quá sự thật, không thể đảm đương việc lớn, người nên cẩn thận đánh giá người này!” Lượng còn không cho lời ấy là phải, dùng Tắc làm Tham Quân, thường cùng đàm luận từ sáng đến tối.

Tương Dương ký chép: “Năm Kiến Hưng thứ ba, Lượng đi đánh Nam Trung, Tắc tiến hơn mười dặm. Lượng hỏi: “Tuy cùng bàn thảo suốt năm qua, nay còn có đổi thay sang suốt nào đáng nói ra chăng?” Tắc đáp: “Người Nam Trung dựa vào địa thế xa xôi hiểm trở, lâu nay không chịu phục tùng. Tuy hôm nay dẹp tan, ngày mai lại làm phản. Nay ngài đang muốn tiến ra phương bắc thảo phạt cường tặc. Bọn họ nếu biết được binh lực trong nước suy giảm sẽ lại tức khắc làm loạn. Còn như giết sạch người Di để trừ hậu hoạn thật không phải việc làm của người có lòng nhân, mà dẫu có muốn cũng không phải là việc có thể làm ngay được. Kẻ biết cầm quân tất phải lấy công tâm làm đầu, phá thành là phụ, thâm tóm lòng người là chính, cử binh quyết chiến là thứ yếu, xin Thừa Tướng xét kỹ mà thu phục nhân tâm của người Di.” Lượng nghe lời ấy, tha Mạnh Hoạch, bình định phương nam. Đương thời khi Lượng còn sống, người nam không dám làm phản.

Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng dẫn quân ra hướng Kỳ Sơn, tướng tài như bọn Ngụy Diên, Ngô Nhất⁽¹⁰⁾ khi ấy đều ra trận. Trong quân đàm luận mọi người đều muốn lấy (Trương) Nghi⁽¹¹⁾ chấp chưởng quân tiên phong. Nhưng Lương không nghe, đề bạt Tắc thống lĩnh đạo tiền quân, giao chiến với Ngụy tướng Trương Cáp tại Nhai Đình, bị Cáp đánh bại, quân sĩ tan tác hết. Lượng ra quân không thu được chút công nào, phải rút về Hán Trung.

Tắc bị giam trong ngục rồi chết, Lượng xót thương rơi lệ. Lương chết năm ba mươi sáu tuổi, Tắc chết năm ba mươi chín tuổi.

Tương Dương ký chép: "Tắc sắp chết gửi thư cho Lượng viết: "Minh công coi Tắc như con, Tắc coi Minh công như cha. Mong Minh công nhớ đến phong thái giết Cồn mà dùng Vũ, để quan hệ bình sinh giữa chúng ta không vì việc này mà đứt đoạn, Tắc chết xuống hoàng tuyền cũng không ân hận." Đương thời ai cũng rơi lệ xót thương. Lượng thân đến bái tế, lại đãi con côi của Tắc như khi Tắc còn sống. Tưởng Uyển khi ấy phụng mệnh đến Hán Trung thăm hỏi có can Lượng rằng: "Xưa nước Sở giết Đắc Thần⁽¹²⁾ mà Tấn vẫn công⁽¹³⁾ lấy làm mừng rỡ. Nay thiên hạ chưa định đã vội bỏ người tài chí, há chẳng đáng tiếc lắm sao." Lượng sa lệ đáp: "Tôn Vũ sở dĩ có thể khắc chế người trong thiên hạ là nhờ có pháp luật nghiêm minh. Ấy là chuyện Dương Can⁽¹⁴⁾ làm trái phép, Ngụy Giáng⁽¹⁵⁾ giết tùy tùng. Nay bốn bề chia lìa, chính là lúc việc binh đao vừa mới bắt đầu, nếu không thi hành pháp luật thì biết lấy gì để thảo phạt giặc giã."

Tập Tạc Xi luận rằng: "Gia Cát Lượng chẳng có tài lo toan hết mọi việc quốc gia, há chẳng phải thế sao. Người làm tế phụ cần nghe lời can gián mà giúp nước sao nữ cố làm sai để thu xếp việc công; Sở Thành Vương khi xưa hôn ám mà Đắc Thần chỉ biết nghĩ đến mình, cố đánh nên suy bại nặng nề. Nay nước Thục ở nơi xa xôi nhỏ hẹp, nhân tài ít ỏi, lại giết người tuấn kiệt, trở lại chọn dùng kẻ tầm thường, lấy pháp kỷ nghiêm minh thay cho năng lực, ấy là cái lẽ không đánh mà bại vậy, dẫu có thành đại sự cũng khó lắm thay. Và lại Tiên Chủ từng răn bảo, Tắc không thể cho đảm đương việc lớn, há chẳng phải nói hăn bất tài sao. Lượng nghe lời nhắc nhở mà chẳng vâng theo, không xét ra Tắc là kẻ không dùng được. Làm Tế Tướng một nước, muốn tận dụng hết tài lực trong thiên hạ nhưng không xét tài trao quyền, tùy chí giao việc. Hiểu ra cơ sự thôi đã muộn, lại trái lời khuyên răn của chủ, xét việc trong thất bại liền giết người hữu ích, thật khó gọi là trí giả vậy."

TRẦN CHẤN TRUYỆN

Trần Chấn tự Hiếu Khởi, người Nam Dương. Tiên Chủ lên làm Kinh Châu Mục, lấy (Chấn) làm Tông Sự, xếp đặt công việc các quận, sau theo Tiên Chủ vào Thục. Đất Thục bình định xong, (Tiên Chủ) dùng (Chấn) làm Thục Quận Bắc Bộ Đô Úy, nhân khi đổi tên các quận, sang làm Văn Sơn Thái Thú rồi chuyển về Kiện Vi. Năm Kiến Hưng thứ ba, được thăng Thượng Thư sau lên Thượng Thư Lệnh, phụng mệnh sang sứ nước Ngô. Năm (Kiến Hưng) thứ bảy, Tôn Quyền xưng tôn hiệu, (Hậu Chủ) lấy Chấn làm Vệ Úy, sang chúc mừng Quyền lên ngôi. Gia Cát Lượng gửi thư cho anh là Cấn⁽¹⁶⁾ nói: “ Hiếu Khởi tính tình trung hậu, tuổi cao lại càng thuần phác, gặp lúc ngời ca quan hệ Đông Tây, cùng vui khúc ca hoà hiếu, chính là người tôn quý thích hợp. “

Chấn vào đất Ngô, nói với quan viên tiếp đón rằng: “ Đông cùng với Tây, tín sứ vẫn thường qua lại, mũ đội che đỡ lẫn nhau, thể hiện tín ước tốt đẹp từ thưở trước, ngày nay lại có tình hình mới. Đông thuận theo suy cử lên ngôi đại bảo, thông cáo khắp nơi, tiếp nhận mệnh trời, phân định cương thổ, người người hưởng ứng, chỗ chỗ theo về. Nếu vào lúc này, đồng lòng đánh giặc, liệu có kẻ địch nào mà đương cự nổi. Triều đình phía Tây, vua tôi tất thấy đều mừng đón tin lành tới. Chấn vốn bất tài, được làm sứ giả sang chúc hạ, phụng mệnh bày tỏ tình giao hảo, bước qua cương giới vui muốn nhảy lên, vào (nước Ngô) mà như trở về nhà. Phấn khích phát tiết ra có chỗ lỗ lảng, phạm điều kiêng kị, thật đáng chê cười mãi. Tâm nguyện mong được bầm bạch rõ lên trên, cũng là việc người đi sứ kết tình hoà mục phải làm vậy. Nay lập tức bố cáo với mọi nơi, hai nước nguyện ý kết minh. Theo dòng xét việc, thấy quốc pháp hai bên có chỗ bất đồng nên sinh ra những điều nghi ngờ lo sợ, mong lấy việc mừng mà khuyên răn dậy bảo, làm cho rõ lẽ giao hoà. “ Chấn đến Vũ Xương, Tôn Quyền cùng Chấn dâng đànthề ước, giao kết cùng chia thiên hạ: các châu Từ, Dự, U, Thanh thuộc Ngô; các châu Tinh, Lương, Kí, Duyện thuộc Thục, còn đất châu Tư Lệ lấy của Hàm Cốc làm ranh giới phân chia. Chấn về nước được phong

Thành Dương đình hầu. Năm (Kiến Hưng) thứ chín, Đô Hộ Lý Bình⁽¹⁷⁾ phạm tội vu khống dối lừa bị bãi chức; Gia Cát Lượng viết thư cho Trưởng Sử Tưởng Uyên, Thị Trung Đông Duẫn nói: “ Hiếu Khởi lúc trước sang Ngô, cùng ta đàm luận biện pháp thích đáng trong bụng chứa đầy binh giáp, không phải là người đồng hương phe phái có thể thân gần lợi dụng được⁽¹⁸⁾. Hiếu Khởi vẫn là tâm phúc của ta song chưa được nghe biết việc phạm pháp xấu xa kia chứ không có liên quan gì đến mưu đồ phản phúc. Việc canh tân sửa đổi nếu có chuyện gì, có thể cho Hiếu Khởi cùng biết. ” Năm (Kiến Hưng) thứ mười ba, Chấn chết. Con nối nghiệp.

[CHÚ THÍCH]

(1) Lưu Biểu giữ chức Kinh Châu mục nên gọi là Lưu Mục. Cũng có khi gọi là Lưu Kinh Châu để phân biệt với Lưu Dự Châu Lưu Bị, Lưu Ích Châu Lưu Yên, Lưu U Châu Lưu Ngụy.

(2) Quân Linh Lăng.

(3) Cháu họ về bên ngoại của Lưu Bị.

(4) Chưa biết ai.

(5) Hiệp sĩ, triết gia Trung quốc sáng lập ra Mặc phái một trong cửu lưu của Trung Hoa cổ đại.

(6) 非余身谋所能劝动 không biết dịch đã sát chưa.

(7) Các sách khác đề là Sĩ Nhiếp.

(8) Bá Nha: Cao thủ âm nhạc Trung Hoa cổ đại.

(9) Tử Kỳ: Còn gọi là Chung Tử Kỳ rất hiểu âm luật tri âm của Bá Nha.

(10) Ngô Nhất: Vốn là Ngô Ý, Trần Thọ ký húy Tư Mã Ý viết thành Ngô Nhất

(11) Trương Nghi: Thục tướng, xem thêm Trương Nghi truyện

(12) Đắc Thần: Thành Đắc Thần mãnh tướng nước Sở dưới triều Sở Thành vương thời Xuân Thu. Được ban miễn tử bài. Tiền nhiệm Lệnh doãn Đẩu Tử Văn tiến cử làm người kế nhiệm. Lúc Thần dẫn quân Sở đi tranh bá ở Trung Nguyên, Sở Thành vương ra lệnh, chắc thắng mới đánh, bằng không phải xử hòa để bảo tồn thực lực và vị thế nước Sở. Thần quyết giao chiến, đại bại ở Thành Bộc. Bị Sở vương xử chết. Vi Giả nhắc chuyện miễn tử bài, cho rằng Thần kiêu dũng nếu có người trầm tĩnh giúp đỡ tất có ngày khôi phục được uy danh quốc gia. Sở Vương vội ban lệnh ân xá nhưng Thần đã chết.

(13) Tấn Văn Công: Một trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, đối thủ của Thành Đắc Thần.

(14) (15) Dương Can, Ngụy Giáng: chưa biết là ai.

(16) Gia Cát Cẩn anh ruột Gia Cát Lượng, đại thần Đông Ngô.

(17) Lý Nghiêm, lúc Lưu Bị chết, lấy Lý Nghiêm là cố mệnh đại thần, phong làm Trung Đô hộ lưu thủ Vĩnh An cung. Lý Nghiêm đổi tên là Lý Bình.

(18) Lý Nghiêm vốn người Nam Dương, đồng hương với Trần Chấn.

QUYỂN 10 - LƯU BÀNH LIÊU LÝ LƯU NGỤY DƯƠNG TRUYỆN

*Lưu Phong, Bành Dạng, Liêu Lập, Lý Nghiêm, Lưu Diễm, Ngụy Diên,
Dương Nghi.*

BÀNH DẠNG TRUYỆN

Bành Dạng tự Vĩnh Niên, người Quảng Hán, mình cao tám thước, dung mạo rất tuấn tú, tính cách kiêu ngạo, coi thường phần lớn mọi người, riêng chỉ kính trọng Tần Tử Sắc ở cùng quận. Viết thư tiến cử (Tần Mật) với Thái Thú Hứa Tĩnh rằng: "Xưa Cao Tông mơ Phó Thuyết⁽¹⁾, Chu Văn cầu Lữ Thượng⁽²⁾. Do vậy đến thời Hán Tổ mới thu nạp những người ăn lộc cả từ trong đám người áo vải. Nhờ đó mà khởi xướng được nghiệp đế vương truyền lại cho đời sau chấp nối chấn hưng huân nghiệp của mình. Nay Minh Côngnghiêm trang khảo sát cổ học đến tận cùng, lại được tận linh thuận cho nắm giữ quyền hành. Làm việc công lưu lại đức sáng, cư xử chớ dứt đường ân trạch. Miếu thiêng xây từ chỗ ban đầu, đạo nghĩa phẩm bình ngay từ thưở mới dựng lên. Chỉ có điều lông cánh còn chưa đủ vậy⁽³⁾. Kính xem đến ẩn sĩ Tần Mật ở Miên Trúc, trong lòng có chứa đức lớn của Trọng Sơn⁽⁴⁾, việc làm có tính chính trực của Tuyền Sanh⁽⁵⁾. (Ông ta) Gối đầu lên đá, uống nước dưới sông, ngâm vịnh giữa cảnh cơ hàn, giữ yên đường lối nhân nghĩa, an nhiên thắp sáng vùng khí hạo nhiên, khí phách cao thượng, hành sự tiết tháo, giữ lòng không suy suyển, dù là ẩn sĩ thời xưa cũng không hơn được vậy. Nếu Minh Công có thể vờ được người này thì tất có được người danh dự lỗi lạc biết nói lời trung trực. Công nghiệp to lớn, lợi ích sâu dày, tạo nên thành tích lập được huân lao, rồi mới được ghi lại thành từ nơi Vương Phủ, thanh danh truyền đến đời sau, cũng chẳng phải tốt lắm sao!"

Dạng ra làm quan ở châu, chức vị chẳng qua Thư Tá. Sau lại bị mọi người dèm pha chê bai với Châu Mục Lưu Chương. Chương cắt tóc đóng gông Dạng như tội đồ bị bắt. Lúc ấy Tiên Chủ vào Thục, ngược sông đi lên phía bắc. Dạng muốn dâng lời thuyết phục Tiên Chủ, bèn đến yết kiến Bàn Thống. Thống với Dạng không quen biết nhau từ trước, lại đúng lúc có khách đến, Dạng đi thẳng lên giường Thống mà nằm, bảo Thống rằng: "Chờ hết khách rồi cùng ngài đàm luận hay hơn." Khi khách của Thống về hết, Thống đến gần chỗ Dạng ngồi, Dạng lại đòi Thống cho ăn, rồi mới

đàm luận. Lại nhân đó ngủ lại trong nhà Thông đến hôm sau. Thống rất quý Dạng mà Pháp Chính vốn trước cũng đã biết Dạng. Hai người bèn cùng chiêu dụ Dạng cho Tiên Chủ. Tiên Chủ cũng lấy làm lạ, mấy lần ra lệnh cho Dạng giảng giải thuyết minh việc quân cơ, chỉ bảo cho các tướng. Những người nhận lệnh sai khiến đều khen ngợi, hiểu biết mỗi ngày một tăng thêm. Sau khi bình định Thành Đô, Tiên Chủ lĩnh chức Ích Châu Mục, đề bạt Dạng làm Trị Trung Tông Sự. Dạng bước đầu thăng tiến, một sớm đã thành ra bậc trên của người trong châu, dáng vẻ ngạo mạn phóng túng, rất hay tỏ thái độ vênh vang tự mãn. Gia Cát Lượng bề ngoài qua lại chào mời Dạng nhưng bên trong không hoà hợp thân thiện, thương mật nói với Tiên Chủ, Dạng lòng lớn chí cao, khó có thể gìn giữ yên ổn được. Tiên Chủ đã kính trọng tin tưởng Lượng bèn tăng cường kiểm tra hành vi của Dạng, tình cảm dần dần thưa thớt, cuối cùng giáng chức Dạng làm Giang Dương Thái Thú.

Dạng nghe tin phải ra ngoài đảm đương công việc, trong lòng không vui, bèn đến thăm Mã Siêu. Siêu hỏi Dạng rằng: "Ông tài năng đầy đủ, ưu tú hơn người. Chúa Công đối đãi rất đặc biệt. Địa vị đang cùng với Khổng Minh, Hiếu Trực các người đều chân ngang hàng cùng bước, lẽ nào lại phải ra ngoài nhận một quận nhỏ, làm lỡ làng niềm trông ngóng của mọi người ngày nay vậy?" Dạng nói: "Lão Cách lú lẫn ngang ngược, đáng để lại bàn đến chăng!"

Dương Hùng⁽⁶⁾ phương ngôn nói: Kê, Tai, Can, Đô, Câu, Cách ấy là già (lão) đó. Quách Phác⁽⁷⁾ chú giải rằng: Người già da và lông trên cơ thể đều khô héo, tiêu tụy. Thần Tùng Chi thấy da bỏ hết lông gọi là Cách (da thuộc). Người xưa thường dùng Cách (da thuộc) để dùng trong việc binh, vì vậy mới có chữ Binh Cách (chỉ áo giáp hoặc việc quân). Chữ Cách dùng giống như chữ Binh. Dạng chữ Bị là Lão Cách giống như nói Lão Binh (tên lính già).

Lại bảo Siêu rằng: "Ngài ở ngoài, tôi ở trong, thiên hạ không đủ để an định hay sao." Siêu bị bó buộc lúc xa nhà mới theo về, vẫn thường có ý lo

sợ, nghe lời Dạng rất kinh hoàng, lặng im không đáp. Dạng đi về, Siêu làm biểu kể rõ lời Dạng. Dựa vào đó bắt Dạng giao cho Hữu ti.

Dạng ở trong ngục viết thư gửi Gia Cát Lượng rằng: "Kẻ hèn này trước từng phụng sự cho các chư hầu. Chỉ vì Tào Tháo bạo ngược, Tôn Quyền vô đạo, Chấn Uy⁽⁸⁾ u mê hèn yếu, đương thời chỉ mình Chúa Công có khi độ vương bá cho nên tôi bèn máu chổng thay đổi, coi khinh việc tiến thân. Khi Chúa Công sang tây, kẻ hèn này nhờ Pháp Hiếu Trực khoe khoang hộ cho, lại được Bàng Thống ở giữa châm chước, cuối cùng được tới bái phỏng Chúa Công, khoa chân múa tay bàn bạc, Phân tích công việc thời thế, giảng giải đạo nghĩa vương bá, xây dựng kế hoạch giành lấy Ích Châu. Chúa Công cũng dự tính già dặn, suy nghĩ sáng suốt, liền đồng ý ngay rồi khởi sự. Kẻ hèn này ở châu quê đây không tránh được thói thường, vẫn buồn rầu vì nỗi khổ bị vu hãm, nay bỗng được gặp hội gió mây, bắn tên trúng đích, cầu minh chúa được minh chúa, thực hiện được nguyện vọng, hiển lộ được tiếng tăm. Từ trong đám áo vải cất mình thành quốc sĩ, riêng trộm nghĩ lầm mình là kẻ tài ba. Phận làm con được đối đãi nồng hậu như thế, ai lại còn hơn được nữa.

Thần Tùng Chi nghĩ: "Phận làm con được đối đãi nồng hậu" câu này là Dạng nói Lưu Chủ lấy ân tình sâu nặng dành cho con cái mà đối xử với mình. Vì vậy đoạn sau của thư này có chỗ viết rằng: "Phụ bạc người cha từ ái của mình, tội đáng trăm lần chết".

Dạng một sớm điên rồ bội bạc, tự mong bị bằm vằm làm con quỷ bất trung bất nghĩa. Tổ tiên ta có câu rằng tai trai giữ bản đồ thiên hạ, tay phải tự đâm vào yết hầu, dù là thằng ngu cũng không làm. Hống chi kẻ hèn này còn hơi biết phân biệt đâu là gạo, đâu là đõ! Sở dĩ có ý dường như oán vọng, không tự do lường lấy thân, cầu thả nghĩ mình là người quan trọng trong cuộc trung hưng mà có lời đàm luận lúc sắp đến Giang Dương, là vì không hiểu ý của Chúa Công, tình cảm đột nhiên kích động, lại có phần ngấm hơi men, thật đã lỡ lời nói ra chữ "lão". Đây là chỗ nông cạn dốt nát thấp kém trong suy nghĩ của kẻ hèn này vậy. Chúa Công thật ra chưa già. Vả chẳng người xây đại nghiệp há ở chỗ già hay trẻ. Tây Bá⁽⁹⁾

tuổi đến chín mươi, trong khoảng ấy có lúc chờ ý chí suy sệt hay sao. Phụ bạc người cha từ ái của mình, tội đáng trăm lần chết vậy. Đến như lời nội ngoại⁽¹⁰⁾, chỉ là mong khiến cho Mạnh Khởi lập được công lao nơi các châu phương bắc, chung sức với Chúa Công, cùng đánh Tào Tháo mà thôi, há dám có ý gì khác đâu? Mạnh Khởi giảng giải câu ấy nhưng mà không phân biệt ý nghĩa bên trong, thật làm cho người ta phải đau lòng vậy. Xưa tôi với Bàng Thống thường cùng thề ước, gần như theo sau dấu chân túc hạ, tận tâm với sự nghiệp của Chúa Công, đuổi theo thanh danh người đời trước, ghi lại công tích vào tre lụa. Thống bất hạnh đã mất, kẻ hèn nay hư hỏng tự chuốc lấy tai hoạ. Đây là do mình huỷ hoại lấy mình, lại còn oán trách được ai! Túc hạ là Y, Lữ thời nay nên cùng Chúa Công mưu tính công việc cho thật tốt, làm nên đại sự. Trời soi tỏ đất chứng minh, thần linh có thiêng liêng, xét kỹ lời tôi nói lúc này! Kính khiến cho túc hạ hiểu rõ chân tình của kẻ hèn này mà nỗ lực hành sự vậy. Bảo trọng! Bảo trọng!”

Dạng bị tội chết, lúc ấy mới ba mươi bảy tuổi.

LƯU PHONG TRUYỆN

Lưu Phong, vốn là con của La hầu họ Khấu, là cháu ngoại của Lưu thị ở Trường Sa. Tiên chủ đến Kinh châu, bởi chưa có người kế tự, mới nhận Phong làm con nuôi. Khi Tiên chủ vào Thục, từ Hà Manh quay về tấn công Lưu Chương, bấy giờ Phong mới ngoài hai mươi tuổi, có võ nghệ, khí lực hơn người, được cầm binh cùng với bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi ngược sông tiến về phía Tây, thắng trận ở xứ ấy. Ích châu đã định, Tiên chủ lấy Phong làm Phó quân Trung lang tướng.

Khi trước, Lưu Chương phái người ở Phù Phong là Mạnh Đạt làm phó cho Pháp Chính, mỗi người mang theo hai nghìn người, sai đến nghênh đón Tiên chủ⁽¹¹⁾, Tiên chủ nhân đó lệnh cho Đạt lĩnh số binh ấy, lưu lại đóng ở Giang Lăng. Sau khi bình Thục, lấy Đạt làm Thái thú Nghi Đô. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, lệnh cho Đạt từ phía Bắc Tỳ Quy tấn công Phòng Lăng, Thái thú Phòng Lăng là Khoái Kỳ bị quân của Đạt giết tại chỗ, Đạt lại tiến công Thượng Dung, Tiên chủ sợ một mình Đạt khó nên việc, bèn sai Phong từ Hán Trung xuôi theo Miện Thủy hợp với quân của Đạt, cùng với Đạt hội quân ở Thượng Dung. Thái thú Thượng Dung là Thân Đàm dẫn binh sỹ ra hàng, đưa vợ con cùng họ tộc đến ở Thành Đô⁽¹²⁾. Tiên chủ thăng Đàm làm Chinh Bắc tướng quân, lĩnh chức Thái thú Thượng Dung tước Viên hương hầu như cũ, lấy em của Đàm là Nghi làm Kiến tín tướng quân, Thái thú Tây Thành, đổi Phong làm Phó quân tướng quân.

Bởi Quan Vũ vây Phàn Thành-Tương Dương, liên tục gọi Phong-Đạt, lệnh phải phát binh trợ giúp. Phong-Đạt từ chối rằng sơn quận mới theo về, chưa dám kinh động, không theo lệnh Vũ. Đến khi Vũ bại trận, Tiên chủ oán giận hai người. Gặp lúc Phong với Đạt giận nhau bất hoà, Phong định cướp cờ và trống của Đạt⁽¹³⁾. Đạt đã sợ tội, lại căm giận Phong, bèn dâng biểu từ biệt Tiên chủ, dẫn binh ở đó tới hàng Ngụy.

Ngụy lược chép lại bài biểu từ giã Tiên chủ của Đạt rằng: “Cúi mong điện hạ sớm dựng nghiệp Y-Lã, theo được công nghiệp của Hoàn-Văn⁽¹⁴⁾, khởi đầu đại sự, mượn thế Ngô-Sở, bởi thế được những kẻ sỹ nhìn xa hiểu

rộng theo về⁽¹⁵⁾. Thần từ lúc theo về đến nay, tội lỗi chất chồng như núi, thần còn tự biết như thế, huống hồ bậc quân vương! Nay vương triều hưng thịnh, anh tài đầy rẫy, mà thần thì trong không có tài phò tá, ngoài không đủ tài làm tướng, thế mà được xếp vào hạng công thần, tự lấy làm hổ thẹn lắm vậy. Thần nghe rằng Phạm Lãi biết lui về ở ẩn, chu du nơi Ngũ Hồ; Cữu Phạm tạ tội, quanh quẩn trên sông⁽¹⁶⁾. Ôi, khi gặp gỡ xum họp, cũng là lúc xin khất thân bá biệt. Là có vì sao? Ấy bởi đã biết sâu sắc đến cái lẽ tiến lui tan hợp vậy. Phương chi thần là kẻ ti bỉ, chẳng có công lao to lớn, đem thân vương vào việc đời, trộm ái mộ các bậc tiên hiền, nghĩ sâu xa lại càng thêm xấu hổ. Xưa Thân Sinh chí hiếu mà bị người thân ngờ vực, Tử Tư chí trung mà bị quân vương tru diệt, Mông Điền mở mang bờ cõi mà chịu đại hình, Nhạc Nghị phá Tề mà vô cớ bị kẻ nịnh thần xúc xiểm dèm pha⁽¹⁷⁾, thần mỗi khi đọc sách ấy, không khỏi cảm khái bụi ngùi rơi lệ, mà nay thân mình cũng như vậy, lại càng cảm thấy xa xót thương đau. Vì sao đây? Việc Kinh châu nghiêng đổ, đại thần thất tiết, trăm người không về được một. Thần nghĩ rằng, tự trả lại đất Phòng Lăng-Thượng Dung, mà giữ lấy tấm thân, buông mình tại ngoại. Cúi mong điện hạ rửa thánh ân, xót thương tâm cảnh của thần, mà đoái thương cho việc thần đã làm vậy. Thần là kẻ tiểu nhân, chẳng thể thủy chung, biết sai mà vẫn làm, đâu dám chối mình không có tội! Thần thường nghe rằng tuyệt giao thì không nói xấu nhau, kẻ bầy tôi bỏ đi cũng chẳng nên ta oán, thần nhớ lời người quân tử dạy thế, mong quân vương hãy cố gắng lên.”

Nguy Văn đế khen Đạt có phong tư tài mạo, lấy làm Tán kỵ Thường thị, Kiến vũ tướng quân, phong làm Bình Dương Đình hầu. Lại gộp ba quận Phòng Lăng-Thượng Dung-Tây Thành làm quận Tân Thành, lấy Đạt làm Thái thú Tân thành. Rồi phái Chinh nam Tướng quân Hạ Hầu Thượng, Hữu tướng quân Từ Hoảng cùng với Đạt đánh Phong.

Đạt gửi thư cho Phong rằng: “Cổ nhân có câu: ‘Sơ bất gián thân, tân bất gia cữu⁽¹⁸⁾. Thế nên người trên sáng suốt mà kẻ dưới chính trực, thì lời dèm pha nhằm nhí chẳng thể được thi hành. Còn như bậc quân chủ quyền biến quỷ quyệt, dù là cha hiền yêu con, thì dầu có là trung thần có công cũng lo

mắc hoạ, hiếu tử có lòng nhân cũng gặp nguy nan, Chung-Thương-Bạch Khởi-Hiếu Kỳ-Bá Kỳ, đều là hạng ấy vậy⁽¹⁹⁾. Những việc như thế, chẳng phải cốt nhục dính liền, chung vui chung lo trong hoạn nạn hay sao. Ngờ rằng khi lòng yêu đã hết thì tình thân sẽ đổi thay, cũng là lúc có lời gièm pha ly gián, dầu biết trung thần chẳng thể rời bỏ chúa, hiếu tử chẳng thể lìa cha. Song vì cái lợi hơn người, thân thích còn biến ra thù nghịch, huống chi chẳng phải là kẻ thân gần! Xưa kia Thân Sinh-Vệ Cấp-Ngự Khấu- Sở Kiến ở cái thế nhận ngôi kế thừa, đang được lập làm nối tự chính thống, mà còn như thế⁽²⁰⁾. Nay túc hạ cùng Hán Trung Vương, về đạo lý chỉ là kẻ qua đường mà thôi, thân chẳng phải cốt nhục mà nắm giữ thế nắm quyền, nghĩa chẳng phải vua tôi mà ở ngôi cao, chinh chiến lập uy ở xa thì bị đối xử thiên lệch, ở gần chỉ giữ danh hiệu Phó quân, xa gần đều nghe được như thế. Bởi đã lập A Đẩu làm Thái tử, những kẻ có tri thức đều thấy lạnh lòng. Nếu như Thân Sinh theo lời Tử Dư, hẳn đã làm thái bá; Vệ Cấp nghe mưu của em, chẳng phụ thân nào có thể trách chê⁽²¹⁾. Lại như Tiểu Bạch bôn tẩu ra ngoài, khi trở về được làm Bá; Trùng Nhĩ vượt tường, mà sau này phục nghiệp⁽²²⁾. Tự xưa đã thế, chẳng phải chỉ bây giờ mới có vậy. Kẻ có trí quý ở chỗ tránh được hoạ, sáng suốt hơn người ở chỗ sớm thấu hiểu lý lẽ; kẻ hèn này liệu rằng Hán Trung Vương lo việc yên định bên trong, mà ngờ vực kẻ ở bên ngoài; lo việc yên định thì trong lòng cố chấp, ngờ vực kẻ khác thì sinh lòng sợ hãi; hoạ loạn dấy lên, chưa bao giờ không phải là ở lúc phế lập vậy. Cái tình đời oán giận riêng tư, chẳng thể nào không thấy, sợ rằng tả hữu tất có kẻ dèm pha với Hán Trung Vương vậy. Thế thì vì nghi ngờ nên khi nghe lời oán giận, lời ấy tự nhiên sẽ như rót vào tai. Nay túc hạ ở xa, bề trên có thể giả vờ vỗ về nhất thời; nhược bằng đại quân tiến tới, túc hạ quay về mà chẳng có chỗ dựa, thiết tưởng cái nguy đã cận kề. Xưa Vi Tử bỏ nhà Ân, Trí Quả lìa tông tộc, là lìa mối nguy tránh tai vạ, cũng đều là như thế đấy⁽²³⁾. Nay túc hạ quên bỏ cha mẹ mà theo người khác, là phi lễ vậy; biết hoạ sắp tới mà vẫn lưu lại, là bất trí vậy; thấy lẽ phải chẳng theo mà còn ngờ vực, là phi nghĩa vậy. Tự hào là kẻ trượng phu, mà phạm ba điều ấy, sao còn đáng trọng đây? Cứ như cái tài của túc hạ, nếu liêu thân

sang đông, kế nghiệp La hầu, ấy là không bội bạc với người thân; ngoảnh mặt về bắc thờ vua, là đúng với kỷ cương, đó là không quên gốc cũ vậy; giận mà không loạn, để tránh nguy vong, đó là không phạm tội vậy. Lại thêm bệ hạ mới nhận ngôi trời⁽²⁴⁾, khiêm tốn bao dung, lấy đức phủ khắp nơi xa, nếu túc hạ mau chóng hưởng về, chẳng phải chỉ ngang bằng với kẻ hèn này, được nhận phong ba trăm hộ, nối theo cai trị La quốc mà thôi, mà còn chẻ phù với đại bang, làm một tân vương⁽²⁵⁾. Bệ hạ là đại hoàng đế, chấn động cổ kim, nay đương chuyển quân ra vùng Uyển-Đặng; nếu hai kẻ địch kia chẳng chịu khuất phục⁽²⁶⁾, binh sĩ sẽ chẳng quay về. Túc hạ nên nhân lúc này sớm định kế hay. Kinh Dịch có câu: ‘Lợi kiến đại nhân⁽²⁷⁾’; Kinh Thi có câu: ‘Tự cầu đa phúc⁽²⁸⁾’, chính là như vậy đó. Nay túc hạ gắng theo đường đúng, chớ nên bắt chước Hồ Đột đóng cửa không ra đến bên ngoài.”

Phong không nghe lời Đạt.

Quốc Ngữ chép: Trí Tuyên tử sắp lập Dao làm con nối tự, Trí Quả nói: “Chẳng bằng lập Tiêu vậy”. Tuyên tử nói: “Tiêu vốn ngang ngược”. Đáp rằng: “Tiêu chỉ ngang ngược ngoài mặt mà thôi, Dao có năm điều hơn người, lại có một điều chẳng bằng người ta vậy. râu đẹp mà dài là hơn người, đánh xe bắn cung đều tài là hơn người, nhiều kỹ nghệ gồm đủ là hơn người, xảo trá biện bác lanh lẹ là hơn người, mạnh mẽ cương nghị quả cảm là hơn người, đã thế lại vô cùng bất nhân. Đã có năm điều lấn áp người ta, mà lại hành động bất nhân, thế thì còn ai mong đợi được gì nữa! Nếu quả quyết lập Dao, tông tộc họ Trí tất bị diệt!” Tuyên tử không nghe. Trí Quả bỏ tộc, đến quan Thái sử xin đổi làm họ Phụ. Lúc họ Trí diệt vong, duy chỉ có Phụ Quả được yên.

Thân Nghi làm phản Phong, Phong thua trận chạy về Thành đô. Thân Đàm ra hàng Ngụy, Ngụy tạm phong Đàm làm Hoài Tập tướng quân, rời đến Nam Dương, Nghi làm Thái thú Ngụy Hưng, tấn phong Chân hương hầu (Viên hương hầu), đóng quân ở Tuân Khẩu.

Ngụy lược chép: Anh của Thân Nghi tên là Đàm, tự Nghĩa Cử. Khi trước ở Tây Bình-Thượng Dung tụ tập được mấy nghìn binh, sau cùng với

Trương Lỗ thông đồng, lại sai sứ đến chỗ Tào công, Tào công ban thêm cho danh hiệu Tướng quân, nhân đó sai lĩnh chức Đô úy Thượng Dung. Đến năm Kiến An mất, vì bị Thục vây đánh, mới đem quận ấy lệ thuộc phương Tây⁽²⁹⁾. Năm Hoàng Sơ trung, Nghi lại về hàng⁽³⁰⁾, lập tức có chiếu ban cho Nghi tôn hiệu cũ của anh, nhân đó cho làm Thái thú Ngụy Hưng, phong tước Liệt hầu. Năm Thái Hòa trung, Nghi cùng với Mạnh Đạt bất hòa, mấy lần dâng tấu rằng Đạt có nhị tâm định về Thục, lúc Đạt làm phản, Nghi cắt đứt đường sang Thục, khiến quân cứu không tới được. Sau khi Đạt chết, Nghi đến Uyển Thành diện kiến Tư Mã Tuyên Vương, Tuyên Vương khuyên Nghi vào triều. Nghi đến kinh sư, có chiếu thăng Nghi lên làm Lôu thuyền tướng quân, việc ấy thuận lẽ thuận tình.

Phong về tới Thành Đô, Tiên chủ trách Phong đã xâm lấn Đạt, lại không cứu Vũ. Gia Cát Lượng lo rằng Phong vốn cương cường dũng mãnh, sau này thời thế đổi thay rút cục khó mà chế ngự nổi, khuyên Tiên chủ nhân việc ấy trừ bỏ đi. Bởi thế Tiên Chủ ban cho Phong cái chết, được tự xử. Phong than rằng: “Ta hận rằng không theo lời của Mạnh Tử Độ”. Tiên chủ vì lời ấy mà sa lệ. Đạt trước có tự là Tử Kính, vì kiêng tên chú của chú ruột Tiên chủ là Kính, mới đổi đi.

Con Phong là Lâm làm Nha môn tướng, năm Hàm Hi nguyên niên dời về Hà Đông. Con Đạt là Hưng làm Nghị đốc quân, năm ấy dời về Phù Phong.

LƯU ĐIỂM TRUYỆN

Lưu Điểm tự Uy Thạc, người nước Lỗ. Khi Tiên Chủ ở Dự Châu lấy Điểm làm Tòng Sự, lại coi là người cùng họ. Điểm tính cách phong lưu, giỏi đàm luận, được đối đãi nồng hậu như người thân cận. Sau tuý tùng Tiên Chủ đi khắp nơi giữ địa vị tân khách. Tiên Chủ bình định xong Ích Châu, lấy Điểm làm Cố Lãng Thái Thú. Khi Hậu Chủ lên ngôi, phong Điểm làm Đô Hương Hầu, ngôi vị thường sát dưới Lý Nghiêm, lĩnh chức Vệ Úy Trung Quân Sư Hậu Tướng Quân. Sau lại được phong làm Xa Kỳ Tướng Quân, nhưng không tham gia dự bàn việc nước, chỉ thống lĩnh hơn một nghìn quân, theo quan Thừa Tướng Lượng trào phúng những việc phải luận bàn. Xệ cổ, quần áo, ăn uống sử dụng thứ xa xỉ hoa lệ. Thị tỳ tính đến mười người, đều có tài tấu nhạc hát ca, tất cả lại còn được dạy dỗ ngâm ngợi Lỗ Linh Quang Điện Phú⁽³¹⁾. Năm Kiến Hưng thứ mười, Điểm bất hoà với Tiền Quân Sư Ngụy Diên, lời nói ngôn từ càn bậy hỗn hào vì thế bị Lượng trách mắng. Điểm gửi thư cho Lượng tạ lỗi rằng: "Điểm tôi bẩm sinh tính cách hảo huyền trống rỗng, thao lược trong công việc lại mỏng manh, hơn nữa mắc thói chìm đắm trong rượu chè. Từ thời Tiên Đế tới nay vẫn cứ đàm luận lung tung gần như sắp làm nghiêng ngả sự nghiệp. May nhờ Minh Công vốn cứ một lòng vì nước, nguyên lượng cho tỳ vết khiếm khuyết của tôi, dặt dìu giúp đỡ tôi vượt qua mọi sự, lại cấp cho bổng lộc địa vị thì mới có được ngày nay. Trong lúc say sưa mù mị, lời nói của tôi nhiều chỗ sai trái lỡ lầm. Nhờ ơn Minh Công bao dung kiên nhẫn với tôi, không đem ra xử phạt khiến cho tôi hoàn toàn giữ nguyên vẹn được mọi thứ, bảo tồn sinh mệnh. Tôi nay mong kiểm chế bản thân, tự trách lấy mình, sửa chữa lỗi lầm đến tận cùng. Xin thề với thần minh, nếu không thi hành được lời này thì không còn mặt mũi nào nhìn ai nữa." Do đó Lượng sai Điểm quay về Thành Đô, giữ nguyên chức vụ cũ.

Điểm mất hết ý chí thành ra cư xử mơ hồ. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, vợ Điểm là Hồ thị vào cung chúc mừng Thái Hậu. Thái Hậu ra lệnh đặc cách lưu Hồ thị ở lại trong cung, trải qua một tháng mới xuất cung về

nhà. Hồ thị có chút nhan sắc, Diễm ngờ (vợ mình) có tư tình với Hậu Chủ, gọi năm trăm người lính đến đánh Hồ. Sai lính dùng giày đập vào mặt vợ, rồi đuổi bỏ. Hồ kể lại mọi chuyện tố cáo Diễm. Diễm bị hạ ngục. Hữu Ti luận tội rằng: "Lính không phải để đánh vợ, mặt không phải là chỗ để giày xéo." Cuối cùng Diễm bị giết, phơi thây ngoài chợ. Cũng từ đó vợ, mẹ đại thần bị cấm vào triều chúc hạ.

LÝ NGHIÊM TRUYỆN

Lý Nghiêm tự Chính Phương, người ở Nam Dương. Khi còn trẻ làm chức lại ở quận, được khen là người có tài cán. Kinh châu mục Lưu Biểu liền sai Nghiêm đi kinh lý các quận huyện. Thời Tào công đến Kinh châu, Nghiêm coi việc ở Tỷ Quy, liền bỏ về phía Tây đến xứ Thục, Lưu Chương lấy làm Thành đô lệnh, xét ra cũng có danh vọng. Năm Kiến An thứ 18, tạm cất Nghiêm làm Hộ quân, để chống cự Tiên chủ ở Miên Trúc. Nghiêm dẫn binh sỹ đến hàng Tiên chủ, Tiên chủ phong Nghiêm làm Bì tướng quân. Thành đô đã định, lấy Nghiêm làm Kiện Vi thái thú, Hưng nghiệp tướng quân. Năm Kiến An thứ 23, bọn đạo tặc là Mã Tần-Cao Thắng cùng khởi sự ở Âm Thê. Tụ họp bộ tốt được hơn năm vạn người, tới thẳng huyện Tư Trung. Thời ấy Tiên chủ đang ở Hán Trung, Nghiêm chẳng cần thêm quân, chỉ cần tướng sỹ trong quận có hơn 5.000 người đến thảo phạt, chém được thủ cấp bọn Tần-Thắng. Dư đảng của giặc tan rã, thu phục được dân ở vùng ấy. Về sau Cao Định lại suất lĩnh các tộc người Di-Việt bao vây huyện Tân Đạo, Nghiêm lại đến cứu ứng, bọn giặc đều bị phá. Được ban thêm tước Phụ hán tướng quân, thống lĩnh các quận huyện như trước.

Năm Chương Vũ thứ hai, Tiên Chủ cho vời Nghiêm đến Vĩnh An cung, bái làm Thượng thư lệnh. Năm Chương Vũ thứ ba, tiên chủ bị bệnh nặng, Nghiêm cùng với Gia Cát Lượng đều nhận di chiếu phụ giúp ấu chủ; lấy Nghiêm làm Trung đô hộ, thống lĩnh việc quân sự trong ngoài, lưu binh giữ Vĩnh An. Năm Kiến Hưng nguyên Niên, phong làm Đô hươg hầu, ban cho giả tiết, thêm tước Quang lộc huân. Năm Kiến Hưng thứ tư, đổi phong làm Tiền tướng quân. Gia Cát Lượng dẫn binh ra Hán Trung, Nghiêm đảm đương việc hậu cần, đổi đến đóng binh ở Giang Châu, giao cho Hộ quân Trần Đáo trấn thủ Vĩnh An, thay cho việc của Nghiêm. Nghiêm gửi thư cho Mạnh Đạt rằng: “Ta với Khổng Minh đều vâng mệnh nhận sự ký thác, trách nhiệm nặng nề, mong mỗi có được một người bạn tốt”. Lượng cũng gửi thư cho Đạt nói: “Xử lý công việc trôi chảy, không hề ứ đọng, đó là Chính Phương.”

Trong Gia Cát Lượng tập có chép việc Nghiêm gửi thư cho Lượng, khuyên Lượng nên nhận cửu tích, tiến tước xưng vương. Lượng viết thư trả lời rằng: “Ta với túc hạ vốn biết nhau đã lâu, chẳng lẽ còn chưa thấu hiểu nhau! Túc hạ thẳng thắn dạy bảo việc chấn hưng đất nước, khuyên răn ta chớ câu nệ đạo lý, như thế thật chưa được phải lắm. Ta vốn là kẻ hèn sỹ ở phương Đông, bởi Tiên đế lầm dùng, cho ngôi vị nhân thần cực cao, ơn lộc kể hơn trăm vạn, nay việc thảo phạt quân giặc chưa thành, ơn tri ngộ chưa báo đáp được, sao miễn cưỡng so sánh được với những bậc tôn quý đời Tề-Tấn, lẽ ấy trái nghĩa vậy. Ví bằng đã diệt được Ngụy chém được Duệ (32), vua được trở về cố đô, khi ấy các vị tiến cử, dẫu thập tích cũng xin nhận, huống chi chỉ là cửu tích!”

Năm Kiến Hưng thứ 8, thăng chức Nghiêm lên Phiêu kỵ tướng quân. Năm ấy Tào Chân cất ba đạo quân nhằm vào hướng Hán Xuyên, Lượng sai Nghiêm dẫn 2 vạn quân đến Hán Trung chi viện. Lại viết biểu sai con của Nghiêm là Phong giữ chức Đô đốc Giang Châu đốc xuất quân mã xứ ấy, lo việc ở phía sau thay Nghiêm. Lượng định năm sau xuất quân, mới dâng biểu để Nghiêm coi việc trong phủ Trung đô hộ. Nghiêm đổi tên thành Bình.

Năm Kiến Hưng thứ chín, quân Lượng lại ra Kỳ Sơn, Bình đốc trách việc vận chuyển lương thực. Đến cuối hạ đầu thu, trời đổ mưa dầm, việc vận lương không được đều đặn, Bình phái Tham quân Hồ Trung, Đốc quân Thành Phan truyền dụ chỉ (33), gọi Lượng trở về; Lượng vâng mệnh lui binh. Bình nghe tin đại quân đã lui, bèn tỏ ra kinh hãi, nói rằng “quân lương vẫn đầy đủ, sao lại rút quân về!” những muốn bày tỏ rằng mình chẳng có lỗi gì, như thế Lượng tất chẳng thể ắt tội mình. Lại viết biểu tâu Hậu chủ, nói rằng: “Quân ta lui binh là mưu kế, ấy là muốn dụ địch để quyết chiến”. Lượng về đem hết cả những thư từ có thủ bút của Bình trước sau về việc ấy xem xét, Bình trái mệnh có lỗi thế nào đều được phân tỏ rõ ràng. Bình hết đường chối cãi, phải cúi đầu nhận tội.

Lượng viết biểu kể tội Bình rằng: “Từ khi Tiên đế qua đời đến nay, Bình luôn quản việc ở gần nhà, cho rằng ở ngôi cao mà được ơn huệ nhỏ, mới an

thần cầu danh, không chăm lo việc nước. Đương khi thần xuất quân Bắc phạt, muốn để Bình nắm quân giữ Hán Trung, Bình thấy khó khăn liền bỏ ngang, nghĩ rằng việc không như ý mình, yêu cầu được làm Ba châu thứ sử cai quản năm quận. Năm trước thần muốn Tây chinh, mới vời Bình chủ đến đốc xuất việc ở Hán Trung, Bình lại nói rằng bọn Tư Mã Ý đã mở chiêu phủ (34). Thần biết Bình ty bỉ hẹp hòi, muốn nhân việc ấy để để bức bách thần hòng thủ lợi riêng, bởi thế thần đã dâng biểu phong cho con Bình làm đô đốc Giang Châu, khoản đãi hậu hĩnh, muốn nhân đó để được việc lúc nhất thời. Ngày Bình đến, thần đã uỷ thác mọi việc, quần thần trên dưới đều lấy làm lạ sao thần lại đối đãi với Bình quá hậu. Chính bởi đại sự chưa định, Hán thất còn nghiêng lệch nguy nan, nếu phạt Bình vì lỗi nhỏ, chẳng bằng khen ngợi Bình ở chỗ hơn người (35). Như vậy thì cái tình của thần với Bình còn hơn cả vinh lợi (36) nữa, ngờ đâu được tâm trí Bình đảo điên đến thế. Mọi sự trì trệ, cầu thả gây hoạ, như thế thần quả chẳng biết sáng suốt nhìn người, nói nhiều càng thêm xấu hổ.”

Hậu chủ bèn phế Bình làm thứ dân, đày ra quận Tử Đồng.

Năm Kiến An thứ 12, Bình hay tin Lượng mất, phát bệnh mà chết. Bình vẫn mong mỏi Lượng còn sống tất sẽ lại bổ dụng mình, nghĩ rằng người sau chẳng làm việc ấy, cho nên bi phẫn vậy. Con Bình là Phong làm quan đến chức Thái thú Chu Đế.

(Trong bản dịch bỏ đi một đoạn chú dẫn của cụ Tùng Chi dẫn lời ông Tập Tạc Xi khen ngợi Lượng và bài chiếu xin xử tội Bình, bởi lời lẽ gần giống với ý văn mà cụ Trần Thọ đã dẫn)

NGUY DIÊN TRUYỆN

Nguy Diên tự Văn Trường, người ở Nghĩa Dương. Từng làm bộ tướng đã theo Tiên chủ vào Thục, lập nhiều chiến công, được thăng làm Nha môn tướng. Khi Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, đóng dinh ở Thành Đô. Lúc bấy giờ cần một tướng giỏi trấn giữ Hán Xuyên, mọi người đều bàn luận cho rằng tất sẽ là Trương Phi, Phi cũng nghĩ như vậy. Tiên chủ lại đề bạt Diên làm đô đốc Hán Trung, tước Trấn Viễn tướng quân, Hán Trung thái thú, mọi người đều kinh ngạc. Tiên chủ họp quần thần, hỏi Diên rằng: “Nay uỷ thác cho khanh giữ trọng trách này, khanh cảm thấy thế nào?” Diên đáp rằng: “Nếu Tào Tháo cử quân thiên hạ đến, thần sẽ vì đại vương mà kháng cự; nếu cử một viên thượng tướng dẫn 10 vạn quân đến, thần sẽ vì đại vương mà nuốt gọn” Tiên chủ khen hay, mọi người đều cho rằng lời ấy là hùng tráng. Tiên chủ xưng đế hiệu, tiến cử Diên làm Trấn Bắc tướng quân. Năm Kiến Hưng nguyên niên, Diên được phong làm Đô đình hầu. Năm Kiến Hưng thứ năm, Gia Cát Lượng đóng quân ở Hán Trung, đổi Diên làm đô đốc quân tiên phong, lĩnh chức tư mã, Lương châu thứ sử. Năm Kiến Hưng thứ tám, sai Diên đi về phía Tây vào sâu xứ Khương, Hậu tướng quân nhà Nguy là Phí Dao (Diệu) cùng Ung châu thứ sử Quách Hoài cùng với Diên đại chiến ở Dương Khê, Diên đại phá Quách Hoài, được bổ thêm chức tiền quân sư Chinh tây đại tướng quân, được thêm tước Nam Trịnh hầu.

Diên thường theo Lượng ra quân, muốn xin riêng một vạn tinh binh, men theo đường đẽ hẻm hội quân (với Lượng) ở Đồng Quan, như việc năm xưa của Hàn Tín, Lượng nhất định không cho, Diên vẫn thường nói Lượng nhút nhát, than thở rằng tài của mình chẳng được dùng hết”.

Nguy lược viết rằng: Hạ Hầu Mậu làm An Tây tướng quân, giữ ở Tràng An, Lượng ở Nam Trịnh cùng các tướng bàn định kế sách, Diên nói rằng: “Nghe nói Hạ Hầu Mậu còn ít tuổi, là con rể của chủ, hèn nhát mà vô mưu. Nay cấp cho tôi 5.000 tinh binh, 5.000 quân tải lương, tôi thẳng theo lối Bao Trung tiến ra, men theo Tần Lĩnh nhằm hướng Đông mà đến, lại theo

hướng Tý Ngọ mà tiến về Bắc, bất quá chỉ 10 ngày có thể đến được Tràng An. Mậu thấy Diên tới đến bất ngờ tất gióng ngựa bơi thuyền bỏ chạy. Như thế trong thành Tràng An chỉ còn bọn ngự sử, kinh triệu, thái thủ coi giữ, ở Hoàn môn, Đề các dân tất chạy náo loạn, ắt ta chiếm được hết cả lương thực vậy. Địch quân từ phía Đông tiến lại cũng phải mất 20 ngày, khi ấy tướng quân đã theo lối Tà Cốc mà đến, tất cũng kịp vậy. Như thế, chỉ một lần vọng động mà từ Hàm Dương về phía Tây có thể định được vậy”. Lượng lo rằng kế ấy nguy hiểm, chẳng bằng cứ yên ổn theo đường thẳng mà tiến, có thể lấy Lũng Hữu, thập toàn có thể khắc địch mà chẳng phải lo lắng gì, bởi thế không dùng kế của Diên.

Diên khéo dưỡng sĩ tốt, dũng mãnh hơn người, lại có tính kiêu căng, lúc bấy giờ người dưới đều có ý kiêng dè. Chỉ có Dương Nghi không theo ý của Diên, Diên rất lấy làm tức giận, hai người ấy thường như nước với lửa. Năm Kiến Hưng thứ 12, Lượng xuất quân theo lối Tà Cốc, lấy Diên làm tiên phong. Diên ở cách xa quân doanh của Lượng chừng 20 dặm, Diên mộng thấy trên đầu mọc sừng, nhân thế mới hỏi quan chiêm bốc là Triệu Trực, Trực nói dối Diên rằng: “Giống Kỳ Lân trên đầu cũng có sừng mà đại dụng, ấy là điềm chẳng cần phải đánh mà giặc tự tan vậy.” Rồi cáo lui về nói với người khác rằng: “Chữ Giốc chiết tự, là dùng ở dưới đao, trên đầu có đao, ấy là điềm rất dữ.”

Mùa thu, Lượng bị bệnh nặng, bí mật cùng Trưởng sử Dương Nghi, Tư mã Phí Vỹ, Hộ quân Khương Duy rằng sau khi mình chết sẽ lui quân, sai Ngụy Diên đoạn hậu, tiếp nữa là Khương Duy, nhược bằng Diên không vâng mệnh, cứ tự dẫn quân rút về. Lúc Lượng mới mất, các tướng bí mật không phát tang, Nghi lệnh cho Phí Vỹ tới thăm dò ý tứ Diên. Diên nói: “Thừa tướng tuy mất đi, nhưng ta vẫn còn đây. Vậy chỉ nên phái phủ quan lo việc tang lễ đưa thi thể thừa tướng về chôn cất, ta sẽ thống suất ba quân đánh giặc, hà cớ gì vì một người chết đi mà phải phứt bỏ việc lớn thiên hạ nhỉ? Và lại Diên ta là người thế nào, sao có thể chịu sự chỉ huy của Dương Nghi, để nhận việc đi đoạn hậu như vậy sao!” Thế rồi cùng với Vỹ bàn chuyện theo về hay ở lại, sai Vỹ viết thư cùng với mình ký tên, thông báo

với chư tướng. Vỹ nói dối Diên rằng: “Bây giờ tôi trở về nói lại với Dương Trường sử, Trường sử nghe thấy như thế, vốn ít trải việc quân, ắt chẳng theo mệnh trước nữa vậy.” Lúc Vỹ ra khỏi cửa vội vã ruổi ngựa trở về, Diên mới hối hận, đuổi theo thì đã không kịp.

Diên sai người dò xét bọn Nghi, thấy mọi người vẫn theo mệnh trước của Lượng, các tướng trong doanh lần lượt dẫn quân trở về. Diên giận lắm, thấy Nghi mới đi chưa xa, mới khinh suất đốc quân theo lối tắt trở về Nam Cốc trước, đóng quân chặn đường đốt sạn đạo. Cả Diên và Nghi đều cùng dâng biểu kể tội phản nghịch của nhau, trong vòng một ngày, biểu văn khẩn cấp đưa về liên tiếp. Hậu chủ đem việc ấy hỏi Thị trung Đông Doãn, Lưu phủ Trường sử Tường Uyển, Uyển-Doãn đều bảo đảm cho Nghi mà ngờ vực Diên.

Bọn Dương Nghi phạt cây thông đường sạn đạo, hành quân đêm ngày, theo sau Diên. Diên đến trước, đóng ở Nam Cốc khẩu, phái binh đón đánh bọn Nghi, Nghi bèn lệnh cho Hà (Vương) Bình đến trước trận đánh Diên. Bình tiến lên mắng Diên rằng: “Thừa tướng mới mất, thi thể còn chưa lạnh, bọn người sao dám như vậy?” Binh sỹ của Diên nghe thấy biết lỗi đều ở Diên, chẳng ai theo mệnh nữa, quân sỹ đều tan đi cả. Diên bị cô lập mới dẫn con cái cùng mấy kẻ tay chân đào tẩu, chạy vào Hán Trung. Nghi sai Mã Đại đuổi theo chém được, đem thủ cấp dâng cho Nghi, Nghi đạp chân lên đầu Diên mắng: “Đồ nô tài, người còn làm ác được nữa chẳng?”. Lại muốn giết cả ba họ nhà Diên.

Khi trước, Tường Uyển dẫn quân túc vệ đi nhanh về Bắc tới doanh quân, còn cách hơn 20 dặm, hỏi thăm thì biết Diên đã chết, bèn lui về. Nguyên ý Diên chẳng phải về Bắc hàng Ngụy mà lại chạy về Nam, chỉ những muốn giết bọn Nghi mà thôi. Bình nhật Diên cùng chư tướng vốn có bất đồng, đương thời bàn luận rằng Diên tất là người thay Lượng. Việc vốn chỉ có như thế, chẳng phải là làm phản vậy.

Ngụy lược viết: Gia Cát Lượng bị bệnh, bảo bọn Diên rằng: “Sau khi ta chết, phải hết sức thận trọng, chớ có như thế nữa”. Lại sai Diên thay mình điều hành mọi việc, bí mật làm lễ tang và lui về. Diên nhân thế bèn giấu

việc ấy, lui binh về đến Bao khẩu mới phát tang. Trưởng sử Dương Nghi với Diên vốn bất hoà, thấy Diên nắm quyền quân sự, sợ bị hại, bèn nói phao lên rằng Diên muốn dẫn quân theo về phương Bắc, nhân đó dẫn quân đánh Diên. Diên vốn không có bụng dạ ấy, không đánh mà dẫn quân bỏ chạy, bị quân đuổi theo giết chết.

DƯƠNG NGHI TRUYỆN

Dương Nghi tự Uy Công, người ở quận Tương Dương, giữa thời Kiến An, làm Kinh Châu thứ sử giữ chức Phó quân chủ bộ, sau đến Tương Dương làm Thái thú cho Quan Vũ. Vũ đánh quân Tào, Nghi phụng mệnh đi sứ vào Tây Thục đến chỗ Tiên chủ. Tiên chủ cùng Nghi bàn luận quân quốc kế sách, phép tắc trị dân những điều được mất, rất hài lòng, nhân đó cho làm Tả tướng quân Bình tào duyện. Khi Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, đề bạt Nghi làm Thượng thư. Tiên chủ xưng tôn hào (đế), đồng chinh phạt Ngô, Nghi cùng với Thượng thư lệnh Lưu Ba bất hoà, bị giáng chức điều đến nơi xa làm Hoảng nông Thái thú.

Năm Kiến Hưng thứ ba, Thừa tướng Lượng lấy Nghi làm Tham quân, cho ở phủ sự, cùng tiến về Nam (Bình Man). Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Lượng đến Hán Trung. Năm Kiến Hưng thứ tám, Nghi được thăng làm Trưởng sử, thêm chức Tù quân Tương quân. Lượng mấy lần xuất quân, Nghi thường bày kế hoạch rõ ràng mạch lạc, lo liệu việc lương thảo, Lượng chẳng cần phải chỉ bảo nhiều, lại rất nhanh chóng và tiện lợi. Việc quân nhưng có khuôn phép, Nghi lo liệu rất khéo léo. Lượng rất tiếc tài cán của Nghi, cũng như sự kiêu dũng của Ngụy Diên, thường hận hai người ấy bất hoà, chẳng nỡ trách cứ thiên lệch để phế bỏ ai.

Năm Kiến Hưng thứ 12, Nghi theo Lượng đóng binh ở Tà Cốc. Lượng chết ở nơi đóng quân. Nghi dẫn binh lui về, giết chết Diên, tự cho rằng mình có công to, nên bấy giờ nghĩ rằng được thay Lượng nắm giữ đại quyền, mới sai Đô úy Triệu Chính lấy sách Chu Dịch ra bói cỏ thi, được quẻ Gia Nhân, thì yên lặng không hài lòng. Khi Lượng còn sống đã ngầm biết, Nghi có tính nhỏ nhen, có ý giao việc cho Tưởng Uyển, Uyển được làm Thượng thư lệnh, Ích châu thứ sử. Nghi về đến nơi, được phong làm Trung quân sự, không được thống lĩnh quân, rất nhàn hạ.”

Khi trước, thời Tiên chủ còn sống Nghi được làm Thượng thư, Tưởng Uyển chỉ làm Thượng thư lang, sau này Nghi đi theo Thừa tướng làm Tham quân Trưởng sử, mỗi khi theo trong quân, nhận việc lao khổ, tự nghĩ

mình làm quan trước Uyển, tài năng hơn hẳn, mới phần chí oán hận thể hiện rõ ra bên ngoài, than thở quát mắng ra lời. Bấy giờ mọi người sợ ngôn ngữ bất tiết, chẳng ai dám hòa theo, chỉ có Hậu quân Phí Vỹ tới thăm nom an ủi. Vỹ đến Nghi nói rằng rất oán hận, trước sau không thay đổi, lại bảo Vỹ rằng: “Lúc Thừa tướng mới mất, nếu ta dẫn quân theo về với họ Ngụy, có đâu chìm đắm như bây giờ, nay có hối hận cũng không kịp nữa rồi”. Y mặt dưng biểu kể rõ lời ấy. Năm Kiến Hưng thứ 13, phế Nghi làm dân thường, bắt dời đến ở quận Hán Gia. Nghi đến đó, lại gửi thư phỉ báng lên bề trên, lời lẽ gay gắt không phục, triều đình sai người đến bắt Nghi. Nghi tự sát, vợ con Nghi trở về Thục.

LIÊU LẬP TRUYỆN

Liêu Lập tự Công Uyên, người ở quận Vũ Lăng huyện Lâm Nguyên. Khi Tiên chủ lĩnh chức Kinh châu mục mới cho vời về làm tòng sự, khi ấy Lập chưa đến 30 tuổi, sau cất lên làm Trường Sa thái thú. Tiên chủ vào Thục, Gia Cát Lượng trấn giữ đất Kinh châu, Tôn Quyền sai sứ đến giao hảo với Lượng, nhân đó hỏi thăm những kẻ sỹ dọc ngang khắp xứ ấy là ai, Lượng thưa rằng: “Bàng Thống, Liêu Lập là lương tài ở đất Sở, gánh vác việc giúp chúa hưng nghiệp.” Năm Kiến An thứ 20, Quyền sai Lã Mông đánh lén ba quận phía Nam, Lập bỏ quan mà chạy, quay về chỗ Tiên chủ. Tiên chủ biết việc ấy song vẫn tiếp đãi ân cần, chẳng trách cứ gì, lấy làm Thái thú Ba quận. Năm Kiến An thứ 24, tiên chủ xưng làm Hán Trung vương, vời Lập về làm Thị trung. Hậu chủ kế vị, đổi Lập làm Trường thủy Thái úy.

Lập vốn nghĩ, mình có tài danh đáng làm phó cho Gia Cát Lượng, lại đổi xuống xếp bên dưới cả bọn Lý Nghiêm (37), vẫn thường tỏ ra ầm ức. Sau Thừa tướng muốn chọn người phó trợ giúp mình, (Lý Cáp), (Lý Thiệu), Tưởng Uyển đến, Lập phán rằng: “Thừa tướng đang ở nơi xa, người và mọi người hãy xét kỹ việc này. Trước kia Tiên chủ chẳng chịu lấy Hán Trung, lại cùng với người Ngô tranh giành ba quận phía Nam, rút cục ba quận ấy lại về với người Ngô, khiến việc lao dịch quan sai rất khó nhọc, vô ích lại phải về tay không. Đất Hán Trung mất đi (38), lại khiến cho Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp thâm nhập vào đất Ba, chỉ còn trông mong vào có một châu. Rồi mất cả Hán Trung, khiến Quan hầu một thân đơn chiếc chết đi chẳng còn gì, Thượng Dong cũng mất nốt, chỉ còn mỗi một phương. Ấy cũng vì Vũ cật danh tiếng oai dũng, làm việc quân vô pháp, lỗ mãng xúc phạm người ta, việc trước sau gì cũng như nhau vậy. Như Hướng Lăng, Văn Cung, là những kẻ phạm tặc. Cung làm Trị trung chẳng có cương kỷ gì; Lăng trước tôn sùng anh em Mã Lương, bảo là thánh nhân, giờ làm Trường sử, không được hợp đạo lý cho lắm. Trung lang Quách Diển tuổi đã cao, theo hòa với người, chẳng đủ để dự vào việc lớn nhà nước, thế mà lại được nhắc lên làm Thị trung. Nay thế nước suy yếu, ta muốn gánh vác việc cho

ba người ấy, mà chẳng được vậy. Lại còn Vương Liên là kẻ tục tằn, làm việc cầu thả bòn mót của dân, khiến bách tính mỗi một, hết thấy việc ngày nay là như thế đấy.” Cáp, Uyển thừa lại hết những lời ấy với Gia Cát Lượng. Lượng viết biểu (39) kể tội Lập rằng: “Trường thủy Thái úy Liêu Lập tự cho mình là quý hiển, phi báng chúng sỹ, công nhiên nói rằng quốc gia chẳng biết dùng kẻ hiền tài mà trọng dụng những kẻ tục lại, lại cho rằng hết thấy muôn người đều là bậc tiểu tử; phi báng cả Tiên đế, soi bói lỗi lầm huỷ hoại danh tiết chúng thần. Người ta nói vì quốc gia mà kén chọn binh sỹ, bộ ngũ phải phân minh, Lập tự tiến cử mình ở ngôi đầu, thế mà lại tức giận nói năng xằng bậy, phàm người như thế chẳng thể dùng được. Con dê chạy bừa bãi còn có hại, huống chi Lập gánh vác công việc ở ngôi cao, dùng người như thế thì người dưới làm sao phân biệt được thật giả thế nào?”

Trong Gia Cát Lượng tập có biểu của Lượng viết rằng: “Lập đi theo Tiên đế mà chẳng trung hiếu hết lòng, trấn giữ Trường Sa lại mở cửa đón giặc (40), cai quản Ba Quận làm việc ám muội khiến mọi sự rối ren, đối với bậc Đại tướng quân thì phi báng chê bai, với kẻ hầu cận trong cung lại kèn cựa ghét bỏ, với người cai quản chốn cung vi thì cho là kẻ hèn hạ. Sau này Bệ hạ tức vị (41), ban cho thêm chức hào, Lập lại suy bì với các tướng trong quân, đến gặp nói riêng với thần rằng: ‘Cớ gì mà ta phải cùng với chư tướng ở trong quân! Sao chẳng dâng biểu sai ta giúp công khanh, ở trên coi xét năm việc!’ Thần đáp: ‘Tướng quân, chớ so sánh như vậy. Đến bậc công khanh cũng thế thôi, Chính Phương cũng đâu hẳn là bậc công khanh. Và lại cũng nên phân định rõ năm việc vậy.’ Bởi thế về sau, Lập tấm tức oán hận mãi.” Hậu chủ bèn giáng chiếu rằng: “Đến ba lần làm loạn phép nước, mắc lỗi liên tiếp, Liêu Lập thật ngông cuồng, trẫm chẳng thể nhẫn nhịn phải ra hình, ngay lập tức đầy ải đến xứ cây không mọc được”.

Hậu chủ liền phế Lập làm dân thường, dời đến ở quận Vấn Sơn. Lập thân dẫn vợ con tự mình cấy ruộng, lúc nghe tin Gia Cát Lượng chết, liền phục xuống khóc than rằng: “Ta trọn đời làm kẻ mọi rợ ở với bọn cài vạt áo qua trái (42) mà thôi.” Sau này quân đội của Khương Duy hành quân qua Vấn

Sơn, đến thăm Lập, có khen rằng Lập chí khí chẳng hề suy giảm, nói năng
bàn xét rất tự nhiên. Sau Lập chết ở đất ấy. Vợ con trở về đất Thục.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Phó Thuyết: Đại thần phò tá vua Cao Tông nhà Ân Thương.
- (2) Lữ Thượng: Thượng Phụ Khương Thái Công vẫn quen gọi là ông Lã Vọng phò tá cha con Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương dựng lên nhà Chu.
- (3) Dịch thoát: Nguyên văn: 然而六翮未之备也: Nhiên nhi lục cách vị chi bị dã. Lục Cách là sáu chiếc lông cánh, trong văn học Việt cũng từng được nhắc đến trong câu nói của Trần Quốc Tuấn: "...Chim hồng chim hộc bay cao bay xa là nhờ có sáu chiếc lông cánh cứng..."
- (4) Trọng Sơn: Trọng Sơn Phủ phò tá vua Tuyên Vương nhà Chu.
- (5) Tuyển Sanh: Em chưa rõ là ai.
- (6) Dương Hùng: Học giả Tây Hán.
- (7) Quách Phách: Học giả Đông Tấn.
- (8) Chấn Uy: Lưu Chương vốn được phong Chấn Uy tướng quân.
- (9) Tây Bá: Tây Bá Cơ Xương tức Chu Văn Vương nhà Chu.
- (10) Nội ngoại: Chỉ câu Bàng Dạng bảo Mã Siêu: "Ông ở ngoài, tôi ở trong".
- (11) Đây là lúc Chương đến cầu thân với Bị, mời Bị vào Thục.
- (12) Gửi vợ con, người thân làm con tin.
- (13) Cướp cờ trống tức là cướp ấn tướng quân vậy, có lẽ là theo lệnh của Bị.
- (14) Y Doãn, Lã Vọng là những khai quốc công thần nổi tiếng đời nhà Thương, nhà Chu. Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, đều là những vị vua nổi danh đời Xuân Thu, dựng được nghiệp bá, sai khiến chư hầu.
- (15) Nguyên văn: 'thâm đồ quy thú' tức là thấy lẽ sâu xa quy thuận.
- (16) Phạm Lãi là công thần của nước Việt cuối thời Xuân Thu, giúp Câu Tiễn phục quốc đánh diệt nước Ngô, sau đi chơi Ngũ Hồ để tránh vạ sát thân. Cữu Phạm tức Hồ Yển, người nước Tấn thời Xuân Thu, từng theo

công tử Trùng Nhĩ bên ba lưu lạc mấy mươi năm, rồi giúp đỡ Trùng Nhĩ trở về Tấn lên ngôi vua, sau tránh tội, bỏ đi.

(17) Thân Sinh là công tử nước Tấn thời Xuân Thu, rất có hiếu, vì bị mẹ kế ghét bỏ, sau bị cha ngờ vực phải chết. Ngũ Tử Tư, người nước Sở thời Chiến Quốc, sau là trung thần giúp vua nước Ngô là Phù Sai diệt nước Sở, thế mà về sau bị vua nước Ngô giết chết. Mông Điềm là con trưởng của Tần Thủy Hoàng, có công xây đắp Vạn Lý trường thành, đánh rợ Hồ để bảo vệ và mở mang bờ cõi nước Tần, bị gian thần Triệu Cao và Lý Tư hại chết. Nhạc Nghị là người thời Chiến Quốc, có công giúp vua nước Yên đang suy yếu mà đánh hạ được bảy mươi hai thành của nước Tề, sau bị gian thần sàm tấu hãm hại.

(18) Người sơ chẳng bon chen được với người thân, người mới chẳng tranh hơn được với người cũ.

(19) Văn Chung người cuối thời Xuân Thu, thờ vua Việt, giúp Việt Vương đánh bại Phù Sai, nên nghiệp lớn, bị vua Việt bức chết; Thương Ưởng người nước Vệ thời Chiến Quốc, thờ vua Tần, đưa nước Tần lên hàng Bá chủ hầu, sau bị vua Tần giết; Bạch Khởi là danh tướng bậc nhất nước Tần, lập vô số chiến công giúp vua Tần, sau cũng bị vua Tần hại chết; Hiếu Kỳ là con vua Vũ Đinh thời nhà Thương, rất có hiếu, bị dèm pha, chịu kiếp lưu đày mà chết; Bá Kỳ là đại quan nhà Chu, thờ mẹ kế rất hiếu, cha nghe lời mẹ kế vu hãm mà đày ải Bá Kỳ.

(20) Thân Sinh, xem chú ở trên; Vệ Cấp là thế tử nước Vệ, bị thiếp yêu của Vệ Tuyên Công dèm pha phải chết; Ngự Khấu là thế tử nước Trần, bị Trần Tuyên Công nghi có âm mưu cướp ngôi, bị giết; Sở Kiến là thế tử nước Sở, bị Phí Vô Cực dèm pha, sau bị Sở Bình Vương giết. Đều là các tích cổ thời Xuân Thu.

(21) Thân Sinh, xem chú trên; Tử Dư là tự của Triệu Thôi, đại thần nước Tấn; Vệ Cấp, xem chú ở trên; Em của Vệ Cấp là công tử Thọ, biết được anh mình sắp bị vua cha giết, khuyên anh trốn đi, Vệ Cấp không nghe, Thọ đi chết thay anh, Vệ Cấp sau vẫn bị giết.

(22) *Tiểu Bạch tức là Tề Hoàn Công, xem chú trên; Trùng Nhĩ tức Tấn Văn Công xem chú trên.*

(23) *Vĩ Tử là quan nhà Ân, Trụ Vương tàn ác, Vĩ Tử can không được nên đóng cửa bỏ đi, tránh được nạn. Trí Quả là người nhà Trí Bá, đời Chiến Quốc, vì lìa bỏ Trí Bá nên khi họ Trí bị ba nhà Hàn, Ngụy, Triệu diệt, Trí Quả thoát khỏi hoạ hoạn.*

(24) *Tào Tháo chết, Tào Phi lên thay, xưng Đế thay Hán Hiến đế, lúc ấy Mạnh Đạt đến hàng.*

(25) *Đạt dỗ dành Phong rằng nếu như Phong theo Ngụy sẽ được phong vương ở quê cha đất tổ, nối nghiệp La hầu.*

(26) *Đạt ý nói hai nhà Tôn-Lưu.*

(27) *Câu này khó hiểu, Dịch giảng là Rồng bay trên trời, ấy là điềm có người lên ngôi chí tôn.*

(28) *Tự cầu lấy phúc lộc cho mình.*

(29) *Thục lấy được Hán Trung, đánh lấy Thượng Dung, Nghi theo về với Thục.*

(30) *Thục mất Kinh châu, đánh mất Thượng Dung, Nghi lại hàng Ngụy.*

(31) *Lỗ Linh Quang Điện Phú: Bài phú của nhà thơ lớn thời Đông Hán Vương Diên Thọ.*

(32) *Tức Tào Tuấn.*

(33) *Một dạng đạo chiếu của Vua.*

(34) *Phủ Tích Triệu, có lẽ là phủ chiếu hiền. Ý bấy giờ đóng ở phía Đông coi việc bố phòng ở Đông chiến tuyến, Ý mở phủ ở phía ấy tức là chiến tuyến phía Đông, nơi quân Thục do Lý Nghiêm quản (Giang Châu) bị ảnh hưởng. Lượng muốn kể tội Nghiêm lấy lý do trốn việc phải ra Hán Trung.*

(35) *Nguyên văn: Phạt Bình chỗ ngắn, không bằng khen chỗ dài, dịch thoát ý.*

(36) *Danh vọng, lợi lộc.*

(37) *Bị lúc ‘thác cô’ đã trao cho Lý Nghiêm quyền hành gần như Gia Cát Lượng. Liêu Lập cho rằng mình có tài, xứng vào chức ấy.*

(38) Đây là Lập nói đến việc lúc Bì mới lấy được Ích châu, không đánh Hán Trung mà lại dẫn quân về tranh giành ba quận với người Ngô. Tháo lấy được Hán Trung của Lỗ, Bì lại phải cắt ba quận ở Kinh châu trả cho Ngô.

(39) Biểu văn gửi Hậu chủ.

(40) Chính là việc bỏ chức quan ở Kinh nam mà chạy khi bị quân Ngô đánh đã nói ở trên.

(41) Hậu chủ lên ngôi.

(42) Đất Vãn Sơn khi ấy là nơi bộ lạc người Phiên sinh sống. Y phục của dân tộc này có nét đặc trưng là vạt áo vắt qua bên trái.

**QUYỂN 11 - HOẮC, VƯƠNG, HƯƠNG,
TRƯỜNG, DƯƠNG, PHÍ TRUYỆN**

HOẮC TUẤN TRUYỆN

Hoắc Tuấn tự Trọng Mạc, người Chi Giang, Nam Quận. Anh là Đốc, từng ở trong thôn chiêu tập mấy trăm người làm bộ hạ. Sau khi Đốc chết, Kinh Châu mục Lưu Biểu lệnh cho Tuấn thống lĩnh đám người này. Biểu chết, Tuấn dẫn quân đi theo Tiên Chủ, Tiên Chủ phong Tuấn làm Trung lang tướng. Tiên Chủ từ ải Hà Manh tiến xuống phía nam tập kích Lưu Chương, giữ Tuấn ở lại thủ Hà Manh. Trương Lỗ sai tướng Dương Bạch dụ Tuấn đầu hàng, Tuấn nói: “Lấy được đầu (Tuấn), không lấy được thành.” Bạch đành lùi đi. Sau Chương sai tướng Phù Cấm, Hương Tôn dẫn hơn vạn người từ trên Lăng Thủy vây công Tuấn, hơn một năm vẫn không thể hạ. Trong thành của Tuấn quân sỹ chỉ có mấy trăm người, chờ lúc sơ hở, lựa quân tinh nhuệ xuất kích, đại phá địch, chém đầu Tôn. Tiên Chủ bình định được đất Thục, khen thưởng công Tuấn, phân Quảng Hán thành Tử Đồng quận, phong Tuấn làm Thái thú Tử Đồng, Tì tướng quân. Làm quan ba năm, bốn mươi tuổi chết, táng tại Thành Đô. Tiên Chủ vô cùng thương tiếc, bèn hạ chiếu bảo Gia Cát Lượng: “Tuấn là tướng tốt, có công với nước, cần tới bái tế.” Sau đó đích thân dẫn quần thần tới điệu tế, vì (Tiên Chủ) ngủ lại mộ, đương thời rất là vinh hiển.

Con Tuấn là Dực, tự Thiệu Tiên, làm Thái tử Xá Nhân⁽¹⁾ những năm cuối đời Tiên Chủ. Sau Hậu Chủ đăng cơ, phong làm Yết Giả. Thừa tướng Gia Cát Lượng bắc phạt đóng quân ở Hán Trung, mời đến làm Ký thất, cho ở chung với con trai mình là Gia Cát Kiêu để hai người qua lại với nhau. Lượng chết, được phong Hoàng Môn Thị lang. Hậu Chủ lập thái tử Toàn, phong Dực làm Trung Thứ Tử⁽²⁾, Toàn ham săn bắn, ra vào vô độ, Dực viện dẫn tích cổ, hết lời khuyên can, mãi dũa đưa vào quy củ. Sau được phong làm Tham Quân tại phủ Đồn Phó Nhị Đô Đốc tại Lai Hàng⁽³⁾, lại chuyển làm Hộ Quân, quản việc như trước. Lúc đó Di Liêu⁽⁴⁾ ở quận Vĩnh Xương không phục nổi dậy, mấy lần xâm phạm vào cõi, Dực kiêm nhiệm chức thái thú Vĩnh Xương, dẫn quân đi đánh, chém được đầu thủ lĩnh giặc, phá tan nhà ấp, quận biên được yên ổn. Được thăng làm Tham quân, Dực

Quân tướng quân, kiêm chức thái thú Kiến Ninh, còn quản việc Nam Quận. Năm Cảnh Diệu thứ sáu, được thăng làm An Nam tướng quân. Năm đó, Thục bị Ngụy chiếm, Dực ở Ba Đông và La Hiến ở Tương Dương lĩnh quân bảo toàn một phương, giữ nguyên quân bản bộ xin hàng, do đó được giữ nguyên chức, lại được vua Ngụy sủng ái.

Sách Hán Tấn Xuân Thu viết: “Hoặc Dực nghe Ngụy quân tới, muốn trở về Thành Đô, nhưng Hậu Chủ đã định kế hoạch đầu hàng, không nghe theo. Thành Đô không hề thủ giữ, Dực mặc áo tang gào khóc, cả ba ngày trời không thôi. Các tướng đều khuyên nên mau chóng hàng, Dực nói: “Hiện giờ đường đi cách trở, chưa biết chúa an nguy thế nào, đại địch không biết ra sao, không thể tùy tiện. Nếu chúa thượng và Ngụy hòa, lấy lễ mà đãi, ta sẽ bảo toàn biên cảnh mà hàng, khi đó cũng không muộn. Nếu vạn nhất có điều gì nguy nhục, ta sẽ lấy cái chết cự tuyệt, quan tâm chi đến nhanh chậm!” Sau khi được tin của Hậu Chủ mới dẫn tướng thủ ở sáu quận dâng biểu nói: “Thần nghe nói đời người có ba mối⁽⁵⁾ mà phụng sự cả ba chỉ một (nguyên tắc thôi). Gặp lúc nguy nan, ắt phải (cống hiến) sinh mệnh. Nay thần nước thua chủ hàng, chẳng thể thủ nữa, chỉ đành dâng lễ tỏ lòng, không dám phản bội.” Tấn Văn Vương nghe vậy, liền phong làm Đô đốc Nam Trung, giữ nguyên đất cũ. Sau này sai binh tướng tới cứu viện Lữ Hưng, bình định ba quận Giao Chỉ, Nhật Nam, Cửu Chân, được phong làm Liệt hầu, tiến hiệu thăng chức. Cháu Dực là Bưu, Thái thú Việt Tây đời Tấn.

Sách Tương Dương Ký có viết: La Hiến tự Lệnh Tắc. Cha là Mông, tránh loạn mà tới Thục, quan làm tới thái thú Quảng Hán. Hiến từ nhỏ đã học giỏi nổi tiếng, năm mười ba tuổi đã có thể viết văn. Hậu Chủ lập thái tử, phong cho làm Thái Tử Xá Nhân, sau thăng lên Thứ Tử⁽⁶⁾, Thượng Thư Sử bộ lang, lĩnh chức chức Tuyên Tín Hiệu Úy sang sứ đất Ngô, người Ngô rất tán tụng. Lúc đó Hoàng Hạo can dự vào chính sự, mọi người đều hòa theo, Hiến một mình không theo, Hạo ghét, đẩy đi làm Thái Thú Ba Đông. Lúc ấy Hữu đại tướng quân Diêm Vũ là đô đốc Ba Đông, Hậu Chủ phong Hiến làm phó cho Vũ. Ngụy đi đánh Thục, (Hậu Chủ) gọi Vũ về tây⁽⁷⁾, lưu

lại hai ngàn người của Vũ, lệnh Hiến đi thủ thành Vĩnh An. Nghe tin Thành Đô thất bại, trong thành náo động, các Trưởng Sử ở bên sông đều bỏ thành mà chạy, Hiến chém chết một người nói Thành Đô đã loạn, bách tính mới ổn định. Được tin Hậu Chủ gọi về, Hiến vẫn dẫn quân đóng lại đó. Ngô nghe tin Thục bại, khởi binh tiến về phía tây (Thục), nói dối là cứu viện, thực ra muốn đánh lén Hiến. Hiến nói: “Bản triều sụp đổ, Ngô là môi răng, không những không cứu giúp mà còn nhân loạn đi kiếm lợi, phản bội mình ước. Mà Hán đã vong, Ngô liệu còn được bao lâu, sao có thể đi hàng Ngô chứ!” Bảo vệ thành trì, chỉnh đốn trang bị, thề cùng tướng sĩ, thà mất mạng cũng phải giữ tiết nghĩa. Ngô nghe tin Chung, Đặng⁽⁸⁾ thất bại, Thành Đô vô chủ, liền có lòng chiếm Thục, mà Ba Đông cố thủ, binh không thể vượt qua, liền dẫn binh tướng tiến về phía tây. Hiến thấy nơi đó gần sông, không thể phòng thủ, sai Tham Quân Dương Tông đột vây lên phía bắc, cáo cấp với An Đông tướng quân Trần Khiên, lại đưa cả ấn tín văn võ, tỏ lòng muốn hàng Tấn. Hai bên cùng nhau giao chiến, Hiến ra thành ứng chiến, đại phá quân Ngô. Tôn Hưu tức giận, liền sai Lục Kháng dẫn ba vạn quân đi vây đánh Hiến. Bị đánh tới sáu tháng mà viện quân không tới, trong thành bệnh tật quá nửa. Có người hiến kế nên bỏ chạy, Hiến nói: “Kẻ sĩ phải lấy nhân làm chủ, bách tính mong ngóng, đã không thể làm an cái nguy, vội vã bỏ chạy, quân tử há đâu lại làm như vậy, dù mất mạng cũng phải thủ lại nơi này.” Trần Khiên tấu lên Tấn vương, Tấn vương liền sai Thứ sử Kinh Châu là Hồ Liệt đi cứu Hiến, Kháng đành phải lui. Tấn Vương cho Hiến giữ nguyên việc cũ, phong làm Giang Lăng tướng quân, Vạn Niên đình hầu. Về sau bốn huyện ở Võ Lăng phản Ngô hàng Ngụy, Hiến liền được phong làm Thái thú Giang Lăng, Giám quân Ba Đông. Năm Thái Thủy nguyên niên cải phong làm Tây Ngạc huyện hầu. Hiến đưa vợ con về ở Lạc Dương, Vũ đế⁽⁹⁾ phong con Hiến là Tập làm Chấp Sự. Tháng ba năm (Thái Thủy) thứ tư, trong tiệc rượu của nhà vua tại Hoa Lâm viên, vua hỏi về các đại thần của nhà Thục, những ai có thể dùng, Hiến tiến cử Thường Kị, Đỗ Chấn, Thọ Lương ở Thục Quận, Trần Thọ ở Ba Đông, Cao Quỹ ở Nam quận, Lữ Nhã, Hứa Quốc ở Nam Dương, Phí Cung ở Giang

Hạ, Gia Cát Kinh ở Lang Tà, Trần Dụ ở Nhữ Nam, tất cả đều được dùng, công danh đủ cả. Khi Hiến vẫn còn, Tập lấy được Vu Thành của Ngô, nhân đó còn dăng kế đánh Ngô. Hiến sống nghiêm chỉnh, đãi binh sĩ không tệ, không ham tiền tài thích làm việc thiện, không để lại nhiều sản nghiệp. Năm (Thái Thủy) thứ sáu thì chết, được ban chức An Nam tướng quân, thụy là Liệt hầu. Con là Tập, làm Lăng Giang tướng quân thống lĩnh bộ thuộc cũ của cha, chết sớm, được truy phong làm Thái thú Quảng Hán. Con Tập là Huy, làm Nội sử ở Thuận Dương, năm Vĩnh Gia thứ năm chết vì loạn các vương. Những công hiến này, đồn đại khác nhau, cũng không được rõ ràng cho lắm.

VƯƠNG LIÊN TRUYỆN

Vương Liên tự Văn Nghi, người Nam Dương. Thời Lưu Chương, vào Thục làm huyện lệnh ở Tử Đông. Tiên Chủ khởi sự ở Hà Manh, tiến quân về nam, Liên đóng cửa thành không hàng, Tiên Chủ cho rằng là người nghĩa khí nên không bức bách. Khi (Tiên Chủ) bình định Thành Đô, phong Liên làm huyện lệnh Thập Phương, sau lại chuyển đến Quảng Đô, do làm việc có thành tích, được thăng làm Diêm ti Hiệu úy (10), nghiên cứu cái lợi của sắt muối, thu được rất nhiều lợi nhuận về cho nhà nước, vì vậy tuyển chọn được nhiều hiền tài về làm quan, như Lữ Nghệ, Đỗ Kỳ, Lưu Can (11), cuối cùng đều làm quan to, tất cả đều do Liên đề bạt. Sau được thăng làm Thái thú Thục Quận, Hưng Nghiệp tướng quân, vẫn quản việc muối như trước. Kiến Hưng nguyên niên (12), được thăng làm Truân kỵ Hiệu úy (13), lĩnh chức Thừa tướng Trưởng sử (14), phong làm Bình Dương đình hầu. Khi các quận ở phương Nam dấy binh làm phản, Gia Cát Lượng đích thân đi đánh dẹp, Liên can rằng: “Đó là đất nghèo túng, ôn dịch lại nhiều, không xứng để một người được cả nước kính ngưỡng như Thừa tướng phải đích thân đi”. Lượng nghĩ các tướng tài năng không bằng mình, nhất ý muốn đi, nhưng lời của Liên rất thành khẩn, đành tạm dừng lại rất lâu. Sau Liên chết, con là Sơn kế chức, làm quan tới Thái thú Giang Dương.

HƯỚNG LĂNG TRUYỆN

Hướng Lăng tự Cự Đạt, người huyện Nghi Thành, quận Tương Dương.

Tương Dương ký viết: sư phụ hồi nhỏ của Lăng là Tư Mã Đức Tháo, cùng Từ Nguyên Trực, Hàn Đức Cao, Bàn Sĩ Nguyên rất thân thiết.

Kinh Châu mục Lưu Biểu dùng làm huyện trưởng huyện Lâm Tự. Biểu chết, theo Tiên Chủ. Tiên Chủ bình định khu vực bờ phía nam sông Trường Giang, cho Lăng quản việc quân dân bốn huyện Tử Quy, Di Đạo, Vu (Sơn), Di Lăng. Sau khi bình định Thục, sai Lăng làm Thái thú Ba Tây, không lâu sau thì chuyển đến Tường Kha, về sau lại rời tới Phòng Lăng. Hậu Chủ dâng cơ, Lăng được phong làm Bộ binh Hiệu úy, thay Vương Liên giữ chức Thừa tướng Trưởng sử. Thừa tướng Lượng nam chinh, Lăng ở lại lo chuyện hậu phương. Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Lượng vào Hán Trung. Thường ngày quan hệ giữa Lăng và Mã Tốc rất tốt, Tốc chạy trốn, Lăng biết nhưng không báo, Lượng giận lắm, bãi chức quan đuổi về Thành Đô. Mấy năm sau, nhậm chức Quang lộc huân⁽¹⁵⁾, sau khi Lượng chết, được phong làm Tả tướng quân, khi luận đến công lao cũ, lại được phong làm Hiến Minh đình hầu, tước quan Đặc tiến⁽¹⁶⁾. Lúc xưa, khi Lăng còn trẻ tuy có xem qua văn học, nhưng không nghiên cứu tìm tòi điển tịch, ông vì tài làm quan mà được mọi người khen ngợi. Từ sau khi bị bãi chức Trưởng sử, nhàn nhã vô sự gần ba mươi năm,

Thần Tùng Chi xét: Lăng vương vào vụ Mã Tốc mà mất chức Trưởng sử là vào năm Kiến Hưng thứ sáu. Đến năm Diên Hi thứ mười thì chết, tất cả chỉ hai mươi năm mà thôi, ở đây viết “ba mươi”, chữ nghĩa có sai lầm.

vì thế mà chuyên tâm nghiên cứu sách vở, cần mẫn không ngơi nghỉ. Khi qua tám mươi tuổi, còn chính tay hiệu đính sách, sửa chữa lỗi sai, thư tịch mà ông cất giữ là nhiều nhất hồi bấy giờ. Ông còn mở cửa tiếp khách, hướng dẫn chiêu nạp hậu bối, chỉ bàn luận việc xưa, không để ý đến chuyện thời sự, vì thế mà được khen ngợi. Trên cho đến quan viên chấp chính, dưới cho tới trẻ con để chòm, ai cũng đều kính trọng. Năm Diên Hi thứ mười tám chết.

Tương Dương ký viết: Lãng để lại lời răn dạy con mình: “Thường nghe rằng đánh thắng trận quan trọng ở chỗ đoàn kết hòa hảo, nhất chí chống địch, chứ không phải dựa vào số đông. Lời này ý rằng trời đất yên bình thì vạn vật sinh ra, vua tôi hòa thuận thì quốc gia vững vàng, cứu tộc hòa hảo thì ai cũng thỏa nguyện, có được bình yên, cho nên thánh nhân giữ vững cái sự hòa thuận, tồn hay vong cũng đều do đó cả. Ta, chỉ là một tên tiểu tử của Sở quốc, từ sớm đã mồ côi, được nhị huynh nuôi dạy, tính tình cũng không đến nỗi theo lợi lộc mà sa đọa. Nay tùy rằng nghèo, nhưng nghèo không phải cái họa của người ta, hòa thuận mới là điều đáng quý nhất, con hãy cố gắng nhớ lấy lời này!”

Con là Điều thừa kế, giữa năm Cảnh Diệu nhậm chức Ngự sử Trung thừa.

Tương Dương Ký viết: Điều tự là Văn Báo, cũng học nhiều hiểu rộng, đến đời nhà Tấn làm Thái thú Giang Dương, Nam trung quân Tư mã.

Con của anh Lãng là Sùng, làm Nha môn tướng thời Tiên Chủ. Trong thất bại ở Tỹ Quy, chỉ có đội quân của Sùng là còn được nguyên vẹn trở về. Kiến Hưng nguyên niên được phong làm Đô Đình hầu, sau lại làm Trung bộ đốc, cai quản quân Túc vệ. Khi Gia Cát Lượng sắp đi lên phía Bắc, ông dâng biểu tâu với Hậu Chủ rằng: “Tướng quân Hương Sùng, phẩm chất lương thiện, hành vi nghiêm túc, hiểu biết việc quân. Trước đây khi dùng thủ Tiên đế đã từng khen là người có tài, do đó mọi người tiến cử Sùng nhậm chức Trung bộ đốc. Theo ý thần, chuyện trong quân đều có thể đến hỏi người này, như thế nhất định có thể làm cho quân đội được hòa thuận và ăn ý, người giỏi kẻ kém được phân định rõ ràng.” Sau được thăng làm Trung lĩnh quân. Năm Duyên Hi thứ ba, đi đánh quân Ma Di ở quận Hán Gia, gặp nạn. Em của Sùng là Sung, từng làm những chức như Xạ Thanh Hiệu úy, Thượng thư...

Tương Dương ký viết: Tháng sáu Hàm Hi nguyên niên của Ngụy, Trấn Tây tướng quân Vệ Quán tới Thành Đô, lấy được một viên Bích ngọc ẩn, hoa văn bên trên dường như là hai chữ “THÀNH TÍN”, sau khi đem nó ra khoe với các quan liền cất vào trong phủ Tướng quốc. Sung nghe thế bèn

nói: “Ta từng nghe Tiêu Chu nói rằng, Tiên Đế tên húy là Bị, chữ “bị” ý rằng là cụ bị (có đủ) , Hậu Chủ tên húy là Thiện, chữ thiện trong thiện nhượng (nhường ngôi). Điều này ý rằng vương triều nhà Lưu đã có đủ cả rồi, giờ nên nhường cho người khác. Mà nay Trung phủ quân tên là Viêm, niên hiệu cuối cùng của nhà Hán lại dừng ở Viêm Hưng, Thành Đô có điềm lành, lại được thu về phủ Tướng quốc, đây chắc đúng là ý trời rồi.” Năm ấy Sung được phong làm Thái thú Tử đồng, tháng mười hai năm sau Tấn Vũ Đế lên ngôi, từ Viêm Hưng quả đã ứng nghiệm.

Tôn Thịnh viết: Khi xưa Công Tôn khởi nghiệp từ Thành Đô, hiệu là Thành Thị, hai chữ trên viên ngọc chắc là nói đến sự tích của ông ta.

TRƯƠNG DUỆ TRUYỆN

Trương Duệ tự Quân Tự, người Thục Quận, Thành Đô. Nghiên cứu sách “Công Dương Xuân Thu”⁽¹⁷⁾, tinh thông cả Sử, Hán⁽¹⁸⁾. Hứa Văn Hưu⁽¹⁹⁾ ở Nhữ Nam sau khi vào Thục, cho rằng Duệ làm việc chính xác mãi tiếp, là loại người tựa như Chung Nguyên Thường⁽²⁰⁾ ở Trung Nguyên. Thời Lưu Chương, được cử là Hiếu liêm, huyện trưởng huyện Ngự Phục, khi về trong châu tạm thời làm Tùng sự, kiêm cả chức Tư mã trong quân. Trương Phi từ Kinh Châu vào Thục qua Điểm Giang, Chương sai Duệ cầm quân, bày trận ngăn cản Trương Phi ở Mạch Hạ thuộc Đức Dương, quân thua, trở về Thành Đô, làm sứ giả cho Chương đến chỗ Tiên Chủ. Tiên Chủ hứa rằng sẽ dùng lễ quân chủ để đãi Chương, sắp xếp thỏa đáng cho dân chúng trong thành, Duệ trở về, cửa thành được mở ra. Tiên Chủ cho Duệ làm Thái thú Ba Quận, sau khi trở về được phong chức Tư kim Trung lang tướng, chưởng quản việc chế tạo nông cụ và vũ khí chiến tranh. Trước việc này, người dân Ích châu nổi lên, giết Thái thú Chính Ngang, lão tướng tại bản địa là Ung Khải nổi tiếng ân đức lễ nghĩa ở phía nam phái sứ giả đi bốn phương, thông đồng với Tôn Quyền ở xa. Tiên Chủ cho Duệ làm Thái thú Ích Châu, Duệ trực tiếp đi thẳng tới châu quận. Khải ngông cuồng không chịu quy phục, sau khi bắt lấy Duệ liền giả lời Quý giáo nói: “Trương phủ doãn như chiếc hồ lô, bên ngoài tuy bóng nhưng trong thực ra lại thô ráp, không đáng để giết, sai người trói lại đem đưa tới Ngô.” Vì thế liền đưa Duệ đến chỗ Quyền.

Gặp lúc Tiên Chủ qua đời, Gia Cát Lượng sai Đặng Chi đi sứ Ngô, Lượng bảo Chi sau khi nói xong những chuyện chủ yếu thì xin thả Duệ về. Duệ đến Đông Ngô đã được mấy năm, lưu vong ẩn nấp khắp nơi, Quyền không biết đến, do đó đáp ứng Chi cho Duệ về. Lúc Duệ sắp đi, Quyền triệu kiến Duệ đến, hỏi rằng: “Đất Thục có vị nữ tử ở góa họ Trác, tư bổn theo Tư Mã Tương Như, phong tục của quý thổ sao lại có thể như vậy?” Duệ đáp rằng: “Theo ngụ ý của thần thì góa phụ họ Trác so với vợ của Chu Mãi Thần còn hiền đức hơn.” Quyền lại nói với Duệ rằng: “Sau khi ngài trở

về, nhất định sẽ được làm quan trong triều đình Tây Thục, cuối cùng cũng chẳng cần làm lão nông ở nơi đồng ruộng nữa rồi, ngài sẽ báo đáp ta như thế nào đây?” Duệ đáp rằng: “Duệ mang tội mà trở về, tính mạng này sẽ phải giao cho quan chấp pháp xử trí, nếu may mắn được miễn tội mà toàn thân, năm mươi tám năm trước là của phụ mẫu ban cho, từ đó về sau là ân điển của đại vương.” Quyền nghe vậy thì vui vẻ cười lên, tỏ vẻ coi trọng Duệ. Duệ sau khi ra khỏi cửa gác, vô cùng hối hận vì đã không giả vờ ngu ngốc, ngay sau đó liền lập tức lên thuyền, gia tăng tốc độ gấp rút khởi hành. Tôn Quyền quả nhiên phái người đuổi theo, Duệ đã vào trong cảnh giới Vĩnh An được mấy chục dặm, kẻ đuổi theo không thể đuổi kịp.

Đến đất Thục, Thừa tướng Lượng dùng làm Tham quân, thay quyền giải quyết những việc trong phủ Thừa tướng, lại kiêm nhiệm cả chức Trị trung Tòng sự⁽²¹⁾ Ích Châu. Lượng xuất binh đóng ở Hán Trung, Duệ dùng thân phận Xạ thanh Hiệu úy kiêm nhiệm chức Lưu phủ Trưởng lại⁽²²⁾. Thường khen Gia Cát Lượng rằng: “Thường công không bỏ sót người ở xa, phạt tội không ngại kẻ thân cận bên cạnh, tước vị không thể không có công lao mà lấy được, hình phạt không thể vì người phú quý mà miễn bỏ, đây chính mà nguyên nhân khiến cả người hiền lẫn kẻ ngu đều quên mình nỗ lực.” Năm thứ hai, đi lên phía bắc để bàn chuyện với Lượng, người đưa tiễn có mấy trăm, xe chật cả đường. Duệ viết thư cho người thân tín của mình rằng: “Gần đây phải đi đường xa, ngày đêm nghênh đón khách khứa, không được ngủ ngon. Mọi người tự nhiên là đều tôn kính Thừa tướng Trưởng lại, (thế nhưng) con trai Trương Quần chỉ là phụ giúp về mặt này mà cũng mệt mỏi muốn chết.” Giọng điệu của ông vẫn luôn khôi hài và trôi chảy như vậy.

Thần Tòng Chi xét: nói năng khôi hài quý là ở chỗ tâm cơ mẫn tiệp, sách có sơ sót thì cần phải lưu ý. Nay thấy sách viết rằng là nói chuyện khôi hài, thực không đúng với đạo lý.

Thuở nhỏ thân thiết với Dương Cung ở Kiên Vi, Cung chết sớm, để lại đứa con cô còn chưa được mấy tuổi, Duệ đón về và giữ lại, chia phòng cho cùng ở. Duệ còn hầu hạ mẹ Cung như với mẹ mình. Con của Cung là Tức lớn lên, Duệ lấy vợ, mua nhà cửa ruộng vườn cho, để Tức tách hộ ra riêng.

Duệ giúp đỡ bạn cũ, cứu tế cho những người nghèo đói trong tông tộc, những nghĩa cử như vậy rất nhiều. Sau lại được gia phong là Phụ Hán Tướng quân, kiêm cả chức Trưởng lại như cũ. Năm Kiến Hưng thứ tám chết. Con là Mạo kế nghiệp, nhiều lần đảm nhiệm chức Quận thú Giám quân ở ba quận. Em Mạo là Đô, giữ chức Trung thứ tử hầu hạ cho Thái tử.

DƯƠNG HỒNG TRUYỆN

Dương Hồng tự Quý Hữu, người Vũ Dương quận Kiện Vi, thời Lưu Chương đã từng làm quan ở các quận. Tiên Chủ bình định Thục, Thái thú Lý Nghiêm lệnh cho Dương Hồng làm Công tào. Nghiêm muốn di chuyển quận nha, Hồng kiên quyết ngăn cản nhưng Nghiêm không chịu nghe theo, vì thế bèn bỏ chức Công tào, xin từ quan. Nghiêm tiến cử Hồng đến châu phủ, Hồng được nhậm chức Thục Bộ tòng sự. Lúc Tiên Chủ tranh đoạt Hán Trung, gửi thư khẩn cấp về muốn phái thêm binh, Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng hỏi Hồng về chuyện này, Hồng đáp: “Hán Trung là yết hầu của Ích Châu, là nơi quan trọng liên quan đến chuyện tồn vong, nếu không có Hán Trung thì sẽ không có Thục nữa, đó là cái tai họa ở trước cửa nhà. Trận chiến này, đàn ông phải tham gia chiến đấu, đàn bà phải tham gia vận chuyển, chuyện phát binh thì có gì phải nghi ngại nữa?” Khi ấy Thái thú Thục Quận là Pháp Chính theo Tiên Chủ lên phía Bắc, vì thế Lượng dâng biểu xin cho Hồng lĩnh chức Thái thú Thục Quận. Mọi chuyện Dương Hồng đều làm rất tốt, vì thế đã chính thức để Hồng nhậm chức đó. Không lâu sau, được điều làm Trị trung tòng sự Ích Châu.

Sau khi Tiên Chủ xưng tôn hiệu, đánh Đông Ngô không giành được thắng lợi, khi trở về lưu lại ở Vĩnh An. Thái thú Hán Gia là Hoàng Nguyên vì trước nay luôn bị Gia Cát Lượng cho rằng là người không tốt, nghe tin Tiên Chủ bị bệnh, sợ có tai họa, do đó liền dẫn quân toàn quận tạo phản, thiêu hủy thành Lâm Cù. Khi ấy Lượng đang đi về phía Đông thăm hỏi bệnh tình Tiên Chủ, Thành Đô trống rỗng, cho nên Nguyên càng thêm không hề sợ hãi điều gì. Hồng lập tức khởi tấu với Thái tử, xin phái thân binh của thái tử, để tướng quân Trần Hốt, Trịnh Xước đi đánh Nguyên. Mọi người đều cho rằng nếu Nguyên không thể bao vây Thành Đô, nhất định sẽ đi qua Việt Tây tới chiếm Nam Trung, Hồng nói: “Trước nay Nguyên vốn tính tình hung bạo, không hề có ân tình tín nghĩa với ai, sao có thể làm được như thế chứ? Chắc chắn là hãn sẽ ngời thuyền đi xuống phía Đông, hi vọng chúa thượng có thể bình an, hãn sẽ đầu hàng và trở về chịu chết; nếu

có điều gì dị thường, hẳn sẽ chạy đến nước Ngô để mong được sống.” Hốt, Xước theo lời Hồng, quả nhiên bắt sống được Nguyên. Kiến Hưng nguyên niên, Hồng được ban tước Quan nội hầu, lại trở lại nhậm chức Thái thú Thục Quận, Trung Tiết tướng quân, sau lại làm Việt Kỵ hiệu úy, cai quản quận như cũ.

Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên phía Bắc đóng ở Hán Trung, muốn dùng Trương Duệ làm Lưu phủ Trưởng sử, hỏi Hồng xem thế nào? Hồng đáp rằng: “Duệ trời sinh thông minh cần thận có thể biết được thị phi, sở trường là xử lý những sự vụ khẩn cấp, tài của Duệ có thể đảm đương được chức này. Thế nhưng tính Duệ không công bình, sợ rằng không thể chuyên cần với chức vụ, không bằng lưu Hướng Lăng lại. Lăng có ít tật, hợp với việc ấy hơn. Còn Duệ nên để theo hầu dưới trướng ngài, để y có thể cống hiến tài năng, như thế là tiện cả đôi đường.” Lúc xưa, Duệ và Hồng thân thiện với nhau. Khi Duệ bị đày ở Ngô, Hồng cai quản quận mà Duệ ở lúc trước. Con Duệ là Uất làm Quận lại, vì phạm phải lỗi nhỏ mà bị xử phạt, không hề được đặc cách. Sau khi Duệ trở về nghe thế, vô cùng căm hận, tình cảm với Hồng giảm bớt rất nhiều. Hồng sau khi thấy Lượng đi ra liền đến chỗ Duệ, thuật lại những lời mà mình đã nói với Lượng. Duệ trả lời Hồng rằng: “Ý Thừa tướng muốn để ta ở lại đã rất rõ ràng, Thái thú sao có thể ngăn cản nổi.” Khi ấy mọi người đều hoài nghi Hồng muốn tự mình làm Trưởng sử, có người thì nghi Hồng biết Duệ ghét mình, không muốn để Duệ nhậm chức quan trọng, quản việc ở hậu phương. Sau này Duệ bất hòa với Tỳ Diêm Hiệu Úy⁽²³⁾ là Sầm Thuật, hai người căm hận lẫn nhau. Lượng gửi thư cho Duệ rằng: “Ngài trước đây ở Mạch Hạ bị bại trận, doanh trại bị hủy hoại, ta vì ngài mà lo lắng, cơm ăn không biết ngon; sau ngài lại lưu vong đến Nam Hải, ta vì ngài mà cảm thấy buồn rầu, ngủ không được an giấc; đợi lúc ngài trở về, ta ủy thác cho ngài nhiệm vụ quan trọng, cùng phò tá vương thất, ta vốn cho rằng ta và ngài đã là giống như ‘thạch giao’ mà cổ nhân nói rồi. Ý của ‘thạch giao’ chính là để cử cho kẻ thù để cho hai bên cùng đạt được lợi ích, cắt xương cắt thịt để biểu thị tấm lòng, còn không được khước từ lời nhờ vả, huống chi ta còn phải dựa vào

Nguyên Kiệm (24), vậy mà ngài không thể nhịn sao?” Người bình luận vì vậy mà cho rằng Hồng không có tư tâm.

Thuở nhỏ Hồng không hiểu học, nhưng trung hậu trong sáng và thật thà bộc trực, coi việc công như việc nhà, phụng dưỡng mẹ kế rất hiếu thuận. Năm Kiến Hưng thứ sáu, chết khi đang làm quan. Ban đầu Hồng làm Công tào cho Lý Nghiêm, sau này Nghiêm còn chưa rời khỏi Kiên Vi để đi nhậm chức thì Hồng đã được làm Thái thú Thục Quận rồi. Hồng cất nhắc môn hạ là thư tá Hà Chi, Chi rất có tài năng và mưu lược, tiến cử làm Quận lại, mấy năm sau Chi đã được thăng làm Thái thú Quảng Hán, khi ấy Hồng vẫn còn ở Thục Quận. Vì thế những người ở vùng phía Tây đều khâm phục Gia Cát Lượng có thể để người ta phát huy được hết tài năng của bản thân.

Ích Bộ Kỳ Cựu truyện tạp ký chép: Mỗi lần triều hội Chi đều ngồi sau Hồng. Một lần hai người gặp nhau, Hồng đùa rằng: “Ngựa của ngài đi như thế nào?” Chi đáp: “Ngựa của kẻ dưới không dám đi, nhưng Thái thú cũng đâu có đánh.” Mọi người biết được chuyện này đều cảm thấy tức cười. Chi tự là Quân Túc, thuở nhỏ nghèo khó, là người độ lượng rộng rãi, hình thể to lớn, lại năng ăn uống, thích thanh sắc, không chủ trương tiết kiệm, vì thế không được nhiều người coi trọng. Có lần Chi mơ thấy cây dâu mọc trong giếng, Chi đem chuyện này đi hỏi người coi mộng Triệu Trực, Trực đáp: “Dâu không phải là vật trong giếng, ắt phải trồng nơi khác; bốn mươi thêm tám là bốn tám, tuổi ngài e không qua nổi con số đó.” Chi cười nói: “Được vậy là đã tốt rồi.” Chi làm Thái thú, sau kiêm thêm Đốc quân tòng sự. Khi ấy Gia Cát Lượng dùng pháp luật rất nghiêm khắc, thăm nghe Chi vui chơi buông thả, không chuyên cần với chức trách, muốn bắt Chi bỏ ngục. Mọi người đều sợ thay cho Chi. Chi nghe thấy tin này thì rất sợ hãi, nửa đêm thắp đèn đi gặp tù phạm, đọc hết các cáo trạng. Gia Cát đến nơi, Chi đã ngầm học thuộc lòng hết, đối đáp giải thích đều rất ổn thỏa, Lượng vô cùng kinh ngạc. Sau này được bổ nhiệm chức Huyện lệnh Thành Đô, khi ấy Bì Huyện thiếu chức Huyện lệnh, cho Chi kiêm luôn hai huyện. Nhân khẩu hai huyện rất nhiều, lại gần sát với kinh đô, cho nên kẻ gian cũng lắm. Mỗi lần thăm vấn phạm nhân Hà Chi đều ngủ gật. Nhưng sau khi tỉnh lại là có thể

nói rõ hết những chuyện tốt xấu mà người khác đã làm ra, mọi người đều sợ Hà Chi nhắc lộ ra chuyện xấu của mình, lại cho rằng Chi có phép thuật lợi hại gì đó, không có ai dám làm chuyện xấu. Lại có lần bảo người đếm một dãy các số, Chi chỉ nghe liền có thể nhớ được, không sai chút nào, sự tinh minh của Chi có thể thấy qua đó. Người Di ở quận Văn Sơn không yên, Chi được cử làm Thái thú Văn Sơn, người Di đều tin phục. Sau này Chi dời đến Quảng Hán, người Di liền tạo phản, họ nói: “Các người tìm được người nào như Thái thú tiền nhiệm thì mới có thể khiến chúng ta khuất phục!” Khi ấy Hà Chi thân mang nhiệm vụ nặng nề, triều đình chỉ đành phái người trong tộc của Chi đảm nhiệm chức ấy, nhờ thế mà Văn Sơn lại được yên ổn. Sau này Chi lại chuyển đến làm Thái thú Kiên Vi. Năm bốn mươi tám tuổi thì chết, đúng như lời Trục từng nói. Sau này lại có Vương Ly ở Quảng Hán cũng rất có tài năng, được bổ làm Đốc quân tòng sự, làm việc chắc chắn, cẩn trọng, sau khi Chi chết thì thay thế làm Thái thú Kiên Vi, cai trị rất tốt, tuy không thông minh bằng Chi nhưng tài hoa thì lại hơn hẳn.

PHÍ THI TRUYỆN

Phí Thi tự Công Cử, người quận Kiến Vi huyện Nam An. Thời Lưu Chương lấy Thi làm huyện lệnh huyện Miên Trúc, lúc Tiên chủ đánh Miên Trúc, Thi sớm đầu hàng. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh chức Ích châu mục, lấy Thi làm Đốc quân Tòng sự, rồi đổi ra ngoài làm Tang Ca thái thú, khi về lại Ích châu được làm Tiền bộ Tư mã.

Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, phái Thi đến phong Quan Vũ làm Tiền tướng quân, Vũ nghe tin Hoàng Trung được thăng làm Hậu tướng quân, bèn nổi giận nói: “Bậc đại trượng phu sao có thể cùng đứng ngang hàng với tên lính già!” Rồi nhất quyết không nhận thụ phong. Phi nói với Vũ rằng: “Kẻ lập vương nghiệp, phải biết dụng hết nhân tài. Xưa Tiêu (Hà) - Tào (Tham) cùng với Cao Tổ thân thiết từ thuở nhỏ, mà Trần (Bình) - Hàn (Tín) là kẻ vong mệnh đến sau, khi luận công ban tước, Hàn được ngôi cao nhất, cũng chưa nghe thấy Tiêu – Tào buông lời oán giận. Nay Hán Vương xét công lao, sùng kính Hán Thặng, chẳng có ý gì khinh trọng giữa quân hầu và Hoàng tướng quân vậy! Vả lại Hán Vương và quân hầu cũng giống như một thể, cùng hưởng yên vui cùng chung lo lắng, hoạ phúc cùng chia, theo ngu ý của tôi thì quân hầu chẳng nên so đo quan hiệu cao thấp, tước lộc ít hay nhiều vậy. Kẻ hèn này chỉ là viên sứ giả, vâng mệnh người khác mà đến, nếu quân hầu chẳng nhận thụ phong, tôi cũng phải trở về thôi, song tôi thực sự tiếc về hành vi của tướng quân, sợ rằng sau này tướng quân phải hối hận.” Vũ tỉnh ngộ ra, vội vàng cúi nhận ấn thụ.

Sau này quần thần bàn luận muốn Hán Trung Vương xưng tôn hào, Thi tâu rằng: “Điện hạ nhân vì cha con Tào Tháo bức vua (Hiển Đế) cướp lấy ngôi cao nên mới phải đi xa vạn dặm, tập hợp quần sỹ, thảo phạt phản tặc. Nay đại địch chưa diệt được, đã muốn tự lập làm vua, sợ rằng nhân tâm nghi hoặc. Xưa Cao Tổ cùng với Sở (Hạng Vũ) ước hẹn, ai phá được Tần trước thì làm vương. Thế mà khi vào được Hàm Dương, bắt sống được Tử Anh, còn lo lắng nhún nhường mà từ chối, huống chi Điện hạ còn chưa ra khỏi môn đình, đã muốn tự lập làm đế sao! Ngu thần thành thật xin Điện hạ

chẳng nên”. Bởi thế nên bị cho rằng đã nói lời ngỗ ngược, mới giáng chức xuống làm Tòng sự quận Vĩnh Xương.

Năm Kiến Hưng thứ ba, theo Gia Cát Lượng xuôi Nam, khi về đến huyện Hán Dương, hàng tướng Lý Hồng (Ngụy tướng) đến gặp Lượng, Lượng tiếp kiến Hồng ở đó, bấy giờ Tưởng Uyển cùng với Phí Thi cũng ngồi đấy. Hồng nói: “Khi trước tôi từng gặp Mạnh Đạt, lúc tôi sắp về Nam lại gặp được Vương Xung ở đó, ông ta nói rằng lúc Mạnh Đạt bỏ đi, mình công nghiên rằng tức giận, muốn tru lục hết vợ con Đạt, may mà Tiên đế không nghe theo. Đạt nói: ‘Gia Cát Lượng xét việc có nguồn có ngọn, thủy chung chẳng thể như vậy được’. Nhất định chẳng tin lời Xung, vẫn tỏ lòng kính ngưỡng minh công, song vẫn chưa dám quay về.” Lượng bảo với Uyển và Thi rằng: “Khi về Thành Đô nên gửi thư cho y để nghe ngóng tin tức”. Thi dâng lời rằng: “Mạnh Đạt là kẻ nhỏ nhen, khi trước làm việc giúp chúa (Chương) mà bất trung, sau này lại phản bội Tiên đế, thật là kẻ phản phúc, sao đáng thư từ hứa hẹn đây!” Lượng chỉ lặng yên suy nghĩ mà không đáp.

Lượng muốn dụ Đạt làm ngoại viện, mới gửi thư cho Đạt rằng: “Năm ngoái tôi Nam chinh, lúc trở về, mới cùng Lý Hồng ở gặp gỡ Hán Dương, nhờ đó biết được tin tức của ngài, cứ cảm thán bụi ngùi mãi, xét chí hướng cao khiết của túc hạ, (nguyên văn câu này là ‘bình tố chi chí’ mà ‘tố’ chỉ cái mộc mạc, trắng trong - chẳng phải là nói rằng chí hướng của Đạt là cao khiết sao? Cơ mà lão Đạt này cao khiết cái quái gì, phản phúc vô thường bỏ mịa đi ấy chứ, hay anh Khổng ‘nịnh thơ’ đấy nhỉ?) há phải bậc cầu lấy chút danh phận vinh hoa hư hão, bám lấy sự quý hiển trái lẽ như thế! Hỡi ôi ngài Mạnh, thật chỉ bởi Lưu Phong ngấm ngầm bức hiếp túc hạ, làm phương hại đến cái nghĩa đãi ngộ kẻ sĩ của Tiên đế. Lại nghe Lý Hồng nói Vương Xung cố ý nói xằng bậy, mà túc hạ vẫn hiểu được lòng ta, chẳng nghe theo lời Xung. Để trái tắc lòng mình cùng túc hạ, tỏ rõ cái tình ngày trước, đoái trông về phía Đông, sai gửi thư này”.

Đạt nhận được thư của Lượng, rất đổi vui mừng, mới phản lại nước Ngụy. Ngụy sai Tư mã Tuyên Vương đến đó (Tân Thành), tức khắc chém

được Đạt. Lượng cũng vì Đạt không thành tâm nên chẳng đến cứu trợ.

Khi Tưởng Uyên nắm việc chính sự, lấy Thi làm Giám Nghị đại phu, sau Thi chết tại gia.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tên chức quan thời Tần Hán, là người thân cận chuyên ở cạnh Thái tử.
- (2) Chức quan tương đương với Thị trung, chuyên đi theo hầu Quốc quân, Thái tử, Tướng quốc.
- (3) Nhà Thục Hán đặt ra phép quận đồn, Lai Hàn đồn hiện ở khu vực huyện Khúc Tĩnh, tỉnh Vân Nam. Chức Tham Quân giống như cố vấn.
- (4) Ý chỉ các dân tộc thiểu số.
- (5) Túc quân, sư, phụ.
- (6) Tên chức quan, người đi theo sát Thái Tử.
- (7) Chỉ Tây Thục.
- (8) Chung Hội, Đặng Ngải.
- (9) Tư Mã Viêm.
- (10) Tên chức quan, Lưu Bị đặt ra khi bình định Ích Châu, quản việc khai thác sắt và muối.
- (11) Lữ Nghị tự Quý Dương, xem quyển 39, Lữ Nghị truyện. Đỗ Kỳ: người Nam Dương, từng nhậm chức Điển tào đô úy. Lưu Can: người Nam Hương.
- (12) Năm 223 sau công nguyên. Kiến Hưng: niên hiệu đầu tiên của Hậu Chủ Lưu Thiện.
- (13) Tên chức quan, chuyên quản bộ đội đặc chủng.
- (14) Tên chức quan, quản các việc trong phủ Thừa tướng, tương đương với thư ký trưởng.
- (15) Chức quan thời Tần Hán, phụ trách canh giữ cửa cung điện.
- (16) Không phải chức quan chính thức, phong cho người có địa vị đặc thù, khi ngồi trong triều chỉ dưới Tam công.
- (17) Còn gọi là “Công Dương Xuân Thu truyện” hay “Công Dương truyện”, một trong những tác phẩm kinh điển của nho gia, do Công Dương

Cao thời Chiến Quốc viết.

(18). Sử chỉ “Sử Ký” do Tư Mã Thiên Viết, Hán chỉ “Hán Thư” do Ban Cố thời Đông Hán viết.

(19). Hứa Tĩnh, tự Văn Hưu, quyển 38.

(20). Chung Do, tự Nguyên Trường, quyển 13.

(21). Một trong các chức Tùng sự.

(22). Lưu phủ Trường lại: tên chức quan, là vị Trường lại lưu lại phủ Thừa tướng để xử lý các việc trong phủ.

(23). Tỳ Diêm Hiệu Úy: Chức danh do Lưu Bị đặt ra khi mới vào Thục, chuyên lo sản xuất và kinh doanh muối.

(24). Tên tự của Sầm Thuật

**QUYỂN 12 - ĐỖ, CHU, ĐỖ, HỨA, MẠNH, LAI,
DUẨN, LÝ, TIỂU, KHÍCH TRUYỆN.**

ĐỖ VI TRUYỆN

Đỗ Vi tự Quốc Phụ, người huyện Phù quận Tử Đông, khi còn nhỏ theo học Nhậm An người Quảng Hán. Lưu Chương dùng làm Tòng Sự, (Vi) cáo bệnh từ quan. Khi Tiên Chủ an định Ích Châu, Vi thường tự nhận bị điếc, đóng cửa không ra ngoài. Năm Kiến Hưng thứ ba, Thừa Tướng Lượng nhậm chức Ích Châu mục, khéo léo giảm ước việc tuyển chọn nhậm đón tất cả những người phẩm hạnh nổi tiếng lâu nay. Lấy Tần Mật làm Biệt Giá, Ngũ Lương làm Công Tào, Vi làm Chủ Bộ. Vi một mực từ chối mà kiêu cứ đưa đi. Đến nơi, Lượng dắt Vi vào giới thiệu, Vi vẫn tỏ ý chối từ. Lớn tiếng mà Vi không nghe thấy, bèn mời (Vi) ngồi, trao cho giấy viết rằng: "Từng nghe, việc thi hành chính đức đã trải qua cơn khao khát, trong đục đôi dòng, không thể gặp nhau. Các vị Vương Nguyên Thái, Lý Bá Nhân, Vương Văn Nghi, Dương Quý Hưu, Đinh Quân Cán, anh em Lý Vĩnh Nam, Văn Trọng Bảo thường khen ngợi cao chí (của ngài, làm tôi) chưa gặp mặt mà ngỡ như bạn cũ. (Tôi nay) thấp kém chỉ có hư danh, thống lĩnh quý châu thật là đức bạc mà phải gánh trọng trách nên lo nghĩ ưu tư. Chúa Công nay tuổi mới vừa mười tám, tính cách nhân từ tư chất thông tuệ, lại có lòng kính đức nhường sĩ. Người trong thiên hạ đều tưởng nhớ Hán thất, (tôi) muốn cùng ngài nhân khi trời thuận lòng dân, phù trì minh chúa, kiến lập công lao hưng thịnh sâu dày, ghi lại huân nghiệp vào tre lụa. Còn như ngại cho rằng kẻ hiền người ngu không thể cùng mưu sự, cố tình dứt bỏ, tự giữ lấy mình chính là tự mình chịu uỷ khuất vậy." Vi vẫn kêu xin già yếu đòi về. Lượng lại lấy giấy viết rằng: "Tào Phi tiếm ngôi, thí chúa, tự lập làm vua, có cái tiếng tăm gian trá của loài rồng đất chó rơm. (Tôi) Muốn cùng chư vị hiền giả nhân lúc sự tà ác sai trái của nó đã rõ ràng, dùng chính đạo mà tiêu diệt. Ngài (tính cách) đặc biệt chưa có lời gì chỉ bảo cho nhau đã muốn quay về nơi sơn dã. (Tôi) Tuân phụng lại phải đại hưng lao dịch đi về Ngô, Sở. Nay người đều bận rộn, hãy tạm đóng cửa chăm lo việc ruộng đồng, dưỡng sức dân nuôi sản vật, lại sửa sang quân đội, đợi chờ cơ hội rồi sau mới ra đánh. Có thể khiến cho lính không phải đánh nhau, dân không

phải lao dịch mà an định được thiên hạ. (Tôi chỉ mong) Ngài gánh vác việc lấy đức giúp đời mà thôi, không đòi hỏi ngài phải tham dự việc quân. Sao ngài máu mắt đòi về làm vậy!” (Lượng) Kính Vi như vậy. Bái Vi làm Giám Nghi đại phu, cũng là theo nguyện vọng (của Vi).

Ngũ Lương tự Đức sơn, Người đất Nam An quận Kiện Vi. Nổi tiếng tiết tháo, giỏi Nho học. Làm Tòng Nghi Lang, được thăng Giám Nghi đại phu, Ngũ Quan Trung lang tướng.

CHU QUẦN TRUYỆN

Chu Quần tự Trọng Thực, người Lãng Trung quận Ba Tây. Cha (Quần) là Thư tự Thúc Bối, lúc nhỏ theo học Dương Hậu người Quảng Hán, danh tiếng ngang với Đông Phù, Nhậm An. Vài ba lần được gọi (ra làm quan) nhưng cuối cùng đều không tới. Người đương thời hỏi rằng: Sách “Xuân Thu Sấm” có nói: ‘Thay thế nhà Hán là ‘Đương Đồ Cao’, lời này nghĩa là sao? Quần nói: “Đương Đồ Cao là (nhà) Ngụy đấy.” Kẻ có học trong vùng ngầm truyền nhau lời này (của Thư). Quần được Thư dạy dỗ từ thưở bé, chuyên tâm vào việc xét thời tiết. Nhà (Quần) giàu nhiều nô bộc, trong sân dựng một ngôi lầu nhỏ, thường sai gia nhân luân phiên túc trực quan sát thiên tượng bất kể ngày đêm, vừa thấy một biểu hiện nào lập tức báo với Quần để Quần tự thân ra xem xét. Vì vậy hễ có thay đổi thời tiết, không có gì (Quần) không trông thấy, do đó lời (Quần nói về khí hậu, điềm triệu) đa phần chính xác. Châu Mục Lưu Chương mời làm Sư Hữu Tòng Sự.

Tục Hán thư chép: ”Năm Kiến An thứ bảy, Việt Tây có nam tử hoá thành nữ nhân. lúc ấy Quần nói thời Ai Đế đã từng có chuyện này, đây là điềm sắp có việc thay triều đổi đại. Đến năm Kiến An thứ hai mươi lăm, Hiến Đế quả nhiên nhận phong về Sơn Dương⁽¹⁾. Tháng mười năm (Kiến An) thứ mười hai, có sao chổi với đuôi chim thuần xuất hiện ở địa phận Kinh Châu. Quần nói ấy là điềm Kinh Châu Mục chết và mất đất. Mùa thu năm sau, Lưu Biểu chết, Tào Công dẹp yên Kinh Châu. Tháng mười hai năm (Kiến An) thứ mười bảy, có sao chổi với năm quầng. Quần nói ấy là điềm các thổ hào địa phương cát cứ miền tây đều mất đất. Lúc bấy giờ, Lưu Chương chiếm Ích Châu, Trương Lỗ chiếm Hán Trung, Hàn Toại chiếm Lương Châu, Tống Kiến chiếm Phu Hãn. Mùa đông năm sau, Tào Công sai Thiên Tướng đánh Lương Châu. Năm (Kiến An) thứ mười chín, (Tào Công) bắt được Tống Kiến; Hàn Toại chạy vào Khương Trung rồi bị giết. Mùa thu cùng năm, Chương mất Ích Châu. Mùa thu năm (Kiến An) thứ hai mươi, Tào Công tấn công Hán Trung, Trương Lỗ ra hàng.

Tiên Chủ bình định đất Thục, an bài (Quần) làm Nho Lâm Hiệu úy. Tiên Chủ muốn cùng Tào Công tranh đoạt Hán Trung, hỏi Quần. Quần đáp rằng: "Được đất mà không được dân. Nếu tiến quân vào chỗ hẻo lánh xa xôi, tất gặp bất lợi, phải cẩn thận đề phòng!" Thời ấy Châu Hậu bộ Tư mã Thục Quận Trương Dự cũng hiểu việc chiêm bốc, tài vượt quá Quần, Dự tự Nam Hoà, can Tiên Chủ rằng: "Không nên tranh chiến Hán Trung, ra quân tất bất lợi." Tiên Chủ không dùng lời Dự. Quả nhiên được đất mà không được dân. (Tiên Chủ) sai bọn tướng quân Ngô Lan Lôi Đông tiến quân vào Vũ Đô, đều chết chẳng quay về, đúng như lời Quần nói. Vì thế cử Quần làm Mậu Tài.

Dự lại nói riêng với người rằng: "Sao Thái Tuế ở phương Canh Tí, thiên hạ có việc đổi triều. Khí số họ Lưu đã hết. Chúa Công được Ích Châu, sau chín năm, vào khoảng Dần Mão thì mất." Người ấy mật trình (với Tiên Chủ) lời ấy. Trước Tiên Chủ cũng Lưu Chương gặp gỡ ở Phù Thành⁽²⁾, Dự làm Tòng Sự cho Chương, ngồi hầu bên cạnh. Tiên Chủ nói vui rằng: "Xưa tôi ở huyện Trác⁽³⁾, (huyện ấy) đặc biệt có nhiều người rậm râu. Đông tây nam bắc đều là các loại râu. Trác Lệnh gọi là Chư mao nhiều Trác⁽⁴⁾". Dự liền đáp rằng: "Khi trước có người làm Trưởng ở vùng Lộ đất Thượng Đảng, được thăng làm Lệnh ở huyện Trác. Sau từ quan về nhà, người đương thời nếu viết ra, ghi là Lộ tất thiếu Trác, ghi Trác lại thiếu Lộ bèn viết là Lộ Trác quân.⁽⁵⁾" Tiên Chủ vốn không râu, vì vậy Dự mới đem chuyện này ra nói. Tiên Chủ (đối với truyện ngày ấy) vẫn ôm giữ trong lòng chẳng bỏ qua. Nay lại càng thêm giận vì lời nói (Dự) mới tiết lộ ra, bèn (lấy cớ rằng) Dự can tranh chiến Hán Trung không chính xác, giam Dự vào ngục, rồi đem giết. Gia Cát Lượng dâng biểu xin tội cho. Tiên Chủ đáp rằng: Hoa lan thơm ngát nảy nở cửa ngoài, không thể không bẻ". Đem (xác) Dự bêu ngoài chợ. Sau này, nước Ngụy được lập nên, Tiên Chủ qua đời đều như Dự đã đoán. Dự hiểu tướng thuật, mỗi lần giơ gương lên soi đều tự biết mình sẽ phải tội tử hình, vì thế thường đánh rơi gương xuống đất.

Quần chết, con là Cự không truyền được thuật (chiêm bốc).

ĐỖ QUỲNH TRUYỆN

Đỗ Quỳnh tự Bá Du, người Thành Đô thuộc Thục Quận. Thưở nhỏ theo học Nhậm An, chuyên nghiên cứu thuật an định. Lưu Chương mời làm Tòng Sự. Tiên Chủ thu được Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng Quỳnh làm Nghị Tào Tòng Sự. Hậu Chủ lên ngôi, bá (Quỳnh) làm Giám Nghị Đại Phu, sau thăng lên Tả Trung Lang Tướng, Đại Hồng Lư, Thái Thường. (Quỳnh) Là người trầm tĩnh ít lời, đóng cửa giữ mình không màng thế sự. Tướng Uyển, Phí Vĩ đều trọng tài năng. Tuy kiến thức ở vào bậc thâm sâu, lúc đầu không dựa vào thiên văn để đưa ra luận thuyết của mình. Bậc danh nho đời sau là Tiểu Chu từng hỏi kiến giải (của Quỳnh) về chuyện này. Quỳnh đáp rằng: „Muốn hiểu thuật (xem thiên văn) này là rất khó. Cần phải gánh vác những gì mình nhìn ra, phân biệt rõ hình thái của nó, lại không thể thông báo cho mọi người cùng biết được. Ngày đêm khổ sở, rồi sau mới biết rõ sự tình, lại sợ việc bị tiết lộ ra. Không như (người) không biết (xem chiêm bosc) nhìn thấy mà lại là không nhìn ra vậy.” Chu nhân đó hỏi: „Xưa Chu Trưng Quân⁽⁶⁾ cho rằng đương đồ cao là Ngụy⁽⁷⁾, sao câu ấy lại có nghĩa này?” Quỳnh đáp: „Ngụy vốn chưa có tên. Đương đồ nhi cao là phép tắc thánh nhân dùng lời mà nói cho ta nghe vậy.” Lại hỏi Chu rằng: „Có thấy lại có điếu gì kỳ quái chẳng?” Chu đáp: „Còn chưa thông suốt là chuyện gì.” Quỳnh lại nói: „Từ cổ quan danh, chức vị không có chữ Tào. Bắt đầu từ đời Hán đến nay, quan danh, chức vị tận cùng bằng chữ Tào. Sử quan gọi là Chức Tào, người hầu gọi là Thi Tào. Đây chắc là thiên ý vậy.” Quỳnh thọ hơn tám mươi tuổi, chết vào năm Diên Hi thứ mười ba. Sáng tác Hàn Thi văn chương hơn mười vạn chữ, không dạy học trò, tài học không có người thừa kế. Chu được nhờ lời tinh mỹ, lâu sau mới bèn cảm xúc nói rõ phép tắc: „Xuân Thu truyện ghi Thái tử con trai Tấn Mục Hầu tên gọi là Cừ⁽⁸⁾, em tên là Thành Sư⁽⁹⁾. Thầy (Đỗ Quỳnh) lại nói: Lạ thay chuyện cái tên của con bậc quân vương! Vợ hiền gọi là Phi, vợ chồng oán hận nhau gọi là Cừ. Nay vua đặt tên con là Cừ, em là Thành Sư. Đấy phải chẳng là triệu chứng đầu tiên của thời loạn lạc, em thay thế anh? Sau này quả nhiên

như lời (thầy - Đỗ Quỳnh) giải thích. Đến thời Hán Linh Đế đặt tên hai con là Sử Hâu, Đông Hâu⁽¹⁰⁾ rồi lập làm vua, sau tất cả đều bị truất xuống làm chư hầu, cùng với lời giải thích của thầy là tương tự đó. Tiên Chủ húy "Bị", nghĩa là "đủ". Hậu Chủ húy Thiệu, nghĩa là "trao cho". Ý là họ Lưu đã hoàn bị nay trao cho người khác. Ý nghĩa vượt xa việc Mục Hâu, Linh Đế (đặt tên cho con cháu). Ngày sau hoạn quan Hoàng Hạo lộng quyền trong cung đình. Năm Cảnh Diệu thứ năm, một cây đại thụ trong cung bỗng rụng vô cớ bị gãy. Chu rất lo buồn, không biết ngỏ cùng ai, bèn viết lên gốc cây rằng: "Đông đúc mà to lớn, đến kỳ hạn mà hội tụ lại, đã hoàn bị thì trao lại, sao có thể hồi phục được?" Đông đúc (chúng) nghĩa là "Tào" (đông đúc) vậy. Ngụy nghĩa là to lớn vậy. Đông đúc mà to lớn. Thiên hạ hội tụ ở đó (ở chỗ Tào Ngụy). Hoàn bị rồi trao cho người khác, thì làm sao kế lập được nữa? Thực mất nước, tất cả những lời Chu nói đều ứng nghiệm. Chu nói: „Điều này tuy tự do ta tìm tòi suy nghĩ đoán ra nhưng cũng có nguyên nhân là do lời của Chu Quân truyền mãi trong tai, tuyệt không có thần thánh gì mà một mình tự nghĩ ra việc kỳ lạ đến như vậy.”

HỨA TỪ TRUYỆN

Hứa Từ tự Nhâm Đốc, người Nam Dương. Thờ Lưu Hi làm thầy, giỏi cái học của Trịnh thị, nghiên cứu Dịch, Thượng thư, Tam lễ, Mao thi, Luận ngữ. Trong những năm Kiến An cùng bọn Hứa Tĩnh theo đường Giao Châu vào Thục. Đương thời lại có Thục Quân Hồ Tiềm, Tự là Công Hưng không rõ quê ở vùng nào trong đất Ích. Tiềm tuy học thuật không sâu rộng nhưng kiến thức trách việt hơn người, khuôn mẫu chế độ của tổ tông, phép tắc tiêu chuẩn của tang lễ tất cả chỉ cần vạch vẽ dưới đất, cất tay có thể chỉ rõ ra được. Tiên Chủ an định đất Thục, (thấy) trải qua tháng năm chịu nhiều tao loạn, việc hócuỵ kém lụn bại bèn gom góp tụ tập kinh điển thư tịch, chọn lọc học sinh. Lấy Từ, Tiềm đều làm Học Sĩ, cùng bọn Mạnh Quang, Lai Mẫn quản lý coi sóc việc san cải luật cũ. Gặp nhiều chuyện vì công việc mới bắt đầu thường phải bàn bạc thảo luận những chỗ chưa minh bạch. Từ, Tiềm luân lưu mâu thuẫn với nhau. Bĩ bại độc địa, phần nộ tranh hành, bộc lộ ra hết trong lời nói sắc mặt; Thư tịch có cũng như không, chẳng hề chung sức giúp đỡ lẫn nhau, thường chỉ tìm chỗ công kích bài bác, làm cả hai đều chấn động. Tâm chí để mãi ở chỗ khen mình chê người. Tiên Chủ lấy làm lo lắng muốn tách (hai người) ra, tụ tập bách quan, sai con hát giả dung mạo hai người. Bắt chước tình cảnh hai người tranh biện cãi lộn, tấu nhạc uống rượu, lấy đó làm vui. Lúc đầu (con hát đóng giả) đôi bên cật vấn nhau bằng lời lẽ đạo lý, sau là (thể hiện song phương) gây gổ với nhau bằng gậy bằng dao. Có công dụng làm mọi người cảm động thiết tha. Tiềm chết trước. Từ dưới thời Hậu chủ dần dần thăng lên đến Đại trường thu, rồi chết.

Tôn Thỉnh nói: Thục ít nhân tài, xưa chỉ có bọn Từ Tiềm là đều thông hiểu cái lễ tải đạo vậy.

Con (Từ) là Huân kế thừa sự nghiệp của cha, lại làm Bác Sĩ.

MẠNH QUANG TRUYỆN

Mạnh Quang tự Hiếu Dụ, Người Lạc Dương thuộc Hà Nam. Đồng tộc của Thái Úy nhà Hán Mạnh Úc.

Tục Hán Thư chép: Úc, em của Trung Thường Thị Mạnh Bí.

Vào Cuối thời Linh Đế (Mạnh Quang) làm Giảng ở bộ Lại. Khi Hiến Đế thiên đô về Trường An bèn bỏ trốn vào Thục. Cha con Lưu Yên lấy lễ tân khách mà đối đãi. (Mạnh Quang) thông tỏ vạn vật, hiểu rõ thế sự, không sách nào chưa đọc, kiến giải về tam sử cực kỳ sắc bén, sở trường ở các điển cổ Hán triều. Giỏi dùng nghĩa lý Công Dương Xuân Thu châm biếm móc máy Tả Thị, mỗi lần cùng Lai Mẫn tranh luận ý tứ của hai sách này thường cướp lời mà nói âm ỉ ồn ào. Tiên Chủ an định Ích Châu, (Mạnh Quang được) bái làm Nghị Lang cùng bọn Hứa Từ chương quản việc thiết lập pháp độ. Hậu Chủ lên ngôi, (Mạnh Quang) làm Phù Tiết lệnh, Truân Kỳ hiệu úy, Trưởng Nhạc Thiếu phủ, rồi thăng làm Đại Tư Nông. Năm Diên Hi thứ chín, có lệnh đại xá, Quang ở giữa đám đông trách Đại tướng quân Phí Y rằng: „Người ta đại xá thiên hạ, (là vào lúc) vạn vật khô héo, không phải là điều thích hợp mà mình quân thịnh thế nên làm. (Khi) Suy bại khốn đốn cùng cực, bất đắc dĩ mới phải làm, rồi sau bèn có thể quyền biến mà hành sự. Nay Chúa thượng nhân từ hiền đức, trăm quan xứng đáng với chức vụ, có mỗi nguy nào hiện ra trong sớm tối hay chuyện nghiêm trọng nào treo lơ lửng mà lại cân nhắc việc thực hành ân điển thi hành, ban ơn cho ác nhân gian đảng như vậy? Lại như chim ưng chim cắt từ đâu đã đi săn bắt mà băng qua cánh đồng lại được tha tội, trên phạm thiên đạo, dưới trái nhân tình. Lão phu già yếu, không hiểu quy cách pháp trị, riêng nói về tư pháp khó theo kinh điển từ xưa, đành vui vẻ sửa soạn ngắm xem tài ba đẹp đẽ, ước mong tựa nhờ đức sáng.“ Y chỉ lật đật cung kính cố nhận lỗi mà thôi. Quang chê trách phê phán đến đau xót phần lớn là như vậy, cố tình nói với đại thần phụ chính, không nghĩ đến chuyện làm đẹp lòng hay nể nang tước vị của ai. Vì thường nói thẳng không tránh né, (cùng thời) có nhiều người không bằng lòng. Bọn Thái Thường Quảng Hán Đàm Thừa,

Hoa Dương Quốc Chí chép: Thừa tự Công Văn, từng giữ chức Quận thủ Thiểu phủ.

Quang Lộc Huân Hà Đông Bùi Tuấn tuổi tác tư cách đều ở dưới Quang nhưng leo lên chiếm hàng trên, được đối đãi hơn Quang, đại để là vì thế.

Phó sứ Bui thị gia ký chép: Tuấn tự Phụng Tiên, Em của Ngụy Thượng Thư lệnh (Bùi) Tiềm. Anh rể Tuấn làm Trưởng Sử trong đất Thục, Tuấn đi tiễn, lúc ấy mới hơn mười tuổi, nhân gặp thời Hán mạt đại loạn, không quay lại được. Chẳng bao lâu trưởng thành nổi danh, được người Thục tiến cử vào chức vị quan trọng. Con (Tuấn) là Việt làm Đốc quân nước Thục, Thục mất nước chuyển về Lạc Dương, được bái làm Nghị Lang.

Văn sĩ hậu tiến là Khước Chính thường theo Quang học hỏi thương lượng. Quang hỏi Chính Thái Tử học sách bao gồm được những đức tính gì thì là tốt nhất. Chính đáp rằng: „Thờ cha mẹ thành khẩn cung kính, sớm tối không lười biếng, đó là phong độ của Thế tử. Khi tiếp đãi bách quan cử chỉ hiển lộ ra vẻ khoan dung nhân ái.“ Quang nói: „Như lý lẽ của ngài nghe mọi gia đình đều phải có, nay câu hỏi của tôi là muốn biết cần nhắc mưu lược tài trí điều hoà theo cách ra sao.“ Chính nói: „Cái đạo của bậc Thế tử là ở chỗ có chí vui lòng tận lực kế thừa đại thống, rồi không được tùy tiện làm theo ý mình mà lại hoài bão tài ba điều bát ở trong lòng. Quyền biến mưu lược tùy thời mà hiển lộ, như có như không, thì mới có thể yên định được những việc cần thiết chăng?“ Quang thấy Chính cẩn thận phù hợp không phải là kẻ bàn luận bông tuồng, bèn nói: „Tôi hay nói thẳng, không hề né tránh. Mỗi lần bản tên là có ích cho khuyết hầu, làm cho người đời mỉa mai oán ghét. Mà xem ý tứ của ngài cũng là rất không ưa lời lẽ của tôi nên bàn luận có chỗ hấp tấp. Nay thiên hạ chưa định, mưu kế sách lược là quan trọng nhất. Mưu kế sách lược dù tự nhiên mà có nhưng không có khả năng cưỡng ép mà nghĩ ra được. Bây giờ Trù quân đọc sách, coi như đứng bắt chước chúng ta kiệt lực học hỏi thật nhiều kiến thức để đối phó với câu hỏi. Giống như anh học trò tra cứu đường lối trình bày bài thi để cầu tước

vị! Đây là việc gấp đó.“ Chánh cho lời Quang là rất đúng. Sau Quang mắc tội bị cách chức. Hơn chín mươi tuổi chết.

LAI MÃN TRUYỆN

Lai Mẫn tự Kính Đạt, người Nghĩa Dương thuộc Tân Dã, là hậu nhân của Lai Hấp⁽¹¹⁾. Cha (Lai Mẫn) là Diễm từng làm chức Tư Không dưới thời nhà Hán. Hoa Kiệu Hậu Hán thư chép: Diễm học giỏi khiên nhượng, mở trường nuôi học sinh, tuổi trẻ đã địa vị hiển hách, thời Linh Đế làm đến chức Tư Không. Thời Hán mạt đại loạn, Mẫn theo anh rể chạy vào Kinh Châu. Anh rể (Mẫn) tên Hoàng Uyển là cháu của bà Lưu Chương. Vì vậy Chương sai người đón vợ (chồng) Uyển. Mẫn bèn cùng chị vào Thục, thường làm tân khách của Chương. (Mẫn) bao quát thư tịch, thích đọc Xuân Thu Tả Thị, đặc biệt tinh thông ý nghĩa cổ thư Thương, Nhã; giỏi văn chương chính đạo. Tiên Chủ an định Ích Châu, an bài Mẫn làm Điển Học Hiệu úy. Đến khi lập Thái Tử dùng Mẫn làm (Thái Tử) Gia Lệnh. Hậu Chủ nối ngôi, dùng (Mẫn) làm Hồ Bôn Trung lang tướng. Thừa tướng Lượng đóng ở Hán Trung, mời Mẫn làm Quân Tế Tửu, Phụ Quân tướng quân. (Mẫn) phạm pháp phải rời chức vụ.

Lượng tập có truyền lại rằng: „Tướng quân Lai Mẫn nói với thượng quan rằng: „Tân nhân có công đức gì mà tranh dành vinh diệu ta được ban cho? Mọi người cùng ghét ta là vì có gì vậy?’ Mẫn tuổi cao ngạo mạn làm trái, sinh ra lời oán thán này. Khi xưa Thành Đô mới an định đã có người chỉ trích Mẫn làm loạn quần thần, Tiên Đế lấy lễ tế nhị khi việc mới yên, vì vậy bèn nhẫn nại mà thu nạp. Sau Lưu Tử Sơ⁽¹²⁾ chọn Mẫn làm Thái Tử Gia Lệnh, Tiên Đế chẳng đẹp lòng nhưng (nể Lưu Ba) không nỡ cự tuyệt. Hậu Chủ kế vị, ta u mê không hiểu được người, bèn lại đề bạt làm Tướng Quân Tế Tửu, (thật) ngược với ý kiến thâm sâu của người trước đã bình luận, làm trái chỗ bài trừ xa lánh (Mẫn) của Tiên Đế, vốn là để có thể thành khẩn khuyến khích người hèn mọn kẻ bình thường theo đạo nghĩa tuân theo đạo nghĩa. Nay đã không thể, dâng biểu (cho Mẫn) thôi chức, sai đóng cửa tự ngậm lỗi lầm.”

Sau khi Lượng chết, (Mẫn) trở về Thành Đô làm Đại Trường Thu, lại bị miễn chức. Sau lại được thăng thêm lần nữa làm Quang Lộc Đại phu, lại

phạm lỗi bị cách chức. Trước sau bị trách mắngbiếm truất tước chức đều vì lời lẽ không giữ lễ tiết, hành vi trái với đạo lý. Đương thời Mạnh Quang cũng vì những chỗ then chốt tinh tế không thận trọng mà tạo thành nghị luận một thời, nhưng vẫn còn hơn Mẫn, cùng các bậc kỳ túc học sĩ trong triều kính lễ (lẫn nhau). Mẫn vốn dòng dõi danh gia đất Kinh Sở, lại là thuộc hạ cũ của (Hậu Chủ lúc còn làm) Đông cung, được hưởng ân huệ đặc biệt nên mấy lần giáng rồi lại thăng. Sau lấy Mẫn làm Chấp Thận tướng quân, muốn lệnh (cho Mẫn)giữ địa vị quan trọng mà tự biết giới hạn bản thân. (Mẫn) thọ bảy mươi tuổi, chết trong những năm Cảnh Diệu. Con Mẫn là Trung, cũng bác lãm cổ kim, kế thừa tước phong của Mẫn, cùng bọn Thượng Thư Hưởng Sung hết lònghiệp trợ Đại tướng quân Khương Duy. Duy rất yêu quý, dùng làm Tham Quân.

DUẨN MẶC TRUYỆN

Duẩn Mặc tự Tư Điem, người huyện Phù quận Tử Đông. Ích Châu phần lớn thích lối hành văn mới mà không coi trọng từ chương điển cố. Mặc hiểu (văn mới) là không sâu sắc, bèn viễn du đến Kinh Châu, theo học cổ văn ở các vị Tư Mã Đức Tháo⁽¹³⁾, Tống Trọng Tử⁽¹⁴⁾. Các loại kinh sách thầy đều hiểu biết, lại tập trung học hỏi tỉ mỉ Tả Thị Xuân Thu. Tử Lưu Hâm điều lệ, Trịnh Chúng, cha con Cố Quý, Trần Nguyên, Phục Kiên chú thuyết tất cả đại lược đều noi theo mà học thuộc không cần xem lại bản gốc. Tiên Chủ lấy Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng (Mặc) làm Khuyển Học Tông Sự. Đến khi lập Thái Tử, (Tiên Chủ) lấy Mặc làm Bộc, giảng (Xuân Thu) Tả Thị truyện cho Hậu Chủ. Hậu Chủ lên nối ngôi, bá (Mặc) làm Giám Nghị Đại phu. Thừa Tướng Lượng đóng ở Hán Trung, mời (Mặc) làm quân Tế Tửu. Lượng chết, (Mặc) trở về Thành Đô được bá làm Thái Trung Đại phu rồi chết. Con là Tông nối nghiệp, làm Bác Sĩ. Tống Trọng Tử về sau ở nước Ngụy.

Ngụy Lượng chép rằng: "Con (của Tống Trọng Tử) cùng Ngụy Phúng mưu phản, nhận tội chết. Ngụy Thái Tử viết thư trả lời Vương Lăng rằng: Xưa Thạch Hậu cùng Chu Hu⁽¹⁵⁾ qua lại, cha là (Thạch) Thước biết trước rằng chúng sẽ làm loạn. Hàn Tử thân với Điền Tô, Mục Tử nhận ra là người nhân hậu. Tử trước quân tử ngao du tất có chốn có nơi, ở đâu ắt cũng thành kẻ ỉ, chuyện đó là có thật. Chao ôi! Tống Trung không có cái sáng suốt để hiểu con mình như họ Thạch, rất lo buồn trước cái hoạ này. Nay dầu vậy vẫn thành thật mong cầu làm việc tru diệt người thân, giữ vững lễ tiết của kẻ thần tử, có thể cho là cao thượng vậy."

LÝ SOẠN TRUYỆN

Lý Soạn tự Khâm Trọng, người huyện Phù quận Tử Đông. Cha là Nhân, tự Đức Hiền, với người cùng huyện là Duãn Mặc đi Kinh Châu theo học các vị Tư Mã Huy, Tống Trung. Soạn kế thừa đầy đủ sự nghiệp (của cha) lại theo Mặc giảng giải phân tích nghĩa lý Ngũ Kinh, Chư tử. Không có sách nào không đọc qua. Lại thêm hiểu biết sâu rộng nhiều môn. Số học, bói toán, chữa bệnh bốc thuốc, cung nỏ, cơ giới⁽¹⁶⁾ đều suy ngẫm đến cùng cực, đâu vào đó. Lúc đầu làm thư tá ở Châu sau làm Thượng Thư lệnh sử⁽¹⁷⁾. Năm Diên Hi thứ nhất, Hậu Chủ lập Thái tử lấy Soạn làm Thứ Tử⁽¹⁸⁾ thăng làm Bộc⁽¹⁹⁾, sau chuyển làm Trung Tán Trung Đại phu, Hữ Trung lang tướng vẫn phụng thị Thái Tử. Thái Tử mến mộ (Soạn có) kiến văn quảng bác, rất yêu quý. Nhưng (Soạn) thân thể gầy nhỏ, thích cười nói đùa cợt, vì thế không đạt được sự kính trọng của người đời. Soạn (lại) cổ văn như Dịch, Thượng Thư, Mao Thi, Tam Lễ, Tả Thị truyện, Thái Huyền chỉ quy đều dựa vào mẫu mực của Giả, Mã⁽²⁰⁾ mà khác với Trịnh Huyền⁽²¹⁾. Cùng Vương thị⁽²²⁾ ngăn cách khu biệt chưa từng gặp gỡ trao đổi với nhau song ý tứ kiến giải góp lại phần lớn tương đồng. Chết trong những năm Cảnh Diệu. Đương thời còn có Hán Trung Trần Thuật, tự là Thân Bá cũng bác học đa tài soạn Thích Vấn bảy thiên được nhắc đến trong Ích bộ kỳ cựu truyện, từng trải qua địa vị Thái thú ở ba quận.

TIÊU CHU TRUYỆN

Tiêu Chu tự Duẩn Nam, người ở thuộc quốc Tây Sung vùng Ba Tây. Cha (của Chu) là Tịnh, tự Vinh Thủy, nghiên cứu kỹ Thượng Thư⁽²³⁾, đồng thời hiểu biết sâu xa nhiều liệu kinh sách và Đồ, Vĩ⁽²⁴⁾. Châu quận thỉnh mời, đều không chịu nhận. Châu lại đặt làm Gia Sư Hữu Tông Sự. Chu lúc nhỏ mồ côi, sống với mẹ và anh, đến khi trưởng thành đam mê cổ sự kiên trì học tập, nhà nghèo mà chưa từng hỏi đến chuyện tài sản. Thường tụng đọc sách vở điển tịch, mừng rỡ cười một mình quên cả ăn ngủ. Tham cứu tinh tường lục kinh, văn thơ càng giỏi. Hơi hiểu thiên văn, nhưng không chuyên tâm vào đó. Văn chương chừ tử chẳng có lòng nghĩ tới, không noi theo bất cứ một ai. Minh cao tám thước, tướng mạo mộc mạc giản dị, tính cách khiêm nhường thành khẩn không giả dối, chẳng có tài biện bác nhanh nhạy nhưng ẩn tàng kiến thức thông tuệ.

Trong những năm Kiến Hưng, Thừa tướng Lương lĩnh Ích Châu Mục, lệnh cho Chu làm Khuyển Học Tông Sự.

Thục Ký chép: Lần đầu Chu yết kiến Lương, tả hữu (của Lương) đều cười. Khi (Chu) đã đi ra, có viên quan đề nghị không cười nữa, Lương nói: "Ta ngồi trên còn không nhịn nổi, huống chi tả hữu."

Lương chết nơi đất địch, Chu ở nhà nghe được tin tức liền hoả tốc chạy đến. Lúc đó có chiếu thư ngăn chặn cấm đoán, chỉ một mình Chu nhờ nhanh chân mà đi được tới nơi. Đại tướng quân Trương Uyển lĩnh Thứ Sử (Ích Châu), dời (Chu) làm Điển Học Tông Sự, đứng đầu việc học trong châu.

Hậu Chủ lập Thái Tử, lấy Chu làm Bộ⁽²⁵⁾, rồi chuyển làm Gia Lệnh. Đương thời Hậu Chủ rất hay ra ngoài, đi chơi các nơi, tiếng xấu hưởng lạc càng thêm lan rộng. Chu dâng sớ can rằng: "Xưa Vương Mãng⁽²⁶⁾ bại vong, anh hào cùng quật khởi, chiếm cứ châu quận, muốn đoạt thần khí⁽²⁷⁾. Lúc đó hiền tài chí sĩ suy nghĩ mong mỏi có chỗ để theo về. Chưa hẳn là (cân nhắc) ở điểm thế lực lớn hay nhỏ mà chỉ ở chỗ đức dày hay mỏng. Canh Thủy⁽²⁸⁾, Công Tôn Thuật⁽²⁹⁾ thời bấy giờ đều có vây cánh rất nhiều,

thế lực mạnh mẽ, tuyệt chẳng kiềm chế ham muốn phóng dăng, lười làm việc thiện, săn tìm đồ ăn uống, không biết quan tâm đến dân tình. Khi Thế Tổ⁽³⁰⁾ mới đến Hà Bắc, bọn Phùng Dị⁽³¹⁾ khuyên rằng: ‘Hành vi của người (cầm quyền) đương thời là không thể theo được.’ (Thế Tổ) bèn xét lại các vụ án oan, tiết kiệm chi dùng, luôn tuân theo pháp độ. Bởi vậy bắc châu ca ngợi, thanh danh vang xa khắp bốn phương. Vì thế Đặng Vũ⁽³²⁾ từ Nam Dương đuổi theo; Ngô Hán⁽³³⁾, Khấu Tuần⁽³⁴⁾ chưa biết Thế Tổ mà ở xa đã nghe về đức độ việc làm nên dung mưu kế quyền biến khởi sự ở Ngưu Dương, Thương Cốc, dùng kỵ binh đến đón (Thế Tổ) về Nghiễm A. Ngoài ra xem lễ lối phong thái mà hâm mộ phẩm hạnh đến mức mắc bệnh vẫn mang theo áo quan cố đến để nương nhờ như bọn Bi Dung, Cảnh Thuần, Lưu Thực đếm không hết được. Nhờ đó có thể từ yếu hoá mạnh, giết Vương Lang⁽³⁵⁾, nuốt Đồng Mã⁽³⁶⁾, bẻ Xích Mi⁽³⁷⁾ làm thành đế nghiệp vậy. Đến khi đóng tại Lạc Dương, thường muốn khinh xuất ra ngoài, xa giá đã được đánh ra, Diêu Kỳ⁽³⁸⁾ can rằng: ‘Thiên hạ chưa được yên bình, thần quả thật không chịu được thấy bệ hạ vì những việc nhỏ nhặt mà tính chuyện ra ngoài.’ (Thế Tổ) lập tức quay xe về. Đến lúc đánh Ngõi Hiêu⁽³⁹⁾, giặc cướp ở Dĩnh Xuyên nổi dậy. Thế Tổ đã về đến Lạc Dương, chỉ sai Khấu Tuần đến (Dĩnh Xuyên đánh dẹp). Tuần nói: ‘Dĩnh Xuyên vì bệ hạ đi đánh giặc nơi xa, cho nên gian tặc làm phản, chưa biết bệ hạ đã về tới, sợ không có cơ hội mà đầu hàng. Bệ Hạ tự thân đến nơi, phản tặc Dĩnh Xuyên tất sẽ lập tức quy phục.’ (Thế Tổ) bèn tới Dĩnh Xuyên, rốt cục như lời Tuần nói. Cố sự không có việc gì gấp, không tham mạo muội ra thành; khi chuyện khẩn yếu đến, không theo ham muốn tự cầu an, của bậc đế vương có lòng mong cầu điều thiện xưa là như vậy. Truyện cũ chép: ‘Trăm họ không tính trước bước cậy nhờ’, thành (được đại nghiệp) là vì lấy đức lớn làm đầu mà thôi. Nay nhà Hán gặp vận khí gian nan, thiên hạ chia ba, đúng là lúc kẻ sĩ mong mỏi chờ trông bậc anh hùng sáng suốt vậy. Bệ hạ là người chí hiếu, để tang quá ba năm, hễ nhắc đến (tiên đế) là rơi lệ, dù chông chất xót thương mà không quá độ. Lại kính người hiền, dùng người tài, khiến cho họ tận hết khả năng, đã đầy đủ lại càng thêm yên ổn. Vì thế trong nước

hoà hợp thống nhất, lớn nhỏ cùng chung sức. Thần không thể dãi bày gì được nữa. Song thần không đảm đương nổi một nguyện vọng lớn lao, nguyện vọng mà quảng đại lê dân không làm nổi. Người gánh vác sự nghiệp quan yếu trọng đại, phải dùng tài sức vất vả khác với người thường, vượt qua vô vàn gian khó, giỏi đi con đường khổ ải chẳng ai hay, mà lại kế thừa sự nghiệp nơi tông miếu chứ không phải kẻ truy cầu hạnh phúc. Vì thế mới được muôn dân tuân theo mà suy tôn là chúa thượng vậy. Cho đến lúc bốn mùa tế tự, bệ hạ hoặc có việc không tới, còn bận đi thưởng ngoạn thượng uyển long trì, hoặc đã xuất cung ở bên ngoài. Thần vốn dốt nát trì trệ, lòng riêng không sao tự an ổn được. Người lo nghĩ đến trách vụ bản thân mình gánh vác, không có lúc rảnh rang mà tận tình vui vẻ. Chí nguyện của Tiên Đế, sự nghiệp vẫn chưa thành, quả thật không phải lúc tận tình hoan lạc. Mong bệ hạem xét giảm bớt quan chức lo việc nhạc nhã và kiến thiết cung sở chốn hậu cung. Tu sửa suy tôn ân trạch của Tiên đế, dưới lại dạy dỗ cháu con tực hành tiết kiệm.” (Hậu Chủ) dời Chu làm Trung Tán Đại Phu, vẫn trông nom Thái Tử.

Vào thời ấy, quân binh (Thục Hán) nhiều lần xuất chiến, trăm họ tàn tạ mệt mỏi. Chu cùng Thượng Thư Lệnh Trần Chi⁽⁴⁰⁾ bàn lẽ lợi hại của việc ấy, bác bỏ hết (luận điếm của Chi) bằng bài luận quốc thù. Bài luận ấy viết: ”Nhân vì ta ở nơi tiểu quốc, nhưng bắt đầu xây dựng quốc gia lớn mạnh lên, cùng tranh giành thế cục với cừu địch. Trong nước lại có bậc cao hiền hỏi Phục Ngu Tử rằng: ‘Nay việc nước chưa yên, trên dưới đều nhọc lòng, trong những biến cố thời cổ đại đã qua, có những chuyện yếu có thể thắng mạnh, phương pháp (của những việc đó) là thế nào?’ Phục Ngu Tử đáp: ‘Tôi thường nghe, kẻ coi sóc chỗ lớn mà không biết lo âu thường bị người coi khinh, kẻ lo liệu chỗ nhỏ mà biết toan tính luôn được nhiều người yêu thích. Nhiều người coi khinh tất sinh loạn, nhiều người yêu thích tất bình an, đấy là đạo lý thông thường vậy. Xưa Chu Văn⁽⁴¹⁾ nuôi dân, lấy ít làm nhiều; Câu Tiễn⁽⁴²⁾ an ủi trăm họ, dùng yếu hạ mạnh, chính là phương pháp này.’ Bậc công khanh cao hiền nói: ‘Trước kia Hạng mạnh Hán yếu, giao chiến với nhau, không có ngày nào an ổn, mà Hạng Vũ cùng nhà Hán hẹn

ước lấy Hồng Câu phân định giới tuyến, mỗi bên cùng muốn trở về an ủi dân mình; Trương Lương cho rằng lòng dân đã định thì khó lòng cử sự được, bèn tìm thống soái để đuổi Vũ, cuối cùng diệt được Hạng thị, há là mong dùng cách của Văn vương mà lo việc hay sao? Bát đầu kiến lập quốc gia, phương pháp là địch có hoạ hoạ, ta nhân sơ hở ấy, vây hãm chốn biên thuỳ, mong gán thêm tai vạ cho chúng rồi nhân đó mà trừ diệt nó đi.’ Phục Ngu Tử nói: ‘Trong khoảng Ân Chu giao thời, vương hầu nhiều đời hưởng tôn kính, lễ quân thân dài lâu bền chắc, dân dã chuyên chú thành quen, gốc rễ thâm sâu khó nhổ lên, nền tảng vững chắc khó đổi dời. Còn vào lúc bấy giờ, há chỉ một Hán Tổ có ý vung kiếm quất ngựa dành thiên hạ hay sao? Khi ấy là buổi sau khi nhà Tần bãi bỏ lệ phân phong, chấm dứt đặt quận thú. Dân chúng mỗi một vì lao dịch cho Tần triều, nếp tốt trong thiên hạ băng hoại sụp lở, khi ngờ sao Tuế đổi ngôi, lúc nghĩ mặt trăng mất quân bình, chim thú cũng sợ hãi, không biết theo về nơi đâu. Hào kiệt thì nhau tranh đấu, hùm sói giằng co, nhanh chóng chiếm lấy thì thu hoạch nhiều, chậm rãi đi sau thì bị nuốt gọn. Nay ta đem so sánh với chuyện kiến lập quốc gia thì đều có khác biệt về thời thế, đã không phải lúc Tần mạt giữa cơn náo loạn mà quả thực có hình thế của khi sáu nước cùng cát cứ. Cho nên có thể theo Văn vương, khó theo Hán Tổ. Lê dân một nhọc là điềm báo trước sinh ra bất mãn, rối loạn. Trên phóng tung, dưới buông tuồng thì tình huống tan vỡ bắt đầu phát lộ. Ngạn ngữ nói: ‘Vừa bắn cầu may vừa lo ngã, không bằng nhắm kỹ’, là vì kẻ sĩ chẳng đưa mắt nhìn theo điều lợi nhỏ, không để bị thành kiến biến đổi suy tính. Cơ hội thích hợp sau mới xuất hiện thì tính toán đúng đắn sau mới đưa ra. Trước đây quân của Thang, Vũ⁽⁴³⁾ không cần nhiều lần chinh chiến mà thắng địch, thật đã coi trọng sức dân mà tính toán thời cuộc kỹ càng vậy. Ví thử gấp dùng vũ lực, lạm dụng chiến tranh, đất tan thể lạ, bất hạnh gặp phải nguy nan, dầu có bậc trí giả phù trợ cũng không thể trừ hoạch hết được. Còn như hấp tấp xoá trộn loạn xạ lớn lao, xuất nhập không có lúc yên bình, để sóng tran nước cuốn hết con đường cũ, qua núi vượt sông không cần chèo lái mà vẫn sang được bờ bến mới, ta là kẻ ngu xuẩn thật nghĩ rằng không làm được.”

Sau (Chu) được thăng Quang Lộc Đại Phu⁽⁴⁴⁾, ngôi vị chỉ dưới Cửu Khanh. Tuy vậy Chu không tham dự chính sự chỉ lấy việc thực hành nề nếp mà xây phép tắc. Người đương thời có hỏi han bàn luận việc lớn (Chu) thường y theo kinh sách mà ứng đối nhưng sau sinh ra sự việc tốt lành cũng là nhờ ở tư vấn (của Chu) thích hợp vậy.

Mùa đông năm Cảnh Diệu thứ sáu, Ngụy Đại tướng quân Đặng Ngải hạ được thành Giang Do, ruổi dài mà tiến, nhưng trong Thục tấu sớ nói rằng địch quân không tiến được nữa nên không gặp xếp phòng thủ các thành. Đến khi nghe tin Ngải theo đường Âm Bình thâm nhập, bách tính hoảng loạn, tất cả nháo nhác chạy vào nơi sơn dã, không thể ngăn cấm nổi. Hậu Chủ khiến quần thần họp bàn, song không ai nghĩ được kế sách gì. Hoặc bàn Thục với Ngô vốn là đồng minh nên có thể chạy sang Ngô. Hoặc nghĩ đất Nam Trung có bảy quận nên có thể chạy xuống phía nam. Riêng Chu nói rằng: "Tự cổ đến nay, không có bậc thiên tử bỏ nước mà đi sống nhờ. Nay nếu vào đất Ngô, tất nhiên phải thần phục (Ngô). Mà chính lý chẳng khác được là lớn có thể thôn tính được nhỏ, đó cũng là quy luật tự nhiên thôi. Từ đó mà nói, Ngụy có thể gồm thu Ngô còn Ngô không thể thôn tính Ngụy là chuyện dễ hiểu vậy. Cùng nhỏ bé phải xưng thần, ai ganf gửi hơn thì lớn, nhiều lần chịu nhục phải đầu hàng sao so được với một lần chịu khuất? Còn như mong chạy xuống phía nam, thì phải là kế sách được chuẩn bị từ lâu rồi sau mới có thể thi hành nổi. Nay đại địch đã đến nơi, hiểm họa thất bại ngay trước mắt, mỗi người đều giữ lòng riêng, không một ai có thể nương tựa được. Ngay lên đường nổi sợ hãi bùng lên, tình thế biến hoá khôn lường, sao đi được đến tận phía nam!" Quần thần có người căn vặn Chu rằng: "Nay Ngải ở cách chẳng xa, sợ rằng không nhận đầu hàng, nếu vậy phải làm sao?" Chu nói: "Nay Đông Ngô chưa chịu khuất, tình thế không thể không cho (hàng) được. Sau khi đã nhận (cho hàng) không thể không dùng lễ (mà đối đãi). Nếu Bộ Hạ hàng Ngụy, Ngụy không cắt đất để phong cho Bộ Hạ, Chu xin đem thân tới kinh đô, dùng cổ nghĩa mà tranh đấu." Mọi người không thay đổi được lý lẽ của Chu.

Hậu Chủ đối với việc chạy về phía nam còn do dự, Chu dăng sợ rằng: "Có người nói với Bộ Hạ rằng bắc binh tiến đã sâu, mong dùng kế chạy về phương nam, thân ngu muội lấy làm bất an. Sao vậy? Nam phương xa xôi vốn là đất của người Di, bình thường không hề nghe theo sắp đặt cho nên đã mấy lần phản loạn. Từ khi Thừa tướng Lượng nam chinh, lấy sức mạnh quân sự mà bức bách, cuối cùng mới may mắn buộc được họ phải phục tùng. Sau đó (họ) cung ứng cho việc trưng thu của nhà nước, chủ yếu dùng vào việc binh, vẫn lấy làm oán hận. Đó là những người gây lo lắng cho quốc gia vậy. Nay vì quân bách, muốn đến nương nhờ (họ), sợ rằng tất lại phản loạn, ấy là một. Bắc binh đánh tới, tất chẳng phải chỉ lấy Thục mà thôi, nếu chạy về nam, tất nhân khi thế lực của người suy giảm, thừa cơ đuổi theo, ấy là hai. Nếu đến được nam phương, ngoài phải chống chọi kẻ địch, trong phải cung ứng chi dùng, phí tổn tăng cao mà không có chỗ để thu lại, (vật chất của) người Di sẽ hao tổn rất lớn. (Hao tổn) lớn tất nhanh làm loạn, ấy là ba. Xưa Vương Lang ở Hàm Đan tiếm hiệu, lúc ấy Thế Tổ ở Tín Đô, sợ bức bách của Lang, muốn bỏ về Quan Trung. Bi Dung can rằng: 'Minh công trở về phía tây thì dân thành Hàm Đan không nguyện quên bỏ cha mẹ, quay lưng lại với thành chủ mà ngàn dặm tiến đưa nữa, như vậy có thể mong tránh được nghịch tặc hay sao.' Thế Tổ nghe theo, cuối cùng phá được Hàm Đan. Nay quân bắc đến nơi, Bộ Hạ muốn chạy về phía nam, thật sợ là lời xưa của Bi Dung lại ứng vào việc bây giờ, ấy là bốn. Mong Bộ Hạ sớm định liệu, có thể thu được chức tước đất đai; nếu đi xuống phía nam, tình thế khốn cùng mới chịu quy thuận, tai họa sẽ rất sâu sắc. Dịch⁽⁴⁵⁾ viết: 'Cương trực là ở lời lẽ. Biết được mà không biết mất, biết giữ mà không biết bỏ. Biết được mất tồn vong mà không làm trái lẽ, chỉ bậc thánh nhân mới làm nổi!' Lời thánh nhân khi hiểu số mệnh mà không cầu thả tất là như vậy. Cho nên Nghiêu, Thuấn⁽⁴⁶⁾ thấy con không tài giỏi, biết trời có người để trao cho mà tìm người để nhường ngôi. Con tuy không được như cha, nhưng họa chẳng nảy mầm, mà hướng đến việc trao ngôi giúp đỡ cho người họa sao đến được. Xưa Tử Vi là con cháu Ân Thương tự trói cầm ngọc theo về Vũ Vương, há lấy làm vui sao, là bất đắc dĩ thôi." (Hậu Chủ) vì thế bèn

theo kế của Chu. Họ Lưu khỏi phải ưu tư, một nước được nhờ, đều do mưu của Chu cả.

Tôn Xước⁽⁴⁷⁾ bình rằng: "Tiêu Chu khuyên Hậu Chủ ra hàng. Có thích hợp chăng? Rằng: 'Thân làm Thiên tử mà phải xin hàng cầu mạng, còn nhục nào hơn? Ôi nếu xã tắc chết thì chết, nếu xã tắc mất thì mất. Tiền nhân sửa sang lại việc tiếm đoạt của Ngụy quốc, cùng Ngụy chẳng đội chung trời. Mà đổ lỗi cho cha, cúi đầu thờ kẻ nghịch, có thể nói là cầu thả mà trộm sống. Sao lại khoa trương là giữ chính đạo được.

Tôn Thỉnh⁽⁴⁸⁾ nói: " Nghĩa lý Xuân Thu là quốc quân chết theo xã tắc, khanh đại phu chết cùng chức phận, hưởng chi Thiên tử, sao có thể chịu nhục với người! Chu khiến đấng quân vương cao vạn bậc sống trộm tránh tạm, bỏ lễ cầu lợi, rút lại trông mong tí chút vẻ vang, thật đáng ngờ vậy. Và chẳng lời (Chu bàn) thế sự, vẫn còn chưa tận lý. Sao vậy? Thiệu tuy là chúa tầm thường, song thật chưa tàn ác như Kiệt, Trụ; Chiên tranh tuy thường xảy ra mạn bắc nhưng còn chưa đến mức tan lở. Cho dù vua tôi không thể dựa lưng vào tường thành cùng nhau quyết một trận tử chiến vẫn còn có thể lui về phía đông mà nghĩ kế về sau. Lúc ấy La Hiến⁽⁴⁹⁾ nắm đại quân giữ Bạch Đế, Hoắc Doãn lĩnh tinh binh thủ Dạ Lang. Đất Thục hẹp mà hiểm trở, sông sâu núi cao, sóng dữ đỉnh nhọn cách ngăn, không bước nào đi trót lọt mà qua được. Gia sử lấy hết thuyền bè, thủ giữ Giang Châu, mộ binh Nam Trung, cầu viện Đông Quốc⁽⁵⁰⁾ thì Khương, Liêu⁽⁵¹⁾ nắm tướng tự nhiên là thuận theo, ba quân nước Ngô vâng mệnh cũng nhanh chóng kéo tới. Sao không nghĩ đến những lẽ đó mà gửi thân vào chỗ tất mất nước vậy? Quân Ngụy đánh tới, đã dốc toàn lực, muốn đuổi theo thì phải dựa vào thuyền bè lướt theo ngọn sóng, muốn ở lại thì quân binh hết hạn nhiều lo lắng. Và chẳng có duỗi có thời, tình thế biến động lớn lao, từ từ dựa vào lòng dân mà nghĩ mưu gắng sức; lấy sức quân để đánh kẻ tự mãn biếng lười, ấy là cách Việt Vương đánh bại Hạp Lư, Điền Đan⁽⁵²⁾ bẻ gãy Kỵ Kiếp đó. Sao phải vội vã đích thân đi làm tù binh vậy, cứ xuống giữ vững tường thành với địch nhân, đến hết lòng chém đá đàn ôm hận chứ. Cát Sanh⁽⁵³⁾ hát rằng: 'Không giúp gì cho công việc thì đừng nghe, lúc yên ổn có thể xét

kỹ về kẻ dưới!’ Lời lẽ hào hùng có thể dựng nên ý chí của người lười biếng. Xem xét thất bại ngày xưa của Yên, Tề, Kinh, Việt, hoặc là nước tan chúa mất hoặc lác treo chim chạy, cuối cùng khả dĩ kiến công dựng nghiệp, khôi phục xã tắc, há rằng trời giúp hay cũng nhờ ở mưu người. Ngã theo cách dùng kế mòng cầu thả mà tồn tại, nhận lời của Tiểu Chu, có thể xây dựng nền móng của đất phong nào, thu được tiếng tăm tốt đẹp gì? Thiện đã là chúa hôn ám, Chu cũng thật là đũa nô thần. Phương lược của Thân Bao⁽⁵⁴⁾, Điền Đan, Phạm Lãi,⁽⁵⁵⁾ Đại Phu Chung⁽⁵⁶⁾ thật cũng còn xa mới nghĩ ra!”

Đương thời, Tấn Văn Vương làm tướng quốc nước Ngụy, vì Chu có công bảo toàn cho quốc gia, nên phong (cho Chu) làm Dương Thành Đình Hầu, lại hạ thư vờ Chu. Chu lên đường đi đến Hán Trung thì ốm nặng không đi được nữa. Mùa hạ năm Hàm Hi thứ hai, Ba Quận Văn Lập theo đường Lạc Dương về Thục, đến bái phỏng Chu. Chu mời Lập nghỉ ngơi, nhân đó viết vào tấm ván bảo Lập rằng: ”Điện Ngộ thành linh a, Nguyệt Dậu kết thúc a.” Điện Ngộ là chỉ Tư Mã, Nguyệt Dậu thì chỉ tháng tám. Đến tháng tám quả nhiên Văn Vương băng.

Hoa Dương Quốc Chí⁽⁵⁷⁾ chép: Văn Lập tự Nghiễm Hưu, thưở nhỏ nghiên cứu Mao Thi, Tam Lễ⁽⁵⁸⁾, các sách đều lâu thông. Thứ sử Phí Y chọn lấy làm Tòng Sự, rồi vào (cung) làm Thượng Thư Lang⁽⁵⁹⁾ sau lại được mời làm Đại tướng quân Đông Tào Duyệt⁽⁶⁰⁾. Ngụy gồm thâu Thục, đặt ra Lương Châu, trước tiên lấy Lập làm Biệt Giá Tòng Sự⁽⁶¹⁾, tuyển chọn tú tài. Năm Thái Thủy thứ ba nhà Tấn được bái làm Tể Âm Thái Thú, thăng làm Thái Tử Trung Thứ Tử. Lập tâu lên rằng: ”Con cháu các đại quan đã tận trung chết vì chức vụ của nước Thục cũ, dù là kẻ sĩ trong quận trong nước hay là người bất tài đều sống như thường dân. Lại có bọn con cháu của Gia Cát Lượng, Tưởng Uyển, Phí Y lưu lạc trôi dạt trong cương giới. Mỗi người đều nên được cân nhắc tài năng sắp xếp thu dụng để an ủi vỗ về lòng người đất Ba, đất Thục, (đồng thời) làm sụp đổ tham vọng của người Ngô”. Công việc được thi hành, (Lập) được chuyển làm Tán Kỵ Thường Thị⁽⁶²⁾, dâng lời thay đổi phủ quyết phần lớn được chấp thuận. Dần

dần thăng lên chức Vệ Úy⁽⁶³⁾, người trong triều đều bội phục là kẻ tài năng cao thượng, nổi danh hiển thần đương thời. Tâu chương thơ phú đàm luận ca tụng của Lập tông công có mười thiên.

Nhà Tấn lên ngôi, lại hạ chiếu sai địa phương giục Chu khởi hành. Chu (đành) ngồi xe nhanh chóng đến Lạc Dương, năm Thái Thủy thứ ba thì tới nơi. Vì bệnh chưa thuyên giảm mà lại được bái làm Kỵ Đô Úy⁽⁶⁴⁾ bèn tự trình bày (rằng) không có công lao gì mà được phong, xin trả lại chức tước đất đai nhưng đều không được phép.

Năm (Thái Thủy) thứ năm, Dữ Thường vốn là người trung chính trong châu, làm xong công việc đã định, xin về nhà nghỉ ngơi, qua từ biệt Chu. Chu nói (với Thường): "Xưa Khổng Tử thọ bảy mươi hai tuổi; Lưu Hưởng⁽⁶⁵⁾, Dương Hùng⁽⁶⁶⁾ bảy mươi một tuổi chết. Nay ta tuổi qua bảy mươi, vẫn hâm mộ phong độ Khổng Tử còn lưu lại, có thể cùng kết cục với Lưu, Dương. Sợ rằng chẳng sống được bao lâu nữa, chưa chắc đã qua nổi năm sau, không có dịp nào tái kiến. Chu biết thuật dự tính nên mới có lời này. Mùa thu năm (Thái Thủy) thứ sáu, làm Tán Kỵ Thường Thị, vì bệnh nặng không nhận chức, đến mùa đông thì chết.

Tấn Dương Thu tái chiếu chép: "Trẫm rất cảm thương, ban triều phục một bộ, áo một thếp, tiền năm mươi vạn." Con cháu Chu thuận thảo tâu lên: "Lúc Chu lâm chung bình tĩnh trời lại rằng: '(Ta) ốm bệnh đã lâu, chưa từng triều kiến, nêu quốc gia ban ân tặng cho triều phục, áo quần đồ đạc đừng mặc cho ta. Khi đem về mả cũ, đường xá hiểm trở đi lại khó khăn, (nên) làm sẵn ra chiếc áo quan thật nhẹ'. Việc tẩm liệm đã xong, xin gửi lên những thứ được ban tặng." Chiếu ban đem y phục trở lại, cấp ngay cho áo quan.

Tổng cộng sáng tác học thuật của Chu như Soạn Định Pháp Huấn, Ngũ Kinh luận, Cổ Sử Khảo còn để lại hơn một trăm thiên.

Ích Bộ Kỳ Cự truyện chép: Ích Châu Thứ Sử Đồng Vinh vẽ tranh Chu treo trong trường học của châu. Lệnh cho Tòng Sự Lý Thông viết bài tán rằng: "Thâm sâu Tiêu Hầu, giỏi cổ nho học, nhắc nhở chân tính, là báu vật của đạo làm người, chiếu soi cõi thế ngập tràn đối gian, tên tuổi thanh cao,

công nghiệp rạn vỡ, ghi tạc trước sau. Hậu học văn sinh khâm phục tài đức, không lời nào không tán thưởng, nường vào các vị tiền nhân, lấy nét đan thanh lam nên bức hoạ. Chao ôi, ngài về trên trang giấy, rõ ràng khuôn mẫu gương soi.”

Chu có ba con trai là Hiền, Hi, Đồng. Con út là Đồng rất yêu thích sự nghiệp của Chu, cũng lấy trung hậu thành thật, chất phác mộc mạc làm đường lối, được cử làm Hiếu Liêm, rồi phong Tích Lệnh, được triệu làm Đông Cung Tây Mã⁽⁶⁷⁾ song không tới.

Con Trưởng của Chu là Hi, con Hi là Tú tự Nguyên Ngạn. Tấn Dương Thu viết: Tú tính tình thanh cao điềm đạm, không quan hệ với thế nhân, biết sắp có đại loạn, dự định cắt đứt mọi liên quan với người đời, theo huynh đệ xa lánh cả những người hàng xóm thân cận nhất. Châu quân đòi mời, đến khi Lý Hùng⁽⁶⁸⁾ chiếm Thục có an bài xe đến đón Tú, lại có chú của Hùng là Tương, con của Tương là Thọ đều ra lệnh đòi, (Tú) đều không đến. Năm Vĩnh Hoà⁽⁶⁹⁾ thứ ba, An Tây tướng quân Hoàn Ôn⁽⁷⁰⁾ bình định đất Thục, dâng biểu tiến cử Tú như sau:”Thần nghe chất phác quá thì thiệt thòi nhưng là tiêu chí biểu lộ lòng cao thượng, (chẳng những thế) vào lúc tầm tối đạo bị đắm chìm còn là cách tuyên dương phép tắc trung trinh. Cho nên có người xuống chỗ nước sâu mà rửa tai⁽⁷¹⁾ để chấn chỉnh tập tục tối tăm ở chốn xa xôi; lại có người vững lòng sửa nghiệp để liên tục khuyến khích tiết nghĩa trên đời. Bậc quân vương của một thời không ai là không coi trọng sự nghiệp riêng, lấy đó mà kiên trì thói tục để dạy dân, an định một dòng cầu thẳng. Cúi nghĩ Đại Tấn ta ứng vào điềm lành cai quản thiên hạ, vận số không thường thuận lợi, đương thời gặp phải gian nan, thần châu gò đồi hoang phế, tam phương ly tan đổ nát, rừng sâu vắng thanh âm lười sẵn thỏ rung lên, hang núi bật tiếng vó câu rộn rã. Những người hiểu biết lấy thế làm đau lòng, bậc nhà sĩ cũng vì điều ấy mà thán tiếc. Bộ Hạ kế thừa hưng khởi thánh đức, sẵn mang phương lược khôi phục nghiệp trời. Thần phụng mệnh đi tuần thú, bắt hết kinh nghê, tuyên dương giáo hoá, thăm hỏi các bậc kỳ lão, tìm kiếm những người tài hoa ẩn dật; như là Vũ La vùng đất hoang Nghê, Trác, lại nhớ đến Vương Thục⁽⁷²⁾ còn giữ lòng trung

lúc nước Tề sắp mất. Riêng nghe Ba Tây Tiêu Tú chăm lo tiết tháo, ngay thẳng vững vàng, ôm đức lớn mà ở ẩn, tiếng thanh cao truyền trên sóng Vị Hà. Ở vào thời hoàng gia gặp đường mòn mỏi, Trung Hoa người người ngoảnh nhìn mà đau xót, núi sông nào ai cải biến để chờ mong. Mọi người xông pha nghiêng ngả gian nan; mệnh khổ thường chốc lẩy, quyền thế gian tà bức bách luôn, phải đành gửi thân nơi miệng hổ, mỗi nguy chung đã sớm phô bày, mà vẫn đứng dưng cao khí tiết, thề không khuất nhục đầu hàng. Đóng cửa dấu thân, không ra mặt vì nguy triều không chính thống. Tiên chẳng chịu tuân theo, vượt lên hiểm hoạ diệt thân; lui không tiếc mưu kế lạ, ứng phó kẻ tuần tra. Dù Viên, Ý⁽⁷³⁾ lưu lại vùng Thang, Lạc hay Mặc Trữ⁽⁷⁴⁾ giữ yên biển Liêu Đông, phương sách nào cũng là trác việt. (Thần) mệт mỗi cũng chẳng dám bỏ không không báỉ phỏng, (thấy) ở phía tây ngày nay (Tú) rất được mọi người ca tụng. Ôi tuyên dương đức độ, kính lễ hiền sĩ là đầu mối của giáo hoá; tôn sùng gương sáng, phân biệt lễ tiết là sự vụ cao cả của thánh minh. Nay sáu cõi chưa an định, sài lang vẫn chắn đường cầu thả bạc béo bỏ lê dân, làm cho lời đạo nghĩa chẳng vang vọng. Lại càng nên chấn chỉnh đắp xây nghi lễ để sửa sang cái tệ lưu lạc ăn lách. Nếu kẻ tài ba được mang ơn triệu tập bằng lụa trắng cũng đủ ngăn chặn phong hoá đổ nát, đưa thói phóng túng trở lại quỹ đạo phép tắc, về với trào lưu kính ngưỡng sâu xa, phục tùng vương hoá lâu dài vậy.” Đến khi Tiêu Kính làm phản gây loạn, (Tú) tị nạn ở Đãng Cừ thuộc Xuyên Trung. Tông tộc và người cùng quê đến nương nhờ tính đến hơn trăm người. Năm Tú tam mươi tuổi, mọi người làm lễ thọ lên lão, muôn luân phiên gánh vác (chăm sóc). Tú khước từ rằng: ”Các vị đều có người già yếu (phải trông nom), nay trước hết phải mưu cứu giúp họ. Tôi còn đủ khoẻ để lo lấy mình, thật không muốn những năm cuối đời phải phiền quý vị.” Sau hơn mười năm, chết tại nhà.

KHÍCH CHÁNH TRUYỆN

Khích Chánh tự Lệnh Tiên, người Yên Sư thuộc Hà Nam. Tổ phụ Chánh là Kiệm, cuối thời Linh Đế làm Ích Châu Thứ Sử, bị giặc cướp sát hại. Lúc ấy thiên hạ đại loạn nên cha Chánh là Ấp phải lưu lại đất Thục. Ấp làm Doanh Đô Đốc dưới trướng Tướng Quân Mạnh Đạt, theo Đạt hàng Ngụy rồi làm đến Trung Lệnh Sử. Chánh vốn tên là Toàn. Lúc nhỏ cha chết, mẹ đi lấy chồng khác, lẻ loi trợ trợ cô độc một mình nhưng chăm học thư thái với cảnh thanh bần, đọc hết các thư tịch cổ. Năm hai mươi tuổi đã có thể sáng tác văn chương, được vào triều làm Bí Thư, sau đổi làm Lệnh Sử rồi thăng thành (Thượng Thư) Lang sau lên đến (Thượng Thư) Lệnh. Tính Chánh không ham danh lợi chỉ đặc biệt say mê ý vị văn chương, từ Tư Mã, Vương, Dương, Ban, Phó, Trương, Thái các loại văn sách để lại cho đến sách hay, bài luận đẹp đương thời, nếu Ích bộ mà có là cật cục tìm tòi, những điểm chính yếu đều có xem qua. Từ lúc làm việc trong nội cung bắt đầu ở cạnh nhà hoạn quan Hoàng Hạo. Trải qua ba mươi năm, Hạo lên đến mực tôn quý, thao túng quyền hành, vũ lộng uy thế. Chánh không đến nỗi bị Hạo ghét mà cũng không được Hạo ưa. Vì vậy chức quan không quá sáu trăm thạch nhưng tránh được lo lắng ưu tư.

Chánh dựa vào khuôn phép tiên hiền, mượn lời văn giải bày tâm sự, đặt tên là Thích Cơ, bài văn này kế tiếp được ý tứ thông đạt của Thôi Nhân⁽⁷⁵⁾. Văn viết rằng:

Có người mang ý mỉa mai nói với tôi rằng: "Nghe chuyện xưa ghi chép lại, kẻ mưu sự ví thử bao gồm được cả thời thế thì thanh danh và sự nghiệp sẽ vẹn toàn. Thứ nữa là đến kẻ tiếng tăm tạo dựng nhờ hành động, các bậc hiền minh thời trước cho là cư xử hấp tấp vội vàng. Ấy thế cho nên sáng tác quy chế, xây dựng khuôn phép không phải đúng thời thì không thành tựu được. Người có danh thơm để lại, tiếng khen lưu truyền mà chẳng xây nên huân nghiệp thì cũng không được sách vở ghi chép. Công lao rõ rệt thì danh vọng tất thành. Còn như mưu sự cũng lại đợi chờ thì thế xem nên làm hay bỏ thì thân chết danh mất, vốn là nỗi hổ thẹn của người quân tử vậy. Vì

thế người thấu triệt sự đời phải nghiên cứu phương pháp, tìm tòi sâu xa đến hết những điều ẩn giấu, xem xét dấu hiệu xoay vần của đất trời, kiểm tra lẽ thịnh suy của loài người. Kẻ thuyết khách thì rong ruổi đàm luận. Bậc tài trí thì ứng phó biến báo. Mưu thần thì tính toán kế sách. Võ sĩ thì gắng sức ra uy. Sương tụ mây hợp, gió bay chớp phóng. Xét đoán cho thích hợp, cân nhắc lấy cơ hội, lựa chọn sử dụng đặc điểm của thế cuộc. Gặp nhỏ thời co, gặp lớn thời duỗi, chăm lo việc công, sao nhang việc riêng. Tuy tuy chỗ bị uốn cong nhưng chẳng bao lâu lại thẳng, cuối cùng hiển lộ được quang huy. Nay chân vạc chia ba, đã lâu chưa được thái bình, bốn bể đều âu sầu phiền muộn, trẻ trai đều mắc hoạ suy tàn. Thương cho đạo nghĩa bị vùi lấp chìm đắm, xót cho lê dân phải nghiêng ngửa hoang hoá. Quả thật đúng là lúc thánh hiền ra tay cứu vớt, là buổi liệt sĩ hết sức lập công vậy. Tôi đây⁽⁷⁶⁾ vốn tài cao rực rỡ, khí chất ngọc châu, xem rộng biết nhiều, để tâm tới đạo thuật, không có chỗ sâu xa nào không nghĩ đến cùng cực, không có chỗ kin đáo nào không suy đến tường tận; Đứng thẳng người mà nhận lệnh, chủ yếu chăm lo chỗ thâm u bí mật⁽⁷⁷⁾, thoả mãn với dây thào đỏ cánh cửa con, đúng là nắm giữ chỗ yết hầu đầu lưỡi, chín lần tra xét không dời đổi, chỉ có vào mà chẳng có ra,

Thượng Thư viết: Ba lần ghi chép thì tra xét được sự tích, ba lần tra xét thì cầm nắm được sự thăng giáng của u minh. Chín lần tra xét là hai mươi bảy năm.

tìm tòi chỗ thật giả từ trước đến nay, toan tính cho lẽ được mất công việc thời thế. Dù có lúc hiển một kế, ngẫu nhiên dâng một lời, coi nới trách nhiệm làm quan nọ, an ủi miếng cơm đạm bạc kia nhưng vẫn chưa có thể dâng nạp hết lòng trung, tưới trọn ruột gan, xếp đặt phương lược, dùng không thiên lệch, ra ân cho đám lê dân, khiến cho những văn bản hèn mọn vô ích của tôi có được chút anh danh. Mà cũng là nơi lỏng dây cương, cân nhắc ôn hoà, quay về nẻo cũ. Thay đổi đường lối cũng phải giữ vững xe kiệu. Mạc tình điều khiến càng nên thương cho ngựa kéo. Đi lại nhiều lần rất cần thăm định nghiêm ngặt. Niêm yết rõ ràng có lợi cho đường lối đi về. Quan trọng là soi tỏ con đường bình an, gieo vãi giống lan thu để lại tiếng

thơ cho đời. Dù cho đường lối của tôi là đường lối tầm thường cũng không theo đó hưng thịnh hay sao!”

Tôi nghe mà than rằng: ”Hỡi ôi! Lại có lời sai trái đến thế này sao! Con người ta lòng dạ chẳng giống nhau. Sự thật nếu như chỉ nhìn ở bên ngoài dù là sáng sủa đẹp dễ, đã tốt lại xinh cũng chỉ như nhìn qua ống nhỏ, chọn lấy giỏ con. Giữ mãi điều mình thấy chưa thể nói là đã hình dung được giới hạn của tám phương, hiểu biết rộng ràng tí mĩ được vạn sự”

Lại có người nóng nảy hấp tấp, cố kiếm chế mà dương mắt nói: ”Thế là thế nào! Thế là thế nào!”

Tôi đáp lời rằng: ”Ngu Đế⁽⁷⁸⁾ dùng chuyện ngoài mặt tuân theo để khuyên răn⁽⁷⁹⁾, Khổng Thánh lấy việc tự thảo mãn chinh mình làm làm lỗi. Nếu lời của anh đúng với điều tôi nghĩ sẽ giảng giải được lời tôi đàm luận cùng anh. Xưa vào thời hồng hoang, ban đầu là mông muội, Tam Hoàng⁽⁸⁰⁾ ứng vào Đồ Lục⁽⁸¹⁾, Ngũ Đế nhận được diễm lành, rồi thì đến nhà Hạ, nhà Thương, đấy là điển tích trong sách vở. Sau họ Cơ⁽⁸²⁾ suy bại đạo lý khiếm khuyết, nhưng được các vị bá vương phò tá giúp đỡ. Rồi họ Doanh⁽⁸³⁾ hung ác tàn bạo, nhai nuốt tám cõi. Lúc ấy dọc ngang mây nổi, nhưng kẻ gian ác xảo trá nhiều như sao trên trời, những chuyện xấu xa quái lạ nổi lên tựa đàn ong. Vì vậy mưu kế tài khéo mới bắt đầu manh nha nảy mầm, hoặc dùng để tô điểm sự thật mà đối đáp với giả dối, hoặc dùng để ý vào cái xấu mà cầu mong hiển đạt, hoặc dùng để làm trái đạo lý mà bức bách người trên, hoặc dùng để nuôi dưỡng tài nghệ mà kiêu ngạo lấy thân. Quay lưng với lẽ phải mà tôn sùng điều gian trá, bỏ quên sự chính trực mà về theo thói xu nịnh. Lòng trung không được rõ ràng chắc chắn, đạo nghĩa không đều đặn sửa sang. Cho nên Ưởng⁽⁸⁴⁾ tận hết phương pháp mà chỉ thành sai nhảm, Tư⁽⁸⁵⁾ làm hỏng đạo nghĩa mà xây nên gian trá, Lữ⁽⁸⁶⁾ ngôi vị cao sang mà tông tộc bị diệt, Hàn⁽⁸⁷⁾ lập ra lý luận mà phải chịu gia hình chứ có ai cố tình đâu? Điều lợi làm người ta thay lòng, ân sủng khiến người ta loá mắt. Lẫy lừng cờ biển vẽ rồng, xinh xinh áo quần xe cộ, cầu thả mà gặp may, tạm bợ mà thành sự, hoặc trái hoặc nghiêng, dâm tà chìm đắm, tự mình buông thả, ngang ngược cùng cực. Nhạc ngựa chưa treo đã ra đứng giữ càn xe, nhà

chính chưa vào đã lật kèo bẻ cột. Thế là trời thu ánh sáng lại, đất rút ân trạch về, người xót lấy thân, quý bỏ hạn định. Lúc đầu lên tới núi cao cuối cũng rơi xuống rãnh tối. Sáng manh vinh hiển tốt tươi, tối thành hồn ma tiều tụy. Cũng chỉ bởi các bậc hiền nhân quân tử mưu tính sâu suy ngi xa, sợ hãi trước tội lỗi này, đề cử những thứ quá cao siêu, dấu đuôi trong chỗ bùn lầy⁽⁸⁸⁾, tránh xa cõi đời ô trọc vậy. Đấy há chẳng phải là khinh nhờn chủ, coi thường dân mà chệnh mảng với thế sự hay sao? Sao chẳng thay đổi trước tác, tạo nên lời dạy bảo ngăn cấm, vinh tụng khen ngợi chỗ khiêm hoà thâm lặng để thần minh nghe thấu mà sử dụng thấp sáng đường lối cho đời.

Từ nhà Đại Hán ta, ứng với điềm trời, thuận theo lòng dân, pháp lệnh lo liệu sâu dày, sáng tựa mặt trời mùa xuân. Cúi xuống bắt chước phép tắc của đất, ngẩng lên làm theo chuẩn mực của trời, gieo rắc ân điển lớn lao để chấn hưng thời thế, ban bố giao hoá tốt đẹp mà chuyên nhất, vua tôi bước vào quy phạm, mọi người giữ lấy lòng thành, chiếm được niềm tin rộng rãi truyền mãi mãi, biểu dương trách nhiệm cứu giúp cho đời. Kẻ sĩ không chuộng vẻ vang hão huyền giả dối, người dân có công cũng sẽ khắc ghi, rõ ràng minh bạch không mỗi mệ, những mong tạo phúc đến hết lòng. Nhưng đạo có lúc hay lúc dở, vất có lúc dùng lúc bỏ, lúc âm vang, lúc câm lặng, lúc chói sáng, lúc mịt mờ. Như Chu Dương không có giữa mùa thu, Huyền Âm⁽⁸⁹⁾ bị chặn lúc đầu xuân. Cho nên cái yên hoà thời Phục Hi đã trôi đi mà ược vọng thông dong còn treo đó, vận khí đã ẩn tránh mà tinh anh thần diệu vẻ vang vẫn còn mãi được tuyên dương. Xung, Chất không được lâu dài; Hoàn, Linh⁽⁹⁰⁾ đổ ngã suy sụp. Anh hùng phân tán khắp nơi, hào kiệt chum lợp cõi đời. Nhà nhà lén lút luận bàn đoạn tuyệt, người người chất chứa toan tính chia lìa. Vì vậy khách tung hoành thành linh phôi bày hoài bão, kẻ xảo trá đột nhiên thổ lộ miệng mồm.

Nay lưới trời đã nối liền, ân trạch dựng lên phía trời tây. Tuân theo khuôn phép bao la của tổ tiên, ràng buộc nhân sĩ bằng tước vị đường hoàng. Chấn hưng Ngũ Giáo để sửa sang phong tục, tăng cường Cửu Đức⁽⁹¹⁾ để cứu vớt lê dân. Cung kính soi sáng chuyện thờ tự để tế xuân⁽⁹²⁾, tính toan

đường Hoàng Đạo để giúp sự thật. Tuy kẻ đối lập chưa chịu theo về, người sai trái chưa được minh bạch, nhưng thánh nhân đã để lại lời khuyên dạy, đại khái không cần tham lam. Vì vậy vua tôi hai lòng hoà hợp chốn triều đình, muôn dân hớn hở tôn kính nơi sơn dã. Động theo nguyên tắc nghiêm cần, tĩnh theo quy củ đời đời. Uy nghiêm tài giỏi hơn đời, thể thư như thời Nguyên Khải⁽⁹³⁾; Có lỗi lầm tất hiểu ra, nhân đức khác gì Nhan Tử; Khuôn phép vì dân cứng cỏi, thái bình giống thừơ Nhiễm, Quý⁽⁹⁴⁾; Ưng Dương⁽⁹⁵⁾ tung cánh oai hùng, mưu sư như là Y, Vọng⁽⁹⁶⁾. Tổng hợp lương sách của anh hào, dung nạp ba kế của nhà họ Tiết⁽⁹⁷⁾. Xếp đặt mưu kế của Trương Trần⁽⁹⁸⁾, dốc sức chinh phạt để cứu đời. Ấy là nắm giữ tài ba mà không gấp gáp chứ nào phải rảnh rang ngồi bóc bẹ măng khô trong bụi cỏ um tùm hay sao.

Riêng tôi đây bất tài, bị trói buộc bởi chuẩn mực triều cương, phó thác sinh mệnh nơi trời, tâm can nhờ cậy vào lẽ phải. Vui cùng chỗ sâu rộng của biển xanh, tán thán cái vút cao của Trung Nhạc⁽⁹⁹⁾, nghe Trọng Ni⁽¹⁰⁰⁾ khen nhà Thương, cảm cái tình xóm làng giáo dưỡng giúp ích cho bản thân, ấy là cách nấu canh trong lúc bình thời, cũng có chút nỗ lực để bỏ điều sai trái. Vì vậy tôi chỉ mù mờ mà nói bừa, đương thời có quan hệ với văn hiến là những lúc hội họp với bạn văn ở chỗ chợ làng, cùng nhau ngơ ngẩn rong chơi nơi bờ ruộng, mong mỗi tăng thêm may mắn cát tường, nỗ lực tích góp lời khuyên bảo. Nếu như phù hợp thì lấy chỗ u tối của mình hoà lẫn vào cái sáng láng của người, tiến lên nhận lấy dấu hiệu chở che. Còn như trái ngược thì là do chính mình thân phận tầm thường, lại tự lui về giữ cái dốt nát của bản thân. Tiến lui mặc lòng tính toán, không giả dối, chẳng hão huyền, tuân theo bản chất vui vẻ cùng trời. Làm người như thế còn gì phải ân hận nữa? Thế là chỉ nhập mà không xuất, có mà dường như không. Hẹp hòi ở chỗ thường tình táo như Khuất Nguyên⁽¹⁰¹⁾, dung tục ở chỗ mong say sưa như Ngư Phủ⁽¹⁰²⁾. Rầy rà ở chỗ xem thường hành vi đáng xấu hổ như Liễu Quý⁽¹⁰³⁾, nóng nảy ở chỗ cao giọng giận dữ như Di, Thúc⁽¹⁰⁴⁾. Phù hợp không cho là được, trái ngược không coi là mất. Được không hạn chế sự bài xích, mất chẳng u sầu vì sợ hãi. Không vui vì người đi trước hạ cổ

tâng bốc, không theo đuôi người đi sau mưu tính chệch lạc. Không bán danh dự để cầu ân trách, không chối tội danh để tránh biếm truất. Thế thì còn phận sự nào phải cởi bỏ? Còn có miếng cơm nào phải quan tâm? Còn có sách lược nào phải phản bác? Còn có lời trung nào phải dự phần? Cứu khảo không đổi thay, vững chắc mà nắm giữ điều ấy vậy.

Nay kẻ sĩ hăng say chất chồng như núi, người tài xuất chúng hiện có rất nhiều, giống như loài có vảy ẩn mình trong biển lớn, chẳng khác loài có lông tụ hội ở Đặng Lâm⁽¹⁰⁵⁾. Loài chim bay qua không thể gọi là ít, loài cá mè nổi không kịp gọi là nhiều. Và chẳng dương thần ẩn kín giữa thời Đường⁽¹⁰⁶⁾, âm tính lính ứng ở thời Thương, cầu khẩn Dương Hu thì biết được tin tức hồng thủy, tế lễ ở Tang Lâm thì nước ngọt thấm nhuần.

Hoài Nam Tử chép⁽¹⁰⁷⁾: Vua Vũ trị thủy, đích thân cầu khẩn ở sông Dương Hu. Thời Thang đại hạn, vua tự mình cầu đảo trong rừng Tang Lâm. Thánh nhân lo cho dân, làm như thế là sáng suốt vậy.

Lã Thị Xuân Thu chép⁽¹⁰⁸⁾: Xưa vua Thành Thang nhà Ân thắng vua Kiệt nhà Hạ mà thiên hạ đại hạn, ba năm không dứt. Thang bèn tự mình cầu đảo ở Tang Lâm rằng: ” Tôi là một người có tội, không liên quan gì đến vận phước. Vận phước có tội, là do một mình tôi. Không thể vì một người chưa gắng gỏi mà khiến thượng đế huy đi đại vận mệnh của dân Thương.” Thang ở đó cắt tóc, bẻ móng tay, định tự mình hy sinh, để cầu phúc ở thượng đế. Dân rất đẹp lòng, mưa lớn rơi xuống.

Làm hay nghĩ vốn có đạo lý. Mở hay đóng vốn có kỳ hạn. Thầy ta đã để lại lời dạy dỗ, không có giận dữ thì không có lỗi lầm, giao phó sinh mệnh mà tỏ lòng cung kính thì sao ta lại từ nan? Lời nói đã tận hết, đường chỉ một mình đi. Quay lại đoạn ban đầu, tổng hợp tiếng thơm nơi thư tịch cổ, tìm kiếm văn chương họ Khổng còn lưu lại, trang điểm lời lẽ diệu kỳ để xét tới đạo lý, noi theo phép tắc tổ tiên mà đưa vào pháp chế. Phải lẽ như Thúc Hật⁽¹⁰⁹⁾ lúc nhàn tàng giao du, đáng khen như họ Sở⁽¹¹⁰⁾ đi ra chốn xa xôi. Thu lấy lẽ biết dừng biết đủ mà trở về đàm luận, thể hiện cái chính khi hạn nhiên mà tu sửa biên thủy. Mừng có tường vách xung quanh mà an nhiên vui vẻ, bỏ bớt việc trách móc hối hận ở thói đời hiện tại. Xét đến lòng này

chuyên tịnh thư thái để biết sợ cại đoạn cuối đường lấm bùn nhơ. Luôn thẳng thắn tìm tòi mà tăng thêm hiểu biết, phơi bày hoài bão bên trong mà răn bảo khuyên nhủ. Xưa Cửu Phương xem xét lấy tinh chất là quý nhất, Tần Nha lắng lặng suy tư ở hình thái đặc thù.

Hoài Nam Tử chép: Tần Mục Công bảo Bá Nhạc rằng: "Ông tuổi đã cao rồi, trong họ nhà ông có ai có thể dùng để tìm ngựa hay được chăng?" Đáp rằng: "Tướng ngựa hay có thể từ hình dáng gân cốt mà biết được. Tướng ngựa tốt nhất thiên hạ thì hoặc chìm, hoặc mất, hoặc trái ngược, hoặc chẳng lộ ra. Một trong những chỗ hoặc ấy là tướng của con ngựa hay nhất thiên hạ đó, trên đời khó có cách nhìn ra. Con của thần đều vào hàng kém cỏi, có thể chỉ ra được con ngựa hay mà không thể chỉ ra con ngựa tốt nhất trong thiên hạ. Với ngựa tốt nhất thiên hạ, thần vốn có lòng kính trọng người đàn giở kiểm củi là Cửu Phương Nhân. Người nay xem tướng ngựa không hề kém thần. Xin hãy sai người đó." Mục Công gặp người này, sai đi tìm ngựa. Ba tháng sau, người ấy trở về, bảo rằng: "Đã tìm ra ngựa, hiện ở Sa Khâu⁽¹¹¹⁾." Mục Công nói: "Ngựa thế nào?" Đáp rằng: "Ngựa cái sắc vàng." (Mục Công) Sai người đến lấy thì lại là con ngựa đực sắc đen. Mục Công không vui, triệu Bá Nhạc đến hỏi rằng: "Hỏng rồi! Cái người ông tiến cử đi tìm ngựa đó! Đến màu lông và đực cái còn không không thể phân biệt nổi, lại còn có thể biết được loại ngựa nào?" Bá Nhạc bùi ngùi thở dài than: "Đến mức chuyên chú là như thế đấy! Chính vì vậy mà nghìn vạn người khác thần không kể tới. Gia sử Nhân quan sát thiên cơ thì chỉ cần chỗ tinh chất mà bỏ qua chỗ thô hào, dựa vào bên trong mà quên mất bên ngoài, xem cái cần xem mà không xem chỗ không cần xem, nhìn chỗ cần nhìn mà bỏ sót chỗ không cần nhìn. Nếu như ông ấy lấy cách làm ấy mà xem tướng ngựa thì đấy sẽ là con ngựa quý vậy." Ngựa đem về đến nơi, quả nhiên là ngựa tốt nhất thiên hạ. Hoài Nam Tử lại chép: Bá Nhạc, Tần Nha, Hàn Phong, Cát Thanh mỗi người xem tướng ngựa theo một cách song đều là những người hiểu ngựa; Đại đế là Cửu Phương quan sát tinh thần, Tần Nha kiểm tra hình dáng.

Tiết Trúc phân biệt bảo vật mà thanh dự trải dài

Việt Tuyệt Thư ⁽¹¹²⁾ chép: Xưa Việt Vương Câu Tiễn có năm thanh bảo kiếm, nổi danh khắp thiên hạ. Có người khách có tài xem kiếm tên là Tiết Trúc. Vương bèn vời đến hỏi: "Ta có năm thanh kiếm bảo kiếm, mời ông chỉ bảo cho." Rồi lấy ra (hai thanh) Hào Tào, Thần Khuyết. Tiết Chúc nói: "Đều không phải (là bảo kiếm)." Lại lấy ra Thần Câu, Trạm Lư. Chúc nói: "Xem kiếm sao, thấy nhuần nhuyễn như việc làm của hàng lão luyện. Xem độ sáng, thấy vẫn vẫn như nước mới tràn đê. Xem đường vân, thấy đứt gãy như băng sắp tan lở. Cây nay gọi là Thần Câu chẳng?" Vương nói: "Đúng vậy." Lại hỏi rằng: "Có người nếu lấy giá trị ba làng có chợ, tuần mã nghìn con, hai thành nghìn nhà ra đổi, có nên chẳng?" Tiết Chúc nói: "Không nên! Vào thời tạo kiếm này phải phá núi Xích Cân ⁽¹¹³⁾ để lấy thiếc chôn vùi trong đó, làm cạn khe Nhược Tà ⁽¹¹⁴⁾ để chọn đồng dưới đáy sâu. Thần mưa đổ nước quét dọn, thần sấm đánh trống, Thái Ất xuống xem, thiên thần giáng hạ. Âu Dã Tử noi theo tinh khí của trời, gom hết kỹ xảo mà làm. Kiếm đầu gọi là Thần Câu, kiếm sau gọi là Trạm Lư. Nay núi Xích Cân đã đóng, khe Nhược Tà sâu chẳng thể dò. Âu Dã Tử thì đã chết. Dù cho nghiêng thành đồng vàng, đổ ngọc lấp suối cũng không đổi được một vật như thế. Ba làng có chợ, tuần mã nghìn con, hai thành nghìn hộ cũng chẳng đủ để nói lời đồng ý!"

Hồ Lương gửi gắm tiếng đàn mà tiếng tăm để lại.

Hoài Nam Tử chép: "Hồ Ba đánh đàn sắt mà cá Tầm nghe được. Lại viết rằng: Tiếng hát của Hồ Lương có thể làm giống thế nhưng người khác hát thì không thể.

Tề Khách vỗ đùi mà giúp đỡ Điền Văn.

Thần Tùng Chi chép: Xét chỗ này nói tân khách dưới trướng Mạnh Thường Quân Điền Văn có thể làm tiếng gà gáy sang để giúp ông nay vượt tai ách. Thường thì khi làm giả tiếng gà gáy sáng tất nhiên đầu tiên phải vỗ đùi để làm hiệu như con gà vỗ cánh.

Sở Khách ăn trộm để bảo vệ Kinh Sở.

Hoài Nam Tử chép: Tướng nước Sở là Tử Phát thích tìm tòi kẻ sĩ có tài nghề kỹ xảo. Nước Sở có người giỏi nghề ăn trộm, đến bái phỏng (Tử Phát)

mà nói: "Nghe nói ngài tìm kẻ sĩ có tài nghề kỹ xảo, tôi có nghề ăn trộm, vốn cũng là kỹ xảo đủ để làm một tên người lính vậy." Tử Phát nghe được, áo không kịp thắt đai, mũ không kịp đội thẳng vội ra ngoài lấy lễ mà tiếp đãi. Tả hữu can rằng: "Ăn trộm là đạo tặc trong thiên hạ, sao lại lấy lễ mà đãi?" Tử Phát đáp: "Điều này không phải là cái các người hiểu được đâu." Chẳng bao lâu, nước Tề xuất quân đánh Sở. Tử Phát cầm quân ra địch, ba lần thua trận. Các quan Đại phu được coi trọng ở nước Sở tất cả đều hết cách. Quân Tề càng lúc càng mạnh. Vào lúc ấy người lính vốn là ăn trộm tiến lên thưa: "Thần có nghề mọn, xin vì ngài mà ra sức." Tử Phát đáp: "Ừ." Người ăn trộm ngay đêm ấy ra đi, tháo trướng của tướng nước Tề đem về dâng cho Tử Phát. Tử Phát sai người đem trả, nói rằng: "Có người lính đi kiếm củi, thu được trướng của tướng quân. Sai sứ trả lại để lấy chỗ làm việc." Hôm sau (người ăn trộm) lại đến lấy cái gối. Tử Phát lại sai đem trả. Hôm sau nữa lấy cái trâm. Tử Phát lại sai đem trả. Quân Tề biết chuyện cả sợ. Tướng Tề nói với thư lại, mưu sĩ rằng: "Hôm nay không quay về, sợ rằng quân Sở lấy đầu ta." Tức thì toàn quân rút lui.

Ung Môn cầm đàn mà giảng giải thông suốt.

Hoàn Đàm Tân Luận⁽¹¹⁵⁾ chép: Ung Môn Chu lấy tiếng đàn mà yết kiến. Mạnh Thường Quân nói: "Tiên sinh gảy đàn, có thể khiến Văn này buồn thương chẳng?" Đáp rằng: "Những người bị tiếng đàn của tôi khiến cho nảy dạ u buồn là những người trước được kính trọng mà sau bị khinh khi, xưa giàu sang mà nay bần hàn, bị ruồng bỏ đê nén nơi hang cùng ngõ chật, không giao tiếp được với hàng xóm bốn bên. Hoặc là những người tài năng vượt bậc, giữ khí chất mang lòng thành mà bị gièm pha gặp mai mỉa, tạo thành thù oán mà chẳng có người tin. Hoặc là người kẻ cận tình nhân sinh ra ân ai, chẳng có hận sâu đã phải chia lý, đi đến tận góc trời mà chẳng hẹn ngày tái hội. Hoặc là người lúc nhỏ không có mẹ cha, lớn lên không có thể tử, ra ngoài lấy đồng hoang làm xóm giềng, trở về lấy hang hốc làm nơi ở, khốn khó từ sáng đến chiều không ai xót thương chiếu cố. Nếu là những người ấy, chỉ nghe quạ lượn kêu vang, gió thu thổi khẽ là đã đau lòng. Thần chuyên chú đưa ra điệu đàn như tiếng thở dài, chưa có ai không bi thống

mà rơi lệ khóc. Còn như túc hạ thì ở nơi lầu cao nhà lớn, buồng sâu cửa liền, trương là buồng rủ, gió mát luồng qua, xướng ca cười nói ngay trước mặt, nịnh nọt hầu hạ ở kề bên. Hễ vỗ tay gõ nhịp, Trịnh thiếp liền ca múa. Lấy âm thanh réo rắt làm vui tai, sắc đẹp tịnh tế làm say mắt. Đua trên mặt nước thì cưỡi thuyền rồng, dựng cờ lông chim, khua cần câu cá chẳng đo vược có sâu. Chơi ngoài cánh đồng thì dẫm lên chỗ phẳng, rong ruổi nơi rộng rãi, dùng nỏ cứng bắn chim bay trên cao, lấy dũng sĩ cản mãnh thú. Đặt rượu, tấu nhạc, say đắm quên về. Vào lúc bấy giờ, dù trời đất có sập xuống cũng chẳng bằng một chút trông mong. Dù tôi có thảo gậy đàn vẫn chưa thể lay động được túc hạ.” Mạnh Thường Quân nói: ”Cố nhiên!” Ung Môn Chu nói: ”Nhưng tôi trộm nghĩ túc hạ cũng có chuyện buồn. Vua trong xó nhà mà khiến nước Tần khốn đốn chính là ngài, Liên hợp năm nước mà đánh Sở lại cũng là ngài. Thiên hạ ngày nay chưa được vô sự, không hợp tung thì liên hoành. Hợp tung tất Sở làm vương. Liên hoành tất Tần xưng đế. Người người đều biết hễ Tần Sở mà mạnh tất đến báo thù nơi đất Tiết⁽¹¹⁶⁾ còn con. Tình thế giống như mài rìu mà chặt cây năm vậy. Bậc thức giả trong thiên hạ không ai không vì túc hạ mà lạnh lòng. Đạo trời không phải luôn luôn thịnh, nóng lạnh luân phiên nhau tiến lùi. Thiên thu vạn tải về sau, tông miếu tất không được tế tự, lầu cao cũng sụp rồi, sông cong hoá ra thẳng. Một phần cỏ gai mọc ,cho cây cáo trú thân. Mọc đồng tuổi nhỏ lững thững bước chân qua cao giọng ca rằng: ”Tôn quý thay Mạnh Thường Quân, cũng là giống như thế này thôi!” Mạnh Thường Quân nghe mà bùi ngùi than thở, lệ tràn mi vẫn chưa rơi. Ung Môn Chu lấy đàn ra đánh, từ từ lay động Cung Chủỷ, vỗ gõ Giốc Vũ⁽¹¹⁷⁾ cuối cùng thành giai điệu. Mạnh Thường Quân liền sụt sùi nói: ”Tiên sinh gãy đàn khiến Văn thành ra như kẻ vong quốc vậy.”

Hàn Ai giữ cương nên nức tiếng.

Lữ Thị Xuân Thu chép: Hàn An làm nghe đánh xe ngựa.

Vương Bao Thánh Chúa Đắc Hiền Thần Tụng⁽¹¹⁸⁾ viết: Kíp đến khi đóng ngựa vào cho khuyết thì co gối, sớm đứng xen vào giữa đám xe, Vương Lương⁽¹¹⁹⁾ cầm dây cương, Hàn Ai bám thành xe, phóng mình rong ruổi,

nhanh như ánh sáng lướt đi, qua thành vượt quốc tựa đạp trên chỗ đất bằng, đuổi theo tia chớp, truy tìm gió bay, chuyển động khắp tám phương, một hơi đi vạn dặm, sao khoáng khoáng vậy thay! Nhờ người ngựa tương đắc đó.

Lô Ngao⁽¹²⁰⁾ bay lượn nơi Huyền Khuyết⁽¹²¹⁾, Nhược Sĩ đứng thẳng giữa mây xanh.

Hoài Nam Tử chép: Lô Ngao du ngoạn ở Bắc Hải, đi qua Thái Âm, vào nơi Huyền Khuyết, đến tận Mông Cốc thì gặp ở đó một người. Người này mắt sâu mà mũi đen, cổ cong, vai điều hâu, trán rộng mà mặt gầy thanh thoả đứng giữa trời đón gió nhảy múa. Người ấy ngoai lại nhìn thấy Lô Ngao thì thông thả hạ tay xuống, ẩn mình dưới khối đá. Lô Ngao cúi xuống xem, thấy người ấy cuộn mình như xác rùa mà ăn trái Hợp Lê⁽¹²²⁾. Lô Ngao nói với người ấy rằng: "Chỉ có Ngao là người bỏ bè lia bạn, xem đến tận cùng ngoài sáu cõi ở đây ngoài Ngao thì chẳng có ai! Ngao từ nhỏ đã thích lang thang, lớn lên cũng không hiểu biết mà thay đổi được nên đã đi khắp bốn phương. Riêng có núi non cực bắc là chưa được ngắm nhìn. Nay rốt cuộc gặp được ngài ở đây. Chắc là ngài có thể kết giao với Ngao chứ!" Nhược Sĩ ấy cười mà nói rằng: "Ha ha! Người là người Trung Châu, bằng vào đâu mà khẳng định đây đã là xa? Chỗ này thuận theo ánh sáng nhật nguyệt mà đeo tinh tú, làm nên âm dương, sinh ra bốn mùa, là chỗ thường nhân cho là vùng đất vô danh, vì vậy mà chất ngất thâm ảo vậy. Nêu ta ở đây đi về phía nam đến đồng Vĩng Lượng thì sẽ nghỉ tại làng Trầm Mặc ở phía bắc, đến tận xóm Minh Minh ở phía tây, thông với ánh sáng Hồng Mông⁽¹²³⁾ ở phía đông. Nơi này dưới không có đất, trên không có trời, tai nghe không rõ, mắt nhìn tất hoa, bên ngoài giống như có dòng nước rẽ ngang luân lạc đắm chìm, tất cả còn lại đều xa ngoài ngàn dặm. Vì thế ta cũng chưa thể ở. Nay người vừa du ngoạn đã đến tận đây, rồi lại nói đã xem tất cả mọi nơi, há cũng chẳng phải nơi này không còn là xa nữa hay sao! Như thế thì người ở lại đây, ta hẹn với mệnh mang mịt mù ở xa xôi hoang vu khác, không thể ở đây lâu được." Nhược Sĩ nói đoạn vung tay thẳng người đứng lên thì đã tiến vào giữa đám mây. Lô Ngao ngựa cổ nhìn theo thì không thấy đâu nữa, bèn than: "Ta so sánh với người này như con trùng

dưới đất so với chim Hồng Hộc, đi cả ngày chưa nổi một ly một tấc đã nghĩ rằng xa, thật chẳng đáng buồn sao!”

Tôi thật không có tài nghệ như những người vừa kể cho nên bèn bình tĩnh tại chỗ mà chờ đợi.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, Hậu Chủ theo kế của Tiểu Chu, sai sứ xin hàng Đặng Ngải. Thư hàng do Chánh viết ra. Tháng giêng năm sau, Chung Hội dấy loạn ở Thành Đô, Hậu Chủ chuyển sang đông đến Lạc Dương. Lúc bấy giờ rối loạn vội vã, đại thần nước Thục không có ai đi theo giúp đỡ. Chỉ có Chánh cùng Điện Trung Đốc là Trương Thông người ở Nhữ Nam bỏ vợ con đơn độc theo hầu. Hậu Chủ nhờ Chánh giúp đỡ phương lược rất vừa ý, hành động không lầm lỡ, bèn than thở bụi ngùi, hận hiểu Chánh quá muộn. Người đời nghị luận đều khen ngợi (Chánh). (Chánh) được ban tước quan Nội Hầu. Trong những năm Thái Thủy được bổ dụng làm An Dương Lệnh, sau thăng làm Ba Tây Thái Thái Thú. Năm Thái Thủy thứ tám có chiếu ban rằng: ”Chánh xưa ở Thành Đô, gian nan giữ nghĩa, không trái lòng trung. Đến khi được bổ dụng, hết lòng với chức vụ, có công lao sửa sang việc nước, vì thế lấy Chánh làm Thái Thú ở Ba Tây.” Năm Hàm Trữ thứ tư Chánh chết, thơ phú từ luận còn để lại hơn trăm thiên.

Bình rằng: Đỗ Vi tu thân điềm đạm, không xu phụ người đương thế. Chu Quần bói toán việc trời có bằng cứ. Đỗ Quỳnh trầm mặc tỉ mỉ cẩn thận, mọi việc làm ra đều thông thạo. Hứa, Mạnh, Lai, Lý kinh lịch sâu rộng, hiểu biết rất nhiều. Duẫn Mặc tinh thông Tả Thị. Tuy họ chẳng được tán dương về đạo đức cùng sự nghiệp nhưng chắc chắn đều là học sĩ một thời. Tiểu Chu biện luận lo liệu uyên bác lưu loát, là bậc đại nho một thời, có được phong phạm của Đông, Dương. Khích Chánh văn từ tươi sáng, có thần thái của Trương, Thái lại được ngợi khen ở việc làm, là bậc quân tử biết chọn vậy. Hai người sau cùng ở Tấn không có tích trạng gì, phần lớn là ở Thục, vì vậy chép vào thiên này.

Trương Phan xét Tiêu Chu trình bày kế sách hàng Ngụy, đại khái vốn đã dự liệu Lưu Thiện yếu hèn nhu nhược, không có lòng dạ cong queo mà gây ra tai họa, cho nên mới có thể làm như vậy. Nếu gặp phải người khác, đang

lúc phần hận, dù (Chu) không có ý làm hại người ta, nhưng người ta chuộng cái chết vì hổ thẹn nhục nhã hoặc nổi giận muốn giết người để lập uy trong một lúc thì dẫu không gặp họa sát thân cũng bị nghi ngờ vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Hán Hiến đế bị ép nhường ngôi cho Tào Phi và được triều đình mới phong làm Sơn Dương Công.
- (2) Lưu Bị vào Thục với danh nghĩa giúp Lưu Chương đánh Trương Lỗ, Chương tiếp Bị ở Phù Thành.
- (3) Lưu Bị quê ở Trác huyện.
- (4) Râu vây lấy Trác.
- (5) Có thể hiểu là : Chàng Trác không râu.
- (6) Là Chu Thư bố Chu Quần (xem Chu Quần truyện) ông này mấy lần bị trưng tập ra làm quan nên gọi là Chu Trưng Quân.
- (7) Xem Chu Quần truyện.
- (8) Là Tấn Văn Hầu nước Tấn thời Xuân Thu.
- (9) Ông này được phong ở thành Khúc Ốc, bản thân ông ta và con cháu mười mấy đời tranh ngôi với chi trưởng, là tổ 15 đời của Tấn Văn Công.
- (10) Là Hán Thiếu Đế và Hán Hiến Đế. Thiếu Đế bị Đổng Trác phế làm Hoảng Nông vương, Hiến Đế bị Tào Phi soán ngôi phong làm Sơn Dương Công.
- (11) Khai quốc công thần thời Hán Vũ Đế
- (12) Lưu Ba.
- (13) Là Tư Mã Huy, Thủy Kính tiên sinh trong Tam Quốc Diễn nghĩa.
- (14) Ông này là Tống Trung, Trọng Tử là tên tự
- (15) Ông này là Vệ Xuất công thờ Chiến quốc tranh ngôi với cha là Vệ Hậ Trang công. Thạch Thước là hiền thần nước Vệ biết trước và khắc phục cuộc nội loạn này.
- (16) Ở vào thời đó là rèn, đúc, chế tạo khung cử dệt vải.
- (17) Làm văn thư trong phủ Thượng Thư lệnh.
- (18) Là một chức danh, đời Chu là thuộc quan của quan Tư Mã, trông coi việc giáo dưỡng thứ tử (con người thiếp, không phải là dòng đích) của chư

hầu và các khanh đại phu. Đời Tần vẫn giữ, lập thêm chức Trung Thứ Tử, Thứ Tử Viên. Đời Hán trở về sau, cải làm thuộc quan của Thái Tử. Lương Tấn, Nam Bắc Triều gọi là Trung Thứ Tử, Thứ Tử. Tùy, Đường về sau, đổi thành Tả Hữu Thứ Tử, cứ thế không đổi, Thanh mạt vẫn còn.

(19) Là một chức danh (Bộc Xạ) đứng trong nhóm năm người Thượng thư.

(20) Giả, Mã: Giả Quỳ tự Lương Đạo - danh tướng kiêm lương thần Tào Ngụy, Mã Dung tự Quý Trường - Đông Hán kinh học gia.

(21) Danh nho cuối đời Hán.

(22) Vương thị: Chỉ Vương Túc, danh nho sống sau Trịnh Huyền một thế hệ, là họ hàng bên ngoại của Tấn Vũ đế, cùng Giả Quỳ, Mã Dung, Trịnh Huyền đều là danh gia chuyên về "khảo thuận cổ học". Thời Tam Quốc, học thuật của Trịnh Huyền rất hưng thịnh. Đến đời Tấn, Vương Túc cải cách lại các cải cách của Trịnh Huyền ở nhiều mặt, nhất là nghi lễ, tế tự...

(23) Thượng Thư: Bộ cổ sử tương truyền do Khổng Tử biên soạn, gọi là Thư, từ thời Hán gọi là Thượng Thư.

(24) Tên gọi tắt của vĩ thư. Tức là sách mượn nghĩa kinh để luận về phù phép điềm ứng, gồm có thất vĩ bảy bộ: Dịch vĩ, Thư vĩ, Thi vĩ, Lễ vĩ, Nhạc vĩ, Xuân thu vĩ, Hiếu Kinh vĩ. Tương truyền là chi lưu của kinh, cũng do tay đức Khổng Tử làm cả. Người sau thấy trong sách có nhiều câu nói về âm dương ngũ hành nên mới gọi sự chiêm nghiệm xấu tốt là đồ vĩ hay sấm vĩ.

(25) Gia Lệnh: Tức Thái Tử Gia Lệnh một chức quan thuộc phủ Thái tử, được đặt ra từ đời Tần, vào hàng ngũ phẩm hưởng lương nghìn thạch.

(26) Vương Mãng: Quyền thần nhà Tây Hán, sau lật nhà Hán lập ra vương triều Tân.

(27) Ý nói muốn xưng vương xưng đế.

(28) Canh Thuỷ: Tức Hán Canh Thuỷ Đế tên là Lưu Huyền, thủ lĩnh quân Lục Lâm, sau khi triều Tân của Vương Mãng bị quân Xích Mi đập tan, lên làm vua nối tiếp nhà Hán, sau đầu hàng quân Xích Mi.

(29) Công Tôn Thuật: Thủ lĩnh cát cứ vùng Ích Châu cuối thời nhà Tân đầu thời Tây Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(30) Thế Tổ: Hán Quang Vũ Đế.

(31), (32), (33), (34) Khai quốc công thần thời Đông Hán.

(35) Vương Lang: Nguyên là một thầy bói, vào cuối thời Tân đầu thời Tây Hán tự xưng con cháu Hán Thành Đế nhà Tây Hán, xưng vương ở Hàm Đan bị Hán Quang Vũ đánh bại, chết.

(36) Đồng Mã: Nhóm nghĩa quân phát triển lớn mạnh nhất vùng Hà Bắc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán.

(37) Xích Mi: Đạo nghĩa quân mạnh nhất đông Trung quốc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán, thủ lĩnh là Phan Sùng, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(38) Diêu Kỳ: Khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ, vào thời điểm được nhắc tới đang chỉ huy quân cấm vệ.

(39) Ngõ Hiêu: Thủ lĩnh cát cứ vùng Hữu Lũng cuối thời nhà Tân đầu thời Tây Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(40) Trần Chi: Sủng thần nước Thục giai đoạn hậu kỳ Tam Quốc. Kế nhiệm Lã Nghệ làm Thượng Thư Lệnh. Xem thêm Đồng Hoà truyện.

(41) Chu Văn: Tức Chu Văn vương, vốn là vua một nước chư hầu nhỏ của nhà Thương, nhờ khoan hậu và giảm tô thuế mà phát triển được lực lượng, tạo ra cơ sở cho sự hình thành của nhà Chu.

(42) Câu Tiễn: Vua nước Việt thời chiến quốc, sau khi thua nước Ngô, khéo an ủi động viên dân chúng cuối cùng diệt được kẻ địch.

(43) Thang vương đánh Kiệt lập ra nhà Thương, Chu Vũ vương đánh Trụ lập ra nhà Chu đều chi quyết chiến một trận mà định thiên hạ.

(44) Quang Lộc Đại Phu: Chức danh đứng đầu hàng Đại Phu, chuyên lo việc nghị luận, lương hai nghìn thạch.

(45) Dịch: Tên gọi tắt của Kinh Dịch.

(46) Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn; Thuấn nhường ngôi cho Vũ đều theo phép chọn người tài chứ không theo huyết thống.

(47) Tôn Xước: Tác giả "Du Thiên Sơn phú", danh sĩ đại thần thời Đông Tấn.

(48) Tôn Thịnh: Sử gia Đông Tấn, tác giả "Ngụy thị xuân thu", Tấn dương thu".

(49), Thục tướng xem thêm Thục thư quyển 11 Hoắc Tuấn truyện.

(50) Chi Đông Ngô.

(51) Khương Duy, Liêu Hoá. Trong chiến cuộc năm 263 phía Thục chỉ có bốn tướng chủ chốt thường được nhắc đến là Khương Duy, Liêu Hoá, Trương Dực, Đổng Quyết. Không biết ở đây nói năm tướng thì người cuối là ai, Thượng Thư Lệnh Phàn Kiến chăng hay Hữu tướng quân Diêm Vũ

(52) Điền Đan: Danh tướng nước Tề thời Chiến quốc, có công đánh bại tướng nước Yên là Kỵ Kiếp khôi phục nước Tề.

(53) Cát Sanh: Một điệu hát trong Kinh Thi.

(54) Thân Bao: Thân Bao Tư trung thần nước Sở thời chiến quốc. Sở bị Ngô đánh bại sắp diệt vong, Thân Bao Tư sang Tần cầu viện, đứng khóc ở sân rồng nước Tần mấy ngày đêm làm vua Tần động lòng mà phát quân cứu viện.

(55) (56) Trung thần nước Việt thời chiến quốc, phò tá Câu Tiễn quang phục quốc gia đánh bại kẻ thù.

(57) Hoa Dương Quốc Chí: Bộ sách chép về lịch sử ba châu Lương, Ich, Trữ do Thương Cừ đời Đông Tấn biên soạn.

(58) Tam Lễ: Nghi lễ, Chu lễ, Lễ ký.

(59) Thượng Thư Lang: Quan chế đời Hán, những người được địa phương cử làm Hiếu Liêm mà có tài năng thì tuyển vào phòng Thượng Thư giúp Hoàng đế xử lý việc nước, mới vào gọi là Thủ Thương Thư lang trung", sau một năm gọi là Thượng Thư Lang, sau ba năm là Thị Lang.

(60) Đông Tào Duyệt: Như chủ nhiệm văn phòng ngày nay.

(61) Biệt Giá Tòng Sự: Chức quan đứng đầu hàng thư lại trong châu, mỗi khi Thứ Sử xuất tuần đặc biệt đi theo lo việc công.

(62) Tán kỵ thường Thị: Chúc danh, đời Tấn là cố vấn tùy tùng Hoàng Đế.

(63) Vệ Úy: Chúc quan, đời Tân chưởng quản quân khí, nghi trượng, màn trướng của Hoàng Đế.

(64) Kỵ Đô Úy: Một trong ba chức Đô Úy đời Tấn, thường chỉ được phong cho ngoại thích.

(65) Lưu Hưởng: Danh nho, nhà văn hoá lớn đời Hán.

(66) Dương Hùng: Danh nho Đông Hán, khi Vương Mãng lập triều Tân từng nhảy lầu tự sát để tỏ thái độ bất hợp tác (nhưng không chết)

(67) Đông Cung Tây Mã: Tùy tùng đôi khi là bạn học của Thái Tử.

(68) Lý Hùng: Người tộc Ba thuộc Đãng Cừ quận Ba Tây, khai quốc Hoàng Đế nước Hán Thành thời thập lục quốc.

(69) Vĩnh Hoà: Niên hiệu của Tấn Mục Đế, Vĩnh Hoà thứ ba là năm 347.

(70) Hoàn Ôn: Đại tướng, danh thần Đông Tấn.

(71) Hứa Do được tiếng là người hiền, vua Nghiêu vờ vào để truyền ngôi. Do từ chối, cười mà về rồi ra suối rửa tai. Sào Phủ mới dặt trâu tới suối uống nước, thấy Do rửa tai, bèn hỏi tại sao. Do trả lời: “Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua.” Phủ bèn dặt trâu bỏ lên trên giòng nước cho uống. Do hỏi tại sao, Phủ đáp: “Anh rửa tai anh xuống đó tôi sợ trâu tôi uống nhầm.”

(72) Vương Thục: Trung thần nước Tề thời chiến quốc, lúc Yên đánh Tề, muốn phong quan chức cho Vương Thục thì ông ta nói “ Trung thần bất sự nhị quân, trinh nữ bất cánh nhị phu’.

(73) Viên, Ý: Chưa rõ là ai.

(74) Mặc Trữ: Được nhắc đến trong Tam Quốc diễn nghĩa như bạn của Hoa Hâm, đại nho đương thời, ẩn cư ở Liêu Đông khi quay về Trung Quốc theo lệnh đòi của Tấn Vũ đế bằng đường biển gặp bão các thuyền trong đoàn đều đắm chỉ riêng thuyền Mặc Trữ thoát nạn, được cho là có thần linh phù hộ.

(75) Thôi Nhân: Văn học gia thời Hán.

(76) Tôi đây: Khích Chánh tự xưng.

(77) Chỉ công việc chức vụ của Khích Chánh là Bí Thư.

(78) Ngu Đế: Chỉ vua Thuấn, được vua Nghiêu nhường ngôi cho mà lập nên nhà Ngu.

(79) Ngoài mặt tuân theo: Nguyên văn: 冢从 diện tông, lấy từ câu "Nhữ vô diện tông, thối hữu hậu ngôn" trong Thượng Thư

(80) Tam Hoàng, Ngũ Đế: Là những vị vua đầu tiên trong thời kỳ huyền thoại của dân tộc Hán, có công đưa dân tộc này thoát khỏi tình trạng sơ khai. Ngày nay các học giả bên Tàu không thống nhất được với nhau về danh tự của các vị vua này.

(81) Đồ Lục: Sách mệnh của các thiên thần ban cho.

(82) Họ Cơ: Họ của các vua nhà Chu, bắt đầu bằng Chu Văn Vương Cơ Phát, là triều đại trị vì nước Tàu kế tiếp sau nhà Thương.

(83) Họ Doanh: Họ của các vua nước Tần diệt nhà Chu, thôn tính chư hầu

(84) Ương: Thương Ương.

(85) Tư: Lý Tư.

(86) Lữ: Lữ Bất Vi.

(87) Hàn: Hàn Phi Tử. Cả bốn người đều là những nhân vật chủ chốt đề xướng hình thức quản lý

Pháp trị ở nước Tần và đều có kết cục xấu.

(88) Dấu đuôi trong chỗ bùn lầy: Lấy tích vua nước Sở sai người mời Trang Tử. Trang Tử hỏi rằng: Có con rùa sống ngàn năm, xác khô được vua Sở cất giữ trong tay áo. Liệu con rùa ấy muốn sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn hay muốn chết để người ta giữ xác. Viên quan đi mời nói: Muốn sống để lê đuôi trong bùn. Trang Tử bảo: Người về đi, ta cũng muốn lê đuôi trong bùn thôi.

(89) Chu Dương, Huyền Âm: Theo quan niệm của Đạo gia, Chu Dương là dương khí của trời đất thịnh vào mùa xuân tán vào mùa thu; Huyền Âm ngược lại, đại diện cho âm khí, thịnh vào mùa thu tán vào mùa xuân.

(90) Xung, Chất, Hoàn, Linh: Xung Đế, Chất Đế, Hoàn Đế, Linh Đế bốn vị vua nhà Hán lần lượt trị vì trước khi Đông Trác tiến vào Lạc Dương phế lập Hiến Đế. Xung Đế, Chất Đế chết từ lúc còn rất trẻ. Hoàn Đế, Linh Đế trị vì gặp nhiều loạn lạc như Hoạn Thị, Đãng Cổ, Hoàng Cân.

(91) Cửu Đức: Thượng Thư chép Cao Dao danh thần của vua Vũ nói Thiên Tử cần có Cửu Đức. Em chưa rõ Cửu Đức là những đức gì.

(92) Tế Xuân: Nguyên văn: 禘祭: Duyệt Tế: Chỉ ngày tế xuân thời nhà Hạ và nhà Thương.

(93) Nguyên Khải: Đời Nghiêu họ Cao Tân có tám người tài gọi là Bát Nguyên, họ Cao Dương cũng có tám người gọi là Bát Khải. Nguyên Khải chỉ nhân tài đông đúc, thứ hạng rõ rệt.

(94) Nhiễm, Quý: Em chưa rõ là ai.

(95) Ưng Dương: Một loại chim dữ thường được thêu trên cờ trận.

(96) Y, Vọng: Y Doãn, Lã Vọng.

(97) Ba kế nhà họ Tiết: Không rõ có phải là ba mức thiết đãi tân khách của Mạnh Thường Quân ở đất Tiết chăng?

(98) Trương, Trần: Trương Lương, Trần Bình.

(99) Trung Nhạc: Trung Sơn thuộc tỉnh Hà Nam.

(100) Trọng Ni: Khổng Tử.

(101) Khuất Nguyên: Người nước Sở thời Chiến Quốc, tác giả Ly Tao, Thiên Vấn.

(102) Ngự Phủ: Nhân vật trong bài văn cùng tên của Khuất Nguyên.

(103) Liễu Quý: Người nước Lỗ thời Chiến Quốc, nổi danh trung tín thành thực.

(104) Di, Thúc: Bá Di, Thúc Tề.

(105) Đặng Lâm: Sơn Hải Kinh chép: Khoa Phụ đuổi theo mặt trời, khát uống nước Vị Hà mà không đủ, muốn lên phía bắc uống nước ở đại hồ nhưng chưa đi đến nơi thì đã chết khát. Gậy trong tay rơi xuống hoá thành Đặng Lâm. Rừng này nằm ở phía bắc nước Sở, trong truyền thuyết là khu rừng lớn và bí hiểm.

- (106) Đường: Nhà Đường Ngu của vua Thuấn.
- (107) Hoài Nam Tử: Cuốn sách do Hoài Nam Vương Lưu An và tân khách soạn vào thời Cảnh Đế nhà Tây Hán, thuộc loại tạp thư mang tư tưởng đạo gia thời tiền Tần kết hợp với bách gia chư tử, có giá trị trong nghiên cứu văn hoá Tần Hán.
- (108) Lữ Thị Xuân Thu: Cuốn sách do Lữ Bất Vi trước tác vào giai đoạn cuối thời Chiến Quốc.
- (109) Thúc Hật: Thúc Hưởng Dương Thiệt Hật, đại phu nước Tấn thời Chiến Quốc, ung dung nhàn hạ giúp quân Tấn làm bá chư hầu.
- (110) Họ Sở: Cháu tằng tôn của Sở Nghiễm là Sở Mạnh Đạt dẫn cả họ chạy đi tị nạn ở Sa Lộc Sơn ngoài Đông Hải khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán.
- (111) Sa Khâu: Nay thuộc Hà Bắc.
- (112) Việt Tụyệt Thư: Thư tịch cổ chép về lịch sử hai nước Ngô Việt thời Chiến Quốc. Xuất xứ, niên đại, tác giả hiện đã thất truyền không tra cứu rõ ràng được.
- (113) Xích Cận: Còn gọi là núi Cận, thời Xuân Thu nằm ở huyện Ngân thuộc nước Việt.
- (114) Khe Nhược Tà: Là dòng suối chảy ra từ núi Nhược Tà, lúc hàn vi Tây Thi giặt lụa ở suối này nên còn có tên khác là suối Hoán Sa.
- (115) Hoàn Đàm Tân Luận: Bài luận do Hàn Đàm viết vào thời Hán.
- (116) Đất Tiết: Đất phong của Mạnh Thường Quân.
- (117) Cung, Thủy, Giốc, Vũ: Cùng với Thương hợp thành năm cung của nhạc cụ đồng Á.
- (118) Vương Bao Thánh Chúa Đắc Hiền Thần Tụng: Bài Tụng của Vương Bao.
- (119) Vương Lương: Người nước Tấn, đánh xe cho đại phu Triệu Giản Tử, nổi tiếng giỏi dong xe.
- (120) Lô Ngao: Còn gọi là Lô Sanh, thuật si người nước Tề (cùng có thuyết nói ông ta vốn là người nước Yên), từng vì Tần Thủy Hoàng cầu tiên

dược trường sinh của tiên nhân. Sau thấy Tần Thủy Hoàng không nghe lời khuyên can, làm việc trái đạo nên trốn đi đi lánh nạn ở Cổ Sơn. Tần Thủy Hoàng ra lệnh truy bắt mà không tìm thấy.

(121) Huyền Khuyết, Bắc Hải, Thái Âm, Mông Cốc: Đều là những địa danh nằm ở cực bắc trong huyền thoại của đạo gia.

(122) Hợp Lê: Chắc là tiên quả.

(123) Võng Lượng, Trầm Mặc, Minh Minh, Hồng Mông: Đều là địa danh trong huyền thoại.

QUYỂN 13 - HOÀNG LÝ LÃ MÃ VƯƠNG TRƯỜNG TRUYỆN

Hoàng Quyên, Lý Khôi, Lã Khải, Mã Trung, Vương Bình, Trường Nghi

HOÀNG QUYỀN TRUYỆN

Hoàng Quyền tự Công Hành, người quận Ba Tây, huyện Lãng Trung. Khi còn nhỏ làm quận lại, Châu mục Lưu Chương triệu làm Chủ bộ. Lúc Biệt giá Trương Tùng kiến nghị nên nghênh đón, khiến Tiên chủ đánh Trương Lỗ, Quyền can rằng: Tả tướng quân ⁽¹⁾ có tiếng là kiêu dũng, nay mời tới, nếu muốn đãi như kẻ dưới, tất gây bất mãn, muốn đãi như tân khách, lại thành một nước chẳng chứa nổi hai vua. Khách mà an như Thái Sơn, tất chủ nguy như trứng để đầu đàng. Chỉ nên đóng cửa biên giới, ngồi chờ thiên hạ thái bình thôi. Chương không nghe, sai sứ đón Tiên chủ, đuổi Quyền ra Quảng Hán làm trưởng quận. Sau Tiên chủ tập kích Ích Châu, sai các tướng chia ra đánh lấy các quận huyện, các nơi chỉ nghe phong thanh là hàng cả, chỉ có Quyền đóng cửa thành cố thủ, đến lúc Chương ra hàng Tiên chủ, Quyền mới chịu hàng. Tiên chủ phong Quyền làm Thiên tướng quân.

Từ Chúng bình rằng: Quyền dốc lòng can gián chủ, lại bề thành chống cự, đã đủ lễ thờ vua. Vũ Vương ⁽²⁾ xuống xe, đắp mộ Tử Can, nêu tỏ quê hương của Thương Dung ⁽³⁾, biểu dương rõ rệt hiền thần trung thành, chính là nói rõ cái ý quý trọng của mình vậy. Tiên chủ phong Quyền làm tướng quân là đúng, nhưng như vậy hãy còn ít, chưa làm sáng rõ được cái tiết tháo trung nghĩa để đại khuyến khích tấm lòng kẻ thiện giả vậy.

Lúc Tào công phá Trương Lỗ, Lỗ chạy vào Ba Trung, Quyền tiến lên nói rằng: Nếu mất Hán Trung, thì chẳng thể cứu được Tam Ba ⁽⁴⁾, việc ấy cũng như cắt mất chân tay của Thục vậy. Bởi thế Tiên chủ lấy Quyền làm Hộ quân, đưa các tướng đi đón Lỗ. Lỗ lại trở về Nam Trịnh, đầu hàng Tào công. Sau phá được Đỗ Hoạch, Phác Hồ ⁽⁵⁾, giết Hạ Hầu Uyên, chiếm được Hán Trung, đều là mưu của Quyền cả.

Tiên chủ làm Hán Trung Vương, lĩnh chức Ích Châu mục, lấy Quyền làm Trị trung tòng sự. Đến lúc Tiên chủ xưng đế, muốn sang đông đánh Ngô, Quyền can rằng: Người Ngô chiến đấu hung tợn, thủy quân ta lại thuận dòng, dễ tiến khó lui, thần xin làm tiên khu thăm dò giặc, bệ hạ nên tọa trấn phía sau. Tiên chủ không nghe, lấy Quyền làm Trấn bắc tướng quân, cầm

quân phía bắc sông đề phòng binh Ngụy, còn Tiên chủ tự mình ở phía nam sông. Tướng Ngô là Lục Nghị (Lục Tốn) (陆议) thuận dòng chặn vây, quân phía nam bại trận, Tiên chủ rút binh. Đường về bị cắt đứt, Quyền chẳng thể về được, mới đưa các tướng dưới quyền cùng hàng Ngụy. Quan chấp pháp xin bắt vợ con Quyền. Tiên chủ nói: Cô phụ Hoàng Quyền, chẳng phải Quyền phụ cô vậy. Rồi đổi đái vợ con Quyền như trước.

Thần Tùng Chi xét việc Hán Vũ (6) dựa vào lời vu khống dối trá, giết cả nhà Lý Lăng (7), và việc Lưu chủ không cho Hiến ti chấp pháp, tha thứ cho cả nhà Hoàng Quyền, cái tốt cái xấu của hai vị chúa thật khác nhau quá xa vậy. Kinh Thi nói: “Quân tử thật khoái hoạt, tử tôn được bảo hộ”, chính là lời nói về Lưu chủ vậy.

Ngụy Văn Đế bảo Quyền rằng: Ông bỏ nghịch theo thuận, phải chẳng muốn học theo Trần, Hàn (8) khi xưa? Quyền đáp: Thần chịu hậu ân của Lưu chủ, hàng Ngô thì không thể, đường về lại chẳng có lối, nên đành theo về với bệ hạ. Vả lại tướng bại quân, được thoát chết đã là may, sao còn dám học đòi cổ nhân vậy. Văn Đế mến Quyền, phong làm Trấn nam tướng quân, Dục Dương hầu, sau lại cho làm Thị trung, giữ ở bên mình. Có vài hàng nhân nước Thục nói vợ con Quyền đều bị giết, Quyền biết đó là lời giả dối, nên không phát tang.

Hán Ngụy xuân thu chép: Văn Đế xuống chiếu cho phát tang, Quyền đáp: Thần với Lưu, Cát (9) đổi đái nhau bằng tấm lòng thành, họ hiểu rõ bốn ý của thần. Thần ngờ việc này không thật, xin để hỏi thêm.

Sau hỏi kỹ ra, quả như lời Quyền nói.

Tin Tiên chủ mất bay tới Ngụy, quần thần đều chúc mừng, chỉ có Quyền là không. Văn Đế xét thấy Quyền có sự khoan dung, muốn thử dọa Quyền, bèn sai tả hữu tuyên triệu Quyền, người còn chưa tới, đã liên tiếp mấy lần thúc dục, ngựa sứ giả chạy băng băng đan xen trên đường, quan lại, người hầu của Quyền chẳng ai không bỏ vía, mà Quyền cử chỉ nét mặt vẫn như thường. Sau Quyền nhận chức Ích Châu thứ sử, dời tới ở Hà Nam. Đại tướng quân Tư Mã Tuyên Vương (10) rất tán thưởng Quyền, hỏi Quyền rằng: Thục trung còn có những người như khanh không? Quyền cười đáp:

Không ngờ Minh công lại đoái hoài coi trọng tôi như vậy. Tư Mã Tuyên Vương thư cho Gia Cát Lượng rằng: Hoàng Công Hành, là một kẻ sĩ hào sảng, thường ngồi cảm thán bày tỏ về túc hạ, trước sau như một. Năm Cảnh Sơ thứ ba đời Ngụy Minh Đế, ở Thục là năm Diên Hi thứ hai, Quyền được thăng làm Xa kỵ tướng quân, đối đãi cũng như Tam Tư ⁽¹¹⁾.

Thục ký chép: Ngụy Minh Đế hỏi Quyền: Thiên hạ chia ba, đương thời lấy nơi nào làm chính? Quyền đáp: Nên lấy thiên tượng mà luận chính thống. Trước đây sao Hỏa phạm vào sao Tâm thì Văn Hoàng Đế mất, Ngô, Thục nhì chủ lại bình an, ấy là chứng cứ vậy.

Năm sau Quyền mất, được đặt thụy là Cảnh Hầu. Con là Ung nối dõi. Ung không có con, đến đời này là tuyệt tự.

Con Quyền là Sùng ở lại Thục, làm Thượng thư lang, theo Vệ tướng quân Gia Cát Chiêm chống cự Đặng Ngải. Tới Phù huyện, Gia Cát Chiêm bàn chuyện quay về, Sùng luôn miệng khuyên Chiêm cấp tốc chiếm giữ nơi hiểm yếu, không cho địch vào được đất bằng. Chiêm do dự không nghe, Sùng nói tới rơi lệ. Lúc Ngải thẳng đường tiến binh tới, Chiêm phải lùi về giao chiến ở Miên Trúc, Sùng khích lệ quân sĩ quyết tử, sau chết trong trận chiến.

LÝ KHÔI TRUYỆN

Lý Khôi tự Đức Ngang, là người ở quận Kiến Ninh, huyện Du Nguyên. Trước làm quan đốc bưu của quận, dượng là Thoán Tập làm Kiến Linh lệnh, có vi phạm, Khôi xét tội Tập rồi miễn quan chức. Thái thú Đồng Hòa thấy Tập là người thuộc họ lớn ở địa phương, nên bỏ qua việc đó không nghe Khôi.

Hoa dương quốc chí chép: Tập sau làm quan tới Lĩnh quân.

Sau Đồng Hòa tiến cử Khôi lên châu, Khôi đang lặn lội trên đường thì nghe tiên chủ từ ải Hà Manh hồi binh tấn công Lưu Chương. Khôi biết Chương tất thua, mà Tiên chủ tất thắng, bèn thoái thác chức Quận sử, lên bắc gặp Tiên chủ ở Miên Trúc. Tiên chủ khen Khôi, đưa theo tới Lạc Thành, sai Khôi tới Hán Trung giao hảo với Mã Siêu, Siêu bèn vâng lệnh. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh chức Ích Châu mục, lấy Khôi làm Công tào thư tá chủ bộ. Sau có tù binh vu cáo Khôi làm phản, quan lại muốn bắt giải đi, Tiên chủ biết rõ chẳng phải như thế, lại thăng Khôi làm Biệt giá tòng sự. Năm Chương Vũ nguyên niên, Lai Hàng đô đốc Đặng Phương chết, Tiên chủ hỏi Khôi: Ai có thể thay được? Khôi đáp: Mỗi người đều có sở trường sở đoản, bởi thế Khổng Tử mới nói: Có dùng mới biết tài. Và lại Minh chủ ở trên cao, kẻ bày tôi phải thật lòng, giống như chiến dịch Tiên Linh, Triệu Sung Quốc ⁽¹²⁾ nói: Chẳng ai ngoài lão thần. Nay thần chẳng dám đo lường việc chọn lựa, chỉ xin bệ hạ xét cho rõ việc ấy. Tiên chủ cười nói: Bồn ý của Cô là nhằm Khanh vậy. Rồi lấy Khôi làm Lai Hàng đô đốc, cho giữ cờ tiết, lĩnh chức Giao Châu thứ sử, đóng tại huyện Bình Di.

Thần Tùng Chi hỏi thăm người đất Thục, họ nói Lai Hàng cách Thục hơn hai nghìn dặm, lúc ấy chưa có Ninh Châu (宁州), gọi là Nam Trung, mới lập chức Trù Hàng đô đốc để cai trị cả xứ ấy. Đến thời nhà Tấn mới phân làm Ninh Châu.

Tiên chủ mất, Cao Định làm bậy ở Việt Huê, Ung Khải ngang ngược ở Kiến Ninh, Chu Bao nổi loạn ở Tang Ca. Thừa tướng Lượng nam chinh, bắt đầu từ Việt Huê, còn Khôi giữ đường Kiến Ninh. Tướng các huyện tụ tập

làm loạn, vây quân Khôi ở Côn Minh. Lúc ấy binh Khôi ít mà địch nhiều, lại không nghe được tin về Lượng, mới bảo người Nam rằng: Quan quân đã hết lương, muốn rút lui, tôi xa quê đã lâu, nay được trở về, chẳng lên bắc nữa, mà muốn cùng các ông bàn mưu tính kế, bởi thế mới chân thành tương cáo. Người Nam tin Khôi, bởi thế vòng vây lơ lửng. Khôi nhân đó ra đánh, đại phá quân Nam, đuổi giết tàn quân địch, phía nam tới Bàn Giang, phía đông thông với Tang Ca, cùng với Lượng thanh thế tương liên. Đất Nam đã bình xong, Khôi có nhiều quân công, được phong làm Hán Hưng Đình hầu, An Hán tướng quân. Sau quan quân quay về, người Di ở phía nam lại phản loạn, giết chết quan cai trị ở đấy. Khôi tự mình đem quân thảo phạt, trừ sạch kẻ ác, dời hết những nhà có ảnh hưởng ở đó về Thành Đô, cho thu thuế, trừ người già không phải nộp, trâu cày, chiến mã, vàng bạc, da tê giác của người rợ sung vào quân, bởi thế phí dụng đầy đủ.

Năm Kiến Hưng thứ bảy, bởi Giao Châu thuộc về Ngô, Khôi được cho thôi chức Thứ sử Giao Châu, đổi làm Thái thú Kiến Ninh, về ở quận nhà. Sau dời tới Hán Trung, năm Kiến Hưng thứ chín thì mất. Con là Di nối dõi. Con của em Khôi là Cầu, làm Hữu bộ đốc của Ngự lâm quân, theo Gia Cát Chiêm chống cự Đặng Ngải, chết tại trận chiến ở Miên Trúc.

LÃ KHẢI TRUYỆN

Lã Khải tự Quý Bình, người quận Vĩnh Xương, huyện Bất Vi.

Tôn Thịnh Thục thế phổ chép: Trước, nhà Tần dời hết con cháu họ hàng của Lã Bất Vi vào Thục Hán. Thời Hán Vũ Đế khai phá phía tây Nam Di, lập các quận huyện, dời nhà họ Lã tới đó, nhân thế mới gọi là huyện Bất Vi.

Lã Khải làm Ngũ quan duệ và Công tào ở quận. Bọn Ung Khải nghe tin Tiên chủ mất ở Vĩnh An, lại càng thêm kiêu căng ngạo mạn. Quan Đô hộ Lý Nghiêm sáu lần viết thư cho Ung Khải, phân tích lợi hại, Ung Khải chỉ trả lời có một lần rằng: Người ta nói trên cao chẳng có hai mặt trời, dưới đất chẳng có hai vua, nay thiên hạ chia ba, phương nào cũng nói mình chính thức, bởi thế người ở nơi xa xôi lo sợ nghi ngờ, chẳng biết theo ai vậy. Rồi vẫn phóng túng kiêu ngạo như trước. Ung Khải lại hàng Ngô, Ngô từ xa đặt Ung Khải làm Thái thú Vĩnh Xương. Vĩnh Xương nằm ở phía tây quận Ích Châu, đường giao thông tắc nghẽn, ngăn cách hoàn toàn với Thục, Thái thú quận (Ung Khải?) sửa chữa đường đi, Lã Khải cùng Phủ thừa của Thục quận là Vương Kháng đốc suất, khích lệ dân chúng, đóng cửa biên giới cự Ung Khải. Ung Khải mấy lần truyền hịch khắp Vĩnh Xương, tuyên truyền đủ thứ. Lã Khải đáp lại hịch rằng: Trời giáng xuống loạn lạc, gian hùng thừa cơ, thiên hạ đều nghiêng răng cắn hận, vạn quốc đều thương tiếc, từ kẻ bầy tôi cho tới nàng hầu chẳng ai không dốc hết gân sức, gan óc lay đất, để trừ quốc nạn. Phục duy tướng quân một đời thụ Hán ân, tôi cho rằng đây chính là lúc tướng quân tụ tập binh tướng, xông lên phía trước, trên có thể báo quốc ân, dưới chẳng phụ tiền nhân, công ghi vào sử sách, danh để tới nghìn thu. Sao lại đi làm kẻ nô bộc cho Ngô Việt, bỏ gốc lấy ngọn vậy ư? Xưa vua Thuấn chuyên cần việc dân đến nỗi chết ở Thương Ngô (13), thư tịch đều khen ngợi Thuấn, tiếng lưu tới vô cùng. Vua băng hà ở bên sông, thật đáng thương thay! Văn, võ đều nghe lệnh, thịnh vượng khắp nơi. Tiên đế như con rồng bay lên, hải nội đều nghe tiếng, thừa tướng sáng suốt, tự nhiên trời ban an khang. Mà tướng quân lại chẳng thấy giường mỗi của thịnh suy, cái điềm của thành bại, ví như lửa cháy nơi cánh đồng, dẫm

đạp nơi sông băng, lửa tắt băng tan, biết dựa vào đâu? Ngày xưa tiên tổ của tướng quân là Ung hầu (14) vốn gây oán nghiệt còn được phong chức, Đậu Dung (15) hiểu biết thế thịnh hưng, trở về với cội nguồn, đều lưu danh tới mai sau, hậu thế ca ngợi. Nay Gia Cát thừa tướng tài trí siêu quần, thấu rõ tương lai, nhận mệnh thác cô của Tiên đế, phò trợ ấu chúa, chẳng ghen ghét ai, chỉ ghi công mà bỏ qua lầm lỗi. Tướng quân nếu có thể triệt để thay đổi ý định, dừng chân lùi bước, thì chẳng khó theo kịp cổ nhân, đáng là người đứng đầu cõi biên thùy vậy! Xưa nước Sở chẳng cung kính, Tề Hoàn Công (16) trách mắng thật phải, Phù Sai tiếm xưng (17), người Tấn chẳng được lâu bền, huống chi kẻ thần tử lầm lỗi với chúa, có ai mong muốn theo không (18)? Thiết nghĩ chuyện xưa, kẻ bày tội không kết giao vượt biên giới, bởi thế trước sau có đi mà không có lại (19). Nhận được cáo thị của tướng quân, nỗ lực quên ăn quên ngủ, cho nên lược bày những suy nghĩ cá nhân, mong tướng quân xét rõ vậy. Lã Khải ân uy gồm đủ, trong quận tin cậy, bởi thế giữ được trật tự ở đó.

Đến lúc Thừa tướng Gia Cát Lượng nam chinh thảo phạt Ung Khải, đã lên đường, thì Ung Khải bị tướng tá của Cao Định giết chết. Lượng tới phương nam, dâng biểu rằng: Quận lại ở Vĩnh Xương là Lã Khải cùng Phủ thừa Vương Kháng ở nơi xa xôi vẫn giữ vững lòng trung, hơn mười năm trời; Ung Khải, Cao Định áp bức phía đông bắc, mà Lã Khải, Vương Kháng vẫn giữ trọn tiết nghĩa chẳng chịu cầu kết. Thần chẳng ngờ phong tục ở Vĩnh Xương lại chính trực vô cùng như vậy! Rồi cho Lã Khải làm Thái thú Vân Nam, phong tước Dương Thiên Đình hầu. Sau Lã Khải bị người Di phản loạn hại chết, con là Lã Tường nối dõi. Còn Vương Kháng cũng được phong làm Đình hầu, nhậm chức Thái thú Vĩnh Xương.

Thực thế phổ chép: Lã Tường sau làm Nam Di hiệu úy đời nhà Tấn, con Tường cùng cháu làm Thái thú Vĩnh Xương. Lí Hùng đánh phá Ninh Châu, họ Lã không theo, cố thủ ở quận. Vương Kháng cũng giữ trọn được tiết tháo.

MÃ TRUNG TRUYỆN

Mã Trung tự Đức Tín, người quận Ba Tây, huyện Lãng Trung. Thuở nhỏ được nhà ngoại nuôi dưỡng, mang họ Hồ tên Đốc, sau mới lấy lại họ Mã, đổi tên là Trung. Trung làm quận lại, thời Kiến An mặt được tiến cử làm Hiếu liêm, rồi làm trưởng huyện Hán Xương. Tiên chủ đông chinh, bại trận ở Hồ Đình, Thái thú Ba Tây Diêm Chi lấy năm nghìn quân ở các huyện để bổ khuyết, sai Trung đưa đi. Tiên chủ lúc ấy đã về Vĩnh An, gặp Trung cùng trò chuyện, bảo Thượng thư lệnh Lưu Ba rằng: Tuy mất Hoàng Quyền, lại có Hồ Đốc, khá thấy đời chẳng thiếu kẻ hiền tài vậy. Năm Kiến Hưng nguyên niên, Thừa tướng Gia Cát Lượng mở phủ, lấy Trung làm môn hạ đốc. Năm Kiến Hưng thứ ba, Lượng vào nam, phong Trung làm Thái thú Tang Ca. Quận thừa Chu Bao làm phản. Sau cơn bạo loạn, Trung vỗ về sửa trị, rất có ân uy. Năm Kiến Hưng thứ tám, Trung được triệu về làm Tham quân phủ Thừa tướng, phụ Trường sử Tướng Uyển tạm coi sự vụ ở phủ. Sau lại nhậm chức Trì trung tòng sự ở châu. Năm sau, Lượng ra Kỳ Sơn, Trung theo Lượng, lo việc doanh trại quân nhưng. Đại quân quay về, Trung lại dẫn tướng quân Trương Nghi thảo phạt người Khương làm loạn ở Vãn Sơn. Năm Kiến Hưng thứ mười một, cường hào ở Nam Di là Lưu Trụ làm phản, nhiễu loạn các quận. Lai Hàng đô đốc Trương Dực được gọi về, Trung thay chức của Dực. Trung chém được Trụ, bình định đất nam, được phong làm Giám quân, Phấn uy tướng quân, tước Bác Dương Đình hầu. Trước, quận Kiến Ninh giết Thái thú Chính Ngang, trói Thái thú Trương Duệ đưa tới Ngô, bởi thế Đô đốc thường ở huyện Bình Di. Tới thời Trung, mới chuyển tới ở huyện Vị, sống giữa người Di. Lại thấy quận Việt Huê mất đất đai đã từ lâu, Trung cùng Thái thú Trương Nghi mở mang, phục hồi quận cũ, bởi thế lại được gia quan làm An nam tướng quân, tấn phong Bành Hương Đình hầu. Năm Diên Hi thứ năm Trung về triều, tới Hán Trung gặp Đại tư mã Tướng Uyển tuyên truyền chiếu chỉ, rồi được thăng chức làm Trấn nam đại tướng quân. Mùa xuân năm Diên Hi thứ bảy, Đại tướng quân Phí Y cự Ngụy địch ở phương bắc, lưu Trung ở Thành Đô quản

việc thượng thư. Y về triều, Trung lại về nam. Năm Diên Hi thứ mười hai Trung mất, con là Tu nổi dõ. Em Tu là Khôi. Con của Khôi là Nghĩa, đời nhà Tấn làm Thái thú Kiến Ninh.

Trung là người khoan dung, rất có độ lượng, hay nói đùa cười lớn, bực tức không lộ ra mặt, xử sự quyết đoán, ân uy gồm đủ, bởi thế man di kính sợ mà yêu. Lúc Trung mất, người người đều để tang, rơi lệ xót thương, lại vì Trung mà lập miếu thờ, đến nay vẫn còn.

Trương Biểu là danh sĩ đương thời, thanh vọng còn hơn Trung. Diêm Vũ làm việc hiệu quả, tinh tế chuyên cần. Hai người tiếp bước Trung, uy phong thành tích đều không kịp Trung.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Trương Biểu là con của Trương Túc (20). Hoa Dương quốc chí nói: Biểu là con Trương Tùng. Việc này không rõ. Diêm Vũ tự Văn Bình, người Nam Quận.

TRƯƠNG NGHI TRUYỆN

Trương Nghi tự Bá Kỳ, người nước Nam Sung, Ba Quận.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Nghi xuất thân nghèo hèn, mà tuổi nhỏ đã thông tuệ mạnh mẽ.

Năm hai mươi tuổi làm Công tào ở huyện. Đúng lúc Tiên chủ định Thục thì giặc núi tấn công huyện, trưởng huyện bỏ nhà chạy trốn, Nghi xông pha trong gươm đao, công phu nhân (của trưởng huyện) mang theo, phu nhân được thoát. Bởi thế nổi danh, được châu gọi làm Tòng sự. Kẻ sĩ trong quận Cung Lộc, Diêu Trụ làm quan hưởng lộc hai nghìn thạch, có danh tiếng lúc bấy giờ, đều cùng Nghi có giao tình. Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên bắc đóng quân ở Hán Trung, bọn sơn tặc Trương Mộ ở Quảng Hán, Miên Trúc đánh lén trộm quân tư, cướp bóc lê dân, Nghi làm Đô úy đưa binh thảo phạt. Nghi nghĩ giặc giống như đàn chim tản mát, thật khó để đánh, bèn giả bộ hòa hoãn làm quen, rồi tổ chức tiệc rượu mời. Rượu say, Nghi thân dẫn tả hữu chém hơn năm mươi đầu mục giặc Mộ, những kẻ cầm đầu chết sạch. Rồi lại tầm nã dư đảng, mười ngày đã dẹp yên. Sau Nghi bị bệnh rất nặng, gia cảnh nghèo hèn, Thái thú Quảng Hán là Hà Chi ở Thục quận có tiếng là người rộng rãi hiền hậu, Nghi với Chi vốn không thân, nhưng vẫn ngồi xe nhỏ đến gặp Chi, xin giúp chữa bệnh. Chi dốc hết tài sản chữa bệnh cho Nghi, vài năm thì khỏi hẳn. Đạo lý, tín nghĩa của những người ấy đều như vậy. Nghi làm Nha môn tướng, theo Mã Trung lên bắc thảo phạt người Khương làm phản ở Vãn Sơn, xuống nam bình định bốn quận man di, luôn có công trừ định kế hoạch, khắc địch chiến thắng.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Nghi lĩnh ba trăm binh mã, theo Mã Trung đánh người Khương phản loạn. Nghi đốc suất mấy doanh trại tới đó trước. Ấp ấy vừa cao vừa dốc, Nghi theo thế núi lập bốn, năm làng ở trên. Người Khương dựng cửa đá ở chỗ yếu hiểm, trên cửa lắp các giá đỡ, chất đầy đá, người qua là đẩy đá xuống, chẳng thoát khỏi cảnh nát như người. Nghi tính chẳng thể công được, bèn sai người dịch cáo thị cho người Khương rằng: Những chúng tộc Vãn Sơn các người phản loạn, làm hại đến người lương

thiện, Thiên tử sai tướng đến thảo phạt ác đảng. Các người nếu chịu khấu đầu trước quân, chuẩn bị lương thực, sẽ hưởng phúc lộc mãi mãi, báo đáp gấp trăm lần. Nhược bằng không theo, đại binh tới tru diệt, sấm vang chớp giạt, lúc ấy dù hối hận cũng vô ích vậy. Mấy người Khương đứng đầu nghe lệnh, lập tức tới chỗ Nghi, cung cấp lương thực cho quân. Binh mã tiến lên đánh bắt dư đảng, dư đảng nghe tin làng ấy đã bị hạ, hết thảy đều bơ vơ trợ trợ, sợ hãi cuống quit, kẻ thì ra hàng trước quân, kẻ thì chạy tán loạn vào sơn cốc, Nghi thả quân tấn công, đánh tan bọn ấy. Sau ở chỗ người Di phía nam Lưu Trụ lại phản, Mã Trung làm Lai Hàng đô đốc đánh Trụ, Nghi lại theo, khi giao chiến luôn đi đầu ba quân, chém được Trụ. Việc bình nam đã xong, rợ Liêu ở Tang Ca, Hưng Cổ lại phản, Trung sai Nghi đưa quân tới đánh, Nghi chiêu hàng được hai nghìn người, đưa cả tới Hán Trung.

Năm Kiến Hưng thứ mười bốn, Đê Vương ở Vũ Đô là Phù Kiện xin hàng, Thục sai tướng quân Trương Úy lại nghênh đón, quá thời hạn vẫn không tới, Đại tướng quân Tưởng Uyển trong lòng rất nghĩ ngợi. Nghi trấn an Uyển rằng: Phù Kiện cầu hàng rất thành khẩn, tất không biến đổi, trước nghe em Kiện là người xảo quyệt, chẳng thể cùng chung sức với rợ Địch do có mâu thuẫn, người ấy tất lưu lại không đến. Vài ngày sau, tin tới, em Kiện quả nhiên đưa bốn trăm hộ theo Ngụy, chỉ có Kiện tới theo Thục.

Trước, ở quận Việt Tây từ sau khi Thừa tướng Lượng thảo phạt Cao Định, người Tẩu Di mấy lần làm phản, giết chết Thái thú Cung Lộc, Tiêu Hoàng, Thái thú sau đó chẳng dám tới quận Việt Huê, chỉ ở lại huyện An Định (An Thượng), cách quận hơn tám trăm dặm, quận ấy chỉ có cái tên mà thôi. Đương thời nhà Thục Hán muốn phục hồi quận cũ, Nghi được phong làm Thái thú Việt Huê. Nghi đưa quân mã của mình tới quận, lấy ân, tín để dỗ dành, người man di đều phục, tất cả lại hàng. Ở phía bắc biên giới tây nam có bộ lạc Tróc Mã rất kiêu căng hung tợn, không theo cai quản, Nghi bèn tới đánh, bắt sống được thủ lĩnh Ngụy Lang, rồi lại phóng thích, bảo rõ lẽ lợi hại, sai đi chiêu hàng đồng đảng. Rồi biểu tấu cho Lang làm Hầu ở đất ấy, bộ lạc hơn ba nghìn hộ đều an cư lạc nghiệp. Các bộ lạc khác nghe tin, đa phần dần dần hàng phục, Nghi có công được tấn tước Quan nội hầu.

Vua của đất Tô Kì là Đông Phùng, em của Phùng là Ngỗi Cừ, bọn ấy đã hàng sau lại phản loạn. Nghi xét tội, giết Phùng. Vợ Phùng là con gái của Mao Ngưu Vương được Nghi vì đại cục mà tha tội cho. Cừ chạy trốn về phía tây biên giới tây nam. Cừ nhanh nhẹn hung tợn, làm các bộ tộc ở đó rất sợ hãi, Cừ sai hai người thân tín trá hàng Nghi, thu thập tin tức. Nghi biết, hứa sẽ trọng thưởng, lại sai làm phản gián, hai người ấy cùng hợp mưu giết Cừ. Cừ chết rồi, các bộ lạc đều yên ổn. Lại có tù trưởng đất Tư Đồ Lý Cầu Thừa, khi trước đã giết Cung Lộc, Nghi yết bảng truy nã, lòng bắt được, kể rõ tội trạng rồi chém.

Trước Nghi thấy bốn phương tường thành ngoài của quận sụt lở, mới xây một cái ụ nhỏ. Nghi làm quan ba năm, dời về quận cũ, sửa sang thành quách, người Di nam nữ chẳng ai không dốc sức.

Ba huyện Định Tạc, Đài Đăng, Ti Thủy cách quận hơn ba trăm dặm, lâu nay sản xuất muối, sắt và sơn, mà người Di lại chặn các lộ để lũng đoạn. Nghi dẫn thân binh giành lấy quyền kiểm soát, đặt quan lại trông nom. Nghi tới Định Dâu, thủ lĩnh người man di ở đó là Lang Sầm, cậu của Bàn Mộc Vương, rất được người man di tín nhiệm, giận Nghi vô cớ xâm phạm, không đến chỗ Nghi. Nghi sai vài chục tráng sĩ tới thẳng nhà bắt về, đánh đòn tới chết, mang thân về bộ lạc, ban thưởng rất hậu, kể rõ tội ác của Sầm, lại nói: Không được làm xằng, hễ làm giết ngay! Cả bộ lạc đều tự trói tạ tội, Nghi giết trâu mở tiệc khoản đãi, trịnh trọng bày tỏ ân, tín, từ đó thu muối, sắt, đồ dùng rất đầy đủ.

Ở ranh giới quận Hán Gia có giống rợ Mao Ngưu hơn bốn nghìn hộ, thủ lĩnh là Lang Lộ, muốn báo thù cho dượng (chồng cô ruột) Đông Phùng, mới sai chú là Li cùng bộ hạ cũ của Phùng dò xét tình thế. Nghi liệu trước tình hình, đã sai thân tín mang tê, ngưu và rượu úy lạo, lại lệnh cho chị Li là vợ của Phùng tuyên rõ ý định. Li chịu nhận đồ thưởng, lại được gặp chị, chị em đều vui mừng, bèn đưa hết người của mình tới gặp Nghi, Nghi lại thưởng thêm, thiết đãi rất hậu rồi cho về. Người Mao Ngưu bởi thế tuyệt không gây loạn nữa.

Quận Việt Tây trước có một con đường, xuyên qua đất Mao Ngưu tới thẳng Thành Đô, bằng phẳng mà lại gần. Do người Mao Ngưu chặn con đường đó đã hơn trăm năm, nên phải đổi đi đường An Thượng, vừa hiểm trở vừa xa. Nghi sai tả hữu mang lễ vật ban cho Lộ, lại trình trọng lệnh cho cô của Lộ (vợ Đông Phùng) nói rõ ý định, Lộ bèn đưa hết anh em vợ con tới chỗ Nghi, cùng Nghi lập minh ước, khai thông đường ấy, nghìn dặm đều yên bình, những đình, trạm cũ trên đường đều được khôi phục. Nghi biểu tấu cho Lộ làm Mao Ngưu Tì Vương, lại sai sứ đưa Lộ vào triều cống. Bởi thế Hậu chủ thăng Nghi làm Vũ Nhung tướng quân, vẫn trông coi quận như cũ.

Trước Nghi gặp Đại tướng quân Phí Y, tính Y nhân hậu, tiếp đãi tin tưởng những người mới theo về thái quá, Nghi viết thư khuyên rằng: Trước Sầm Bành (21) thống lĩnh đại quân, lại hay vỗ về gần gũi mà chẳng giữ mình, bị thích khách giết hại, ai cũng thấy việc ấy. Nay tướng quân quyền cao chức trọng, nên trông vào chuyện xưa, cảnh giác một chút. Sau Y quả nhiên bị hàng tướng Ngụy là Quách Tu (22) hại.

Thái phó nước Ngô là Gia Cát Khác mới phá được quân Ngụy, đã rầm rộ hưng binh tính đánh tiếp. Thị trung Gia Cát Chiêm, con của Thừa tướng Lượng, là anh em con chú con bác với Khác, Nghi thư cho Chiêm rằng: Đông chủ (23) mới băng hà, ấu chúa (24) còn non dại, Thái phó nhận trọng mệnh thác cô, sao có thể dễ dàng được! Tài cao như Chu Công (25), mà còn có biến cố Quản, Sái (26) tung tin xằng bậy; Hoắc Quang (27) gánh vác việc lớn, mà Yên, Cái, Thượng Quan (28) còn âm mưu nghịch loạn; nhờ có Thành, Chiêu (29) sáng suốt, mới thoát được nạn vậy. Trước thường nghe Đông chủ giết, tha, thưởng phạt, không giao cho kẻ dưới, lúc biết mạng mình chỉ còn trong sớm tối, vội vàng triệu Thái phó, di chúc hậu sự, suy nghĩ thật là đúng đắn. Thêm nữa người Ngô, Sở vốn nhanh nhẹn nóng nảy, từ xưa đã có ghi chép, mà Thái phó lại rời Thiếu chủ, xông vào đất địch, sợ rằng chẳng phải kế hay, cái phép trọn vẹn lâu dài vậy. Tuy nói Đông Ngô kỷ cương nghiêm chỉnh, trên dưới hòa kính, nhưng tính trăm điều thế nào chẳng sót một, làm thế chẳng giống suy nghĩ của kẻ sáng suốt. Lấy xưa làm

khuôn phép cho nay, nay học theo xưa, phi ngài góp ý trung thực với Thái phó thật chẳng còn ai dám hết lời vậy! Đưa quân về mở rộng nghề nông, chăm chỉ thi hành đức huệ trong vòng vài năm, rồi đông, tây (30) đều cử sự cũng chưa muộn. Xin ngài xét rõ và lựa chọn. Sau đúng như Nghi nói, Khác bị giết cả họ. Hiếu biết, tầm nhìn của Nghi đa phần đều cao minh như vậy.

Nghi làm quan ở quận mười lăm năm, bờ cõi đều an hòa. Nghi nhiều lần xin về, triều đình cho về Thành Đô. Người Di quyến luyện không rời, rơi nước mắt, khóc không ra tiếng bên bánh xe, đi qua đất Mao Ngưu, vua đất ấy địu con sau lưng tới nghênh đón, đi theo tới biên giới Thục Quận, lại đưa hơn trăm người lũ lượt theo Nghi vào triều cống. Nghi về được phong làm Đãng khấu tướng quân. Tính Nghi khẳng khái hào hùng, kẻ sĩ nhiều người yêu mến, nhưng lại phóng đảng khiếm lễ, người ta cũng lấy điều ấy mà chê bai vậy.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá bảo Nghi rằng: Tôi với túc hạ tuy xa lạ, nhưng lại thấy hiểu nhau như bạn cũ, túc hạ nên hiểu ý tôi. Nghi đáp: Tôi chưa biết ngài, ngài chưa biết tôi, đao lớn (quyền thế, lý lẽ) trong tay ngài, hà tất phải nói hiểu nhau! Xin thông thả ba năm sau hãy xét tới lời đó. Kẻ sĩ có kiến thức đều khen ngợi những lời ấy.

Năm ấy là năm Diên Hi thứ mười bảy. Trưởng thành Địch Đạo của Ngụy là Lý Giản gửi mật thư xin hàng, Vệ tướng quân Khương Duy dẫn Nghi xuất binh ra Lũng Tây nhân có Giản làm viện trợ.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Nghi có cố tật phong thấp, khi tới Thành Đô dần trở nặng, sau phải chống gậy mới đứng lên được. Lý Giản xin hàng, chư tướng thảo luận đều thấy hồ nghi, chỉ có Nghi bảo chắc chắn đúng. Khương Duy xuất binh, triều đình bàn rằng Nghi vừa mới về, thêm chân có tật không tiện ở tại trung quân, Nghi lại xin tận lực vì Trung Nguyên, dẫn thân trước trận tiền. Lúc xuất phát, Nghi từ biệt Hậu chủ, nói: Thần dưới thánh minh, chịu ân không kể xiết, lại thêm thân mang bệnh tật, thường sợ nhờ một sớm chết đi, cô phụ ơn đãi ngộ. May trời không phụ tâm nguyện, nay thần được tham gia việc quân. Nếu định được Lương Châu, thần xin

trấn thủ nơi đó, nhược bằng không được, xin liềm mình báo đáp thánh ân. Hậu chủ xúc động, rơi lệ.

Tới Dịch Đạo, Giản đưa hết quan dân trong thành ra nghênh đón. Tiền quân Thục giao phong với tướng Ngụy Từ Chất, Nghi ngã xuống trong trận chiến, nhưng cũng giết được vô số. Nghi chết rồi, con cả là Anh được phong làm Tây Hương hầu, con thứ là Hộ Hùng kế tước của cha. Người Di ở Việt Huề đất nam nghe tin Nghi chết, bi thương khóc đến khản tiếng, lập miếu thờ Nghi, bốn mùa cúng tế xin trừ thủy tai, hạn hán.

Ích bộ kì cựu truyện chép: Ta xem Trương Nghi đáng mạo hiểm từ, chẳng làm người sợ hãi, mà sách lược tính toán sâu xa, quả cảm mạnh mẽ đủ để lập uy, là người bày tôi có tiết tháo, trung thành, xử sự có phong thái độ lượng, chính trực, hành động mẫu mực, Hậu chủ vô cùng tôn trọng. Những danh sĩ ngày xưa cũng chẳng hơn được vậy!

Thục thế phổ chép: Cháu Nghi là Dịch, đòi nhà Tấn làm Thứ sử Lương Châu.

Bình rằng: Hoàng Quyền bụng dạ rộng rãi thuần chính, độ lượng bao la; Lý Khôi chính trực thanh cao, có hoài bão; Lã Khải tiết tháo kiên định; Mã Trung thuần hậu mà nghị lực ⁽³¹⁾, Vương Bình trung dũng mà nghiêm chỉnh, Trương Nghi hiểu biết, quyết đoán, sáng suốt, quả cảm; tất cả đều có sở trường, dương danh phát tích, gặp được thời vậy.

VƯƠNG BÌNH TRUYỆN

Vương Bình tự Tử Quân, người ở huyện Đãng Cừ quận Ba Tây. Nguyên trước vốn là con nuôi họ Hà, sau mới đổi lấy lại họ Vương. Từng theo Đỗ Hoạch - Phác Hồ đến Lạc Dương, được làm Giả Thái úy, theo Tào Công đánh Hán Trung, nhân đó theo hàng Tiên chủ, được bái làm Nha môn tướng, Bì tướng quân.

Năm Kiến Hưng thứ 6, theo giúp Tham quân Mã Tắc làm tiên phong. Tắc bỏ nguồn nước đóng quân trên núi, làm việc tùy tiện. Bình cố sức khuyên can Tắc, Tắc không theo kế, nên đại bại ở Nhai Đình, binh sỹ tan tác hết cả, Bình chỉ có hơn 1.000 quân, sai thúc trống giữ trận, Ngụy tướng Trương Cáp nghi có phục binh, không dám tiến quân truy đuổi. Thế rồi Bình từ từ thu gom binh sỹ tan tác ở khắp nơi, đốc suất tướng sỹ lui về. Thừa tướng Gia Cát Lượng giết Mã Tắc cùng với tướng quân Trương Hưu - Lý Thịnh, tước binh quyền cùng quân sỹ của tướng quân Hoàng Tập, riêng Bình bởi có công lao hiển hách, được phong chức làm Tham quân, thống quản ngũ bộ kiêm chức Đương doanh bộ, sau lại được thăng làm Thảo khấu tướng quân, Phong đình hầu.

Năm Kiến Hưng thứ 9, Lượng vây Kỳ Sơn, Bình được giữ riêng một cánh quân ở phía Nam. Ngụy Đại tướng quân Tư mã Tuyên Vương tấn công Lượng, Trương Cáp đánh quân của Vương Bình, Bình kiên quyết cố thủ không vọng động, Cáp không thắng được. Năm Kiến Hưng thứ 12, Lượng chết ở Vũ Công, trong lúc rút quân, Ngụy Diên làm loạn, chỉ một trận đã bị bại, chính bởi công lao của Bình vậy. Bình được thăng làm Hậu diễn quân, An hán tướng quân, làm phó cho Xa kỵ tướng quân Ngô Nhất (tay này là Ngô Ý đây - cụ Luộc sợ phạm húy nên viết chệch tên tay này đi) trấn thủ Hán Trung. Năm Kiến Hưng thứ 15, Bình được tiến phong làm An hán hầu, thay Nhất làm Đốc quân Hán Trung.

Năm Diên Hi nguyên niên, Đại tướng quân Trương Uyên đóng quân ở Miện Dương, Bình được đổi làm Tiền hộ quân, được đặt sở thự ở ngay phủ sự của Uyên. Năm Diên Hi thứ 6, Uyên dẫn quân về đóng ở Phù Thành, bái

Bình làm Tiền giám quân, Trấn Bắc Đại tướng quân, thống lĩnh quân sự ở Hán Trung.

Năm Diên Hi thứ 7 mùa xuân, Đại tướng quân nhà Ngụy là Tào Sảng dẫn quân bộ kỵ binh hơn 10 vạn người tiến đánh Hán Xuyên, quân tiên phong đã đóng ở Lạc Cốc. Bấy giờ binh sỹ giữ Hán Trung chưa đến 3 vạn người, chư tướng đều kinh hoảng. Ai cũng nói rằng: “Nay binh lực của chúng ta không đủ để cự giặc, nên lui quân chống giữ hai thành Hán - Lạc, phòng ngộ lỡ quân địch xâm nhập vào được, sau đấy, ta lấy quân ở Phù Thành đến cứu quan ải mới được”. Bình nói: “Không nên. Từ Hán Trung đến Phù thành xa ngàn dặm. Ví như kẻ địch lấy được cửa quan, ấy mới là hoạ vậy. Nay nên phái Lưu hộ quân, Đổ tham quân giữ vững ở Hưng Thế sơn, Bình tôi ở phía sau cự địch; ví bằng quân địch chia binh mà tiến vào sâu, Bình tôi sẽ lĩnh hơn ngàn quân đến đánh, đến lúc ấy, quân ở Phù Thành mới đến cứu kịp, thế mới là thượng sách vậy”. Chỉ có Hộ quân Lưu Mẫn đồng ý với Bình, Bình lập tức thi hành. Sau đấy ba quân ở Phù Thành cùng Đại tướng quân Phí Vỹ từ Thành Đô đến chi viện, quân Ngụy phải lui về, quả đúng như dự liệu của Bình.

Lúc bấy giờ Đặng Chi ở phía Đông, Mã Trung ở phía Nam, Vương Bình ở cõi Bắc, đều là danh tài lương tướng rõ rệt vậy.

Vương Bình vốn xuất thân từ quân ngũ, không biết đọc viết, chẳng biết quá 10 chữ, mà nói năng nhận mệnh nghe thư giao việc, đều hợp đạo cả. Bình lệnh cho người khác đọc các truyện ở Sử ký-Hán thư, chỉ nghe đọc mà hiểu rõ đại nghĩa, thường xuyên luận bàn nói năng chẳng sai đạo lý chút nào. Lại tuân thủ pháp độ, chẳng hề bõn cợt hài hước, ngồi làm việc suốt ngày, từ sớm đến tối, rất nhẫn nại không giống với những viên võ tướng khác, tuy nhiên tầm nhìn hạn hẹp, thiếu phong thái của bậc đại tướng, ấy cũng bởi vì thiếu học thức vậy. Năm Diên Hi thứ 11 Bình chết, con là Huấn nối tự.

Khi trước, cùng thời với Bình có một người ở quận Hán Xương là Cú Phù vốn trung dũng mà khoan hậu, người ấy cũng có chút công lao, công

danh tước vị kém sút hơn Bình, sau làm quan đến Tả tướng quân, được phong làm Đãng Cừ hầu.

Hoa Dương quốc chí chép: Sau này Trương Dực, Liêu Hoá đều làm Đại tướng quân, người thời bấy giờ thường nói rằng: Trước đây có Vương, Cú; sau này có Trương, Liêu”

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Chỉ Lưu Bị. Chức của Lưu Bị lúc này là Tả tướng quân nhà Hán.*
- (2) *Vũ Vương là vua khai sáng nhà Chu, nổi tiếng là một vị vua hiền đức. Ông được Khương Tử Nha phò tá lật đổ được nhà Ân hưng bạo.*
- (3) *Thương Dung, Tỳ Can đều là đại thần nhà Thương. Thương Dung làm thừa tướng ba triều, quỳ nơi cửa cung can gián Trụ Vương làm ác không được, đành cáo lão hồi hương. Tỳ Can can gián Trụ Vương quyết liệt tới mức bị mổ bụng moi tim.*
- (4) *Tam Ba là Ba Đông, Ba Tây và Ba Trung.*
- (5) *Theo quyển Khổng Minh Gia Cát Lượng của Trần Văn Đức thì Đồ Hoạch là Thái thú Ba Tây, Phác Hồ là Thái thú Ba Đông.*
- (6) *Hán Vũ là Hán Vũ Đế.*
- (7) *Lý Lăng là tướng quân dưới triều Hán Vũ Đế, con cháu của danh tướng Lý Quảng. Lăng đem binh đánh Hung Nô, binh ít mà bị Hung Nô vây chặt, Lăng chiến đấu anh dũng tới khi sức cùng lực kiệt đành hàng Hung Nô chờ thời. Có người vu cáo Lăng đem binh hàng giặc, vua Hán Vũ Đế giết cả nhà Lăng. Tư Mã Thiên, tác giả cuốn Sử ký cùng tên nổi tiếng, vì can vua đừng giết nhà Lăng mà phải chịu cái nhục cung hình.*
- (8) *Trần Bình, Hàn Tín. Hai người trước đều là tướng Sở, nhưng không được trọng dụng, mới về với Lưu Bang, lập nhiều đại công giúp Lưu Bang lấy được thiên hạ. Đoạn này có vẻ hơi mỉa mai, vì chính Ngụy Văn Đế Tào Phi đã cướp ngôi nhà Hán, rồi lại lấy hai đại thần nhà Hán ra để ví dụ cho việc bỏ tối theo sáng.*
- (9) *Chỉ Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Ngô thư của Vi Chiêu có chép: tổ tiên của Gia Cát Lượng trước mang họ Cát, vốn ở huyện Gia thuộc quận Lang Nha, về sau rời tới huyện Dương Đô, để phân biệt với mấy họ Cát ở đó mới gọi là Gia Cát.*
- (10) *Chỉ Tư Mã Ý.*
- (11) *Tư Đồ, Tư Mã, Tư Không, ba chức quan đầu triều.*

(12) Triệu Sung Quốc là danh tướng nhà Hán. Đời Hán Tuyên Đế, ông đã già vẫn hăng hái xung phong xin đi đánh giặc Khương và nói như trên.

(13) Vua Thuấn mất tại bến sông Tương trong lúc đi tuần thú ở Thương Ngô.

(14) Theo sách Khổng Minh Gia Cát Lượng của Trần Văn Đức thì Ung Khải là hậu duệ của Hợp Hương hầu Ung Sĩ.

(15) Đâu Dung là quan trấn thủ đất Hà Tây thời Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Sau ông mang đất Hà Tây quy phục Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú, được phong thưởng rất nhiều.

(16) Tề Hoàn Công là vị vua giỏi của nước Tề thời Chiến quốc, nước Tề lúc ấy được sự phò tá của Quản Trọng trở thành bá chủ chư hầu.

(17) Phù Sai là vua nước Ngô thời Chiến quốc. Ban đầu ông dùng hai đại thần là Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ khiến nước Ngô rất cường thịnh, đánh bại nước Việt. Sau ông tham tranh giành quyền bá chủ với nước Tấn mà không nghe lời Ngũ Tử Tư đề phòng tai vạ phía sau (nước Việt) nên cuối cùng bị Việt Vương Câu Tiễn tiêu diệt.

(18) Ý Lã Khải đoạn này là: Đến làm vua một nước mạnh còn chẳng được các nước khác theo, nữa là một kẻ bầy tôi phản chúa, tất chẳng có ai theo.

(19) Ý Lã Khải là: bầy tôi không thể đối xử với người ngoài nước mình theo kiểu bạn bè có đi có lại được. Đây hàm ý chuyện Ung Khải vốn là quan của Hán triều lại theo Ngô.

(20) Trương Túc là anh Trương Tùng.

(21) Sầm Bành là đại tướng nhà Đông Hán thời Quang Vũ Đế. Ông thiếu đề phòng nên lúc đưa quân vào đất Thục bị thích khách giết chết.

(22) Trong Phí Y truyện chép là Quách Tuân (郭循) giết Phí Y. Ở đây lại chép là Quách Tu (郭脩) giết.

(23) Chi Tôn Quyền.

(24) Tôn Lượng, con Tôn Quyền.

(25) Chu Công tên thật là Cơ Đán, là một đại hiền thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Ông là con vua Văn Vương, giúp đỡ vua Vũ Vương

nhà Chu điều hành chính sự, rồi lại tiếp tục coi sóc việc nước giúp con Vũ Vương là Thành Vương. Người ta hay so sánh những hiền thần với Chu Công – Y Doãn.

(26) Quán, Sái là Quán Thúc, Sái Thúc. Hai người đều là con Văn Vương, vì mưu đồ riêng mà tung tin Chu Công muốn tiếm quyền đoạt vị, nhưng thất bại, sau dấy binh nổi loạn, bị tiêu diệt.

(27) Hoắc Quang là đại thần phụ chính thời Hán Chiêu Đế. Ông cũng là một danh thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

(28) Yên là Yên Vương Lưu Đán, Đán với Hán Chiêu Đế đều là con của Hán Vũ Đế. Cái là Cái Trường công chúa. Thượng Quan là Thượng Quan Kiệt, một quan trong triều Hán. Ba người này âm mưu phản loạn, giết Hoắc Quang, lập Yên Vương làm vua, nhưng việc không thành.

(29) Thành là vua Thành Vương nhà Chu. Chiêu là Chiêu Đế nhà Hán. Hai vị vua này đều sáng suốt nhận thức được những lời dèm pha đại thần, bởi thế Chu Công và Hoắc Quang đều được yên ổn.

(30) Chỉ Đông Ngô và Tây Thục.

(31) Đoạn này còn một chú thích ngắn của Bùi Tùng Chi, để giải thích cho đoạn Trần Thọ bình về Mã Trung. Nguyên văn đoạn chú thích của Bùi Tùng Chi là : 尚書曰: 擾而毅. 郑玄注曰: 扰, 驯也. 致果 曰毅. ạm dịch là Thượng Thư ghi: Nhiễu nhi nghị. xuất xứ từ 【書·臯陶謨】擾而毅。

【註】馴擾而果毅 Cao Dao Mô của kinh Thư.

Trịnh Huyền chú thích: Nhiễu là tuân phục. Quả cảm gọi là nghị.

QUYỂN 14 - TƯỜNG UYÊN PHÍ Y KHƯƠNG DUY TRUYỆN

Tường Uyên, Phí Y, Khương Duy

KHƯƠNG DUY TRUYỆN

Khương Duy tự Bá Ước, người quận Thiên Thủy, mồ côi cha từ thuở nhỏ, ở với mẹ, hiểu thấu đạo học của Trịnh Huyền.

Phó Tử viết: Duy thích lập công danh, kết giao với kẻ sỹ, chẳng nề vì mình chỉ là kẻ áo vải.

Từng giữ chức Thượng kế duyệt trong quận, rồi được vời làm Tòng sự ở trong Châu. Khi trước phụ thân của Duy từng làm chức Công tào trong quận, gặp lúc người Khương-Nhung làm loạn, Duật thân đem quân chống giữ, chết khi lâm trận, vì thế Duy được ban chức quan Trung lang, được tham dự việc quân ở bản quận.

Năm Kiến Hưng thứ 6, quân của thừa tướng Gia Cát Lượng đóng ở Kỳ Sơn, bấy giờ Thái thú Thiên Thủy thân hành ra ngoài dò xét, Duy cùng với bọn Công tào Lương Tự, Chủ bộ Doãn Thường, Chủ ký Lương Kiên đi theo. Thái thú nghe tin Thục quân sắp đến nơi, mà các huyện đều hưởng ứng theo (quân Thục), ngờ rằng bọn Duy đều có lòng kia khác, mới nhân lúc đêm tối bỏ trốn về giữ Thượng Nhai. Bọn Duy biết Thái thú đã bỏ đi, liền đuổi theo, đến cổng thành, cửa thành đã đóng, không vào được. Bọn Duy liền trở về Ký thành, Ký thành cũng không cho Duy vào. Duy thế cùng bèn đến hàng Gia Cát Lượng. Lúc Mã Tắc bại trận ở Nhai Đình, Lương di dời hơn 1.000 hộ dân ở Tây Thành cùng Duy về (Thục), bởi thế mà Duy cùng với mẫu thân lý tán.

Ngụy lược viết: Thái thú Thiên Thủy là Mã Tuân dẫn Duy cùng với các quan theo Thứ sử Ung Châu Quách Hoài đi về phía Tây đến Lạc Môn xem xét, nghe tin đại quân của Lượng đã tới Kỳ Sơn, Hoài ngoảnh sang Tuân bảo: “Quả là việc chẳng lành!” Rồi vội quay ngựa ruổi về Đông tới Thượng Nhai. Tuân nghĩ rằng Ký Huyện là biên trấn ở phía Tây, lại sợ rằng quân dân ở đó náo loạn, muốn Hoài trở về đó. Bấy giờ Duy nói với Tuân rằng: “Phủ quân nên trở về Ký Châu”. Tuân bảo Duy: “Khanh cùng với mọi người hãy trở về đó, cùng chống địch”. Mọi người miễn cưỡng quay về. Thế nên Duy không ở cùng Tuân, mà về nhà ở Ký thành, bởi thế quan lại ở

quận ấy đều trở về Ký huyện. Quân dân ở Ký huyện thấy Duy về hết sức vui mừng, bèn tiến cử Duy đến diện kiến Lượng, Duy không biết làm sao, đành cùng mọi người đến hàng Lượng. Lượng đón tiếp, rất hài lòng. Còn chưa kịp sai người đi đón thân nhân (của Duy) ở Ký thành, thì gặp lúc quân tiền phong của Lượng bị bọn Trương Cáp, Phí Diệu đánh tan, nên thân nhân của Duy phải ngậm ngùi ở lại đó. Duy bất đắc dĩ phải lui về, rồi chạy vào Thục. Chư quân tấn công Ký thành, bắt được vợ con Duy cùng mẹ già, nguyên Duy vốn không có ý lìa bỏ người thân, cũng bởi vì việc công tư chẳng thể toàn vẹn mọi bề được vậy.

Sau này Lượng lấy Duy làm Thương tào duyện ⁽¹⁾, thêm tước Phụ Hán tướng quân, phong làm Đương dương Đình hầu, ấy là đến năm Kiến Hưng thứ 12. Lượng từng gửi thư cho Lưu phủ Trưởng sử Trương Duệ, Tham quân Tưởng Uyển nói rằng: “Khương Bá Ước hết sức chuyên cần với công việc, lo toan cẩn thận mà tinh tế, xét đoán đầy đủ mọi nhẽ, ở Vĩnh Nam, Quý Thường dễ mấy ai được như thế. Người ấy, chính là kẻ sỹ đại tài ở Lương châu vậy.” Lại bảo: “Trước hãy tạm giao cho cai quản bên mình năm sáu ngàn hồ bộ binh. Khương Bá Ước vốn sáng suốt việc quân sự, rất có can đảm, hiểu sâu binh pháp. Tâm nguyện người ấy hướng về nhà Hán, mà tài năng hơn người, tất sau này sẽ coi sóc việc quân, giờ nên phái ngay đến cung đình, cho diện kiến chủ thượng.”

Sách Tạp ký của Tôn Thịnh chép: “Khi trước, Khương Duy đến gặp Lượng, lúc chia lìa mẫu thân, thì nhận được thư của mẹ già, muốn gọi Duy trở về. Duy than rằng: “Ruộng tốt trăm khoảnh, sao bằng tìm lấy một vùng, chỉ cần có chí cao xa, há đâu cứ phải trở về quê quán.”

Sau này Duy được thăng làm Trung giám quân, Chinh Tây tướng quân.

Năm Kiến An thứ 12, Lượng mất, Duy trở về Thành Đô, làm Hữu Giám quân-Phụ Hán tướng quân ⁽²⁾, thống lĩnh ba quân ⁽³⁾, rồi được tiến phong làm Bình tướng hầu. Năm Diên Hi nguyên niên, theo Đại tướng quân Tưởng Uyển coi sóc công việc ở Hán Trung. Khi Uyển được thăng làm Đại Tư mã, lại lấy Duy là Tư mã, được cầm mấy cánh quân tiến về phía Tây ⁽⁴⁾. Năm Diên Hi thứ sáu, Duy lại được đổi làm Trấn Tây Đại tướng quân, lĩnh

chức Lương Châu thứ sử. Năm Diên Hi thứ mười, Duy được thăng làm Vệ tướng quân, cùng với Đại tướng quân Phí Vĩ quản việc Thương thư (5). Năm ấy, người Khương-Di ở vùng Vãn Sơn nổi lên làm phản, Duy dẫn binh đến thảo phạt bình được. Lại tiến ra địa giới các xứ Lũng Tây-Nam An-Kim Thành, cùng với Ngụy Đại tướng quân Quách Hoài-Hạ Hầu Bá đánh nhau ở Thao Tây. Vua rợ Hồ kính sợ đem cả bộ lạc đến hàng, Duy vỗ yên được xứ ấy. Năm Diên Hi thứ 12, Duy được ban Giả tiết, lại ra xứ Tây Bình, không được lợi phải trở về. Bởi Duy ở phía Tây đã lâu nên am hiểu phong tục xứ ấy, lại có uy vũ, muốn dẫn dụ các tộc Khương-Hồ theo về, lại lấy quân ấy làm quân Vũ dục, bởi thế từ đất Lũng về phía Tây đều hướng về cả. Mỗi khi Duy muốn khởi quân (đánh Ngụy), Phí Vĩ thường không đồng ý mà cắt giảm số quân đem theo, số binh chẳng quá một vạn người.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Phí Vĩ bảo Duy rằng: “Bọn ta chẳng bằng được Thừa tướng lại muốn làm được quá thế ư; Đến như Thừa tướng còn chẳng yên định được Trung Nguyên, hưởng hồ là bọn ta; Vậy nên chẳng gì bằng giữ yên nước mà trị dân, thận trọng coi giữ xã tắc, bảo trì công nghiệp, thu dụng kẻ sỹ, chẳng nên mong cầu sự may mắn mà quyết sự thành bại ở một lần vọng động. Ví bằng chẳng được như ý, có hối cũng không kịp nữa vậy”

Năm Diên Hi thứ 16, Vĩ chết. Mùa hè năm ấy, Duy dẫn mấy vạn quân tiến ra Thạch Doanh (Thao), theo lối Đông Đình, tiến đến Nam An, Ngụy thứ sử Ung Châu là Trần Thái đoán biết nên đóng quân giữ vững Lạc Môn, Duy hết lương phải lui về. Năm sau, Duy nắm hết việc quân sự trong ngoài. Lại tiến quân ra Lũng Tây, tướng giữ Địch Đạo là Lý Giản dâng thành đầu hàng. Duy tiến quân vây Tương Vũ, cùng với Ngụy tướng là Từ Chất giao phong, chém được Chất phá tan quân ấy, Ngụy quân thua to lui về. Duy thừa thắng thu phục cả vùng đất rộng lớn, vây hãm Hà Gian, Địch Đạo, Lâm Thao, đem dân chúng ba huyện ấy về Thục, cuối năm Diên Hi thứ 18, lại cùng với Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá tiến ra Địch Đạo, đại phá quân Ngụy của Ung châu Thứ sử Vương Kinh ở Thao Tây, giết chết hơn một vạn quân của Kinh. Kinh lui quân giữ chặt thành Địch Đạo, Duy vây hãm Kinh

ở đó. Chinh Tây tướng quân nhà Ngụy là Trần Thái tiến binh giải vây, Duy lui quân về đóng giữ Chung Đô.

Mùa xuân năm Diên Hi thứ 19, Duy được thăng làm Đại tướng quân. Bèn chinh đồn binh mã, cùng với Trấn Tây Đại tướng quân Hồ Tế hẹn nhau hội quân ở Thượng Nhai, bởi Tế bị lạc đường không đến kịp, nên Duy bị Ngụy tướng là Đặng Ngải đánh tan ở Đoạn Cốc, binh mã ly tán hết cả, quân sĩ bị chết rất nhiều. Bởi thế nên số đông binh sỹ đều oán hận Duy, từ xứ Lũng trở về Tây đều dao động chẳng yên, Duy tạ tội với Hậu chúa, xin tự biếm tước xuống làm Hậu tướng quân, coi việc Đại tướng quân.

Năm Diên Hi thứ 20, Chinh Đông Đại tướng quân nhà Ngụy là Gia Cát Đản làm phản ở Hoài Nam, Ngụy phải chia binh ở Quan Trung kéo về Đông. Duy muốn thừa cơ lại tiến ra Tần Xuyên, mới đốc xuất mấy vạn nhân mã kéo ra Lạc Cốc, theo lối tắt đến Trầm Lĩnh. Bấy giờ ở Trường Thành (của Ngụy) lương thảo tích trữ rất nhiều mà binh lính trấn giữ lại rất ít, nghe tin Duy đã đến, mọi người đều kinh hoàng. Ngụy Đại tướng quân Tư Mã Vọng hết sức chống cự, Đặng Ngải cũng từ Lũng Hữu kéo đến, ba quân đều tụ tập ở Trường Thành. Duy thúc quân tới Mang Thủy, tựa vào núi lập doanh trại. Vọng-Ngải dựa sông Vị kiên trì cố thủ, Duy hạ chiến thư khiêu chiến, Vọng - Ngải quyết không ứng chiến. Năm Cảnh Diệu nguyên niên, Duy nghe tin Đản bị thua trận, bèn trở về Thành Đô. Được phục hồi chức Đại tướng quân.

Khi trước, Tiên chủ lưu Ngụy Diên trấn thủ Hán Trung, đều là đặt binh khoẻ ở vòng ngoài đón địch, nếu như địch đánh tới, ắt không được thể xâm nhập. Đến trận Hưng Thế cự địch, Vương Bình chống lại Tào Sảng cũng là dựa theo phép này. Duy xét lại rằng, thế trận thủ ở một nơi như thế, tuy về nghĩa lý rất hợp với quẻ “Trọng Môn” trong Chu Dịch, có thể chế ngự được địch, song chẳng thu được đại lợi. Chẳng bằng nên dẫn dụ kẻ địch kéo đến, lại giấu kín binh sỹ ở nơi hẻm núi, lui quân giữ hai thành Hán-Lạc, khiến kẻ địch không thể tiến vào nơi bình địa, lại đặt binh giữ vững trọng quan. Nếu một ngày có địch, sẽ cất quân nhàn hạ tiến đến lấy hư binh mà khắc địch, địch đánh cửa quan không xong, chẳng vượt được Tán Cốc, phải tải

lượng nghìn dặm xa xôi, tất sinh mỗi mệt. Đến một ngày nào đó ắt phải lui binh, bấy giờ binh ở các thành đều tiến ra, quân nhàn tản đánh quân mệt mỏi, ấy là phép thuật tối cao để đánh địch vậy. Liền đó lệnh cho Đề đốc Hán Trung Hồ Tế lui binh giữ đất Hán Thọ, Giám quân Vương Hàm trấn giữ Lạc Thành, Hộ quân Tưởng Ân trấn giữ Hán Thành, lại đến Tây An - Kiến Uy - Vũ Vệ - Thạch Môn - Vũ Thành - Kiến Xương - Lâm Viễn lập đồn thú trấn giữ.

Năm Cảnh Diệu thứ năm, Duy đốc xuất binh sỹ ra Hán Xuyên tiến đến lấy thành Hầu Hà, bị Đặng Ngải đại phá ở đó, mới lui quân về giữ Đạp Trung. Duy vốn nắm việc binh trong nước, nhiều năm chinh chiến, không lập được chiến công, mà bè lũ hoạn quan Hoàng Hạo lộng quyền ở trong cung, Hữu đại tướng quân Diêm Vũ cùng với Hạo cấu kết với nhau, bởi Hạo có âm mưu phế bỏ Duy lập Vũ lên thay vào đó. Duy cũng nghi ngờ việc ấy. Cho nên rất lo lắng, mới không chịu về Thành Đô.

Sách Hoa Dương quốc chí chép: Duy ghét Hoàng Hạo phóng túng chuyên quyền, mới bầm với Hậu chủ muốn giết đi. Hậu chủ nói: “Hạo chẳng qua là kẻ hầu mọn để sai bảo việc vặt mà thôi, xưa kia Đông Doãn vẫn nghiến răng căm giận, ta vẫn hận việc ấy, người sao phải hậm hực để ý làm gì”. Duy biết Hạo nương cậy vào Hậu chủ (6), sợ có lời thất thổ, mới nhún nhường từ tạ lui ra ngoài. Hậu chủ lệnh cho Hạo đến gặp Duy tạ tội. Duy nói với Hạo rằng muốn ra Đạp Trung lập đồn điền trồng lúa, nhân đó tránh tai vạ.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, Duy dâng biểu lên Hậu chủ rằng: “Thần nghe tin Chung Hội đang dồn binh ở Quan Trung, ắt có mưu toan tiến thủ, nên sớm sai Trương Dực, Liêu Hoá đốc xuất ba quân chia nhau bảo vệ cửa ải Dương An và đầu cầu Âm Bình để đề phòng nghiêm cẩn”. Hạo lại cho vờ đồng cốt đến, nói rằng chẳng phải kẻ địch sẽ đến, bầm với Hậu chủ cứ gói đầu ngủ cao, thế nên quần thần chẳng ai hay biết gì cả. Đến khi Chung Hội tiến đến Lạc Cốc, Đặng Ngải xâm nhập vào Đạp Trung, bấy giờ Hậu chủ vội sai Hữu Xa kỵ tướng quân Liêu Hoá đến Đạp Trung giúp đỡ Duy, Tả Xa kỵ tướng quân Trương Dực, Phụ quốc Đại tướng quân Đông Quyết đến

Dương An làm ngoại viện cho quân ở đấy. Khi gần tới Âm Bình, nghe tin Ngụy tướng là Gia Cát Tự đang ở Kiến Uy, chiếm giữ được nơi ấy. Đến cuối tháng, Duy bị Đặng Ngải đánh bại, phải lui binh giữ Âm Bình. Chung Hội tấn công hai thành Hán-Lạc, phái biệt tướng tiến đánh cửa ải, Tướng Thư mở cửa thành ra hàng, Phó Thiêm đánh giết trong đám loạn quân tử trận.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Tướng Thư muốn ra hàng, lấy lời dối trá bảo với Phó Thiêm rằng: “Nay kẻ địch đến đây chẳng nên đóng chặt cửa thành tự thủ, chẳng phải là bậc lương tướng vậy.” Thiêm nói: “Nhận mệnh giữ thành, ấy là làm trọn việc công, nay trái mệnh ra đánh, ví như lỡ đánh mất chỗ này là làm mất chỗ dựa của quốc gia, chết như thế là vô ích vậy”. Thư nói: “Ông coi việc giữ vững thành trì là công lao, ta nghĩ ra thành đánh địch ấy là công, ấy là mỗi người một chí hướng vậy.” Rồi lĩnh binh muốn ra ngoài thành. Thiêm cùng ra đánh theo, đến Âm Bình, Thư ra hàng Hồ Liệt. Liệt nhân đó mới đánh úp thành trì, Thiêm đánh giết trong đám loạn quân mà chết, người Ngụy cho là người trung nghĩa.

Thục ký chép: “Tướng Thư làm Vũ Hưng đốc, cho rằng không xứng chức. Thục cho người khác đến thay vào đó, nhưng vẫn giữ Thư để trợ giúp cho việc giữ Hán Trung. Thư hận vì việc ấy, nên mới có việc mở cửa thành đầu hàng

Hội tấn công Lạc Thành, không hạ được, nghe tin Quan khẩu đã lấy xong, mới ruổi ngựa tiến về phía trước. Trương Dực-Đổng Quyết vừa đến Hán Thọ, Duy-Hoá cũng lui về đóng quân ở Âm Bình, bởi thế cùng với Dực-Quyết hợp binh làm một, cùng lui về giữ Kiếm Các chống cự Hội. Hội gửi thư cho Duy viết rằng: “Ngài là bậc công hầu kiêm gồm văn võ uy đức, trong bụng tàng chứa mưu lược, có công giúp Ba - Hán, tiếng tăm trùm Hoa Hạ, xa gần đều nức danh. Nghĩ chuyện ngày trước, từng cùng ở một nơi, như Ngô Trát-Trịnh Kiều, ngài nên hiểu ý tốt của ta.” Duy không đáp thư, giữ vững doanh trại cây hiểm cố thủ. Hội không đánh được, bởi lương thảo vận chuyển khó khăn, muốn bàn chuyện quay về.

Còn Đặng Ngải từ Âm Bình theo đường nhỏ Cảnh Cốc tiến vào, đánh tan được quân của Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. Hậu chủ xin hàng Ngải, Ngải tiến vào đóng giữ Thành Đô. Bọn Duy mới hay tin Chiêm bị thua trận, đồ rằng Hậu chủ có thể cố thủ Thành Đô, hoặc chạy sang Đông Ngô, hoặc xuôi Nam đến quận Kiến Ninh, bởi thế dẫn quân kéo về Quảng Hán, sai người đi tra xét rõ thực hư. Chợt thấy Hậu chủ gửi sắc mệnh đến, yêu cầu bỏ gươm cởi giáp, đem toàn quân đến Phù Thành, tướng sỹ đều tức giận, tuốt đao chém xuống đá.

Tấn Kỳ của Kiên Bảo chép rằng: Hội bảo với Duy: “Sao ông đến chậm thế?” Duy nghiêm mặt chảy nước mắt nói: “Hôm nay đến đây cũng là quá sớm vậy!” Hội rất lấy làm kinh ngạc.

Hội đãi Duy rất hậu, trả lại hết tước hiệu, binh quyền tướng ấn. Hội cùng với Duy ra ngoài cùng xe, ngồi thì cùng chiếu, lại bảo với Trưởng sử là Đổ Dự rằng: “Đem Bá Ước với so với các danh sỹ Trung Thổ thì Công Hưu – Thái Sơ không sao bằng được vậy (7)”.

Sách Thế Ngữ chép: “Bấy giờ quan chức xứ Thục đều là bậc anh tài thiên hạ cả, mà chẳng ai có tài hơn Duy được.

Hội lại vu tội cho Đặng Ngải, bắt nhốt Ngải vào xe tù, rồi cùng với Duy thẳng tới Thành Đô, làm phản rồi tự xưng là Ích châu mục.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Hội ngấm ngầm có mưu toan kia khác, Duy biết được tâm ý ấy, muốn gây nên sự nhiễu loạn để mưu đồ khôi phục lại (Thục), bèn lấy lời trá nguy bảo Hội rằng: “Tôi nghe từ khi tướng quân đánh ở Hoài Nam đến nay, mưu việc chẳng hề sai sót, Tấn công được cường thịnh như hôm nay, đều là sức lực của tướng quân cả. Mới đây ngài lại bình định được đất Thục, uy đức vang dội khắp nơi, làm thần dân thì công quá cao, khiến chủ công phải lo lắng mưu toan, thế mà lại muốn yên lành trở về sao! Xưa kia Hàn Tín chẳng chịu trái lời thề với Hán lúc nhiều nường, để rồi bị nghi ngờ mà gặp họa, Đại phu Văn Chủng chẳng theo lời Phạm Lãi rong chơi Ngũ Hồ, mà chịu chết dưới lưỡi gươm, ấy há chẳng phải là chủ tối tăm mà quần thần ngu dốt hay sao? Cái lợi hại đã rõ ràng

lắm vậy. Nay tướng quân công lớn đã thành, đại đức đã rõ rệt, sao chẳng theo ông Đào Chu Công bơi thuyền đi tuyệt tích, giữ vẹn công lao mà an thân, hay lên đỉnh núi Nga Mi, theo ông Xích Tùng Tử tiêu dao ngày tháng?” Hội đáp: “Ngài nói xa xôi quá, tôi chẳng thể theo, vả lại theo đạo lý bây giờ, tôi chưa thể dừng lại như thế được”. Duy nói: “Việc ấy thì trí lực của tướng quân hẳn có thừa, chẳng phiền đến lão phu phải nói nữa.” Bởi thế mỗi giao tình giữa hai bên càng sâu đậm.

Hoa Dương quốc chí chép: Duy bàn với Hội muốn giết hết các tướng phương Bắc, sau khi thành việc, sẽ từ từ giết nốt Hội, sau cùng là chôn sống Ngụy bình, lấy lại ngôi vị nhà Thục, lại gửi mật thư cho Hậu chủ rằng: “Xin Bệ hạ chịu nhục vài ngày, thần sẽ khiến cho xã tắc nguy rồi lại an, Nhật Nguyệt tối rồi lại sáng.”

Sách Tấn Dương thu của Tôn Thịnh chép: Năm Vĩnh Hoà sơ, Thịnh tôi theo An Tây tướng quân đi bình Thục, tham kiến các bậc bô lão, kể rằng Khương Duy khi ấy đã ra hàng, rồi sau lại gửi mật biểu cho Lưu Thiện, nói rằng việc theo về với Chung Hội chỉ là trá nguy, muốn nhân đó sẽ giết Hội đi hòng lấy lại đất Thục, bởi việc của Hội chẳng thành (8), nên đều chết cả, người Thục đến nay vẫn còn thương cảm. Thịnh tôi nghe cổ nhân nói rằng, không phải chỗ đáng bị khốn mà mình bị khốn danh ắt nhục, không phải chỗ đáng dựa mà mình dựa vào thân tất nguy, đã bị nhục lại bị nguy, thì sắp chết tới nơi, sao Khương Duy được gọi là chí đây! Đặng Ngải đã vào tới Giang Du, binh sỹ ít ỏi, Duy lại chẳng dám tiến đánh, lòng lo sợ khi thành Miên Trúc bị hạ, tổng xuất binh quyền lại chẳng dám lui về, để giữ ngôi cho Thục chủ, tính kế lập mưu về sau, mà lấy việc phản phúc điên đảo dối gian, mong chờ chút tình trong lúc khó khăn với Hội, hòng lấy lại quốc gia vong đổ, định triệt lũ quan binh Tam Tần, rồi diệt bỏ kẻ giao tình, muốn nhờ ngoại lực mà cất lên, chẳng phải u ám lắm thay!

Thần là Tùng Chi coi lời Thịnh quở trách Duy, thật là chẳng đáng. Lúc bấy giờ đại binh của Chung Hội đang ở Kiếm Các, Duy cùng với chư tướng vẫn cậy hiểm cố thủ, Hội chẳng tiến được, đã định lui về, ấy là đã vẹn công với Thục, chẳng phải đã tạo được chỗ dựa (cho Thục) rồi ư? Còn Đặng

Ngài quý quyết men núi mà vào, theo lối phía sau, Gia Cát Chiêm bại trận, mà Thành Đô tan lở. Nhược bằng Duy hồi quân cứu ở phía trong, tất Hội sẽ thừa cơ tiến vào ngay. Cái thế bây giờ là vậy, sao được toàn vẹn mọi bề? mà trách rằng Duy lo sợ khi Miên Trúc mất chẳng dám tiến về, để giữ ngôi chủ Thục chủ, chê như thế chẳng hợp đạo lý vậy. Hội muốn chôn sống khanh tướng nước Ngụy để lập đại sự, trao cho Duy năm trọng binh, sai làm tiền khu. Ví bằng Ngụy tướng đều bị chết cả, việc binh trong tay Duy, giết Hội lấy lại Thục, chẳng phải là khó vậy. Thành công nhờ ngoại lực, rồi sau làm được việc kỳ lạ, không thể vì như vậy, mà dè bủ rằng chẳng nên như thế. Cũng ví như Điền Đan đã lập kế, việc không hẹn mà cùng, làm được vậy mà bảo rằng ngu ám hay sao!

Hội trao cho Duy 5 vạn quân, sai làm tiền khu. Tướng sỹ Ngụy đều phản nộ, giết chết Hội và Duy, vợ con cũng Duy đều bị chém cả.

Sách Thế ngữ chép: Khi Duy chết, quân sỹ mổ bụng Duy ra, thấy quả mật lớn bằng cái đầu ⁽⁹⁾

Khước Chính làm bài trú luận bàn về Duy rằng: “Khương Bá Ước nắm quyền cao ngôi trọng, đối xử với công bằng với quần thần, nhà cửa sơ sài, gia tư chẳng có gì dư giả, vợ lẽ hầu thiếp thiếu cả áo lót mình, hậu đình tịnh không nghe tiếng nhạc, y phục tự may vá lấy, xe ngựa chỉ đủ dùng, đồ ăn thức uống đều giản dị, không xa hoa cũng chẳng ước lệ, chi dụng trong mức cấp phát ở cửa quan, cũng chỉ đủ dùng; xét từ những lẽ ấy, thấy chẳng phải bậc tham lam ô trọc, lại còn biết tự kiểm chế bản thân, ngay thẳng đến như thế là đủ, chẳng thể mong cầu nhiều hơn được nữa. Phàm con người ta khi đàm luận, thường khen kẻ thành chê kẻ bại, phù kẻ trên dìm kẻ dưới, đều xem việc Khương Duy đầu hàng là không đúng, khiến thân chết mà tông tộc bị diệt sạch, lấy sự ấy để chê bai dè bủ, là chẳng biết toan tính liệu lường, vậy thì những điều khen chê khác ở kinh Xuân Thu có nghĩa lý chẳng. Mà Khương Duy còn ham học không biết mệt mỏi, thanh bạch giản dị, quả là nghi biểu một thời vậy.”

Tôn Thịnh viết: Họ Khích luận như vậy thật lạ lùng sao! Làm kẻ sỹ dẫu có trăm lối, nên nghiệp cũng có vạn đường, lấy trung nghĩa hiếu tiết để làm

quan cũng có trăm đường vậy. Khương Duy sáng danh ở nước Ngụy, mà chạy đến làm quan ở xứ Thục, lìa bỏ quân vương chạy theo danh lợi, chẳng thể bảo là trung; bỏ rơi người thân cầu thả chạy thoát thân, không thể nói là hiếu; lại thêm tàn hại nước cũ, chẳng thể bảo là nghĩa; nước mất không dám chết, sao dám bảo rằng tiết; vả lại đức chính chưa đủ mà làm dân mỗi mệt để buông tuồng theo ý mình, nắm giữ việc chống kẻ địch mà sau bị địch không chế, ôi người có trí dũng chẳng ai lại nói rằng: Khấp cả sáu cõi, chẳng có một ai. Xem ở nước Ngụy không có kẻ thần tử đi trốn, nước mất tướng loạn, mà nói rằng người ấy là bậc nghi biểu, lời ấy thật đáng ngờ vậy. Buông lời khen rằng Duy là hay để nói rằng đó là vi diệu cao khiết, há lấy làm lạ cho kẻ trộm cắp rõ ràng như thế, mà Trình-Trịnh ⁽¹⁰⁾ kia đều là bậc khéo léo sao?

Thần là Tùng Chi cho rằng Khước Chính luận như thế, ấy mới thật đáng khen, chẳng thể bảo rằng Duy trước sau làm việc đều được chuẩn mực cả. Nói rằng “nghi biểu một thời”, ấy là chỉ ở việc hiếu học và thanh bạch thôi vậy. Nguyên uỷ truyện này ⁽¹¹⁾ và sách Ngụy lược đều nói rằng Duy vốn không có ý phản bội, chỉ vì bị bức bách mới phải theo về Thục. Thịnh lấy điều ấy để chê trách, nghĩ rằng chỉ nên trách Duy đã trái lời mẹ già. Thế đã là quá lắm rồi, sao lại còn chê trách cả Khước Chính vậy.

Khi xưa Duy chạy đến xứ Thục, Lương Tự giữ chức Đại hồng lư, Doãn Thường làm Chấp kim ngô, Lương Kiên làm Đại trường thu, đều chết trước khi nước Thục mất.

Bình rằng: Khương Duy kiêm tài văn vũ, chí hướng lập công danh, song chỉ có một mình, dầu sáng suốt quyết đoán cũng chẳng thể kiêm toàn, kết cục đã hết sức mình rồi phải chết. Lão Tử nói rằng: “Cai trị một nước lớn giống như nấu con cá nhỏ”, huống chi ở nơi mồn mọn, lại luôn muốn quấy rối được sao?

Kiên Bảo viết: Khương Duy làm tướng nước Thục, nước mất chủ nhục mà thân chẳng chết, lại chết cùng Chung Hội trong lúc rối ren, thương thay! Chẳng chết đã là khó, biết chết lại càng khó hơn vậy. Kẻ sỹ cứng cỏi như thế xưa nay hiếm, biết nguy nan vẫn chịu mệnh, biết kiềm chế mình mà

quy phục kẻ khác, không phải chẳng biết trọng việc chết, cố giữ lấy mạng không phải là muốn sống lâu dài mà sợ rằng chết rồi thì mọi việc sẽ chẳng còn ai liệu việc nữa vậy”.

TƯỚNG UYỄN TRUYỆN

Tướng Uyển tự Công Diễm, người ở quận Linh Lăng, huyện Tương Hương. Năm hai mươi tuổi cùng với người em bên ngoại ở Tuyền Lăng là Lưu Mẫn cùng nổi danh. Uyển làm thư tá ở châu, theo Tiên chủ vào Thục, sau được phong làm trưởng huyện Quảng Đô. Có lần Tiên chủ đi thị sát đột ngột ở Quảng Đô, thấy Uyển bỏ bê việc công, lại chìm đắm say sưa, Tiên chủ vô cùng tức giận, muốn luận tội xử trảm. Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng xin rằng: Tướng Uyển là khí chất của xã tắc, chẳng phải người chỉ có tài trong vòng trăm dặm. (Uyển) nghĩ việc quan lấy yên dân làm gốc, mà chưa biết thể hiện sự sửa sang, xin chúa công xét lại thật kỹ. Tiên chủ rất kính trọng Lượng, bèn không trị tội, nhưng lập tức bãi miễn quan chức của Uyển. Uyển suy nghĩ việc mai sau, nằm mơ thấy một cái đầu trâu, máu chảy chan hòa, cảm thấy rất chán ghét giấc mơ ấy, mới nhờ Triệu Trực đoán mộng. Trực nói: Thấy máu, tức là mọi việc sắp rõ ràng phân minh. Sừng trâu ghép với mũi, thành hình chữ Công, ngài tất được sự công bằng, sẽ được thăng chức. Sau đó không lâu (Uyển) được làm huyện lệnh Thập Phương. Tiên chủ làm Hán Trung vương, cho Uyển làm thượng thư lang. Kiến Hưng nguyên niên, thừa tướng Lượng mở phủ thừa tướng, lấy Uyển làm đông tào duyện. Sau được tiến cử làm Mậu tài (12), Uyển cố nhường cho Lưu Ung, Âm Hóa, Bàng Duyên, Liêu Thuần, Lượng mới dạy rằng: Tướng nếu chỉ vì sợ mất tình giao hảo mà vứt bỏ không dùng người có đức, là hại đến trăm họ, lòng người tất không yên, nơi xa gần tất không hiểu được đạo lí, bởi thế ông nên khuyến khích tiến cử, lấy việc tuyển chọn sáng suốt trong sạch làm trọng mới là phải. Sau Uyển được thăng làm Tham quân. Năm Kiến Hưng thứ năm, Lượng ở Hán Trung, Uyển cùng trưởng sử Trương Duệ xử lý mọi việc ở phủ thừa tướng. Năm thứ tám, thay Duệ làm trưởng sử, thăng hàm phủ quân tướng quân. Lượng mấy lần ra ngoài (13), Uyển đều cung cấp binh lương đầy đủ. Lượng thường nói: Công Diễm trung thành, một lòng với công việc, cùng chung sức với ta gây dựng được

vương nghiệp vậy. (Lượng) mật tâu với Hậu chủ rằng: Nếu thần bất hạnh, việc sau này nên giao phó cho Uyển.

Lượng mất, Uyển được thăng làm thượng thư lệnh, không lâu sau kiêm chức Đô hộ, có cờ tiết, thứ sử Ích châu, rồi lại thăng làm Đại tướng quân, quản việc sáu bộ, tước An Dương Đình Hầu. Nguyên soái (14) mới mất, xa gần đều lo lắng sợ hãi. Uyển giữa quần thần bộc lộ tài năng vượt trội, đảm đương vị trí đứng đầu bá quan, không lộ vẻ buồn rầu cũng chẳng tỏ ra vui vẻ, vẻ mặt cử chỉ vẫn như mọi ngày, bởi thế các quan ngày càng khâm phục. Duyên Hi nguyên niên, (Hậu chủ) hạ chiếu cho Uyển rằng: Giặc vốn khó trừ, nay Tào Duệ kiêu căng hung bạo, ba quận Liêu Đông khổ vì bạo ngược, đã liên kết khởi sự, muốn thoát li thống trị. Duệ rầm rộ xuất binh, hai bên công phạt lẫn nhau. Xưa nhà Tần diệt vong, cũng bởi Thảng, Quảng (15) khởi nghĩa, nay (nhà Ngụy) có biến, chính là dịp may trời cho. Khanh hãy chuẩn bị đầy đủ, thống suất các quân đóng tại Hán Trung, liên kết với Ngô khởi binh, hai lộ cùng tiến, thừa cơ hội này. Uyển thừa lệnh rời phủ, năm sau được thăng làm đại tư mã.

Đông tào duệ Dương Hí bản tính thuần phác, Uyển cùng bàn luận, ông ta chẳng trả lời. Có người muốn gièm pha Hí, nói với Uyển rằng: Ngài với Hí bàn chuyện mà ông ta chẳng trả lời, Hí khinh thường bề trên, chẳng phải đã quá phận mình ư? Uyển đáp: Lòng người khác nhau, cũng như mặt mũi vậy. Trước mặt thuận theo mà sau lưng phê phán, việc đó cổ nhân đã răn đe. Nếu Hí tán thành ý tôi, thì trái với ý ông ta, mà nếu phản bác lời tôi, tất làm hiện rõ cái sai của tôi, bởi vậy mặc nhiên không đáp, đó chẳng phải chỗ hay của ông ta ư? Đốc nông Dương Mẫn từng phê phán Uyển rằng: Làm việc mơ hồ, không thể sánh với tiên nhân. Có kẻ mách với Uyển, người chấp pháp xin trừng trị Mẫn, Uyển nói: Ta thật không bằng tiên nhân, chẳng thể trách phạt người ta vậy. Người chấp pháp vẫn một mực xin truy cứu tội trạng, Uyển nói: Nếu ta cầu thả không được như tiên nhân, tất xử lý công việc không thỏa đáng, việc không thỏa đáng, tất sẽ mơ hồ, hà tất phải truy vấn? Sau Mẫn bị tội phải vào ngục, mọi người đều cho rằng Mẫn

chắc chết, Uyển lại chẳng giữ thành kiến, miễn cho trọng tội. Các việc đều như vậy, Uyển chẳng tư tâm, cứ đúng phép mà làm.

Uyển cho rằng trước Gia Cát Lượng hay ra Tần Xuyên, đường đi hiểm trở vận chuyển khó khăn, không thể khắc phục, không bằng theo đường thủy xuống phía đông (16). Bèn chế tạo thuyền bè, muốn theo đường Hán, Miện (17) đánh vào Ngụy Hưng, Thượng Dung. Song bởi bệnh cũ tái phát, chẳng thể tiến hành. Quần thần luận bàn đều cho rằng ví như không đánh được, sẽ rất khó quay về, đó chẳng phải kế lâu dài. Do vậy (Hậu chủ) mới sai thượng thư lệnh Phí Y, trung giám quân Khương Duy cùng tới truyền ý chỉ. Uyển nhận lệnh, dâng sớ rằng: Trừ diệt phản tặc, là chức trách của thần. Thần ở Hán Trung đã được sáu năm, thân thể vốn đã yếu nhược, lại thêm bệnh tật, chẳng lập được công lao, thần sớm khuya lo lắng không yên. Nay Ngụy có được chín châu, gốc rễ ngày càng bám chặt, thật khó bình định. Nếu đông tây cùng hợp lực, giữ thế đầu đuôi nương tựa lẫn nhau, tuy không thể nhanh chóng đạt được ý nguyện, cũng có thể từ từ lấn chiếm như tấm ăn lá, trước hết diệt trừ bè đảng phản nghịch. Nhưng Ngô và ta đã hai, ba lần liên hợp mà chẳng có kết quả, nay rất khó để họ xuất binh, thần thật mất ăn mất ngủ. Thần cùng Phí Y bàn bạc, đều cho rằng Lương Châu chính là nơi cổ họng hiểm yếu, tiến thoái đều thuận lợi, quân giặc rất coi trọng. Và lại lòng dân Khương, Hồ mong chờ nhà Hán như khát nước, trước đây thiên quân vào đất Khương, Quách Hoài phải thua trận bỏ chạy, tính toán lợi hại, thần cho rằng việc này (18) quan trọng hàng đầu, nên lấy Khương Duy làm Lương Châu thứ sử. Ví như Duy xuất binh, không chế được hữu ngạn sông, thần sẽ đưa quân làm hậu ứng cho Duy. Nay Phù Huyện thủy bộ thông nhau, nếu vùng đông bắc có nguy hiểm, ứng phó chẳng phải là việc khó vậy. Bởi thế Uyển quay về ở tại Phù Huyện. Nhưng bệnh tật chuyển biến xấu đi, tới năm thứ chín (Duyên Hi) Uyển mất, được đặt thụy là Cung.

Con Uyển là Bân nổi dõ, làm Tuy Vũ tướng quân, hộ quân ở Hán Thành. Khi đại tướng Ngụy là Chung Hội tới Hán Thành, thư cho Bân rằng: Đất Ba Thục người hiền tài văn võ thật nhiều không kể xiết. Đến như túc hạ, Gia Cát Tư Viễn (19), cũng ví như cỏ cây, tôi cũng chỉ là loại đó vậy.

Việc yêu kính tổ tiên, xưa nay đều được coi trọng. Đến phía tây, tôi muốn kính cẩn thăm mộ lệnh tôn đại nhân, xin được quét dọn mộ phần, khẩn bái tỏ lòng tôn kính. Mong túc hạ chỉ cho nơi chốn! Bân thư trả lời rằng: Tôi cảm kích hậu ý của ngài đoái tới kẻ hèn này mà chịu kết giao, thật chẳng thể cự tuyệt. Tiên phụ khi xưa bị bệnh, mất ở Phù Huyện, lời bói nói rằng chôn tại đó được tốt, nên tạm táng ở nơi ấy. Được biết ngài từ xa tới phương tây, mong ngài hạ cố đến tu sửa thắp hương mộ phần giúp cho. Ngài xem phụ thân của tôi như của ngài, thật là cái nhân của Nhan Tử vậy (20), tôi nghe mà cảm kích xót xa, càng thêm tưởng nhớ tiên phụ. Hội nhận thư của Bân, cảm thán không thôi, đến khi tới Phù Huyện, làm đúng như thư Bân nói.

Sau này Hậu chủ hàng Đặng Ngải, Bân tới chỗ Hội ở Phù Huyện, Hội lấy lễ bằng hữu mà đãi. Bân theo Hội tới Thành Đô, bị loạn binh giết chết. Em Bân là Hiến, làm Thái tử phó, Hội cũng rất yêu tài học, cùng chết với Bân.

Lưu Mẫn làm tả hộ quân, Dương Uy tướng quân, cùng với Trấn bắc đại tướng quân là Vương Bình trấn thủ Hán Trung. Ngụy sai đại tướng quân Tào Sảng đánh Thục, khi bàn bạc có người nói chỉ nên thủ thành, không ra cự địch, tất địch phải tự lui. Mẫn cho rằng trong cốc kẻ nam người nữ cày cấy làm ruộng, nghe địch tới, tất bỏ đi hết. Bèn suất lĩnh bộ hạ cùng Bình giữ Hưng Thế, cắm cờ xí trải dài hơn trăm dặm. Đại tướng quân Phí Y từ Thành Đô đem quân chi viện, Ngụy quân lập tức phải lui, Mẫn có công được phong là Vân Đình hầu.

PHÍ Y TRUYỆN

Phí Y tự Văn Vĩ, người ở Giang Hạ, Mãnh huyện. Y mồ côi sớm, sống nương tựa vào người chú là Bá Nhân. Cô của Bá Nhân là mẹ của Ích châu mục Lưu Chương. Chương cho người đón Nhân về, Nhân cùng Y vào Thục du học. Gặp lúc Tiên chủ bình định đất Thục, Y phải ở lại Ích châu, cùng với Hứa Thục Long ở Nhữ Nam, Đông Duẫn (21) ở Nam Quận đều nổi tiếng lúc bấy giờ. Con Hứa Tĩnh chết, Duẫn và Y hẹn nhau tới đám tang ấy. Duẫn thừa với bố là Hòa xin một chiếc xe, Hòa sai mở cửa sau cấp cho một cái xe hươu kéo. Duẫn tỏ vẻ chẳng muốn ngồi xe ấy, Y cứ thản nhiên leo lên trước ngồi. Ở đám tang, Gia Cát Lượng và các tôn khách đều tới, ngồi xe rất đẹp, Duẫn càng lộ vẻ ngại ngùng, mà Y vẫn tự nhiên như thường. Xa phu quay về, Hòa hỏi chuyện, biết việc ấy, bèn bảo Duẫn rằng: Ta vẫn chẳng biết người và Văn Vĩ ai hơn ai kém, nhưng từ nay về sau, ta đã rõ vậy.

Tiên chủ lập thái tử, Phí Y và Đông Duẫn đều được làm xá nhân bên cạnh thái tử, sau lại sang với con kế (của Tiên chủ). Hậu chủ kế vị, cho Phí Y làm hoàng môn thị lang. Thừa tướng Gia Cát Lượng nam chinh quay về, quan viên đều ra xa mấy chục dặm nghênh đón, so tuổi đời, chức vị nhiều người hơn Y, mà Lượng lại đặc cách cho mình Y ngồi cùng xe, từ đó mọi người đều nhìn Y bằng con mắt khác. Lượng vừa từ phương nam về, lấy Y làm Chiêu tín hiệu úy, sai đi sứ sang Ngô. Tôn Quyền cá tính khô hài, hay trêu chọc không có chừng mực, Gia Cát Khác, Dương Bội học rộng biết nhiều, lại giỏi biện bác, đàm luận sắc bén, nhưng Y lời lẽ ôn hòa, lập trường kiên định, đối đáp hữu lý, chẳng chịu khuất phục.

Y biệt truyện chép: Tôn Quyền thường rót rượu ngon cho Y, chuốc tới say sưa, rồi hỏi quốc sự, cùng đàm luận việc đương thời, hết câu này tới câu khác. Y mượn cơ say rượu từ chối đáp lại, khi về chép lại lần lượt các câu hỏi, nhất nhất trả lời, chẳng bỏ sót điều gì.

Quyền rất tán thưởng, bảo Y rằng: Ngài thật là hiền tài của thiên hạ, tất sẽ là cánh tay đắc lực của Thục triều, chỉ sợ không thường đến với ta nữa.

Y biệt truyện chép: Quyền rút bảo đao vẫn thường đeo bên người tặng cho Y, Y nói: Thần vốn bất tài, chẳng thể kham nổi vinh dự này. Bảo đao vốn để thảo phạt kẻ nghịch tặc, diệt trừ bạo loạn, chỉ mong đại vương gắng dựng nghiệp lớn, cùng hưng Hán thất, thần tuy ngu muội yếu nhược, song chết cũng chẳng dám phụ Đông Ngô.

Y về nước, được thăng làm thị trung. Lượng ở phương bắc đóng quân tại Hán Trung, xin cho Y làm tham quân. Bởi đi sứ không nhục mệnh vua, Y vẫn thường được làm sứ giả sang Ngô giao hảo. Năm Kiến Hưng thứ tám, chuyển làm Trung hộ quân, sau lại làm Tư mã. Tướng quân Ngụy Diên và Trưởng sử Dương Nghi vốn căm ghét nhau. Mỗi lúc ngồi bàn bạc xảy ra tranh cãi, Diên giơ đao dọa giết Nghi, còn Nghi cũng tức giận phát khóc. Y thường ngồi vào giữa hai người, khuyên can phân tích, suốt thời Lượng còn sống khiến Diên, Nghi đều tận sức mà chẳng xâm phạm nhau, là công Y khuyên giải vậy. Lượng mất, Y làm hậu quân sư. Sau đó không lâu, Đại tướng Uyển lấy Y làm thượng thư lệnh.

Y biệt truyện chép: Dù việc nước việc quân bề bộn, công vụ chất chồng, nhưng Y thức ngộ hơn người, đọc sách vở, ghi chép, chỉ đưa mắt liếc qua là nắm được nội dung, nhanh hơn nhiều so với người bình thường, lại ghi nhớ không quên. Thường chỉ xét việc từ sáng sớm tới quá trưa, trong lúc ấy vẫn có thể tiếp đãi tân khách, ăn uống vui đùa, còn có thể chơi cờ, vui vẻ với từng người một, mà chẳng hề bỏ sót việc công. Đồng Duẫn thay Y làm Thượng thư lệnh, muốn học cách làm của Y, chỉ trong một tuần, công việc trở nên chất chồng. Duẫn bèn than: Năng lực con người sao cách nhau xa vậy, ta chẳng thể bằng Y được. Ta xét việc cả ngày, mà chẳng rảnh được chút nào ư.

Uyển từ Hán Trung về Phù Huyện, Y được thăng làm Đại tướng quân, coi việc sáu bộ (22).

Năm Duyên Hi thứ bảy, quân Ngụy xâm phạm Hưng Thế, Y được ban cờ tiết, đưa binh chống cự. Quang Lộc đại phu Lai Mẫn tới từ biệt Y, mời chơi một ván cờ vây. Lúc ấy công văn khẩn cấp chuyển đi chuyển lại, người ngựa đóng sẵn giáp trụ, chỉ đợi xuất quân, Y vẫn đánh cờ tập trung với

Mẫn, mặt chẳng hề lộ vẻ căng thẳng mỗi mệ. Mẫn nói: Tôi chỉ thử ngài đó thôi! Ngài là người tự tin, tất sẽ đánh đuổi được phản tặc. Y tới, địch phải rút lui, Y được phong là Thành Hương hầu.

Ân Cơ thông ngữ chép: Tư Mã Ý kể tội, giết Tào Sảng, Y đặt Giáp Ất (23) để bình luận thị phi việc ấy. Giáp cho rằng, anh em Tào Sảng vốn là người tầm thường, phẩm chất thấp kém, nhờ có họ với Vua nên được di chiếu phò ấu chúa (24), vậy mà lại kiêu căng ngạo mạn, xa hoa dâm dật, lộng chức lộng quyền, kết giao với những người bất chính, thu thập bè đảng, âm mưu loạn quốc. Ý hăng hái diệt trừ, chỉ một sớm một chiều là xong, vừa xứng với trọng nhiệm (25), lại thỏa lòng trông mong của kẻ sĩ, người dân vậy. Ất cho rằng, Ý giận Tào chẳng phó thác cho riêng Ý đại quyền, sao để Sảng cùng tham dự? Đã chẳng thể chuyên quyền, ngọc sẽ có vết (26) vậy. Chẳng một lời cảnh báo giáo huấn, chỉ một buổi sáng tiến hành đồ lục, xuất kỳ bất ý, há là việc của đại thần kinh quốc (27) ư! Ví như Sảng thật có lòng mưu tính, muốn làm việc đại nghịch, chỉ trong ngày khởi sự, tất Phương (28) lọt vào tay huynh đệ Sảng. Phụ tử Ý đóng cửa xuất binh, kính cẩn mà hướng tới Phương (29), tất chẳng có sơ hở, đó chẳng phải là việc của kẻ trung thần nên vì Vua mà làm ư? Cứ đó mà xét, Sảng chẳng phải là kẻ đại ác vậy. Nếu Ý thấy Sảng xa hoa tiếm quyền, có thể phế đi, xử theo phép nước. Nhưng Ý giết cả trẻ thơ, lại đội cho cái tiếng bất nghĩa mà giết cả họ Từ Đan (30), đến như con Hà Yển vốn là cháu ngoại vua Ngụy, cũng bị chém cùng, thực là tiếm quyền lạm dụng quá đáng vậy. (31)

Uyển cố nhường chức cho Y, Y lên làm thứ sử Ích châu. Y gánh vác quốc gia, công lao danh tiếng, chẳng kém gì Uyển.

Y biệt truyện chép: Y tính tình hòa nhã, khiêm cung trong sạch, trong nhà chẳng tích của cải. Y cho Con cái đều mặc áo vải, ăn cơm thường, ra vào chẳng có xe ngựa tùy tùng, chẳng khác gì người bình thường.

Năm (Duyên Hi) thứ mười một, ra ở Hán Trung. Từ Uyển tới Y, tuy ở ngoài triều, nhưng mọi việc lễ, khen thưởng trừng phạt, đều ra xa xin xét đoán trước, rồi mới thi hành, hai người đều được tin tưởng như thế. Mùa hè năm (Duyên Hi) thứ mười bốn, Y về Thành Đô, các quan chiêm tinh xem

thiên văn nói kinh thành chưa nên có ngôi tế tướng, bởi thế đến mùa đông Y lại về phương bắc trấn thủ Hán Thọ. Năm Duyên Hi thứ mười lăm, (Hậu chủ) cho Y mở phủ. Tại lễ mừng thọ Y sáu mươi tuổi, hàng tướng Ngụy là Quách Tuần cũng ở đó. Y vui vẻ uống rượu say sưa, bị Tuần đâm chết, được đặt thụy là Kính Hầu. Con nối dõi Y là Thừa, làm Hoàng môn thị lang. Em Thừa là Cung, được lấy công chúa.

Y biệt truyện chép: Cung làm Thượng thư lang, nổi danh đương thời, nhưng mất sớm. Con gái lớn của Y lấy thái tử Tuyên, làm phi.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Một chức quan trong Phủ thừa tướng - chức này Lương phong.
- (2) Chức này do Hậu chủ phong cho.
- (3) Ba quân ở đây chỉ là quân ở Thành Đô thôi.
- (4) Ra khu vực của người Khương - thuộc phần đất của Ngụy.
- (5) Nguyên văn là ‘lục thượng thư sự’ - lục là ghi chép, coi xét, thượng thư là chức quan lớn, sự là việc – nghĩa là coi xét việc Thượng thư.
- (6) Nguyên văn là ‘phụ điệp liên’ chữ điệp lấy nghĩa từ chữ ‘kim chi ngọc điệp’ - trỏ bậc cao quý, ở đây là Hậu chúa - dịch thoát ý.
- (7) Công Hưu tức tự của Gia Cát Đản, Thái Sơ là tự của Hạ Hầu Huyền
- (8) Việc của Duy không thành bởi việc làm phản Hội chẳng xong.
- (9) Cái đầu xưa kích cỡ và hình dáng như cái chén vại.
- (10) Chưa hiểu là tích gì, bác nào biết thì giúp nhé!
- (11) Ý nói những lời của Trần Thọ viết về Khương Duy.
- (12) Mậu tài là chức quan chuyên lo việc tiến cử, tuyển dụng nhân tài.
- (13) Xuất chinh đánh Ngụy.
- (14) Chỉ Gia Cát Lượng. Người đứng đầu mới mất tất mọi việc thiếu ổn định.
- (15) Trần Thắng, Ngô Quảng, hai lãnh tụ khởi nghĩa nông dân cuối đời nhà Tần.
- (16) Tức là xuôi dòng sông đánh về phía đông của Thục Hán.
- (17) Sông Hán, sông Miện.
- (18) Tức là việc lấy Lương Châu.
- (19) Gia Cát Chiêm, con của Gia Cát Lượng.
- (20) Chỉ Nhan Hồi, học trò giỏi của Khổng Tử. Xưa Nhan Hồi xem Khổng Tử như cha, Tưởng Bân muốn ví Chung Hội với Nhan Hồi.
- (21) Tức là Đồng Doãn theo bản dịch Tam Quốc diễn nghĩa của các cụ Phan Kế Bính, Bùi Kỷ. Trong Tam Quốc Chí của Trần Thọ tên ông là Đồng

Duẩn.

(22) Đoạn này nói về lúc Uyển bệnh nặng, Hậu chủ thăng Y lên chức của Uyển để chuẩn bị tiếp nhiệm đại quyền.

(23) Đặt Giáp Ất nghĩa là đặt ra các giả thuyết, góc nhìn khác nhau. Ví dụ Giáp là góc nhìn thứ nhất thì Ất là góc nhìn thứ hai .v.v.

(24) Quốc tính nhà Ngụy là Tào. Tào Sảng vốn là con của Tào Chân, tài năng tầm thường nhưng có họ hàng thân thích với nhà vua, nên khi Tào Duệ (con Tào Phi) mất, thác cô con nhỏ là Tào Phương cho đại tướng quân Tào Sảng và Thái úy Tư Mã Ý.

(25) Chỉ việc Tư Mã Ý được di mệnh phò ấu chúa.

(26) Ý nói quyền lực phải chia sẻ, chẳng khác gì ngọc có tì vết không được trọn vẹn.

(27) Ý nói Tư Mã Ý là đại thần được di mệnh, lẽ ra phải lo việc sửa trị quốc gia, lại đi đấu đá diệt trừ đối thủ mà chẳng một lời nhắc nhở giáo huấn trước.

(28) Tào Phương, Ngụy Minh Đế, con nuôi của Tào Duệ.

(29) Ý nói bí mật đưa binh bảo vệ Tào Phương.

(30) Tử Đan là tên tự của Tào Chân, phụ thân Tào Sảng.

(31) Đoạn này phê phán Tư Mã Ý một cách nặng nề. Đây là chú giải của Bùi Tùng Chi sau này thêm vào, nên nói tới Tư Mã Ý một cách thẳng thắn, không như Trần Thọ ở đời Tấn viết Tam Quốc Chí phải tránh nói về Tư Mã Ý. Trong đoạn này Phí Y nêu các quan điểm khác nhau về việc Tư Mã Ý diệt Tào Sảng, rồi bình luận các quan điểm đó, cho rằng Ý mới chính là người lộng quyền tham chức.

QUYỂN 15 - ĐẶNG TRƯỞNG TÔNG DƯƠNG TRUYỆN

Đặng Chi, Trương Dực, Tông Dự, Dương Hý

ĐẶNG CHI TRUYỆN

Đặng Chi tự Bá Miêu, người Nghĩa Dương đất Tân Dã, là hậu duệ quan Tư Đồ Đặng Vũ⁽¹⁾ nhà Tây Hán. Thời Hán mạt (Chi) vào Thục, chưa ai biết đến mà tiếp đãi. Đương thời Ích Châu Tông SỰ Trương Dụ giỏi xem tướng, Chi tới thăm, Dụ nói với Chi rằng: „Ngài thọ quá bảy mươi, chức đến Đại tướng quân, được phong hầu.” Chi nghe nói Ba Tây Thái Thú Bàng Nghĩa⁽²⁾ trọng đãi kẻ sĩ, đến đó nương nhờ. Tiên Chủ bình định Ích Châu, Chi làm người coi sóc nhà cửa ở huyện Bì. Tiên Chủ tuần du qua huyện Bì, cùng (Chi) trò chuyện, rất lấy làm lạ, đề bạt (Chi) làm lệnh huyện Bì, rồi thăng làm Quảng Hán Thái Thú. Ở đó thanh liêm nghiêm cẩn trị dân có thành tích tốt, được gọi vào triều làm Thượng Thư.

Tiên Chủ băng ở Vĩnh An. Trước đó Ngô Vương Tôn Quyền cầu hoà, Tiên Chủ mệt mỏi sai bọn Tống Vĩ, Phí Y đưa tin đáp lại. Thừa tướng Gia Cát Lượng rất lo Quyền nghe tin Tiên Chủ đã mất, sợ có kế khác, chưa biết làm thế nào cho thích hợp. Chi đến gặp Lượng nói: „Nay Chúa thượng còn nhỏ tuổi, vừa mới lên ngôi, nên sai trọng thần sang sứ nghiêm túc nối lại quan hệ hoà hảo với Ngô” Lượng trả lời Chi rằng: „ Ta cân nhắc đã lâu, chưa tìm được người đi sứ, nay đã thấy rồi.” Chi hỏi người này là ai? Lượng đáp: „Thì là sứ quân⁽³⁾ đó.” (Lượng) Bèn sai Chi tu sửa lại quan hệ với Quyền. Quyền quả nhiên vẫn còn hồ nghi, không gặp gỡ tiếp đón Chi. Chi bèn chủ động dâng biểu xin yết kiến Quyền rằng: „Nay thần tới cũng có ý vì nước nước Ngô, không phải chỉ vì Thục vậy.” Quyền bèn triệu kiến Chi, bảo Chi rằng: „Cô thành tâm nguyện ý cùng Thục kết thân, nhưng sợ Thục Chủ còn bé dại, nước nhỏ thế nguy, nếu bị Ngụy đánh, khó tự bảo toàn, vì vậy vẫn còn do dự.” Chi đáp rằng: „Ngô, Thục hai nước có đất bốn châu⁽⁴⁾, đại vương là bậc anh hùng đương thế, Gia Cát Lượng cũng là kẻ hào kiệt thời nay, Thục có hiểm địa vững bền, Ngô có ba sông⁽⁵⁾ che trở, kết hợp hai thế mạnh, cộng tác như răng môi, tiến có thể cùng lấy thiên hạ, thoái có thể giữ được thế chân vạc, đây chính là đạo lý tự nhiên tự nhiên vậy. Nay nếu đại vương thực muốn nương tựa vào nước Ngụy, Ngụy ắt trên

muốn đại vương vào châu, dưới đòi Thái tử làm nội thị⁽⁶⁾, bằng chẳng tuân theo, liền lấy lý do phản nghịch mà tiểu phạt, (lúc ấy) Thục tất nhân dịp thuận dòng mà tiến, như vậy, đất đai Giang Nam không còn thuộc về đại vương nữa. Quyền im lặng một lúc lâu sau mới nói: „Ông nói phải lắm.” Rồi từ đó tuyệt giao với Ngụy, cùng Thục kết liên minh, sai Trương Ôn sang sứ Thục đáp lễ. Thục lại lệnh cho Chi đến Ngô, Quyền bảo Chi rằng: „Nếu thiên hạ thái bình, hai vua phân chia cai trị, chẳng phải vui sao!” Chi đáp rằng: „Trời không có hai mặt trời, đất không có hai vua, nếu đến sau khi diệt Ngụy đại vương còn chưa biết rõ mệnh trời cho ai, mỗi vị vua đều vun trồng đức tốt, mỗi thần tử đều ra sức tận trung, tướng sĩ đều cầm dùi trống, tất là lúc bắt đầu một cuộc chiến tranh vậy.” Quyền cười lớn nói: „Ông thật là thành khẩn, quả là như vậy!” Quyền viết thư cho Lượng nói: „Đình Quảng thêm trương, thêm tiếng di, nghĩa là phản hoặc là diễm. *Thần Tùng Chi xét Hán Thư lễ nhạc chí có câu: „trường ly tiền thêm quang diệu minh”. Trong Tư Thục đô phú có câu: „si tảo thêm thiên đình”. Tôn Quyền có lẽ nói Đình Quảng lời lẽ quá phù phiếm cầu kỳ. Âm Hoá không đủ kiến thức; hoà hợp được hai nước, chỉ có Đặng Chi vậy.” Khi Lượng tiến quân lên phía bắc đóng ở Hán Trung, lấy Chi làm Trung Giám quân, Dương Vũ tướng quân. Lượng chết, (Chi) được thăng làm Tiền Quân sứ, Tiền tướng quân, lĩnh Cồn Châu Thứ Sử, phong Dương Vũ đình hầu, coi sóc công việc Giang Châu. Quyền thường cùng Chi thăm hỏi qua lại, quà cáp biểu tặng quan hệ rất tốt đẹp. Năm Diên Hi thứ sáu, được thăng Xa Kị tướng quân, ban giả tiết. Năm Diên Hi thứ mười một, người vùng Phù Lăng giết Đô Úy làm phản, Chi dẫn quân chinh phạt, chém ngay được thủ lĩnh (của loạn quân), an ủi yên định lê dân trăm họ.*

Hoa Dương quốc chí chép: Chi đi đánh Phù Lăng, gặp con vợ đen leo trên sườn núi. Chi vốn thích dùng nỏ, liền tự tay bắn, trúng con vợ. Vợ nhỏ mũi tên, cuộn lá cây đắp vào vết thương. Chi than: „Hỡi ôi, ta làm trái đạo vạn vật, chắc sắp chết rồi!” Lại có chỗ viết: Chi thấy con vợ ôm con ở trên cây, dương nỏ lên bắn, trúng vào vợ mẹ, Vợ con nhỏ mũi tên,

lấy lá cây đắp vào vết thương (cho mẹ). Chi liền than thở, vứt nỏ xuống nước, tự biết sắp chết.

Năm (Diên Hi) thứ mười bốn chết.

Chi làm (Đại) tướng quân hơn hai mươi năm, thưởng phạt quyết đoán sáng suốt rõ ràng, giỏi an ủi động viên sĩ tốt, bản thân ăn uống y phục trông cậy vào nhà nước, cẩn thận trong sáng cần kiệm, cuối cùng cũng không lo đến tài sản của mình, vợ con không tránh khỏi đói rét cơ hàn, ngày chết trong nhà chẳng còn lại bao nhiêu tiền bạc. (Chi) Tính cách ngay thẳng giản dị, không thèm che giấu ý nghĩ thần sắc, không hoà mình với giới sĩ phu. Đương thời ít kính trọng quý mến người nào, chỉ đặc biệt tôn trọng Khương Duy. Con là Lương, kế thừa danh vị, trong những năm Cảnh Diệu làm Thượng Thư Tả tuyền lang, sau làm Quảng Hán Thái Thú dưới triều nhà Tấn.

TÔNG DỰ TRUYỆN

Tông Dự tự Đức Diễm, người An Chúng quận Nam Dương. Giữa những năm Kiến An (Dự) theo Trương Phi vào Thục. Đầu những năm Kiến Hưng, Thừa tướng Lượng dùng (Dự) làm Chủ bộ, rồi thăng lên Tham quân Hữu Trung lang tướng. Khi Lượng chết, Ngô lo Nguy có thể thừa lúc Thục suy sụp mà đánh chiếm, bèn điều thêm hơn vạn quân ra trấn giữ Ba Khâu, một phần muốn sẵn sàng cứu viện (cho Thục), phần khác muốn tính đường xâm lấn chia cắt Thục. Thục nghe tin, cũng tăng cường phòng ngự ở Vĩnh An, thủ giữ cẩn thận khác thường. Dự sang sứ nước Ngô. Tôn Quyền hỏi Dự rằng: "Đông cùng với Tây, giống như một nhà, nhưng ta nghe tin, Tây tăng cường phòng ngự ở Vĩnh An. Sao lại thế?" Dự đáp rằng: ""Thần nghĩ Đông thêm quân trấn thủ ở Ba Khâu, Tây tăng cường phòng ngự thành Bạch Đế, cùng là sự thế tự nhiên, đều không phải hỏi gì nhau cả."" Quyền cười lớn, khen là cương trực, tiếp đãi (Dự) rất thân mật, xem trọng không khác gì Đặng Chi, Phí Y. (Dự về nước) được thăng làm Thị Trung, rồi chuyển làm Thượng Thư. Năm Diên Hi thứ mười được dùng làm Đôn Kỵ Hiệu úy. Gặp lúc Xa kỵ Tướng quân Đặng Chi từ Giang Châu trở về, lên triều báo Dự rằng: "Theo Lễ mà nói, sáu mươi tuổi không mặc giáp trụ nữa, nhưng nay ngài lại phụng mệnh cầm quân, sao lại thế?" Dự đáp: "Ngài bảy mươi tuổi chưa trả lại binh giáp, sao tôi sáu mươi tuổi lại không nhận được."

Thần Tùng Chi bàn rằng: Chi tuổi cao hơn Dự, đúng là không biết tự xét mình. Nhưng Dự đáp như vậy cũng là phạm vào điều người ta kiêng kỵ. Mà ghi chép đến cả chuyện này thì đã gần với loại văn chương rườm rà nhằm chán vậy.

Chi tính cách kiêu căng, từ Đại Tướng quân Phí Y trở đi đều nhún nhường tránh nể, chỉ có Dự là là mọi mình không chịu phục. Dự lại phục mệnh sang đông thông sứ với Ngô, Tôn Quyền nắm chặt tay Dự, lúc chia tay rơi lệ nói: "Ông thường vâng mệnh sang kết thân tình hai nước. Nay ông tuổi đã cao, Cô cũng già yếu, sợ không thể lại cùng nhau tương hội nữa." tặng lại Dự một hộp chân châu thượng hạng⁽²⁾.

Ngô lịch viết: Dự sắp chia tay, nói với Tôn Quyền: ”Đất Thục hẻo lánh bé nhỏ, dầu thế vẫn là lân quốc, Đông - Tây nương tựa lẫn nhau, Ngô không thể không có Thục, Thục không thể không có Ngô, vua tôi nhờ cậy, riêng có bệ hạ coi trọng suy nghĩ của thần.” Lại tự nói: ”Tuổi già lắm bệnh, sợ không còn được trở lại để phụng sự bệ hạ .”

Tôn Thỉnh bình rằng: ”Người gánh vác trách nhiệm đế vương, chỉ (cần có) đạo lý và tín nghĩa. Đạo nghĩa đã dựng xây đầy đủ, dù nhỏ cũng có thể thành lớn, như nhà Ân⁽⁸⁾, nhà Chu⁽⁹⁾ vậy. Cầu thả đảm đương thứ quyền thế hư nguy, dầu mạnh mà tất bại, như Tần⁽¹⁰⁾, Hạng⁽¹¹⁾ vậy. Huống hồ chiếm vài thành nhỏ ở chốn biên thuỳ hẻo lánh, cậy vào núi sông bền vững mà muốn nối liền vạn dặm, mãi mãi nương tựa vào nhau sao? Xưa chín nước theo kế tụ hội liên minh, mà cuối cùng người Tần⁽¹²⁾ gồm thiên hạ; Hiêu⁽¹³⁾, Thuật⁽¹⁴⁾ tính kế dựng quân doanh nương tựa vào nhau, mà cuối cùng Quang Vũ⁽¹⁵⁾ kiêm tính cả Lũng Thục. Người ta bằng vào cái mạnh của chín nước, cái lớn của vùng Lũng, Hán còn tuyệt chẳng tương cứu nối nhau, (huống hồ) ngồi mà xét đoán chuyện nghiêng đổ cơ đồ, hỏi ai có thể làm được. Cái căn bản đạo đức vốn không vững chắc nên việc mạnh yếu trong lòng cũng khó mà vững chắc theo. Nói rằng: ”Ngô không thể không có Thục, Thục không thể không có Ngô” há chẳng phải là siểm nịnh vậy thay.

(Dự) trở về, được thăng Hậu Tướng quân, coi sóc công việc ở Vĩnh An, sau được bái làm Chinh Tây Đại Tướng quân, ban tước Quan Nội hầu. Năm Cảnh Diệu thứ nhất vì có bệnh phải trở về Thành Đô. Sau lại được dùng làm Trấn Nam Đại Tướng quân, lĩnh Duyện Châu Thứ Sử. Khi Đô Hộ Gia Cát Chiêm mới lên nắm đại sự trong triều, Liêu Hoá đến thăm Dự, muốn cùng Dự tới bái phỏng hứa hẹn phụng sự cho Chiêm. Dự nói: ”Bọn ta tuổi đã bảy mươi, thời đã qua rồi, chỉ một chút nữa là chết thôi, hà tất phải cầu cạnh ở người trẻ tuổi để ý tới mà xây đắp mối manh cho.” Rồi không qua lại (với Chiêm).

Liêu Hóa tự Nguyên Kiệm, vốn tên là Thuần, người Tương Dương. Vốn làm Chủ Bộ cho Tiền Tướng quân Quan Vũ. Vũ bại, (đất Kinh Châu) thuộc

Ngô. (Hoá) muốn theo về với Tiên Chủ, bèn giả chết, đương thời mọi người đều tin là thật, (Hoá) nhân thế đang đêm cõng mẹ già chạy về phía tây. Khi Tiên Chủ Đông chinh, gặp Hoá ở Tì Quy, rất mừng, lấy Hoá làm Nghi Đô Thái Thú. Tiên Chủ băng, (Hoá) làm Tham Quân phủ Thừa tướng, sau làm Đốc ở Quảng Vũ, rồi được thăng làm Hữu Xa Kỵ Tướng quân, ban giả tiết, lĩnh Tịnh Châu Thứ Sử, phong Trung Hương Hầu, nổi tiếng cương liệt. Địa vị ngang hàng với Trương Dực nhưng rất thân thiết với Tông Dực.

Hán Tấn Xuân thu viết: Năm Cảnh Diệu thứ năm, Khương Duy dẫn quân ra Địch Đạo, Liêu Hoá can: "Việc dùng binh không kết thúc, tất tự thiêu mình", Bá Ước có biết ý nghĩa của câu ấy chẳng. Trí không hơn giặc, lực kém hơn thù, dụng (binh) không biết đủ, sao có thể thành nghiệp lớn được. Kinh Thi viết: "Cái gì trước không phải của mình, sau cũng không phải của mình" chính là việc ngày hôm nay vậy.

Năm Hàm Hi thứ nhất, Hoá Dực đều bị bắt chuyển đến Lạc Dương, rồi mắc bệnh chết.

DƯƠNG HÝ TRUYỆN

Dương Hí tự Văn Nhiên, người đất Vũ Dương quận Kiện Vị. Tuổi nhỏ cùng Trình Kỳ (tự) Công Hoảng⁽¹⁶⁾ ở Ba Tây, Dương Thái (tự) Quý Nho⁽¹⁷⁾ ở Ba Quận, Trương Biểu (tự) Bá Đạt ở Thục Quận đều sớm nổi danh. Hí thường được xem là người tài ba nhất, Thừa tướng Lượng rất thường thức. Khi Hí hơn hai mươi tuổi, làm Đốc Quân Tòng Sự tham dự công việc trong Châu giữ chức Điển Hình Ngục. (Hí) Phân xử hình luật xem xét tồn nghi, được gọi là Bình Đường⁽¹⁸⁾, quan trên thăng làm Chức Chủ Bộ⁽¹⁹⁾. Khi Lượng chết, (Hí) đang làm Thượng Thư Hữu Tuyển Bộ Lang⁽²⁰⁾, Thứ Sử Tưởng Uyển mời làm Thị Trung Tòng Sự Sử. Khi Uyển lập phủ Đại Tướng Quân lại lấy (Hí) làm Đông Tào Duyệt, rồi thăng làm Tham Quân Nam Trung Lang, phụ tá Trù Hàng Đô Đốc, lĩnh Kiến Trữ Thái Thú. (Hí) mắc bệnh được triệu về Thành Đô làm Hộ Giám Quân sau ra nhận chức Tử Đồng Thái Thú, rồi lại trở về triều làm Xạ Thanh Hiệu Úy. Địa phương (Hí) từng cai quản) đều được thái bình, dân tình giữ phép không có việc lồi thối. Năm Diên Hi tứ hai mươi, (Hí) theo Đại Tướng Quân Khương Duy dẫn quân đến Mang Thủy. Hí vốn trong lòng chẳng phục Duy, những khi uống rượu thường có lời lẽ châm chọc khinh nhờn. Duy ngoài khoan dung trong kiêng dè, thành kiến không cởi bỏ. Đại quân trở về, có người vâng lệnh (Duy) tấu trình sự việc lên. Hi bị bãi chức thành thường dân. Sau chết vào năm Cảnh Diệu thứ tư.

Tính Hí giản dị lười biếng không quan cách, ít khi lấy lời lẽ ngọt nhạt đối xử với người chỉ qua chân tình mà gần gũi sự việc. Viết phù lệnh chỉ đạo sự vụ không mấy khi đầy đủ giấy tờ. Nhưng đối với bạn cũ rất chân tình, giữ lòng thành quan tâm sâu nặng đến nhau. (Hí) với người ở Ba Tây là Hàn Nghiễm và Lê Thao chơi với nhau từ thưở nhỏ. Sau Nghiễm mắc bệnh ra người tàn phế, Thao không có sự nghiệp gì, muốn tự vẫn. Hí lo liệu gánh vác giúp đỡ an ủi, tình thân khăng khít như lúc ban đầu. Lại thêm bấy giờ người đời đàm luận, cho rằng Tiểu Chu chẳng phải đương thế nhân tài, ít người coi trọng. Riêng Hí đánh giá (Chu) rất cao, từng khen rằng: "Con

cháu bọn ta cuối cùng vẫn không bằng được người trẻ tuổi tài ba này.” Kê sĩ đương thời vì vậy mà quý mến Hí.

Trương Biểu dáng dấp phong đô uy nghiêm, lúc đầu danh vị ngang bằng với Hí, sau làm đến Thượng Thư, nhận chức Trù Hàng Hậu tướng quân, chết trước Hí. (Trình) Kỳ, (Dương) Thái đều mất sớm.

Hí cùng người trong huyện có tiền cử một người là Lý Mật. Tổ phụ Mật là Quang từng làm Thái Thú Chu Đê, cha (Mật) mất sớm, mẹ họ Hà, cải giá theo người khác. Mật nhờ tổ mẫu nuôi dưỡng cho đến lớn, nghiên cứu Xuân Thu Tả truyện, đọc nhiều hiểu rộng, kiến thức uyên bác lại nhanh nhẹn mẫn tiệp giỏi biện luận. Thờ tổ mẫu rất có hiếu, khi trông nom (tổ mẫu) đau ốm thì lén thờ dài rơi lệ, đêm ngày không cởi áo⁽²¹⁾, ăn uống thuốc thang nhất nhất đều tự ném trước. Mệnh lệnh và lễ lạt ở bản quận (Mật) đều không đáp ứng. Châu mời làm Tòng Sự Thượng Thư Lang, sau làm Đại tướng quân Chủ Bộ, rồi Thái Tử Tể Mã, được sai sang sứ nước Ngô. Ngô Chủ hỏi Thực ngựa nhiều hay ít, (Mật) đáp: ”Của công có thừa, dân gian tự đủ.” Ngô Chủ cùng quần thần bàn luận chuyện đạo nghĩa, cho rằng địa vị của lợn là em người. Mật nói: ”Đúng ra phải là anh người.” Ngô Chủ nói: ”Sao có thể là anh?” Mật đáp: ”Là anh nên cung đốn nuôi dưỡng người ta đã bao ngày.” Ngô Chủ cùng quần thần đều khen hay. Sau khi Thực mất, Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, nghe danh, mời (Mật) làm Chủ Bộ, gửi thư gọi, muốn cùng gặp mặt mà Mật không chịu tới. Vì tổ mẫu tuổi cao, lòng dạ chỉ chuyên chú vào việc chăm lo phụng dưỡng. Tấn Vũ Đế lập Thái Tử, gọi Mật làm Thái Tử Tể Mã. Chiếu thư hạ xuống, quận huyện liền bức bách sai bảo (Mật lên đường). Mật dâng thư rằng: ”Thân mang diễm triệu nguy nan, sớm gặp ưu phiền hoạn nạn. Sanh vừa được sáu tháng, từ phụ đã qua đời. Sống mới được bốn năm. dưỡng lại đoạt lòng mẹ. Tổ mẫu già nua, thương thần mồ côi non nớt đem về nuôi. Thần lúc nhỏ lắm bệnh tật, chín tuổi chưa cứng cáp, cô khổ linh đình. Đến khi trưởng thành đã không còn chú bác, cũng chẳng có anh em. Của nhà sa sút, phúc khí mong manh, muợn con thiếu cháu. Ngoài không có họ hàng gần gũi làm nên huân nghiệp, trong thiếu cả thư đồng sau của đáp lời. Âu sâu cô

độc, bóng treo vào hình. Hơn nữa (tổ mẫu thần) vốn xác xơ sớm đeo bệnh tật, luôn ở trên giường, lệ thuộc vào thuốc thang, chưa từng tách rời trừ bỏ được. Kíp đến khi thờ phụng thánh triều, tắm gội giáo hoá sáng trong, trước có Thái Thú của thần xem xét mở đường cho thần lên chức Hiếu Liêm, sau có Thứ Sử bản châu tiến cử cho thần giữ chức Tú Tài. Thần vì không có người chăm nuôi (tổ mẫu) đã tạ từ không dám nhận. Chiếu thư đặc cách ban xuống, trao cho thần chức Lang Trung, lại nhờ quốc ân, phong thần làm (Thái Tử) Tẩy Mã, không chê là hèn mọn bần tiện cho thần đảm đương hầu hạ Đông Cung. Nếu không có thần thì lấy đâu người lo công việc ở địa phương về hồi báo. Thần đã soạn biểu văn, tạ không nhận chức. Nhưng chiếu thư uy nghiêm, cật vấn thần lười biếng vô lễ. Quan lại ở quận huyện cũng bức hiếp ép buộc, dục thần sớm lên đường. Ti sở địa phương đến tận cửa, nóng nảy như lửa cháy. Thần những muốn tuân chiếu ruổi rong (tới Kinh Sư) thì bệnh (của tổ mẫu) hôm ấy liền trở nặng. Thần đành cầu thả thuận theo tư tình, kêu xin thỉnh cầu cho được không theo lời hứa. Việc tiến thoái của thần thật là khốn khó vậy. Cúi nghĩ rằng thánh triều ta lấy đức hiếu mà trị thiên hạ, phàm người già lão đều được đội ơn trên thương xót đến, huống chi thần cô đơn khổ sở, tình cảnh càng thêm đặc biệt. Và chẳng, thần chỉ là kẻ sĩ kém cỏi của giả triều⁽²²⁾, trải qua một chức quan nhỏ, trên đường hoạn lộ chẳng giữ được danh tiết. Nay chỉ như một kẻ vong quốc tầm thường, nhỏ bé đến thấp hèn, mộng ơn đột nhiên cất nhắc đề bạt, được ưu ái mà lo sợ, rất đổi bàng hoàng, há còn quanh co mà mong ngóng điều gì khác? Chỉ có điều ngày dài mà vàng dương đã chiếu chốn non tây, (tổ mẫu thần) hơi thở trầm trầm, mệnh người nhỏ nhoi ngăn ngui, sớm chẳng lo được đến chiều. Thần không có tổ mẫu sao có được ngày hôm nay. Tổ mẫu vắng thần, tất cũng chẳng còn gì trong những tháng năm sau cuối. Bà cháu hai người số phận gắn kết vào nhau, vì thế chút chút chẳng dám bỏ đi xa. Thần năm nay bốn mươi bốn tuổi, tổ mẫu già nua tuổi đã chín mươi sáu. Thế là ngày tháng để thần tận hết lòng trung với bệ hạ còn dài mà thời gian để thần báo ơn dưỡng dục chẳng còn bao lâu nữa. Chim quạ tư tình⁽²³⁾, thần xin được bệ hạ khoan thứ mà săn sóc tổ mẫu cho trọn vẹn. Nổi đẳng

cay khổ sở của thần, nhị vị châu mục bá chủ cùng nhân sĩ đất Thúc đều sáng suốt hiểu rõ, hoàng thiên hậu thổ cũng cùng chứng giám không sai. Mong bệ hạ thương xót phận ngu hèn, thành toàn cho chí nguyện làm kẻ thảo dân, gánh vác đạo hiếu trong những năm tháng cuối của thần. Thần không hơn khuyến mã nguyện sống dâng đầu, chết kết cỏ báo ơn!” Vũ Đế xem biểu nói: ”Mật không phải là người chỉ có danh mà thôi”, lại khen là người chân thật thành khẩn, ban cho nô tì hai người, truyền cho quân huyện lo lắng săn sóc đến việc ăn uống của tổ mẫu Mật. Khi tổ mẫu Mật chết, đoạn tang, Mật giữ hàm Thượng Thư Lang, đảm nhiệm chức lệnh ở Ôn huyện thuộc Hà Nội, dạy dỗ dân tình pháp luật rất nghiêm minh. Các vương hầu ở Trung Sơn mỗi khi đi qua Ôn huyện tất đòi hỏi được cung phụng, là nỗi ưu tư của dân chúng và quan lại địa phương. Kịp khi Mật đến, Trung Sơn Vương đi qua huyện muốn đòi hỏi rơm cỏ củi đuốc. Mật trước dẫn tích (Hán) Cao Tổ về đất Bái, lấy lễ đối xử với già trẻ, cung đốn cho quê hương, không chút phiền nhiễu, ”cúi nghĩ các vị minh vương đều suy xét rõ khuôn phép của đạo hiếu, trước đã hiểu được lời khuyên răn của tổ tiên, nhìn ra lẽ lỗi của nước ta. Nay đang ca lại múa, yêu sách đòi hỏi từ những thứ nhỏ nhặt, tôi chưa từng thấy mạng lệnh nào như vậy.” Từ đó về sau, các vương đi qua (Ôn huyện) không dám phiền nhiễu nữa. Lũng Tây Vương Tư Mã Tử Thư rất kính trọng Mật nhưng các nhà quyền quý khác thì rất sợ sự công trực (của Mật). Mật rời chức vụ, về làm Đại Trung Chính⁽²⁴⁾ ở châu, tính cách ngay thẳng trung thực, không hề né tránh kiêng kỵ kẻ có quyền lực địa vị. Sau làm trái phương lược của Tuân Úc⁽²⁵⁾, Trương Hoa⁽²⁶⁾ bị chuyển làm Hán Trung Thái Thú, các vương phần lớn rất căm ghét. Được một năm Mật từ quan, lúc sáu mươi tư tuổi thì mất. Để lại trước tác mười thiên lý luận, An Đông tướng quân Hồ Hùng cùng Hoàng Phủ Sĩ An đều khen ngợi.

Vào năm Diên Hi thứ tư, Hí soạn ra Quý Hán Phụ Thần Tán⁽²⁷⁾ theo lối văn xưng tụng. Nay phần lớn những điều chép trong Thục Thư đều được nhắc đến ở đó. Do vậy công hầu chết nếu chưa được truy thụy, sự việc còn hoài nghi có chỗ xem xét rõ đầu mối mà không còn nghi ngờ vào thư tịch

nữa. Những người được Hí ngợi ca song không được chép thành truyện tôi⁽²⁸⁾ đều chú thích trần thuật rõ đầu cuối ở bên dưới, để khả dĩ phảng phất biết được sự tích.

Xưa Văn Vương được ngợi ca nhờ đức sáng, Vũ Vương được ngợi ca nhờ nghiệp dựng lên. Người làm chủ số mạng trong đời, lập thân hành đạo không phải chỉ ở trong một lúc mà lại bởi mở mang nền móng, vun trồng sự nghiệp rục rờ đến mai sau. Trung hoa ta từ thời Hán mạt giềng mỗi vương đạo bỏ mất gốc rễ, anh hùng hào kiệt cùng nhau quật khởi, đường lối thịnh vượng không thể hình thành, mạng người như bùn đất. Ở vào thời thế ấy chủ ta vốn có lòng lo nghĩ xót thương. Ban đầu từ Yên, Đại nêu gương nhân hiệp tiếng tăm rờ ràng. Đường đi tự Tề, Lỗ phong độ anh hùng khắp chốn lưu truyền. Sự nghiệp tạm gửi nơi Kinh, Dĩnh lòng dân theo chủ hướng về. Trông nom cứu giúp đất Ngô, Việt kẻ hiền ngu nường nhờ tin tức. Uy nghiêm phấn chấn vùng Ba, Thục vạn nhà rung động đón mời. Quân binh hùng mạnh gồm Dong, Hán đầu giặc thu về tích còn đây. Cho nên có thể kế tục diêm triệu ứng vào Cao Tổ, khôi phục hương hoá hoàng triều nhà Hán. Nhưng kẻ ác hung tàn gian hiểm, nhiều lần chinh phạt chưa xong. Bởi vậy quân chính nghĩa bên Mạnh Tân⁽²⁹⁾ lại đợi chờ bày trận trên đất Minh Điều⁽³⁰⁾. Khó đoán việc bất ngờ, lộc trời có lúc tận. Dù thu hút nhân tâm quy tụ về một mối, vạn quốc đều có kẻ theo về, đương thời tuần kiệt diu dặt an định giang sơn, tận tâm sức mang trong mình đức sáng, song những bậc uy nghi trác việt có thể thăm xét (mà nêu danh) được. Nhân đó bèn bày tỏ hết phong độ tốt lành để đời sau được rõ. Lời ấy nói:

Gốc rễ Hoàng Đế còn để lại, thấm nhuần khắp bốn phương, đặc biệt ở Trung Sơn⁽³¹⁾, anh linh chung đúc lại, theo kỳ vọng sinh ra, như rồng cất mình vút cao lên vượt đời thường. Trước lấy đất Yên đất Đại, làm bá đất Dự, làm chủ đất Kinh. Ngô Việt phải nường nhờ, xa trông phong thái khẩn cầu kết minh. Giữ Ba, chiếm Thục, Dong Hán cùng theo. Khôi phục thứ tự của đất trời, mưu nghi an định việc tế tự. Bước theo nền tảng, tiếp tục việc xưa, gieo đức tốt, để tiếng thơm. Hoa Hạ cùng xưng tụng, làm bá trời tây,

mở mang điềm lành cho thời thế tới, trải qua chuyển vận đi đến chấn hưng - Tán Chiêu Liệt Hoàng Đế.

Trung Vũ xuất chúng tài ba. Dâng kế chỗ bến sông, dựa vào Ngô, nắm lấy Thục, quyền biến của bản thân xác đáng với thời cuộc. Nhận di chiếu làm chấp chính, sửa sang võ bị, sắp đặt điển chương, bày ra giáo hoá phẩm hạnh, lo liệu đổi thay lễ lối khiến kẻ hiền người ngu đều hết lòng đến quên cả thân mình. Giữ yên khắp trong nước, luôn luôn vào đất giặc, làm rạng rỡ uy phong. Một lòng vì việc nước, hận chưa thoả ước mong - Tán Gia Cát Thừa Tướng.

Tư Đồ phong thái thanh cao, khi đàm luận khi bàn bạc, mở lòng thương đến nhân quần, âm vang như tiếng ngọc khua - Tán Hứa Tư Đồ.

Quan, Trương hùng dũng, xuất thân giúp đời, dùi dắt vương sư, mạnh mẽ oai hùng, che trở cho tả hữu, chuyển thân bay bổng như điện chớp. Vượt gian nan giúp chúa thành đại nghiệp, công tích ngang Hàn, Cảnh, thanh danh đức độ kề nhau. Đối với người không kể lễ, xét rõ được kẻ gian, thương nỗi coi nhẹ điều lo nghĩ mà vì nước bỏ mình - Tán Quan Vân Trường, Trương Ích Đức.

Phiêu Kỵ quật khởi, liên kết các nơi, tập hợp thủ hạ, đứng đầu Tam Tần⁽³²⁾, giữ vững Đông, Hà⁽³³⁾. Tổ tông mưu tính cho triều đình mà bị nghi ngờ này nọ, để kẻ thù thừa cơ xích mích nên ra nổi binh bại nhà tan. Ngược đường về với đức, gởi gắm vào phượng, nương tựa vào rồng - Tán Mã Mạnh Khởi.

Dực Hầu cao mưu, lo liệu thời thế hưng suy, phó thác chí lớn vào chân chủ, lúc thuận tòng khi thương thảo, vừa toan tính đã định ra sách lược, nhìn sự việc biết huyền cơ - Tán Pháp Hiếu Trực.

Quân Sư tài giỏi, ngời ngời phong độ thanh cao, dốc hết vận số vì minh chủ, trung thành từ tận trong tâm, chỉ nghĩa ấy đã đủ để tôn sùng, huống hồ báo đức quên mình - Tán Bàn Sĩ Nguyên.

Tướng Quân đôn hậu hào hùng, bẻ núi cao, vượt gian khó, dựng lên huân lao lập thành sự nghiệp, chính là cốt cán của một thời - Tán Hoàng Hán Thăng.

Chưởng Quân thanh thao cần kiệm, chẳng theo lẽ lối ngày thường, lời thẳng thắn chỉ lo cho việc nước, dân vẫn nhớ đến phép tắc của ngài - Tán Đồng Ấu Tế.

An Viễn ý chí cương cường, nghi ngại vẫn còn hiển hách, coi nhẹ tài vật thành tích lớn lao, gặp khó khăn chẳng sờn lòng, lấy ít thắng nhiều, giữ tròn sự nghiệp một phương xa - Tán Đặng Khổng Sơn.

Khổng Sơn tên là Phương, người Nam Quận. Làm Kinh Châu Tòng Sự rồi theo Tiên Chủ vào Thục. Đất Thục được bình định, ra làm Kiện Vị Chúc Quốc Đô Úy, nhân khi đổi tên các quận chuyển làm Chu Đề Thái Thú rồi được chọn làm An Viễn Tướng Quân, Trù Hàng Đô Đốc đóng ở huyện Nam Xương. Chết năm Chương Vũ thứ hai. Việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện.

Dương Uy là bậc tài năng, thờ than văn vũ, gánh vác quốc sự, sửa sang chức trách, vui vầy đặt ra lẽ lối luận đàm, mưu toan việc kinh thương lại có tài thực hiện, có nghĩa lý, biết thứ tự - Tán Phí Tân Bá.

Tân Bá tên là Quan, người huyện Minh quận Giang Hạ. Mẹ Lưu Chương là cô họ Quan. Chương lại gả con gái cho Quan. Vào năm Kiến An thứ mười tám, Quan theo quân Lý Nghiêm ra chống Tiên Chủ ở Miên Trúc, rồi theo Nghiêm cùng ra hàng. Tiên Chủ bình định Ích Châu, bái Quan làm Tỳ Tướng Quân, sau làm Ba Quận Thái Thú, rồi Giang Châu Đô Đốc. Năm Kiến Hưng nguyên niên (Quan) được phong Đô Đình Hầu, thêm chức Chấn Uy tướng Quân. Quan giỏi giao tiếp. Đô Hộ Lý Nghiêm tính cách kiêu ngạo tự cao. Hộ Quân Phụ Khuông tuổi tác chức vị ngang hàng với Nghiêm mà Nghiêm không chịu thân gần. Quan kém Nghiêm hơn hai mươi tuổi nhưng thường cùng Nghiêm thân cận như người cùng bối phận. Năm ba mươi bảy tuổi chết. Việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện.

Truân Kỵ giữ vững lòng xưa, khi tiết bền chắc chẳng đổi dời. Tới lúc theo về nghe mạng lệnh tận tâm trừ liệu cho thế nhân, chi dùng trong quân được cậy nhờ, giỏi biện bác, giỏi lo toan - Tán Vương Nghi Văn.

Thượng Thư ưa chuộng thanh cao, sửa việc làm tự tu thân, nâng ý chí giữ đạo nghĩa, thưởng thức văn học điển chương, hoà theo phong độ cao cao

cũ, tranh đua tiếng hiền với cổ nhân - Tán Lưu Tử Sơ.

An Hán chứa chất thuận hoà, vừa là thân nhân vừa là khanh khách, đương thời được kính lễ chính vì địa vị lương thần đó - Tán My Tử Trọng.

Thiếu Phủ cần trọng sửa mình, Hồng Lư sáng trong chân thật, Gián Nghi ẩn thân hành sự, Nho Lâm hiểu rõ thiên văn. Tuyên truyền bày ra giáo hoá, người góp công kẻ dẫn đầu -Tán Vương Nguyên Thái, Hà Ngạn Anh, Đỗ Phụ Quốc⁽³⁴⁾, Chu Trọng Thực.

Vương Nguyên Thái tên là Mưu, người Hán Gia, đầy đủ dung mạo tiết tháo tài năng. Thời Lưu Chương làm Ba Quận Thái Thú rồi về châu làm Trị Trung Tông Sự. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng (Mưu) làm Biệt Giá. Đến Khi Tiên Chủ lên làm Hán Trung Vương lấy những kẻ sĩ đất lão luyện đất Kinh Sở là Lại Cung ở Linh Lăng làm Thái Thường, Hoàng Trụ ở Nam Dương làm Quang Lộc Huân, Mưu làm Thiếu Phủ. Đầu những năm Kiến Hưng, (Mưu) được ban tước Quan Nội Hầu, sau kế nhiệm Lại Cung làm Thái Thường. Cung, Trụ, Mưu việc làm trong đời đều thất truyền nên không chép thành truyện. Con trai Cung là Quảng làm Tây Tào Lệnh Sử phủ Thừa Tướng, theo Gia Cát Lượng ra Hán Trung, chết khi còn trẻ. Lượng rất tiếc thương, viết thư cho Trương Sở Tham Quân lưu lại phủ Thừa Tướng là Trương Duyệt, Tướng Uyển rằng: "Lệnh Sử Lại Quảng chết, Duyệt Chúc Dương Ngung mất đều là tổn hại to lớn của triều đình." Ngung cũng là người Kinh Châu. Về sau Đại Tướng Quân Tướng Uyển hỏi Trương Hưu rằng: "Quận Hán Gia thời trước có Vương Nguyên Thái, nay có ai kế tục chẳng?" Hưu đáp: "Đạt đến như Vương Nguyên Thái, trong cả châu không tìm được người kế tục, huống gì một quận nhỏ bé này!" Xem thế đủ thấy Mưu được kính trọng lắm lắm vậy.

Tương Dương Ký chép: Dương Ngung tự Tử Chiêu, là bà con đồng tộc với Dương Nghi, vào Thực làm Ba Quận Thái Thú rồi Chủ Bộ cho Thừa Tướng Gia Cát Lượng. Lượng thường tự mình tra xét sổ sách. Ngung thẳng thắn vào can rằng: "Thiết lập việc cai trị cần có quy chế, trên dưới không thể lẫn át lẫn nhau. Xin Minh Công lấy việc sắp đặt trong một gia đình làm thí dụ mà xem. Nay có người sai khiếnđây tứ lo liệu việc cày cấy, tỳ nữ coi

sóc thối nấu, con gà phụ trách báo sáng, con chó trông coi canh trộm, con trâu đảm nhiệm chở hàng, con ngựa lặn lội đường xa. Việc nhà không có gì bỏ phế, mọi sự cần thiết đều đủ cả. Ung dung kê cao gối mà nằm, ăn uống thong thả đường hoàng. Bỗng một ngày, (người đó) muốn tự mình làm hết tất cả mọi chuyện trong nhà, không chịu suy xét mà giao phó công việc. Tất toàn thân mệt mỏi vì những chuyện nhỏ nhặt, đáng vẻ nhọc nhằn, thần trí suy nhược mà cuối cùng cũng không hoàn thành được việc nào. Nào phải vì tài năng người ấy không bằng đây tở, nô tỳ, gà chó mà bởi sai lầm ở phương thức làm chủ gia đình vậy. Vì thế cổ nhân có câu rằng ngồi mà luận đạo ấy là Tam Công, đứng ra làm việc ấy là Sĩ Đại Phu. Xưa Bích Cát⁽³⁵⁾ không lo đạo lý ngang ngược gây chết người mà đi lo trâu thỏ dốc. Còn Trần Bình⁽³⁶⁾ không nguyên xem đến sổ sách lương thảo tiền bạc mà bảo rằng vốn sẵn đã có người trông coi. Như thế quả thật là đã thông suốt ở chỗ phân chia cấp bậc trong quy chế vậy. Nay Minh Công lo việc nước mà tự mình tra xét từ sổ sách trở đi, mồ hôi đổ cả ngày, không phải cũng là qúa vất vả sao!” Lượng nhận lỗi, sau đề cử Ngung làm Đông Tào Chúc Điển. Ngung chết, Lượng rơi lệ khóc ba ngày.

Hà Anh Ngạn tên là Tông, người huyện Bì thuộc Thục Quận. Thờ Nhậm An ở Quảng Hán làm thầy, nghiên cứu tinh tường cái học của An. Học chung một thầy với Đỗ Quỳnh mà danh tiếng thì hơn hẳn. Thời Lưu Chương làm Kiến Vi Thái Thú. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, mời (Tông) làm Tòng Sự Tế Tửu, sau (Tông) viện dẫn Đồ, Sấm khuyên Tiên Chủ mau chóng xưng tôn hiệu. Tiên Chủ lên ngôi xong, thăng (Tông) làm Đại Hồng Lư. (Tông) chết trong những năm Kiến Hưng, việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện. Con Tông là Song tự Hán Ngẫu, cười nói lạnh lẽu khô hài, có phong độ của Thuần Vu Khôn, Đông Phương Sóc. Làm Trưởng ở huyện Song Bách, mất sớm.

Xa Ky cứng cõi giỏi giang mà chỉ hiển lộ tình thân thiết, lấy yếu quản mạnh, chẳng chịu thua cảnh nguy nan - Tán Ngô Tử Viễn.

Tử Viễn tên là Nhất, người Trần Lưu. Theo Lưu Yên vào Thục. Thời Lưu Chương làm Trung Lang Tướng, thống lĩnh quân binh ra chống Tiên

Chủ ở Phù Thành rồi ra hàng. Tiên Chủ bình định được Ích Châu, lấy Nhất làm Hộ Quân Thảo Nghịch Tướng Quân, lại thu em gái Nhất làm phu nhân. Năm Chương Vũ nguyên niên, Nhất làm Quan Trung Đô Đốc. Năm Kiến Hưng thứ tám cùng Ngụy Diên xâm nhập địa phận Nam An, đánh bại tướng Ngụy Phí Dao⁽³⁷⁾, được chuyển làm Đình Hầu rồi phong thăng lên thành Cao Dương Hầu, Tả Tướng Quân. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Thừa Tướng Lượng chết, (Hậu Chủ) sai Nhất cai quản Hán Trung, chức Xa Kỵ Tướng Quân, ban cho giả tiết, lĩnh chức Ung Châu Thứ Sử, phong lên Tả Dương Hầu. Năm (Kiến Hưng) thứ mười lăm chết. Việc làm bị thất truyền vì thế không chép thành truyện. Em họ Nhất là Ban, tự Nguyên Hùng, con trai viên phó quan của Đại Tướng Quân Hà Tiến năm xưa là Ngô Khuông. Nổi tiếng vì hào hiệp, địa vị quan chức thường tương đương với Nhất. Thời Tiên Chủ làm Lĩnh Quân. Đến thời Hậu Chủ dần dần thăng lên đến Phiêu Kỵ Tướng Quân, được ban giả tiết, tước phong Miên Trúc Hầu.

An Hán đứng đầu cõi nam, đánh giặc chấn động quê xưa, dẹp sạch cỏ dại um tùm, duy chỉ phô bày phép tắc. Biến đổi khắp vùng Man, Bộc⁽³⁸⁾, giúp cho quốc dụng hùng cường - Tán Lý Đức Ngang.

Phụ Hán suy đoán mẫn tiệp, đã khéo léo lại thông minh, qua lời nói xét sâu xa, hỏi đúng chỗ đáp rõ ràng, giúp đời phúc lộc tốt lành - Tán Trương Quân Tự.

Trần Bắc nghĩ suy thấu đáo, trù tính vạch vẽ đúng đường, dẫn dắt vương sư tránh điều ô uế, thuận thế sự mà thành thứ tự. Hết lòng gánh vác mặt đông, vận số cuối cùng chẳng hanh thông, thương thay chí lớn chịu đày cõi xa - Tán Hoàng Công Hoàng.

Việt Kỵ chỉ biết lòng trung, ý khí nghiêm trang trong lòng cung kính, lĩnh chức nội ngoại chỉ nhớ việc công chẳng nhớ chuyện riêng - Tán Dương Quý Hưu.

Chinh Nam khoan dung thận trọng, Chinh Tây gánh vác trung trinh, là kẻ sĩ tinh tuyển một thời, là mãnh tướng mạnh mẽ cương liệt - Tán Triệu Tử Long, Trần Thúc Chí.

Thúc Chí tên là Đáo, người Nhữ Nam, đi theo Tiên Chủ từ ở Dự Châu. Danh vị thường dưới Triệu Vân song cũng được khen là người trung dũng. Đầu những năm Kiến Hưng quan chức đến Vĩnh An Đô Đốc, Chinh Tây Tướng Quân, được phong Đình Hầu.

Trấn Nam thô Hào ngay thẳng, Giám Quân trung hậu hơn đời, cùng nhau gánh vác việc quân, đảm đương từ ngoài biên giới - Tán Phụ Nguyên Bật, Lưu Nam Hoà.

Phụ Nguyên Bật tên là Khuông, người Tương Dương, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Ích Châu đã bình định, làm Ba Quận Thái Thú. Trong những năm Kiến Hưng đổi thành Trấn Nam, Hữu Tướng Quân, phong Trung Hương Hầu.

Lưu Nam Hoà tên là Ung, người ở Nghĩa Dương, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Ích Châu đã bình định, làm Giang Dương Thái Thú. Trong những năm Kiến Hưng dần dần được thăng làm Giám Quân, Hậu Tướng Quân, ban tước Quan Nội Hầu rồi chết. Con là Thức nối nghiệp. Con thứ là Vũ, giỏi văn học, danh tiếng ngang với Phàn Kiến, quan cũng đến Thượng Thư.

Tư Nông bản chất tài ba, tỏ bày điển chương đúng phép, mài giũa văn từ diễm lệ rạng rỡ vinh diệu lời lời - Tán Tần Tử Sắc.

Chánh Phương vâng theo di mệnh, dự nghe phép tắc mai sau, chẳng tuyên dương không cùng nói, riêng dựng tâm tư, đương thời người ruồng bỏ, sự nghiệp gánh vác để dở dang - Tán Lý Chánh Phương.

Văn Trường cứng cỏi vụng về, nhận lệnh giữa lúc nguy nan, phán đoán chỗ quan yếu, chế ngự mặt bên ngoài, canh giữ biên giới bảo vệ quốc thổ. Khổ vì không hoà hợp chẳng thuận thảo, quên lễ tiết nói lời xằng. Ghét cái kết cục mà thương cho thửơ ban đầu - Tán Ngụy Văn Tràng.

Uy Công nóng nảy hẹp hòi, việc làm khác với thường nhân. Thông dong tất kế tục được thế thứ, bức bách ắt tổn hại đến bản thân. Bỏ thuận tòng nên thu tai hoạ, đổi thay lớn chính vì như thế - Tán Dương Uy Công.

Quý Thường lương thiện thành thật, Văn Kinh siêng năng hiền lành, Sĩ Nguyên nói lời khuyên răn, Xử Nhiên hiểu biết sách lược, Khổng Hưu, Văn

Trường có trí tuệ có tài ba, chí hướng rõ ràng khắp nơi, thanh dự lưu truyền đất Sở - Tán Mã Quý Thường, Vệ Văn Kinh, Hàn Sĩ Nguyên, Trương Xử Nhân, Ân Khổng Lâm, Tập Văn Trường.

Văn Kinh, Sĩ Nguyên tên thật, việc làm cùng quê quán đều đã bị thất truyền.

Xử Nhân vốn tên là Tồn, người Nam Dương. Làm Kinh Châu Tông Sự rồi tùy tùng Tiên Chủ vào Thục, theo quân đi về phía nam đến tận Lạc Thành, được lấy làm Quảng Hán Thái Thú. Tồn vốn không phục Bàng Thống. Thống trúng tên chết, Tiên Chủ cất lời khê ngợi than tiếc. Tồn nói: "Thông tuy tận trung đáng tiếc thương, nhưng (khóc thương đến thế) là trái với phép tắc đạo nghĩa." Tiên Chủ giận nói: "Thông bỏ mình để làm trọn đạo, đổi thay (lễ tiết) một chút thì có sai gì?" Bèn miễn quan chức của Tồn, chẳng bao lâu sau, Tồn mắc bệnh chết. Việc làm bị thất truyền vì thế không chép truyện.

Khổng Hưu tên là Quan, làm Kinh Châu Chủ Bộ, Biệt Gia Tông Sự thấy chép ở Tiên Chủ truyện nhưng không rõ quê quán ở đâu.

Văn Tường tên là Trinh, người Tương Dương, theo Tiên Chủ vào Thục, trải qua chức Lệnh ở các huyện Lạc, Bì rồi làm Quảng Hán Thái Thú. Việc làm bị thất truyền. Con là Trung, làm quan đến chức Thượng Thư Lang.

Tương Dương Ký chép: Tập Trinh phong độ khoáng đạt, giỏi đàm luận, danh tiếng gần như Bàng Thống mà lại là người thân của Mã Lương. Con là Trung cũng là người nổi tiếng. Con Trung là Long, làm Bộ Binh Hiệu Úy, Chương Hiệu Bí Thư.

Quốc Sơn dáng dấp tốt lành, Vinh Nam tâm tình chìm đắm; Thịnh Hành, Thừa Bá nói lời tâm phế hợp thời; Tôn Đức cương quyết mạnh mẽ, Vĩnh Nam lòng luôn chuyên nhất; Đức Tự, Nghĩa Cường chí hùng khí mạnh. Chinh tề uy nghi tu chí, đất Thục ngát ngát hương bay - Tán Vương Quốc Sơn, Lý Vĩnh Nam, Mã Thịnh Hành, Mã Thừa Bá, Lý Tôn Đức, Lý Vĩnh Nam, Cung Đức Tự, Vương Nghĩa Cường.

Quốc Sơn tên là Phủ, người đất Quỷ thuộc Quảng Hán, để lại lời nghị luận rằng có lòng nhân. Thời Lưu Chương, làm Thư Tá ở châu, Sau khi

Tiên Chủ bình định đất Thục, ra làm Lệnh ở Miên Trúc rồi trở về Kinh Châu làm Nghị Tào Tòng Sự. Theo Tiên Chủ đi đánh Ngô, gặp nạn khi quân thua ở Tỷ Quy. Con Phủ là Hữu, có phong thái của cha, làm đến Thượng Thư Hữu Tuyển Lang.

Vĩnh Nam tên là Thiệu, cũng là người ở đất Quy quận Quảng Hán. Sau khi Tiên Chủ bình định đất Thục, làm Thư Tá Tòng Sự ở châu. Năm Kiến Hưng nguyên niên được Thừa Tướng Lượng mời làm Tây Tào Duyệt. Khi Lượng đi đánh phương Nam, để Thiệu lưu lại làm Trị Trung Tòng Sự, Thiệu chết cùng năm ấy.

Hoa Dương Quốc Chí chép: Anh Thiệu là Mạc, tự Hán Nam. Thời Lưu Chương làm Trưởng ở Ngưu Bính. Khi Tiên Chủ lĩnh chức Mục, (Mạc) làm Tòng Sự. Vào tiết Nguyên Đán có lệnh bày tiệc rượu. Mạc được lên yết kiến, bèn trách Tiên Chủ rằng: "Chấn Uy⁽³⁹⁾ nghĩ Tướng Quân là họ hàng gan ruột mới uỷ nhiệm việc đánh giặc cho. Công việc cơ bản chưa có kết quả, kẻ thù đầu sỏ chưa bị diệt trừ. Vậy mà Tướng Quân vượt lên giành lấy châu này, rất là không thích hợp vậy." Tiên Chủ nói: "Biết rằng ta không thích hợp, sao không giúp (Lưu Chương)?" Mạc đáp: "Chẳng phải là không dám đâu, chỉ vì lực không đủ đẩy thôi." Các quan muốn giết (Mạc) nhưng Gia Cát Lượng xin cho, được miễn tội. Rất lâu sau lại làm Kiện Vi Thái Thú, Tham Quân phủ Thừa Tướng rồi làm An Hán Tướng Quân. Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng dẫn quân tây chinh. Mã Tắc ở tiền tuyến bại trận. Lượng muốn đem giết. Mạc can rằng: "Tần tha Mạnh Minh thì làm Bá ở Tây Nhung. Sở giết Tử Ngọc thì hai đời không tranh đua nổi", làm trái ý Lượng, phải quay về Thục. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Lượng chết. Hậu Chủ mặc áo trắng lộ ý đau thương suốt ba ngày. Mạc dâng sớ rằng: "Trọng thần như Lộc, Hoắc, Vũ⁽⁴⁰⁾ chưa chắc ôm lòng làm phản tặc. Hiếu Tuyên⁽⁴¹⁾ cũng không thích làm bậc quân chủ sát hại công thần. Bất quá thần tử thì sợ bị ức hiếp, quân vương thì ngại (bày tội) có oai thế, vì vậy mằm mống gian dối mới phát sinh. Lượng tự nắm giữ hùng binh, như hổ chực sói rình. Ngũ đại⁽⁴²⁾ lại không có ai ở ngoài biên giới, thần vẫn thăm lo. Nay Lượng chết, tông tộc được bào toàn, vùng Tây Nhung tin tức lại

yên bình, trên dưới đều nên mừng mới phải.” Hậu Chủ giận, sai hạ ngục rồi giết.

Thịnh Hành tên là Huân, thừa Bá tên là Tế, đều là người Lãng Trung quận Ba Tây. Huân vào thời Lưu Chương làm Thư Tá ở châu. Khi Tiên Chủ bình định xong đất Thục, (Huân) được mời làm Tả Tướng Quân Chức, sau chuyên sang làm Biệt Giá Tòng Sự ở châu rồi chết. Tế làm Công Tào cho Thái Thú Trương Phi, được Phi tiến cử với Tiên Chủ, làm Thượng Thư Lang. Trong những năm Kiến Hưng làm Tòng Sự Duyệt ở phủ Thừa Tướng, sau được thăng làm Quảng Hán Thái Thú rồi lại về (phủ Thừa Tướng) làm Tham Quân. Sau khi Lượng chết, (Tế) lên làm Thượng Thư. Huân, Tế đều là người nhờ tài năng mà vinh hiển, nhưng khiến người trong xóm trong châu tin phục thì không bằng Diêu Trụ. Trụ tự Tử Tự, cũng là người Lãng Trung. Khi Tiên Chủ bình định Ích Châu, (Thường) làm Công Tào Thư Tá. Năm Kiến Hưng nguyên niên làm Quảng Hán Thái Thú. Thừa Tướng Lượng đi lên phía bắc giữ Hán Trung, lấy Thường làm Duyệt, coi là kẻ sĩ văn võ gồm tài, khen ngợi rằng: ”Việc trung thành lợi nước không gì bằng tiến cử hiền tài, tiến cử hiền tài là việc quan trọng nhất trong mọi sự vụ. Nay Diêu Duyệt chứa chất mạnh mẽ lẫn ôn hoà, có thể rộng dùng ở cả hai ban văn võ, đủ để nói là người uyên bác cao thượng vậy. Trong các bậc phó quan hiếm gặp chuyện thế này, đúng là chỗ để gửi gắm ký thác niềm mong đợi.” Thăng Thường làm Tham Quân. Sau khi Lượng chết, Thường dần dần được thăng lên Thượng Thư Bộc Xạ. Đương thời mọi người kính trọng là bậc chân thành trung hậu mà chín chắn. Chết vào năm Diên Hi thứ năm, sau khi bài Tán này được viết ra.

Tôn Đức tên là Phúc, người huyện Phù quận Tử Đông. Sau khi Tiên Chủ bình định Ích Châu làm Thư Tá, rồi Tây Sung Quốc Trưởng, sau chuyển làm Thành Đô Lệnh. Năm Kiến Hưng nguyên niên được thăng thành Ba Tây Thái Thú, giữ chức Giang Châu Đốc, Dương Uy Tướng Quân. Sau về triều làm Thượng Thư Bộc Xạ, phong Bình Dương Hầu. Đầu những năm Diên Hi, Đại Tướng Quân Tưởng Uyển đem quân ra Hán Trung, (Phúc) lại được dùng làm Tiền Giám Quân lĩnh hàm Tư Mã rồi chết.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tạp Ký chép: Gia Cát Lượng bệnh nặng ở Vũ Công. Hậu Chủ sai Phúc ra thăm nom phục thị, nhân đó hỏi đại kế của nhà nước. Phúc đến, tuyên đọc mọi thánh chỉ, nghe lời Lượng dặn bảo, đến khi từ biệt đi được mấy ngày bỗng nhớ lại vẫn chưa hết chỗ hoài nghi, bèn lại cười ngửa rong ruổi trở về yết kiến Lượng. Lượng bảo Phúc rằng: "Cô biết ngài quay lại là có ý gì. Mấy hôm trò chuyện vừa rồi, tuy trao đổi suốt ngày song vẫn có chỗ chưa nói tới. Ngài đi rồi nhất định sẽ quay lại để nghe. Điều ngày muốn hỏi, Công Diễm là thích hợp vậy." Phúc tạ rằng: "Lúc trước đúng là sơ thất không khẩn cầu hỏi ý Công, ví thử sau khi Công trăm tuổi, ai có thể gánh vác được đại sự? Vì thế phải vội vàng trở lại. Xin lại được hỏi, sau Trương Uyên, ai có thể đảm đương được?" Lượng đáp: "Văn Vĩ có thể nối tiếp vào." Lại hỏi thêm sau đấy đến ai. Lượng không trả lời. Phúc trở về theo ý (Lượng) sai khiến mà tâm lên. Phúc là người tinh thông kiên thức, quyết đoán mạnh mẽ, gắng gỏi làm việc. Con Phúc là Trương, tự Thúc Long, cũng nổi tiếng, làm quan đến chức Thượng Thư Lang, Quảng Hán Thái Thú.

Vĩ Nam tên là Triêu, là anh của Vĩnh Nam. Làm Công Tào ở quận rồi được đề cử làm Hiếu Liêm, sau ra làm Lệnh ở Lâm Cung. Được gọi về triều lĩnh chức Biệt Giá Tòng Sự. Theo Tiên Chủ sang đông đánh Ngô, chết năm Chương Vũ thứ hai ở Vĩnh An.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tạp Ký chép: Triêu lại còn có một người em khác, mất sớm. Ba anh em đều có danh vọng tài năng, người đương thời gọi là Lý Thị Tam Long.

Hoa Dương Quốc Chí chép: Quần hạ dang số tôn Tiên Chủ làm Hán Trung Vương, bài số là do Triêu viết.

Thần Tùng Chi xét: (Ích Bộ) Kỳ Cựu Ký lấy Triêu, Thiệu và người mất sớm nọ làm Tam Long, thật ngạo mạn khinh nhờn quá lắm, không thể coi là thật được.

Đức Tự tên là Lộc, người An Hán quận Ba Tây. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lấy (Lộc) làm Quận Tòng Sự Nha Môn Tướng. Năm Kiến Hưng thứ ba làm Việt Tuyên Thái Thú, theo Thừa Tướng Lượng đi đánh phương

nam, bị người Man hai chết, lúc ấy mới ba mươi một tuổi. Em là Hành, trong những năm Cảnh Diệu làm Lĩnh Quân.

Nghĩa Cường tên là Sĩ, người huyện Thê quận Quảng Hán, là anh họ của Quốc Sơn. Khi Tiên Chủ vào Thục, (Sĩ) được đề cử làm Hiếu Liêm, sau làm Trưởng ở Phù Tiết rồi được thăng Nha Môn Tướng, ra làm Đãng Cừ Thái Thú, rồi lại đổi làm Kiện Vi Thái Thú. Thừa Tướng Lượng nam chinh, lấy Sĩ làm Ích Châu Thái Thú, cùng đi đánh mặt nam, bị người Man hại chết.

Hưu Nguyên khinh địch, hoạ hại vô cùng huỷ hoại thời thế, Văn Tiến phẩm cách kiên cường, cùng nhau trong cơn nghiêng ngả, hoạn nạn lại sinh người, chí lớn càng rục rở - Tán Phùng Hưu Nguyên, Trương Văn Tiến.

Hưu Nguyên tên là Tập, người Nam Quận, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Tiên Chủ sang đông đánh Ngô, Tập làm Lĩnh Quân, chỉ huy tướng sĩ, đại bại ở Hào Đình.

Văn Tiến tên là Nam, cũng từ Kinh Châu theo Tiên Chủ vào Thục. Làm Lĩnh Quân theo Tiên Chủ đi đánh Ngô, chết chung với Tập. Lúc ấy còn có Phó Dung, người ở Nghĩa Dương. Tiên Chủ lui binh, Dung ở lại đoạn hậu cự địch, binh sĩ chết hết, tướng Ngô gọi bảo Dung hàng. Dung chửi: "Chó Ngô. Lam gì có tướng nhà Hán đầu hàng!" Rồi chiến đấu cho đến chết. Con (Dung) là Thiêm được bái làm Tả Trung Lang, sau làm Quan Trung Đô Đốc, vào năm Cảnh Diệu thứ sáu lại nhận lệnh giữa lúc nguy nan. Người đời bàn luận khen rằng cha con nối đời trung nghĩa.

Thục Ký chép Tấn Vũ Đế chiếu viết rằng: "Tướng Quân nước Thục là Phó Thiêm, lúc xưa trước của thành chống cự quan quân, đến chết đầu không ngoảnh lại. Cha Thiêm là Dung lại vì Lưu Bị mà chết trận. Thiêm hạ đều khen giỏi, há phải vì phân chia đây đó mà đánh giá khác đâu." Con Thiêm là Trứ Và Mộ, sau chìm đắm vào Hê Quan⁽⁴³⁾ bị miễn làm thứ dân.

Giang Dương cương cường chính đỉnh, dựng nên tiết nghĩa sáng trong. Tướng sĩ cùng gặp giặc, giữ thân chẳng chịu khuất, một mình đánh một trận, bỏ mạng giữa trận tiền - Tán Trình Quý Nhiên.

Quý Nhiên tên là Kỳ, người Lãng Trung quận Ba Tây. Thời Lưu Chương làm Trưởng ở Hán Xương. Trong huyện có tộc người Tung, dong giống mạnh mẽ cứng cỏi, xưa vốn được Cao Tổ an định ở Quan Trung. Ba Tây Thái Thú Bàng Hi thấy thiên hạ đang lúc phiền phức nhiều loạn, các quận nên có quân đội để phòng vệ bèn tập hợp phần nhiều (người tộc Tung) làm Bộ Khúc⁽⁴⁴⁾. Có người đem pha chuyện ấy với Chương, kể rằng Hi muốn làm phản. Chương thầm nghi hoặc. Hi biết tin, rất sợ, toan tính kế sách tự giữ mình. Sai con Kỳ là Úc ban bố mệnh lệnh, cất quân tự cứu. Kỳ bảo rằng: "Quận tập hợp Bộ Khúc, vốn không phải là làm phản, tuy có kẻ vu cáo hãm hại nhưng quan trọng yếu nhất vẫn là hết lòng thành thực; Nếu như tỏ ra sợ hãi, nhân đó mang lòng khác thì có sai gì với tin tức ở kinh kỳ." Lại cũng bảo Úc rằng: "Ta chịu ơn của châu, nên vì Châu Mục tận hết tiết nghĩa. May là quan chức trong quận, nên vì Thái Thú dốc toàn sức lực. Không nên vì ta mà mang lòng này khác." Hi sai người bảo Kỳ rằng: "Con người đang ở trong quận, nếu không chịu nghe theo Thái Thú, gia đình sẽ gặp tai họa." Kỳ nói: "Xưa Nhạc Dương⁽⁴⁵⁾ làm tướng, uống canh thịt con, không phải là không có tình phụ tử mà vì đại nghĩa đấy thôi. Nay dù đem canh thịt con ta đến, tất ta cũng uống thôi." Hi biết Kỳ ắt chẳng vì mình, sau kể lẽ tạ tội sâu sắc với Chương nên không bị bắt lỗi. Chương nghe biết chuyện, thăng Kỳ làm Giang Dương Thái Thú. Tiên Chủ lĩnh chức Ích Châu Mục, vời (Kỳ) làm Tòng Sự Tế Tửu. Sau Kỳ theo Tiên Chủ đi đánh Ngô. Gặp lúc đại quân công nghiệp thất bại, (Kỳ) đi ngược sông mà quay về, có người bảo rằng: "Quân đuổi theo đã tới, bỏ thuyền mà đi cho mau thì mới có thể thoát được." Kỳ nói: "Ta ở trong quân, chưa từng gặp địch mà bỏ chạy, huống chi giữa lúc theo Thiên Tử gặp nguy nan!" Quân đuổi theo bắt kịp thuyền Kỳ. Kỳ tự cầm kích ra chiến đấu, thuyền địch vây kín xung quanh cùng đến đánh. Kỳ tử trận.

Công Hoảng sinh sau, trác tuyệt hơn đời ở điều tinh tế, tuổi mới hai mươi sao đành yếu mạng, chẳng lộ tài năng lộ buồn thương - Tán Trình Công Hoảng

Công Hoảng tên là Kỳ⁽⁴⁶⁾, con của Quý Nhiên.

Tự cố thân tử chốn đi, người bị bức bách thì có lẽ, người vi chức quan thì bị khinh, song đều không phải bậc có đức lớn. Làm tan nát đương cứu giúp, bội phản rồi bỏ chạy, tự cắt đứt với người, gây cười khắp hai nước - Tán My Phương, Sĩ Nhân, Hác Phổ, Phan Tuấn.

My Phương tự Tử Phương, người Đông Hải, làm Nam Quân Thái Thú. Sĩ Nhân tự Quân Nghĩa người Quang Dương, làm Tướng Quân, đóng ở Công An, là bộ thuộc của Quan Vũ, cùng Vũ có thù oán, làm phản đón Tôn Quyền. Hác Phổ tự Tử Thái, người Nghĩa Dương. Tiên Chủ từ Kinh Châu vào Thục, lấy Phổ làm Thái Thú Linh Lăng, mắc mưu tướng Ngô Lã Mông, mở thành ra bãi yết Mông. Phan Tuấn tự Thừa Minh, người Vũ Lăng. Tiên Chủ vào Thục, dùng Tuấn làm Kinh Châu Trị Trung, lưu lại coi sóc công việc trong châu, cũng có bất hoà với Quan Vũ. Tôn Quyền đánh úp Vũ, Tuấn bèn hàng Ngô. Phổ làm quan (ở nước Ngô) đến Đình Uý, Tuấn đến Thái Thường, được phong Hầu.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tật Ký chép: Vương Tự, Thương Bá, Vệ Kế đều là người của họ Lưu thời Thục còn thịnh vượng nên chép vào thiên này. Vương Tự tự Thừa Tông, người Tư Trung quận Kiện Vi. Tổ tiên (của Tự) vào những năm Diên Hi nhờ công đức mà tiếng tăm rực rỡ. (Tự) được cử làm Hiếu Liêm dần dần được chuyển sang Tây An làm Đốc, rồi Văn Sơn Thái Thú, thêm chức An Viễn Tướng Quân. (Tự) võ về tập hợp dân Khương, Hồ tất thấy đều quy phục. Các tộc vốn hung bạo dữ tợn đến xin hàng, Tự đối xử bằng ân huệ tín nghĩa, làm cho biên giới phía bắc một thời yên tĩnh hẳn. Mỗi lần Đại Tướng Quân Khương Duy xuất quân bắc chinh, các tộc Khương Hồ đem ngựa trâu dê cừu lông thú đến Nghĩa Cốc giúp đỡ quân lương, nhờ đó giảm nhẹ chi dùng trong nước. Tự được thăng làm Trấn Quân, vì vậy đốc xuất công việc trong quận. Sau theo Khương Duy chinh chiến mạn bắc, trúng tên lạc bị thương, qua mấy tháng thì chết. Người Nhung, người Di tự tập mai tang, đưa tiễn tính đến nghìn người, ai cũng gào thét kêu khóc. Tự đối với người nông hậu chân thành, mọi người đều tin yêu. Con cháu Tự được người Khương, Hồ coi như ruột thịt hoặc kết làm anh em. Ân tình đến như vậy.

Thường Bá tự Văn Bình, người Giang Nguyên tộc Thục Quận. Bá làm Chủ Bộ Công Tào ở huyện. Huyện trưởng là Chu Du người Quảng Đô, trong năm Kiến Hưng thứ mười lăm bị quan trên đàn hạch vu cáo vì tội giấu bỏ quân lương, phán xét xử vào tội nặng. Bá đến ngục tranh cãi biên luận, tự thân nhận đến nghìn gậy, da thịt rách nát, đau đớn thê thảm cùng cực. Bị cấm cố có đến hơn hai năm, trải qua ba nhà giam. Mỗi lần sắp đánh đập tra khảo, ngục quan trước đều cất vấn vặn hỏi. Bá không đáp, chỉ nói: "Mau dùng hình đi, không cần hỏi nhiều!" Lời khai giữ nguyên xuyên suốt không thay đổi, cuối cùng sự việc được rõ ràng. Được vĩnh viễn miễn tội. Lúc bấy giờ chỉ có Chủ Bộ là Dương Ngoạn cũng làm chứng cho vụ kiện là có lời khai giống với Bá. Mọi người khen Bá quên mình vì chủ, tiết nghĩa cương trực lắm liệt, đề cử làm Hiếu Liêm. Sau được bổ nhiệm làm Trưởng ở huyện Thê. Năm hơn năm mươi tuổi thì chết, Theo ghi chép ở Cự Đức truyện thì ngày sau huyện Lệnh Dĩnh Xuyên là Triệu Đôn có cho vẽ lại hình Bá, khen ngợi tán tụng.

Vệ Kế tự là Tử Nghiệp, người huyện Nghiêm Đạo quận Hán Gia. Nhà có năm anh em, cha làm Công Tào ở huyện. Lúc Kế còn nhỏ, thường cùng anh em theo cha đến chơi đùa trong dinh sở huyện quan. Huyện Trưởng là Trương quân người ở Thành Đô vốn không có con, mấy lần lệnh cho Công Tào gọi con đến quan sát ngắm nhìn, tỏ ra rất thương yêu. Trương bèn sai bày tiệc trong nhà, nói với Công Tào muốn xin Kế. Công Tào đồng ý ngay. Rồi (Trương) nuôi Kế như con. Kế thông minh sáng láng sớm trưởng thành, học thức sâu rộng uyên bác, lên làm quan trên quân trên châu, trải qua nhiều chức vụ càng tỏ rõ thanh cao. Bốn người anh em còn lại đều không chịu nổi thời thế. Cha (Kế) nhắc mãi rằng mình sắp lụn bại, quan huyện Trương sáng suốt sắp hưng thịnh. Thời ấy pháp chế cấm người khác họ kế thừa, vì vậy Kế lại lấy lại họ Vệ. Kế luôn được chuyển làm Phụng Xa Đô Úy, rất trung hậu thành thật, được mọi người coi trọng. Trong loạn Chung Hội, chết ở Thành Đô.

Bình rằng: Đặng Chi cứng cỏi trung thành, thanh cao giản dị, làm việc công quên gia đình. Trương Dực cự lại cái mạnh mẽ của Khương Duy.

Tông Dự chống lại cái uy nghiêm của Tôn Quyền. Dù là bậc có thể ngợi khen. Dương Hí bàn bạc sách lược, kiến giải khác người nhưng tài ba khí độ có chỗ khiếm khuyết, e là không hợp với thời loạn thế.

TRƯƠNG DỤC TRUYỆN

Trương Dực tự Bá Cung, người ở Vũ Dương quận Kiện Vi. Cao tổ là Hạo làm đến Tư Không. Tăng tổ là Cương nguyên làm Quảng Lăng Thái Thú, đều có danh tiếng.

Ích Bộ kỳ cựu truyện chép: Hạo tự Thúc Minh, quản lý luật pháp, thờ xưa du học kinh sử, cùng Đàm Xán người Quảng Hán, Lý Cáp người Hán Trung, Trương Bá người Thục Quận kết thâm giao. Đại Tướng quân Đặng Chất thích Hạo, dần dần thăng lên đến Thượng Thư phó xạ, rồi ra làm Bành Thành tướng. (Hạo) tiến cử được ẩn sĩ Lư Khâu là người tài ba xuất chúng nên được vời về làm Đình Úy. Năm Diên Quang thứ ba, An Đế bàn việc phế Thái Tử, chỉ có Hạo cùng Thái Thường Hoàn Yên, Thái Phó Lai Lịch luận rằng không nên. Thuận Đế mới lên ngôi, mời Hạo làm Tư Không. (Hạo) sống đến tám mươi ba tuổi. Tục Hán Thư viết: Cương tự Văn Kỳ, tuổi trẻ là con của bậc Tam Công lại hành sự trong sạch đúng đạo được cử làm Hiếu Liêm. Tuy (triều đình) không vời làm Tư Đồ, song vì là con cháu cao môn nên bổ dụng vào chức Ngự Sử. Năm Hán An nguyên niên, nhận chức Quang Lộc đại phu, cùng bọn Thị Trung Đỗ Kiêu cả thảy tám người cùng vâng chiếu một ngày, giữ gìn lễ tiết phân minh rành rẽ, tra xét việc làm tham nhũng thanh liêm (của quan chức) trong thiên hạ. Ô lại phạm tội có thể tự tiện thu chức, Thứ Sử Nhị Thiên Thạch có lỗi cũng dâng biểu theo dịch trạm báo về. Uy nghiêm nhân ái, trong sạch trung thành, tiếng tăm lừng lẫy trong ngoài, hiệu xưng là Bát tuyền. Thời ấy, Đại tướng quân Lương Ký gây rối làm hại bách tính. Bọn Kiêu bảy người đều phụng mệnh đi bốn phương, riêng Cương vùi bánh xe ngay giữa đô thành Lạc Dương, nói: „Sài lang ngay trước mặt, sao còn đi hỏi hồ ly.” Rồi dâng thư rằng: „Đại Tướng quân, Hà Nam Doãn Lương Ký là kẻ vô nghì. (Ký vốn) nhờ ngoại thích nâng đỡ, chịu đại ân của quốc gia, chí khí như cành cây ngọn cỏ, an ổn làm kẻ cận thần, chẳng đủ tài tuyên dương Ngũ giáo hồ phó tá tán trợ hoàng gia, nhưng đặc biệt là kẻ xấu xa độc ác, phóng túng tham tàn vô độ, cam lòng hủ hoá, buông thả không biết thoả mãn, nhiều lần a dua nịnh

hót làm hại trung lương. Quả thật thiên uy khó dung tha, phải trị tội thích đáng. Nay kính cẩn rành mạch trình lên mười lăm việc làm sai trái không để quân vương ở trong lòng của y, đều là những việc làm kẻ trung thần nghiêng rặng cảm hận vậy.” Thư được dâng lên, kinh sư chấn động (mọi người) kinh hãi. Đương thời, em gái Ký là Hoàng Hậu, trong cung rất được yêu chiều, anh em nhà Ký quyền cao hơn chủ. Thuận để tuy biết lời Cung không phải là vu khống nhưng không có lòng trừng phạt Ký. Ký hận Cương lắm. Gặp lúc bọn giặc Trương Anh ở Quảng Lăng tụ tập hàng vạn người giết Thứ Sử Nhị Thiên Thạch, Ký muốn hại Cương, bèn khuyên Thương Thư lấy Cương làm Quảng Lăng Thái Thú; nếu (Cương) không bị Anh giết thì sẽ lấy quân pháp ra hãm hại. Tiền nhiệm Thái Thú trước đây thường xin thêm quân, khi Cương nhậm chức, vua hạ chiếu hỏi hiện tại binh mã có đủ hay không. Cương đáp rằng binh mã không dùng đến, rồi một mình một xe ra trấn nhậm, đến thẳng cửa trại của Anh, giảng giải (cho Anh) chuyện hoạ phúc. Anh lấy làm kinh hoàng, đóng cửa trại muốn bỏ chạy. Cương lại ở ngoài cửa trại sai giải tán hết quan binh, chỉ lưu lại bên mình hơn chục người thân tín, còn gửi thư báo với các vị trưởng lão là chỗ quen biết cũ đáng tin cậy của Anh, mời ra gặp mặt, để thăm hỏi về sự biến (ở địa phương) và nhân dịp chiêu an họ, rồi sai về mời Anh (ra gặp mặt). Anh thấy Cương có thành ý liền ra ngoài yết kiến Cương. Cương mời vào ngồi ghế trên, thăm hỏi những nỗi khổ đau phải chịu, nghi thức trọn vẹn rồi mới nói rằng: „Trước sau (đều do) Nhị Thiên Thạch làm nhiều điều sai trái với dân, ngăn cản ân huệ của nhà nước, mặc ý thoả mãn lòng riêng. Quận ta ở chốn xa xôi, Thiên Tử chẳng thể trong sớm tối mà biết chuyện, vì thế dân chúng phải tụ hội mà tránh hoạ. Nhị Thiên Thạch đúng là có tội lại làm cho các vị thành ra người bất nghĩa. Nay trung thần không làm việc khi quân để mưu lấy vẻ vang, hiếu tử chẳng mong làm hại cha để cầu lợi lộc. Thiên tử là bậc thánh nhân, những mong lấy ân tình hoà nhã phán xét vụ này, bởi vậy mới sai Thái Thú đến đây, có ý ban cho tước lộc để cùng an hưởng, không nghĩ đến việc phải dụng hình. Nay quả thật chuyện hoạ phúc quyết định chính ở lúc này đây; nếu các vị không chịu nghe lời phải trái, thiên oai nổi trận lôi đình, đại quân tụ hội, sao tránh được nguy nan! Nên nghĩ kỹ lẽ

hoạ phúc vậy.” Anh nghe rồi khóc rằng: „(Tôi là) kẻ ngu dân ở chốn biên thuỳ hoang hoá xa xôi, bị Nhị Thiên Thạch hại oan, không chịu nổi khổ tọ tập nên đành lén tọ tập mà sống trộm. Minh công khoan hậu thương đến cả cỏ cây, ân đức này ban cho bọn Anh một đời sống nữa, song chỉ sợ đến ngày đem binh về quy phục, không tránh khỏi tội lây đến vợ con.” Cương nói: „Sao lại như thế được! Hẹn trước đất trời, thề cùng nhật nguyệt, từ nay ngài đảm đương tước vị vẻ vang, làm gì có hoạ hoạn nào?” Anh nói: „Nếu được xá tội, giữ vững cái đầu trên cổ, trở thành người làm ruộng đã là hoài bão đội trên đầu. Tước lộc không phải là ước mơ nguyện vọng của tôi vậy.” Anh tuy là đại tặc, nổi dậy trong bạo tàn hung dữ, vẫn tự nghĩ là phải chết, đến khi nghe được lời Cương hết nhiên tình ngộ. Bèn từ biệt trở về doanh trại. Hôm sau, liền đem bộ thuộc hơn vạn người, cùng vợ con đích thân chịu trời đến hàng Cương. Cương dẫn vào an ủi, lại cởi trói cả cho rồi nói với Anh rằng: „Ngài một sớm giải tán hết mọi người, cõi biên thuỳ thế là yên ả, đáng liệt danh tấu lên chúa thượng. Tất sẽ được phong thưởng.” Anh đáp: „(Tôi) xin trở về nghiệp cũ, chẳng muốn đem danh tiếng xấu xa làm vấy bẩn thời thịnh thế đâu.” Cương thấy (Anh) có ý chân thành thì cũng thuận cho, tự mình coi sóc việc ổn định nhà cửa (cho Anh). Đệ tử (của Anh) ai muốn ra giúp việc quan thì tùy tài mà bổ dụng, ai muốn về làm dân thì khuyến khích theo nghề cày cấy. Nghiệp nông tang vườn ruộng đều thịnh vượng, một dải phía nam bình an vô sự. Luận công, Cương hy vọng kết liễu sự việc ở địa phương nên dấu kín công sức của mình, không muốn nhận phong hầu. Thiên tử khen ngợi thành tích, muốn vời về triều để sai khiến. Cương mang chức Thượng Thư, xin lưu lại quận hai năm. Năm Kiến Khang thứ nhất bị bệnh mất tại nhiệm sở, lúc ấy mới ba mươi sáu tuổi. Bọn Anh hơn ba trăm người đều chống gậy đưa linh cữu Cương đến tận Lạc Dương. Mai táng Cương xong còn xây đền trước mộ, bốn mùa cúng tế, tưởng niệm không khác gì cha mẹ qua đời. Thiên tử nhớ tiếc khôn nguôi, hạ chiếu ngợi khen, lại phong quan cho một con là Lang.

Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, Dực làm Thư tá. Cuối những năm Kiến An được cử làm Hiếu Liêm, huyện trưởng Giang Dương,

sau chuyển làm Phù Lăng Lệnh rồi thăng làm Tử Đồng Thái Thú lại chuyển sang Quảng Hán, Thục Quân làm Thái Thú. Năm Kiến Hưng thứ chín, làm Trù Hàng Đô đốc, Tuy Nam Trung lang tướng. Dực bản tính nghiêm trang giữ đúng pháp luật, không biết thân ái với phong tục tập quán địa phương, (để xảy ra việc) kỳ lão Lưu Trụ bội phản làm loạn. Dực cử binh phạt Trụ, chưa dẹp được thì gặp lúc bị triệu về triều. Thuộc hạ (của Dực) đều nghĩ hay là tiện dịp ngay tức khắc nhanh chóng trở về để tránh gian khổ. Dực nói: "Không được. Ta làm Man di bạo động, không xứng giữ chức vụ nên bị triệu về. Song người kế nhiệm chưa tới, ta đang ở nơi chiến trường phải gánh vác lấy trách nhiệm, tích trữ vận trù lương thảo nghĩ cách phá giặc, sao có thể vì việc bị thu chức mà làm hỏng công vụ của quốc gia." Bèn cứ ở đó thống lĩnh chức vụ không hề trễ nải, người kế nhiệm đến nơi mới khởi hành. Mã Trung ngày sau nhờ vào cơ sở sẵn có (mà Dực chuẩn bị) dễ dàng tận phá được Trụ. Thừa Tướng Lượng nghe chuyện khen Dực là hay. Lượng ra đánh trận lấy Dực làm Tiền quân Đô đốc, lĩnh Phù Phong Thái Thú. Lượng chết, Dực được bái làm Tiền Lĩnh quân, lại luận công lao trong vụ phá Lưu Trụ khi trước mà được ban thêm tước Quan Nội hầu. Năm Diên Hi thứ nhất về triều làm Thượng Thư, dần dần chuyển đi giám sát quận Kiến Uy, được ban giả tiết, phong Đô Đình hầu, Chinh Tây đại tướng quân.

Năm Kiến Hưng thứ mười tám, theo Vệ tướng quân Khương Duy về Thành Đô. Duy bàn lại xuất quân, trên triều chỉ có Dực phản đối, cho rằng nước nhỏ dân mệt không nên lạm dụng chiến tranh nữa. Duy không nghe, sai Dực cùng đi (đánh Ngụy), lại tiến cử Dực làm Trấn Nam Đại tướng quân. Duy đến Địch Đạo, đại phá Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Vương Kinh. Quân Kinh chết ở Thao Thủy có đến hàng vạn. Dực bàn: "Nên dừng lại không tiến nữa, tiến thêm có thể phá mất công lớn vừa rồi." Duy vô cùng tức giận. Nói: "Vẽ rắn thêm chân." rồi lại vây Địch Đạo nhưng không phá nổi thành. Từ khi Dực có kiến giải khác, trong lòng Duy không thân thiết với Dực, nhưng luôn co kéo dẫn dắt Dực cùng hành sự. Dực cũng bất đắc dĩ mà qua lại. Năm Cảnh Diệu thứ hai, (Dực) thăng lên làm Tả Xa kị

tướng quân, lĩnh Kí Châu Thứ Sử. Năm Cảnh Diệu thứ sáu, phụ giúp Khương Duy ở Kiếm Các, cùng đến hàng Chung Hội ở Phù Thành. Năm sau theo Chung Hội về đến Thành Đô, bị loạn quân giết chết.

Hoa Dương quốc chí chép: "Con Dực là Vi, đốc chí hiếu học, quan đến Quảng Hán Thái Thú."

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Đặng Vũ là khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ.*
- (2) *Bàng Nghĩ người Nam Dương thủ lĩnh Đông Châu quân dưới trướng Lưu Chương, xem Lưu Chương thêm truyện.*
- (3) *Chi từng làm Thái Thú Quảng Hán nên gọi là sứ quân.*
- (4) *Kinh Châu, Dương Châu, Ích Châu và (một phần) Lương Châu.*
- (5) *Trường Giang, Ngô Tùng, Tiền Đường.*
- (6) *Ý nói bắt làm con tin.*
- (7) *Nguyên văn: 遗预大珠一斛: di dự đại châu nhất hộc.*
- (8) *Ân: Nhà Ân là triều đại đầu tiên được công nhận về mặt lịch sử của Trung quốc, khởi đầu là một chư hầu nhỏ nằm ở phía tây sông Vị của nhà Hạ, sau kiêm tính cả nước.*
- (9) *Chu: Nhà Chu, triều đại tiếp sau nhà Ân, khởi đầu cũng là một chư hầu nhỏ nằm ở phía tây của nhà Ân.*
- (10) *Tần: Chỉ nhà Tần, gồm thiên hạ nhưng chẳng bao lâu bị diệt vong.*
- (11) *Hạng: Chỉ Hạng Võ.*
- (12) *Nước Tần phá vỡ các liên minh cuối thời Đông Chu thống nhất Trung Quốc.*
- (13) *Hiêu: Thủ lĩnh cát cứ khu vực Lũng Tây, đông nam Cam Túc thời Vương Mãng, liên minh với Công Tôn Thuật ở Thục.*
- (14) *Thuật: Công Tôn Thuật thủ lĩnh cát cứ đất Thục cuối thời Vương Mãng.*
- (15) *Quang Vũ: Hán Quang Vũ đế sáng tổ Hoàng đế nhà Đông Hán.*
- (16) *Trình Kỳ: Thời Lưu Chương làm huyện trưởng ở Hán Xương, thời Lưu Bị làm Tòng Sự Tế Tửu, theo Lưu Bị đông chinh đánh Ngô, chết trong trận Hào Đình.*
- (17) *Dương Thái: Chưa tra được sự tích nhân vật này.*

(18) Bình Đường (): Lấy ý Công Bình Duẫn Đường nghĩa là phán xét công bằng.

(19) Chúc Chủ Bộ: Phó Chủ Bộ, chưởng quản văn thư.

(20) Thượng Thư Hữu Tuyền Bộ Lang: Quan viên lo văn thư trong phủ Thượng Thư đảm nhiệm chức vụ được một năm gọi là (Thượng Thư) Lang. Hữu Tuyền Bộ tương đương Bộ Lại, chuyên về tuyển dụng, bộ nhiệm quan chức.

(21) Ý nói đi nghỉ

(22) Gia triều: Chỉ nước Thục đã bị diệt.

(23) Chim quạ tư tình: Ô điều tư tình, quạ non biết mớm mồi cho quạ già, vì vậy đạo hiếu được nói đến một cách tự khiêm là tình nghĩa của loài chim quạ.

(24) Đại Trung Chính: Chức danh, thời Ngụy Tấn đặt ra ở các châu, có trách nhiệm phát hiện nhân tài.

(25) Tuân Úc: Tự Công Tăng, người Dĩnh Xuyên, danh thần Tây Tấn. Trước làm Đại tướng quân Duyệt cho Tào Sảng. Sau cùng Bùi Tú, Dương Hổ trở thành thân tín của Tư Mã Chiêu. Sau khi nhà Tấn thành lập, cùng Gia Sung xây dựng hình pháp, lại cùng Trương Hoa, Lưu Hương chính lý tàng thư trong nội cung.

(26) Trương Hoa: (232 - 300) Tự Mâu Thiên, người ở Phương Thành thuộc Phạm Dương, danh thần Tây Tấn, đứng đầu phe chủ chiến, có công khuyên nhủ Tấn Vũ Đế hạ quyết tâm phạt Ngô. Được coi là người cùng Dương Hổ phác thảo kế hoạch để thống nhất Trung Quốc thời bấy giờ, sau bị các đại thần phe chủ hoà (tiêu biểu là Gia Sung) dèm pha, thất sủng, chết trong Bát Vương chi loạn.

(27) Quý Hán Phụ Thần Tán: Quý ở đây có nghĩa là cuối, như Quý Thu, Quý Xuân.

(28) Ở đây là tác giả Trần Thọ.

(29) Mạnh Tân: Bến Mạnh Tân là nơi Chu Vũ Vương dựng cờ nghĩa tụ hội tám trăm chư hầu đi đánh Trụ.

(30) Minh Điều: Đồng Minh Điều là nơi diễn ra trận đánh quyết định để vua Thành Thang nhà Thương lật đổ Hạ Kiệt. Cả câu này ý nói quân nhân nghĩa của Thục Hán vẫn chưa hoàn thành công nghiệp.

(31) Lưu Bị được coi là dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương.

(32) Tam Tần: Hạng Vũ diệt Tần, phong Chương Hàm làm Ung Vương, Tư Mã Hân làm Tắc Vương, Đổng Ў làm Định Vương, gọi chung là Tam Tần. Đời sau thay đổi gọi Thiểm Bắc, Quan Trung, Thiểm Nam là Tam Tần đây là địa bàn của Mã Siêu.

(33) Đồng, Hà: Đồng Quan, Hoàng Hà.

(34) Đỗ Phụ Quốc: Thục thư quyển 10 có truyện của nhân vật Đỗ Vi, làm Giám Nghị Đại Phu nhưng tự là Quốc Phụ, chắc là do chép nhầm từ ngụyên bản.

(35) Bích Cát: Tế Tương thời Hán Tuyên Đế.

(36) Trần Bình: Khai quốc công thần thời Hán Cao Tổ, Tế Tương thời Hán Văn Đế.

(37) Phí Dao: Trong Tam Quốc diễn nghĩa nhân vật này được dịch tên là Phí Diệu.

(38) Bộc: Một dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, sống ở vùng Hồ Nam ngày nay.

(39) Chấn Uy: Chỉ Lưu Chương, lúc trước được Tào Tháo phong Chấn Uy tướng quân.

(40) Lộc, Hoắc, Vũ: Hoắc chắc là Hoắc Quang, còn hai vị kia chưa biết là ai.

(41) Hiếu Tuyên: Em chưa rõ là ai.

(42) Ngũ Đại: Lấy từ tích Ngũ Đại bắt tại biên, ngũ Tế bắt tại đình trong Tả Truyện. Trong đó Ngũ Đại gồm Thái Tử, em mẹ, quý sủng công tử, công tôn, chánh khanh đại thần. Ý cả câu nói không có người thân thuộc tin cậy để phòng Lượng.

(43) Hề Quan: Nguyên văn cả câu: 后没入奚官 Hậu một nhập hề quan, không rõ có phải là nghề ca hát làm hề không?

(44) Bộ Khúc: Một hình thức quân đội thời Tam Quốc được hình thành từ họ hàng, môn khách, nông nô. Thời bình canh tác, bảo đảm trị an. Thời chiến đi đánh trận. Tương tự như gia binh. Đôi khi hoạt động độc lập với quân đội chính quy của trung ương.

(45) Nhạc Dương: Người nước Trung Sơn, làm tướng nước Ngụy, con vẫn ở quê nhà. Nước Trung Sơn đánh nước Ngụy, Nhạc Dương được cử ra chống cự. Vua Trung Sơn đem tính mạng con Nhạc Dương ra uy hiếp không được, bèn giết con Nhạc Dương, nấu canh gửi đến. Nhạc Dương uống canh thịt con tỏ lòng trung rồi đánh bại quân Trung Sơn.

(46) Hai bố con ông này cùng tên là Kỳ. Bố là Kỳ với nghĩa Kỳ trong Kinh Kỳ, con là Kỳ với nghĩa Kỳ trong Kỳ Hàn - rét lớn.